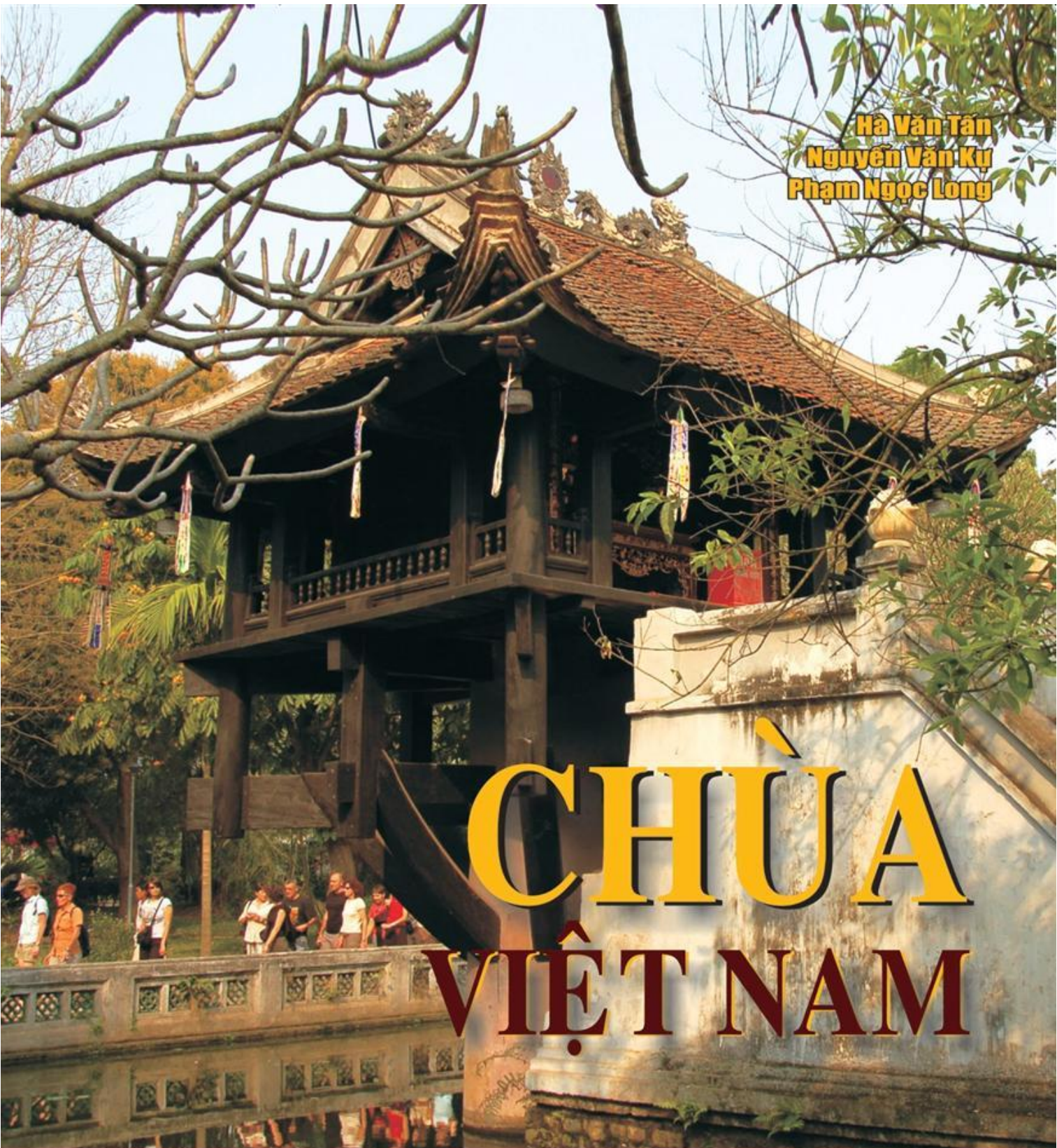

Hà Văn Tấn
Nguyễn Văn Kự
Phạm Ngọc Long

CHÙA VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Hà Văn Tấn - Nguyễn Văn Kự - Phạm Ngọc Long

CHÙA VIỆT NAM

In lần thứ năm

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Trẩy hội chùa Láng, Hà Nội (1989)

Chùa
VIỆT NAM

Chùa Việt Nam

© Hà Văn Tấn - Nguyễn Văn Kự - Phạm Ngọc Long
Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội - 1993 (song ngữ Việt - Anh)
In lần thứ hai: Nxb Thế Giới, 2008 (tiếng Anh, có bổ sung, sửa chữa)
In lần thứ ba: Nxb Thế Giới, 2009 (tiếng Việt, có bổ sung, sửa chữa)
In lần thứ tư: Nxb Thế Giới, 2010 (tiếng Việt, có bổ sung, sửa chữa)
In lần thứ năm: Nxb Thế Giới, 2013 (tiếng Việt, có bổ sung, sửa chữa)

Biên tập: Lê Văn Lan - Nguyễn Duy Chiếm

Ảnh: Nguyễn Văn Kự - Phạm Ngọc Long *với sự cộng tác của:*
Trương Văn Ân, Trịnh Dương, Lê Đình Đáp, Nguyễn Tiến Đông,
Nguyễn Thanh Hà, Nguyễn Danh Hạnh, Thượng tọa Thích Minh Hiền,
Nguyễn Văn Huy, Huỳnh Phước Huệ, Nguyễn Mai Lâm,
Nguyễn Thanh Liêm, Đào Minh Ngọc, Nguyễn Bá Ngọc, Trần Phong,
Nguyễn Văn Quang, Dương Trung Quốc, Đào Huy Quyền, Lương Thanh Sơn,
Lê Văn Thao, Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Hữu Thiết, Đỗ Anh Tuấn, Nguyễn Việt.

Bìa và trình bày: Lê Văn Thao

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Hà Văn Tấn
Chùa Việt Nam / Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, Phạm Ngọc Long. - In lần thứ 5, có bổ sung sửa chữa. - H. : Thế giới, 2013. - 548tr. : ảnh màu, sơ đồ ; 26cm
ISBN 9786047706495

1. Lịch sử 2. Chùa 3. Việt Nam
959.7 - dc14

TGH0005p-CIP

HÀ VĂN TẤN
NGUYỄN VĂN KỰ
PHẠM NGỌC LONG

Chùa VIỆT NAM

(In lần thứ năm có bổ sung, sửa chữa
giới thiệu 122 ngôi chùa trong toàn quốc)

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Tượng Phật Quan Âm Nghìn Mắt Nghìn Tay
Chùa Bút Tháp, tỉnh Bắc Ninh (gỗ-sơn son thếp vàng).
Tạc năm 1656

LỜI NÓI ĐẦU

(Viết cho lần tái bản năm 2013)

Cuốn Chùa Việt Nam - Tác giả: Hà Văn Tấn - Nguyễn Văn Kự - Phạm Ngọc Long, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội - 1993, in song ngữ Việt - Anh đến nay vừa tròn 20 năm và được sự đón nhận của đông đảo bạn đọc trong và ngoài nước.

Kính mừng Đại lễ Phật Đản Liên Hợp Quốc (VESAK) 2008 - Phật lịch 2552, sách in lần thứ hai với bản tiếng Anh - *Buddhist Temples in Việt Nam*, Nxb Thế giới 2008.

Năm 2009, sách in lần thứ ba bản tiếng Việt, giới thiệu 99 ngôi chùa của 52/63 tỉnh trong toàn quốc. Năm 2010, sách đã đạt được giải Vàng sách hay và giải Vàng sách đẹp của Hội xuất bản Việt Nam.

Năm 2010, Kỷ niệm Đại lễ Ngàn năm Thăng Long - Hà Nội sách in lần thứ tư giới thiệu 118 ngôi chùa trong toàn quốc (còn hai tỉnh Điện Biên và Lai Châu ở miền núi Tây Bắc chưa phát hiện được chùa).

Lần tái bản thứ 5 này, cùng với một số chỉnh lý về nội dung và hình ảnh, chúng tôi giới thiệu 122 ngôi chùa trong toàn quốc, đặc biệt bổ sung những ngôi chùa trên Quần đảo Trường Sa của Việt Nam: Chùa Song Tử Tây, chùa Sinh Tồn và chùa Trường Sa Lớn. Những ngôi chùa ở đây đã góp phần tạo nên một nét văn hóa truyền thống mang tính tâm linh của người Việt, góp phần khẳng định chủ quyền biển đảo bền vững từ xưa của dân tộc ta trên vùng Quần đảo giữa Biển Đông này.

Khảo sát những ngôi chùa Việt Nam, chúng ta không những thấy được đặc điểm của Phật giáo Việt Nam, đặc điểm của tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam mà còn giúp chúng ta hiểu được một mặt quan trọng của lịch sử văn hóa tư tưởng Việt Nam.

Nhân dịp này, một lần nữa, chúng tôi xin chân thành cảm ơn Giáo hội Phật Giáo Việt Nam ở Trung Ương và các địa phương, các chư vị trụ trì các chùa. Cám ơn Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Khảo cổ học, Cục Di sản - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bảo tàng các tỉnh, các nhà khoa học, các nhiếp ảnh gia, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Nhà xuất bản Thế Giới, Tạp chí Travellive, cùng đồng bào trong cả nước, bạn bè và những người thân trong gia đình đã nhiệt tâm giúp đỡ đóng góp công quả và ý kiến quý báu cho ấn phẩm này.

Mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc. Xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, xuân Quý Tỵ - 2013

Các tác giả

Tháp Phước Duyên, Chùa Thiên Mụ, thành phố Huế (1991)

LỜI NÓI ĐẦU

(Viết cho lần xuất bản thứ nhất năm 1992)

Phật giáo du nhập vào Việt Nam khoảng đầu Công nguyên. Trong khoảng thời gian đó, các ngôi chùa đã dần dần mọc lên trong các thời gian khác nhau và trên các không gian khác nhau ở Việt Nam... cho đến lúc, mỗi làng có một ngôi chùa. Khảo sát những ngôi chùa đó, chúng ta không những thấy được đặc điểm của Phật giáo Việt Nam, đặc điểm của tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam mà còn giúp cho chúng ta hiểu được một mặt quan trọng của lịch sử văn hóa và tư tưởng Việt Nam.

Người Việt Nam xưa có câu: "Đất vua, chùa làng". Điều đó có nghĩa là đất đai thuộc quyền sở hữu của nhà nước, còn chùa lại thuộc cộng đồng làng xã. Trong một thời kỳ rất dài, nhà sư không những là người cố vấn tinh thần mà còn là người thầy thuốc, người dạy chữ cho dân làng xã. Chùa còn là trung tâm của nhiều lễ hội địa phương. Thậm chí, một số chùa lớn trong những ngày lễ hội còn thu hút một số lớn người tham dự từ thành thị đến nông thôn, trong nhiều khu vực rộng lớn của đất nước này.

Phật giáo ở Việt Nam có lúc thịnh, lúc suy, nhưng cho đến nay, ngôi chùa vẫn có một vị trí quan trọng trong hoạt động văn hóa của người Việt Nam.

Được tạo nên trong nhiều thời kỳ khác nhau, với các kiến trúc, xây dựng và với nhiều pho tượng, nhiều ngôi chùa Việt Nam thực sự trở thành các bảo tàng kiến trúc, hội họa, điêu khắc cổ và folklore Việt Nam.

Hiện nay, do nhiều nguyên nhân, Phật giáo Việt Nam đang được phát triển mạnh mẽ trở lại. Số tín đồ Phật giáo tăng lên rõ rệt. Nhiều chùa Phật được trùng tu, nhiều ấn phẩm Phật giáo được ấn hành và các nghi lễ Phật giáo không chỉ bó hẹp trong các tín đồ Phật giáo mà đã lan rộng đến nhiều tầng lớp nhân dân Việt Nam, chẳng hạn như nghi lễ cầu siêu để linh hồn người chết sang cõi Tịnh Độ của Phật A Di Dà.

Để đáp ứng nhu cầu của các nhà nghiên cứu lịch sử và văn hóa Việt Nam, các tín đồ Phật giáo, các nhà sử học, các nhà nghiên cứu Phật học, chúng tôi xin giới thiệu đến bạn đọc cuốn **Chùa Việt Nam**. Mong rằng công trình này sẽ được sự đón nhận rộng rãi của công chúng, vì yêu cầu hiểu biết về Phật giáo nói chung và Phật giáo Việt Nam nói riêng đang trở nên cần thiết đối với nhân dân Việt Nam và mong rằng công trình cũng sẽ góp phần vào việc bảo vệ các di tích văn hóa và lịch sử, các di sản quý giá của nhân dân Việt Nam.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các vị hòa thượng, thượng tọa, đại đức, tăng ni, Phật tử đã giúp chúng tôi nhiều trong khi nghiên cứu, khảo sát tại các chùa. Cảm ơn Cục Bảo tồn bảo tàng, Bộ Văn hóa Thông tin, các cấp chính quyền, các Sở Văn hóa Thông tin, Viện Khảo cổ học, Giáo sư Phạm Xuân Nam, bà Trần Hồng Liên, ông Nguyễn Duy Chiếm đã giúp cho nhiều tư liệu và ý kiến đóng góp quý báu. Cảm ơn Giáo sư Keith Weller Taylor, Trường Đại học Cornell, Mỹ đã giúp hiệu đính bản dịch. Xin cảm ơn Nhà xuất bản Khoa học xã hội đã tạo mọi điều kiện cho quyển sách được hoàn thành một cách tốt đẹp.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn Tổ chức Toyota Foundation đã tài trợ kinh phí cho việc thực hiện công trình này.

Hà Nội, Xuân 1992

Các tác giả

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ 122 NGÔI CHÙA GIỚI THIỆU TRONG SÁCH

Biên tập: Đinh Thị Hoàng Uyên

MỤC LỤC

Lời nói đầu

Phần I. Tổng luận Chùa Việt Nam:

Chùa Việt Nam: một cái nhìn chung 1
Chùa Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử 12
Chùa Việt Nam trong đời sống văn hóa cộng đồng 46

Phần II. Giới thiệu 122 ngôi chùa: 59

1. Chùa Dâu, tỉnh Bắc Ninh 60
2. Chùa Trấn Quốc, thành phố Hà Nội 68
3. Chùa Tiêu Sơn, tỉnh Bắc Ninh 74
4. Chùa Kiến Sơ, thành phố Hà Nội 76
5. Chùa và các cột kinh ở Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình 81
6. Chùa Một Cột, thành phố Hà Nội 84
7. Chùa Phật Tích, tỉnh Bắc Ninh 88
8. Chùa Dạm, tỉnh Bắc Ninh 96
9. Chùa Kim Liên, thành phố Hà Nội 98
10. Chùa Lý Quốc Sư, thành phố Hà Nội 102
11. Chùa Long Đọi Sơn, tỉnh Hà Nam 107
12. Chùa Vua, thành phố Hà Nội 112
13. Chùa Non, thành phố Hà Nội 116
14. Chùa Lạng, tỉnh Hưng Yên 120
15. Chùa Thầy, thành phố Hà Nội 122
16. Chùa Láng, thành phố Hà Nội 128
17. Chùa Tường Long, thành phố Hải Phòng 132
18. Chùa Vĩnh Khánh, tỉnh Vĩnh Phúc 138
19. Chùa Phổ Minh, tỉnh Nam Định 140
20. Chùa Tháp ở Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh 146
21. Chùa Lân - Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh 156
22. Chùa Quỳnh Lâm, tỉnh Quảng Ninh 158
23. Chùa Vĩnh Nghiêm, tỉnh Bắc Giang 162
24. Chùa Bối Khê, thành phố Hà Nội 166
25. Chùa Bà Đá, thành phố Hà Nội 170
26. Chùa Thái Lạc, tỉnh Hưng Yên 172
27. Chùa Hoằng Ân, thành phố Hà Nội 178
28. Chùa Tảo Sách, thành phố Hà Nội 180
29. Chùa Liên Phái, thành phố Hà Nội 182
30. Chùa Hiến, tỉnh Hưng Yên 184
31. Chùa Chuông, tỉnh Hưng Yên 186
32. Chùa Côn Sơn, tỉnh Hải Dương 190
33. Chùa Bà Đanh, tỉnh Hà Nam 194
34. Chùa Xuân Lũng, tỉnh Phú Thọ 196
35. Chùa Thiên Quang, tỉnh Phú Thọ 200
36. Chùa Sùng Khánh, tỉnh Hà Giang 202
37. Chùa Tháp ở Hắc Y, tỉnh Yên Bái 205
38. Chùa Thông, tỉnh Hòa Bình 208
39. Chùa Trăm Gian, thành phố Hà Nội 210
40. Chùa Phúc Khánh, thành phố Hà Nội 214
41. Chùa Bút Tháp, tỉnh Bắc Ninh 218
42. Chùa Đậu thành phố, Hà Nội 228
43. Chùa Keo, tỉnh Thái Bình 232
44. Chùa Mía, thành phố Hà Nội 240
45. Chùa Hương Tích, thành phố Hà Nội 248
46. Chùa Tây Phương, thành phố Hà Nội 254
47. Chùa Dư Hàng, thành phố Hải Phòng 266
48. Chùa Hàng Kênh, thành phố Hải Phòng 268
49. Chùa Long Tiên, tỉnh Quảng Ninh 270
50. Chùa Cổ Lễ, tỉnh Nam Định 272
51. Chùa Diên Khánh, tỉnh Lạng Sơn 278
52. Chùa Tam Thanh, tỉnh Lạng Sơn 282
53. Chùa Hang, tỉnh Thái Nguyên 284
54. Chùa Phù Liễn, tỉnh Thái Nguyên 288
55. Chùa Sùng Phúc, tỉnh Cao Bằng 292
56. Chùa Thạch Long, tỉnh Bắc Kạn 294
57. Chùa Hương Nghiêm, tỉnh Tuyên Quang 296
58. Chùa An Vinh, tỉnh Tuyên Quang 298

59. Chùa Khánh, tỉnh Hòa Bình 300
60. Chùa Chiền Viện, tỉnh Sơn La 302
61. Chùa Tân Bảo, tỉnh Lào Cai 304
62. Chùa Quán Sứ, thành phố Hà Nội 306
63. Chùa Bái Đính, tỉnh Ninh Bình 310
64. Chùa Đót Tiên, tỉnh Thanh Hóa 316
65. Chùa Hương Quang, tỉnh Thanh Hóa 320
66. Chùa Linh Vân (chùa Sư Nữ), tỉnh Nghệ An 324
67. Chùa Yên Lạc, tỉnh Hà Tĩnh 328
68. Chùa An Xá, tỉnh Quảng Bình 330
69. Chùa Châu Quang, tỉnh Quảng Trị 332
70. Chùa Thiên Mụ, tỉnh Thừa Thiên-Huế 334
71. Chùa Quốc Ân, tỉnh Thừa Thiên-Huế 340
72. Chùa Từ Đàm, tỉnh Thừa Thiên-Huế 344
73. Chùa Báo Quốc, tỉnh Thừa Thiên-Huế 346
74. Chùa Long Thủ, thành phố Đà Nẵng 350
75. Chùa Cầu, tỉnh Quảng Nam 352
76. Chùa Thiên Ấn, tỉnh Quảng Ngãi 354
77. Chùa Hang, tỉnh Quảng Ngãi 358
78. Chùa Thập Tháp, tỉnh Bình Định 362
79. Chùa Hồ Sơn, tỉnh Phú Yên 368
80. Chùa Long Sơn, tỉnh Khánh Hòa 370
81. Chùa Song Tử Tây, tỉnh Khánh Hòa 374
82. Chùa Sinh Tồn, tỉnh Khánh Hòa 378
83. Chùa Trường Sa Lớn, tỉnh Khánh Hòa 379
84. Chùa Diệu Ấn, tỉnh Ninh Thuận 380
85. Chùa Bác Ái, tỉnh Kon Tum 382
86. Chùa Bửu Nghiêm, tỉnh Gia Lai 386
87. Chùa Khải Đoan, tỉnh Đắc Lắc 388
88. Chùa Pháp Hoa, tỉnh Đắc Nông 390
89. Chùa Linh Quang, tỉnh Lâm Đồng 392
90. Chùa Linh Phong, tỉnh Lâm Đồng 396
91. Chùa Bà Đức Sanh, tỉnh Bình Thuận 400
92. Chùa Giác Lâm, thành phố Hồ Chí Minh 402
93. Chùa Giác Viên, thành phố Hồ Chí Minh 408
94. Chùa Bửu Long, thành phố Hồ Chí Minh 412
95. Chùa Thảo Đường, thành phố Hồ Chí Minh 416
96. Chùa Vĩnh Nghiêm, thành phố Hồ Chí Minh 418
97. Tịnh xá Trung Tâm, thành phố Hồ Chí Minh 422
98. Thích Ca Phật Đài, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu 425
99. Chùa Thanh Long, tỉnh Bình Phước 428
100. Chùa Linh Sơn, tỉnh Tây Ninh 430
101. Chùa Hội Khánh, tỉnh Bình Dương 434
102. Chùa Đại Giác, tỉnh Đồng Nai 438
103. Chùa Tôn Thạnh, tỉnh Long An 440
104. Chùa Tháp Linh, tỉnh Đồng Tháp 444
105. Chùa Linh Sơn, tỉnh An Giang 446
106. Chùa Tây An, tỉnh An Giang 448
107. Chùa Vĩnh Tràng, tỉnh Tiền Giang 452
108. Chùa Bửu Lâm, tỉnh Tiền Giang 456
109. Chùa Long Quang, thành phố Cần Thơ 458
110. Chùa Hội Linh, thành phố Cần Thơ 462
111. Chùa Bảo Tịnh, tỉnh Hậu Giang 466
112. Chùa Viên Minh, tỉnh Bến Tre 468
113. Chùa Tam Bảo, tỉnh Kiên Giang 472
114. Chùa Sùng Hưng, tỉnh Kiên Giang 474
115. Chùa Tiên Châu, tỉnh Vĩnh Long 478
116. Chùa Kh'leang, tỉnh Sóc Trăng 482
117. Chùa Mahatúp, tỉnh Sóc Trăng 490
118. Chùa Bửu Sơn, tỉnh Sóc Trăng 494
119. Chùa Vĩnh Hòa, tỉnh Bạc Liêu 498
120. Chùa Kompong Chrây, tỉnh Trà Vinh 502
121. Chùa Sắc Tứ Quan Âm, tỉnh Cà Mau 506
122. Chùa Munivongsa, tỉnh Cà Mau [1] 508

Sơ đồ kiến trúc cơ bản của một ngôi chùa cổ ở Bắc Bộ. 512
Sơ đồ vị trí cơ bản của tượng Phật trong chùa cổ ở Bắc Bộ 513
Sơ đồ bài trí tượng thờ tại chính điện chùa Thiên Mụ, thành phố Huế 514
Sơ đồ bài trí tượng thờ tại chính điện chùa Giác Lâm, thành phố Hồ Chí Minh 515

Phụ lục: Danh mục chùa xếp theo tỉnh, thành phố 517

Phần III: Danh sách các ngôi chùa được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch **Quyết định xếp hạng di tích Quốc gia (Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012)** 520

*(1) * Các chùa được xếp từ sớm đến muộn, từ bắc vào nam và mang tính tương đối.*
** Những con số đặt trong ngoặc đơn ở chú thích ảnh là thời gian chụp.*

PHẦN I

Tổng luận Chùa Việt Nam

Tượng La Hán chùa Tây Phương, Hà Nội

CHÙA VIỆT NAM **Một cái nhìn chung**

Trong các kiến trúc tôn giáo ở Việt Nam, nơi thờ Phật được gọi là *chùa* phân biệt với *đền, miếu* hay *nhà thờ,* chỉ nơi thờ các vị thần trong các tín ngưỡng và tôn giáo khác. *Chùa* là một từ Việt Nam mà nguồn gốc của nó chưa được làm sáng tỏ. Rõ ràng từ *chùa* ít có khả năng có mối liên hệ từ nguyên với từ *tự* (sì, 寺) Trung Quốc. Có người cho rằng từ *chùa* bắt nguồn từ từ *thupa* (tiếng Pali) hay *stupa* (tiếng Sanskrit) của Ấn Độ, do chỗ chùa Việt Nam ban đầu có dạng tháp. *Thupa* hay *stupa* bị người Việt Nam rút ngắn, như theo thói quen của họ khi du nhập các từ nước ngoài đa âm tiết, chỉ còn lại *thu* hay *stu,* và từ đó, trở thành *chùa.* Nhưng đó cũng chỉ là một giả thuyết.

Để chỉ chùa thờ Phật, trong tiếng Việt cổ, còn có từ *chiền.* Ngày nay, từ này chỉ còn trong từ *chùa chiền*, chỉ chung các kiến trúc Phật giáo. Nhưng xưa kia, *chiền* có thể dùng độc lập, như "*chiền* vắng am thanh" trong bài phú *Cư trần lạc đạo* của Trần Nhân Tông (1258-1308) hay "Cành ở tự *chiền*" trong *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi (1380-1442)... Một số người cho rằng từ *chiền* có thể có gốc từ từ *cetiya, cetiyan* (Pali) hay *caitya* (Sanskrit), chỉ điện thờ Phật.

Phật giáo du nhập vào Việt Nam vào khoảng đầu Công nguyên, cũng từ đây, các ngôi chùa dần dần mọc lên, cho đến lúc, gần như mỗi làng có một ngôi chùa. Qua gần 2000 năm lịch sử Phật giáo Việt Nam, kiểu kiến trúc chùa cũng như Phật điện ở bên trong biến đổi cùng với thời gian và không gian. Nhưng dầu sự biến đổi đó đã xảy ra thế nào, chúng ta cũng nhận ra một số đặc điểm chung của chùa Việt Nam.

Việt Nam có câu tục ngữ "Đất vua, chùa làng". Điều này có nghĩa là ở Việt Nam, cũng như ở nhiều nước phương Đông, trong thời trung đại, toàn bộ đất đai trong cả nước là thuộc quyền sở hữu của nhà vua, còn ngôi chùa là thuộc về cộng đồng làng xã. Bên cạnh *đền, đình* thờ thần, *chùa* Việt Nam là nơi thờ Phật, và trong nhiều trường hợp, thờ cả thần. Có nhiều ngôi chùa lớn do nhà nước bỏ tiền xây dựng, nhưng tuyệt đại đa số, vẫn là những ngôi chùa làng.

Xây chùa bao giờ cũng là công việc trọng đại đối với dân làng quê Việt Nam. Trước tiên là phải chọn đất xây chùa. Việc chọn đất thường bị chi phối bởi quan niệm phong thủy (geomancy), cho rằng vị trí của chỗ ở, thế đất, có một ảnh hưởng to lớn đối với con người sống trên đó. Quan niệm đó đã biểu hiện trong một câu thơ của Không Lộ (?-1119), nhà sư thời Lý: "Tuyển đắc long xà địa khả cư", nghĩa là "Chọn được thế đất rồng rắn, có thể ở yên". Ta có thể thấy rõ cách chọn đất làm qua một đoạn trong sách chùa theo quan niệm phong thủy *An tượng tam muội tập,* theo bản in thời Nguyễn cất giữ ở chùa Xiển Pháp, thôn An Trạch, ở bên phải Văn Miếu, Hà Nội.

"Xây dựng chùa, phải chọn đất tốt, ngày tốt, giờ tốt. Đất tốt là nơi bên trái trống không, hoặc có sông ngòi, hồ ao ôm bọc. Núi hổ (hay tay hổ) ở bên phải phải cao dày, lớp lớp quay đầu lại, hoặc có hình hoa sen, tràng phướn, lọng báu, hoặc có hình rồng, phượng, quy, xà chầu bái. Đó là đất dương cơ ái hổ (nền dương có tay hổ) vậy. Cũng lại nên cưỡi đảo lại (đảo kỵ), như là người cưỡi ngựa thì đầu ở phía

trước. Nước thì nên chảy quanh sang trái. Nếu đảo ky, thì mạch nước lại vào ở phía trước. Trước mặt có minh đường hay không có minh đường đều được cả. Phía sau không nên có núi áp kề, thế là đất tốt. Còn để chọn ngày tốt, giờ tốt, thì nên dùng các sách *Ngọc Hạp, Tu Cát* xem cho kỹ lưỡng. Nếu được như thế mới có thể hưng hiển được đạo pháp, người trụ trì nảy sinh trí tuệ, người thí chủ có công đức lớn, phúc ấm đến con cháu. Nếu không làm như thế thì về sau tất mau chóng đổ nát, không có công đức gì. Cho nên hãy cẩn thận!"[1].

Nhìn chung, chùa Việt Nam thường được dựng ở những nơi có cảnh trí thiên nhiên đẹp. Tuy nhiên, chùa là thuộc về cộng đồng nên cần có những mối liên hệ cộng đồng. Những mối liên hệ này cũng góp phần quy định nơi dựng chùa. *Thiền đạo yếu học,* được coi là tác phẩm của nhà sư Pháp Loa (1284-1330), chép trong sách *Tam tổ thực lục* có đoạn:

"Khi đã liễu ngộ chính tông rồi thì chọn cảnh chùa mà trụ trì, tránh những nơi nước độc non thiêng. Cảnh có bốn điều: một là nước, hai là lửa, ba là lương thực, bốn là rau. Đây là bốn điều cần. Lại cũng nên biết cảnh không gần nhân gian mà cũng không xa nhân gian, vì gần thì ồn ào, mà xa thì không ai giúp đỡ cho. Cảnh có thể trú là chỗ yên nghiệp, dễ dưỡng thần, nuôi tính, tâm linh sáng suốt, trường dưỡng thánh thai, để được chứng đạo, ấy là cứu cánh".

Như vậy là từ lâu đời, người Việt Nam đã có ý thức rõ ràng về môi trường tự nhiên và xã hội của ngôi chùa.

Chùa Việt Nam, trong các làng quê, được xây dựng bằng các thứ vật liệu quen thuộc của

---

(1) Xem hình vẽ và nguyên văn in lại ở đây, rút từ Nguyễn Bá Lăng, *Kiến trúc Phật giáo Việt Nam*, tập 1, Viện Đại học Vạn Hạnh. Sài Gòn, 1972.

安像三昧集　河內省文廟之右安皂村闡法寺藏板

造寺之處宜擇吉地吉日吉時吉地者左邊宜空缺或有江河湖池眠抱右邊之虎山宜高厚片片回頭或有蓮花幢幡寶蓋或有龍鳳龜蛇朝拱是爲陽基愛虎也又宜倒騎如人騎馬頭在前行水宜倒左倒騎者脉入于前也前或有明堂或無明堂亦可後不宜逼山是爲吉地吉日吉時宜用玉匣諏吉諸書細細看之若能如是方能興顯道法住持者生智慧施主有大功德福蔭于子孫矣若不能如是後必速壞無功德也逼之

Bản in sách
"An Tượng Tam Muội"
ở chùa Xiển Pháp,
Hà Nội

xứ sở nhiệt đới này, từ tre, tranh, cho đến gỗ, gạch ngói... Nhưng thường người ta dành cho chùa những vật liệu tốt nhất có thể có được. Vật liệu cũng như tiền bạc dùng cho việc xây dựng chùa thường được quyên góp trong mọi tầng lớp cư dân, gọi là của "công đức". Người ta tin là sẽ được hưởng phúc khi đem cúng vật liệu hay tiền bạc cho việc xây dựng chùa. Trên những cột gỗ lim - một loại gỗ tốt ở Việt Nam, không bị mối mọt - ở một số chùa, còn khắc rõ tên người đóng góp. Tên những người đóng góp còn gặp trên các bàn thờ bằng đá hoặc trên các đồ sành sứ như bát hương, bình hoa, chân đèn..., và thường được ghi trong một danh sách dài trên các tấm bia chùa.

Ngày bắt đầu xây dựng chùa cũng như ngày khánh thành, đều là những thời điểm có ý nghĩa trong đời sống nhân dân làng quê Việt Nam. Thường có những nghi lễ đặc biệt trong những ngày này.

Chùa không phải là một ngôi nhà mà bao giờ cũng là một quần thể kiến trúc, gồm những ngôi nhà sắp xếp cạnh nhau hoặc nối vào nhau. Tùy theo cách bố trí những ngôi nhà này mà người ta chia thành những kiểu chùa khác nhau. Tên các kiểu chùa truyền thống thường được đặt theo các chữ Trung Quốc có dạng gần với bình diện kiến trúc chùa.

Kiểu chùa, đơn giản nhất là kiểu chữ *Đinh* (丁), có nhà *chính điện* hay nhà *thượng điện*, tức ngôi nhà đặt các bàn thờ Phật, nối thẳng góc với nhà *bái đường* hay nhà *tiền đường* ở phía trước. Nhà *bái đường* đôi khi cũng được gọi là *chùa hộ,* có lẽ vì ở đây thường có các tượng Hộ Pháp.

Phổ biến hơn là kiến trúc có nhà chính điện và nhà bái đường song song với nhau và được nối với nhau bằng một ngôi nhà gọi là nhà *thiêu hương,* nơi nhà sư làm lễ. Có nơi gọi gian nhà nối nhà bái đường với Phật điện này là *ống muống.* Trong trường hợp bái đường và Phật điện được nối với nhau bằng nhà thiêu hương hay ống muống như vậy, ta có kiểu chùa được gọi là kiểu chữ *Công* (工).

Kiểu chùa chữ *Tam* (三) là kiểu chùa có ba nếp nhà song song với nhau, thường được gọi là *chùa hạ, chùa trung* và *chùa thượng,* như kiểu chùa Kim Liên, chùa Tây Phương ở Hà Nội...

Thực ra, tên những kiểu chùa này chỉ dựa vào cụm kiến trúc chính. Trong các chùa, ngoài cụm kiến trúc này, còn có những ngôi nhà khác như *nhà tổ,* nơi thờ các vị sư từng trụ trì ở chùa nay đã tịch, hoặc *nhà tăng,* nơi ở của các nhà sư, và một số kiến trúc khác như gác chuông, tháp và tam quan...

Tam quan là cổng vào chùa, thường là một ngôi nhà với ba cửa vào. Có chùa có đến hai tam quan, một *tam quan ngoại* và *một tam quan nội.*

Một kiểu chùa khá phổ biến ở miền Bắc Việt Nam là kiến trúc có hai hành lang dài nối liền nhà tiền đường (hay nhà bái đường) ở phía trước với nhà *hậu đường* (có thể là nhà tổ hay nhà tăng) ở phía sau làm thành một khung chữ nhật bao quanh lấy nhà thiêu hương, nhà thượng điện hay các kiến trúc khác ở giữa. Kiểu chùa này được gọi là *nội Công ngoại Quốc,* có nghĩa là phía trong có hình chữ *Công* (工) Còn phía ngoài có cái khung bao quanh như ở chữ *Quốc* (國).

Trong thực tế, các kiểu chùa nói trên có rất nhiều biến thể khác nhau (xin xem bình diện một số chùa trong sách này). Ở một số chùa, phía sau điện thờ Phật còn có điện thờ Thần, đó là loại chùa *tiền Phật hậu Thần* phổ biến ở Bắc Bộ. Có chùa gác chuông ở phía trước, có chùa gác

chuông ở phía sau, có chùa gác chuông ngay trên cửa tam quan, có chùa gác chuông lại ở trên nhà tổ. Ở một số chùa, có ngôi tháp lớn ở trước mặt, như chùa Dâu ở tỉnh Bắc Ninh, chùa Phổ Minh ở tỉnh Nam Định, nhưng ở một số chùa khác, các tháp lại ở hai bên chùa hay có vườn tháp riêng.

Để tạo ra một thế giới gần thiên nhiên, tĩnh lặng nhưng tươi đẹp, chùa Việt Nam thường có vườn cây, vườn hoa được chăm chút cẩn thận. Nhiều chùa có cả ao, hồ sen... Giếng chùa trong mát, thường có thành giếng xây đẹp.

Kiến trúc chùa truyền thống Việt Nam khá đa dạng. Có thể các kiểu chùa như hiện thấy đã xuất hiện trong các thời kỳ lịch sử khác nhau. Tính đa dạng còn được biểu hiện qua không gian, ở các phong cách kiến trúc địa phương. Chẳng hạn, chùa kiểu chữ *Tam* phổ biến ở miền Nam, hơn ở miền Bắc. Ngay cách xây dựng ngôi chùa kiểu chữ *Tam* ở miền Nam cũng khác với các chùa cùng kiểu ở miền Bắc. Những nếp nhà ở các chùa cổ như Giác Lâm, Giác Viên (thành phố Hồ Chí Minh) có đường nóc ngắn, với bốn mái rộng, mà nhân dân địa phương quen gọi là nhà kiểu *bánh ít* (một loại bánh làm bằng bột gạo ở miền Nam).

Ngoài người Kinh, một số dân tộc thiểu số khác ở Việt Nam cũng có chùa. Chùa người Mường làm bằng tranh tre đơn giản. Chùa người Khơme được xây dựng đẹp, có bộ mái biểu hiện ảnh hưởng Campuchia và Thái Lan. Chùa người Hoa cũng có sắc thái kiến trúc riêng...

Tính đa dạng của kiến trúc chùa Việt Nam càng tăng khi xuất hiện những ngôi chùa hiện đại được xây dựng gần đây.

Nếu chùa đa dạng thì Phật điện cũng đa dạng không kém. Cách bài trí tượng thờ ở Phật điện Việt Nam cũng biến chuyển qua thời gian và không gian.

Do lịch sử truyền nhập Phật giáo ở đây, phần lớn chùa Việt Nam là chùa Đại Thừa (Mahayana). Do đó, ở nhà chính điện cũng như các tòa nhà khác trong chùa, chúng ta thấy nhiều tượng Phật (Buddha), Bồ Tát (Bodhisattva) cùng với tượng các thiên thần Phật giáo khác. Đó là chưa kể sự có mặt những tượng thần của các tôn giáo khác và của tín ngưỡng dân gian Việt Nam truyền thống. Sự hiểu biết về các tượng trong ngôi chùa Việt Nam giúp chúng ta thấy rõ đặc điểm của Phật giáo Việt Nam.

Chính điện bao giờ cũng là nơi trung tâm của sự thờ cúng trong chùa. Ở đây có nhiều bàn thờ, và bàn thờ chính, ở giữa, thường được làm thành những bậc từ cao xuống thấp. Không có một công thức chung cho sự bài trí tượng ở các chùa Việt Nam. Vị trí của các tượng thay đổi một cách linh hoạt tùy theo từng ngôi chùa. Có nhiều lý do cho tính đa dạng ấy. Như sẽ thấy ở phần sau, các kiểu tượng Phật và Bồ Tát biến đổi qua các thời kỳ lịch sử. Thêm vào đó, mỗi lần trùng tu chùa, người ta thường tạo ra một loạt tượng mới, nhưng các tượng cũ, nếu chưa hư hỏng, cũng không bị bỏ đi. Ngoài ra, các tín đồ cũng thường cúng vào chùa các pho tượng. Do đó, người ta tìm cách để xếp tất cả các tượng có được, cho dù là có sự trùng lặp trên bàn thờ. Vì thế, có những chùa có rất nhiều tượng, như chùa Mía (tức Sùng Nghiêm tự, tỉnh Hà Nội) có tới 287 pho tượng, chùa Trăm Gian (tức Quảng Nghiêm tự, cũng ở tỉnh Hà Nội) có 153 pho tượng... Cũng có khi người ta đưa vào một ngôi chùa nào đó những pho tượng từ những ngôi chùa lân cận bị sụp đổ.

Tượng Phật A Di Đà (giữa), Bồ Tát Quan Thế Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí, chùa Trấn Quốc, Hà Nội (1991)

Tuy nhiên, cũng có một số nét chung thường thấy trong cách bài trí tượng trong các chùa Việt Nam. Nhất là các chùa ở Bắc Bộ và một phần Trung Bộ.

Ở tầng cao nhất của bàn thờ giữa ở chính điện, sát vách, thường có ba pho tượng được gọi là "tam thế", tức tượng các vị Phật của ba thời gian: Quá khứ, Hiện tại và Vị lai. Ba vị Phật này chỉ là đại biểu cho vô số Phật trong mọi thời gian và không gian, theo quan niệm của Phật giáo Đại Thừa.

Phía dưới ba pho tượng tam thế, thường xếp ba pho tượng gọi là "Di Đà tam tôn", gồm tượng Phật A Di Đà (Amitabha) ở giữa, tượng Bồ Tát Quan Thế Âm (Avalokitesvara) ở bên trái và tượng Bồ Tát Đại Thế Chí (Mahasthamaprapta) ở bên phải. Tượng Phật A Di Đà thường có kích thước lớn hơn các tượng khác.

Sự có mặt ở vị trí đặc biệt tượng Phật A Di Đà cùng với tượng các Bồ Tát Quan Thế Âm và Đại Thế Chí đã nói lên ý nghĩa quan trọng của tín ngưỡng Tịnh Độ trong Phật giáo Việt Nam. Ở Việt Nam, không có một phái Tịnh Độ riêng biệt, nhưng tín ngưỡng Tịnh Độ phổ biến rộng rãi, làm thành một cơ tầng bình dân cho Phật giáo. Theo tín ngưỡng này, người ta tin có một cõi Tịnh Độ hay Tây Phương cực lạc, nơi có Phật A Di Đà ngự trị, các Bồ Tát Quan Thế Âm và Đại Thế Chí đã tiếp dẫn linh hồn chúng sinh về nơi đó. Người ta chỉ cần niệm tên Phật A Di Đà nhiều lần là có thể vãng sinh ở cõi Tây Phương cực lạc. Tên A Di Dà Phật đã trở thành lời chào nhau của các tín đồ Phật giáo Việt Nam.

Cần nói thêm là trong chùa Việt Nam, tượng Đại Thế Chí chỉ được bày bên cạnh tượng A Di Đà, còn tượng Quan Thế Âm, hay Quan Âm, thì có nhiều kiểu và có thể được đặt ở nhiều nơi. Đó là vì tín ngưỡng Quan Âm ở Việt Nam có một vị trí độc lập, không phải lúc nào cũng gắn liền với tín ngưỡng Tịnh Độ A Di Đà. Người Việt Nam coi Quan Âm là nữ thần cứu khổ cứu nạn, có thể giúp nhân dân, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, vượt qua các tật bệnh, tai ương. Tín ngưỡng này có thể đã kết hợp với tín ngưỡng các nữ thần có nguồn gốc dân gian. Quan Âm được thờ ở chùa mà cũng có thể được thờ ở nhà.

Trong các chùa Việt Nam, tượng Quan Âm có nhiều kiểu. Tượng "Quan Âm tống tử" thể hiện một người phụ nữ bế một đứa bé, bên cạnh có con vẹt. Tượng này gắn liền với câu chuyện dân gian kể rằng Thị Kính bị chồng là Thiện Sĩ nghi oan, đã cải trang làm trai, lấy tên là Kính Tâm, đi tu ở chùa. Có một cô gái là Thị Mầu say mê Thị Kính nhưng bị cự tuyệt. Về sau, Thị Mầu đã đem đứa con hoang mới sinh của mình vứt vào chùa, đổ oan cho Thị Kính là bố đứa bé. Thị Kính đã nhẫn nhục, nuôi nấng đứa bé, và sau này, bà trở thành Bồ Tát Quan Âm. Con vẹt là hậu thân của Thiện Sĩ.

Tượng "Quan Âm Nam Hải" là tượng Quan Âm ở trên biển. Người Trung Quốc đã coi Potalaka, nơi ở của Avalokitesvara theo truyền thuyết Ấn Độ, là núi Phổ Đà trên quần đảo Chu Sơn gần Hàng Châu. Đến lượt, người Việt Nam lại đồng nhất Nam Hải, nơi ở của Quan Âm với biển Việt Nam:

Xem trong biển nước Nam ta,

Phổ môn có đức Phật Bà Quan Âm.[1]

Trong các chùa Việt Nam còn có loại tượng Quan Âm có nhiều tay, được gọi là "Quan Âm chuẩn đề" (Cundi-Avalokitesvara). Trong loại tượng Quan Âm nhiều tay, có kiểu "Thiên thủ thiên nhãn" (Sahasrabhuja-sahasranetra) với nghìn tay nghìn mắt (ở giữa mỗi bàn tay có hình một con mắt). Pho tượng kiểu này ở chùa Bút Tháp (tỉnh Bắc Ninh) do nhà điêu khắc họ Trương tạc năm 1656 được coi là niềm tự hào của điêu khắc cổ Việt Nam.

Trong chùa, các tượng Quan Âm tống tử, Quan Âm Nam Hải thường được bày trên các bàn thờ ở góc hai bên bàn thờ chính ở nhà thượng điện. Tượng Quan Âm nhiều tay có lúc đặt trên bàn thờ chính, cũng có lúc bày ở bàn thờ riêng. Tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay ở chùa Bút Tháp đặt ở gian bên cạnh của bàn thờ chính. Ở một số chùa, tượng Quan Âm còn được đặt trong các động đắp bằng vôi vữa.

Trên bàn thờ chính, dưới ba pho tượng Di Đà tam tôn đã nói ở trên, thường là tượng Phật Thích Ca Mầu Ni (Sakyamumi), với tượng Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi (Manjusri) ở bên trái và tượng Bồ Tát Phổ Hiền (Samantabhadra) ở bên phải. Thích Ca ngồi trên tòa sen, còn Văn Thù và Phổ Hiền đứng trên tòa sen. Cũng có tượng Văn Thù ngồi trên lưng con sư tử màu xanh và Phổ Hiền ngồi trên lưng con voi màu trắng. Bộ ba tượng này thể hiện cảnh Phật Thích Ca đang thuyết pháp. Có khi, thay vào vị trí của Văn Thù và Phổ Hiền, là hai đệ tử của Thích Ca, Ca Diếp (Kasyapa) và A Nan Đà (Ananda).

Tượng Thích Ca trong chùa Việt Nam thường có một số kiểu khác nhau, diễn tả những giai đoạn khác nhau trong cuộc đời của Phật. Tượng Tuyết Sơn biểu hiện thời kỳ Thích Ca tu khổ hạnh trong núi tuyết, tức Himalaya, có thân hình gầy guộc, ngực hiện rõ những chiếc xương sườn. Việt Nam có nhiều pho tượng Tuyết Sơn đẹp, đặc sắc như các tượng ở chùa Tây Phương, chùa Mía...

Tượng Nhập niết bàn (Parinirvana) là tượng Thích Ca nằm nghiêng, cánh tay chống lên đỡ lấy đầu, mắt lim dim. Trong các chùa Việt Nam, kiểu tượng này hiếm, nhưng cũng có một số pho đẹp như ở chùa Mía hay chùa Trấn Quốc...

Kiểu tượng phổ biến là Thích Ca sơ sinh, đó là hình một chú bé với tay trái chỉ lên trời, tay phải chỉ xuống đất. Theo truyền thuyết, lúc Thích Ca ra đời, có chín con rồng (ở Ấn Độ là *naga*) phun nước tắm. Vì thế, tượng Thích Ca sơ sinh ở Việt Nam thường đặt dưới một vòm chạm hình chín con rồng bay xung quanh, giữa những đám mây, với các hình chư thiên, tiên nữ và có khi cả bát bộ Kim Cương. Kiểu tượng này được gọi là tượng Cửu Long (Chín rồng). Tượng Thích Ca sơ sinh và tượng Cửu long thường được bày ở tầng dưới cùng của bàn thờ chính. Hai bên tượng Thích Ca sơ sinh, người ta thường đặt tượng Đế Thích (Indra) và tượng Phạm Vương, còn gọi là Phạm Thiên (Brahma).

---

(1) Sự tích Phật Bà Quan Âm Hương Tích (truyện thơ).

Như chúng ta đã biết, ở Ấn Độ, Indra và Brahma được đưa vào thần điện Phật giáo khá sớm. Trên các điêu khắc Phật giáo ở Gandhara và Mathura, đã có hình Indra và Brahma đứng ở hai bên đức Phật. Cùng với sự lan truyền của Phật giáo, tín ngưỡng về Indra và Brahma, như những người bảo vệ của đức Phật cũng được đưa tới các nước Đông Á và Đông Nam Á. Ở Việt Nam, Indra - Đế Thích và Brahma - Phạm Thiên được coi là các chúa tể của thế giới người và thần, nên khi đức Thích Ca chưa thành đạo, họ phải ở luôn bên cạnh để hộ trì. Vì họ được quan niệm là những ông vua, nên tượng của họ được tạo trong tư thế ngồi ngai báu, đội mũ miện, mặc áo cổn.

Tuy nhiên, như ta thấy, ở một số nước châu Á, Indra có một vị trí quan trọng hơn Brahma trong tín ngưỡng của nhân dân[1]. Tín ngưỡng về Indra thường hòa lẫn vào tín ngưỡng dân gian. Ở Việt Nam cũng vậy, từ xưa, Đế Thích không chỉ được thờ phụng bên cạnh Phạm Thiên mà còn có thể được thờ phụng riêng[2]. Đã có những ngôi chùa dành riêng cho việc thờ Đế Thích, như chùa Vua ở Hà Nội.

Trên bàn thờ chính ở nhà thượng điện, ngoài tượng Phật A Di Đà, Phật Thích Ca, ở một số chùa, còn có tượng Phật Di Lặc (Maitreya). Tượng Di Lặc được tạo với bộ mặt tươi cười, áo phanh, để hở cái bụng to. Người Việt Nam quen gọi Di Lặc là "Ông vô lo". Thật tương phản, khi tượng Di Lặc đặt bên cạnh tượng Tuyết Sơn, gày gò khắc khổ! Di Lặc đã có mặt từ lâu trong Phật điện Việt Nam. Nhưng dường như trong Phật giáo Việt Nam, Di Lặc không có một vị trí bằng A Di Đà. Hầu hết các chùa đều có tượng A Di Đà nhưng không phải chùa nào cũng có tượng Di Lặc. Ở Trung Quốc, có tín ngưỡng Tịnh Độ A Di Đà lẫn tín ngưỡng Tịnh Độ Di Lặc, nhưng ở Việt Nam, chỉ có tín ngưỡng Tịnh Độ A Di Đà mà không có tín ngưỡng Tịnh Độ Di Lặc.

Trong nhà tiền đường, thường có hai tượng Hộ Pháp (Dvarapala), những thiên thần bảo vệ Phật Pháp, mặc giáp trụ, cầm vũ khí, đứng hoặc ngồi trên lưng sấu, một loại sư tử huyền thoại. Những tượng này thường được đắp bằng đất, phủ sơn, và có kích thước rất lớn, đầu gần chạm mái. Vì vậy mà trong ngôn ngữ Việt Nam, có thành ngữ "to như Hộ Pháp". Trong một số chùa, ở nhà tiền đường, có bày tượng bát bộ Kim Cương (Vajrapani), tức tám vị thần bảo vệ của Phật, cũng mặc giáp trụ và cầm vũ khí. Đôi khi, ở nhà bái đường, còn có các bàn thờ mười vị Diêm Vương (Yama), được gọi là thập điện Diêm Vương, tức mười vị vua cai quản mười tầng địa ngục. Bàn thờ mười Diêm Vương cũng có lúc được đặt sát tường ở hai bên nhà chính điện. Cảnh mười tầng địa ngục đôi khi được chạm trong những bức phù điêu hay đắp thành động, diễn tả cảnh những người có tội bị các quỷ Dạ Xoa (Yakasas) hành hình bằng nhiều cách, trước mặt các Diêm Vương. Trong nhà bái đường, có thể có một số bàn thờ khác, thờ Thổ Địa (Thần Đất), Long Vương, hay Đức Ông, người bảo vệ tài sản của chùa. Có người cho rằng người bảo vệ tài sản chùa này chính là Cấp Cô Độc (Anathapindika), người đã cúng nhiều tài sản cho Phật, nhưng nhiều người khác không nghĩ như vậy.

---

(1) Bernard Frank, Les deva de la tradition bouddhique et la société japonaise: l'exemple d'Indra / Taishaku-ten. In Bouddhismes et Sociétés Asiatiques, Harmattan, Paris, 1990, pp.61-74.

(2) Hà Văn Tấn: Ghi chú thêm về tín ngưỡng Đế Thích (Indra) ở Việt Nam. Nghiên cứu Phật học, số 5, 1992, tr.48-49.

Ở nhà tổ, ngoài tượng các vị sư từng trụ trì ở chùa, còn có bàn thờ đặt tượng Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma), nhà sư Ấn Độ đến Trung Hoa vào khoảng đầu thế kỷ VI, được coi là người sáng lập Thiền Tông ở đây. Vì Phật giáo Việt Nam thường tự coi là thuộc các phái Thiền nên đều thờ vị tổ thứ nhất này. Tượng Bồ Đề Đạt Ma thường có mũi cao, tóc quăn, râu quai nón.

Ở các chùa có hai dãy hành lang, người ta thường bày tượng 18 vị La Hán (Arhat), mỗi bên 9 tượng. Có chùa, như chùa Keo (tỉnh Thái Bình), các tượng La Hán được bày ngay ở nhà tiền đường. Riêng ở chùa Tây Phương (Hà Nội), có những pho tượng đẹp bày ở hậu đường được coi là các tượng La Hán, nhưng căn cứ vào tên các vị này, như Gia Na Hòa Tu (Sanakavasa), Ba Tu Mật (Vasumitra), Phật Đà Nan Đề (Buddhanandi), Ca Tỳ Ma La (Kapimala), La Hầu La Đa (Rahulata), Tăng Già Nan Đề (Sanghanandi), Cưu Ma La Đa (Kumarata), Chà Dạ Đa (Jayata)... Chúng ta thấy đó là tên của các vị tổ (trong 28 vị) người Ấn Độ mà Thiền Tông Trung Quốc truy nguyên và thừa nhận. Nếu vậy, đây là tượng Tổ chứ không phải tượng La Hán.

Do tính chất pha tạp của Phật giáo Việt Nam, trong các chùa, ngoài tượng các Phật, các Bồ Tát, La Hán hay các thiên thần Phật giáo, ta còn có thể gặp tượng các vị thần Đạo giáo như Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thái Thượng Lão Quân hay Nam Tào, Bắc Đẩu.

Đặc biệt là trong các chùa Việt Nam thường có các bàn thờ Mẫu, tức nữ thần Mẹ. Thờ Mẫu là một tín ngưỡng Việt Nam có nguồn gốc dân gian. Có nhiều Mẫu, như Mẫu Thượng Ngàn (nữ thần Núi), Mẫu Thoải (nữ thần Nước), Mẫu Địa Phủ (nữ thần Đất)... Một vị Mẫu có vị trí quan trọng trong tín ngưỡng Việt Nam là Mẫu Liễu, tức công chúa Liễu Hạnh, được coi là một trong "tứ bất tử" (Bốn vị thánh bất tử)[1]. Thánh Mẫu Liễu Hạnh được thờ trong nhiều đền nổi tiếng nhưng cũng được thờ trong nhiều chùa. Chẳng hạn, ở chùa Mía (Hà Nội), bàn thờ Liễu Hạnh được đặt ngay ở nhà tiền đường.

Liên quan đến tín ngưỡng thờ nữ thần, còn có hệ thống các chùa gọi là Tứ Pháp, hiện chỉ thấy trong vùng đồng bằng Bắc Bộ. Mỗi hệ thống như thế thường có bốn chùa, có tên là Pháp Vân (Mây Pháp), Pháp Vũ (Mưa Pháp), Pháp Lôi (Sấm Pháp) và Pháp Điện (Chớp Pháp). Đó cũng là tên các nữ thần được thờ trong các chùa này. Những cái tên Mây, Mưa, Sấm, Chớp khiến chúng ta nghĩ rằng đây là các nữ thần biểu hiện các sức mạnh thiên nhiên của cư dân nông nghiệp. Các nữ thần này còn có những cái tên Nôm dân dã hơn là Bà Dâu, Bà Đậu, Bà Dàn và Bà Tướng. Trong các chùa này, tượng của các Bà nữ thần này được tạc với kích thước lớn, to hơn rất nhiều so với các tượng Phật. Hệ thống chùa Tứ Pháp điển hình nhất, và cũng có thể là cổ nhất, là ở vùng Thuận Thành (tỉnh Bắc Ninh) mà trung tâm là chùa Dâu (còn gọi là Pháp Vân tự hay Diên Ứng tự). Chùa Đậu (Pháp Vũ tự) ở Thường Tín (tỉnh Hà Tây) và chùa Thái Lạc (Pháp Vân tự) ở Mỹ Văn (tỉnh Hưng Yên) đều thuộc hệ thống Tứ Pháp. Hiện nay, do một số chùa bị hư hại, người ta đem tượng các nữ thần về đặt ngồi chung trên một bàn thờ của một ngôi chùa như chùa Dâu, chùa Thái Lạc... Hệ thống chùa Tứ Pháp là chứng tích cho sự kết hợp giữa Phật giáo với các tín ngưỡng dân gian có nguồn gốc nguyên thủy ở Việt Nam.

---

(1) Ba vị khác trong "tứ bất tử" là thần núi Tản Viên, Chử Đồng Tử và Thánh Gióng (Phù Đổng Thiên Vương).

Sự hòa nhập Phật giáo với các tín ngưỡng truyền thống Việt Nam còn được thấy qua một loại chùa khác, loại chùa "tiền Phật hậu Thần", cũng gọi là "tiền Phật hậu Thánh". Trong các chùa loại này, đằng sau điện thờ Phật là hậu cung thờ một vị thần. Nếu ở điện Phật, người ta có thể đến cúng lễ bất kỳ lúc nào, thì khám thờ thần đóng kín suốt năm, không ai được vào và chỉ được mở trong một số ngày lễ hội nhất định. Có những chùa lớn, như chùa Keo (tỉnh Thái Bình), nơi thờ thần, gồm đến mấy nếp nhà tách rời khỏi khu vực thờ Phật.

Các vị thần được thờ đều là những "nhân thần", có nghĩa là những con người được coi là có thực, nhưng về sau, nhờ học tập, tu luyện, đã có tài thần thông biến hóa, nghĩa là có những khả năng của một vị thần. Nhờ những khả năng đó, họ cứu dân giúp nước, và vì vậy, họ được nhân dân một vùng hay nhiều vùng thờ phụng.

Chẳng hạn, ở chùa Bối Khê và chùa Trăm Gian (Hà Nội), đều thờ "Đức thánh Bối" tên là Nguyễn Bình An. Gọi là Đức thánh Bối vì ông sinh ra ở làng Bối Khê. Theo sự tích của ông được kể trong tấm bia năm 1453 (khắc lại năm 1895) đặt ở chùa Bối Khê thì ông sinh vào thời Trần, từ bé đã thích phóng sinh, sáu bảy tuổi gặp năm trời đại hạn, đã cùng trẻ chăn trâu đem tôm cá ở đồng thả cho sống trong dòng sông Nhuệ. Đến năm 15 tuổi, ông đã gặp một cụ già 80 tuổi ở chùa Tiên Lữ (tức chùa Trăm Gian), ở đây khoảng mười năm, ông đã học được từ cụ già các phép thần thông. Sau khi ông "hóa", không những nhân dân cầu gì được nấy, mà ông còn bằng một trận mưa máu, giết chết quân xâm lược Minh. Vì vậy, chùa Bối Khê, quê ông, và chùa Trăm Gian, nơi ông đắc đạo, đều thờ ông. Có ba nhân vật khác cũng được thờ trong nhiều chùa, đó là Từ Đạo Hạnh (?-1117), Dương Không Lộ (?-1119) và Nguyễn Minh Không (1066-1141). Đây là ba nhà sư thời Lý mà tiểu sử của họ đã được chép trong *Thiền uyển tập anh,* một tác phẩm thời Trần. Đạo Hạnh và Minh Không thuộc phái Thiền Tì Ni Đa Lưu Chi (Vinitaruci), Không Lộ thuộc phái Thiền Vô Ngôn Thông. Nhưng theo tiểu sử, cũng như truyền thuyết, ba người này đều có pháp thuật cao cường, thần thông biến hóa. Từ Đạo Hạnh đã đầu thai làm vua Lý Thần Tông. Các nơi thờ Đạo Hạnh như chùa Láng, chùa Thầy (Hà Nội), đều thờ Lý Thần Tông, được coi là hóa thân của ông. Còn Nguyễn Minh Không thì được coi là người đã chữa được bệnh điên hóa thành hổ của vua Lý Thần Tông. Truyền thuyết về Minh Không và Không Lộ có nhiều điểm lẫn lộn với nhau, đến nỗi ở nhiều nơi, người ta đã đồng nhất hai người này làm một. Minh Không và Không Lộ được thờ trong rất nhiều chùa ở đồng bằng Bắc Bộ, như chùa Keo (tỉnh Thái Bình), chùa Cổ Lễ (tỉnh Nam Định), chùa Quán Sứ (Hà Nội)... Trong các chùa này, họ được thờ không phải với tư cách là thiền sư hay vị tổ nữa, mà như những "đức thánh", tức các vị thần thực sự.

Ngoài những vị thần, hay đúng hơn là "bán thần", được thờ trong loại chùa "tiền Phật hậu Thần", chúng ta có thể gặp trong các chùa Việt Nam những nhân vật lịch sử thực sự được thờ. Họ là những ông quan, những danh sĩ hay những vị tướng đã có công với nước hay với nhân dân một vùng. Đó là Mạc Đĩnh Chi (1272-1346), trạng nguyên thời Trần, được thờ ở chùa Dâu (tỉnh Bắc Ninh), đó là Đặng Tiến Đông, vị tướng thời Tây Sơn, được thờ ở chùa Trăm Gian (Hà Nội)...

Ban thờ vua Lý Thái Tổ
tại chùa Phật Tích, tỉnh Bắc Ninh (2009)

Trong các chùa này, thường có tượng chân dung của các nhân vật lịch sử được thờ.

Một loại nhân vật khác cũng được thờ trong các chùa là những người góp tiền của và đứng ra chủ trì việc xây dựng hay trùng tu chùa. Đáng chú ý là trong nhiều chùa ở miền Bắc, phần lớn các nhân vật này là nữ, họ thường là cung phi của vua Lê, chúa Trịnh hay phu nhân của đại thần, quý tộc. Chẳng hạn, ở chùa Bút Tháp (tỉnh Bắc Ninh), có cả phủ thờ với tượng của thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc, công chúa Lê Thị Ngọc Duyên và quận chúa Trịnh Thị Ngọc Cơ là những người đã góp công của xây dựng chùa vào thế kỷ XVII. Ở chùa Mía (Hà Nội), Bà Chúa Mía, một cung tần ở phủ chúa Trịnh, cũng được thờ trong một khám riêng bên trái Phật điện.

Một hình thức thờ tự khác gắn với các chùa Việt Nam là thờ "hậu". Hình thức này có mối liên hệ với tập tục thờ cúng tổ tiên đã hình thành lâu đời ở người Việt Nam. Con cháu phải thờ cúng tổ tiên, và những người chết phải được con cháu đang sống thờ cúng. Thật đau khổ và bất hạnh cho những ai không có con cháu để thờ cúng mình sau khi chết. Vì thế, nhiều người không có con muốn được thờ cúng sau khi chết, đã tìm đến nhà chùa. Họ đóng góp cho chùa một số tiền hay ruộng đất và xin nhà chùa cúng lễ họ sau khi chết. Sự thờ cúng đó gọi là thờ "hậu" ("hậu" có nghĩa là *sau,* tức thờ cúng sau khi chết, thay cho những người hậu tự, tức con cháu nối dõi). Ruộng đất của những người này cúng vào chùa được gọi là ruộng "hậu". Trong nhiều chùa, có bàn thờ "hậu", thường là một hành lang với những bát hương, đặt trước những tấm bia đá, gọi là bia "hậu", trên đó khắc rõ tên tuổi, quê quán của những người không có con cháu nối dõi, thường là cả vợ và chồng, cùng với số tiền hoặc ruộng họ đóng vào chùa và yêu cầu được thờ ở chùa. Những bài văn bia này mang tính chất những bản "hợp đồng". Có nhiều chùa có rất nhiều bia hậu. Ở chùa Cổ Lễ (tỉnh Nam Định), các bia hậu được gắn dày đặc trên tường hành lang bao quanh chính điện.

Trên đây là vài nét khái quát về chùa Việt Nam qua cái nhìn đương đại. Nhưng xem xét như vậy, sẽ không thấy rõ được những yếu tố lịch đại đã quy tụ lại trong thời gian hiện tại. Những dạng chùa tồn tại như hiện nay là kết quả của lịch sử. Có những ngôi chùa mà bản thân chúng đã trở thành những bảo tàng thực sự, bảo tồn những di tích của các thời kỳ lịch sử khác nhau. Nhưng không phải chỉ có những di tích "chết". Quá khứ, với nhiều lớp khác nhau, vẫn hiện ra trong các hội chùa, sống động, đậm đà bản sắc dân tộc. Và như vậy, không thể không xem xét vị trí của ngôi chùa trong đời sống văn hóa Việt Nam. Chúng ta sẽ tiếp tục khảo sát các vấn đề đó trong các phần sau.

CHÙA VIỆT NAM qua các thời kỳ lịch sử

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam vào khoảng đầu Công nguyên. Bấy giờ, Việt Nam còn là Giao Châu (dưới sự thống trị của đế chế Hán). Các nhà sư Ấn Độ đã đến đây theo những con đường của thương nhân, gồm cả đường bộ và đường thủy. Trung tâm Phật giáo sớm nhất ở Giao Châu là Luy Lâu, tức vùng Dâu, nay là Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Theo sách *Tam Quốc chí, Ngô chí,* mỗi lần viên thái thú Sĩ Nhiếp (177-266) đi ra ngoài, có nhiều người Hồ đi theo bên xe của ông, người Hồ nói tới ở đây là những người Ấn Độ hay Trung Á. Đó là tình hình Luy Lâu vào cuối thế kỷ II đầu thế kỷ III.

Cũng vào thời của Sĩ Nhiếp, theo *Cổ Châu Pháp Vân Phật Bản Hạnh* [1] trong số các nhà sư Ấn Độ đến Việt Nam, có nhà sư Khâu Đà La (Ksudra), cũng gọi là Già La Chà Lê (Kalacarya), có nghĩa là "Ông thầy Đen", đã đến Luy Lâu. Theo truyền thuyết, có một cô gái tên là Man Nương đã có thai khi Khâu Đà La vô tình bước qua mình. Đứa bé gái mà Man Nương sinh ra đã được Khâu Đà La đặt vào thân một cây đa. Cây đa về sau bị đổ, trôi xuống sông, và dân làng đã lấy gỗ của cây, tạc thành các tượng nữ thần Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện, đem vào thờ trong bốn ngôi chùa ở vùng Dâu, tức các chùa Tứ Pháp đã nói tới ở phần trên.

Có thể thấy, qua những truyền thuyết này, sự kết hợp giữa Phật giáo trong buổi đầu du nhập với các tín ngưỡng dân gian cổ truyền. Khó có thể hình dung ngôi chùa đầu tiên có hình dáng như thế nào. *Cổ Châu Pháp Vân Phật Bản Hạnh* kể rằng Khâu Đà La "lập am dưới gốc cây đa". Ngay nhiều thế kỷ về sau, nhiều ngôi chùa ban đầu cũng chỉ là những "thảo am" làm bằng tranh tre. Có thể những ngôi chùa đầu tiên vốn là những ngôi đền thờ các thần truyền thống mà người ta đã đặt thêm điện thờ Phật vào đó. Không phải người ta đã đặt tượng Tứ Pháp vào các chùa thờ Phật mà đã đặt bàn thờ Phật vào các đền thờ Tứ Pháp, tức đền thờ các nữ thần nông nghiệp đã có từ trước. Và đến lượt, các nữ thần này được Phật hóa, trở thành các Phật Bà.

Từ khoảng đầu Công nguyên cho đến khoảng thế kỷ IV hoặc thế kỷ V, Phật giáo ở Việt Nam chủ yếu chịu các ảnh hưởng Ấn Độ. Số tăng sĩ Ấn Độ và Trung Á đến đây ngày một nhiều. Một nhà sư nổi tiếng vào thế kỷ III là Khang Tăng Hội. Bố mẹ ông là những lái buôn từ Khang Cư đến Giao Châu. Tăng Hội sinh ra ở đây và lên mười tuổi thì cha mẹ đều chết. Ông theo Phật giáo ở Giao Châu, trở thành một nhà sư tinh thông tiếng Hán và tiếng Phạn, mãi đến năm 247, ông mới sang kinh đô Kiến Nghiệp và tại đây, ông đã cùng với các nhà sư khác, phiên dịch nhiều kinh điển Phật giáo. Việc Khang Tăng Hội trưởng thành ở Giao Châu chứng tỏ nơi này bấy giờ đã là một khu vực Phật giáo phát triển. Cũng trong thế kỷ III, một nhà sư Nhục Chi là Chi Cương Lương Tiếp (Kalasivi) cũng đã đến Giao Châu và dịch tại đây bộ kinh *Pháp Hoa Tam Muội* (Saddharmasamadhi-sutra). Đáng chú ý là đã có một nhà sư Việt Nam

---

(1) Bản hiện còn bằng chữ Nôm in năm Cảnh Hưng thứ 13 (1752).

tên là Đạo Thanh đã giúp đỡ Chi Cương Lương Tiếp trong việc dịch kinh. Như vậy là ở Giao Châu dần hình thành một trung tâm dịch kinh. Vào thế kỷ V, chúng ta biết đến một nhà sư Ấn Độ ở đây là Đạt Ma Đề Bà (Dharmadeva) và người học trò Việt Nam xuất sắc của ông là Huệ Thắng. Về sau, Huệ Thắng đã được mời sang Giang Tô để giảng kinh.

Chúng ta có thể nghĩ rằng với sự phát triển của Phật giáo, số chùa chiền ở Giao Châu nhất định tăng lên. *Lý hoặc luận,* được coi là tác phẩm của Mâu Bác ở thế kỷ II, nhưng nhiều nhà nghiên cứu đã nghi ngờ niên đại này, mà cho là thuộc thế kỷ III, hoặc thậm chí thuộc thế kỷ V[(1)], dù sao cũng đã phản ánh sự phát triển của tăng đoàn ở Giao Châu. Nhưng từ tác phẩm này, ngoài một số chi tiết như các nhà sư cạo đầu, mặc áo đỏ, chúng ta không biết gì hơn về các chùa chiền ở đây.

Vì đây là thời kỳ Phật giáo Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Ấn Độ, nên có người cho rằng chùa bấy giờ có hình thức kết hợp giữa tịnh xá (*vihara*) và Phật điện (*caitya*), nghĩa là có các tăng phòng làm nơi ở và tu đạo cho các sư và nơi thờ Phật. Bình đồ kiến trúc chùa thời kỳ này có thể là theo hình vuông. Có thể đã xuất hiện các tháp (stupa). Vì chưa tìm thấy dấu vết một ngôi chùa nào trong thời kỳ này nên những ý kiến nêu trên chỉ là giả thuyết. Tuy nhiên, những ý kiến trên không phải là không có phần hợp lý. Những kiến trúc Phật giáo có bình đồ vuông còn tồn tại đến các giai đoạn sau.

Do chỗ Phật giáo ngay từ khi du nhập vào Việt Nam đã là Phật giáo Đại Thừa (Mahayana), nên ta có thể nghĩ rằng trong Phật điện bấy giờ đã có tượng hoặc tranh của các Phật và Bồ Tát.

Nhưng ảnh hưởng của Phật giáo Trung Quốc cũng một ngày một tăng ở Việt Nam. Càng ngày càng có nhiều nhà sư Trung Quốc đến Việt Nam. Một trong những nhà sư đã đưa tín ngưỡng Tịnh Độ A Di Đà đến Việt Nam là Đàm Hoằng, ông đã tự thiêu ở chùa Tiên Sơn vào năm 455.

Trong *Hoằng Minh tập* của Tăng Hựu, còn có chép sáu bức thư thảo luận về Phật giáo giữa hai nhà sư Việt Nam là Đạo Cao và Pháp Minh với viên quan Trung Quốc ở Giao Châu là Lý Miễu vào khoảng thế kỷ V. Trong một bức thư, Đạo Cao cũng đã nhắc đến những hoạt động của các tăng sĩ và tín đồ lúc bấy giờ như có kẻ ngồi thiền trong rừng, có người lễ Phật, bái tăng, có người ca hát tán thán Phật...

Vào thế kỷ VI, có một sự kiện đáng chú ý: Lý Bí đã nổi dậy, đánh đuổi quan quân Trung Quốc, giành lại nền độc lập và trong thời gian ở ngôi vua ngắn ngủi của mình (541-547), ông đã cho xây dựng ngôi chùa Khai Quốc (có nghĩa là "Mở Nước"), sau này là chùa Trấn Quốc (Hà Nội).

Phật giáo Việt Nam càng phát triển mạnh trong thời Tùy (581-618) và thời Đường (618-907). Đến thời kỳ này, ở Việt Nam đã có khá nhiều chùa tháp. Chùa tháp không chỉ phổ biến trong các trung tâm ở lưu vực sông Hồng như Luy Lâu, Đại La mà còn có mặt cả ở những vùng xa về phía nam như Nhật Nam.

Theo *Thiền uyển tập anh,* năm 580, Tì Ni Đa Lưu Chi (Vinitaruci) nhà sư người Nam Ấn Độ, nhưng là học trò của Tăng Xán, tổ thứ ba của Thiền Tông Trung Quốc, đã đến Giao Châu, trụ trì ở chùa Pháp Vân tức chùa Dâu, mở ra một

---

(1) E. Zürcher. *The Buddhist Conquest of China.* Leiden, E.J. Brill, 1972, pp. 13-15.

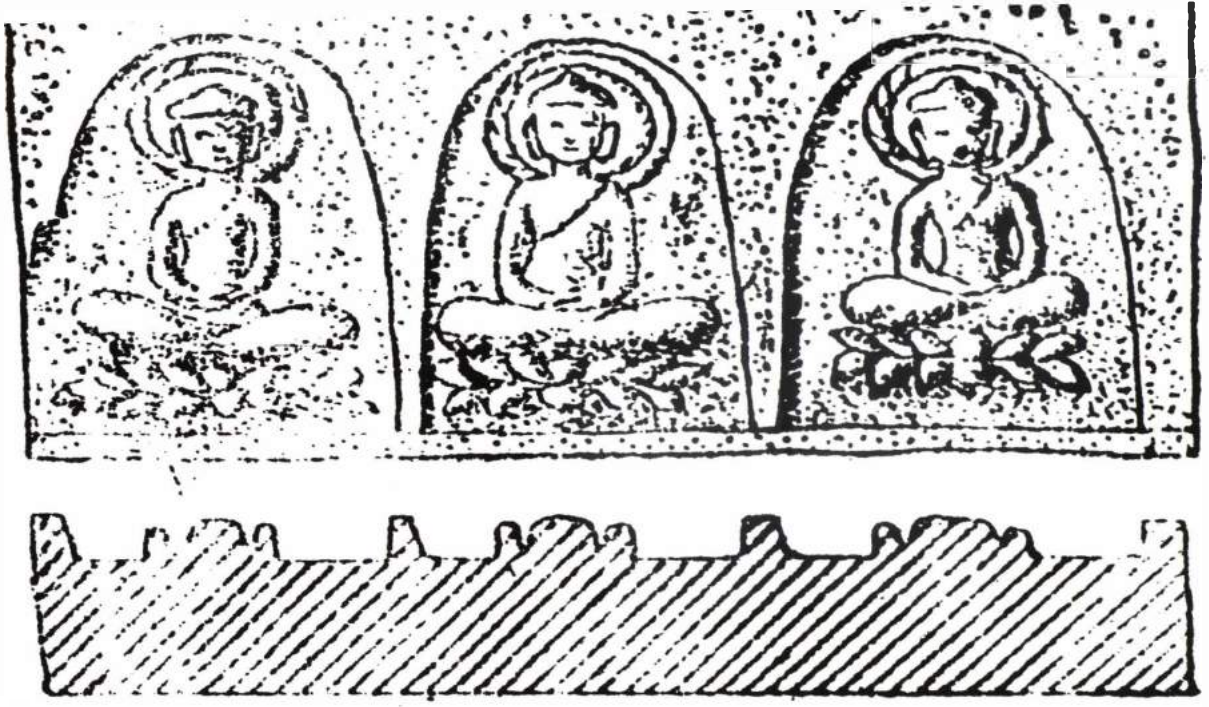

Gạch ở Nhạn Tháp, tỉnh Nghệ An

phái Thiền ở Việt Nam. Ông chết năm 594. Học trò trực tiếp của ông là nhà sư Việt Nam Pháp Hiền (?-626). Phái Thiền của Tì Ni Đa Lưu Chi tiếp tục truyền qua nhiều thế hệ, cho đến thế kỷ XIII.

Cũng theo *Thiền uyển tập anh,* sau khi Tì Ni Đa Lưu Chi chết, sư Pháp Hiền đã dựng chùa Chúng Thiện, trên núi Thiên Phúc huyện Tiên Du (tỉnh Bắc Ninh) và khi vua Tùy Cao Tổ (tức Tuỳ Văn Đế) sai sứ đem các hòm xá lị đến thì Pháp Hiền đã chia cho chùa Pháp Vân cùng những chùa có tiếng khác ở các Châu Phong (vùng Vĩnh Phúc, Phú Thọ ngày nay), Trường (vùng Ninh Bình ngày nay), Ái (vùng Thanh Hóa ngày nay) và Hoan (vùng Nghệ An và Hà Tĩnh ngày nay) để các chùa này xây tháp chứa xá lị.

Việc Tùy Văn Đế ra lệnh xây tháp xá lị trong khoảng các năn 601-604 được chép trong nhiều tài liệu Phật giáo Trung Quốc nhưng *Quảng Hoằng Minh tập, Tập Thần Châu tam bảo Hàm Thông lục, Tục Cao tăng truyện,* nhưng riêng ở Giao Châu, chỉ thấy nói đến việc xây tháp ở chùa Thiền Chúng. Chùa Thiền Chúng[1] phải chăng là chùa Chúng Thiện của nhà sư Pháp Hiền?[2]. Điều thú vị là các nhà khảo cổ học Việt Nam đã tìm thấy vết tích một ngôi tháp thời Tùy Đường. Đó là Tháp Nhạn ở thôn Nhạn Tháp, xã Hồng Long, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An[3]. Tháp xây bằng gạch, nay đã đổ, chỉ còn lại phần chân tháp gần hình vuông: 9,6m x 9m. Xung quanh chân tháp cũng là một sân lát gạch gần vuông, chiều bắc nam dài 14,2m, chiều đông tây dài 14m. Đã tìm thấy nhiều viên gạch, ngói, ngói ống có hình trang trí. Trên một số viên gạch, có hình voi và sư tử. Đặc biệt là trên một viên gạch, có phù điêu ba vị Phật ngồi trên tòa sen, trên đầu có vòng hào quang,

---

(1) *Quảng Hằng Minh tập*, quyển 17

(2) Bấy giờ hương Dịch Bảng (Đình Bảng ngày nay) cũng có ngôi chùa tên là Thiện Chúng. Cũng có khả năng chùa Thiền Chúng là chùa này.

(3) Trần Anh Dũng và Nguyễn Mạnh Cường: *Tháp Nhạn ở Nghệ Tĩnh qua hai lần khai quật, Khảo cổ học* số 3, 1987, tr.69-83.

tay đặt theo thế ấn thiền định (dhyanamudra). Khó mà biết được tên của ba vị Phật đó, phải chăng đó là Đa Bảo Như Lai, Diệu Sắc Thân và Quảng Bác Thân mà các minh văn Phật giáo Việt Nam ở thế kỷ X và XI thường nhắc đến? Nhưng cũng có thể đó là hình ảnh bộ ba Phật tam thế. Dầu sao thì đó cũng là nghệ thuật của Phật giáo Đại Thừa.

Điều quan trọng là khi khai quật lòng tháp, các nhà khảo cổ học đã gặp hai mảnh thân cây khoét rỗng ghép thành một trụ tròn chôn thẳng đứng. Trong thân cây chứa đầy than củi và đất xốp, có một chiếc hộp bằng đồng khối chữ nhật, dài 12cm, rộng 8cm, cao 8cm. Bên trong chiếc hộp đồng lại có một chiếc hộp bằng vàng, dài 8cm, rộng 5cm và cao 5,5cm. Nắp hộp và thân hộp đều có trang trí hình những bông hoa. Trong chiếc hộp vàng, có tro, mảnh những hạt gạo cháy và hai viên tròn màu trắng mà những người khai quật cho là những viên xá lị và do đó, họ coi chiếc hộp là hộp đựng xá lị. Nếu đúng như thế thì Tháp Nhạn là tháp xá lị. Khó có thể nói đây là một trong những tháp xá lị mà Tuỳ Văn Đế đã cho dựng. Nhưng việc tìm thấy một cây tháp xá lị thời Tùy Đường - mà tháp thì luôn ở bên cạnh ngôi chùa - ở xa vùng lưu vực sông Hồng (ngày nay cách Hà Nội gần 300km) chứng tỏ bấy giờ ảnh hưởng của Phật giáo đã lan rộng khắp đất nước này.

Việc đặt hộp xá lị vào trong thân cây khoét rỗng cũng gợi chúng ta nhớ đến tục chôn người chết trong những quan tài khoét bằng thân cây trong thời kỳ văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam. Các tháp xá lị vẫn được coi là tháp mộ, khác với các tháp kỷ niệm. Phải chăng ở đây, có sự tiếp hợp giữa Phật giáo với những truyền thống bản địa lâu đời?

Theo *Thiền uyển tập anh,* năm 820, một nhà sư Trung Quốc là Vô Ngôn Thông, học trò của vị tổ Thiền Tông là Bách Trượng Hoài Hải (720-814), đã đến Việt Nam, trụ trì tại chùa Kiến Sơ (nay ở xã Phù Đổng, Hà Nội), lập ra một phái Thiền mới ở Việt Nam. Ông mất năm 826. Học trò trực tiếp của ông là nhà sư Cảm Thành (?-860). Phái Thiền Vô Ngôn cũng truyền qua nhiều thế hệ, và là nguồn gốc trực tiếp của phái Trúc Lâm thời Trần. Ở chùa Kiến Sơ hiện nay, vẫn có tượng Vô Ngôn Thông, tất nhiên đó chỉ là một tác phẩm điêu khắc đời sau.

Với sự phát triển của Phật giáo, thời thuộc Đường là thời kỳ hình thành một tầng lới cao tăng người Việt Nam. Họ là đại diện cho giới trí thức đương thời. Một số đã đến giảng kinh cho vua Đường ở Trường An và trở thành bạn bè với những nhà thơ Đường nổi tiếng. Chẳng hạn, khi nhà sư Phụng Đình rời Trường An, nhà thơ Dương Cự Nguyên (cuối thế kỷ VIII, đầu thế kỷ IX) có bài thơ tiễn, với những câu:

... Từ nay, vắng tiếng giảng kinh luận
ở cửa khuyết

Các hoa thơm lại nổi lên ở ngoài biển.

... Khi lòng tưởng nhớ đến Trường An

Hẳn là vào lúc tiếng chuông khuya
buông ở Giao Châu...

Nhà thơ Giả Đảo (793-865) cũng có bài thơ tiễn nhà sư Duy Giám về nước:

... Giảng kinh trong điện vua mùa xuân,
Hoa bay quanh giường ngự

Ông đã rời biển nam bao năm tháng,
Nay trở về núi rừng cũ...

Nhà thơ Thẩm Thuyên Kỳ (?-713), khi đến Việt Nam, cũng đã đến tận chùa Sơn Tĩnh, quận Cửu Chân (nay là Thanh Hóa) để thăm nhà sư

Vô Ngại mà ông tự coi mình là đệ tử. Chùa Sơn Tĩnh cũng khuất trong khe núi. Nhà thơ Trương Tịch (765-830) cũng có một bài thơ tặng một nhà sư tu trong núi ở Nhật Nam (hẳn là vùng Nghệ An, Hà Tĩnh).

Nhiều nhà sư Việt Nam khác đã vân du đến các nước Đông Nam Á hoặc Ấn Độ, mà tên tuổi của họ đã được nhà sư Trung Quốc nổi tiếng là Nghĩa Tĩnh (635-713) nhắc đến trong bộ sách *Đại Đường cầu pháp cao tăng truyện.* Trong số nhà sư Việt Nam đến Ấn Độ, có Đại Thừa Đăng, tên Phạn là Mahayanapradipa, quê Ái Châu (Thanh Hóa ngày nay), từng là học trò của nhà sư Huyền Trang (602-664) nổi tiếng ở kinh đô Trường An (Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình).

Các nhà sư Việt Nam thời đó còn là đại biểu tinh thần cho tầng lớp hào trưởng, thủ lĩnh các địa phương, đang tiến hành cuộc đấu tranh giành lại quyền tự chủ cho dân tộc. Nhiều nhà sư và phật tử đã ủng hộ và tham gia cuộc đấu tranh đó.

Chính vì vậy mà sau chiến thắng Bạch Đằng (trên sông Bạch Đằng, tỉnh Quảng Ninh) năm 938*, đất nước Việt Nam đã độc lập, trong khi Nho giáo chưa có địa vị đáng kể thì Phật giáo đã có một ảnh hưởng rất lớn không những đối với đời sống tâm linh mà cả đời sống chính trị. Các vương triều của thời kỳ độc lập, từ Ngô (939-944), Đinh (968-979), Lê (980-1005) cho đến Lý, Trần đều ủng hộ Phật giáo. Đó là thời kỳ hoàng kim của Phật giáo trong lịch sử Việt Nam. Chùa tháp Phật giáo Việt Nam cũng bước vào một giai đoạn phát triển mới.

Chúng ta đã biết rằng trong thời Tùy Đường, các ngôi chùa đã mọc lên khắp nơi trên đất nước này, nhưng hai trung tâm lớn vẫn là Luy Lâu, tức vùng bắc sông Đuống (Bắc Ninh ngày nay) và Đại La tức Hà Nội ngày nay.

Trong thế kỷ X, nhà Đinh, và tiếp đó là nhà Lê, vì các mục đích quân sự, đã đóng đô ở Hoa Lư (Trường Yên, Ninh Bình). Một tòa thành được xây dựng trong thung lũng giữa các dãy núi đá vôi, và cùng với nó, là các chùa tháp. Chỉ dựa vào *Thiền uyển tập anh,* cũng có thể biết một số tên chùa ở Hoa Lư bấy giờ như chùa Đại Vân, chùa Vạn Tuế (chùa này ở trong đại nội)[1] Ngoài ra, còn có nhiều chùa khác. Chùa Tháp là ngôi chùa mà nay chỉ còn thấy dấu vết nền cũ ở ven sông Hoàng Long. Trong số đá tảng chân cột, có viên hình vuông cạnh dài đến 1,06m và vòng tròn kê cột có đường kính 0,68m. Có lẽ ngôi chùa xưa là một kiến trúc rất lớn. Chùa Bà Ngô ở Hoa Lư tương truyền cũng được xây dựng từ thời Đinh. Bài văn trên tấm bia đá thời Nguyễn ở chùa này có câu: "Chùa Bà Ngô trong ấp ta là một danh lam ở đô cũ nước Cồ Việt". Cồ Việt, tức Đại Cồ Việt, quốc hiệu Việt Nam thời Đinh. Chùa này thờ Bà Ngô, một nữ thần. Hẳn là ở đây, cũng như trung tâm Luy Lâu và nhiều nơi khác, tín ngưỡng Phật giáo đã gắn với tín ngưỡng dân gian, với sự sùng bái các nữ thần nông nghiệp.

Ở Hoa Lư, còn có chùa Nhất Trụ (Một Cột). Ngôi chùa hiện tại không phải là kiến trúc cổ. Chùa có tên là Nhất Trụ vì trước chùa hiện còn một cột đá cao 3m, có 8 mặt, khắc bài thần chú trong kinh Lăng Nghiêm (Surangama-Sutra) và một số bài kệ, cũng những dòng chữ cho biết vua Lê Đại Hành (tên thật là Lê Hoàn, sáng lập ra nhà Tiền Lê) đã cho dựng cột đá này vào khoảng năm 995.

---

(1) Ở Thăng Long, cũng có chùa tên là Vạn Tuế. Chùa này được dựng khi nhà Lý dời đô về đây.

Đáng chú ý là từ năm 1963 cho đến nay, đã tìm được ở Hoa Lư gần hai chục cột đá khắc các minh văn liên quan đến Phật giáo, bên bờ sông Hoàng Long, cách đền vua Đinh khoảng 2km. Đó là những cột đá có 8 mặt dài trong khoảng 0,5m đến 0,7m. Trên cột đá tìm được năm 1963, có dòng chữ ghi rõ rằng Việt vương Đinh Khuông Liễn, tức con trai vua Đinh Tiên Hoàng, đã cho dựng một trăm cột kinh như thế vào năm Quý Dậu (năm 973). Trên cột này có khắc bài thần chú *Phật đỉnh tôn thắng đà la ni* (Usnisavijiayadharani) bằng chữ Hán ghi âm tiếng Phạn[1].

Trên một cột kinh tìm được năm 1964, ngoài bài chú *Phật đỉnh tôn thắng đà la ni,* còn có một bài kệ chữ Hán khá dài. Qua bài kệ này, chúng ta thấy được một thần điện Đại Thừa, với rất nhiều Phật, nhiều Bồ Tát, có các bộ quan Thiện Ác và Diêm Vương (Yama) ở địa ngục, cùng với đội quân quỷ Dạ Xoa (yaksas) dưới quyền của viên đại tướng Tán Chi (sanjaya hay Pancika)[2]...

Trên một số cột kinh tìm được năm 1987, lại có đoạn ghi rằng Việt Vương Đinh Khuông Liễn đã dựng một trăm bảo tràng (ratnadhvaja, chỉ các cột kinh) để cầu cho linh hồn người em là Đính Noa Tăng Noa bị ông giết được siêu thoát. Đính Noa Tăng Noa bị giết vì tội được ghi trên cột kinh là "không trung hiếu thờ cha (chỉ Đinh Tiên Hoàng) và trưởng huynh (chỉ Liễn), lại có ác tâm". Theo *Đại Việt sử ký toàn thư,* vào mùa xuân năm Kỷ Mão (979), Đinh Liễn đã giết em là Hạng Lang, vì Hạng Lang được vua cha là Đinh Tiên Hoàng lập làm hoàng thái tử mà không lập Liễn. Nếu Đính Noa Tăng Noa và Hạng Lang là một người[3] thì những cột kinh này phải được dựng vào năm 979, sau khi Hạng Lang bị giết và trước khi Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn bị ám sát (979). Như vậy, các cột kinh tìm thấy ở Hoa Lư đã được tạo ra trong những thời điểm khác nhau. Trên tất cả các cột kinh này cũng đều có khắc bài chú *Phật đỉnh tôn thắng đà la ni.* Việc phổ biến các đà la ni (dharani), tức các thần chú, nói lên rằng Phật giáo Việt Nam bấy giờ chịu ảnh hưởng của Mật giáo (Tantrism). Cần lưu ý là các bản *Phật đỉnh tôn thắng đà la ni* được khắc trên các cột đá ở Hoa Lư rất gần với bản dịch của nhà sư Bất Không (Amoghavajra) (704-774), một vị tổ của Mật Tông ở Trung Quốc, đã tìm thấy ở Đôn Hoàng.

Hiện nay, các cột kinh Hoa Lư nói trên đều tìm thấy trong lòng đất, nhưng hẳn xưa kia, chúng được dựng quanh những ngôi chùa. Những cột đá 8 mặt có khắc chữ kiểu như vậy, sau này, còn thấy dựng trước tháp Phổ Minh thời Trần.

Trong khi các chùa tháp được xây dựng ở Hoa Lư, thì ở các trung tâm đã có từ trước, Phật giáo vẫn tiếp tục phát triển. Khuông Việt đại sư Ngô Chân Lưu (933-1011), nhà sư nhiều thế lực thuộc phái Thiền Vô Ngôn Thông, là tăng thống (người cầm đầu Phật giáo) và cố vấn của các vua Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành, vẫn mở mang chùa Khai Quốc ở Đại La (sau này là Thăng Long), biến nơi này thành một nhà trường đào tạo tăng sĩ. Học trò của ông là Đa Bảo đã từng học ở đây, và về sau, tu ở chùa Kiến Sơ, tổ đình của phái Vô Ngôn Thông. Đa Bảo cũng trở thành một cố vấn của vua Lý Thái Tổ.

---

(1) Hà Văn Tấn: *Từ một cột kinh Phật năm 973 vừa phát hiện ở Hoa Lư. Nghiên cứu lịch sử* số 78, 1965, tr.39-50.

(2) Hà Văn Tấn: *Cột kinh Phật thời Đinh thứ hai ở Hoa Lư. Khảo cổ học* số 5-6, 1970, tr.24-31.

(3) Chú ý là chữ Đính 頂 và chữ Hạng 項 rất gần nhau.

Chùa Kiến Sơ Hà Nội (1991)

Khi triều đại Lý (1010-1225) bắt đầu, và vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long (Hà Nội ngày nay) năm 1010 thì Phật giáo Việt Nam phát triển lên một bước mới, Lý Thái Tổ lên được ngôi báu một phần cũng nhờ sự ủng hộ của giới Phật giáo, mà người góp phần to lớn vào việc này là Vạn Hạnh (?-1025), nhà sư thuộc thế hệ mười hai của phái Thiền Tì Ni Đa Lưu Chi.

Ngoài hai phái Thiền Tì Ni Đa Lưu Chi và Vô Ngôn Thông đã có từ trước và phát triển suốt thời Lý, vào khoảng năm 1069, một phái Thiền mới được lập nên do nhà sư Thảo Đường người Trung Quốc. Phái Thảo Đường phát triển trong những người không xuất gia, trong đó có những ông vua như Lý Thánh Tông, Lý Anh Tông, Lý Cao Tông và các đại thần.

Xem xét việc xây dựng chùa tháp thời Lý cũng thấy được phần nào sự phát triển Phật giáo dưới triều đại này.

Mở những quyển biên niên như *Đại Việt sử lược, Đại Việt sử ký toàn thư,* ta thấy gần như trong tất cả các đời vua Lý, đời nào cũng có ghi việc xây dựng chùa tháp. Vừa dời đô về Thăng Long, năm 1010, Lý Thái Tổ đã cho xây dựng một loạt chùa ở đây. Đó là chùa Hưng Phúc ở trong thành, chùa Thắng Nghiêm ở ngoài thành. Năm sau, 1011, lại dựng thêm chùa Vạn Tuế ở trong thành, còn ngoài thành thì dựng thêm các chùa Tứ Đại Thiên Vương, Cẩm Y, Long Hưng, Thánh Thọ. Năm 1012, dựng hai chùa Thiên Quang và Thiên Đức. Đến năm 1024, lại xây thêm chùa Chân Giáo ở trong thành để vua đến xem tụng kinh.

Lý Thái Tông lên ngôi, năm 1031, phát tiền thuê thợ dựng một loạt 150 sở chùa thờ Phật và quán Đạo giáo. Năm 1041, xây viện* Từ Thị Thiên Phúc ở núi Tiên Du. Năm 1049, dựng chùa Diên Hựu, tức chùa Một Cột ở Thăng Long[1].

Trong đời Lý Thánh Tông, chùa Sùng Khánh Báo Thiên (thường được gọi là chùa Báo Thiên, ở khu vực Nhà Thờ Lớn Hà Nội hiện nay) được xây

---

(*) Viện cũng là chùa

(1) Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản kỷ, q.2, t.37a) thì chùa Diên Hựu xây năm 1049, còn theo *Đại Việt sử lược* (q.2, tr.19b) thì chùa này được dựng năm 1101, tức sau đến 52 năm.

dựng năm 1056. Năm sau, 1057, dựng hai chùa Thiên Phúc, Thiên Thọ và xây tháp Đại Thắng Tư Thiên ở chùa Sùng Khánh Báo Thiên (thường được gọi là tháp Báo Thiên). Năm 1058, xây tháp Tường Long ở Đồ Sơn (Hải Phòng). Năm 1059, xây chùa Sùng Nghiêm Báo Đức. Năm 1066, xây tháp ở núi Tiên Du (Bắc Ninh). Năm 1070, xây chùa Nhị Thiên Vương ở Thăng Long.

Lý Nhân Tông lên ngôi, lại thêm nhiều chùa tháp được xây dựng. Mẹ vua là thái hậu Linh Nhân (Ỷ Lan) trước sau đã cho dựng hơn một trăm ngôi chùa. Năm 1086, ngôi chùa ở núi Lãm Sơn[1] bắt đầu được xây dựng, mãi đến năm 1094 mới hoàn thành, được gọi là chùa Cảnh Long Đồng Khánh. Tháp của chùa này cũng được xây năm 1088. Năm 1099, xây chùa ở núi An Lão và năm 1100, xây chùa Vĩnh Phúc ở núi Tiên Du. Năm 1105, mở mang chùa Diên Hựu (tức chùa Một Cột), xây hai ngọn tháp ở đây. Cùng năm, lại xây thêm ba ngọn tháp ở chùa Lãm Sơn tức chùa Dạm (tỉnh Bắc Ninh). Năm 1108, tháp Vạn Phong Thành Thiện được xây dựng trên núi Chương Sơn (nay là núi Ngô Xá, ở xã Yên Lợi, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định), mãi đến năm 1117 mới hoàn thành. Năm 1114, xây chùa Thắng Nghiêm (đến năm 1118 mới xong) và lầu Thiên Phật để đặt một nghìn pho tượng Phật. Năm 1115, chùa Sùng Phúc ở hương Siêu Loại (Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) hoàn thành. Năm 1118, tháp Sùng Thiện Diên Linh ở Đọi Sơn (tức núi Đọi ở huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam) bắt đầu được xây dựng và đến năm 1121 thì hoàn thành. Năm 1119, làm xong chùa Tịnh Lự. Năm 1121, khánh thành chùa Bảo Thiên và bắt đầu xây chùa Quảng Giáo ở núi Tiên Du, đến năm 1123 thì xong. Năm 1123, khánh thành chùa Phụng Từ và năm 1127, khánh thành chùa Trùng Hưng Diên Thọ.

Năm 1134, trong đời Lý Thần Tông, hai chùa Thiên Ninh và Thiên Thọ được xây dựng.

Trong các đời Lý Anh Tông, Lý Cao Tông, không thấy các bộ sử biên niên ghi chép việc xây dựng các chùa mới. Chỉ có việc dựng chùa Pháp Vân (tức chùa Dâu, tỉnh Bắc Ninh) được nhắc đến vào năm 1161, nhưng hẳn chỉ là trùng tu, vì ngôi chùa này được xây dựng từ lâu rồi. Năm 1179, chùa Chân Giáo được sửa chữa mở rộng. Đây là ngôi chùa mà ông vua cuối cùng của triều Lý là Huệ Tông đã đến tu trong những năm cuối cùng của triều đại này.

Trên đây là những ngôi chùa lớn do các vua thời Lý bỏ tiền của xây dựng và được sử sách ghi chép. Ngoài ra, còn có rất nhiều chùa tháp được xây dựng ở các địa phương. Dựa vào các văn bia thời Lý còn đến ngày nay, chúng ta biết thêm một số chùa như chùa Báo Ân ở núi An Hoạch (tức núi Nhồi, tỉnh Thanh Hóa), xây năm 1099, hoàn thành năm 1100. Chùa Bảo Ninh Sùng Phúc ở Chiêm Hóa (tỉnh Tuyên Quang), xây năm 1107. Chùa Linh Xứng ở núi Ngưỡng Sơn (huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa), do Lý Thường Kiệt (tên thật là Ngô Tuấn - 1019-1105, một chỉ huy quân sự kiệt xuất của triều Lý) cho xây, khánh thành năm 1126. Chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh (huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa) xây khoảng năm 1117. Chùa Diên Phúc (huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Định) dựng khoảng năm 1121, xong năm 1122 (từ năm 1197, đổi tên là chùa Viên Quang). Chùa Diên Phúc thôn Cổ Việt (huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên), xây khoảng 1156-1157. Chùa Tự Già Báo Ân ở Tháp Miếu (huyện Mê Linh, Hà Nội), xây xong khoảng 1209...

---

(1) Tức chùa Dạm, trên núi Dạm, ở xã Nam Sơn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Đọc *Thiền uyển tập anh,* chúng ta cũng có thể biết thêm về việc xây dựng và trùng tu nhiều chùa khác trong thời Lý. Chẳng hạn, nhà sư Giới Không, sống vào thời vua Lý Thần Tông, lúc về già, đã trùng tu các chùa hoang phế trong hương Tháp Bát là quê của ông đến 95 sở. *Hương* thời Lý - Trần là một đơn vị hành chính nhỏ hơn huyện, lớn hơn xã. Chỉ một hương thôi mà đã có đến 95 ngôi chùa - chắc là nhiều hơn, nếu kể cả những ngôi không cần trùng tu - thì ta có thể biết chùa bấy giờ nhiều như thế nào. Có thể mỗi làng đã có một ngôi chùa. Chùa đã có mặt ở cả miền núi như chùa Bảo Ninh Sùng Phúc (tỉnh Tuyên Quang). Bấy giờ đã có những *ni viện* tức những ngôi chùa dành riêng cho sư nữ như ni viện Hương Hải, ở Phù Đổng (Hà Nội), nơi ni sư Diệu Nhân (1042-1113) tu hành.

Nhà Lý đã chia các ngôi chùa nổi tiếng, phần lớn là do nhà nước xây dựng, ra làm ba loại: Đại danh lam, trung danh lam và tiểu danh lam.

Qua thời gian, các kiến trúc chùa tháp thời Lý không còn nữa. Nhưng dựa vào các vết tích còn lại, cũng như dựa vào bi ký, chúng ta cũng biết được phần nào quy mô và đặc điểm của một số kiến trúc đó.

Cuộc khai quật khảo cổ học năm 1972 - 1973 ở chùa Lạng (còn có tên là chùa Hương Lãng hay chùa Viên Giác), xã Minh Hải, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên, đã làm lộ rõ một mặt bằng nền chùa thời Lý (khoảng năm 1115) gần hình vuông, gồm ba bậc, bậc thứ nhất 20,2m x 23,6m, bậc thứ hai 15,2m x 18,8m, bậc thứ ba 8,2m x 10,4m. Bậc thứ ba này là nền điện thờ, nay còn bệ tượng Phật bằng đá hình sư tử đội sen[1]. Chùa gần hình vuông, có ba bậc với bốn cửa chung quanh, đúng hướng đông tây nam bắc, có thể là một kiểu chùa phổ biến của thời Lý.

Chùa Bách Môn (huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh), tuy được trùng tu qua nhiều thế kỷ, nhưng còn giữ được một mặt bằng hình vuông, có thể là một mặt bằng của ngôi chùa thời Lý.

Loại chùa có mặt bằng vuông hay gần vuông này có thể là một hình thức kết hợp chùa với tháp như một số người đã nghĩ, đã xuất hiện từ thời Bắc thuộc mà các kiến trúc chùa thời Lý chỉ là một sự tiếp nối.

Thời Lý, có nhiều chùa được xây trên núi. Đối với loại chùa này, các kiến trúc được xây trên những bậc thềm khá cao, có bó đá, bạt sâu vào sườn núi. Ngày nay, những bậc thềm như vậy còn thấy rõ ở một số chùa như Phật Tích (tức chùa Vạn Phúc, xây năm 1057), Dạm (tức chùa Lãm Sơn, xây năm 1086).

Nhìn chung, chùa thời Lý thường là những quần thể gồm các kiến trúc đăng đối, đối xứng qua một trục hay một trung tâm.

Đoạn miêu tả ngôi chùa Diên Phúc trên tấm bia "Cổ Việt thôn Diên Phúc tự bi minh" dựng khoảng năm 1157, ở xã Tân Việt, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên, giúp chúng ta phần nào hình dung được bố cục đối xứng của một ngôi chùa thời Lý: "Lập Cam điện (tức điện Phật) ở chính giữa, dựng hồi lang bên ngoài. Bồ Tát Đại Bi (tức Quan Âm) ngồi nghiêm trang, Văn Thù và Phổ Hiền hầu bên cạnh. Bên trái là Bà Tẩu Tiên Nhân, bên phải là Cộng Lực Thiên Nữ[2]. Bậc dưới của tòa sen, có Tứ Đại Thiên Vương hộ vệ. Hai bên hành lang dọc, xếp tám vị thần

---

(1) Nguyễn Duy Hinh: Suy nghĩ về những lớp kiến trúc chùa Lạng (Hải Hưng), Khảo cổ học, số 2, 1977, tr.76-87.

(2) Hai chị em Thiên thần, một người đẹp tượng trưng cho phúc đức, một người xấu, tượng trưng cho tai họa.

tướng Phật (tức tám vị Kim Cương). Một góc của hành lang trước đặt tượng Pháp Thi[1]. Trong cửa tam quan, Hộ Pháp Thiện Thần đứng sóng đôi. Hoà thượng Chi Sơn[2] và Thổ Địa Đại Vương ngồi đối diện ở hành lang trước. Phía ngoài hành lang trước, bên trái xây lầu để treo chuông khánh, bên phải dựng nhà để đặt văn bia. Bên ngoài tam quan đào hai cái ao để trồng sen mùa hạ. Sau chính điện, mở một sân kho để chứa thóc mùa thu"[3].

Chùa Diên Hựu (tức chùa Một Cột, Hà Nội) thời Lý cũng là một kiến trúc độc đáo. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: "Mùa đông, tháng 10 [Năm Thiên Cảm Thánh Vũ thứ 6 (1049)], dựng chùa Diên Hựu. Trước đây, vua [Lý Thái Tông] chiêm bao thấy Phật Quan Âm ngồi trên tòa sen, dắt vua lên toà. Khi tỉnh dậy, vua đem việc ấy nói với bầy tôi, có người cho là điềm không lành. Có nhà sư Thiền Tuệ khuyên vua làm chùa, dựng cột đá giữa mặt đất, làm tòa sen của Phật Quan Âm đặt trên cột như đã thấy trong mộng. Cho các nhà sư đi lượn vòng xung quanh, tụng kinh cầu cho nhà vua sống lâu. Vì thế gọi là chùa Diên Hựu". "Mùa thu, tháng chín [năm Long Phù thứ 5 (1105)], làm hai ngọn tháp chỏm trắng ở chùa Diên Hựu... Bấy giờ, vua [Lý Nhân Tông] cho chữa lại chùa Diên Hựu đẹp hơn cũ, đào hồ ở đài hoa sen, gọi là hồ Linh Chiểu. Ngoài hồ có hành lang chạm vẽ chạy xung quanh. Ngoài hành lang lại đào hồ gọi là Bích Trì, đều bắc cầu vồng để đi qua. Trước chùa xây bảo tháp. Hằng tháng cứ ngày rằm, mồng một, và mùa hạ, ngày 8 tháng tư, xa giá ngự đến, đặt lễ cầu phúc, bày nghi thức tắm Phật, hằng năm lấy làm lệ thường".

Bia tháp Sùng Thiện Diên Linh dựng năm 1122 ở núi Đọi (huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam) cũng có đoạn nói về chùa Diên Hựu: "Mở chùa Diên Hựu ở vườn Tây Cấm. Dấu vết theo quy mô thuở trước, lo toan do thánh ý ngày nay. Đào ao thơm Linh Chiểu, giữa ao trồi lên một cột đá, trên cột có một đoá hoa sen nghìn cánh xòe ra. Trên hoa dựng ngôi đền đỏ sẫm, trong đền đặt pho tượng sắc vàng. Ngoài ra có hành lang vẽ bao bọc. Ngoài hành lang lại đào ao Bích Trì, bắc cầu cong để đi lại. Ở sân trước cầu, hai bên tả hữu, xây tháp báu lưu ly".

Đoạn văn bia trên xác nhận tính chân thực những ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư* và cho chúng ta thấy rõ cụm kiến trúc chùa Diên Hựu thời Lý đẹp và khác với chùa Một Cột ngày nay.

Cạnh các ngôi chùa thời Lý thường có những tháp cao nhiều tầng. Tháp Báo Thiên ở Thăng Long có 12 tầng, cao đến vài chục trượng[4]. Tháp Sùng Thiện Diên Linh ở chùa Đọi (tỉnh Hà Nam) cao 13 tầng. Tháp Chiêu Ân ở chùa Linh Xứng (tỉnh Thanh Hóa) cao 9 tầng. Tháp chùa Phật Tích (tỉnh Bắc Ninh) cao 10 trượng. Chân tháp Phật Tích hình vuông, mỗi bề 8,5m. Tháp Vạn Phong Thành Thiện ở Chương Sơn (tỉnh Nam Định) có chân rộng mỗi bề đến 19m, có khả năng cao hơn tháp Phật Tích.

Chùa tháp thời Lý được trang trí bằng các tượng tròn và các phù điêu đẹp, một số lớn được chạm khắc trên đá. Đó là tượng voi, sư tử, trâu, ngựa, tê giác (chùa Phật Tích, tỉnh Bắc Ninh), tượng sóc trên thành bậc (ở chùa Lạng,

---

(1) Đỗ Pháp Thi, người lập nên thôn Cổ Việt.

(2) Chưa rõ là ai.

(3) Lê Thị Liên và Tống Trung Tín: Cổ Việt thôn Diên Phúc tự bi minh, một tấm bia thời Lý mới được phát hiện, Khảo cổ học số 1, 1991, tr.7-20. Đoạn dịch trên được sửa chữa một số chỗ.

(4) *Đại Việt sử ký toàn thư* chép là 12 tầng, còn *Đại Việt sử lược* chép là 20 tầng.

tỉnh Hưng Yên và chùa Bà Tấm, Hà Nội), tượng khỉ, tượng vịt (Chương Sơn, tỉnh Nam Định), hình đoàn tiên nữ múa hát (Phật Tích, Chương Sơn), cùng với rất nhiều rồng, phượng và các hoa văn mềm mại, chạm trên đá như cúc dây, hoa sen, sóng nước... Ngoài các đặc điểm Việt Nam, một ảnh hưởng Champa biểu hiện khá rõ trên điêu khắc Phật giáo thời Lý, với những hình chim thần Garuda, vũ nữ Apsara, nữ thần người - chim Kinnari...

Trong chùa thời Lý còn có nhiều bích họa. Bia chùa Linh Xứng chép rằng "quanh tường vẽ dung nghi đẹp đẽ của 16 La Hán cùng mọi hình tướng biến hóa, muôn hình vạn tượng không thể kể xiết", còn bia chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh cũng ghi rằng "tranh vẽ trên tường vôi, mọi duyên nhân quả, muôn nghìn biến hóa, hết sức huyền diệu".

Tượng thờ trong các chùa tháp thời Lý cũng là tài liệu quan trọng để tìm hiểu Phật giáo và nghệ thuật thời Lý.

Hiện nay chỉ còn lại ba pho tượng Phật thời Lý đều làm bằng đá, đó là tượng ở chùa Phật Tích (tỉnh Bắc Ninh), tượng ở chùa Hoàng Kim (Hà Nội) và tượng ở chùa Ngô Xá (tức chùa Chương Sơn, tỉnh Hà Nam). Pho tượng ở chùa Phật Tích đẹp nhất, cao 1,82m, kể cả bệ 2,77m, theo bi ký, được tạc năm 1057. Pho tượng ở chùa Ngô Xá cao 0,93m, không kể phần bệ, gần gũi với tượng Phật Tích về hình dáng, tư thế và y phục. Pho tượng ở chùa Hoàng Kim cao 0,88m, bị gãy đầu và hai bàn tay, áo cà sa chỉ phủ kín vai phải, để hở toàn bộ vai và cánh tay trái. Theo minh văn trên bệ tượng bằng đá hình sư tử đội tòa sen còn ở chùa này, thì đây là tượng Phật A Di Đà do nhà sư Trì Bát cho tạc vào năm 1099. Trì Bát (1049-1117) là nhà sư thuộc thế hệ thứ 12 của Thiền phái Tì Ni Đa Lưu Chi, nhưng ông tỏ ra chịu ảnh hưởng của Mật giáo. Qua bài "A Di Đà Phật tụng" dưới chân bệ tượng chùa Hoàng Kim, ta biết thêm Trì Bát cũng chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng Tịnh Độ, tin vào cõi Tây Phương cực lạc và Phật A Di Đà. Điều này không có gì lạ, vì Phật giáo thời Lý đã có khuynh hướng kết hợp ba yếu tố: Thiền, Tịnh và Mật[1].

Chùa Viên Quang (tỉnh Nam Định) dựng khoảng năm 1122, theo văn bia, cũng có tượng A Di Đà đặt ở giữa, và phía sau là tượng Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma).

Gắn liền với tín ngưỡng A Di Đà là tín ngưỡng Quan Âm, vị Bồ Tát dẫn dắt chúng sinh về cõi Tây Phương cực lạc. Thời Lý, sự thờ phụng Quan Âm đã phổ biến. Nhưng ở Việt Nam, tín ngưỡng Quan Âm có thể tách rời tín ngưỡng A Di Đà. Như đã nói ở trên, việc xây chùa Diên Hựu (chùa Một Cột) là biểu lộ tín ngưỡng Quan Âm thời Lý. Đã có những chùa được dựng để thờ Quan Âm. Theo đoạn văn bia chùa Diên Phúc thôn Cổ Việt đã trích dẫn ở trên, thì trong nhà chính điện chùa này, tượng Bồ Tát Quan Âm đặt giữa tượng các Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền. Đó là điểm khác biệt với các chùa Việt Nam về sau, giữa các tượng Văn Thù và Phổ Hiền, thường là tượng Phật Thích Ca. Thời Lý cũng thờ Phật Di Lặc (Maitreya). *Đại Việt sử ký toàn thư* chép rằng năm 1041, vua Lý Thái Tông "đến núi Tiên Du xem làm viện Từ Thị Thiên Phúc. Khi về xuống chiếu phát 7560 cân đồng để đúc Phật Di Lặc và hai vị Bồ Tát Hải Thanh và Công Đức cùng chuông để ở viện ấy". Viện Từ

---

(1) Hà Văn Tấn: Về ba yếu tố của Phật giáo Việt Nam: Thiền, Tịnh, Mật. Trong *Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Viện triết học, Hà Nội, 1986, tr.81-96.

Thị Thiên Phúc hẳn là một ngôi chùa thờ riêng Phật Di Lặc vì Từ Thị chỉ là một tên khác (tên dịch nghĩa) của Di Lặc. Nhưng trong các chùa thời Lý, Di Lặc với tư cách là Phật Vị lai, còn được thờ với các Phật Quá khứ và Hiện tại, làm thành bộ tam thế. Văn bia chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh (tỉnh Thanh Hóa) dựng năm 1118 đã nói về các tượng ở chùa này: "Ngồi giữa là Hiền kiếp[1] Thích Ca Mâu Ni, một bên là Quá khứ trang nghiêm Ca Diếp[2], một bên là Đương lai tinh tú Từ Thị"[3]. Ở chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh hiện nay còn ba bệ tượng thời Lý bằng đá rất đẹp, giống nhau, chạm hình sư tử đội tòa sen. Có lẽ xưa kia trên ba bệ này là ba tượng Phật như văn bia đã nói.

Một vị Phật khác cũng được thờ ở vị trí cao trong thời Lý là Đa Bảo Như Lai. Văn bia tháp Sùng Thiện Diên Linh hai lần nhắc đến tên vị Phật này. Khi nói đến đài Quảng Chiếu ở Thăng Long, văn bia cho biết là trên tòa núi vàng ở chính giữa, có đặt tượng Đa Bảo Như Lai, trong khi tượng Phật A Di Đà và tượng Phật Diệu Sắc Thân chỉ được đặt trên hai núi bạc ở hai bên. Văn bia này cũng cho biết là tượng Đa Bảo Như Lai được đặt giữa 8 vị Kim Cương trong tầng dưới của tháp Sùng Thiện Diên Linh.

Tám vị Kim Cương (Vajrapani) nói đến trong văn bia tháp Sùng Thiện Diên Linh thì hiện nay, chỉ còn có 6. Văn bia chùa Diên Phúc thôn Cổ Việt cũng nói tới 8 tượng Kim Cương đặt trong hai dãy hành lang. Một số văn bia chùa thời Lý cũng đã nhắc đến tượng Hộ Pháp (Dvarapala) (như bia chùa Diên Phúc ở tỉnh Hưng Yên, bia chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh ở tỉnh Thanh Hóa).

Trong Phật điện thời Lý, ở một số chùa, đã có tượng bốn Thiên Vương (Lokapala), tượng Phạm Vương (Brahma) vượng tượng Đế Thích (Indra). Đế Thích có thể được thờ riêng.

Mặt đá tròn chạm rồng.
Tháp Chương Sơn, tỉnh Nam Định.

Một số chùa đã thờ La Hán (Arhat). Văn bia chùa Linh Xứng đã nói tới 16 vị La Hán. Một trong các vị La Hán là Tân Đầu Lô (Pindola Bharadvaja) được thờ trong một khám riêng ở chùa Đọi.

Tóm lại, Phật giáo thời Lý đã thờ nhiều Phật, nhiều Bồ Tát, nhiều Thiên Vương, gần với thần điện Phật giáo đời sau. Tuy nhiên, trong từng ngôi chùa thời Lý, số tượng lại không nhiều như các chùa đời sau. Theo sự mô tả trong các văn bia, chúng ta biết trong mỗi chùa chỉ có một

---

(1) Hiền kiếp chỉ Hiện tại

(2) Ca Diếp (Kasyapa Buddha) nói ở đây là tên một trong bảy vị Phật Quá khứ, chứ không phải là tên đệ tử của Thích Ca.

(3) Đương lai là Vị lai, Từ Thị tức Di Lặc.

số rất ít tượng và sự bài trí tượng giữa các chùa lại hết sức khác nhau. Trong các chùa thời Lý, xem ra chưa có một số điện thờ với nhiều lớp tượng được sắp xếp thống nhất.

Dựa vào một số ngôi chùa thời Lý như Tứ Đại Thiên Vương, Nhị Thiên Vương, Từ Thị Thiên Phúc, Địa Tạng..., chúng ta có thể nghĩ rằng có một số chùa được dựng lên để chuyên thờ một số Phật, Bồ Tát hay Thiên Vương nhất định. Riêng chùa Báo Thiên ở Thăng Long thì trở thành nơi làm lễ cầu mưa khi có hạn hán và cầu tạnh khi có mưa dầm. Mỗi lần làm lễ như vậy, người ta thường rước tượng Pháp Vân ở chùa Dâu (tỉnh Bắc Ninh) về chùa Báo Thiên. Ở đây, ta lại thấy có sự gắn bó giữa Phật giáo và tín ngưỡng truyền thống.

Thời Lý, chùa nhiều mà sư tăng cũng đông. *Thiền uyển tập anh,* cho biết chùa Trùng Minh ở núi Thiên Phúc (huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh), khi thiền sư Thiền Lão trụ trì ở đây, "học trò đến theo học đông có tới hơn nghìn người, chùa trở thành một chốn tùng lâm sầm uất". Ở chùa Quang Minh (tỉnh Bắc Ninh) của thiền sư Đạo Huệ (?-1173), học trò cũng đông hơn nghìn người...

Để nuôi sống một số tăng đồ lớn như vậy, các chùa thời Lý thường có nhiều ruộng đất. Ruộng chùa có thể do nhà vua cắt ruộng công ban cho. Nhưng cũng có nhiều quan liêu quý tộc cúng ruộng cho chùa. Ruộng chùa thường do dân làng xã canh tác. Nhưng trong một số chùa thời Lý, còn có cả *điền nô,* tức một loại nô tỳ làm ruộng. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép rằng "bấy giờ nhà chùa có điền nô và của chứa trong kho". Một số nhà sư như Mãn Giác, Không Lộ, Minh Không, Giới Không... được vua Lý cấp *thực hộ,* tức cho hưởng tô thuế một số hộ nông dân như chế độ phong thưởng công thần thời đó.

Chính vì nhà chùa có nhiều ruộng đất và của cải như vậy mà năm 1088, vua Lý Nhân Tông đã cho các quan văn cao cấp được kiêm làm chức *đề cử,* tức viên quản lý tài sản nhà chùa.

Thế lực kinh tế mạnh mẽ của các chùa thời Lý cũng nói lên vị trí chính trị xã hội của Phật giáo bấy giờ.

Đáng tiếc là đến nay, không còn một kiến trúc chùa Lý nào còn lại, ngoài một số dấu vết gạch đá, để chúng ta có thể thấy tường tận quy mô chùa tháp thuở đó.

Phật giáo tiếp tục phát triển rực rỡ dưới thời Trần (1225-1400).

Trong thời Trần, Nho giáo dần dần chiếm được vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần cũng như trong thiết chế chính trị - xã hội. Nhưng Phật giáo cho đến giữa thế kỷ XIV vẫn giữ được sự thịnh vượng của nó. Các vua Trần ý thức được rõ ràng các chức năng khác nhau của Nho giáo và Phật giáo đối với xã hội. Ngay trong bài tựa quyển sách *Thiền Tông chỉ nam,* Trần Thái Tông, ông vua đầu tiên của triều Trần đã viết: "Cái phương tiện để mở lòng mê muội, con đường tắt để rõ lẽ tử sinh, ấy là đại giáo của đức Phật. Làm cán cân cho hậu thế, làm khuôn phép cho tương lai, ấy là trọng trách của tiên thánh (chỉ Khổng Tử)... Nay trẫm sao không thể lấy trách nhiệm của tiên thánh làm trách nhiệm của mình, lấy lời dạy của đức Phật làm lời dạy của mình".

Phật giáo thời Trần chính là đã phát triển song song và dung hòa với Nho giáo.

Nói đến Phật giáo thời Trần, người ta thường nhắc đến sự ra đời của phái Thiền Trúc

Lâm, mà ông tổ thứ nhất chính là vua Trần Nhân Tông (1258-1308) xuất gia năm 1299. Tổ thứ hai là sư Pháp Loa (1284-1334). Nhưng từ khi nhà Trần thành lập cho đến khi phái Trúc Lâm ra đời, trong thế kỷ XIII, các phái Thiền đã có từ trước vẫn tiếp tục phát triển. Phái Trúc Lâm chính đã bắt nguồn từ các nhà sư phái Vô Ngôn Thông. Đó là chưa kể bấy giờ có ảnh hưởng của một phái Thiền Trung Quốc là Lâm Tế đến Việt Nam. Phái Trúc Lâm ra đời đánh dấu sự thống nhất giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Các vua đầu thời Trần như Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông đều sùng Phật. Nhưng trong sử biên niên, ít thấy ghi chép việc xây dựng chùa chiền. Ngôi chùa được nhắc đến sớm nhất có lẽ là chùa Phổ Minh (thành phố Nam Định), được xây năm 1262 ở phía tây cung Trùng Quang, phủ Thiên Trường. Có lẽ các vua Trần đã thừa hưởng được cơ ngơi các "quốc tự" to lớn mà các vua Lý đã xây dựng. Họ chỉ trùng tu khi cần, chẳng hạn đối với chùa Chân Giáo ở Thăng Long năm 1248. Vả lại, những cuộc kháng chiến chống Nguyên trong suốt thế kỷ XIII đã không cho phép các vua Trần dồn của cải cho việc xây dựng chùa chiền. Nhưng điều này cũng không ngăn những ngôi chùa mọc lên ở các địa phương trong thế kỷ này. Một bằng chứng là tấm bia chùa Thiệu Long phát hiện gần đây đã cho biết chùa này (nay gọi là chùa Miếu, ở xã Tam Hiệp, huyện Phúc Thọ, Hà Nội) đã được xây vào năm 1226, ngay năm đầu tiên của triều đại Trần[1].

Nhưng dầu sao cũng phải thừa nhận rằng việc xây dựng chùa tháp được tiến hành ồ ạt trong thế kỷ XIV. Một phần vì nhiều ngôi chùa đã đổ nát qua các cuộc chiến tranh. Trong một bức thư gửi cho Hốt Tất Liệt, vua Trần đã tố cáo quân Nguyên "đốt phá hết chùa miếu trong nước"[2]. Một phần là ở thế kỷ XIV, với hoạt động của các vị tổ phái Trúc Lâm, Phật giáo đã phát triển hết sức mạnh mẽ. Người có vai trò trong việc xây dựng chùa chiền bấy giờ là sư Pháp Loa, vị tổ thứ hai của phái Trúc Lâm. Có thể nói là ông đã huy động cả giới quý tộc Trần vào công việc này. Mới 24 tuổi, ông đã trở thành người lãnh đạo giáo hội. Ông đã biến ngôi chùa Vĩnh Nghiêm (còn gọi là chùa Đức La, hiện nay ở xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh) thành trụ sở trung ương của Giáo hội Trúc Lâm, chứa đủ hồ sơ của tăng ni cả nước. Ông đã tổ chức nhiều lần độ tăng ni, mỗi lần không dưới một nghìn người. Cho đến năm Khai Hựu thứ 1 (1329), Pháp Loa đã độ được một vạn năm nghìn tăng ni. Nhiều người trở thành tăng ni thì hiển nhiên là phải xây dựng nhiều chùa.

Bản thân Pháp Loa, tính đến năm 1329, đã xây dựng mở mang hai khu chùa lớn là Báo Ân (Siêu Loại, tỉnh Bắc Ninh) và Quỳnh Lâm (huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh). Riêng chùa Báo Ân, năm 1314, ông đã cho xây 33 cơ sở, gồm điện Phật, gác chứa kinh và tăng đường. Ông còn xây dựng các am như Hồ Thiên, Chân Lạc, Yên Mã, Vĩnh Khê, Hạc Lai và mở rộng các khu chùa Thanh Mai và Côn Sơn. Các đồ đệ của Pháp Loa cũng cho xây dựng chùa tháp ở nhiều nơi. Chẳng hạn, một đồ đệ của ông là sư Trí Nhu đã xây dựng tháp Linh Tế ở núi Dục Thúy (tức núi Non Nước, tỉnh Ninh Bình)[1] và tháp Hiển Diệu ở núi Tiên Long (huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình)[2].

---

(1) Đinh Khắc Thuân và Tống Trung Tín: *Về tấm bia đá thời Trần ở Thiệu Long. Khảo cổ học* số 2, 1991, tr.64-77.

(2) Từ Minh Thiện: *Thiên Nam hành ký.*

Nhờ sự giúp đỡ của giới quý tộc, thế lực kinh tế của các cơ sở giáo hội Trúc Lâm rất lớn. Các chùa có khá nhiều ruộng đất. Theo bia tháp Viên Thông ở chùa Thanh Mai, khắc năm Đại Trị thứ 5 (1362), Pháp Loa đã được Trần Anh Tông cho 100 mẫu ruộng ở hương Đội Gia, cấp luôn cả canh phu (người cày), lại lấy 25 mẫu ở hương Đại Từ cấp thêm vào số trên. Sau Trần Anh Tông lại cấp thêm 80 mẫu ruộng ở hương Anh Đinh cùng với canh phu. Năm 1312, Trần Anh Tông lại lấy 500 mẫu ruộng thuộc trang Niệm Như cấp cho Pháp Loa. Hoàng thái hậu Tuyên Từ cũng cúng 300 mẫu ruộng cho chùa Siêu Loại. Năm 1318, Hoa Lưu cư sĩ họ Vũ đem 20 mẫu đất trang Hoa Lưu cúng cho chùa Quỳnh Lâm. Năm 1324, Di Loan cư sĩ, con trai của công chúa Nhật Trân, cúng 300 mẫu ruộng ở phủ Thanh Hóa, hoàng thái hậu Bảo Từ (vợ Trần Anh Tông), cúng thêm 22 mẫu đất phủ An Hoa. Tư đồ Văn Huệ vương cũng cúng 300 mẫu ruộng ở Gia Lâm cùng với ruộng trang Động Gia, trang An Lưu, tất cả hơn nghìn mẫu và gia nô hơn nghìn người, làm của thường trú chùa Quỳnh Lâm.

Cho đến cuối đời, Pháp Loa đã đúc được hơn 1300 pho tượng đồng lớn nhỏ, đắp hơn trăm pho tượng đất và cho làm hai bộ tranh Phật bằng vải sơn. Trong số tượng nói trên, phải kể đến pho tượng Di Lặc lớn ở chùa Quỳnh Lâm đúc năm 1327. Năm 1328, nhân khi vua Trần Minh Tông đến thăm chùa, Pháp Loa mới tâu xin cho cấm quân kéo tượng từ nền điện lên bảo tọa để dát vàng.

Nhiều chùa tháp ở núi Yên Tử (tỉnh Quảng Ninh) cũng được xây dựng, biến nơi đây thành một trung tâm quan trọng của phái Trúc Lâm.

Dù ai quyết chí tu hành,
Có về Yên Tử mới đành lòng tu.

Tình trạng xây dựng nhiều chùa tháp bấy giờ khiến cho nhà nho Lê Quát phải viết trên bia chùa Thiệu Phúc (tỉnh Bắc Giang) những dòng sau: "Trên từ vương công, dưới đến dân thường, hễ bố thí vào việc nhà Phật thì dẫu hết tiền cũng không xẻn tiếc. Nếu ngày nay gửi gắm vào tháp chùa thì mừng rỡ như nắm được khoán ước để lấy quả báo ngày sau. Cho nên trong từ kinh thành, ngoài đến châu phủ, cho tới thôn cùng ngõ hẻm, không mệnh lệnh mà người ta vẫn theo, không thề thốt mà người ta vẫn tin. Chỗ nào có người ở, tất có chùa Phật, bỏ rồi lại xây, hỏng rồi lại sửa, chuông trống lâu đài chiếm đến nửa phần so với dân cư".

Việc xây dựng chùa chiền thời Trần, sau này cũng được Nguyễn Dữ nhắc đến trong *Truyền kỳ mạn lục*: "Các chùa như Hoàng Giang, Đồng Cổ, Yên Sinh, Yên Tử, Phổ Minh, Ngọc Thanh... dựng lên nhan nhản khắp nơi. Những người cắt tóc làm tăng ni nhiều bằng nửa số dân thường. Nhất là ở huyện Đông Triều (tỉnh Quảng Ninh), sự sùng thượng lại càng quá lắm: chùa chiền dựng lên, làng lớn có đến hơn mười chùa, làng nhỏ cũng có chừng năm sáu, ngoài bao bằng lũy, trong tô vàng son...".

Như vậy là bấy giờ, đã xuất hiện rất nhiều chùa làng. Nhưng chính Nguyễn Dữ cũng viết: "Đến đời vua Giản Định nhà Trần, binh lửa luôn năm, nhiều nơi bị đốt, số chùa chiền còn lại mười không được một, mà cái số còn lại ấy

---

(1) Theo bài *Linh tế tháp ký* của Trương Hán Siêu soạn năm 1343, hiện còn trên vách núi Non Nước.

(2) Theo bài văn bia do Cung Tĩnh vương Trần Nguyên Trác soạn năm 1367 được khắc trên vách núi Tháp, xã Ninh Hòa, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

cũng mưa lay gió chuyển, đổ ngã xiêu nghiêng, tiêu điều đứng rũ ở giữa áng cỏ hoang, bụi rậm".

Đến nay thì thậm chí, chúng ta cũng không có cái may mắn như Nguyễn Dữ, được ngắm những ngôi chùa tiêu điều siêu vẹo kia. Hầu như tất cả đã đổ nát. Nhưng dầu sao thì di tích chùa tháp thời Trần còn lại ngày nay vẫn nhiều hơn thời Lý. Nhờ đó mà chúng ta biết được phần nào ngôi chùa thời Trần.

Khác với dấu vết chùa chiền thời Lý, hiện nay chúng ta còn được một số bộ phận kiến trúc gỗ của các ngôi chùa thời Trần. Đó là vì nóc nhà thượng điện chùa Dâu (huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), vì nóc tòa thượng điện cũng những bức cốn chùa Thái Lạc (huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên) và nhà thượng điện khá nguyên vẹn của chùa Bối Khê (huyện Thanh Oai, Hà Nội).

Kết cấu của các nhà thượng điện này khá giống nhau, có một gian hai chái, với bốn cột cái khá lớn và mười hai cột quân. Có hai bộ vì đỡ hai mái chính và hai mái bên. Bộ vì đều làm theo kiểu *giá chiêng,* gồm một *câu đầu* khoe tỳ lực lên đầu hai cột cái. Bên trên *câu đầu* là hai *trụ giá chiêng,* tức hai trụ trốn, thường được chạm khắc đẹp. Ở chùa Thái Lạc, các trụ trốn này được *chạm* thành hình các em bé quỳ gối nâng tòa sen. Hai trụ trốn này lại đội một rường hơi cong, gọi là *rường bụng lợn* hay *con cung.* Lồng giữa hai trụ giá chiêng là một tấm ván hình lá đề.

Riêng ở chùa Thái Lạc, còn có các tấm cốn chữ nhật trên các xà nách, chạm hình các nữ nhạc công (gandharva) ngồi giữa các đám mây hay trên lưng chim phượng, biểu diễn các nhạc cụ như đàn, nhị, sáo... hay các nữ thần người chim (kinnari) đang bay múa dâng hoa... Đây là cả một kho báu điêu khắc Việt Nam. Ở chùa Bối Khê, nơi đầu đao góc mái, còn có hình chạm nổi chim thần garuda, với cặp cánh giống cánh dơi. Về điêu khắc gỗ thời Trần, còn phải kể thêm bộ cánh cửa chạm rồng ở chùa Phổ Minh.

Có người cho rằng những nhà thượng điện nói trên chính là nếp chùa thời Trần, có bốn mái, với bộ khung bằng gỗ mà các cột là thành phần chịu lực. Chưa thấy dấu vết tường chịu lực. Dựa vào chỗ đã gặp ngói mũi hài trong một số di tích kiến trúc, cũng như dựa vào một số mô hình nhà bằng đất nung tìm được trong các mộ, người ta cho rằng chùa thời Trần có mái lớp ngói mũi hài mà không, hoặc hiếm, lợp ngói ống. Dựa vào các mô hình đất nung, người ta cũng nghĩ rằng xung quanh các chùa thời Trần, có thể có tường xây bao, trên lợp ngói mũi hài, giống với vòng tường hiện còn quanh tháp Huệ Quang ở Yên Tử.

Tuy nhiên, các ngôi chùa thời Trần có thể là một cụm kiến trúc phức tạp hơn.

Năm 1972, các nhà khảo cổ học đã cho chúng ta biết mặt bằng của một ngôi chùa thời Trần, chùa Lấm, trên đảo Thừa Cống thuộc tỉnh Quảng Ninh, trong vịnh Bái Tử Long[1].

Chùa Lấm có hai mặt bằng kiến trúc, chênh nhau gần 4m về độ cao. Ở mặt bằng thứ nhất, có tam quan và nhà tổ. Nền tam quan rộng 5m, dài 11m, quanh nền kè đá. Mặt nền còn đầy những mảnh ngói mũi hài nhỏ, dấu vết còn lại của kiến trúc bên trên. Nhà tổ dài 54m, ước có 15 gian, nền cũng được kè đá. Từ tam quan, theo con đường đá dài 55m, thì đến chân bậc cấp lên chùa. Bậc cấp lên chùa xếp bằng các viên đá ngay ngắn. Đi hết 34 bậc, ta đến sân chùa, bắt đầu bước vào mặt bằng kiến trúc thứ

---

(1). Đỗ Văn Ninh và Trịnh Cao Tưởng: *Chùa Lấm (Quảng Ninh) một phế tích đời Trần mới được khai quật, Khảo cổ học* số 15, 1974, tr.58-63.

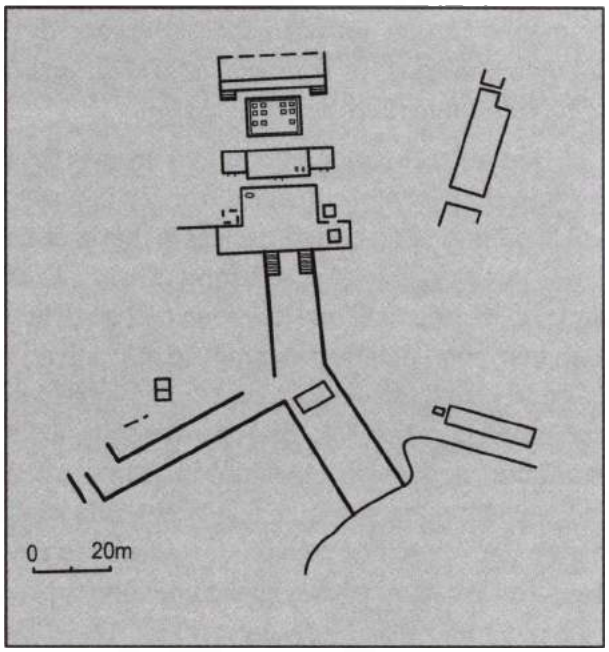

Mặt bằng chùa Lấm thời Trần, tỉnh Quảng Ninh

hai. Sân chùa rộng, không lát gạch nhưng bằng phẳng, sâu vào 15,8m. Hai bên sân chùa có hai ngọn tháp đã đổ, chỉ còn nền vuông, có móng kè đá, mỗi cạnh dài 3,6m. Trên nền ngọn tháp phía đông, còn có nhiều viên gạch trang trí hình rộng, phượng và hoa lá. Cửa ngọn tháp này trông về hướng nam, với những bậc cấp còn khá nguyên vẹn. Ngay dưới chân tháp phía đông nam sân chùa, có một nền hình vuông, mỗi cạnh 3,9m. Có thể đó là dấu vết nhà bia, vì ở sân chùa, còn thấy con rùa đá đội bia vỡ làm 8 mảnh. Không tìm thấy bia.

Qua sân, tới chùa Hộ, tức nhà tiền đường, dài 31m, rộng 8m. Nền chùa cao hơn sân 0,5m, cũng được kè đá xung quanh. Từ dưới sân bước lên hiên chùa, phải qua bậc tam cấp xếp đá rộng 1,2m, hai bên có tay vịn bằng đá chạm rồng nổi. Cả hai con rồng này đều bị vỡ mất đầu. Chùa Hộ còn có hai cửa xép hai bên, lòng cửa rộng 2m. Lên cửa xép cũng qua tam cấp lát đá có tay vịn hai bên. Nhưng ở đây, tay vịn chạm hình sóc dài đuôi. Cả bốn con sóc đều chung một phong cách thời Trần, đơn sơ, mập mạp. Trên nền chùa Hộ, chỉ còn có hai hòn đá tảng kê chân cột hình vuông, cạnh dài 0,5m. Nhờ những hòn đá tảng này, có thể biết mỗi gian chùa Hộ rộng khoảng 2,5m, và như vậy, nếp nhà này có cả thảy 9 gian.

Từ chùa Hộ, sang ngôi nhà giữa, mà những người khảo sát gọi là chùa Phật, phải qua một con đường rộng 4m, dài 4,5m, hai bên có lan can đá chạm nhưng nay đã bị đổ.

Chùa Phật chỉ mở một cửa hướng nam, nằm trên trục thẳng với cửa chùa Hộ. Hai bên cửa cũng có hai tay vịn bằng đá chạm rồng. Nền chùa Phật cao hơn nền chùa Hộ mà cũng cao hơn nền ngôi nhà phía sau đó. Nền chùa Phật gần hình vuông, dài 12m, rộng 11,5m. Cả bốn mặt nền được kè đá thành hai cấp. Một đường hiên chạy quanh bốn mặt rộng 0,5m và thấp hơn 0,3m tạo thành cấp thứ nhất của nền chùa. Cấp thứ hai cũng được kè đá cẩn thận cả bốn mặt. Trên nền chùa Phật còn 11 hòn đá kê cột (lẽ ra là 16 hòn nhưng mất 1 hòn ở hàng giữa và 4 hòn ở hàng ngoài phía trước), 4 hòn ở giữa lớn hơn cả. Hòn lớn nhất có cạnh dài 0,8m, các hòn khác nhỏ hơn chút ít. Rõ ràng đây là 4 hòn đá kê 4 cột cái. Khoảng giữa 4 hòn đá kê lớn này là một bệ đá khối chữ nhật do những phiến đá ghép với nhau rất khít bằng các lỗ cá. Bệ được chạm ba tầng cánh sen rất đẹp. Tầng dưới cùng, cánh sen to. Tầng thứ hai, cánh sen nhỏ hơn và tầng trên cùng, cánh sen chỉ nhô một phần đầu qua kẽ của những cánh sen tầng dưới. Trên nền ngôi nhà này, có nhiều mảnh ngói lưu ly men xanh rất đẹp. Có lẽ kiến trúc này được lợp bằng loại ngói này.

Nếp nhà cuối cùng, được những người khảo sát gọi là nhà thượng điện, tựa lưng vào vách núi. Nền nhà dài 29,6m, có hai cửa lên ở hai đầu. Mỗi cửa rộng 4m, có 4 bậc. Phía trước là hàng hiên dài suốt nền chùa, rộng tới 3m. Trên nền không có đá tảng kê cột, chỉ có ngói vỡ ngổn ngang.

Cách phía đông bắc khu chùa vài chục mét, có một nền nhà bếp nhỏ với ba gian, xung quanh có kè đá. Cạnh đó là một bể nước ngọt hình chữ nhật rộng 10m, dài 31m. Cả bốn mặt bể đều được kè đá vững chãi.

Trên đây là một bình đồ hiếm hoi của một ngôi chùa thời Trần được biết hiện nay. Toàn bộ các kiến trúc đã đổ sụp, toàn bộ kết cấu gỗ không còn nữa, có thể đã bị gió bão thổi hay sóng biển cuốn trôi. Nhưng nền kè đá, cùng với các bộ phận bằng đá còn lại, như các tay vịn chạm rồng, chạm sóc, các chân tảng và bệ đá có đài sen, đã cho chúng ta biết một cụm kiến trúc chùa, cùng chung một niên đại: thời Trần. Bình đồ này cho thấy sau tam quan là một ngôi chùa với ba nếp nhà xây theo kiểu chữa *Tam* (三). Trong ba nếp nhà này, thì nếp nhà giữa, theo chúng tôi nghĩ, mới chính là nhà thượng điện hay nhà chính điện. Ngôi nhà này có nền gần hình vuông, với 4 cột cái và 12 cột quân, ở giữa lại có bệ đá hoa sen, khiến chúng ta liên tưởng đến nhà thượng điện chùa Bối Khê. Nền của ngôi nhà này cũng được đắp cao hơn nền hai nếp nhà kia như ở nhà thượng điện chùa Bối Khê. Vì vậy, hoàn toàn có căn cứ để nghĩ rằng, nếu các kết cấu gỗ còn thì ta sẽ gặp ở đây một kiến trúc tương tự nhà thượng điện chùa Bối Khê hay chùa Dâu.

Như vậy, rõ ràng là ngôi chùa thời Trần không chỉ có vẻn vẹn một nếp nhà vuông bốn mái như có người đã nghĩ, mà là một cụm kiến trúc gồm nhiều ngôi nhà. Trước và sau chính điện là kiến trúc trung tâm, có thể còn có tiền đường, hậu đường và những ngôi nhà khác. Ở chùa Lấm, ngôi chính điện này có thể được lợp ngói lưu ly phủ men xanh, nói lên vị trí đặc biệt của nó so với những ngôi nhà khác, chỉ được lợp ngói mũi hài bình thường.

Các bệ thờ bằng đá chạm cánh sen trong các ngôi chùa thời Trần được biết hiện nay đều có niên đại không sớm hơn nửa cuối thế kỷ XIV. Chùa Lấm có khả năng là một ngôi chùa của thế kỷ XIV.

Nhưng bình đồ kiến trúc của chùa Lấm hẳn không phải là duy nhất trong thời Trần. Một ngôi chùa trên một hòn đảo ngoài biển khơi không nhất thiết giống với các ngôi chùa trong đất liền. (Và phải chăng vì ở ngoài khơi nên nó đã không được trùng tu qua các đời sau?). Hoàn toàn có khả năng có nhiều kiểu chùa khác nhau ở thời Trần. Chùa Lấm được xây dựng theo kiểu chữ *Tam* (三). Một mô hình bằng đất nung được tìm thấy trong ngôi mộ thời Trần (thôn Phạm Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình) cho ta thấy được một cụm nhà xây theo kiểu chữ *Công* (工). Có nhà ở kiểu chữ *Công* thì rất có thể có chùa kiểu chữ *Công*.

Vào thời Trần, như ta thấy, có nhiều chùa ở ngoài đảo và cũng có nhiều chùa ở vùng núi cao. Đã xuất hiện một loại chùa trong hang động, như chùa Hang (ở xã Đồng Tâm, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái). Trong hang núi này, có cả một bệ thờ thời Trần bằng đất nung.

Ngoài ba pho tượng đá mất đầu trong một ngôi chùa gần chùa Lấm nói trên, có thể có niên đại Trần, mà các nhà khảo cổ học cho là tượng Phật A Di Đà cùng hai Bồ Tát Quan Thế Âm, Đại

Thế Chí[1], hiện nay chưa tìm thấy pho tượng Phật hay Bồ Tát bằng đá thời Trần nào trong đất liền. Qua các văn bia, chúng ta biết rằng thời đó trong các chùa có nhiều tượng đồng, tượng gỗ hay tượng đất, nhưng ngày nay cũng không còn nữa. Tượng không còn nhưng bệ thờ bằng đá thì vẫn còn.

Các bệ thờ này là một khối chữ nhật bằng đá khá lớn[2], được chia làm ba phần. Phần trên chạm tòa sen, thường có hai lớp cánh ngửa và một lớp cánh úp. Phần giữa thu nhỏ, chia thành từng ô, chạm các hình rồng, sư tử, hoa sen, hoa cúc... Bốn góc có hình chim thần Garuda. Phần đế bệ thường được làm theo kiểu chân quỳ, đôi khi cũng chạm các hình trang trí khác. Theo các dòng chữ trên các bệ này thì chúng được gọi bằng các tên khác nhau như "bàn đá", "bệ Phật", "tòa kim can"... Cho đến nay đã tìm được khoảng năm chục chiếc bệ thờ kiểu này trong các chùa. Một số bệ có niên đại như bệ chùa Long Hoa (xã Liêm Cần, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam) làm năm 1364, bệ chùa Hương Trai (xã Hương Liễu, huyện Hoài Đức, Hà Nội) làm năm 1370, bệ chùa Đại Bi (xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Hà Nội) năm 1374, bệ chùa Thắng Phúc (xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây) năm 1375, bệ chùa Bối Khê (xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, Hà Nội) năm 1382, bệ chùa Phổ Quảng Tiên (xã Xuân Lũng, huyện Phong Châu, Phú Thọ) năm 1386, bệ chùa Long Khánh (xã Tống Trân, huyện Phù Tiên, tỉnh Hưng Yên) năm 1394. Nhiều bệ khác không ghi niên đại nhưng căn cứ vào phong cách trang trí, có thể biết chắc là thuộc thời Trần. Cũng có những bệ làm bằng đất nung.

Loại bệ này được đặt ở Phật điện, có thể là một thứ bàn thờ, nhưng cũng có khả năng là các tượng Phật được bày lên đó. Thời Trần không còn những bệ đá nhỏ có tòa sen tròn để đặt một tượng như ở thời Lý.

Hiện nay, chúng ta không có đủ tài liệu để biết rõ các loại tượng thờ cũng như cách bài trí tượng trong các chùa thời Trần. Pháp Loa đã đúc nhiều tượng và làm lễ hội Nghìn Phật ở chùa Quỳnh Lâm trong 7 ngày đêm nhưng ta không biết có những loại tượng Phật gì. Chỉ biết là Pháp Loa đã đúc các tượng Di Lặc. Tất nhiên là cùng với tượng Di Lặc, có tượng A Di Đà và Thích Ca, như một số bi ký và *Tam tổ thực lục* đã nhắc đến. Đáng lưu ý là trong văn bia chùa Đại Bi núi Vân Lỗi do Phạm Sư Mạnh (thế kỷ XIV, một danh thần triều Trần) soạn, đã nhắc đến tên tượng tam thế. Cũng trong bài văn bia này, có nói đến việc đúc một pho tượng Đại Bi (tức tượng Quan Âm) bằng vàng. Đáng chú ý là văn bia tháp Viên Thông cũng như *Tam tổ thực lục* có nói đến việc đúc tượng Thiên Thủ Đại Bi tức tượng Quan Âm nghìn tay. Đây là lần đầu tiên tài liệu Phật giáo Việt Nam nhắc đến loại tượng này. Theo nhiều nhà nghiên cứu thì loại tượng này xuất hiện dưới ảnh hưởng của Mật giáo. Chúng ta biết rằng Phật giáo thời Trần trong thời kỳ Pháp Loa đã phát triển các yếu tố Mật giáo. Trong *Thiền đạo yếu học,* chép sau truyện Pháp Loa trong sách *Tam tổ thực lục*, được coi là do Pháp Loa soạn, có nhắc đến Phật Tì Lô Già Na (Vairocana), tức Đại Nhật Như Lai, vị Phật tối cao trong tín ngưỡng Mật giáo. Nhưng chúng ta không biết là có tượng của vị Phật này trong các chùa Việt Nam thời đó hay không.

---

(1). Đỗ Văn Ninh và Trịnh Cao Tưởng, *Bài đã dẫn,* tr.62.

(2). Ví dụ như bệ chùa Bối Khê cao 1,16m, dài 2,4m, rộng 1,16m.

Bệ đá thời Lý (bên trái) và bệ đá thời Trần (bên phải) ở chùa Thầy, Hà Nội (1991).

Trong các chùa thời Trần, cũng có tượng Kim Cương (Vajrapani) và Hộ Pháp (Dvarapala). Trên các mô hình tháp đất nung phủ men chùa Chò và Bát Tràng (quận Long Biên, Hà Nội), ở 4 cửa tầng dưới, mỗi cửa đều có hai Kim Cương đứng gác. Văn bia chùa Thiệu Long (năm 1226) nói đến tượng "thần Thiện chống kiếm cầm qua, đứng trước mặt Phật". Đặc biệt là ở chùa Thiệu Long, còn có tượng tiên nữ (Apsara) và tượng Mỹ Âm (Madhurasvara) tức là vua của các nhạc công thiên thần (Gandharva). Ở các chùa khác, tiên nữ và nhạc công chỉ có trên các phù điêu trang trí. Văn bia chùa Thiệu Long còn có câu: "Tôn giả mày to, tóc bạc, được vẽ lên vách như người sống". Như vậy là ở chùa này cũng có tranh tường, và phải chăng đó hình các La Hán? Như đã nói ở trên, từ thời Lý, đã có tranh La Hán trên tường chùa. Ta cũng đã biết Pháp Loa có làm hai bộ tranh Phật bằng vải sơn, nhưng không rõ về chủ đề gì.

Tam tổ thực lục còn cho biết năm 1308, vua Trần Anh Tông đã cho đúc hai pho tượng của Trúc Lâm đệ nhất tổ (tức Trần Nhân Tông) bằng vàng, một pho để ở chùa Báo Ân và một pho để ở chùa Vân Yên, được thờ cũng như lễ nghi thờ cúng Phật. Chúng ta nhớ rằng ở chùa Phổ Minh hiện nay có pho tượng Trần Nhân Tông nằm, theo kiểu tượng Phật nhập niết bàn. Trong tháp Huệ Quang trên núi Yên Tử, hiện nay vẫn còn một pho tượng Trần Nhân Tông bằng đá. Niên đại các pho tượng này hiện còn được thảo luận, một số người cho là tượng thời Trần nhưng nhiều người khác cho là tượng thời Lê tuy có bắt chước kiểu dáng thời Trần. Trong các chùa thời Trần, còn có tượng các nhà sư hay tượng các thí chủ có công đóng góp xây dựng chùa. Tấm bia niên hiệu Đại Trị (1358-1369) ở chùa Dầu xã Đình Xá (tỉnh Hà Nam) có khắc hình một người đàn ông có tuổi, mặt béo, ria mép dài, mặc áo chùng, đội mũ, ngồi trên ghế dựa. Đây có thể là chân dung của Ngộ Không cư sĩ Ngô Lãm, người đã góp tiền ruộng để xây dựng ngôi chùa gọi là Vân Am ở địa phương, được nói tới ở một mặt của tấm bia.

Có lẽ thời Trần, cũng như thời Lý, chưa có một cách xếp đặt thống nhất các tượng thờ trong chùa. Tuy nhiên, có thể nghĩ rằng, bàn thờ Phật thời Trần đã có một số tượng đông đúc hơn và đa dạng hơn thời Lý.

Cũng thời Lý, bên các ngôi chùa lớn thời Trần, thường có những cây tháp cao. May mắn là cho đến nay vẫn còn hai cây tháp thời Trần khá nguyên vẹn. Đó là tháp Phổ Minh và tháp Bình Sơn.

Tháp Phổ Minh ở trước chùa Phổ Minh, ngoại thành Nam Định. Tháp xây vào khoảng 1305-1310, có 14 tầng, cao 21,2m, trên mặt bằng vuông, cạnh đế tháp rộng 5,21m. Bệ tháp bằng đá, đỡ một tòa sen với hai hàng cánh, một úp, một ngửa. Bệ có đường diềm trang trí các hình hoa lá. Tầng thứ nhất có cạnh rộng 3,2m, có bốn trụ đá vuông ở bốn góc để đỡ những cây đà bằng đá ở trên, có đầu nhô ra khỏi thân tháp. Chi tiết này khiến ta nhớ đến những kết cấu kiến trúc gỗ. Chân các trụ đá có trang trí hoa văn sóng nước. Tầng thứ nhất có bốn cửa cuốn ở bốn mặt. Khuôn cửa cũng bằng đá. Tường thì xây gạch. Các tầng trên hoàn toàn xây bằng gạch, thu nhỏ dần, đều trổ bốn cửa cuốn tò vò. Tháp Phổ Minh là nơi chứa xá lị của Trần Nhân Tông.

Tháp Bình Sơn, thường được gọi là tháp Then, ở chùa Vĩnh Khánh (xã Tam Sơn, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc). Chùa nay không còn. Tháp xây vuông, toàn bằng gạch nung màu đỏ. Hiện tháp chỉ còn 11 tầng[1], cạnh đáy 4,45m, cạnh tầng 11 là 1,15m. Khối trụ tháp rỗng lòng, xây bằng loại gạch vuông 22cm x 22cm hay gạch chữ nhật 45cm x 22cm. Lớp gạch ốp ngoài 46cm x 46cm, dàn thành hàng bọc kín tháp. Loại gạch này có chân gấp cài vào lớp gạch của trụ tháp. Tất cả tháp đều có hoa văn trang trí, như hình rồng, lá đề, hoa dây, sư tử hý cầu... Tháp có lẽ được xây dựng vào cuối thế kỷ XIV.

Tháp Huệ Quang ở núi Yên Tử thì chỉ có phần bệ đỡ tòa sen bằng đá ở dưới là được coi là còn lại từ thời Trần.

Chùa tháp thời Lý - Trần đã bị hủy hoại nhiều qua chiến tranh. Bài thơ của vua Lê Thánh Tông khắc ở mặt sau bia chùa Đọi có câu: "Minh khấu hung tàn, tự dĩ canh" (Giặc Minh tàn bạo làm chùa đã thay đổi).

Khi nhà Lê (1428-1788) bắt đầu thành lập vào thế kỷ XV, Nho giáo chiếm vị trí độc tôn và tất nhiên Phật giáo bị suy yếu. Nhưng điều đó không có nghĩa là Phật giáo bị đẩy lùi hoàn toàn. Đức tin dân gian kết hợp với tín ngưỡng Phật giáo đã có từ trước tạo thành một áp lực mà ngay các ông vua Lê theo Nho giáo cũng khó vượt qua được. Năm 1434 có hạn hán, vua Lê Thái Tông đã phải sai quan rước Phật Pháp Vân từ chùa Dâu về Thăng Long để làm lễ cầu mưa và cho dựng đàn chay chẩn tế ở ngay điện Cần Chánh. Năm 1448, lại có hạn hán, vua Lê Nhân Tông ra lệnh cho các quan phải ăn chay và tới chùa Báo Ân ở cung Cảnh Linh để cầu mưa. Đích thân nhà vua đến lạy trước điện Phật. Lần nữa, tượng Pháp Vân lại được rước về chùa Báo Thiên ở kinh đô và các sư tăng được lệnh đến tụng kinh, cầu nguyện.

Và tất nhiên, trong giai đoạn này, các chùa vẫn được xây dựng. Vì vậy mà đến năm 1464, vua Lê Thánh Tông phải ra lệnh cấm xây thêm các chùa mới.

Ở thế kỷ XV, Phật giáo mất vai trò chính trị và ý thức hệ ở triều đình, trong bộ máy nhà nước, nhưng nó vẫn tiếp tục phát triển trong các làng quê. Tại đây, Phật giáo không theo hướng tìm đến các triết lý cao xa, mà giữa quần chúng bình dân, đã hình thành truyền thống văn học Phật giáo dân gian. Có người nghĩ rằng vào thời kỳ này, trong các chùa, bắt đầu phổ biến hình thức *kể hạnh,* tức kể chuyện bằng văn vần (thường là lục bát) về hành trạng các nhà sư có

---

(1) Xưa kia có thể nhiều tầng hơn, vì ở tầng thứ 9 đã tìm thấy được viên gạch có chữ "thập tam tầng", tức "tầng 13". Vì trùng tu nhiều lần, vị trí các viên gạch bị lẫn lộn.

tên tuổi, được thần thánh hóa. Đó mới chỉ là giả thuyết, nhưng không phải không có điểm hợp lý.

Việc thần thánh hóa các nhà sư thời Lý như Từ Đạo Hạnh, Không Lộ, Minh Không thì đã bắt đầu từ thời Trần (xem *Nam Ông mộng lục* của Hồ Nguyên Trừng và *Lĩnh Nam chích quái*). Nhưng biến họ thành các vị thần và đưa vào thờ trong các chùa, theo kiểu "tiền Phật hậu Thánh", thì hẳn đó là một hiện tượng của thời Lê, có thể là từ Lê Sơ. Chúng ta đã biết các chùa "tiền Phật hậu Thánh" như Trăm Gian, Bối Khê, thờ "Đức thánh Bối", có niên hiệu Thái Hòa năm thứ 11 (1453)[1]. Có lẽ từ bấy giờ, vị thánh này đã được thờ trong các chùa Phật.

Từ thế kỷ XVI trở về sau, xã hội Việt Nam dần dần mất ổn định vì các cuộc nội chiến giữa các tập đoàn thống trị, hết chiến tranh Trịnh - Mạc đến chiến tranh Trịnh - Nguyễn. Các dường mối của đạo Nho, chỗ dựa cho kỷ cương xã hội đã trở nên lỏng lẻo, thậm chí lay chuyển. Nhân dân đau khổ tìm sự an ủi ở Phật giáo. Ngay các tập đoàn thống trị tuy không nghĩ rằng có thể tìm được ở Phật giáo phương sách quản lý đất nước, nhưng cũng muốn có một chỗ dựa tinh thần, coi sự ủng hộ Phật giáo, xây dựng chùa tháp, là tạo ra công đức để củng cố thế lực dòng họ. Phật giáo vì thế mà bắt đầu phát triển trở lại, tuy nó không bao giờ còn đạt được đỉnh cao vàng son thuở Lý - Trần.

Nói đến kiến trúc Mạc là nói đến sự bắt đầu hưng thịnh của kiến trúc đình làng (như các đình Lỗ Hạnh, Tây Đằng...) nhưng không ít ngôi chùa được trùng tu và xây dựng trong thời kỳ này. Các kiến trúc và điêu khắc thời Mạc dường như có ý thức trong việc thừa kế truyền thống Trần nhưng một phong cách dân gian đã bắt đầu phát triển.

Tam quan chùa Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội (2013)

Nhiều ngôi chùa như chùa Cói, chùa Thượng Trưng, chùa Hạ (tỉnh Vĩnh Phúc), chùa Ninh Hiệp, chùa Đa Tốn (Hà Nội), chùa Mễ Sở, chùa Đông Ngọ, chùa Côn Sơn (tỉnh Hải Dương), chùa Bối Khê, chùa Hương Trai (Hà Nội), chùa Trà Phương (Hải Phòng), chùa Phổ Minh (tỉnh Nam Định)... cũng rất nhiều chùa khác đã được tu bổ hay làm mới trong thế kỷ XVI, dưới thời Mạc.

Khi khai quật chùa Lạng (tức chùa Hương hay Viên Giác ở huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên), các nhà khảo cổ học cũng đã nhận ra một lớp kiến trúc Mạc nằm ngay trên các lớp kiến trúc Lý và Trần. Lớp kiến trúc này chứa những viên gạch xây có hình rồng, hình ngựa bay, những viên gạch lát có hình rồng và hoa lá... Việc phát hiện lớp kiến trúc Mạc đã xác nhận những điều

---

(1) Bia này được khắc lại năm Thành Thái thứ 7 (1895) có thể có những chỗ sửa chữa, nhưng cơ bản, không thay đổi chuyện kể về Nguyễn Bình An ở thế kỷ XV.

CHÙA CÓI, XÃ HỘI HỢP, HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC. XÂY DỰNG TỪ THỜI MẠC

Bản vẽ cắt ngang vì kèo trộng về Đông Bắc

Bản vẽ cắt ngang vì kèo trộng về Đông Nam

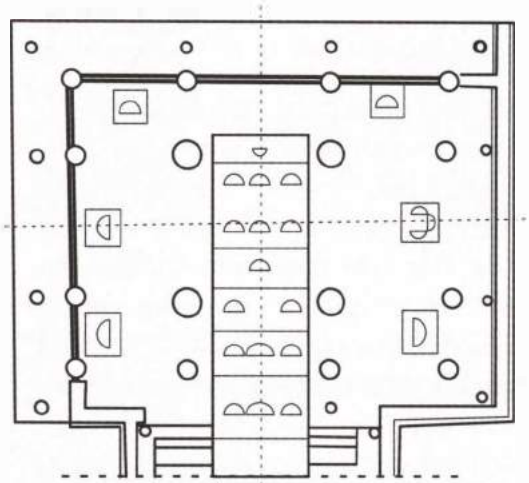

Mặt bằng thượng điện

Theo Trần Huy Bá, Tạp chí Khảo cổ học, số 3/1975

ghi trong văn bia ở đây là chùa Lạng đã được xây dựng năm 1581-1582 trên địa điểm cũ của ngôi chùa thời Lý[1].

Những kiến trúc chùa thời Mạc còn lại cho ta thấy phong cách gần gũi chùa thời Trần. Chẳng hạn, thượng điện của chùa Cói (tức Thần Tiên tự, ở xã Hội Hợp, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc), một công trình của thế kỷ XVI, rất giống các thượng điện chùa thời Trần, với hai vì kèo có trụ giá chiêng cùng bốn cột cái. Bốn thanh xà lớn nối từ bốn cột cái vươn ra các góc chéo liên kết 12 cột con và 20 cột hiên. Các ván nong ghép với cột con làm thành vách điện. Khoảng thềm dư bên ngoài có những cột hiên, làm thành hành lang xung quanh. Cốn ghép ô trống giữa các trụ giá chiêng và các ván ghép tuyến ngang đầu cột đều chạm khắc dày đặc các hình rồng và tiên nữ. Bẩy đỡ kẻ góc, đầu dư cũng đều chạm rồng. Đáng tiếc là toàn bộ ngôi chùa đã bị chiến tranh phá hủy.

Tuy nhiên, một số văn bia thời Mạc cũng giúp chúng ta hình dung phần nào ngôi chùa thời này. Văn bia chùa Phúc Lâm Hoằng Thệ (huyện Ba Vì, Hà Nội) soạn năm Hưng Trị thứ 2 (1589) có đoạn: "May gặp lúc Hoàng triều chấn hưng Phật giáo, có người tá huyện Cẩm Giàng... trùng tu một lầu thượng điện. Con trai xã trưởng xã Thanh Long được phân dựng bốn gian nhà thiêu hương ở giữa. Sãi lão các khu hưng công dựng một nửa nhà tiền đường và hành lang đông nam. Khu Chu Chàng làm một nửa nhà tiền đường liền với hành lang tây bắc do tổng Tây Đằng xây dựng. Còn xã Vĩnh Phệ thì lập nhà hậu đường"[1].

---

(1) Nguyễn Duy Hinh, Trần Đình Luyện và Nguyễn Duy Chiếm: *Đào Chùa Lạng (Hải Hưng) lần thứ hai. Khảo cổ học* số 16, 1974, tr.135.

Qua đoạn miêu tả trên, có thể thấy là từ thế kỷ XVI, đã xuất hiện kiểu chùa "nội Công ngoại Quốc" với các ngôi nhà có tên gọi như ngày nay: tiền đường, thiêu hương, hậu đường cùng hành lang chạy dọc hai bên. Như ta thấy sau đây, kiểu chùa này sẽ phát triển với quy mô lớn ở thế kỷ XVII.

Một số tháp mộ thời Mạc cũng có những bệ thời phảng phất bệ thờ thời Trần, chẳng hạn, bệ đá chùa Hưng Khánh (Hải Phòng), bệ đá chùa Mễ Sở (tỉnh Hưng Yên)... Bệ chùa Mễ Sở có ghi niên hiệu Diên Thành năm thứ 1 (1578). Một số chùa khác như Trà Phương (Côn Sơn, Hải Dương) có bệ bằng gỗ.

Về tượng thờ, hiện nay đã biết được khá nhiều tượng gỗ thế kỷ XVI. Những pho tượng nhỏ có thể được làm bằng một khối gỗ. Đối với những pho tượng lớn, nhà điêu khắc có thể ghép nhiều mảnh với nhau bằng một cá hay sơn gắn. Sau khi tạc xong, tượng được đem sơn. Mặt và những phần thân lộ ra thường được sơn màu "tử kim" (màu của vàng). Áo có màu cánh gián hay đỏ đậm, đôi khi được điểm một vài đường diềm đen.

Nhiều bộ tượng tam thế (ba pho: Quá khứ, Hiện tại và Vị lai) còn đến nay có khả năng thuộc thế kỷ thứ XVI như các bộ tượng chùa Lệ Mật, chùa Ninh Hiệp (Hà Nội), chùa Dâu (tỉnh Bắc Ninh), chùa Trà Phương (Hải Phòng), chùa Thầy (Hà Nội)...

Đặc biệt là vào thời kỳ này, có rất nhiều tượng Quan Âm. Đó là những tượng Quan Âm có nhiều tay (được gọi là Quan Âm Chuẩn Đề), nhưng thường ở bệ tượng, còn có hình quỷ hay rồng nổi lên trên mặt sóng biển, giơ hai tay đỡ lấy toà sen, nên người ta cũng gọi loại tượng này là Quan Âm Nam Hải (Quan Âm ở biển Nam).

Trên bệ tượng Quan Âm ở chùa Phẩm (có tên là Đông Ngọ tự, ở Nam Thanh, tỉnh Hải Dương) còn có những dòng chữ ghi tên những người cúng tượng vào năm Diên Thành thứ 5 (1582). Pho tượng Quan Âm ở chùa Thượng Trưng (huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc) được xác định là tạc vào năm 1592, căn cứ vào văn bia.

Tượng Quan Âm ở chùa Hạ (huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc) tuy không có niên đại, nhưng căn cứ vào phong cách điêu khắc, các nhà nghiên cứu mỹ thuật cho đây là một pho tượng đẹp, điển hình của thế kỷ XVI. Tượng có 42 tay: 2 tay chắp trước ngực, 2 tay đặt trong lòng, và 38 tay xòe ra hai bên. Xếp vào thế kỷ XVI còn có nhiều pho tượng Quan Âm khác như ở chùa Ngo (huyện Ba Vì, Hà Nội), chùa Phổ Minh (thành phố Nam Định), chùa Bối Khê (huyện Thanh Oai, Hà Nội), chùa Đa Tốn (huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội)... Đặc biệt là tượng Quan Âm chùa Đa Tốn có 42 tay lớn và 652 tay nhỏ, xếp thành 5 lớp như 10 cái cánh xòe rộng ra hai bên sau thân. Có thể coi đây là pho tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay có niên đại sớm nhất hiện còn[2].

Ở các chùa thế kỷ XVI, còn có tượng Thích Ca sơ sinh, tượng Ngọc Hoàng[3]. Cũng có một số tượng chân dung như tượng hoàng thái hậu Nguyễn Thị Ngọc Toàn, tượng vua Mạc Đăng Dung ở chùa Trà Phương, tượng Bà Chúa Mạc ở chùa Phổ Minh. Các tượng này đều làm bằng đá.

---

(1) Theo văn bia này chỉ chùa Phúc Lâm Hoằng Thệ thờ nhà sư Nguyễn Đạo Hạnh thời Trần. Phải chăng đã có sự lẫn lộn giữa Từ Đạo Hạnh thời Lý, với nhà sư này.

(2) Tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay đã được nhắc đến từ thời Trần.

(3) Ở chùa Phúc Lâm Hoằng Thệ (Hà Nội) nói tới trên, có tấm bia năm Diên Thành thứ 1 (1578) cho biết trong chùa có các tượng Thích Ca sơ sinh, Ngọc Hoàng, Hộ Pháp, Thổ Địa.

Như vậy là trên điện thờ ở chùa thời Mạc, các tượng đã đông đúc hơn. Tượng Quan Âm nhiều tay thường được đặt chính giữa, chứ không phải là vị Bồ Tát ở bên cạnh Phật A Di Đà. Sự sùng bái Quan Âm ở thế kỷ XVI mở đầu cho sự phát triển tín ngưỡng này ở các thế kỷ sau, cùng với việc phổ biến các truyện thơ dân gian Quan Âm Thị Kính, Quan Âm Nam Hải, đã được Việt hóa hoàn toàn.

Đáng chú ý là vào thời Mạc, các trung tâm làm gốm nổi tiếng như Chu Đậu (tỉnh Hải Hưng), Bát Tràng (Hà Nội) đã cung cấp nhiều đồ thờ cho các chùa như lư hương, chân đèn. Đặc biệt là đồ gốm Mạc thường có tên tác giả. Một người làm gốm nổi tiếng bấy giờ là Đặng Huyền Thông. Trên một chân đèn do Đặng Huyền Thông làm năm 1598, có ghi tên những người cung tiến cho chùa Tô Lai (ở thôn Thanh Khiếu, xã Thượng Ốc, huyện Từ Liêm, Hà Nội).

Trong các thế kỷ XVII, XVIII, với sự hình thành hai tập đoàn thống trị Trịnh và Nguyễn, đất nước Việt Nam bị chia cắt thành hai miền. Đàng Ngoài và Đàng Trong. Cả ở Đàng Ngoài lẫn Đàng Trong, Phật giáo đều tiếp tục phát triển.

Thế kỷ XVII là một thời kỳ mà chùa tháp được xây dựng với quy mô to lớn và tốc độ ào ạt ở Đàng Ngoài. Phần lớn các công trình tu tạo này đều được sự bảo trợ của chúa Trịnh hay các vương phi trong phủ chúa. Sự phát triển của Phật giáo thời kỳ này còn được kích thích bởi sự du nhập của các phái Thiền Lâm Tế và Tào Động từ Trung Quốc đến. Năm 1633, nhà sư Trung Quốc Chuyết Chuyết thuộc phái Lâm Tế đã đến chùa Khán Sơn tại Thăng Long, đó là thời vua Lê Huyền Tông và chúa Trịnh Tráng. Sau đó, Chuyết Chuyết về tu ở chùa Phật Tích (tỉnh Bắc Ninh). Ông có hai đệ tử xuất sắc là Minh Hành, người Hoa và Minh Lương, người Việt. Học trò của Minh Lương là thiền sư Chân Nguyên (1647-1726) có thể coi là người có đóng góp to lớn cho sự phục hưng Phật giáo ở Đàng Ngoài, cả về hoạt động sáng tác, cả về hoạt động hoằng dương Phật pháp và xây dựng chùa tháp.

Nhà sư Thủy Nguyệt (1636-1704), người Hưng Nhân, tỉnh Thái Bình cũng sang học tập ở Trung Quốc và du nhập phái Tào Động vào Việt Nam năm 1667.

Có thể nói hầu hết những ngôi chùa lớn nhất còn lại ngày nay ở vùng đồng bằng Bắc Bộ là được xây dựng hay xây dựng lại vào thế kỷ XVII. Hãy kể một số chùa tiêu biểu:

Chùa Bút Tháp (tức Ninh Phúc tự, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) là một kiến trúc Phật giáo của thế kỷ XVII mà các nhà nghiên cứu mỹ thuật coi là đạt đến trình độ cổ điển. Cụm kiến trúc nằm trên một trục dài 150m, theo trật tự: tam quan - gác chuông - tiền đường - thiêu hương - thượng điện - cầu đá - Tích Thiện am - sân - nhà chung - phủ thờ - hậu đường. Hành lang hai bên bao gọn lấy tổng thể kiến trúc. Trong chùa còn có tấm bia dựng năm 1646, nói về việc thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc (vợ Lê Thần Tông) xin chúa Trịnh Tráng cho xây dựng chùa. Lại có tấm bia "Sắc kiến Ninh Phúc tự bi ký" năm 1647, do nhà sư Minh Hành Tại Tại, học trò sư Chuyết Chuyết soạn.

*Chùa Keo (*tức Thần Quang tự, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình) cũng được bắt đầu xây dựng vào thế kỷ XVII. Tấm bia năm Đức Long thứ 4 (1632) trong chùa cho biết bà Lại Thị Ngọc Lễ, vợ Tuấn Thọ hầu Hoàng Nhân Dũng đã đứng ra vận động quyên góp xây dựng chùa. Bà cung tần phủ chúa là Trịnh Thị Ngọc Trâm làm

hội chủ. Chùa xây năm 1630 và hoàn thành vào cuối năm 1632.

Chùa Mía (tức Sùng Nghiêm tự, xã Đường Lâm, huyện Ba Vì, Hà Nội) có tấm bia năm Đức Long thứ 6 (1634) ghi về lần xây dựng lại chùa theo quy mô lớn do bà Ngô Thị Ngọc Loan, vợ của Uy Lễ hầu Nguyễn Quảng Chính cùng các cung tần phủ chúa là Nguyễn Thị Ngọc Rệu, Nguyễn Thị Ngọc Thạch làm vào năm 1632.

Đó là chưa kể nhiều chùa khác, như chùa Phật Tích, với tấm bia "Vạn Phúc đại thiền tự bi" năm Chính Hòa thứ 7 (1686) nói về việc xây dựng lại chùa, chùa Thầy với hai chiếc cầu Nhật Tiên và Nguyệt Tiên do hoàng giáp Phùng Khắc Khoan xây năm 1602, chùa Trấn Quốc với bài bia của trạng nguyên Nguyễn Xuân Chính soạn, nói về lần trùng tu lớn năm Dương Hòa thứ 5 (1639), chùa Quỳnh Lâm với bài bia do tiến sĩ Nguyễn Thực soạn, nói về lần trùng tu năm 1629...

Không thể kể xiết! Có điều là qua các ngôi chùa hiện còn, cũng như các điều mô tả trong các văn bia biết việc "trùng tu" chùa ở thế kỷ XVII thực chất là xây dựng lại theo một quy mô lớn hơn trước. Bìa chùa Trấn Quốc năm 1639 viết: "Năm Dương Hòa thứ 5 (1639), hưng công tu sửa, trước hết dựng hậu đường, cổng có gác, tiếp theo dựng luôn hành lang bên trái và bên phải, định ra từng dãy, chia ra từng tòa, quy mô lớn, sức lực nhiều, so với người trước, công đức gấp trăm lần". Ở chùa Mía, tấm bia năm 1634 đã nói rõ, và được khẳng định lại trong tấm bia năm 1750, là chùa có từ trước, nhưng đến năm Đức Long thứ 4 (1632) mới xây các tòa thượng điện, thiêu hương, tiền đường, hậu đường và các hành lang bên trái và bên phải. Văn bia chùa Keo (Thần Quang tự, tỉnh Thái Bình) do tiến sĩ Nguyễn Thực soạn năm Đức Long thứ 4 (1632) cũng cho biết công việc xây dựng từ 1630 đến 1632 là "Dựng điện thờ Phật, xây đài thiêu hương, hai bên tả hữu từ trước đến sau có hành lang thẳng tắp, cộng thêm cửa tam quan trong ngoài và nhà am, nhà bia, tất cả hai mươi mốt dãy, gồm một trăm năm mươi tư gian, tường vách bao quanh bốn phía". Ở chùa Quỳnh Lâm, bài bia "Trùng tu tái tạo Tiên Du sơn đệ nhất Quỳnh Lâm tự bi" năm Đức Long thứ 1 (1629), cũng do tiến sĩ Nguyễn Thực soạn, cho biết lần này đã xây dựng điện Phật, nhà thiêu hương, tiền đường, nhà hậu Phật, hành lang tả hữu, nhà tăng, nhà kho, tam quan, gác chuông, tổng cộng 103 gian.

Có thể dẫn nhiều hơn, nhưng như thế cũng đủ để thấy rằng kiểu chùa được gọi là "*nội Công ngoại Quốc*", với hai dãy hành lang dài ở hai bên nối nhà tiền đường với dãy nhà sau, bắt đầu xuất hiện từ thế kỷ XVI, thì sang thế kỷ XVII trở thành phổ biến, và với quy mô lớn. Đó cũng là kiểu chùa thường được gọi là "trăm gian". Tất nhiên là mặt bằng kiểu chùa này có thể đa dạng, với sự thay đổi vị trí của một số kiến trúc, do óc sáng tạo của các kiến trúc sư mà ta đã thấy qua chùa Bút Tháp hay chùa Keo, nhưng những đặc trưng cơ bản của loại chùa này là giống nhau.

Trong một số chùa thế kỷ XVII ở Đàng Ngoài, ta còn biết đến ngôi nhà chứa tháp Cửu Phẩm Liên Hoa (Chín tầng hoa sen). Đó là một loại tháp bằng gỗ có thể quay được. Ngôi nhà đặt tháp Cửu Phẩm Liên Hoa ở chùa Bút Tháp gọi là Tích Thiện am, cao hơn 10m, có 3 tầng mái. Cây tháp Cửu Phẩm Liên Hoa ở đây cao 7,8m, có chân trụ ăn xuống một cối đồng, còn đỉnh tháp là đỉnh trụ thì chui qua một lỗ tròn của tấm ván được cố định với xà nóc của Tích Thiện am. Tháp có 9 tầng, ngăn nhau bởi các tòa sen

Nhà thượng điện chùa Bút Tháp, tỉnh Bắc Ninh có lan can đá bao quanh (2005).

và có 8 mặt. Trên các mặt tháp, có phù điêu hình các Phật và các cảnh lấy trong Phật thoại.

Trong thế kỷ XVII, nhà sư Chân Nguyên được nhắc đến ở trên đã cho dựng đến ba cây Cửu Phẩm Liên Hoa, một cây đặt ở chùa Quỳnh Lâm năm 1684, một cây đặt ở chùa Yên Tử năm 1687 và một cây đặt ở chùa Phẩm (tức chùa Đông Ngọ hay Cập Nhất, tỉnh Hưng Yên) năm 1692. Ở chùa Phẩm vẫn còn, cao 5,3m, có 6 mặt. Trên các mặt, xưa kia gắn 162 pho tượng Phật, nay chỉ còn 146 pho. Ở chùa Giám (Cẩm Bình, tỉnh Hải Dương) cũng còn một cây Cửu Phẩm Liên Hoa, khoảng cuối thế kỷ XVII.

Về điện thờ Phật ở thế kỷ XVII, thì có thể nói là gần như đã đủ mặt các tượng Phật và Bồ Tát như hiện nay. Đã xuất hiện bộ "Di Đà tam tôn", với Phật A Di Đà ngồi giữa, Bồ Tát Đại Thế Chí bên phải và Bồ Tát Quan Thế Âm bên trái. Bộ tượng Di Đà tam tôn của thế kỷ XVII ở chùa Thầy có lẽ là bộ tượng sớm nhất hiện có (có thể được tạc vào năm 1607).

Ở chùa Bút Tháp, vẫn còn giữ được nhiều tượng thế kỷ XVII. Đó là ba pho tam thế, tượng Văn Thù Bồ Tát cưỡi sư tử, tượng Phổ Hiền Bồ Tát cưỡi voi, tượng Tuyết Sơn, tượng Quan Âm tọa sơn (Quan Âm ngồi núi đá), và nổi tiếng nhất là pho Quan Âm nghìn mắt nghìn tay, cao 2m, có 42 tay lớn và 952 tay nhỏ, kể cả bệ cao 3,7m, bằng gỗ phủ sơn, do nhà điêu khắc họ Trương tạc năm 1656.

Về tượng Quan Âm thế kỷ XVII, còn có tượng 12 tay ở chùa Tây Phương (Hà Nội),

tượng 42 tay ở chùa Trăm Gian (Quảng Nghiêm tự, Hà Nội), và cuối cùng, phải kể đến pho Quan Âm nghìn mắt nghìn tay chùa Tam Sơn (tỉnh Hà Bắc), cao 1,61m, kể cả bệ 3,69m, có 42 cánh lớn mọc từ vai và sườn, cùng 950 tay nhỏ làm thành vòng hào quang lớn ở phía sau. Tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay Tam Sơn không có được cái vẻ lộng lẫy và cao cả như tượng Bút Tháp, có phần chân thực, trung hậu hơn, nhưng không nghi ngờ gì, nó vẫn là một kiệt tác của điêu khắc thế kỷ XVII.

Cùng với các tượng Quan Âm, đã có các tượng Kim đồng, Ngọc nữ, tượng các Thị giả.

Đã có bàn thờ Mẫu với các tượng Thánh Mẫu rất đẹp, như ở chùa Bút Tháp.

Người ta cũng đã đắp các tượng Hộ Pháp lớn bằng đất ở tiền đường. Chẳng hạn, văn bia chùa Long Khánh (xã Quỳnh Lôi,) do Phùng Khắc Khoan soạn năm 1607, cho biết là năm 1604, người ta đã đắp ở đây "hai tượng Hộ Pháp, ba tượng cô hồn".

Đặc biệt là trong các chùa thế kỷ XVII, phát triển các loại tượng chân dung, là tượng của những người đã bỏ tiền của xây chùa, như tượng "Bà Chúa Mía" ở chùa Mía, tượng hoàng thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc cùng công chúa Lê Thị Ngọc Duyên và quận chúa Trịnh Thị Ngọc Cơ ở chùa Bút Tháp. Ở chùa Thầy cũng có một nhóm phù điêu chân dung trên đá (gắn với bia), như chân dung bà Vũ thị (năm 1652), công chúa Minh Châu (năm 1673), bà Trịnh Thị Diệu Tuệ (năm 1683), bà Trịnh Thị Ngọc Trá (năm 1685)... Những phù điêu này nổi cao gần như tượng tròn, với các mặt sinh động, có cá tính.

Như vậy là chùa thế kỷ XVII đã rộng hơn, tượng thờ đã có nhiều hơn, tuy nhiên sự bài trí tượng chưa phải là đã thống nhất giữa các chùa.

Nhiều chùa thế kỷ XVII có thế lực kinh tế khá mạnh, được nhà nước quan tâm bảo trợ. Chẳng hạn, bài văn bia chùa Láng (Hà Nội) do Tiến sĩ Nguyễn Văn Trạc soạn năm 1656 có đoạn: "Ngày 15 tháng 5 năm Thịnh Đức thứ 4 (1656), vâng ban lệnh dụ chuẩn cấp cho toàn bộ các hạng quan viên chức sắc, binh dân xã Yên Lãng số tô ruộng công trong xã để làm thế nghiệp, các thuế hồ ao, bến đò và các ngạch thuế các hạng ruộng, toàn số chuẩn cho làm tạo lệ chùa Chiêu Thiền (tức chùa Láng), lưu truyền muôn đời để tiện việc thờ cúng, dâng hương chúc thánh, tôn sùng đạo Phật, vận nước dài lâu. Các nha môn được sai đến phải tuân lệnh này miễn trừ tất cả thuế đinh hằng năm, cũng như miễn việc đắp sửa đê đường cùng phu phen tạp dịch cho các hộ dân, không được quấy rầy, bắt bớ. Ai vi phạm lệnh này là có tội".

Đáng chú ý là thế kỷ XVII, có chùa nước, có chùa làng và có cả chùa tư của gia đình, nghĩa là của ông sư và vợ ông ta! Hiện tượng đặc biệt này được ghi trên văn bia chùa Đông Môn (Cửa Đông, Hà Nội) soạn năm Vĩnh Tộ thứ 4 (1622), ở phố Hàng Đường (Hà Nội): "Tiểu tăng này, tên [Nguyễn Văn Hiệp], tự là Đạo Án và vợ hiệu Diêu Bi vốn có một khu đất mua đứt của vị Tăng Thống xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm, tên là Phạm Đức, tự là Đạo Tâm và vợ là Phạm Thị Mi hiệu Từ Liên, với giá 300 quan tiền cổ.. Nay Đạo Án này và vợ đem khu đất ấy cúng làm đất chùa, hưng công xây dựng cho chốn bồ đề được mở rộng. Khi mọi việc làm xong, được vị Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô vương [Trịnh Tráng (đời chúa thứ ba của họ Trịnh, trị vì 1623-1652)], nghĩ tới tiểu tăng đã có hằng sản lại có hằng tâm, nên chuẩn ban cho làm chùa tư (tư tự), có thể truyền lại cho con cho cháu, có việc trụ trì, đốt hương chúc thánh". Rõ ràng là có

những ngôi chùa tư, thuộc sở hữu gia đình, con cháu được quyền thừa kế. Chùa thế kỷ XVII quả thật là đa dạng.

Sang thế kỷ XVIII, việc xây dựng và trùng tu chùa chiền ở Đàng Ngoài vẫn được các chúa Trịnh đẩy mạnh. Năm 1719, chúa Trịnh Cương (đời chúa thứ sáu của chúa Trịnh, trị vì từ 1709-1729) trùng tu chùa Phúc Long ở Lãng Ngâm (tỉnh Bắc Ninh) (chùa này được Trịnh Tráng cho xây năm 1648). Năm 1727, Trịnh Cương cho xây chùa Thiền Tây (huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc) và chùa Độc Tôn (huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên). Năm 1730, chúa Trịnh Giang lại cho trùng tu chùa Quỳnh Lâm và chùa Sùng Nghiêm. Công việc xây dựng các chùa này hết sức tốn kém, *Đại Việt sử ký tục biên* chép năm Long Đức thứ 3 (1734) "làm chùa Quỳnh Lâm, lấy dân phu ba huyện thuộc Hải Dương phục dịch, khai bốn đoạn sông để thông đường chuyển vận kéo gỗ chở đá, thường đến vạn người, cả ngày lẫn đêm không được nghỉ ngơi". Cũng sách đó chép năm Vĩnh Hựu thứ 2 (1736) "Mùa xuân tháng giêng, làm ba chùa Quỳnh Lâm, Hồ Thiên, Hương Hải, lấy dân các huyện Hiệp Sơn, Thủy Đường, Kim Thành, Đông Triều, Thanh Hà phục dịch".

Nhưng công việc xây dựng chùa chiền của chúa Trịnh bị dừng lại khoảng 1740, khi phong trào nông dân nổi dậy lan rộng.

Về kiến trúc chùa thế kỷ XVIII, không có gì đặc biệt (trừ hai chùa Tây Phương và Kim Liên thời Tây Sơn mà kiến trúc và điêu khắc sẽ nói đến sau).

Riêng về tượng thờ, cần chú ý đến chùa Giám (Nghiêm Quang tự) ở huyện Cẩm Bình (tỉnh Hải Dương) và chùa Mía (Sùng Nghiêm tự ở huyện Ba Vì, Hà Nội).

Chùa Giám có nhiều bia, bia năm Vĩnh Thịnh thứ 4 (1708), ghi việc tạo tượng Đế Thích ở đây. Bia năm Vĩnh Thịnh thứ 8 (1712) nói đến việc tạc tượng A Di Đà. Bia năm Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717) ghi việc đúc tượng Quan Âm bằng đồng 24 tay vào năm 1711. Cùng năm đó, đúc tượng Mục Liên, Giác Hoa. Năm 1715, làm tượng 8 vị Kim Cương, tứ đại Bồ Tát, 18 La Hán, Thánh Tăng, Hộ Pháp thiện thần, tam tổ (?). Ngày nay, trên điện thờ ở chùa Giám, không thể nhận ra các pho tượng thế kỷ XVIII mà văn bia đã nói đến.

Chùa Mía, như trên đã nói, được xây dựng lớn từ thế kỷ XVII, đến thế kỷ XVIII, được sửa chữa một phần, theo bia năm Cảnh Hưng năm thứ 11 (1750) đặt ở cửa vào chùa. Nhưng ở chùa Mía thì ngày nay có thể thấy được nhiều pho tượng thế kỷ XVIII, chứ không như ở chùa Giám. Đó là hai pho tượng Hộ Pháp cao 3,45m (kể cả bệ), 8 pho tượng Kim Cương cao 2,2m (kể cả bệ), và 18 pho La Hán cao chừng 1,35m, đều làm bằng đất sét phủ sơn. Trên thượng điện, còn có tượng Thích Ca, tượng Di Lặc và tượng tứ Bồ Tát (bốn Bồ Tát), tất cả cũng đều bằng đất phủ sơn. Tượng Quan Âm Nam Hải ở chùa này có 12 tay, bằng gỗ phủ sơn, cũng là một tác phẩm của thế kỷ XVIII.

Champa đã có thời chịu ảnh hưởng Phật giáo. Như ở kinh đô Indrapura (Đồng Dương - Thành phố Đà Nẵng ngày nay) (thế kỷ IX - X) đã tìm thấy dấu tích một tự viện. Cũng đã tìm thấy ở đây một tượng Phật bằng đồng mang phong cách Amaravati. Phật giáo ở đây đã là Phật giáo Đại Thừa, với sự sùng bái Bồ Tát Lokesvara (Quan Âm). Nhưng ảnh hưởng Phật giáo không duy trì lâu ở đây. Người Chăm chủ yếu theo đạo Bà La Môn và về sau, chuyển sang theo đạo Hồi. Phật giáo chỉ lan đến miền đất này ở các thế

kỷ sau, và phát triển lên, cùng với sự hình thành xứ Đàng Trong của các chúa Nguyễn.

Các chúa Nguyễn đều sùng Phật. Trong các thế kỷ XVII, XVIII, nhiều chùa chiền đã được xây dựng ở Đàng Trong. Ngay từ lúc mới vào trấn thủ đất Thuận Quảng, Nguyễn Hoàng đã cho xây dựng chùa Thiên Mụ trên đồi Hà Khê (nay ở xã Hương Long, Huế) năm 1601. Năm sau, Nguyễn Hoàng (được gọi là chúa Tiên, người đầu tiên lập ra chúa Nguyễn ở Đàng Trong, trị vì từ 1558-1613) đã đến đây lập đàn chay và làm lễ bố thí trong ngày hội Vu Lan. Ông đã cho dựng chùa Sùng Hóa ở xã Chiêm Ân, huyện Phú Vang (Thừa Thiên-Huế). Năm 1607, Nguyễn Hoàng cho xây chùa Bảo Châu (ở Trà Kiệu, tỉnh Quang Nam). Năm 1609, ông lại cho xây chùa Kính Thiên (ở Thuận Trạch, tỉnh Quảng Bình). Sau khi dựng xong dinh Quảng Nam, ông đã cho xây chùa Long Hưng ở gần phía đông của dinh.

Trong thế kỷ XVII, nhiều nhà sư Trung Quốc đã du nhập các phái Thiền Lâm Tế và Tào Động vào Đàng Trong, làm cho Phật giáo ở đây thêm phát triển và các chùa tháp do vậy cũng mọc lên nhiều.

Một trong các nhà sư phái Lâm Tế đến Việt Nam là Nguyên Thiều, người Quảng Đông. Ông theo thuyền buôn đến Việt Nam vào năm 1665 (có người cho là 1677(đời chúa Nguyễn Phúc Tân (đời chúa thứ tư của chúa Nguyễn, trị vì từ 1648-1687). Ông đã xây chùa Thập Tháp Di Đà ở Bình Định. Sau đó ông ra Thuận Hóa, lập chùa Phước Thành (tức chùa Hà Trung) ở Hương Phú, rồi lên Phú Xuân, lập chùa Vĩnh Ấn, khoảng năm 1664. Năm 1689, chúa Nguyễn Phúc Trăn (đời thứ sáu của chúa Nguyễn, trị vì từ 1687-1691) đã đổi tên chùa thành Quốc Ân.

Thiền sư Giác Phong cũng đến Việt Nam vào thế kỷ XVII và dựng chùa Thiên Thọ trên đồi Hàm Long (nay thuộc địa phận phường Phường Đúc, Thuận Hóa, Thừa Thiên-Huế), sau đổi tên thành chùa Bảo Quốc. Nhà sư người Việt Nam là Liễu Quán đã đến thụ giáo với Giác Phong ở chùa này vào khoảng 1690-1691.

Thiền sư Tử Dung người Quảng Đông cũng đến Thuận Hóa và lập ra chùa Ấn Tôn vào khoảng sau năm 1695. Năm 1841, vua Thiệu Trị (Miên Tông - vua thứ ba triều Nguyễn, trị vì từ 1841-1847) mới đổi tên chùa này thành Từ Đàm. Học trò gần gũi của thiền sư Tử Dung là sư Liễu Quán đã nhắc tới ở trên.

Một nhà sư Trung Quốc khác là Từ Lâm, có lẽ đã đến Đàng Trong cùng thời với sư Nguyên Thiều, đã dựng chùa Từ Lâm ở Thuận Hóa. Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo, người Phúc Kiến, đến Đàng Trong trong thời chúa Nguyễn Phúc Trăn (1687-1691), đã dựng chùa Phúc Thánh (tỉnh Quảng Nam).

Nhà sư đem phái Tào Động đến Đàng Trong đầu tiên có lẽ là Hưng Liên, ông được chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) tôn làm quốc sư. Ông đã cho lập chùa Tam Thai (tỉnh Quảng Nam), phía tây Ngũ Hành Sơn, vào khoảng trước năm 1695. Ông là học trò của nhà sư Thạch Liêm, tức Thích Đại Sán, thuộc phái Tào Động, đã đến Đàng Trong năm 1695.

Sang thế kỷ XVIII, việc xây dựng chùa tháp gắn liền với môn phái Liễu Quán, mà người sáng lập nhà như sư Liễu Quán, người Phú Yên. Ông là học trò của nhà sư Tử Dung phái Lâm Tế Trung Quốc, nhưng ông đã cố gắng Việt hóa phái này, và cũng như sư Chân Nguyên ở Đàng Ngoài, ông được coi là người có công trong việc phục hưng Phật giáo Đàng Trong.

Chùa Linh Sơn, tỉnh Lâm Đồng (1991).

Đầu thế kỷ XVIII, ông đã cho dựng ở Thuận Hóa chùa Thiền Tông (Thuyền Tôn) ở núi Thiên Thai, chùa Viên Thông ở chân núi Ngự Bình và các chùa Hội Tông, Cổ Lâm, Bảo Tịnh ở Phú Yên.

Khi chúa Nguyễn vào vùng Gia Định thì một số nhà sư cũng theo đến vùng đất mới. Chẳng hạn, thiền sư Đạt Bổn đã từ Quy Nhơn vào Đông Phố (Gia Định) lập chùa Thiên Trường năm 1755. Chùa này về sau đổi tên là chùa Kim Chương. Chính ở chùa này, Nguyễn Phúc Dương đã được suy tôn để chống lại quân Tây Sơn. Sư Phật Ý cũng đã xây chùa Từ Ân (nay ở quận 6, thành phố Hồ Chí Minh) vào năm 1752. Một ngôi chùa khác cũng được xây ở Gia Định vào đời chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765) là chùa Tập Phước. Chưa biết ai là người xây dựng chùa Tập Phước. Có thuyết nói đó là sư Viên Quang. Có thuyết nói đó là sư Mật Hoằng, sư đệ của Viên Quang, còn Viên Quang thì tu ở chùa Giác Lâm (được xây từ năm 1744). Mật Hoằng và Viên Quang đều là đệ tử của thiền sư Linh Nhạc thuộc phái Nguyên Thiều.

Nhưng các nhà sư còn đi xa hơn. Ở Tây Ninh, thiền sư Đạo Trung, thuộc thế hệ thứ tư của phái Liễu Quán, đã xây dựng chùa Linh Sơn vào năm 1763. Sau 30 năm trụ trì ở đây, ông giao chùa Linh Sơn cho đệ tử là Tánh Thiên và về khai sơn chùa Long Hưng ở Thủ Dầu Một, vào năm 1794.

Như vậy là trong các thế kỷ XVII, XVIII, chùa chiền đã mọc lên khắp xứ Đàng Trong, lan rộng cho đến lưu vực sông Cửu Long. Chưa có công trình nào nghiên cứu sâu về kiến trúc cũng như tượng thờ trong các chùa ở thời kỳ này. Vả lại, các ngôi chùa cổ, phần thì đổ nát, phần thì được trùng tu qua nhiều đời, khó mà thấy rõ được hình dáng xưa kia của chúng.

Có thể nghĩ rằng, các chùa Đàng Trong bấy giờ thường được xây theo hai kiểu:

Kiểu chùa chữ *Khẩu* (口) phổ biến ở vùng Thuận Hóa, gồm bốn tòa nhà ở bốn mặt, tòa phía trước bao giờ cũng là chính điện, còn ba tòa kia là nhà thiền, nhà chúng và nhà khách. Chính điện bao giờ cũng có phía trước thờ Phật, phía sau thờ Tổ. Đây cũng là đặc điểm chung cho các chùa cổ miền Nam. Còn vị trí và chức năng của ba tòa nhà sau thì không cố định. Đáng chú ý là chùa bao giờ cũng có một khoảng sân rộng, có vườn hoa, cây cảnh.

Kiểu chùa chữ *Tam* (三) cũng khá phổ biến, cho đến tận Gia Định. Chùa thường là ba nếp nhà gồm chính điện, giảng đường và nhà trai. Các ngôi nhà này thường có đường nóc ngắn, bốn mái rộng, mà dân địa phương quen gọi là nhà kiểu *bánh ít*. Chính điện thường cũng có một mặt thờ Phật, một mặt thờ Tổ. Kiến trúc các chùa Đàng Trong chịu nhiều ảnh hưởng kiến trúc Trung Hoa. Mái lợp ngói ống khá phổ biến.

Tuy cũng là các chùa Đại Thừa, nhưng nhìn chung các chùa Đàng Trong có ít tượng, Phật điện không đông đúc như ở Đàng Ngoài. Trên bàn thờ các chùa cổ vùng Gia Định thường có bày ở phía trước 5 pho tượng, gồm các vị cưỡi trên mình thú, thường được gọi là Ngũ Hiền. Có lẽ nguồn gốc của 5 vị này là mở rộng từ bộ ba Thích Ca, Văn Thù, Phổ Hiền, thêm Quan Âm và Thế Chí.

Vào cuối thế kỷ XVIII, khi phong trào Tây Sơn thắng lợi, triều đại Tây Sơn được thành lập, Phật giáo vẫn tiếp tục phát triển, không hề bị cản trở.

Ở miền Bắc, có hai ngôi chùa nổi tiếng được xây dựng lại vào thời kỳ này, đó là chùa Kim Liên và chùa Tây Phương.

Chùa Kim Liên (có tên là Đại Bi tự) ở Nghi Tàm, bên Hồ Tây, Hà Nội. Chùa đã có từ sớm, được trùng tu nhiều lần, nhưng lần xây dựng lại năm Quang Trung thứ 5 (1792) (theo bia hậu) là một lần xây dựng cơ bản. Cụm kiến trúc chính gồm 3 nếp nhà mái kép song song, theo bố cục chữ *Tam*. Tiền đường có 5 gian với 4 vì kèo, 4 hàng chân cột và 2 vì hồi. Chính cung 3 gian. Điện thờ 5 gian. Như vậy là nếp nhà giữa hơi thụt vào so với hai nhà trước và sau. Các vì kèo đều theo lối chồng rường nâng 2 tầng 8 mái với các đầu đao cong. Kết cấu vì kèo là theo kiểu "chồng rường bẩy hiên", có bẩy vuông góc với thân cột.

Chùa Tây Phương (hay Sùng Phúc tự, ở huyện Thạch Thất, Hà Nội) được xây dựng lại năm 1794, cũng có kiểu dáng tương tự chùa Kim Liên. Chùa ở trên núi, phải qua 250 bậc đá ong mới đến. Ở đây cũng có 3 nếp nhà thượng, trung, hạ, song song nhau, với kết cấu vì kèo "chồng rường bẩy hiên". Các đầu đao kép uốn hình phượng rất cong, so le nhau.

Có người cho rằng kiến trúc hình chữ *Tam* của các chùa này biểu hiện ảnh hưởng từ phía nam, nhưng ý kiến đó không có cơ sở chắc chắn.

Các tượng thờ thế kỷ XVIII ở chùa Tây Phương thật đặc sắc, trong đó có bộ Di Đà tam tôn, các tượng Tuyết Sơn, Di Lặc, Văn Thù, Phổ Hiền và bát bộ Kim Cương (nay chỉ còn 7). Nhưng đáng chú ý nhất là 18 pho tượng Tổ (thường được coi là tượng La Hán). Tất cả đều sinh động, hiện thực, từng pho biểu hiện rõ tính cách, nội tâm riêng biệt. Đây là những kiệt tác trong kho tàng điêu khắc Việt Nam.

Sau khi nhà Tây Sơn (1778-1802) thất bại, Nguyễn Ánh (Nguyễn Phúc Ánh, Gia Long - người khai sinh ra triều Nguyễn (1802-1945), trị vị từ 1802-1820) thì Phật giáo Việt Nam ở vào một tình thế khá đặc biệt. Vì các ông vua triều Nguyễn có thái độ rất khác nhau đối với Phật giáo, nên số phận của tôn giáo này cũng có những bước thăng trầm.

Nguyễn Ánh lên ngôi, tức vua Gia Long (1802-1820), tỏ ý muốn hạn chế Phật giáo. Ông đã ra lệnh: "Gần đây có kẻ sùng phụng đạo Phật, xây dựng chùa chiền quá cao, lầu gác hết sức tráng lệ, đúc chuông tô tượng rất đỗi trang hoàng, cùng là làm đàn chay, chạy đàn, mở hội, phí tổn về cúng Phật, nuôi sư không thể chép hết, để cầu phúc báo viển vông, đến nỗi tiêu hao máu mỡ. Vậy từ nay về sau, chùa có đổ nát mới được tu bổ, còn làm chùa mới và tô tượng đúc chuông, đàn chay, hội chùa, hết thảy đều cấm"[1]. Một đại thần của Gia Long là Ngô Tòng Chu cũng nói: "Nhà vua bài trừ đạo Phật là việc rất hay... Tôi không ghét riêng gì nhà sư, nhưng cái hại của nhà Phật, Lão còn quá hơn Dương, Mặc"[2].

---

(1) *Đại Nam thực lục chính biên.*
(2) *Như trên*

Chùa Hội Đức, tỉnh Vĩnh Long (2008)

Nhưng thái độ của Minh Mạng (1820-1840) và Thiệu Trị (1841-1847) đối với Phật giáo đã đổi khác. Minh Mạng muốn ủng hộ Phật giáo, nhưng mặt ngoài tỏ vẻ lừng khừng. Chẳng hạn, ông cho dựng lại chùa Thánh Duyên năm 1826, đến thăm và đề thơ ở đây, nhưng lại nói: "Trẫm đối với đạo Phật, cái ý không khen không chê, đã biểu hiện ở bài thơ này vậy"[1]. Thiệu Trị đã tích cực trong việc xây dựng chùa tháp, tô tượng, đúc chuông... Năm 1844, Thiệu Trị đã cho xây tháp Từ Nhân (sau đổi tên là Phước Duyên) cao 7 tầng ở chùa Thiên Mụ. Cũng năm này, ông cho dựng chùa Diệu Đế.

Tự Đức (1848-1883) lên ngôi, lại trở lại với những lệnh cấm đối với Phật giáo như thời Gia Long. Khi quan tỉnh Bình Định là Vương Hữu Quang đón sư đọc kinh để cầu mưa, thì Tự Đức đã phán: "Kinh Phật là việc không nên đem làm khuôn mẫu cho quan dân, nay chuẩn phạt tỉnh thần ấy ba tháng lương"[2]. Nhưng ông vua nhu nhược này chẳng có chủ trương nào nhất quán. Chính Tự Đức, năm 1853, đã sắc ban ruộng đất cho các chùa Thiên Mụ, Diệu Đế, Thánh Duyên, Linh Hựu, Long Quang, Tam Thai, Ứng Châu và Khải Tường.

Vì vậy, từ thời Minh Mạng cho đến thời Tự Đức, nhiều ngôi chùa ở vùng Huế được xây dựng như Diệu Đế, Vạn Phước, Từ Hiếu... Các ngôi chùa Huế cùng với các kiến trúc khác, đã làm hình thành dần phong cách nghệ thuật Nguyễn.

Miền Bắc, nay đã xa kinh đô, các chùa chiền, tuy không được xây dựng ồ ạt như trước, nhưng việc trùng tu vẫn tiếp tục mở rộng, đến nỗi gần như không có ngôi chùa nào là không có dấu vết của thế kỷ XIX. Ngay giữa đất Thăng Long, cây tháp cao 10 tầng nay vẫn sừng sừng trước chùa Liên Phái (vốn tên là Liên Tông, nhưng vì kiêng húy thời Nguyễn, nên phải đổi) là một công trình được dựng năm 1890. Hệ thống tượng của chùa Liên Phái cũng như chùa Bà Đá (Hà Nội) phần lớn là có niên đại thế kỷ XIX. Có thể nói cách sắp xếp tượng ở các Phật điện như ta thấy hiện nay chủ yếu đã hình thành ở thế kỷ XIX.

Ở đất Nam Bộ, mà *Đại Nam thực lục chính biên* đã chép là "tục Gia Định hay thờ Phật", đã có hàng loạt chùa được xây dựng trong thế kỷ XIX như Giác Viên, Long Nhiễu, Phụng Sơn (chùa Gò), Linh Sơn... Nhiều pho tượng thế kỷ XIX vẫn còn đến ngày nay như tượng Hộ Pháp ở chùa Phước Tường, một số pho tượng ở chùa Hội Sơn hay chùa Vạn Đức.

Thế kỷ XX, với sự tiếp xúc với văn minh phương Tây, đã đem lại không ít sự biến chuyển đối với kiến trúc Phật giáo Việt Nam. Nếu trước đây, ta đã biết đến một nhà thờ Phát Diệm (huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình) gần gũi với kiến trúc đền chùa, thì năm 1920, hòa thượng Phạm Quang Tuyên đã cho xây dựng

---

(1) *Đại Nam thực lục chính biên.*
(2) *Như trên*

Chính điện Chùa Cổ Lễ,
tỉnh Nam Định (2010)

Tháp chùa Vĩnh Nghiêm,
Thành phố Hồ Chí Minh (2003)

Mặt trước chùa Tây An,
tỉnh An Giang (2003)

một chùa Cổ Lễ (huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định) có chính điện cao vút, phảng phất một thánh đường.

Và năm 1934, ngôi chùa Quán Sứ (quận Hoàn Kiếm, Hà Nội) thời Lê-Nguyễn đã biến mất, để nhường chỗ cho ngôi chùa mới theo thiết kế của kiến trúc sư Tây học. Sắt, thép, xi-măng bắt đầu thay thế các vật liệu truyền thống. Tên chùa và các câu đối chữ Quốc ngữ dần thay cho các dòng chữ Hán. Khắp cả ba miền Bắc Trung Nam đều như vậy.

Từ nửa sau của thế kỷ này, đặc biệt là ở miền Nam, nhiều ngôi chùa tân kỳ đã mọc lên, ngoài các yếu tố truyền thống, đã hội nhập nhiều nét Trung Hoa, Nhật Bản, Ấn Độ và thậm chí cả phương Tây[1]. Cũng phải thừa nhận rằng có nhiều kiến trúc thể nghiệm thành công.

Theo dõi bước đi của ngôi chùa Việt Nam qua lịch sử, ta thấy rõ là ở mỗi thời kỳ, các ngôi chùa, ngọn tháp đều có một kiểu dáng riêng biệt. Bao giờ cái truyền thống cũng gắn liền với cái cách tân. Thế thì trước những biến chuyển hiện tại của ngôi chùa Việt Nam, chúng ta cũng không lấy gì làm ngạc nhiên. Có điều là truyền thống và đổi mới phải kết hợp thế nào để đừng làm mất đi bản sắc dân tộc. Đó là bài toán khó, nhưng cha ông chúng ta đã giải được. Đó là điều chúng ta phải suy nghĩ trong hiện đại.

---

(1) Sự đa dạng của các ngôi chùa miền Nam còn có một lý do quan trọng là sự xuất hiện của nhiều hệ Phật giáo. Ở vùng đất Nam Bộ, Phật giáo có ba hệ phái chính: Bắc Tông, Nam Tông và Khất Sĩ. Bắc Tông mang tính chất Đại Thừa. Nam Tông hay Phật giáo nguyên thủy (Theravada) do Hộ Tông truyền từ Cămpuchia sang vào những năm 1938-1939, lập ngôi chùa đầu tiên là Bửu Quang ở Gò Dưa. Nhưng phải đến năm 1957, phái này mới được chính thức công nhận, lấy tên là "Giáo hội Tăng Già Phật giáo nguyên thủy Việt Nam". Còn Khất Sĩ là một phái Phật giáo riêng, do Minh Đăng Quang thành lập, chính thức bắt đầu từ chùa Linh Bửu (Mỹ Tho) năm 1944. Nhưng phải đến năm 1966, giáo phái này mới được công nhận là "Giáo hội Tăng Già Khất Sĩ Việt Nam".

CHÙA VIỆT NAM

trong đời sống văn hóa cộng đồng

Tín ngưỡng, tôn giáo chỉ là một mặt của văn hóa. Văn hóa còn bao gồm nhiều mặt khác. Nhưng ngôi chùa cũng không phải chỉ biểu hiện cho tín ngưỡng. Ngôi chùa phản ánh nhiều mặt khác của văn hóa.

Trên đây, chúng ta đã cùng nhau khảo sát ngôi chùa Việt Nam qua các chặng đường lịch sử. Qua đó, chúng ta cũng đã biết được ít nhiều về vị trí của ngôi chùa trong đời sống văn hóa quá khứ của dân tộc này. Ta đã thấy qua bề dày lịch sử, sự hòa quyện của Phật giáo và các tín ngưỡng cổ truyền. Ta cũng đã gặp qua các thời kỳ, các vẻ đẹp và điêu khắc và kiến trúc chùa Việt Nam. Tất cả những điều đó biểu hiện một phần tâm hồn Việt Nam, bản sắc Việt Nam. Nhưng như vậy, ta mới chỉ xem ngôi chùa Việt Nam như những di tích văn hóa. Mà các di tích thì bao giờ cũng im lặng và ngưng đọng, như trong không khí của các bảo tàng. Các ngôi chùa quả đúng là các bảo tàng: bảo tàng kiến trúc, bảo tàng điêu khắc, bảo tàng của những bi ký[1] hay của những ván in sách...

Nhưng chúng tôi không muốn nói đến những cái đó ở phần này, mặc dầu đó cũng là văn hóa.

Chúng tôi muốn nói về một ngôi chùa đang sống thật sự giữa các cộng đồng làng xã Việt Nam. Nơi đây "đất vua, chùa làng" mà! Làng Việt Nam là làng của những người nông dân trồng lúa nước, với hai vụ thu hoạch. Sinh hoạt của các ngôi chùa không thể nào tách rời khỏi cái nhịp điệu mùa của làng. Chúng ta biết rằng, trong các ngôi chùa, đều có mùa *an cư kết hạ* (ở yên trong mùa hè) tức là mùa mà các chư tăng họp nhau tịnh tu trì giới, học tập giáo lý, trong ba tháng không đi ra ngoài. Lễ kết hạ có nguồn gốc từ lịch sử Phật giáo Ấn Độ. Người ta nói rằng, đức Phật trong cuộc đời hoằng pháp của mình, đã đi nhiều nơi, nhưng đến mùa mưa thì nghỉ lại, chỉ giảng dạy cho các đệ tử gần gũi của mình. Lễ kết hạ là tiếp tục truyền thống đó. Ở Việt Nam, theo các ghi chép, lễ kết hạ đã thấy có từ thời Lý. Trong các chùa Việt Nam, mùa kết hạ bắt đầu vào ngày rằm tháng tư Âm lịch và được kết thúc (gọi là *xuất hạ* hay *giải hạ*) vào ngày rằm tháng bảy Âm lịch. Thế nhưng, ngay ở Hà Nội hiện nay, các chùa ở các huyện ngoại thành bao giờ cũng được phép kết hạ muộn hơn một tháng. Lý do thật đơn giản, đó là vì ngoại thành Hà Nội đã là làng quê, mà trong tháng tư, tháng năm thì gặt hái đã xong đâu! Chừng đó thôi cũng đã thấy sự gắn bó giữa ngôi chùa Việt Nam với làng xã Việt Nam.

Và mùa kết hạ cũng không thể kéo dài. Ngày rằm tháng bảy là ngày lễ quan trọng của Phật giáo, đó là ngày hội (Vong nhân xá tội). Từ thời Lý-Trần đã thấy chép đến ngày lễ này. Lễ Vu Lan được tổ chức dựa vào kinh Vu Lan Bồn (Ullambana) để cầu nguyện cho người chết được siêu độ. Nhưng vì người Việt Nam là

---

(1) Chẳng hạn, chùa Vân (có tên là Diên Phúc tự), ở xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang có đến 100 tấm bia, trong đó hơn 30 bia có niên đại thế kỷ XVII và XVIII.

những người thờ cúng tổ tiên nên ngày lễ này trở thành có ý nghĩa đặc biệt. Người ta tin là vào ngày đó, linh hồn ông bà cha mẹ hay người thân thích đã chết được xá tội trở về (chỉ được tự do trong một ngày mà thôi!) và con cháu phải bày lễ cúng tế cẩn thận. Ở các chùa thì chư tăng thường làm lễ phóng sinh (như thả tự do cho chim, cá), nhưng đặc biệt là làm lễ chẩn tế cô hồn. Cô hồn là hồn những người chết bơ vơ, không nơi nương tựa, trở về xin "miếng cháo lá đa". Lễ chẩn tế còn gọi là lễ thí thực (cho ăn) là vì vậy. Những áng văn Nôm được truyền tụng như *Thập giới cô hồn quốc ngữ văn*, được coi là của Lê Thánh Tông, *Văn tế thập loại chúng sinh* của Nguyễn Du đều là lấy cảm hứng từ việc chẩn tế cô hồn ngày rằm tháng bảy.

Ngoài hội Vu Lan, hội Phật Đản (ngày sinh của đức Phật) vào ngày 8 tháng tư Âm lịch[1] cũng là một hội lớn của Phật giáo. Từ thời Lý-Trần, hội Phật Đản đã được tổ chức trọng thể. Một nghi thức quan trọng của ngày hội này là tắm Phật. Sách *An Nam chí lược* của Lê Trắc thời Trần chép: "Mài trầm hương, hòa hương với nước đem tắm tượng Phật. Dùng bánh tròn tinh khiết để dâng cúng". Ngày nay, người ta thường dùng nước ngũ vị hương (nước nấu bằng các hoa cỏ thơm) dội lên tượng Phật. Cái khăn lau tượng bằng vải đỏ cũng được xé ra chia cho mỗi người một mảnh để cầu phúc.

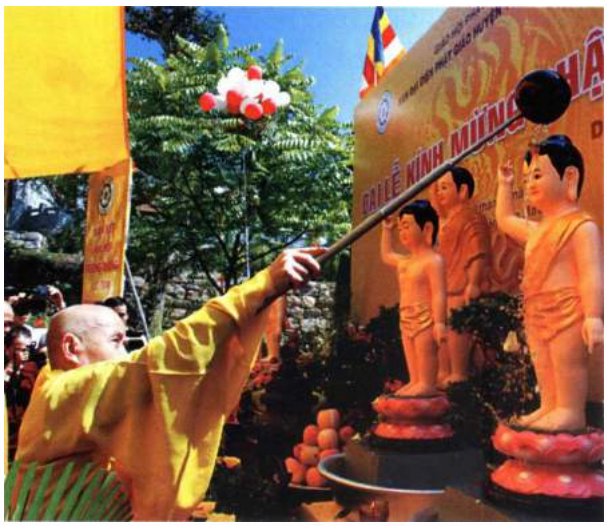

Lễ tắm tượng Phật, chùa Phật Tích tỉnh Bắc Ninh
Hội Phật Đản 2010

Lễ tắm Phật ở Việt Nam còn gắn liền với tín ngưỡng cầu mưa của người nông dân. Người ta tin rằng, trong ngày mồng 8 tháng tư, trời thế nào cũng mưa để lấy nước tắm Phật. Và ngược lại, lễ tắm Phật bằng cách dội nước cũng là một hình thức cầu mưa. Người nông dân Việt Nam tin rằng, ngày 8 tháng tư mà không mưa thì mùa màng sẽ mất. Đã có câu ca dao:

Mồng tám tháng tư không mưa,
Vứt cả cày bừa mà lấp ruộng đi.

Những cư dân trồng lúa cần nước. Trong bốn nhu cầu thiết yếu mà người nông dân Việt Nam đã tổng kết là "nước, phân, cần, giống" thì nước là hàng đầu. Mà ở khu vực nhiệt đới gió mùa này, nói đến nước là nói đến mưa. Chính vì thế mà khi Phật giáo mới truyền nhập vào Việt Nam, thì tại trung tâm đầu tiên là Luy Lâu, tức vùng Dâu, nó đã gắn kết với sự sùng bái bốn nữ thần Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Các nữ thần này được thờ trong bốn ngôi chùa mà tượng của họ còn to hơn cả tượng Phật. Mây, mưa, sấm, chớp chỉ là biểu hiện của mưa. Cho nên có thể gọi chung bốn nữ thần này là các nữ thần mưa. Và họ đã được Phật hóa, đã

---

(1) Trước đây, theo truyền thống, ở Việt Nam ngày Phật Đản là ngày 8 tháng tư. Hiện nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam quy định chuyển lễ Phật Đản vào ngày rằm tháng tư Âm lịch.

trở thành các Phật. Từ các vua Lý đến các vua Lê, mỗi lần có hạn hán, đều cho rước Phật Pháp Vân về Thăng Long để làm lễ cầu mưa.

Như đã nói ở trên, hệ thống chùa Tứ Pháp có ở nhiều nơi trên châu thổ sông Hồng. Các hội chùa Tứ Pháp cho ta thấy một cách sống động sự tiếp hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng cầu mùa của người nông dân Việt Nam vẫn diễn ra.

Một số chùa Tứ Pháp như Dâu (tỉnh Bắc Ninh), Thứa (tỉnh Hưng Yên) mở hội vào ngày 8 tháng tư, trùng với ngày Phật Đản.

Dù ai đi đâu về đâu

Hễ trông thấy tháp chùa Dâu thì về.

Dù ai buôn bán trăm nghề

Nhớ ngày mồng tám thì về hội Dâu.

Vì đây là các chùa thờ Phật, các nữ thần Tứ Pháp cũng đã trở thành Phật Bà, nên việc lấy ngày Phật Đản làm ngày hội cũng không có gì đáng ngạc nhiên. Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu đã lưu ý rằng, gần với ngày này, nhiều hội làng đã được mở trong vùng đồng bằng Bắc Bộ:

Mồng bảy hội Khám[1]

Mồng tám hội Dâu,

Mồng chín đâu đâu

Cũng về hội Gióng[2]

Và có giả thuyết là những ngày này trùng hợp với *Tết Mưa dông* hay *Hội Sấm dậy* của vùng Đông Nam Á.

Trong hội chùa Dâu, ngày 8 tháng tư, các làng rước tượng ba bà Pháp Lôi, Pháp Vũ, Pháp Điện về chùa Dâu để họp mặt với chị cả là bà Pháp Vân. Người dự hội rất đông. Để "dẹp đám", tức mở đường cho đám rước, các tráng đinh đi theo kiệu bà Pháp Điện, người em út, múa một vũ khúc mạnh mẽ bằng 32 chiếc gậy.

Đúng Ngọ (12 giờ trưa), bà Pháp Vân (tức Bà Dâu) thi cướp nước với người em thứ hai là bà Pháp Vũ (tức Bà Dậu). Kiệu của hai bà được rước chạy từ cửa chùa Dâu ra cửa tam quan, được đặt xuống, người ta múc nước trong giếng, rồi rước kiệu về. Nghi thức cướp nước, lần nữa, cho ta liên hệ với lễ cầu mưa.

Sau đó đám rước lại đưa kiệu bốn Bà về chùa Tổ ở Mãn Xá để bái vọng Man Nương, được coi là mẹ của cả bốn nữ thần.

Ngày hôm sau, kiệu của bốn Bà được rước về chùa Tổ để thăm Mẹ lần nữa, sau đó các Bà trở về các ngôi chùa của mình.

Trong hội Dâu, ngoài trò cướp nước, dâng nước, đánh gậy, còn có múa hóa trang rùa và hạc, múa sư tử, múa trống, đấu vật, đánh cờ người và đốt pháo bông[3].

Ở các chùa thờ Tứ Pháp trong vùng huyện Mỹ Văn (tỉnh Hưng Yên), thì trong ngày hội, tượng của các nữ thần cũng được rước đến thăm nhau, riêng tượng bà Pháp Điện thì không bao giờ được rước khỏi chùa, mà chỉ chờ các bà chị đến, vì Pháp Điện là nữ thần Chớp, người ta tin rằng, nếu rước Bà khỏi chùa thì sẽ gây hỏa hoạn, Bà nhìn vào đâu thì ở đấy cháy.

Đó là trong những ngày hội định kỳ. Những ngày hội này là lễ "giao hiếu" giữa các thần mà cũng là giữa các làng. Còn vào lúc có hạn hán thì phải làm lễ *đảo vũ* tức lễ cầu mưa.

---

(1) Hội làng Ngọc Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

(2) Hội đền Phù Đổng, thờ Thánh Gióng, ở xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

(3) Lê Trung Vũ (chủ biên): *Lễ hội cổ truyền,* Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992, tr.188-189.

Hội làng Triều Khúc, Hà Nội (2006)

Chúng tôi muốn nhắc lại ở đây các lễ đảo vũ trong chùa Tứ Pháp vùng Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

Chùa Thái Lạc, nổi tiếng với những phù điêu thời Trần được nhắc đến ở phần trên cũng là ngôi chùa bà Pháp Vân (nên chùa có tên là Pháp Vân tự) ở vùng này. Lúc có hạn hán, người ta rước tượng Pháp Vân ra khỏi chùa, cùng với tượng của các bà Pháp Lôi, Pháp Vũ ở các chùa gần đó đến chùa Ôn Xá, được gọi là chùa Un, nơi thờ bà Pháp Điện để làm lễ cầu mưa. Tượng các Bà đều lớn, phải đặt lên bệ gỗ vuông, có sáu vòng sắt ở hai bên. Người ta luồn hai đòn gỗ sơn son qua các vòng sắt để khiêng. Người khiêng, được gọi là *phù giá,* là những trai tráng khỏe mạnh ở trần đóng khố vải điều, có tấm vải choàng chéo từ vai xuống sườn, được ghim lại ngang hông và hai đầu tấm vải buông tận đầu gối. Một người cầm cờ lệnh đi phía trước, hò lớn câu:

Ba Bà trẩy hội chùa Un

Mưa gió dùn dùn... thiên hạ dễ làm ăn... này.

Phật Bà ở làng nào thì có các cô gái làng ấy đi theo hai bên kiệu, một tay cầm quạt, một tay cầm phướn, vừa đi vừa kể hạnh, kể sự tích Tứ Pháp và niệm Nam Mô... Nếu gặp lúc mưa dầm dai dẳng thì người ta lại rước các Bà về chùa Un để cầu tạnh.

Lễ cầu mưa ở vùng chùa Thứa (Đại Bi tự, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên) có phần phức tạp hơn. Năm nào đại hạn, một chùa trong bốn chùa Tứ Pháp sẽ làm lễ cầu mưa ba ngày đêm, xong đóng cửa chùa nghỉ ba ngày. Nếu chưa mưa thì làm lễ cầu lại, rồi nghỉ chờ ba ngày. Nếu hai lần làm lễ cầu rồi mà trời vẫn chưa mưa thì phải cho người đến chùa Tứ Pháp bên cạnh làm lễ cầu mưa tiếp. Nếu đến lần thứ ba mà vẫn không mưa thì phải làm lễ xin keo (tức gieo hai đồng tiền) xin rước các Bà hội với nhau. Trước tiên là rước bà

Pháp Vũ ở chùa làng Thanh Xá đến chùa làng Hoàng Đôi, nơi thờ bà Pháp Lôi. Dân hai làng làm lễ ở đây một đêm. Hôm sau, hai Bà lại được rước đến chùa làng Yên Phú, nơi thờ bà Pháp Điện. Hai Bà ở lại đây một đêm, để dân làng làm lễ cầu mưa, rồi hôm sau lại được rước đi. Chúng ta nhớ là bà Pháp Điện chẳng bao giờ đi đâu cả. Chỉ có hai bà Pháp Vũ và Pháp Lôi được rước đến đình làng Nguyên Xá, ở đây ba đêm rồi trở về họp mặt với bà Pháp Vân ở chùa Thứa. Sau chừng 4 giờ làm lễ, hai bà Pháp Vũ và Pháp Lôi lại được rước về các chùa của họ.

Nếu đại hạn trầm trọng, thì các làng trong huyện phải rước các thành hoàng tức thần của làng, đến hội với các bà Tứ Pháp ở một đình làng nào đó, tiếp tục làm lễ cầu mưa[1].

Như vậy, điều thú vị mà ta thấy ở đây là có cuộc gặp gỡ giữa các *thành hoàng,* tức các thần của làng, được thờ trong các *đình* với các nữ thần mưa *Tứ Pháp,* đã được Phật hóa và được thờ trong các *chùa Phật,* để cùng làm một nghi lễ nông nghiệp là cầu mưa.

Đó là một điểm độc đáo của Phật giáo Việt Nam, cũng là của văn hóa Việt Nam, và từ đây có thể nhận ra vị trí của ngôi chùa giữa cộng đồng làng xã Việt Nam.

Làng Việt Nam có đình thờ thành hoàng, tức thần của làng, có đền thờ một vị thần nào đó, và có chùa thờ Phật. Và do đó, làng xã Việt Nam, có thể có hội đình, hội đền, hay hội chùa.

Trong hội chùa, có những nghi lễ Phật giáo như tụng kinh, lễ Phật, chạy đàn, phóng sinh... Nhưng vì nhiều ngôi chùa Việt Nam, không chỉ có thờ Phật mà còn thờ cả thần, cả Mẫu, nên qua hội chùa, ta sẽ thấy rõ sự dung hợp tín ngưỡng tôn giáo rộng rãi và cởi mở ở người Việt Nam. Đặc biệt là các vị thần (được gọi là Đức Thánh) được thờ trong các chùa kiểu "tiền Phật hậu Thần", thường là chung của nhiều làng. Hội chùa của các chùa kiểu này thường được tổ chức trong cùng một ngày. Chẳng hạn:

Nhớ ngày mồng bảy tháng ba,
Trở vào hội Láng, trở ra hội Thầy.

Đó là vì chùa Láng và chùa Thầy (Hà Nội) đều là những chùa "tiền Phật hậu Thần" thờ Từ Đạo Hạnh. Vì thần cũng vốn là con người, nên người ta thường tìm ra nơi thờ của cha thần, mẹ thần, và thậm chí kẻ thù của thần, có thể ở những làng khác nhau. Và trong những ngày hội như vậy, các đám rước hiệu thần không chỉ giới hạn trong một làng, mà còn diễu qua nhiều làng. Dân của nhiều làng tham gia vào hội. Ví dụ như hội chùa Láng[2]. Và trong những trường hợp như vậy, hội chùa đã vượt ra khỏi khuôn khổ của hội làng. Các hội chùa Tứ Pháp cũng có tính chất đó.

Do đó, có thể dễ dàng nhận ra trong hội chùa, các yếu tố quan hệ "liên làng" (intervillage), hoặc thậm chí "siêu làng" (supravillage)[3]. Việc thần thành hoàng của các làng trong cả một huyện phải họp mặt với các

---

(1) Theo Toan Ánh, *Hội hè đình đám,* quyển hạ, Sài Gòn, 1974, tr.216, 222-223.

(2) Trong ngày hội Láng, kiệu Từ Đạo Hạnh được rước đến chùa Hoa Lăng ở làng Dịch Vọng, nơi thờ mẹ của Từ Đạo Hạnh. Khi kiệu rước qua chùa Duệ Tú, thờ sư Đại Điên, thì đốt pháo thăng thiên, diễn lại cảnh Đạo Hạnh đánh nhau với Đại Điên.

(3) Hà Văn Tấn: *Làng, liên làng và siêu làng*, Tạp chí Khoa học, Đại học Tổng hợp Hà Nội, số 1, 1987, tr.16-20.

Phật Bà Tứ Pháp như trường hợp ở tỉnh Hưng Yên nói tới trên đây càng làm cho chúng ta thấy rõ các quan hệ đó.

Như vậy là qua hội chùa, ta thấy ngôi chùa không chỉ gắn bó với sinh hoạt văn hóa làng mà còn liên hệ với cả văn hóa vùng.

Hội làng Việt Nam, trong đó có các hội chùa, thường chia làm hội mùa xuân và hội mùa thu, tổ chức vào các giai đoạn nông nhàn, tức là lúc không bận rộn công việc đồng áng. Nhìn vào lịch các ngày hội chùa, ta cũng thấy rõ điều này. Phần lớn hội chùa là hội mùa xuân. Hội mùa xuân dài nhất nước là hội chùa Hương, từ mồng 6 tháng giêng đến rằm tháng ba. Trong tháng giêng có hội chùa Phật Tích, hội chùa Quỳnh Lâm, hội chùa Côn Sơn. Một số chùa Tứ Pháp cũng làm hội vào 17 tháng giêng, ngày hóa của Man Nương. Tháng hai, có hội chùa Nành, hội chùa Trầm, hội chùa Bối Khê... Tháng ba, ngoài hội chùa Láng và hội chùa Thầy nói trên, còn có hội chùa Tây Phương tổ chức từ mồng 6 đến mồng 10.

Nhớ ngày mồng sáu tháng ba,
Ăn cơm với cà đi hội chùa Tây.

Một số chùa ở Thái Bình như chùa Từ Vân (ở Bách Thuận, huyện Vũ Thư), chùa Bồ (thị xã Thái Bình) cũng mở hội vào tháng ba.

Sang tháng tư, ngoài chùa Dâu, khá nhiều chùa mở hội.

Cũng có chùa vừa mở hội xuân vừa mở hội thu. Tiêu biểu là chùa Keo (Thần Quang tự, ở huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình), ngôi chùa đẹp và lớn được xây dựng vào thế kỷ XVII[1] đã nói tới ở phần trên và cũng được giới thiệu trong cuốn sách này. Hội xuân chùa Keo mở vào mồng 4 Tết Nguyên đán và hội thu mở từ ngày 13 đến ngày rằm tháng chín Âm lịch.

Hội xuân ở chùa Keo được tổ chức với những trò vui như bắt vịt, thi ném pháo, thi nấu cơm. Thi ném pháo là một trò độc đáo. Người ta chôn vào sân chùa hai cột tre dài khoảng bảy, tám mét và cách xa nhau chừng bốn mét. Một cây tre ngang nối đầu ngọn hai cây tre. Giữa cây tre ngang này, người ta treo một nón pháo bằng một đoạn dây dài nửa mét. Nón pháo là một khung tre phất giấy hình nón cụt treo ngược, bên dưới một tấm giấy xát thuốc cháy gọi là "lá đề", được nối với nhiều pháo tép, bốn quả pháo nhỡ và cuối cùng là một quả pháo lớn.

Những người thi ném pháo đứng phía ngoài một dây chắn, đốt từng chiếc pháo tép và ném pháo nổ trúng lá đề, lá đề cháy, bắt vào ngòi pháo và làm pháo nổ dây chuyền trong khoảng hai ba mươi phút. Khi quả pháo lớn nổ, trên không bật ra một chiếc dù, kéo một tấm vải với dòng chữ: Thiên Hạ Thái Bình, Phong Đăng Hòa Cốc. Năm nào pháo nổ giòn giã, người ta tin là mùa màng sẽ tươi tốt. Cũng có năm không có ai ném trúng, và lúc đó, các cụ già trong làng phải làm lễ để xin châm lửa đốt pháo.

Rõ ràng thi ném pháo cũng là hình thức của lễ cầu mùa. Phải chăng tiếng pháo là tượng trưng cho tiếng sấm.

Thi nấu cơm cũng là một hoạt động trung tâm của hội xuân ở chùa Keo. Sáng mồng 4 Tết, trên sân trước chùa Hộ (nhà tiền đường), tám

---

(1) Chùa Keo được dựng vào thế kỷ XVII, nhưng các ngôi nhà của chùa, theo một số nhà nghiên cứu hiện nay, đã được xây dựng lại trong các thế kỷ khác nhau về sau. Xem Đặng Hữu Tuyền: *Chùa Keo, lịch sử xây dựng và những niên đại hiện tồn. Khảo cổ học* số 1, 1991, tr.25 - 30.

nhóm người đại diện cho tám giáp của làng, sẵn sàng vào cuộc thi. Sau ba hồi trống, ông chủ khảo châm lửa đốt nén hương dài đến 20cm. Hương bắt đầu cháy thì tám chàng trai của tám giáp chạy bốn vòng quanh ao chùa. Hết vòng thứ tư, mỗi người xuống ao múc một lọ nước mang về cho cô gái giáp mình. Cùng lúc đó, hai người nữa cũng khẩn trương vo gạo, giã bột, xiết đỗ... Còn cô gái thì lấy lửa bằng một hình thức rất nguyên thủy là cọ hai thanh nứa già vào nhau, làm bật ra những tia lửa, bén cháy vào tấm bùi nhùi rơm. Việc thổi nấu rất nhanh đến mức là khi nén hương dài vừa cháy hết, trên các chiếc mâm đồng của một số giáp, đã có đủ hai bát cơm, bốn bát chè, hai đĩa xôi và hai đĩa bánh. Sau khi mâm cỗ được đặt lên cúng ở bàn thờ Phật và Thánh, ban giám khảo tiến hành chấm thi. Cỗ của giáp nào được nấu nhanh nhất và ngon nhất thì được giải thưởng lớn. Cuối cùng mâm cỗ được ban phát cho mỗi người một ít, gọi là "thụ lộc", để lấy cái may mắn đầu năm.

Cũng như thi ném pháo, trò thi nấu cơm gắn liền với lễ cầu mùa.

Hội thu chùa Keo từ ngày 13 đến ngày rằm tháng chín. Ngày 13 được coi là ngày thứ một trăm sau ngày mất của thánh tăng Không Lộ, còn ngày rằm là ngày lễ Phật giáo hằng tháng. Đã có câu ca dao:

Dù cho cha đánh mẹ treo,
Em không bỏ hội chùa Keo hôm rằm.

Từ mồng 3 tháng sáu đến rằm tháng tám, làng Keo đã chuẩn bị cho hội thu, người ta đã dùng lụa may áo cho tượng Thánh (sư Không Lộ), và chọn một ngày tốt trong khoảng từ rằm tháng tám đến mồng 10 tháng chín, làm lễ thay áo cho tượng. Làng đã chọn 42 chàng trai khỏe mạnh để chuẩn bị cho việc rước kiệu hương án, long đình, thuyền rồng và thuyền cò (thuyền nhỏ). Các buổi chiều ngày 10, 11, 12, cả tám giáp đã hạ trải (thuyền đua) xuống sông trước chùa tập bơi, chuẩn bị vào hội.

Hội bắt đầu ngày 13. Từ sáng, hương án, long đình, thuyền rồng và thuyền cò đã được rước ra ngoài tam quan ngoại (chúng ta nhớ là chùa Keo có hai tam quan, trong và ngoài). Buổi chiều, bắt đầu cuộc đua trải giữa tám giáp. Trải ở hội Keo khá lớn, đóng bằng gỗ dổi dài 12m, lòng sâu nửa mét, đoạn giữa rộng 1,2m, hai đầu trải hơi cong. Mỗi trải có 15 người đóng khố, mặc áo nẹp ngắn không có tay, đầu chít khăn cùng màu. Mỗi trải có một màu áo riêng. Các trải bơi đua từ sông Trà Lĩnh là con sông nhỏ trước cửa chùa Keo ra sông Hồng rồi quay trở về. Cuộc thi bơi trải tiếp tục trong ba ngày 13, 14 và 15.

Trong khi đó, ngày 13, tại tòa "giá roi" của chùa, diễn ra cuộc thi đọc lời cúng của thầy cúng. Buổi tối, có cuộc lễ thánh ở nhà thiêu hương. Sau lễ thánh là cuộc thi biểu diễn kèn trống. Sáng hôm sau, ngày 14, có cuộc rước kiệu thánh và thuyền rồng từ thượng điện ra tam quan ngoại. Đến tối, lại rước về nhà thiêu hương. Khi đám rước đi qua bờ ao, có bốn người điều khiển bảy hình người rối bằng gỗ trong ao.

Chiều ngày 14, ở tòa "giá roi", một nghi lễ chầu thánh được tiến hành, gọi là điệu múa "ếch vồ". 12 người đứng thành hai hàng. Khi nghe một tiếng trống, tất cả đặt tay lên ngực, rồi quỳ xuống, hai đầu bàn chân xòe ra hai bên, gót chân chụm lại, hai tay chống xuống mặt đất. Khi nghe tiếng trống tiếp theo, tất cả bật dậy, đứng như tư thế ban đầu. Các động tác này lặp đi lặp lại năm lần. Ngày rằm, việc rước kiệu giống như ngày 14, chỉ khác là vào ban đêm, khi đã rước

kiệu về cung, cuộc lễ thánh được tiến hành bằng lễ chèo trải cạn, kết thúc ba ngày hội[1].

Hội thu chùa Keo nghiêng về phía các nghi lễ cúng tế vị thánh thờ ở chùa này, là Dương Không Lộ, một nhà sư thời Lý đã được thần hóa, truyền thuyết đã có phần lẫn lộn với nhà sư Nguyễn Minh Không. Nhưng trong hội thu chùa Keo, những cuộc đua thuyền diễn ra liên tục trên sông, và cả lễ chèo thuyền trên cạn, trước điện thờ, cũng hé cho ta thấy mối liên hệ với ngày hội nước trong nghi lễ nông nghiệp, như đã thấy, ở khắp vùng Đông Nam Á[2]. Ngay điệu múa biểu hiện những con ếch nhảy trước điện thờ có lẽ cũng có mối liên hệ với lễ cầu mưa.

Nói đến hội chùa, không thể không nhắc đến hội chùa Hương, một hội xuân kéo dài suốt ba tháng, từ mồng 6 tháng giêng đến ngày rằm tháng ba. Gọi là hội chùa Hương, thực ra là một mùa hội mà các tín đồ Phật giáo cũng như du khách đến chiêm bái các đền chùa trong khu vực Hương Sơn, mà trung tâm là chùa Hương, ngôi chùa trong động Hương Tích, một hang núi đá vôi lớn. Hương Sơn là một khu vực rộng, có những dãy núi đá vôi nhấp nhô, giữa núi là những thung lũng hẹp và những dòng suối lớn. Người ta có thể ngồi thuyền theo các dòng suối hay đi bộ theo những con đường ven núi để đến các ngôi đền, ngôi chùa dựng trên núi hay trong các hang núi. Vùng này có nhiều chùa trong hang như chùa Cá, chùa Cây Khế, chùa Hinh Bồng, chùa Tiên, chùa Giải Oan, chùa Tuyết Sơn, và nổi tiếng hơn cả, có vị trí trung tâm, là chùa Hương Tích.

Khu vực Hương Sơn được Phật giáo biết đến khoảng thế kỷ XV, nhưng các ngôi chùa chính được xây dựng với quy mô lớn là vào khoảng cuối thế kỷ XVII. Cho đến đầu thế kỷ XX, thì cả khu vực này, đã có hơn một trăm ngôi chùa mọc lên. Trong suốt mùa hội, hàng chục vạn tín đồ Phật giáo và du khách từ nhiều miền của Việt Nam đã đến đây để thăm viếng, lễ bái những ngôi chùa này, theo những tuyến đường khác nhau[3].

Trong tâm thức của tín đồ Phật giáo Việt Nam, Hương Sơn là cõi Phật. Một biểu hiện rõ rệt của Phật giáo vùng Hương Sơn là tín ngưỡng Quan Âm. Truyện *Nam Hải Quan Âm* sáng tác của một nhà sư Trung Quốc thời Nguyên, khi du nhập vào Việt Nam đã được Việt Nam hóa hoàn toàn. Diệu Thiện, nàng công chúa thứ ba, con vua Diệu Trang nước Hưng Lâm đã đi tu không phải ở nơi nào khác mà chính vùng Hương Sơn. Diệu Thiện, mà người Việt Nam gọi là Bà Chúa Ba, tu hành chín năm trong động Hương Tích, đã đắc đạo trở thành Phật Bà Quan Âm. Có cả một truyện thơ nôm dài kể về chuyện Quan Âm Nam Hải ở Hương Tích. Theo truyện thơ này, về sau cả gia đình Diệu Thiện đều về tu ở động Hương Tích, người chị cả tên là Diệu Thanh trở thành Văn Thù Bồ Tát, người chị hai tên là Diệu Âm trở thành Phổ Hiền Bồ Tát.

Ngày nay, trên điện Phật trong động Hương Tích, còn có pho tượng Quan Âm bằng đá, ngồi một chân co, một chân duỗi, tay cầm viên ngọc. Theo văn bia trong động, pho tượng này được tạc năm 1793, thay cho pho tượng đồng có từ trước đã bị mất. Còn ở cung Tiên, cũng trong

---

(1) Lê Trung Vũ (chủ biên): *Lễ hội cổ truyền*. Sách đã dẫn, tr. 242-252.

(2) E. Porée-Maspéro: *Études sur les rites agraires de Cambodgiens*. T.I-II Mouton, Paris 1962.

(3) Trong hội chùa Hương năm 1990, người ta đã ước tính có 200.000 khách đến đây.

Trẩy hội chùa Hương, mùa xuân năm 1991

vùng Hương Sơn, có pho tượng bằng đá trắng. Đó là những nhân vật trong gia đình Bà Chúa Ba Diệu Thiện. Bà Chúa Ba ngồi giữa, phía sau là bố mẹ, phía trước là hai người chị. Chị cả Diệu Thanh cưỡi con sư tử xanh (có nghĩa là đã trở thành Bồ Tát Văn Thù) và chị hai là Diệu Âm cưỡi con voi trắng (tức là trở thành Bồ Tát Phổ Hiền). Những người thợ đá ở Kiện Khê (tỉnh Hà Nam) đã dựa vào chuyện Bà Chúa Ba để tạc các bức tượng này vào năm 1907.

Như vậy, Quan Âm Nam Hải đã được Việt hóa và trở thành Quan Âm Hương Tích. Niềm tin rằng Hương Tích là nơi đắc đạo của Phật Bà Quan Âm đã tạo cho vùng này một sức hấp dẫn lớn đối với tín đồ Phật giáo. Nhưng hội chùa Hương không chỉ là của những phật tử miệng niệm tên Phật A Di Đà đi chiêm bái nơi có thánh tích Quan Âm. Hội chùa Hương, cũng như khu vực Hương Sơn, đã gắn kết Phật giáo với nhiều tín ngưỡng khác.

Hội chùa Hương bắt đầu với lễ Khai sơn (lễ mở cửa rừng) ngày mồng 6 tháng giêng, tổ chức ở đền Ngũ Nhạc, là đền thờ một vị thần núi, dưới dạng một ông Hổ. Mâm lễ phải có một con lợn còn sống. Trong vùng Hương Sơn cũng có nhiều điện, đền thờ Mẫu như điện trước chùa Giải Oan, điện Cô gần chùa Tuyết, cách chùa Giải Oan chừng 200m là đền Cửa Võng thờ Mẫu Thượng Ngàn...

Ngay trong động Hương Tích, nơi thờ Quan Âm, cũng có những nhũ đá được gọi là Đụn Gạo, Cây Vàng, Cây Bạc, Núi Cậu, Núi Cô... Ai mong có con trai thì xoa tay vào đầu Núi Cậu, ai mong sinh con gái thì xoa tay vào đầu Núi Cô. Người nông dân cầu được mùa thì sờ vào Đụn Gạo, người buôn bán muốn phát tài thì sờ vào Cây Vàng, Cây Bạc...

Ngay trong truyện Quan Âm Nam Hải, ta cũng đã thấy sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng Mẫu (Tam Phủ):

Tu hành đã được mấy niên,
Bao nhiêu phép Phật, phép tiên vào lòng.
Bây giờ Tam Phủ cộng đồng,
Hộ thành quả phúc phán trong lệnh truyền.

Trong hội chùa Hương, chúng ta còn có dịp biết đến một hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian: hát chèo đò, "Thông thường các tín đồ đạo Phật vào chùa Hương đi thành đoàn. Sau lễ Phật, các vãi thường ở một nơi và nhóm dậy hình thức sinh hoạt vui là hát chèo đò. Hát chèo đò được thực hiện ở bất cứ chỗ nào, đông vui

hơn cả là ở sân chùa, sân nhà tổ. Các vãi có giọng hay đứng dậy làm động tác như chèo đò và hát những đoạn văn trên sáu dưới tám liên quan đến tích nhà Phật. Các vãi già nghe hát, chắp tay thành kính và xướng lại lời con hát như thể thức hát hò"[1].

Ở đây, ta thấy sự gắn bó những ngôi chùa Việt Nam với các hình thức sáng tác - diễn xướng dân gian. Đây không phải là trường hợp riêng cho hội chùa Hương.

Người Việt Nam ai cũng biết "quan họ" là một hình thức dân ca đặc sắc phổ biến ở vùng Kinh Bắc xưa (nay là tỉnh Bắc Ninh), với làn điệu rất phong phú, được hát bởi những nhóm bạn nam nữ "liền anh", "liền chị". Nếu khảo sát các làng quan họ, sẽ nhận ra một mối liên hệ chặt chẽ giữa các hội hát với các ngôi chùa.

Ở các làng quan họ có chùa, thì ngày hội chùa cũng là ngày hội hát của làng. Các làng quan họ thường có hội chùa trong tháng giêng và tháng hai Âm lịch. Lịch hội chùa của các làng quan họ như sau:

Trong tháng giêng, ngày 4: làng Chấp; ngày 5: các làng Ó, Muôi, Dạm, Bưởi; ngày 6: các làng Ném, Sẻ; ngày 7: các làng Đống Cao, Báng, Nhồi, Khám; ngày 8: các làng Chọi, Đọ; ngày 9: các làng Và, Bò, Nguyễn; ngày 10: các làng Nác, Hộ, Vệ, Bịu Thị, Rừng Cống, Chè; ngày 11: làng Nếnh; ngày 12: các làng Sói, Bịu Trung; ngày 13: các làng Lãng Giang, Lũng Sơn, Nội Duệ, Yên Từ; ngày 14: làng Mành; ngày 15: các làng Trà, Đông Mơi, Tam Tảo, Diềm; ngày 16: Thị Cầu (chùa Trong), Tam Sơn; ngày 18: Thanh Sơn; ngày 20: Thị Cầu (chùa Ngoài); ngày 25: Ngang Nội; ngày 28: Bùi.

Trong tháng hai, ngày 2: làng Đặng Xá; ngày 6: làng Tiêu Thượng; ngày 7: làng Tiêu Long; ngày 15: làng Điều; ngày 19: các làng Yên Xá Ngoại, Thụ Ninh[2].

Để thấy rõ hơn mối liên hệ giữa Phật giáo với diễn xướng quan họ cùng các tín ngưỡng khác, chúng ta nên dừng lại một chút ở hội làng Nhồi và hội làng Bùi.

Làng Nhồi (tức làng Hòa Bình) là một làng quan họ có hội chùa vào ngày 7 tháng giêng Âm lịch. Thành hoàng của làng này là một nữ thần, tên là Bà Đống, dân làng tin là thần ở trên một gò đất, thuộc làng Đống Cao bên cạnh. Trong ngày hội, dân làng Nhồi phải rước Bà Đống về chùa Phật của làng. Từ tối ngày mồng 6, một số cô gái chưa chồng làng Nhồi đã đi ngủ chung với nhau ở một chỗ nào đó. Nửa đêm, khi chuông chùa vang lên, các cô thức dậy, lặng lẽ đi đến gò đất làng Đống Cao, để "mời" Bà Đống về làng. Hai cô gái khiêng chiếc trống lớn đi trước, một cô đi theo đánh trống. Tiếp theo là hai cô khênh chiêng và một cô đánh chiêng. Chiếc kiệu rước Bà Đống làm bằng tre, được trang trí đẹp, do bốn cô gái khiêng đi theo sau.

Khi nghe tiếng trống, tiếng chiêng, các chàng trai làng Đống Cao chạy ra giằng lấy kiệu thần, ném những chiếc đòn vào các cô gái. Đó là lễ "lao đòn đám". Người ta tin rằng, đòn đâm trúng ai người đó trong năm gặp nhiều may mắn. Các cô gái phải bảo vệ kiệu thần, đưa ra khỏi làng Đống Cao. Khi kiệu Bà Đống rước đến chùa Nhồi thì trời cũng vừa rạng sáng. Mọi người làm lễ đưa Bà Đống vào chùa. Các cô gái quỳ trước bàn thờ Phật, lễ Phật và nữ thần Bà

---

(1) Lê Trung Vũ (ed), *Lễ hội cổ truyền*, Sách đã dẫn, tr. 234-235

(2). Tô Nguyễn và Trịnh Nguyễn, *Kinh Bắc – Hà Bắc*. Nxb Văn hóa, Hà Nội , 1981, tr. 98

Đống, trong khi nhà sư gõ mõ tụng kinh. Các ca sĩ quan họ ngồi trên các chiếc chiếu trải ở thềm và sân chùa, hát lên những bài hát xưng tụng công đức của Phật và Bà Đống.

Khách quan họ ở làng khác đến cũng được mời vào chùa lễ Phật. Lễ xong, khách và chủ đều hát. Đến tối, các cô gái lễ Phật và hội hát bắt đầu giữa nam và nữ ở các nhà cho đến khuya[1].

Làng Bùi, một làng quan họ khác, tổ chức hội chùa vào ngày 28 tháng giêng Âm lịch. Một trong nghi lễ quan trọng của hội là lễ tắm Phật ở chùa. Nhưng nước dùng để tắm Phật lại phải lấy ở giếng tại đền thờ Mẫu, tức nữ thần Mẹ, nằm trên bãi giữa dòng sông Ngũ Huyện. Vì vậy, phải làm *lễ rước nước* từ đền Mẫu về chùa. Trên một chiếc thuyền rồng, đặt một đôi chum lớn. Mười cô gái tân ăn mặc lễ phục ngày hội chèo chiếc thuyền rồng ra đền Mẫu giữa bãi, theo nhịp trống của một cụ già. Và trên nhiều chiếc thuyền khác, từng đôi trai gái ngồi quay mặt vào nhau, vừa bơi thuyền vừa hát quan họ. Khi thuyền rồng ra tới đền Mẫu, đôi chum được khiêng đặt gần bờ giếng. Trai gái quan họ đứng thành hai hàng, và người đứng đầu hàng cầm gáo đồng múc nước. Gáo nước được chuyển từ người này qua người kia và người cuối cùng đổ nước vào chum, trong tiếng hát quan họ. Khi các chum đã lấy đầy nước, người ta khiêng lên thuyền rồng, chèo trở lại bờ và đưa về chùa để tắm Phật.

Sau đó, đám thuyền chở trai gái quan họ bơi quanh bãi giữa sông, cùng hát với nhau.

Ở chùa, sau khi lễ Phật xong, mọi người tụng kinh và kể hạnh. Kể hạnh ở đây cũng theo làn điệu quan họ. Khách thập phương cũng ngồi trong chiếu hát quan họ hầu Phật trước cửa chùa. Trai gái cũng tụ tập quanh chùa hoặc các nhà để hát[2].

Hội làng Bùi khác hội làng Nhồi ở chỗ có hát quan họ trên thuyền. Nhưng qua hội chùa của hai làng quan họ này, ta thấy sự gắn kết Phật giáo với tín ngưỡng nữ thần, ở Nhồi là Bà Đống và ở Bùi là Thần Mẫu. Và cả ở hai nơi, đều có các vết tích của các nghi lễ nông nghiệp, như lễ lao đòn - một hình thức của lễ phồn thực - ở Nhồi và lễ rước nước ở Bùi. Và diễn xướng quan họ được tổ chức trong không khí của tất cả các tín ngưỡng đó. Vì vậy, coi hát quan họ là bắt nguồn từ hát giao duyên, hát đối giữa nam và nữ, trong nghi lễ cầu mùa, không phải là không có lý.

Ngày hội Lim, một hội quan họ lớn nổi tiếng nhất ở vùng Bắc Ninh, cũng được tổ chức vào ngày hội chùa Lim, 13 tháng giêng. Và theo truyền thuyết, chùa Lim là nơi có một người phụ nữ tên là Bà Mụ A, người làng Duệ Đông đến tu hành. Khi đắc đạo, bà trở thành vị thần có tài gọi gió, làm mưa, giúp dân vào những khi hạn hán[3]. Như vậy, ở đây ta cũng lại gặp cái chuỗi: Phật giáo - tục thờ nữ thần - lễ cầu mưa cho mùa màng - hát quan họ.

Ở một số nơi, hát chèo, một hình thức diễn xướng dân gian khác, cũng gắn liền với Phật giáo. Truyện *Quan Âm Thị Kính* đã được soạn thành một vở chèo nổi tiếng, với cảnh Thị Mầu lên chùa gây ấn tượng.

Sân khấu múa rối nước, một loại hình múa rối độc đáo của người Việt Nam, cũng đã được

---

(1) Tô Nguyễn và Trịnh Nguyễn, *Sách đã dẫn*, tr.109-110.

(2) Tô Nguyễn và Trịnh Nguyễn, *Sách đã dẫn*, tr. 110-111.

(3) Tô Nguyễn và Trịnh Nguyễn, *Sách đã dẫn*, tr. 110, chú thích 2.

Lễ hội Chùa Hang, xã Yên Trị, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình (2013)

trình diễn trong nhiều hội chùa. Ở trên, ta thấy cảnh rối nước cạnh đám rước hội chùa Keo (tỉnh Thái Bình). Trước mặt chùa Thầy (Hà Nội) cũng có một thủy đình giữa hồ Long Chiểu để biểu diễn múa rối nước. Thậm chí, ở chùa Thầy, tượng của nhà sư Từ Đạo Hạnh cũng làm theo kiểu con rối, có thể cử động được.

Những điều trình bày trên phần nào đã cho chúng ta thấy vị trí của ngôi chùa Việt Nam trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Vị trí đó rõ ràng đã có nguồn gốc từ lâu đời[1].

Nhưng qua dặm dài lịch sử, ngôi chùa Việt Nam cũng đã từng đóng những vai trò mà ngày nay không còn nữa hoặc đã mờ nhạt.

Có người cho rằng, trước khi ngôi đình xuất hiện vào thời Lê, thì ngôi chùa làng còn làm cả chức năng của ngôi đình. Theo lời kể của các cụ già làng Dũng Nhuệ, nơi có ngôi chùa Keo, thì xưa kia, tòa "giá roi" của ngôi chùa này đã được sử dụng như một trung tâm hành chính, ở đây người ta đã họp hành, xử kiện, phạt vạ... Nhưng đó là trường hợp riêng của chùa Keo hay là chung cho nhiều chùa khác? Chưa thể biết được.

Điều chắc chắn hơn là ngôi chùa làng đã có thời làm vai trò của một trường học. Ở đó, không phải chỉ có sự truyền thụ giáo lý Phật giáo giữa các thế hệ sư tăng, mà ngay cả trẻ em trong làng cũng đến chùa để kiếm dăm ba chữ vỡ lòng. Nhà sư bấy giờ không khác mấy thầy giáo trường làng. Có cả những hàn sĩ đến trọ học ở chùa.

Và ngôi chùa, trong nhiều trường hợp, đã làm chức năng của một bệnh viện. Một bi ký thế kỷ XIV trên vách núi Non Nước (tỉnh Ninh Bình) cho biết ngôi chùa ở đây đã có một loại ruộng gọi là "bệnh điền" (có nghĩa là "ruộng chữa

---

(1) Ở Nam Bộ, trong các lễ hội dân gian như lễ xuống đồng, lễ cầu mưa, lễ rước cá ông voi, lễ cất đình..., thường có các nhà sư tham gia tụng kinh. Xem Nguyễn Phương Thảo: *Tiếp cận lễ hội dân gian của người Việt Nam Bộ, Văn hóa dân gian,* số 2, 1992, tr. 54.

Toàn cảnh chùa Song Tử Tây, Quần đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa (2013)

bệnh"), thu hoạch ở loại ruộng này hẳn là được chi dùng cho việc chữa bệnh cho dân. Trên núi Yên Tử, vẫn còn những di tích được coi là nơi chế biến dược liệu của các nhà sư xưa kia. Trong nhiều vườn chùa, bên cạnh cây ăn quả, cây cảnh, người ta còn trồng các cây thuốc. Có các nhà sư đã trở nên những thầy thuốc giỏi. Nổi tiếng nhất là nhà sư Tuệ Tĩnh[1], tác giả sách *Nam dược thần diệu*, ghi lại những bài thuốc hiệu nghiệm, dùng toàn dược liệu cây cỏ Việt Nam. Ván in một số sách của ông cũng được cất giữ trong các chùa. Ngày nay, trong các chùa Việt Nam, đang phổ biến việc xây dựng *Tuệ Tĩnh đường* (ngôi nhà mang tên sư Tuệ Tĩnh) để làm nơi chữa bệnh cho nhân dân. Bằng cách đó, người ta đã phục hồi một chức năng vốn có của ngôi chùa Việt Nam giữa cộng đồng.

Cách đây gần hai nghìn năm, đối với đất nước này, Phật giáo là một tôn giáo - và cũng là một văn hóa - ngoại lai. Nhưng người Việt Nam đã đón nhận nó một cách cởi mở.

Thứ tôn giáo - văn hóa đó, có nguồn gốc Ấn Độ, và sau đó, là Trung Quốc, đã không làm hòa tan nền văn hóa bản địa, mà chỉ làm cho nó thêm phong phú. Sức sáng tạo và trí tưởng tượng của dân tộc này dường như được kích thích phát triển trong sự tiếp biến văn hóa (acculturation) có lợi này.

Đó là một trong những bài học quý giá mà tổ tiên chúng ta đã để lại. Và đó cũng là điều chúng ta phải suy ngẫm hôm nay.

Không thể co mình lại, không đón nhận các ảnh hưởng bên ngoài, vì làm như vậy là đánh mất sức sống của văn hóa.

Nhưng cũng không thể hòa tan, làm mất bản sắc văn hóa dân tộc.

Ngôi chùa Việt Nam trong nền văn hóa cộng đồng vẫn là một thực thể sống động trước mắt giúp cho chúng ta rất nhiều trong việc nhận thức bản sắc văn hóa Việt.

Hà Nội, Xuân Nhâm Thân - 1992

Giáo sư Hà Văn Tấn

Viện trưởng Viện Khảo cổ học,
Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

---

(1) Trước đây, Tuệ Tĩnh thường được coi là nhà sư sống vào thế kỷ XIV, nhưng gần đây, đã có căn cứ để cho rằng ông sống vào khoảng cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII.

PHẦN II

Tượng Thị giả
Ngọc Nữ (trái) và Kim Đồng (phải)
Chùa Dâu, tỉnh Bắc Ninh

1. CHÙA DÂU

法雲寺

Tỉnh Bắc Ninh

Dâu là vùng đất nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, xưa kia, thời thuộc Hán, gọi là Luy Lâu. Đó là trung tâm cổ xưa nhất của Phật giáo Việt Nam.

Ở vùng Dâu có bốn ngôi chùa cổ: Pháp Vân (Mây Pháp), Pháp Vũ (Mưa Pháp), Pháp Lôi (Sấm Pháp) và Pháp Điện (Chớp Pháp). Trong bốn chùa này, ngoài thờ Phật, còn thờ các nữ thần: Bà Dâu, Bà Đậu, Bà Dàn, Bà Tướng.

Nổi tiếng hơn cả là chùa Pháp Vân, còn có tên là chùa Diên Ứng, thường được gọi là chùa Dâu. Chùa hiện ở xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, cách Hà Nội khoảng 30km về phía Bắc.

Chùa được xây dựng vào buổi đầu Công nguyên. Các nhà sư Ấn Độ đầu tiên đã đến đây. Từ cuối thế kỷ VI, nhà sư Vinitaruci từ Trung Quốc đến chùa này, lập nên một phái Thiền ở Việt Nam.

Chùa được xây dựng lại từ thế kỷ XIV và trùng tu nhiều lần qua các thế kỷ tiếp theo. Ở tòa thượng điện, chỉ còn sót lại vài mảng chạm khắc thời Trần và thời Lê.

Tượng Bà Dâu, hay nữ thần Pháp Vân, cao gần 2m được bày ở gian giữa, hai bên là tượng Kim Đồng và Ngọc Nữ. Gần đây, người ta đã đưa cả tượng Bà Đậu (Pháp Vũ) và Bà Tướng (Pháp Điện) về ở điện thờ chùa Dâu. Những tượng này có thể có niên đại thế kỷ XVIII.

Bên gian trái của thượng điện có pho tượng của một người đàn ông đứng tuổi, được coi là Mạc Đĩnh Chi, một trạng nguyên thời Trần, người đã cho xây dựng lại ngôi chùa này.

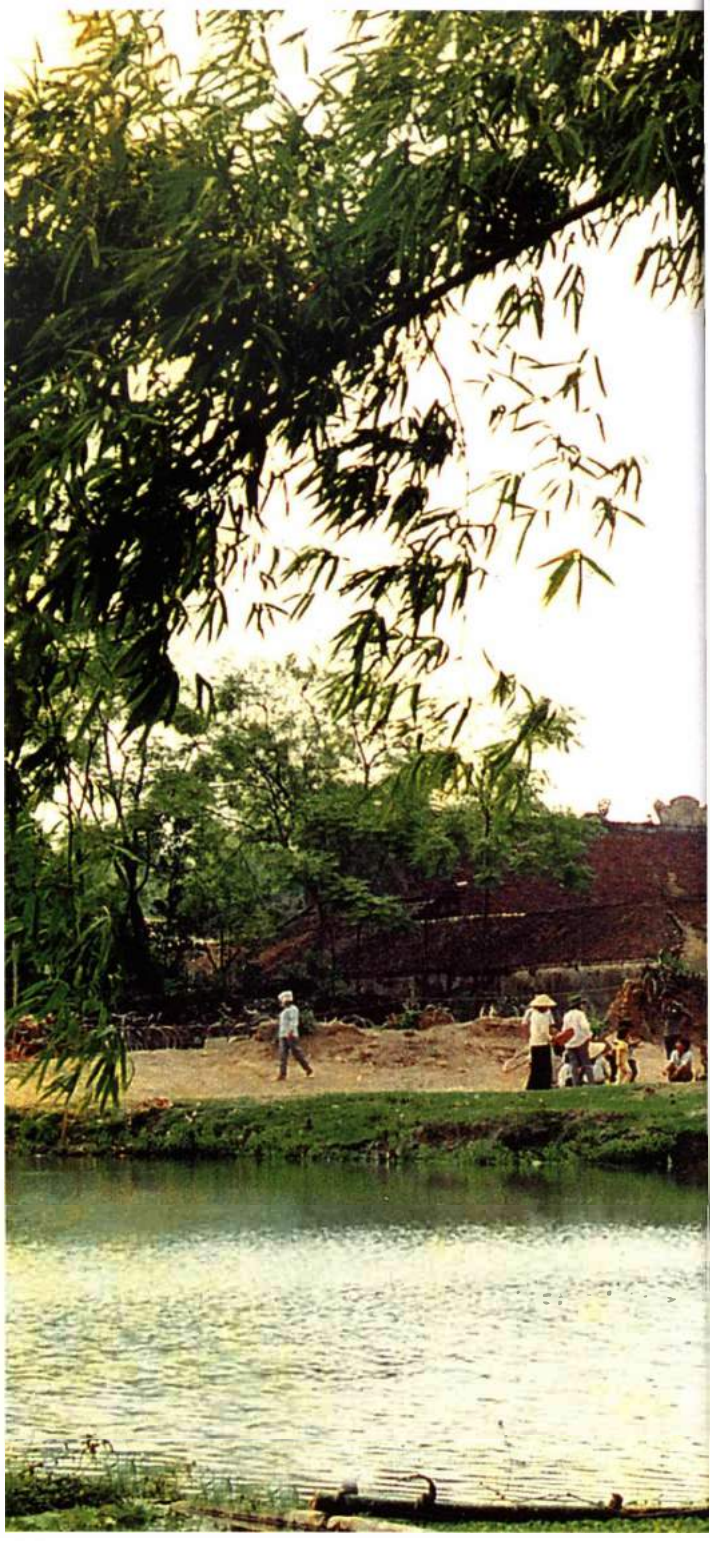

Chùa Dâu (1989)

Tượng các nữ thần: Bà Dâu (giữa),
Bà Đậu (phải), Bà Tướng (trái) (1989)

Tượng được đặt trên một bệ gỗ hình sư tử đội tòa sen, có thể có niên đại thế kỷ XIV. Trước chùa có một ngôi tháp 3 tầng xây bằng gạch cao khoảng 17m, gọi là tháp Hòa Phong. Tương truyền là tháp vốn cao đến 9 tầng. Mặt trước tầng hai có gắn bảng đá khắc chữ "Hòa Phong tháp", "Hoàng triều Vĩnh Hựu tam niên tuế thứ Đinh Tỵ trọng thu cốc nhật" (ngày tốt, tháng tám, năm Đinh Tỵ niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 3 (1737). Hẳn đây là niên đại trùng tu tháp.

Chân tháp vuông, mỗi cạnh gần 7m. Tầng dưới có bốn cửa vòm. Trong tháp, treo một quả chuông đồng đúc năm 1793 và một chiếc khánh đúc năm 1817. Có 4 tượng Thiên vương cao 1,6m ở bốn góc. Trước tháp, bên phải có tấm bia vuông, dựng năm 1738, bên trái có tượng một con cừu đá, dài 1,33m, cao 0,80m. Có lẽ tượng này là dấu vết duy nhất còn sót lại từ thời Hán.

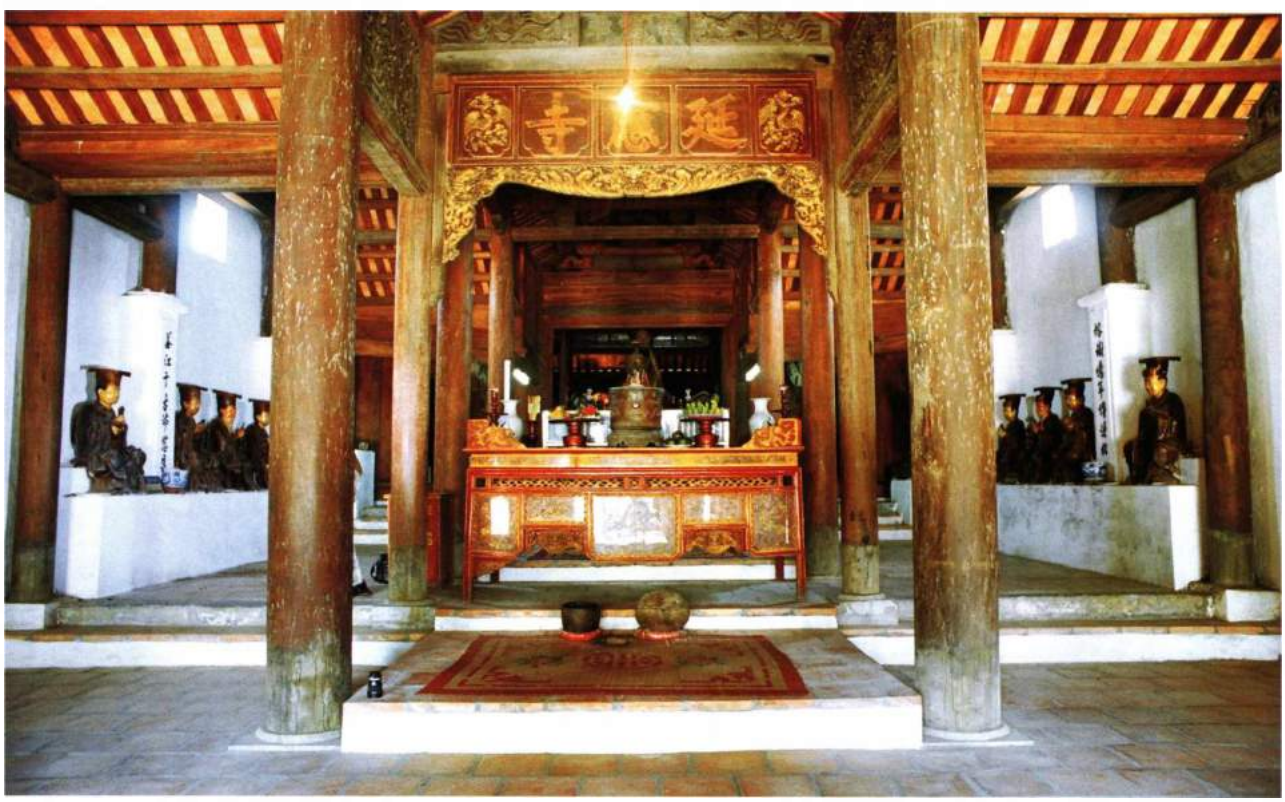

Thượng điện chùa Dâu (2005)

Tháp Hòa Phong (2005)

Chuông đồng trong tháp Hòa Phong

Tượng Thiên Vương trong tháp Hòa Phong

Tượng các nữ thần: Bà Dâu (sau), Bà Đậu (trước) (2005)

Tượng Bà Dâu (2005)

Tượng Bà Đậu (2005)

Tượng Quan Âm chuẩn đề (2005)

Hình rồng chạm gỗ (thế kỷ XVIII) sau ngai thờ (2005)

Ngai thờ hình lá đề thời Trần (2005)

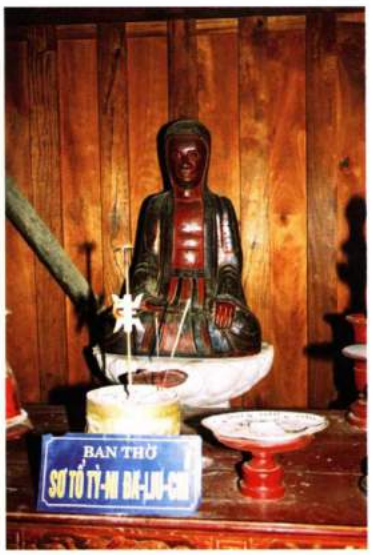

Tượng sư Khâu Đà La (2005)

Tượng Mạc Đĩnh Chi (2005)

Kiệu gỗ (thế kỷ XVIII) (2005)

Bàn thờ Đức Chúa chùa Dâu (2005)

Ban thờ Tam Bảo Hậu (2005)

Ban thờ Thánh hiền (2005)

Nhà sư tụng kinh trước Phật điện(2005)

Hộ pháp

Nhóm tượng Lục Vị Công Tào

Tượng Bát bộ Kim Cương

Tháp và bia chùa Dâu (2005)

Khấn lễ tại chùa Dâu (1991)

Văn nghệ dân gian trong ngày hội (2005)

Nhóm tượng thập điện Diêm vương

Tượng La Hán

2. CHÙA TRẤN QUỐC

鎮國寺

Thành phố Hà Nội

Ngày nay, chùa ở bên Hồ Tây, thành phố Hà Nội. Chùa lúc mới được xây dựng, vào đời vua Lý Nam Đế (Lý Bôn hay Lý Bí 544-548), có tên là Khai Quốc và ở trên bãi Yên Hoa, bên sông Hồng. Khoảng niên hiệu Đại Bảo (1440-1442) đời vua Lê Thái Tông, chùa đổi tên là An Quốc. Đến năm 1615, đời Lê Kính Tông, bãi sông bị lở sát vào chùa, nhân dân phường Yên Hoa (sau này là Yên Phụ) mới dời chùa vào đảo Cá Vàng ở Hồ Tây, tức là địa điểm hiện nay. Khi đê Cổ Ngư được đắp, mới có đường nối đê với đảo Cá Vàng.

Năm 1639, đời Lê Thần Tông, chùa được trùng tu lớn. Theo tấm bia có bài văn của trạng nguyên Nguyễn Xuân Chính soạn năm 1639 còn ở trong chùa thì lần này "trước hết dựng hậu đường, cổng có gác, tiếp theo dựng hành lang tả hữu... Quy mô lớn, sức lực nhiều, so với trước gấp trăm lần. Cách thức vững vàng, công phu đầy đủ. Huy hoàng tượng Phật, sáng ngời rường chạm cột son, rực rỡ hoa hồng, ánh chiếu khắp tòa sen, cửa biếc".

Khoảng niên hiệu Chính Hòa (1680-1705) đời vua Lê Hy Tông, chùa lại đổi tên là Trấn Quốc.

Năm 1842, vua Thiệu Trị nhà Nguyễn tuần du ra Bắc, đổi tên chùa là Trấn Bắc, nhưng nhân dân vẫn quen gọi là Trấn Quốc.

Hiện nay, chùa có ba nếp nhà chính là tiền đường, nhà thiêu hương và thượng điện nối liền thành hình chữ công (工). Hai bên nhà thiêu hương và thượng điện là hai dãy hành lang. Gác chuông ở sau thượng điện. Nhà tổ ở

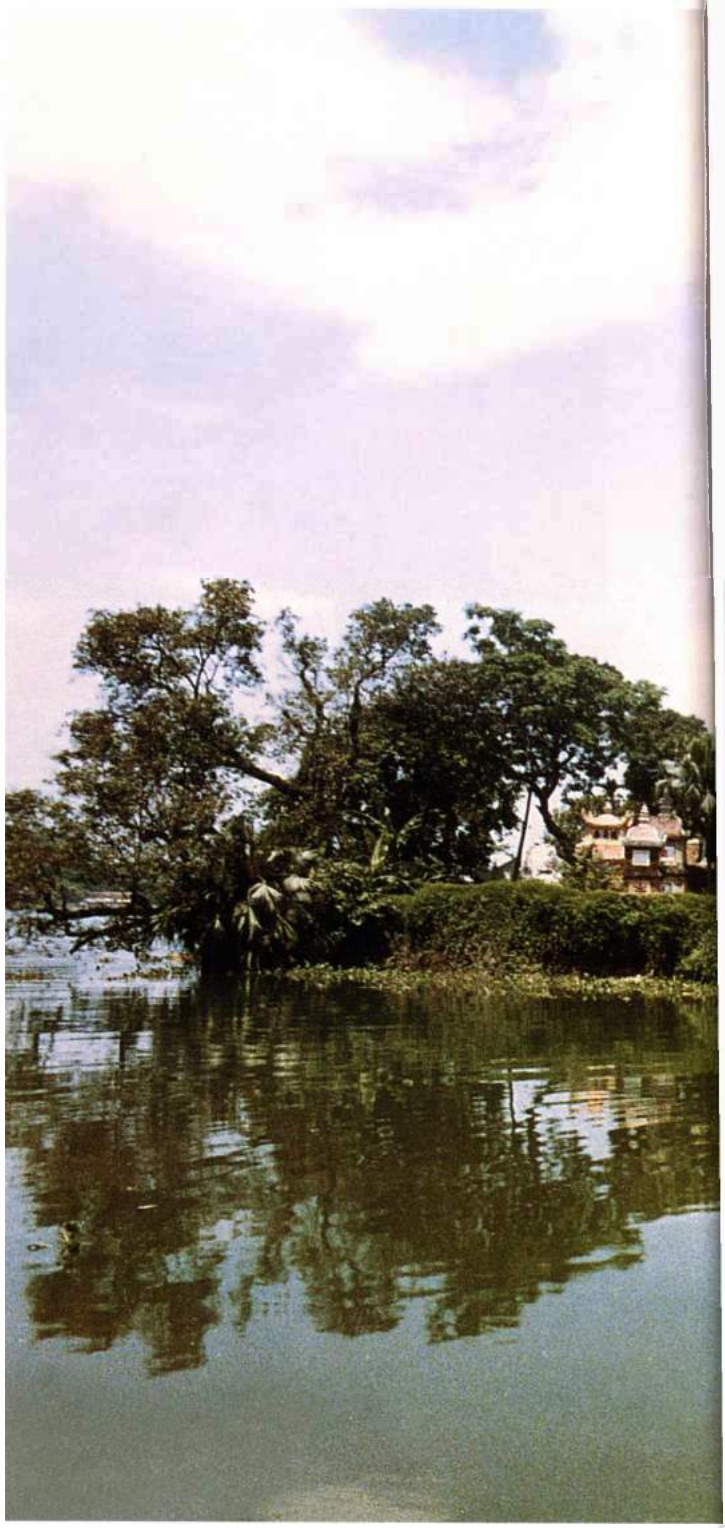

Chùa Trấn Quốc (1991)

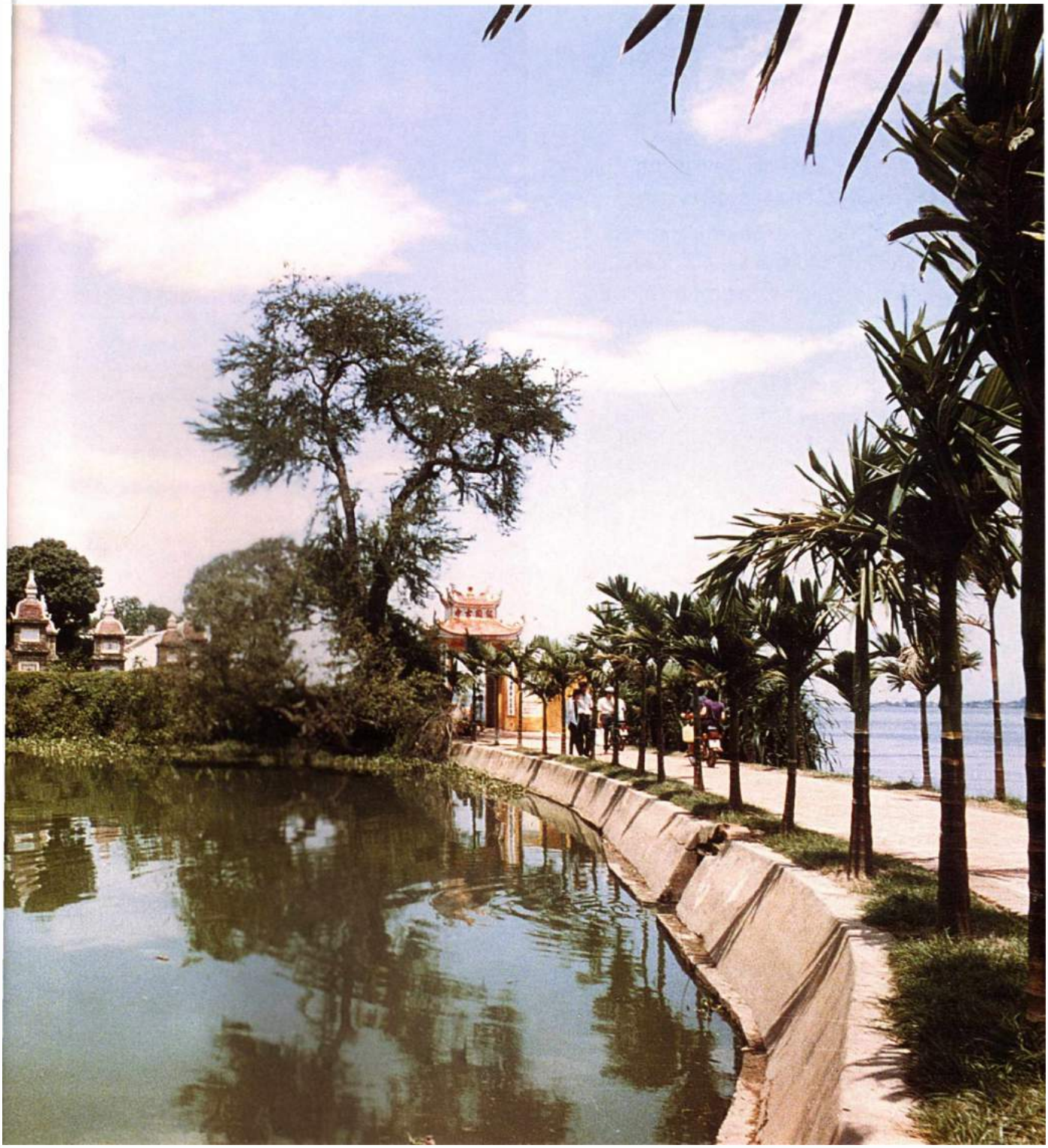

bên phải và nhà bia ở bên trái. Chùa còn giữ được 14 tấm bia. Ngoài tấm bia năm 1639 nói trên, đáng chú ý là tấm bia năm 1815 với bài văn của tiến sĩ-nhà văn Phạm Quý Thích. Tấm bia này nhắc đến việc xây dựng lại chùa sau một thời gian dài đổ nát. Công việc xây dựng bắt đầu từ năm 1813 và hoàn thành năm 1815.

Nhìn chung, kiến trúc và điêu khắc của chùa có niên đại khoảng đầu thế kỷ XIX. Chùa có nhiều tượng đẹp, đáng chú ý là tượng Thích Ca nhập niết bàn.

Tượng Tam thế (1991)

Tượng Phật Thích Ca Mâu Ni (giữa) A Nan Đà và Ca Diếp (1991)

Nhà bia (1991)

Tượng Phật Di Lặc (giữa), Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Phổ Hiền (1991)

Chính điện (1991)

Tượng Quan Âm Chuẩn đề (1991)

Tượng Thích Ca nhập niết bàn (1991)

Mặt trước chùa (1991)

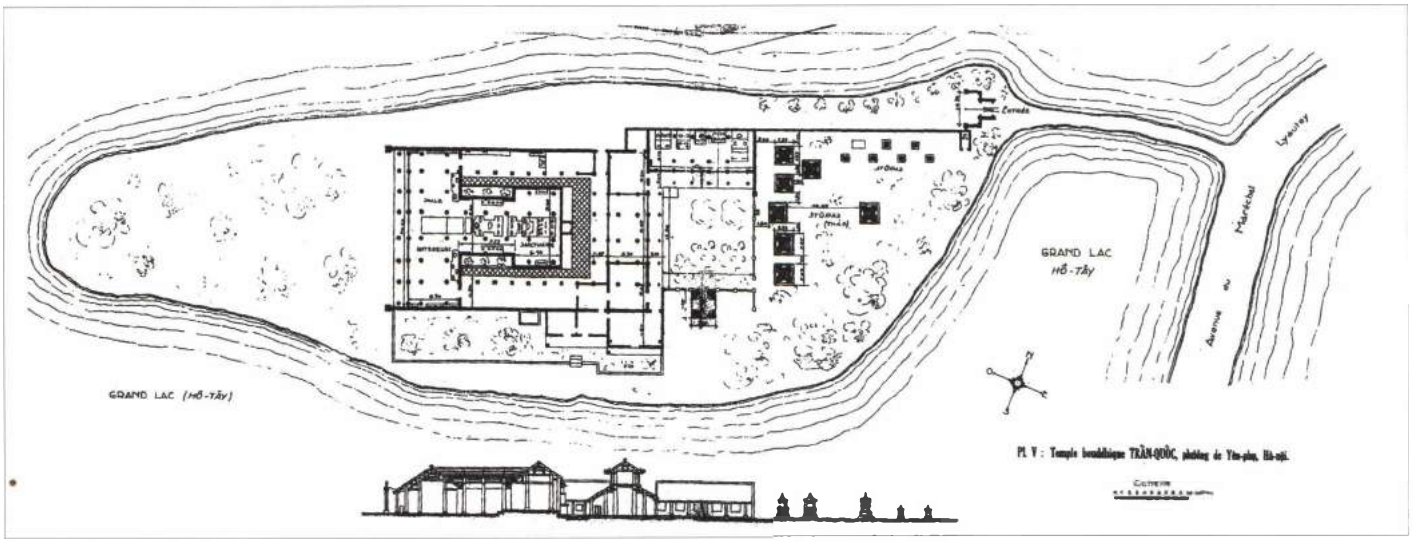

Sơ đồ mặt cắt và mặt bằng chùa Trấn Quốc. Bản vẽ V Theo Louis Bezacier.
Relevés de monuments anciens du Nord Việt Nam. Paris-1959-EFEO

Tượng Quan Công (giữa), Châu Xương và Quan Bình (1991)

Tượng Đức Ông (1991)

Các ban thờ Mẫu (1991)

Bàn thờ các vị tổ (1991)

Tượng các Diêm Vương (1991)

Hòa thượng Kim Cương Tử và nhóm tác giả tại chùa Trấn Quốc (1991)

3. CHÙA TIÊU SƠN

天心寺

Tỉnh Bắc Ninh

Chùa có tên là Chùa Thiên Tâm, nằm trên lưng chừng núi Tiêu, bên cạnh dòng cổ sông Tương (đã bị mất dòng, chỉ còn bằng chứng là vùng hồ nước trước núi) thuộc xã Tương Giang, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Chùa Tiêu Sơn là trung tâm Phật giáo xưa của Việt Nam, một danh thắng nổi tiếng qua các thời. Nhiều nhà nghiên cứu còn cho rằng đây chính là chùa Lục Tổ, nơi tu thiền và giảng pháp của Thiền sư Lý Vạn Hạnh (hiện trong chùa Tiêu còn bài vị thờ bậc đại sư này, từng là quốc sư hai triều Tiền Lê và Lý, đồng thời là người có công nuôi dạy Lý Công Uẩn từ thủa nhỏ, rồi đưa lên ngôi vua Thái Tổ đầu triều nhà Lý.

Những công trình còn lại của chùa Tiêu Sơn hiện nay là sản phẩm kiến trúc nghệ thuật thời Lê-Nguyễn.

Di sản Hán Nôm của chùa, đáng chú ý là tấm bia đá "Lý gia linh thạch" (nói về người mẹ và nguồn gốc của Lý Thái Tổ); và những câu đối, hoành phi còn mới. Chùa còn có những nhà ngôi tháp cổ uy nghi. Đầu xuân Quý Mùi (2003) phát hiện được nhục thân Thiền sư Như Trí, đặt trong một ngôi tháp cổ ở chùa Tiêu Sơn. Thiền sư Như Trí cùng thời với nhiều vị chân nguyên Yên Tử, có công in lại sách "*Thiền uyển tập anh*" vào năm Ất Mùi (1715) và 3 tác phẩm: "*Khóa hư lục", "Thánh đăng lục", "Tam tổ Trúc Lâm*" cùng với sự hỗ trợ của nhiều thiện nam, tín nữ. Đây là Nhục thân thứ 4 của các Thiền sư được tượng táng ở nước ta (sau tượng táng của các sư Vũ Khắc Minh, Vũ Khắc Trường (chùa Đậu, Hà Nội) và Chuyết Chuyết (chùa Phật Tích ở Bắc Ninh). Chùa Tiêu Sơn liên tục được trùng tu tôn tạo thành một hệ thống kiến trúc chùa núi bề thế, đẹp đẽ. Hội chùa Tiêu Sơn mở vào ngày 6 tháng 2 Âm lịch, tấp nập đông vui.

Cổng vào chùa Tiên Sơn

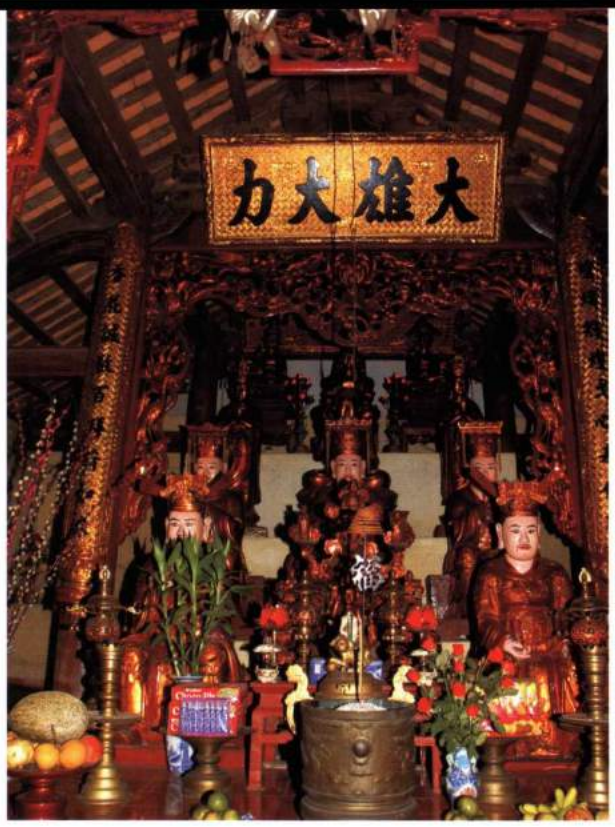

Chính điện (2008)

Mặt trước chùa (2008)

Tượng Thiền sư Vạn Hạnh (2008)

Tượng nhục thân Thiền sư Nhất Trí (2008)

Bia "Lý gia linh thạch" (2008)

4. CHÙA KIẾN SƠ

建初寺

Thành phố Hà Nội

Chùa Kiến Sơ ở xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội, cạnh đền thờ Thánh Gióng.

Qua tam quan, có một chiếc cầu nhỏ, dẫn đến sân chùa. Chùa Kiến Sơ hiện nay bé nhỏ, nhưng có một lịch sử lâu đời.

Theo *Thiền uyển tập anh*, năm 820, nhà sư Trung Quốc là Vô Ngôn Thông đã đến trụ trì ở chùa này, lập nên một phái Thiền ở Việt Nam. Người học trò đầu tiên của ông là nhà sư Cảm Thành (?-860) cũng đã tu ở chùa này.

Hiện nay, trong chùa có tượng Vô Ngôn Thông. Cạnh tượng Vô Ngôn Thông còn có tượng Lý Công Uẩn, tức vua Lý Thái Tổ. Ở mặt sau của thượng điện, có 5 động đắp bằng vôi vữa. Trong các động, có tượng Phật và Bồ Tát. Trong một động, có tượng Bồ Đề Đạt Ma, người được coi là sáng lập Thiền Tông ở Trung Quốc.

Chùa có chiếc khánh đá rất lớn. Gác chuông của chùa khá đặc biệt, được xây ngay trên nóc hậu đường. Trước sân chùa có một cây hương đá dựng năm Chính Hòa thứ 17 (1696). Có lẽ chùa đã có một lần trùng tu vào thế kỷ XVII.

Chùa Kiến Sơ (1991)

Tượng Đức Phật sơ sinh ở chính điện (1991)

Tượng Thiền sư Vô Ngôn Thông (1991)

Tượng Lý Công Uẩn (1991)

Tượng công chúa (1991)

Tượng mẹ Lý Công Uẩn (1991)

Tượng Thổ Địa (1991)

Động Quan Âm (1991)

5. CHÙA VÀ CÁC CỘT KINH Ở HOA LƯ

Tỉnh Ninh Bình

Hoa Lư ở tỉnh Ninh Bình là kinh đô Việt Nam dưới các triều Đinh (968-980) và Lê (980-1009). Khi đã là kinh đô, Hoa Lư dần dần trở thành một trung tâm Phật giáo.

Theo các thư tịch, cũng như dựa vào các dấu vết còn lại, chúng ta biết rằng ở Hoa Lư vào thế kỷ X, có khá nhiều chùa tháp.

Chùa Tháp là ngôi chùa cổ mà nay chỉ còn lại vết tích nền ở ven sông Hoàng Long. Trong số tảng đá chân cột, có những viên hình vuông cạnh hơn 1m và vòng tròn ở giữa có đường kính 0,68m.

Chùa Bà Ngô ở Hoa Lư cũng được coi là xây từ thời Đinh. Ở đây còn tấm bia thời Nguyễn, ghi rằng: "Chùa Bà Ngô trong ấp ta là một danh lam (tức chùa nổi tiếng) ở đô cũ nước [Đại] Cồ Việt".

Ở Hoa Lư, hiện có một ngôi chùa nhỏ là Nhất Trụ tự (chùa Một Cột). Chùa này không còn giữ được dấu vết gì của kiến trúc cổ. Sở dĩ chùa có tên là Nhất Trụ (Một Cột) là vì trước chùa có một cột đá cao hơn 3m, có tám mặt, trên đó khắc bài thần chú trong kinh *Lăng Nghiêm* và một số bài kệ. Cột đá này được dựng khoảng năm 995. Trên cột đá còn mấy chữ "Đệ tử Thăng Bình hoàng đế tả tạo" (đệ tử là hoàng đế Thăng Bình viết và cho dựng). Hoàng đế Thăng Bình tức Lê Hoàn (Lê Đại Hành), vị vua đầu tiên của triều đại Lê.

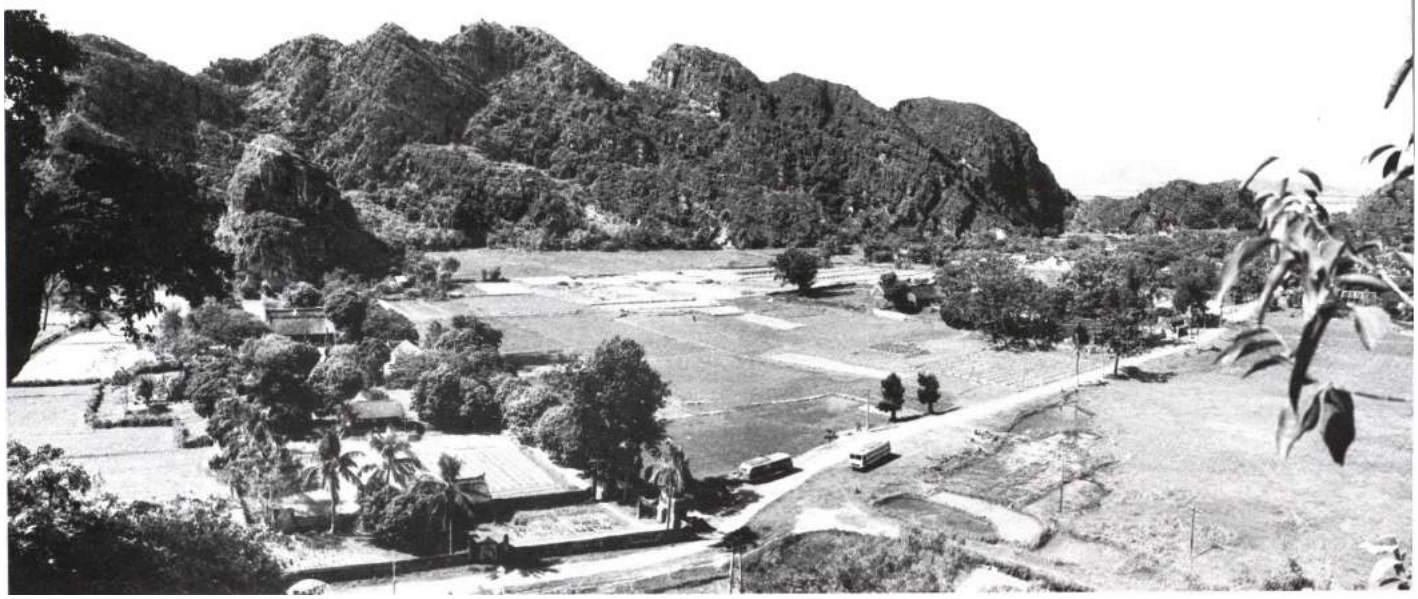

Đền thờ Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành tại Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (1991)

Ngoài ra, trong lòng đất Hoa Lư, gần sông Hoàng Long, cách đền thờ vua Đinh khoảng 2km, từ năm 1963 đến nay, đã tìm được gần hai mươi cột kinh thời Đinh. Đó là những cột đá có tám mặt, dài trong khoảng từ 0,50m đến 0,70m. Trên tất cả các cột này đều có khắc bài thần chú *Phật đỉnh tôn thắng đà la ni.* Các cột kinh này được dựng trong các năm khác nhau. Trên cột kinh phát hiện năm 1963, có câu ghi rõ rằng Nam Việt vương Đinh Khuông Liễn đã dựng một trăm cột kinh vào năm Quý Dậu (973). Đinh Khuông Liễn, tức Đinh Liễn trong sử biên niên, là con trai trưởng của vua Đinh Tiên Hoàng.

Còn trên các cột kinh tìm được năm 1987, có đoạn ghi rõ là Đinh Khuông Liễn đã dựng một trăm cột kinh để cầu cho người em bị ông giết là Đính Noa Tăng Noa được siêu thoát. Người này bị giết vì tội "không trung hiếu thờ cha và trưởng huynh, lại có ác tâm". Nếu Đính Noa Tăng Noa đúng là Hạng Lang, người em của Liễn được nhắc đến trong sử biên niên, thì các cột này có lẽ được dựng vào năm 979.

Trên một cột kinh tìm được năm 1964, ngoài bài chú *Phật đỉnh tôn thắng đà la ni*, còn có một bài kệ bằng chữ Hán khá dài, liên quan đến Phật điện Đại Thừa.

Cột đá chùa Nhất Trụ (1991)

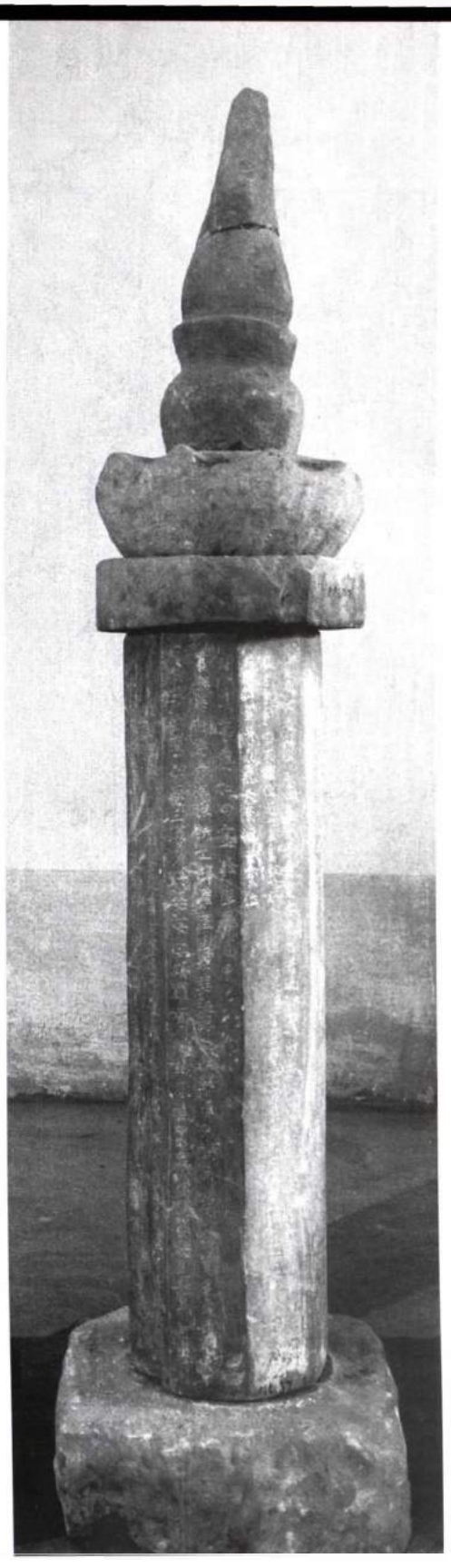

Cột kinh, chữ khắc trên cột kinh (1991)

6. CHÙA MỘT CỘT

延祐寺

Thành phố Hà Nội

Chùa Một Cột ở phố cùng tên thuộc quận Ba Đình, Hà Nội. Đây là bộ phận tháp (Phật đài, Liên hoa đài), độc đáo của ngôi chùa cổ, tên là Diên Hựu.

Theo sử biên niên, chùa Một Cột được xây dựng vào thời Lý. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép năm 1049, "mùa đông tháng mười (Âm lịch), dựng chùa Diên Hựu. Một lần vua [Lý Thái Tông] chiêm bao thấy Phật Quan Âm ngồi trên tòa sen, dắt vua lên tòa. Khi tỉnh dậy, vua đem việc đó nói với bầy tôi, có người cho là điềm không lành. Có nhà sư Thiền Tuệ khuyên vua làm chùa, dựng cột đá ở giữa đất, làm tòa sen của Phật Quan Âm đặt trên cột như đã thấy trong mộng. Cho các nhà sư đi vòng lượn xung quanh tụng kinh cầu cho vua sống lâu. Vì thế gọi là chùa Diên Hựu (kéo dài tuổi thọ)". Năm 1105, vua Lý Nhân Tông lại cho đào hồ ở quanh cột đá có tòa sen, gọi là hồ Linh Chiểu. Ngoài hồ Linh Chiểu còn có hồ Bích Trì. Minh văn trên bia tháp Sùng Thiện Diên Linh dựng năm 1122, có đoạn chép về chùa Diên Hựu tức chùa Một Cột: "Đào ao thơm Linh Chiểu, giữa ao chồi lên một cột đá, trên cột có đóa sen nghìn cánh xòe ra. Trên hoa dựng một ngôi đền đỏ sẫm, trong đền đặt pho tượng sắc vàng. Ngoài ao có hành lang vẽ bao bọc. Ngoài hành lang lại đào ao Bích Trì, bắc cầu cong để đi lại".

Rõ ràng cụm kiến trúc chùa Một Cột thời Lý khác về quy mô và hình thức với chùa Một Cột ngày nay. Ngôi chùa thời Lý cũng đã được xây dựng lại thời Trần, vào năm 1249.

Liên hoa đài - chùa Một Cột(2008)

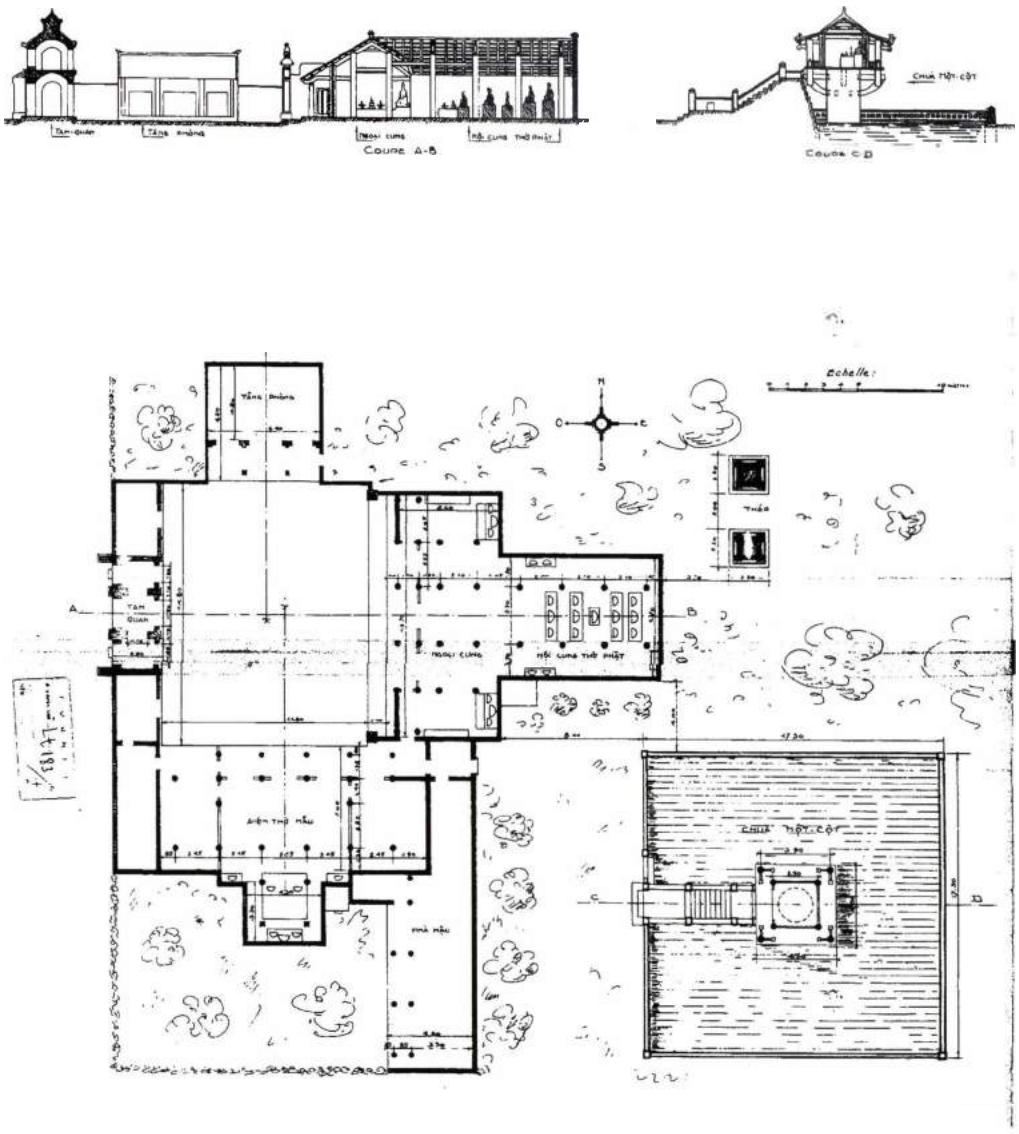

Pl. I : Temple bouddhique DUYÊN-HỰU, rue Ngọc-thanh, Hà-nội.

Sơ đồ mặt cắt và mặt bằng chùa Một Cột. Bản vẽ I Theo Louis Bezacier.
Relevés de monuments anciens du Nord Việt Nam. Paris-1959-EFEO

Chùa Một Cột ngày nay gồm có ngôi chùa nhỏ và tòa Phật đài, gọi là Liên Hoa đài (đài hoa sen) xây giữa hồ vuông. Đài này hình vuông, mỗi bề dài 3m, mái cong, dựng trên một cột đá hình trụ có đường kính 1,20m, cao 4m (không kể phần chìm dưới đất). Tầng trên của cột là hệ thống những đòn gỗ làm giá đỡ cho ngôi đài ở trên. Ngày nay không có những cánh sen trên cột đá như đã được nói đến trong bia văn thời Lý, nhưng ngôi Phật đài dựng trên cột vươn lên khỏi mặt nước vẫn là kiến trúc độc đáo, gợi hình tượng một bông sen.

Tượng Quán Thế Âm trong Liên Hoa đài (1991)

Mặt trước chùa (2008)

Tam quan chùa (2008)

Chính điện (2008)

7. CHÙA PHẬT TÍCH

萬福寺

Tỉnh Bắc Ninh

Chùa Phật Tích, tên chữ là Vạn Phúc tự, nằm ở sườn núi Tiên Du, còn gọi là núi Lạn Kha, thuộc thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Chùa được xây dựng từ thời Lý. Tấm bia đá "Vạn Phúc đại thiên tự bi" năm Chính Hòa thứ 7 (1686) cho biết: "Vua thứ ba nhà Lý (tức Lý Thánh Tông), vào năm Long Thụy Thái Bình thứ 4 (1057), đã dựng cây tháp báu cao nghìn trượng, lại cho dựng pho tượng mình vàng cao 6 thước". Pho tượng này, may mắn vẫn còn sót lại được gần nguyên vẹn, tại chỗ. Và "trong quá trình đào móng để xây lại ngôi Tam bảo thuộc Dự án trùng tu chùa Phật Tích vào cuối năm 2008, đã phát lộ phần móng của ngôi tháp cổ thời Lý. Những viên gạch xây tháp có đề chữ: "Lý gia đệ tam đế Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo", (Vua thứ 3 đời Lý, năm Long Thụy Thái Bình thứ 4 xây dựng) hoặc "Chương Thánh Gia Khánh". 200 hiện vật là các phù điêu đá, mảnh vỡ có chạm khắc hoa văn, trong đó có hai phù điêu lá đề bằng đá, mỗi phiến nặng 40kg có chạm trổ hình rồng chầu, kích cỡ khoảng 40x40cm vẫn còn nguyên vẹn và một chiếc đầu rồng đá cực kỳ tinh xảo kích cỡ 30x50cm.[1] Đó là những chứng tích - bảo vật của ngôi chùa Phật Tích, đại danh lam quốc tự thời Lý, nay không còn nữa.

(1) Công bố kết quả khai quật tháp - chùa Phật Tích của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh và Viện Khảo cổ học Việt Nam ngày 29 tháng 12 năm 2008 tại Bắc Ninh. *(theo TTXVN)*

Chùa Phật Tích chụp từ đỉnh núi Tiên Du (1991)

Vào thế kỷ XVII, chùa đã được xây dựng lại với quy mô khá lớn. Nhưng ngôi chùa này cũng đã bị thiêu hủy hoàn toàn năm 1947. Sau hơn hai năm xây dựng, chùa Phật Tích do Thượng tọa Tiến sĩ Thích Đức Thiện chủ trì đã làm lễ khánh thành vào ngày 26 tháng 9 năm

2010, chào mừng kỉ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Ngày nay, dấu vết mặt bằng của kiến trúc ngôi chùa thời Lý còn có thể nhận ra qua ba bậc nền bạt vào sườn núi. Các nền hình chữ nhật dài khoảng 60m, rộng khoảng 33m, mặt ngoài bó bằng các tảng đá khối hộp chữ nhật.

Tương truyền bậc nền thứ nhất là sân chùa, với vườn hoa mẫu đơn, nơi đã xảy ra câu chuyện truyền kỳ diễm tình *Từ Thức gặp tiên*.

Bậc nền thứ hai là nơi có các kiến trúc cổ, ngày nay không còn nữa. Ngôi chùa thời Lê cũng nằm ở đây. Đào xuống nền ngôi chùa này, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy "nền móng chân tháp hình vuông, kích thước chân tháp 9,1x9,1m, tường tháp mỗi cạnh dày trung bình 2,4m, lòng tháp rộng 82,81m^2, chân tháp được xây bằng gạch thời Lý, chắc chắn, đẹp, phản ảnh thời kỳ đỉnh cao của thời Lý. Đặc biệt, kỹ thuật xây móng nền tháp có thể so sánh với các móng nền gạch kiến trúc Lý ở Hoàng thành Thăng Long".[1] (Với kích thước này, theo công thức chung, có thể ước lượng chiều cao của tháp là hơn 40m).

Nền thứ ba ở cao nhất, có Long Trì (Ao Rồng), là một cái ao hình chữ nhật, kè đá xung quanh, nay đã cạn nước.

Sau sân nền, chen vào đá núi nhấp nhô là vườn tháp cổ với hơn 40 ngọn tháp, xây bằng đá hoặc bằng gạch, cất giữ xá lị của các nhà sư từng trụ trì ở đây, phần lớn được dựng vào thế kỷ XVII.

Phật Tích là ngôi chùa còn giữ được nhiều tác phẩm điêu khắc thời Lý. Ngay ở thềm bậc nền thứ hai, có dãy tượng 10 Linh thú bằng đá cao gần 2m, xếp thành một hàng ngang, gồm 5 cặp đối nhau ở hai bên lối đi là: sư tử, voi, trâu, tê giác và ngựa nằm trên bệ hoa sen, tạc liền bằng những khối đá lớn.

Giữa chùa là pho tượng Phật ngồi thiền định trên tòa sen, cao 1,85m, kể cả bệ là 3m. Trên bệ và trong những cánh sen, có những hình rồng và hoa lá đặc trưng cho thời Lý. Đây là một kiệt tác của điêu khắc đá thời Lý còn đến ngày nay. Ở Phật Tích, còn tìm thấy những di vật thời Lý khác như đá ốp tường, đấu kê, chân tảng, trên đó chạm khắc các hình Kim Cương, Hộ Pháp, các nhạc công, vũ nữ .v.v...

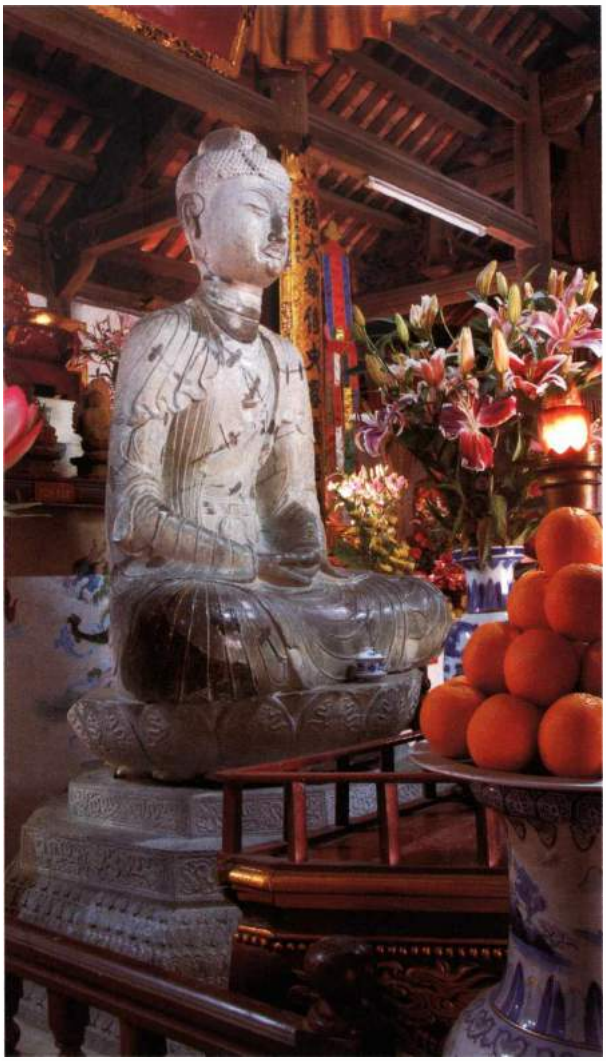

Tượng Phật A Di Đà (2008)

Đặc biệt là chùa Phật Tích ngày nay còn gìn giữ được Ngọc cốt (Tượng táng) của Thánh Tổ Chuyết Công hòa thượng. Ngài hóa thân vào ngày Vu lan Rằm tháng Bảy năm

(1) Công bố kết quả khai quật tháp - chùa Phật Tích. Đã dẫn tr.93

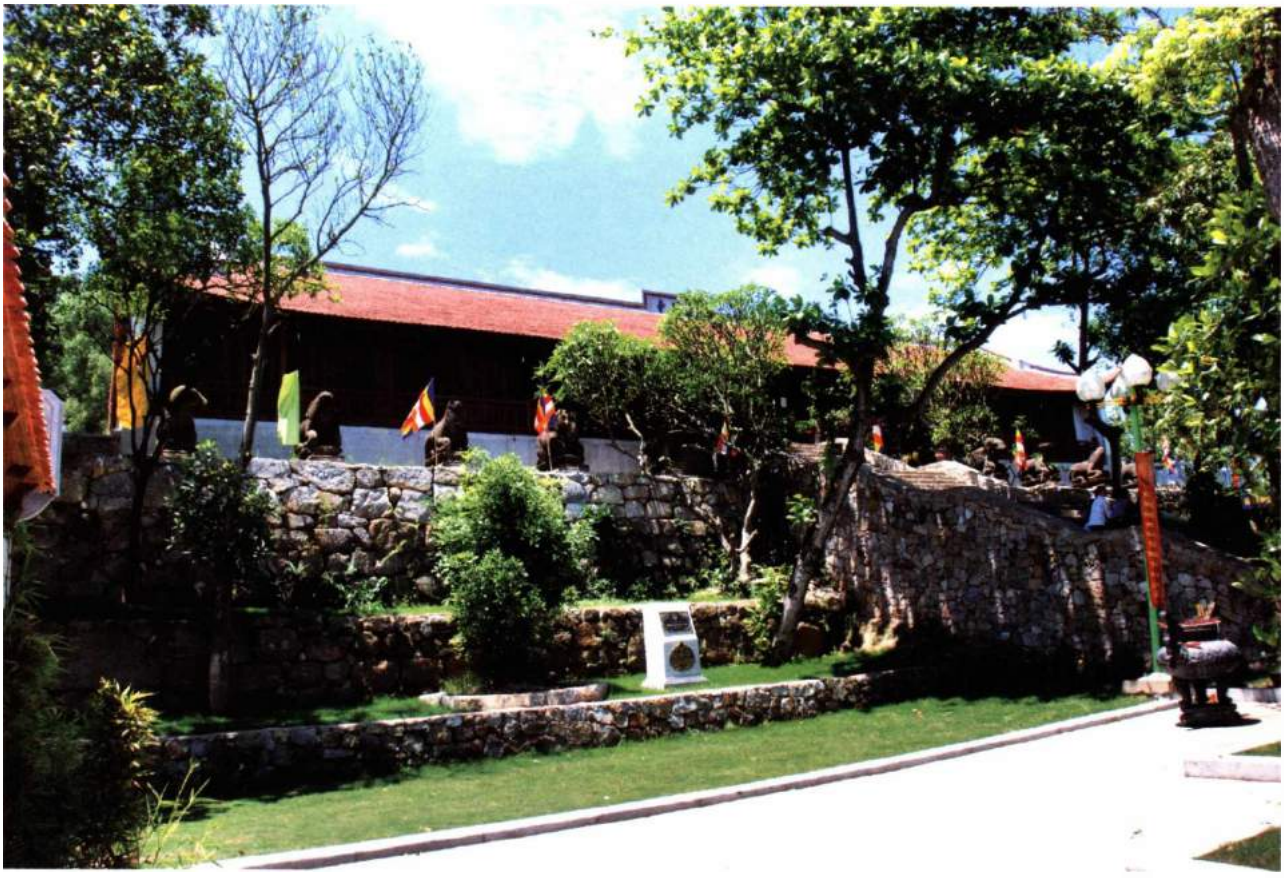

Chùa Phật Tích - ngày lễ gắn biển: "Di tích lịch sử văn hóa kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội" (26-9-2010)

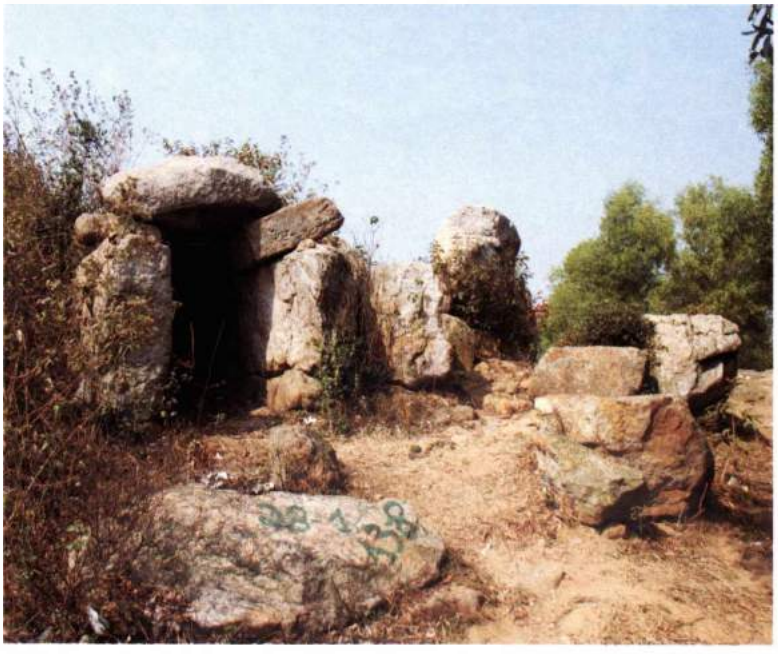

Di tích cự thạch trên đỉnh núi Lạn Kha (2008)

Bia đá dựng năm Chính Hòa (2008)

Viên gạch xây tháp đề chữ "Lý gia đệ tam đế Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo" (2009)

Tượng đầu Phật đá

Tượng Kim Cương, dựng ở cửa chùa

Tượng đầu người mình chim đánh trống

Hiện vật chùa Phật Tích, trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam (2008)

Đại tượng Phật trên đỉnh núi Tiên Du (2010)

Vườn tháp cổ (2008)

Ngọc cốt (tượng táng) của Thánh Tổ Chuyết Công Hòa thượng (2008)

Ao rồng (2008)

Tượng đầu rồng bằng đá kích cỡ 30x50cm (2009)

Phù điêu lá đề bằng đá chạm hình rồng chầu, kích cỡ khoảng 40x40cm (2009)

Đại đức Thích Đức Thiện trụ trì chùa Phật Tích giới thiệu những hiện vật mới phát hiện (2010).

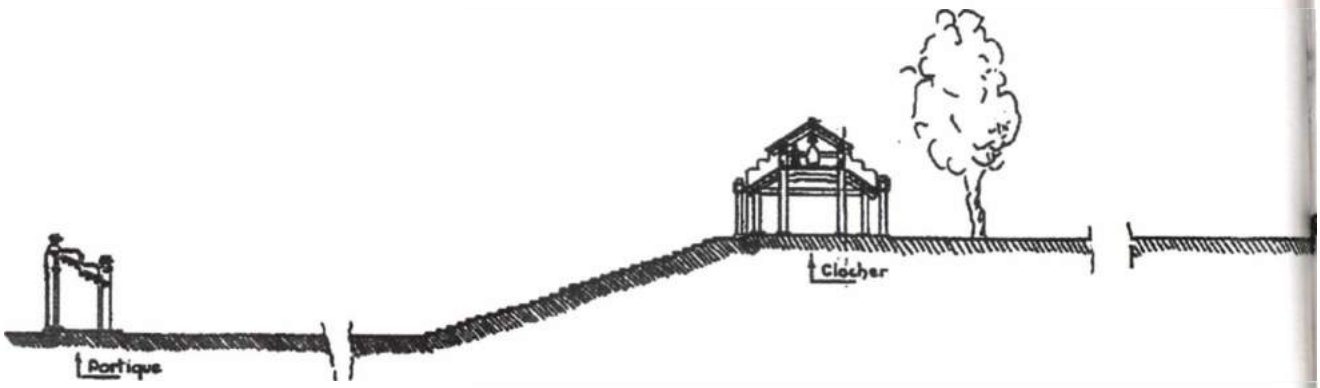

5 cặp tượng linh thú bằng đá (2009)

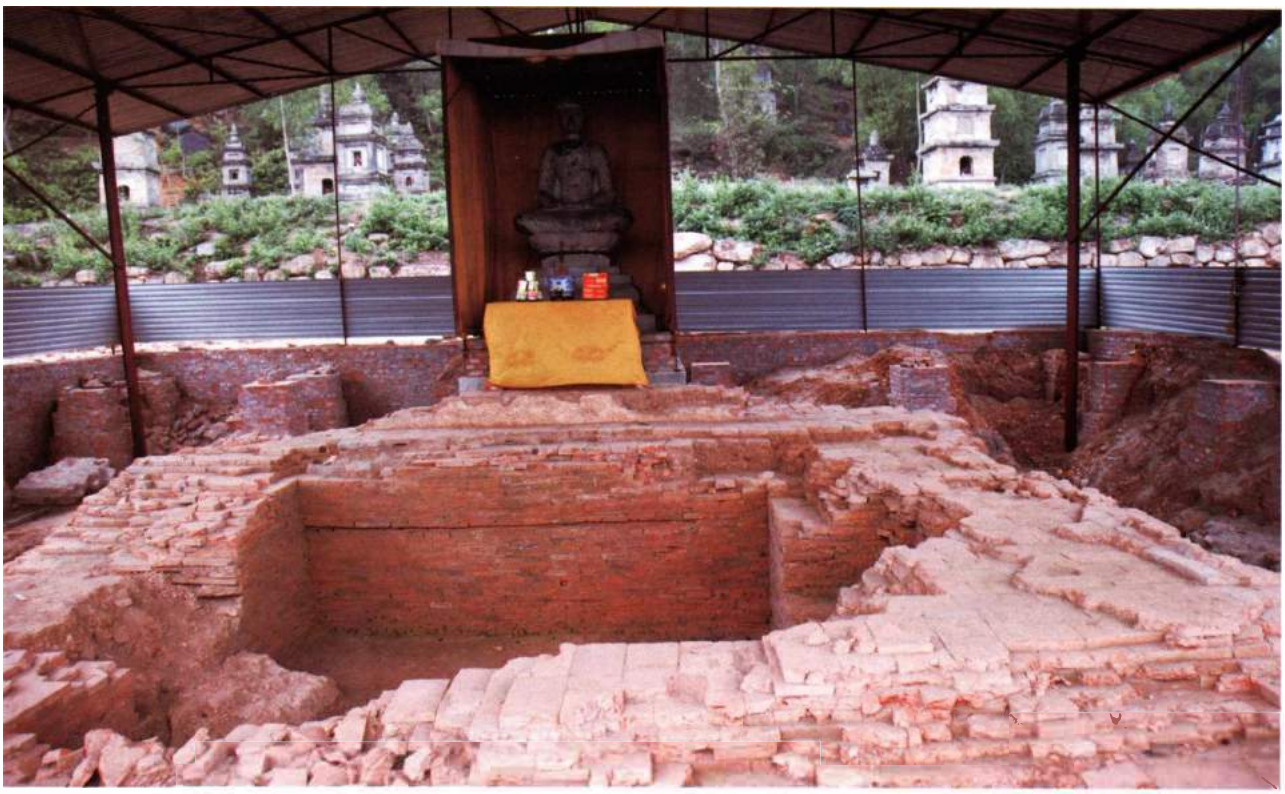

Toàn cảnh móng tháp chùa Phật Tích phát lộ cuối năm 2008 (2009)

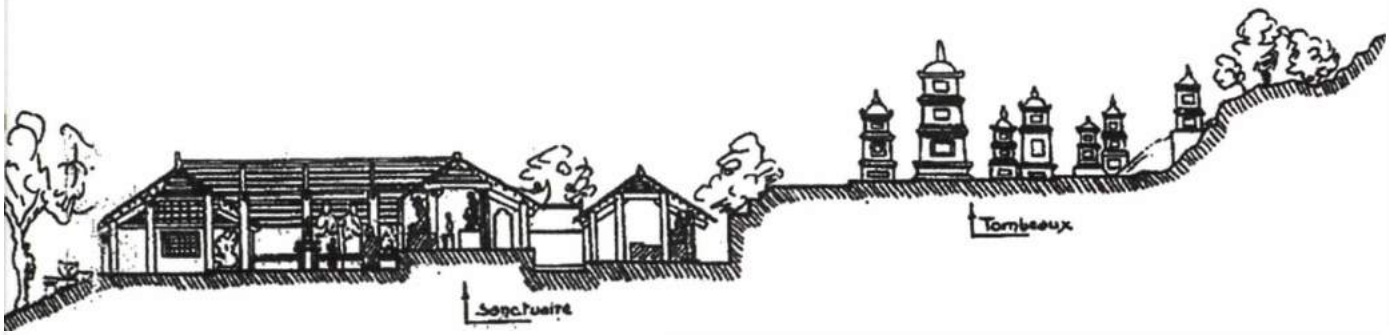

Sơ đồ mặt cắt ngang tổng thể chùa Phật Tích.
Bản vẽ XV Theo Louis Bezacier.
Relevés de monuments anciens du Nord Việt Nam.
Paris-1959-EFEO

Gạch thời Lý trang trí hình rồng (2009)

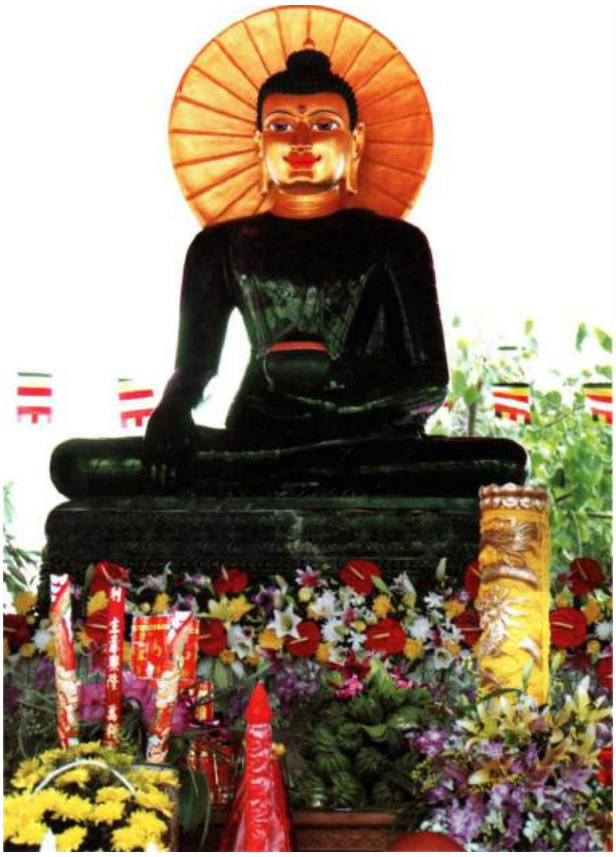

Nhân mùa lễ Phật Đản Phật lịch 2553, chùa Phật Tích đã được cung nghinh triễn lãm tượng Phật Ngọc lớn nhất thế giới - nặng hơn 4,5 tấn, cao 3,5 m được tạc từ khối ngọc thạch Nepherite, về cử hành đại lễ cầu an, quốc thái trong thời gian từ 16 đến 22 tháng 5 năm 2009.

Chân tảng chạm lá đề và vũ công (1991)

8. CHÙA DẠM

大補寺

Tỉnh Bắc Ninh

Chùa có tên chữ là "Đại Lãm Tự" (dân địa phương quen gọi là chùa Cả, và bằng nhiều tên khác nữa: chùa Bà Tấm, chùa Trăm Gian, chùa Cao....) toạ lạc trên dãy núi Dạm (Đại Lãm Sơn), thuộc xã Nam Sơn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Sử sách cũ cho biết: "Năm Quang Hựu thứ 1 (1085) thái hậu Ỷ Lan đi chơi nơi có núi sông cảnh đẹp, có ý muốn xây tháp ở đó. Đến năm Quang Hựu thứ 2 (1086), vua Lý Nhân Tông cho xây dựng chùa trên núi. Chùa thuộc loại hình "Quốc tự" (chùa của quốc gia, chùa Hoàng gia) vì được triều đình nhà Lý cho xây dựng với quy mô lớn, trong suốt 8 năm liền. Năm 1094, chùa làm xong, nhà vua đến thăm, và ban tên chữ cho chùa là "Cảnh Long Đồng Khánh". Năm 1105 tiếp tục cho xây 3 tòa tháp đồ sộ nữa. Sau này vua Lý Nhân Tông, vua Trần Nhân Tông, nhà bác học Lê Quý Đôn..., đều có những lần đến thăm chùa và để lại những thi phẩm vịnh chùa có giá trị.

Ngôi quốc tự hàng đầu ở thời Lý này, qua thời gian biến cố (đặc biệt là trong thời kháng chiến chống Pháp) đã bị phá hủy gần như hoàn toàn. Nhưng di chỉ vẫn rõ ra sự đồ sộ từ xa xưa, với 4 cấp nền được xây thành những tầng bậc (kè đá, cao 1,5m) có mặt bằng xây dựng rộng lớn (120m x 70m) cao dần theo sườn núi. Tương truyền rằng: cả trăm gian chùa cổ, xưa đã được xây dựng trên mặt bằng giật 4 cấp đá, nhiều cửa đến nỗi chỉ một việc đóng cửa chùa buổi chiều, cũng phải đến đêm (lúc mặt trăng ngày 18 âm

Chính điện (2008)

lịch mọc) mới xong. Trong số những di vật còn sót lại, và trở thành bảo vật của ngôi chùa Dạm xưa, có tuổi hơn 900 năm cùng với chùa, với cây trụ đá, hoặc cột liên hoa đài... chạm rồng (được cho là tượng hình Linga) cao lớn to nặng, và điêu khắc đẹp đẽ, quý giá. Ngoài ra, còn có đài dựng bia, đài dựng cột, tảng kê chân cột bằng đá, và nhiều tác phẩm nghệ thuật bằng đất nung.

Ngôi chùa hiện nay, mới được xây dựng trên nền cũ. Trước chùa dựng một tấm bia đá có niên đại thế kỷ XVI, cao 1,5m; rộng 1m, đặt trên lưng rùa.

Lễ hội chùa Dạm, mở vào ngày mùng 8 tháng 9 (Âm lịch) với nhiều nghi lễ và các trò chơi dân gian phong phú, là một trong số ít lễ hội mùa thu cổ truyền (có trước lễ hội mùa xuân) còn được bảo lưu đến ngày nay.

Tượng Bà Vương phi Ỷ Lan (2008)

Mặt trước chùa (2008)

Tầng bậc cấp nền thứ nhất
chùa Dạm (2008)

Cột đá chạm rồng thời Lý, chùa Dạm (2008)

9. CHÙA KIM LIÊN

大悲寺

Thành phố Hà Nội

Chùa xưa ở làng cổ Nghi Tàm, ven bờ đông Hồ Tây, nay thuộc phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội, có tên chữ là "Đại Bi tự" hay còn gọi là Hoàng Ân tự.

Chùa được xây dựng trên di chỉ cung Từ Hoa của công chúa Từ Hoa, con vua Lý Thần Tông. Theo bia "Đại Bi tự bi ký", chùa được khởi dựng vào thời vua Lê Nhân Tông, năm Diên Hòa thứ 5 (1539). Đến đời chúa Trịnh Sâm (1760 - 1782), chùa được trùng tu và đổi tên thành chùa Kim Liên. Sau nhiều lần tôn tạo, diện mạo như ngày nay là di sản của nghệ thuật kiến trúc thời Tây Sơn.

Quần thể kiến trúc chùa gồm có tam quan - một dạng kiến trúc cổng cung đình độc đáo, chùa Hạ, chùa Trung và chùa Thượng - bố trí ba nếp (theo hình chữ "tam"(三), đều xây dựng theo kiểu chồng diềm, hai tầng mái, mỗi tầng có 4 mái, các mái đều có đầu đao cong. Chùa Hạ (tiền đường) có 5 gian với 4 vì kèo, 4 hàng chân cột và hai vì hồi. Chùa Trung (chính cung) 3 gian. Chùa Thượng (điện thờ) 5 gian. Đề tài trang trí trong chùa phổ biến là hình rồng, lá thầu dầu, hoa sen... Hệ thống cột của chùa đều được kê trên các bệ đá chạm hình hoa sen cách điệu. Trong chùa có nhiều tượng Phật đẹp, có giá trị nghệ thuật điêu khắc cao, nhiều hoành phi câu đối với chữ nghĩa ý tứ sâu sắc và các tấm bia cổ, trong đó tấm bia dựng năm Thái Hòa nguyên niên (1443) được coi là tấm bia cổ nhất còn giữ được trên đất Hà Thành.

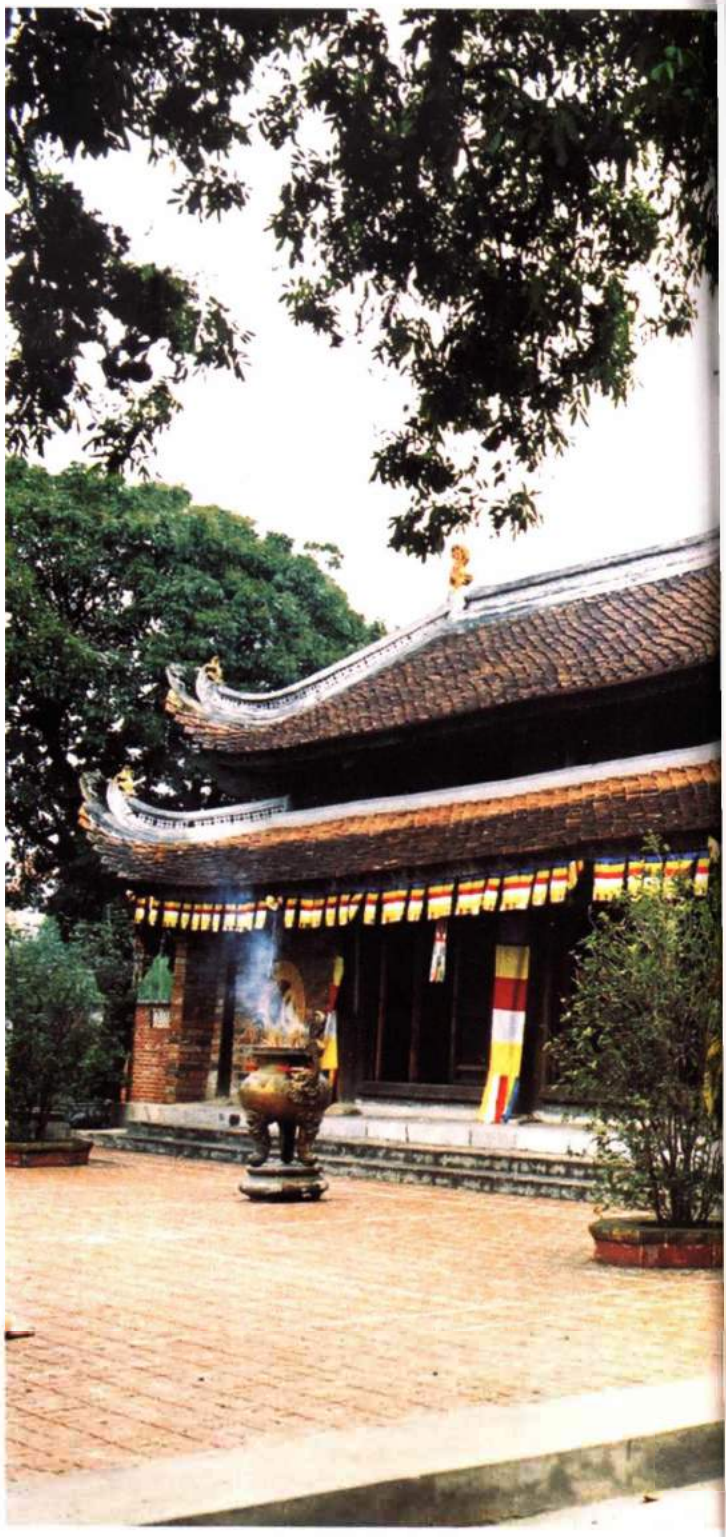

Chùa Kim Liên (2005)

Tam quan chùa (2005)

Chùa Kim Liên (2005)

Chính điện (2005)

Bàn thờ Diêm Vương (2005)

Ban thờ Mẫu (2005)

Phật điện (2005)

Phật Thích Ca sơ sinh (2005)

Quan Âm tống tử (2005)

Từ Hoa công chúa (2005)

10. CHÙA LÝ QUỐC SƯ

李國師寺

Thành phố Hà Nội

Chùa xưa ở thôn Tiên Thị, tổng Tiền Túc, huyện Thọ Xương, nay mang số nhà 50 phố Lý Quốc Sư, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Theo sử sách, chùa được dựng từ năm 1131 theo lệnh của vua Lý để làm nơi tu hành và chỗ ở cho các nhà sư, gần tháp Báo Thiên. Chùa thờ Phật và Minh Không thiền sư. Chủ đề tín ngưỡng này mang đặc trưng của văn hóa Kinh kỳ Thăng Long. Thiền sư Minh Không tên thật là Nguyễn Chí Thành, quê ở Điềm Xá, Gia Viễn, Ninh Bình. Năm 1138 ông đã chữa khỏi bệnh "hóa hổ" cho vua Lý Thần Tông, được triều đình phong là Quốc sư. Tên chùa vì thế mà thành. Trước đây, chùa còn được gọi là đền Lý Triều Quốc Sư.

Chùa có phương đình, bên phải phương đình là điện Mẫu, vào nữa là bái đường, tiếp đến là ngoại cung có 2 dãy tượng bằng gỗ, dãy bên phải là tượng 3 quan đại thần thời Lý, dãy bên trái là tượng 4 công chúa cùng thời, đi tiếp là đến hậu cung có tượng thiền sư Minh Không bằng gỗ, xung quanh là 4 pho tượng đá: Thánh phụ, Thánh mẫu, Giác Hải và Đạo Hạnh. Nghệ thuật điêu khắc, chạm trổ theo phong cách thời cuối Lê đầu Nguyễn (thế kỷ 18 -19) được thể hiện rõ nét trên các cột đá, cây thiêu hương và các pho tượng. Đáng chú ý là nhóm tượng Long Nữ Thiện Tài, được tạc bằng đá trên cột cao 3m, có hoa sen, hoa cúc, dây hoa thị, lá đề... trang trí vòng quanh cột

Tam quan chùa (2005)

李國師寺
LÝ THÁI QUỐC SƯ
悲梵
50

Ban thờ Mẫu (2005)

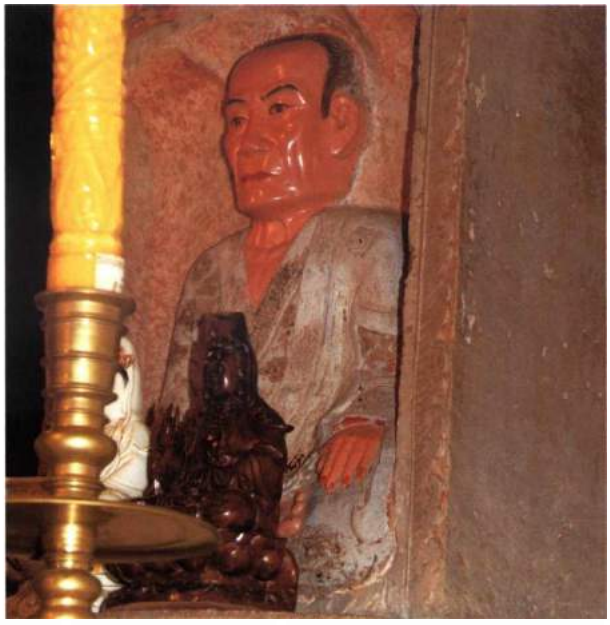

Từ Đạo Hạnh (2005)

Thần Già Lam (2005)

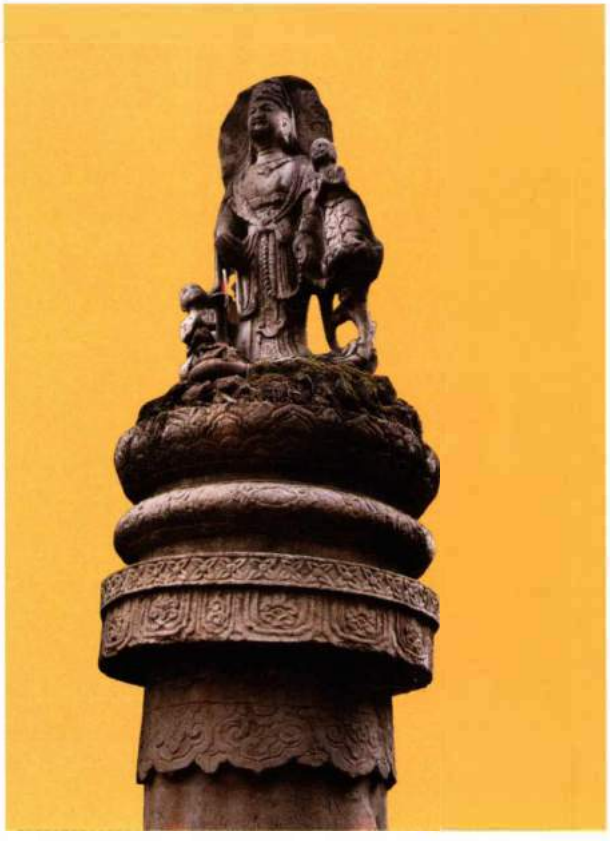

Nhóm tượng Long Nữ Thiện Tài (2005)

Ban thờ (2005)

Ban thờ (2005)

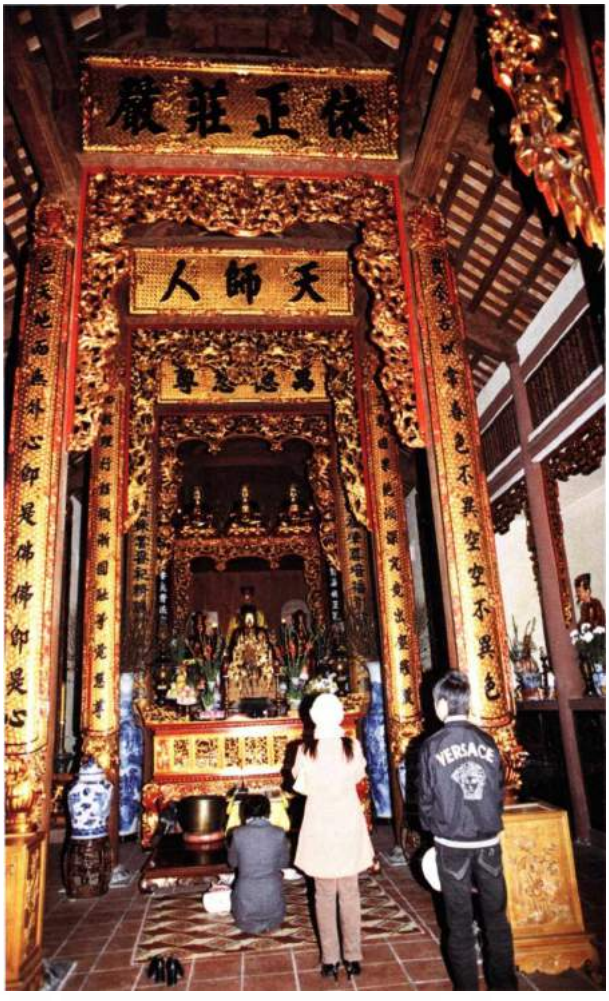

Chính điện (2005)

Thiền sư Nguyễn Minh Không (2005)

Phương đình (2005)

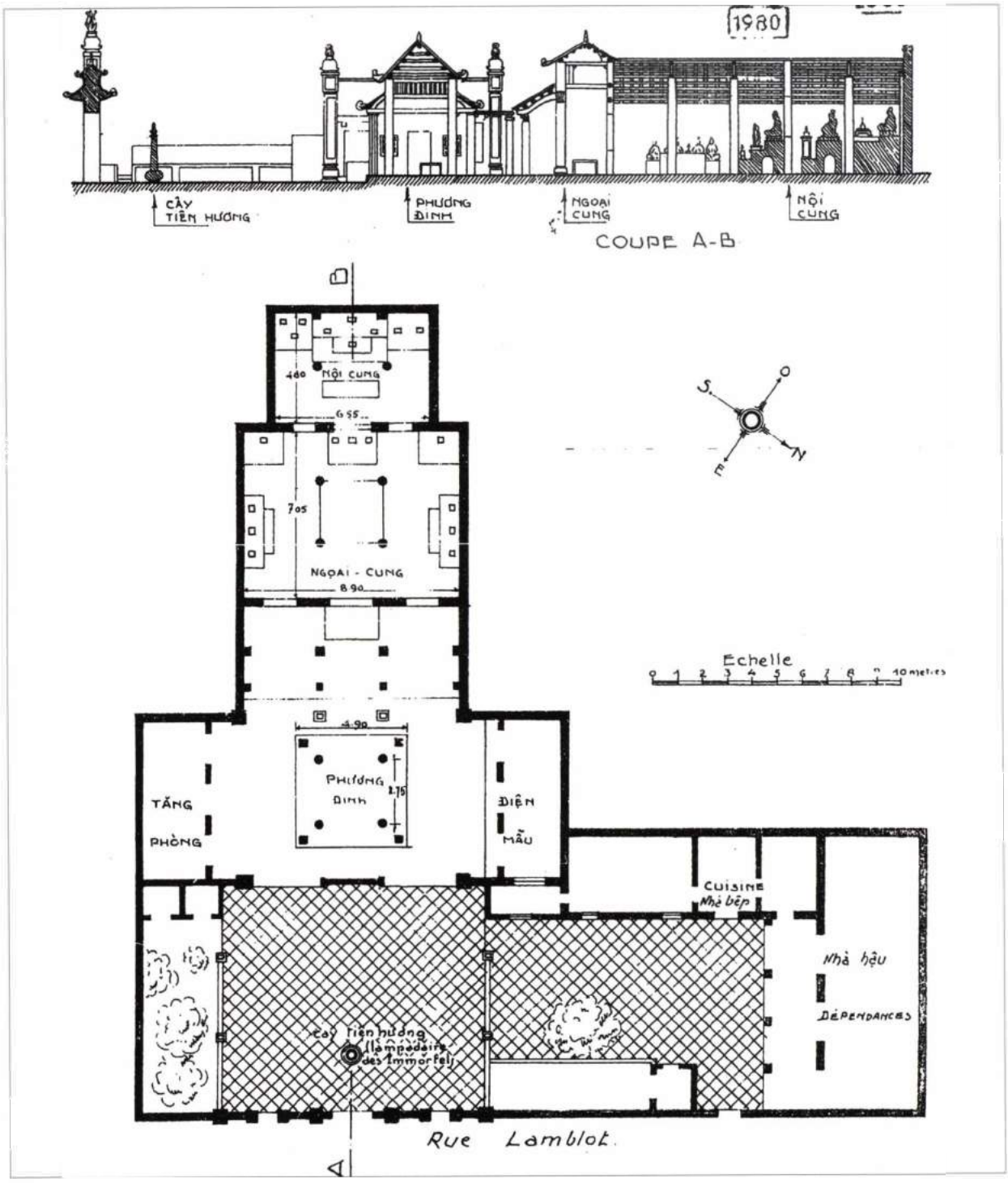

Sơ đồ mặt bằng và mặt cắt chùa Lý Quốc Sư. Bản vẽ II
Theo Louis Bezacier: "*Relevés de monuments anciens du Nord Việt Nam. Paris-1959-EFEO*"

11. CHÙA LONG ĐỌI SƠN

龍隊山寺

Tỉnh Hà Nam

Chùa tọa lạc trên núi Đọi (âm Hán là Long Đội, quen gọi là Long Đọi) có độ cao 79m so với mặt biển. Khuôn viên chùa trải rộng và cao dần lên trên khoảng 2 hécta vườn rừng - sườn núi bên hữu ngạn sông Châu, quay về hướng nam, thuộc xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Chùa Long Đọi tên chữ là Diên Linh tự, do vua Lý Thánh Tông cùng vương phi Ỷ Lan cho xây dựng từ giữa thế kỷ XI. Đến năm 1118, vua Lý Nhân Tông tiếp tục cho xây dựng thành một quần thể kiến trúc Phật giáo nguy nga hoành tráng, có ngọn tháp Sùng Thiện Diên Linh nổi tiếng. Tháp cao 13 tầng, vuông 4 mặt, mở 40 cửa hướng gió, ở tất cả các cửa vách đều chạm rồng, tầng trên cửa tháp "đặt hộp vàng xá lỵ, tầng dưới đặt tượng Đa Bảo Như Lai. Trên các xà của tháp có treo chuông đồng. Dưới chân tháp có bát vị Kim Cương đứng chống kiếm trang nghiêm ..." - Đấy là lời văn bia tháp Sùng Thiện Diên Linh.

Trải qua thời gian dài với nhiều biến cố, chùa Long Đọi hiện vẫn còn giữ được nhiều cổ vật quý, mang phong cách nghệ thuật thời Lý, trong đó có tấm bia Sùng Thiện Diên Linh (cao 2,66m, rộng 1,67, dày 0,29m, đế chạm khắc hình rồng nổi, dựng năm 1121, khắc bài văn bia do thượng thư Nguyễn Công Bật soạn); 6 pho tượng Kim Cương bằng đá, cao 1,60m; pho tượng đầu người mình chim; đá tảng kê cột và gạch hoa thời Lý... Ngoài ra còn một số hiện vật thời nhà Mạc và tượng Di Lặc thời Nguyễn (nặng trên 1000 kg bằng đồng).

Cổng chùa Long Đọi Sơn (2008)

Chùa chính (2008)

Kiến trúc cảnh quan của chùa Long Đọi mang đặc trưng truyền thống của những ngôi chùa cổ nhất, thuộc loại hình "chùa núi - bên sông". Núi là núi Đọi, sông là sông Châu, từ lâu đã thành cặp biểu tượng núi sông của đất Hà Nam (giống như "non Côi - sông Vị" của Nam Định, "núi Thúy - sông Vân" của Ninh Bình....). Cánh đồng trước núi là nơi vua Lê Đại Hành từ Hoa Lư đến cày ruộng "tịch điền" từ thế kỷ X. Ngay dưới chân núi là làng Đọi Tam nổi tiếng về nghề làm trống.

Lễ hội chùa Long Đọi mở thường niên từ ngày 19 tháng 3 đến hết ngày 21 tháng 3 (Âm lịch), nổi tiếng cả vùng ven sông Châu.

Toàn cảnh chùa (2008)

Đức Phật nhập Niết bàn (2008)

Chính điện (2008)

Cổng vào chùa chính (2008)

Nhà bia (2008)

Tượng Di Lạc (bằng đồng nặng 1.000kg) (2008)

Hố khai quật khảo cổ ở giữa hai tòa điện Phật tìm thấy dấu tích kiến trúc thời Lý (2008)

Tượng Kim cương, thời Lý (2008)

Nhà Tổ (2008)

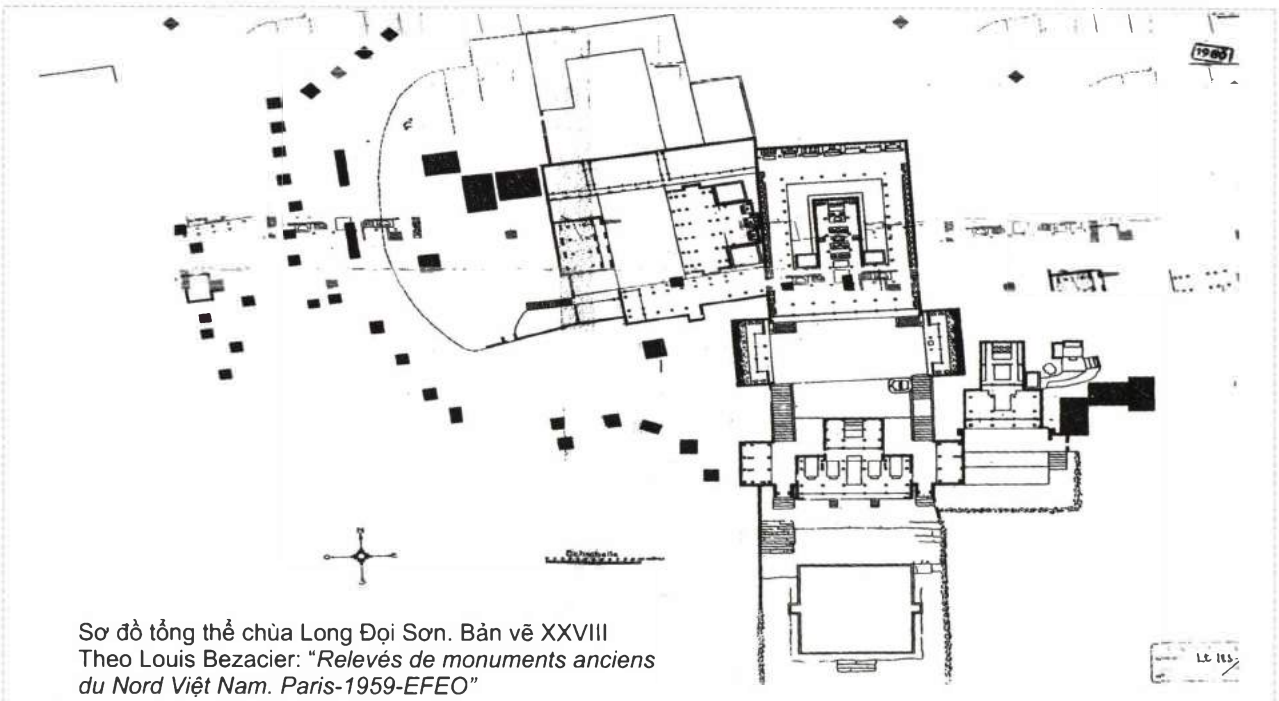

Sơ đồ tổng thể chùa Long Đọi Sơn. Bản vẽ XXVIII
Theo Louis Bezacier: "*Relevés de monuments anciens du Nord Việt Nam. Paris-1959-EFEO*"

Tượng La hán (2008)

Thập điện Diêm Vương (2008)

Vườn tháp (2008)

12. CHÙA VUA

興慶寺

Thành phố Hà Nội

Chùa Vua là tên gọi chung của cụm di tích này bao gồm: chùa Hưng Khánh thờ Phật và điện Thiên Đế thờ Đế Thích, ở khu vực số nhà 17 phố Thịnh Yên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Xưa là làng Thịnh Yên, tổng Hậu Nghiêm, huyện Thọ Xương.

Chùa Vua có từ thời Lý được tôn tạo vào thời Lê, "Vì thấy Đế Thích là bậc cao cờ, nên một ông hoàng thời Lê (1428 - 1527) đem lòng hâm mộ, lập một đền thờ ở làng Thịnh Yên, tổng Hậu Nghiêm, huyện Thọ Xương về phía đông đàn Nam Giao".

Đế Thích (Indra) là vị thần Ấn Độ giáo trong thời kỳ Veda, đã được đưa vào Phật điện Phật giáo Việt Nam, lại trở thành một trong ba mươi ba vị thánh của Đạo giáo trên cõi Trời. Ở nhiều nước Đông Á như Nhật Bản và Việt Nam, tín ngưỡng Đế Thích có vị trí đặc biệt, gắn liền Phật giáo với Đạo giáo. Nhiều đền thờ Đế Thích, không những trở thành chùa, mà có nơi còn trở thành quán Đạo giáo.

Chùa Vua đã được trùng tu, sữa chữa nhiều lần, nên diện mạo ngày nay không còn như xưa nữa. Chùa quay về hướng đông nam, gồm có: tam quan, sân, điện thờ Đế Thích, khu nhà Mẫu và hành lang.

Hằng năm vào ngày mồng 9 tháng giêng Âm lịch, chùa Vua mở lễ hội truyền thống. Ngoài các sinh hoạt hội hè đầu xuân thì đấu cờ tướng là trung tâm của lễ hội. Hội cờ hằng năm không những thu hút các kỳ thủ trong nước mà cả có những danh thủ các nước láng giềng như Lào, Campuchia và Trung Quốc đến tham dự.

Lệ làng Thịnh Yên quy định người đoạt giải nhất ba năm liền, được khắc tên, lưu danh trên bia đá giữa sân chùa. Truyền thống đấu cờ đã ăn sâu vào tâm thức của dân làng Thịnh Yên đến mức những năm chiến tranh, loạn lạc, chùa bị hư hỏng nặng và... hội không mở được, song dân làng vẫn không quên chùa và ngày hội chùa. Do đó mà chùa và hội chùa được trùng tu, tôn tạo vận hành như ngày nay.

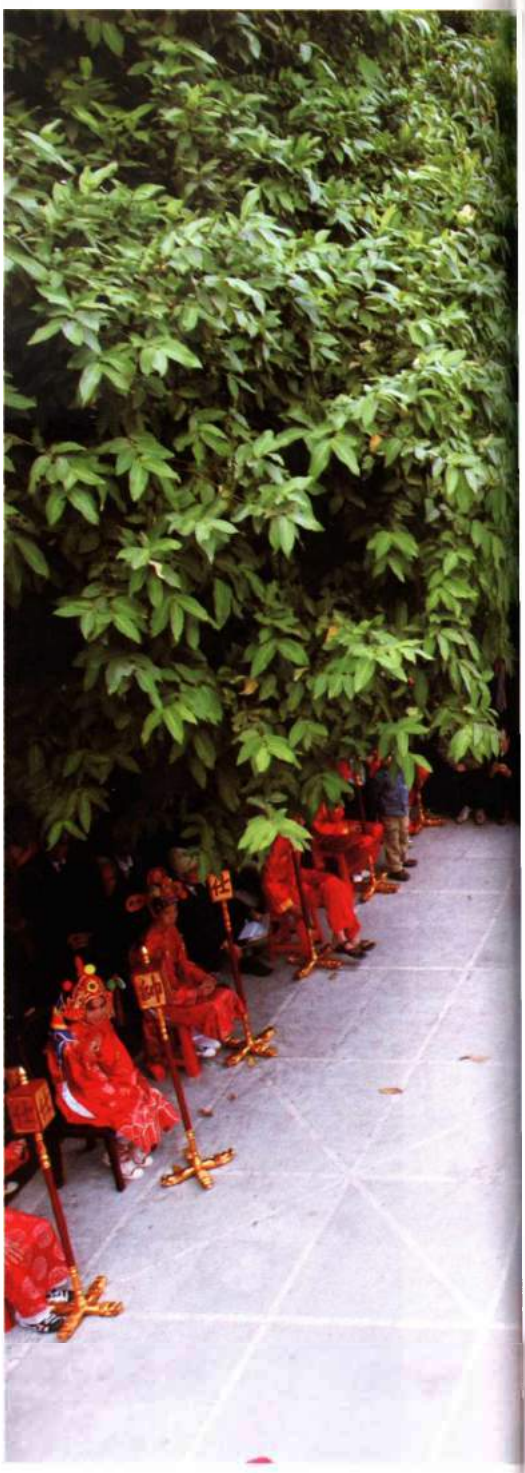

Hội chùa Vua Xuân Kỷ Sửu (2009)

LỄ HỘI CHÙA VUA
Vui Tết Mừng Xuân Nỗ lực Phấn Xe
Thi Tài Đấu Trí Kiên Cường Ý Tượng Trận Tinh

Chính điện chùa Hưng Khánh (2008)

Ban thờ Đức Ông (2008)

Mặt trước chùa Hưng Khánh (2008)

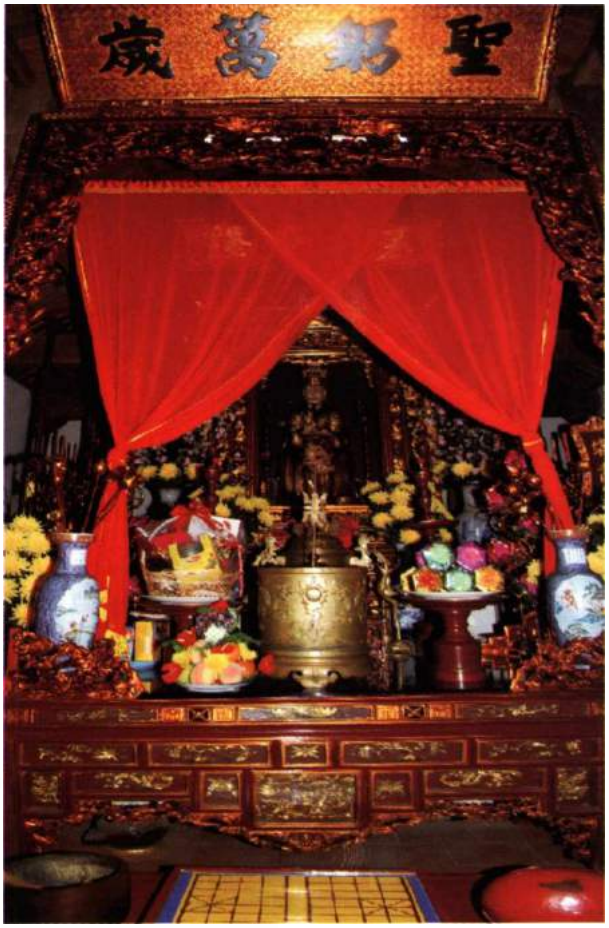

Ban thờ Đế Thích trong điện Thiên Đế (2008)

Tượng Đế Thích đặt trong cung (2008)

Tam quan chùa Vua (2008)

Điện Thiên Đế, ngày Hội xuân Kỷ Sửu (2009)

13. CHÙA NON

朔天王禪寺

Thành phố Hà Nội

Chùa Non, tên chữ là Sóc Thiên Vương thiền tự, nằm trong quần thể khu di tích đền Sóc , trên độ cao 110m so với mặt biển. Chùa nằm chính giữa vòng cung núi non hùng vĩ, linh diệu, thuộc xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn , Hà Nội.

Theo sách *Thiền uyển tập anh* và sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, vị thiền sư đầu tiên trụ trì ở đây là Ngô Chân Lưu (933 - 1011). Năm 971, ông được vua Đinh Tiên Hoàng phong hiệu Khuông Việt Đại Sư là vị thiền sư đầu tiên được nhà nước phong kiến Việt Nam phong tặng danh hiệu Quốc Sư, Tăng Thống - những danh hiệu tôn quý nhất của Đạo và Đời. Đến đời Lê Đại Hành và Lý Thái Tổ, Ngài càng được kính trọng, khi cùng Vạn Hạnh Thiền sư đóng góp vào nhiều quốc gia đại sự, cũng như hoằng dương Phật pháp.

Trải qua mấy trăm năm mai một, mãi đến những năm gần đây, chùa mới được phát hiện dấu tích. Năm 2001 được sự quan tâm của Nhà nước và Giáo hội cùng Phật tử thập phương, chùa đã đúc thành công tượng Phật Tổ bằng đồng liền khối cao 6,5m, nặng 30 tấn. Cùng với các chùa cổ khác, chùa Non - Sóc Sơn được phục dựng và tôn tạo ở thời đại mới, sẽ góp phần tô đẹp nền văn hóa Phật giáo hiện lại, đồng thời đóng góp tích cực vào Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Nguồn: Tiến sỹ Phật học
Hòa thượng Thích Thanh Quyết
Trụ trì chùa

Toàn cảnh chùa Non (2005)

Chùa Non Nước (2005)

Mặt trước chùa

Chính điện (2005)

Lễ tại chùa (2005)

Tượng Phật Tổ (2005)

14. CHÙA LẠNG

圓覺寺

Tỉnh Hưng Yên

Chùa Lạng, có tên là Viên Giác tự, ở xã Minh Hải, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Chùa đã bị sụp đổ năm 1954.

Vì còn gặp trên nền chùa những di vật cổ thời Lý-Trần, nên Viện Khảo cổ học Việt Nam đã khai quật phế tích này trong các năm 1972 và 1973.

Qua các đợt khai quật, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy ở đây sáu lớp kiến trúc chồng lên nhau.

- Lớp thứ nhất, dưới cùng, có niên đại Lý, khoảng năm 1115.
- Lớp thứ hai có niên đại Trần.
- Lớp thứ ba có niên đại Mạc, khoảng năm 1582.
- Lớp thứ tư có niên đại khoảng cuối Lê.
- Lớp thứ năm có niện đại đầu thời Nguyễn.
- Lớp thứ sáu có dấu vết ngôi chùa đổ năm 1954.

Lớp kiến trúc thời Lý là một nền hình tứ giác gần vuông, gồm ba bậc. Bậc trên cùng là điện thờ Phật, có bệ tượng bằng đá hình sư tử đội tòa sen. Đã tìm thấy những tay vịn bằng đá hai bên bậc cửa, phần trên tay vịn chạm hình sóc đuôi dài, phần dưới là phù điêu hình chim phượng cạnh các mô-típ trang trí đặc trưng cho thời Lý.

Lớp kiến trúc thời Trần giữ nguyên kiến trúc thời Lý, chỉ bỏ bậc lên xuống ở cửa phía nam, thay vào đó, xây thêm hai lối đi dài. Trong lớp này, tìm được nhiều loại ngói, đặc biệt là ngói mũi hài thời Trần, với những dòng chữ ghi tên người cung tiến.

Lớp kiến trúc thời Mạc, có thể có niên đại 1582, dựa vào bài văn trên tấm bia hiện còn. Dấu vết kiến trúc cho biết chùa Lạng bấy giờ đã được xây dựng theo kiểu chữ "Công" (工), gồm thượng điện, nhà thiêu hương và tiền đường. Trong lớp này, tìm được các loại gạch có hình ngựa bay, hình rồng...

Lớp kiến trúc cuối thời Lê cho biết chùa Lạng vẫn được dựng theo hình chữ "Công" nhưng có phần thu hẹp hơn, đặc biệt là chiều đông tây.

Lớp kiến trúc đầu thời Nguyễn nói lên rằng thượng điện và nhà thiêu hương bị thu hẹp hơn nữa.

Ngôi chùa bị sụp đổ năm 1954 lại còn nhỏ hơn cả ngôi chùa được trùng tu đầu thời Nguyễn. Nhà thiêu hương thu hẹp hơn trước mỗi bên chừng 3m. Tiền đường cũng bị thu nhỏ.

Các cuộc khai quật chùa Lạng đã cho chúng ta những tài liệu quan trọng về sự chuyển biến kiến trúc chùa qua các thời kỳ lịch sử khác nhau.

Mặt bằng nền chùa Lạng, khai quật năm 1972

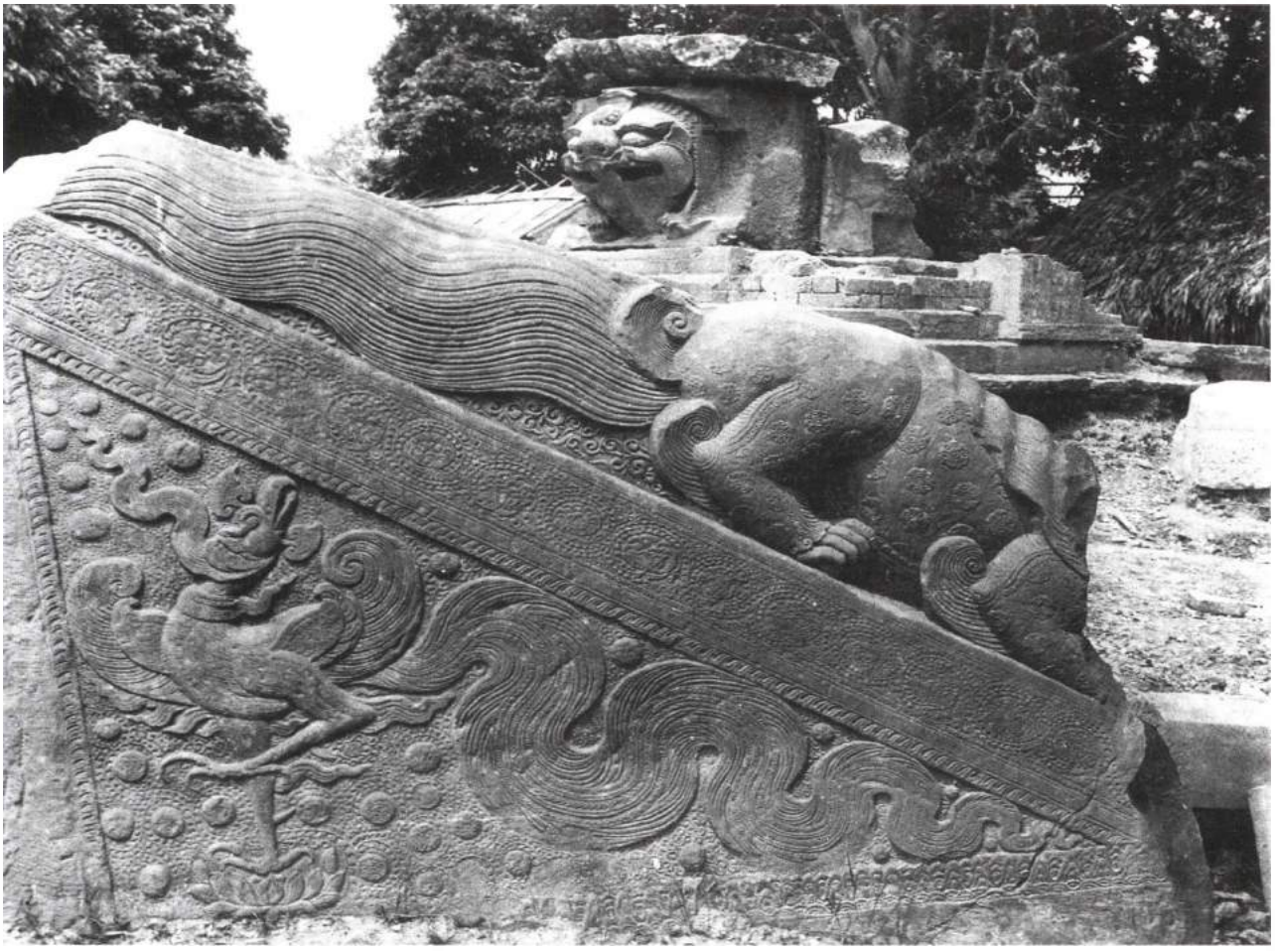

Bệ tượng bằng đá hình sư tử đội tòa sen và tay vịn thành bậc có hình phượng (1972)

Đất nung có hình tháp (1972)

Gạch có hình hoa (1972)

15. CHÙA THẦY

貝庵寺

Thành phố Hà Nội

Chùa ở chân núi Sài Sơn, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây cũ, cách trung tâm Hà Nội khoảng 25km về phía tây nam. Sài Sơn có tên Nôm là núi Thầy, nên chùa cũng được gọi là chùa Thầy. Ít nhất, chùa cũng đã có từ thời Lý. Đây là nơi tu hành của thiền sư Từ Đạo Hạnh, sống trong khoảng đời Lý Nhân Tông (1072-1128). Bấy giờ núi Thầy còn được gọi là núi Phật Tích.

Chùa đã qua nhiều lần trùng tu.

Trước cửa chùa có một hồ nước rộng, có tên là Long Chiểu (Ao Rồng). Giữa hồ có một thủy đình nhỏ vuông vắn, dùng làm nơi diễn rối nước. Hai bên chùa có hai chiếc cầu có mái, do hoàng giáp Phùng Khắc Khoan (1528-1613) xây vào năm 1602. Cầu Nhật Tiên ở bên trái, trông vào đền Tam Phủ xây trên một đảo nhỏ giữa hồ. Bên phải là cầu Nguyệt Tiên, nối với con đường lên núi.

Chùa Thầy gồm ba tòa nhà dài chạy song song với nhau. Tòa nhà ngoài gọi là nhà tiền tế hay chùa Hạ. Tòa giữa là trung điện hay chùa Trung, thờ Phật. Tòa trong cùng là thượng điện, thờ các hóa thân của thiền sư Từ Đạo Hạnh. Gian giữa thượng điện có một bệ đá hình chữ nhật, phần trên chạm những cánh hoa sen, bốn mặt chạm hình rồng và hoa lá, bốn góc có hình thần điểu Garuda. Đó là loại bệ đá thường gặp ở thế kỷ XIV. Ngay trước bệ đá này là tượng Từ Đạo Hạnh khi đã đắc đạo, đội mũ hoa sen, tay chắp trước ngực, khoác áo vàng, đặt trên một bệ tượng bằng đá thời Lý, có hình sư tử đội tòa sen, gần giống với bệ ở chùa Hoàng Kim gần đó. Đây là di vật thời Lý duy nhất còn lại ở chùa Thầy.

Toàn cảnh chùa Thầy (1991)

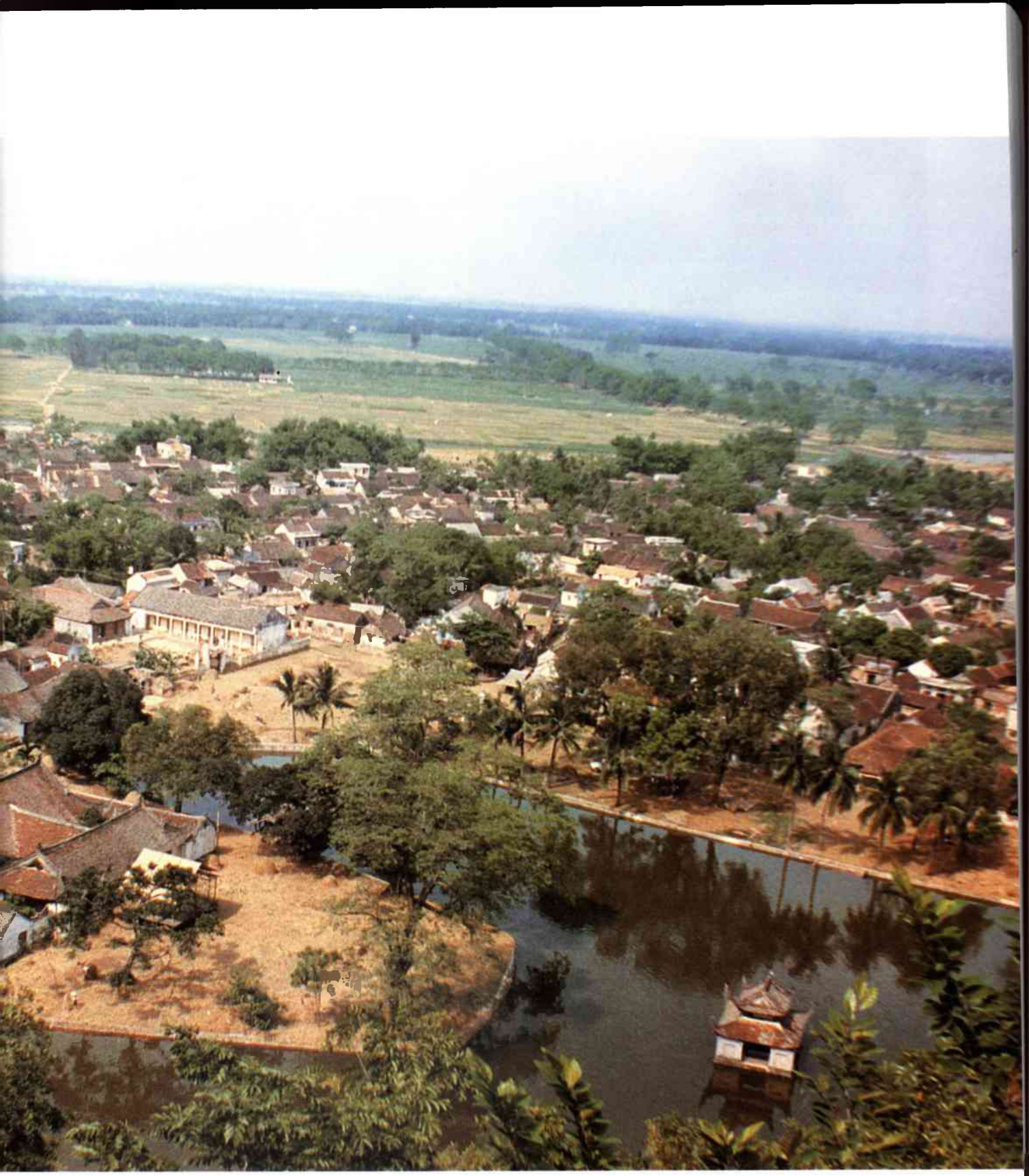

Bên trái là tượng Từ Đạo Hạnh bằng gỗ đặt trong khám. Tượng bằng gỗ, chân tay có chốt khớp, có thể cử động. Tượng đặt trên ngai, sau lưng ngai chạm trổ các hình đầu rồng, lưỡi búa, sừng tê, ngọc báu... và có dòng chữ ghi năm Thiệu Phong thứ 6 đời Trần Dụ Tông (1346). Bên phải là tượng vua Lý Thần Tông, được coi là hậu thân của Từ Đạo Hạnh, khoác long bào, ngồi trên ngai gỗ.

Hai bên chùa có hành lang dài. Phía sau là gác chuông và gác trống.

Qua cầu Nguyệt Tiên, có con đường nhỏ nhiều bậc đá đi lên núi, có bia khắc bài thơ của Trịnh Căn (1682-1709). Trên núi có chùa Cao, tương truyền là nơi thiền sư Đạo Hạnh đến tu đầu tiên. Sau chùa là hang Thánh Hóa, tương truyền là nơi Đạo Hạnh "thoát xác" để đầu thai làm vua Lý Thần Tông. Từ chùa Cao, đi vòng ra phía sau, theo lối mòn ven núi, đến hang Cắc Cớ, nơi xưa kia trai gái thường rủ nhau đến trong ngày hội. Hang rộng, sâu, khá tối. Từ hang Cắc Cớ ngược lên, đến đền Thượng. Cách một đoạn, đến hang Gió, ở đây gió thường xuyên thổi mạnh qua hai cửa hang. Ở chân núi phía tây có chùa Bối Am, còn gọi là chùa Một Mái, chùa có tên như vậy vì chỉ có một mái ngói, mặt sau chùa dựa vào vách núi.

Như vậy, quanh núi Thầy, không phải chỉ có chùa Thầy, thường được gọi là chùa Cả ở chân núi, mà có cả một cụm kiến trúc Phật giáo được xây dựng trong những thời kỳ khác nhau.

Toàn cảnh chùa Thầy (2003)

ật điện (1991)

Chính điện (1991)

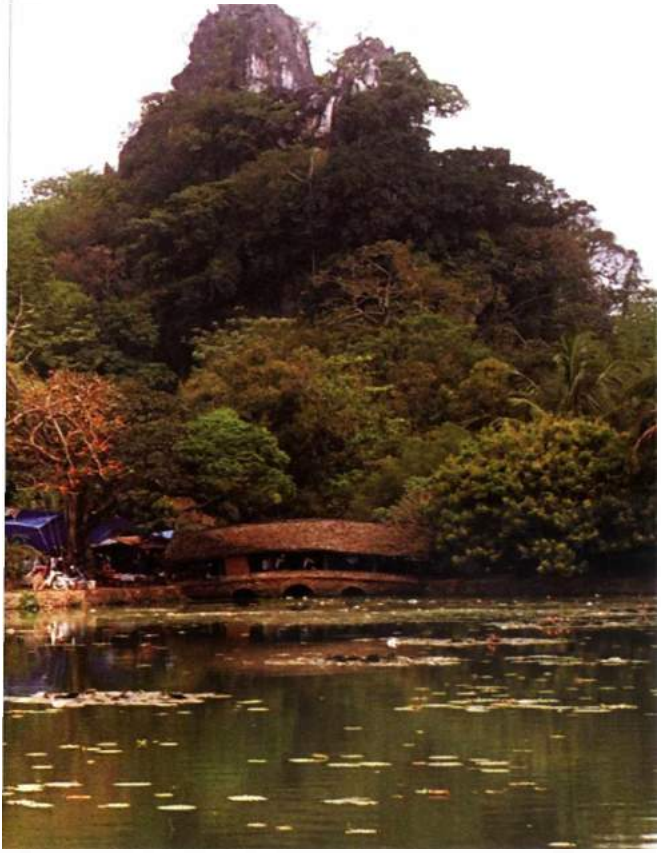

Ban thờ thiền sư Từ Đạo Hạnh (đội mũ đỏ, khăn áo vàng - 1991)

Phỗng (1991)

Tượng La Hán (1991)

Bệ đá thời Trần (1991)

Thú chạm đá hình rồng (1991)

Cầu Nguyệt Tiên (2003)

Tượng Từ Đạo Hạnh (2003)

Ban thờ (2003)

Bức tranh thể hiện cuộc đời và thuyết pháp của Đức Phật (2003)

16. CHÙA LÁNG

昭禅寺

Thành phố Hà Nội

Chùa có tên là Chiêu Thiền tự, nhưng vì chùa ở đất làng Yên Lãng, tên Nôm là Láng, thuộc phường Láng, quận Đống Đa, Hà Nội, nên được gọi là chùa Láng. Tương truyền là chùa được xây dựng từ đời vua Lý Anh Tông (1138-1175).

Chùa thờ Từ Đạo Hạnh (?-1117), một thiền sư nổi tiếng thời Lý, thuộc phái Thiền Vinitaruci. Theo truyền thuyết, nhà sư này đã đầu thai làm con trai nhà quý tộc Sùng Hiền hầu. Vì vua Lý Nhân Tông (1072-1128) không có con, nên con trai của ông Sùng Hiền hầu được nối ngôi, tức vua Lý Thần Tông (1128-1138).

Chùa đã được trùng tu nhiều lần. Dung mạo ngôi chùa ngày nay là kết quả của lần trùng tu khoảng giữa thế kỷ XIX. Cổng chùa là bốn cột vuông, với ba mái cong, không trùm lên cột mà gắn vào sườn cột. Qua cổng, đến một sân lát gạch Bát Tràng, ở giữa có chiếc sập đá, nơi đặt kiệu trong các ngày hội. Cuối sân là cửa tam quan ở dãy tường ngăn. Từ đây có con đường lát gạch dẫn đến cổng lớn thứ ba. Qua cổng này, ở giữa có ngôi nhà bát giác nơi đặt tượng Từ Đạo Hạnh khi làm lễ dâng hoa trong các ngày hội. Qua nhà bát giác này mới đến các kiến trúc chính của chùa: bái đường, nhà thiêu hương, thượng điện, các dãy hành lang, nhà tổ và tăng phòng... Động Thập điện Diêm Vương ở hai dãy hành lang khá đẹp, miêu tả những hình phạt ở các tầng địa ngục.

Ngoài các tượng Phật ở thượng điện, trong hậu cung còn có tượng nhà sư Từ Đạo Hạnh và

Tam quan chùa Láng (1991)

tượng vua Lý Thần Tông, người được coi là hậu thân của ông. Tượng Từ Đạo Hạnh làm bằng mây đan phủ sơn, còn tượng Lý Thần Tông làm bằng gỗ mít.

Vì trùng tu nhiều lần, trong chùa không còn dấu tích các kiến trúc và di vật cổ. Tấm bia cổ nhất còn lại ở đây được dựng năm Thịnh Đức thứ 4 (1656). Văn bia do tiến sĩ Nguyễn Văn Trạc viết.

Hội chùa Láng cử hành vào ngày mồng 7 tháng 3 Âm lịch. Trong ngày hội, kiệu Từ Đạo Hạnh được rước đến chùa Hoa Lăng ở xã Dịch Vọng, nơi thờ bố mẹ ông.

Trẩy hội chùa Láng (2005)

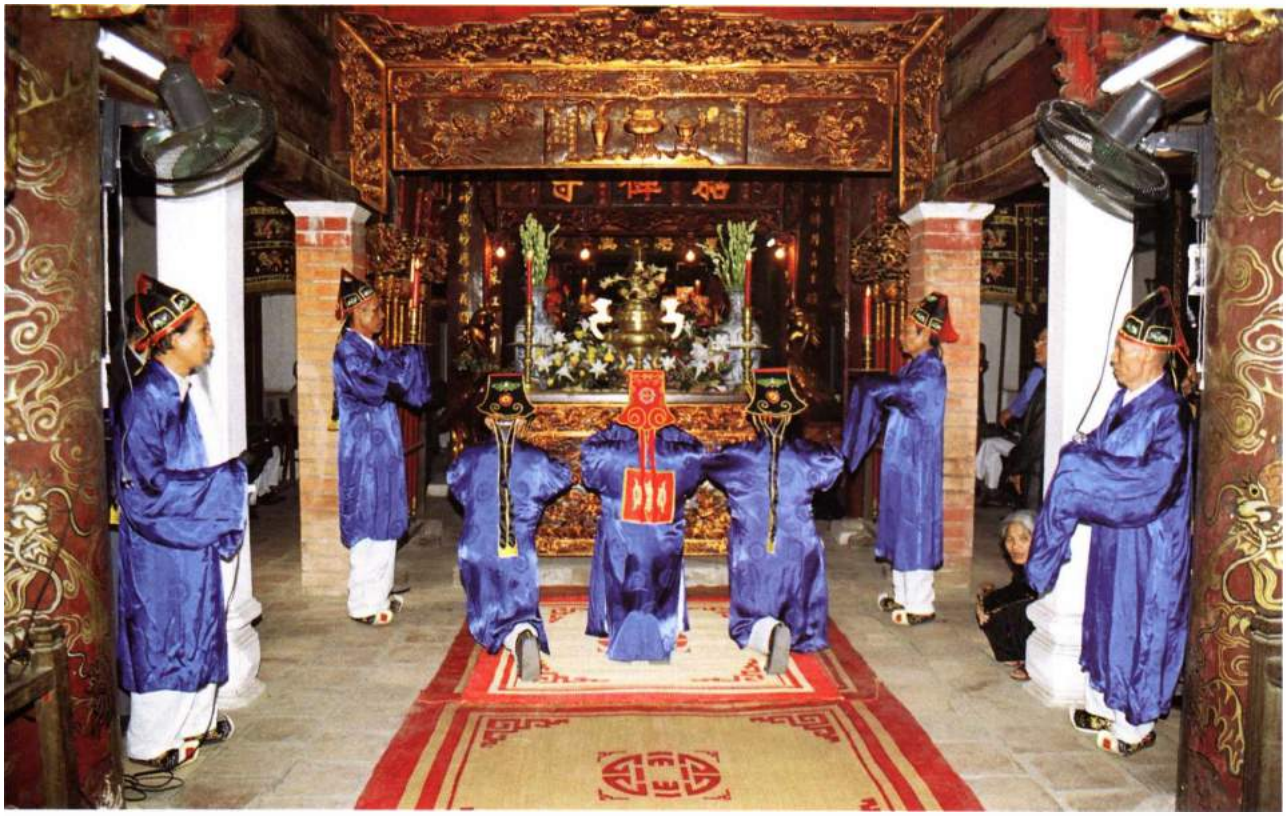

Hành lễ ngày hội (2005)

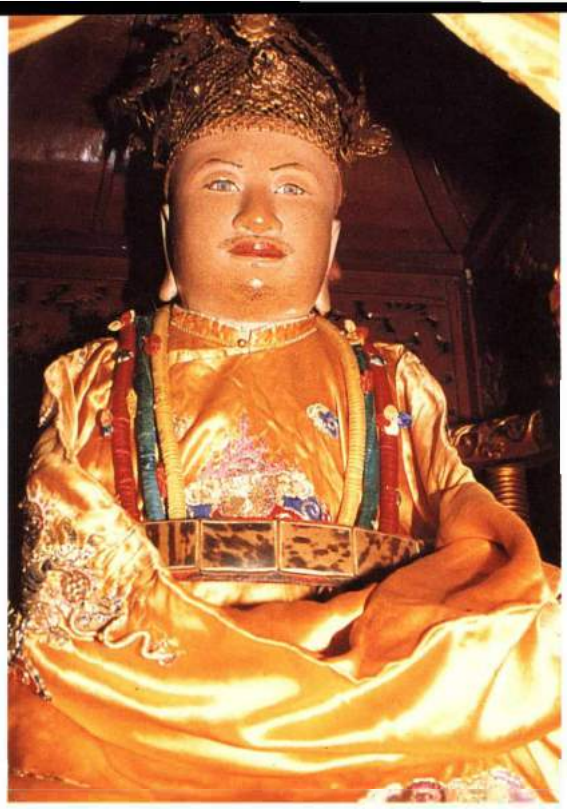

Tượng vua Lý Thần Tông đặt trong hậu cung (1991)

Bàn thờ hậu cung: sau tượng Phật Thích Ca sơ sinh là tượng Từ Đạo Hạnh (1991)

Dàn nhạc ngày hội (2005)

Diễn lại sự tích Từ Đạo Hạnh (1991)

17. CHÙA TƯỜNG LONG

祥龍寺

Thành phố Hải Phòng

Chùa Tường Long tọa lạc trên núi Ngọc Sơn, thị xã Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Chùa được xây dựng vào năm 1990, ngay bên móng của tháp cổ Tường Long.

Tháp Tường Long (còn gọi là tháp Đồ Sơn) nằm ở ngọn núi cao 96,10m trong dãy Cửu Long trông ra biển, trên một mặt bằng khoảng 2000 m2 của đỉnh núi, thuộc địa phận phường Ngọc Xuyên, thị xã Đồ Sơn. Tháp được xây dựng vào thời Lý, trong khoảng năm 1057 - 1058. Sách Việt sử lược ghi: "Mùa thu tháng 9 (năm 1058) vua Lý Thánh Tông ngự ra cửa biển Ba Lộ, nhân đó ngự ra chỗ xây tháp ở Đồ Sơn... năm sau vua cho ban tháp Đồ Sơn tên hiệu là tháp Tường Long"

Qua các cuộc khai quật khảo cổ năm 1978 năm 1998 và năm 2009 đã thu được nhiều viên gạch có in chữ "Lý gia đệ tam đế Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo", là bằng chứng của việc tạo tác tháp Tường Long vào đời trị vì của vua Lý Thành Tông. Ở đây, cũng tìm được nhiều di vật có trang trí hình rồng, đầu tượng Phật có bồ đề mang đặc trưng nghệ thuật thời Lý. Tháp Chùa Tường Long được xây dựng cùng thời với tháp chùa Phật Tích, tỉnh Bắc Ninh, tháp chùa Đọi Sơn, tỉnh Hà Nam và tháp Báo Thiên ở kinh thành Thăng Long (nay là khu vực nhà thờ lớn Hà Nội). Theo sách "Đại Nam nhất thống chí": "Tháp cũ Đồ Sơn cao 100 thước, có 9 tầng". Công trình kiến trúc Phật giáo kỳ vĩ này, uyên nguyên có thể là bộ phận của ngôi chùa Vân Bản nổi tiếng trên bờ biển Đông thời Lý, Trần

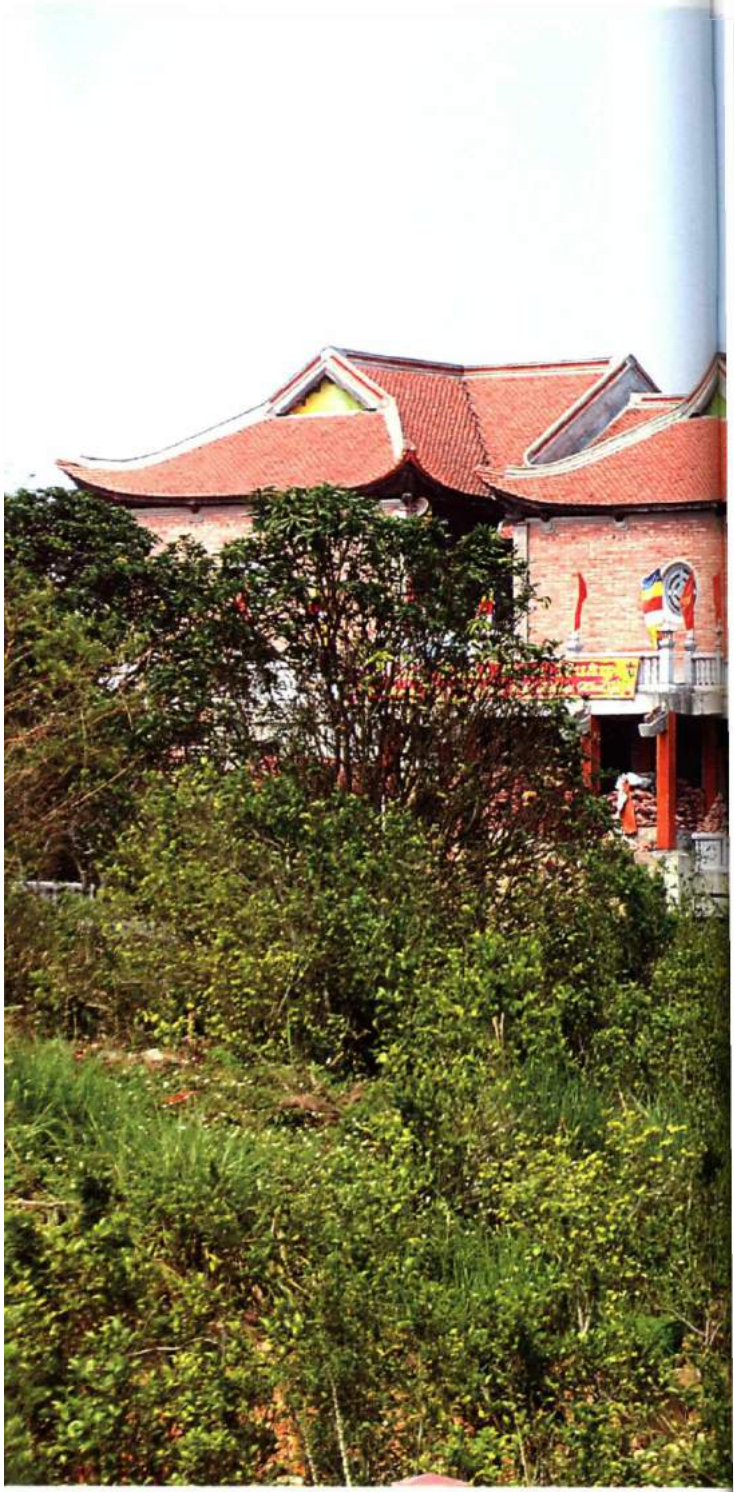

Cảnh quan chùa Tường Long mới (2013)

Mặt trước "Chùa Tường Long xây dựng năm 1990" (2010)

Chính điện "Chùa Tường Long 1990" (2010)

Di tích bệ tượng Phật thời Lý, trang trí hình sóng nước (2010)

Nền tháp cổ Tường Long khai quật năm 1998, (2010)

mà chứng tích chính là quả chuông quý Vân Bản thời Trần được tìm thấy dưới biển Đồ Sơn năm 1958.

Tháp Tường Long bị phá huỷ vào năm 1804, đời Nguyễn Gia Long để lấy gạch xây thành Hải Dương.

Công trình "Chùa Tường Long xây dựng năm 1990" bên phế tích " tháp Tường Long đời Lý Thánh Tông" bây giờ đang khiêm tốn, nhỏ bé, ở cạnh quần thể kiến trúc " Chùa Tường Long mới", khởi công xây dựng trong dịp kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội, do Hòa thượng Thích Quảng Tùng chủ trì, gồm 3 tầng đồ sộ, dựa vào vách núi, vượt lên đỉnh núi, cùng các công trình phụ trợ, chạy dọc hai bên sườn núi, với tượng đài Phật quan âm và phục dựng tháp Tường Long ở cạnh sẽ được hoàn tất vào năm 2014.

Viên gạch xây tháp đề chữ "Lý gia đệ tam đế Long Thụy thái bình tứ niên tạo" (năm 1057, đời vua Lý Thánh Tông) (2010)

Di tích đá tảng chân cột thời Lý, trang trí hình cánh sen (2010)

Mặt trước, tầng trên "Chùa Tường Long mới" đang trong giai đoạn hoàn thiện (3-2013)

Phật điện "Chùa Tường Long mới" (2013)

Thượng điện "Chùa Tường Long mới" (2013)

Phật điện "Chùa Tường Long mới" (2013)

Tượng Tam thế (2013)

Tượng Phật Bà Quan Âm ở vườn chùa (2010)

Tượng A Di Đà (bên trái),
tượng Đại Thế Chí (bên phải) (2013)

Tượng Hộ Pháp (3-2013)

Chuông đồng

18. CHÙA VĨNH KHÁNH

永慶寺

Tỉnh Vĩnh Phúc

Chùa Vĩnh Khánh, còn gọi là chùa Then ở khu phố Then, thị trấn Tam Sơn huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, cách Hà Nội 90km.

Chùa được xây dựng từ thời Lý, song đã bị đổ nát. Ngôi "Vĩnh Khánh tự" đang tồn tại (và xuống cấp nhiều) ở mé sau mặt bằng rộng lớn của chùa Vĩnh Khánh xưa, là kiến trúc Phật giáo thập kỷ 70 của thế kỷ XX. Còn bây giờ - cuối thập kỷ thứ nhất, gối sang đầu thập kỷ thứ 2 của thế kỷ XXI - là quần thể kiến trúc khang trang, hiện đại, của ngôi chùa Vĩnh Khánh mới đang được xây dựng.

Bảo vật của chùa Vĩnh Khánh qua tất cả các thời, là tòa tháp Bình Sơn, thường được gọi là tháp Then. Tháp xây vuông, toàn bằng gạch nung màu đỏ. Hiện tháp chỉ còn 11 tầng (Xưa kia có thể nhiều tầng hơn, vì ở tầng thứ 9 đã tìm thấy được viên gạch có chữ "thập tam tầng", tức "tầng 13". Vì trùng tu nhiều lần vị trí các viên gạch bị lẫn lộn).Cạnh đáy 4,45m, cạnh tầng 11 là 1,15m. Khối trụ tháp rỗng lòng, xây bằng loại gạch vuông 22cm x 22cm hay gạch chữ nhật 45cm x 22cm. Lớp gạch ốp ngoài 46cm x 46cm, dàn thành hàng bọc kín tháp. Loại gạch này có chân gấp cài vào lớp gạch của trụ tháp. Tất cả tháp đều có văn hoa trang trí, như hình rồng, lá đề, hoa dây, sư tử hý cầu... Tháp có lẽ được xây dựng vào cuối thế kỷ XIV.

Công trình kiến trúc tháp Bình Sơn của chùa Vĩnh Khánh hiện nay là kết quả của một đợt trùng tu (tháo dỡ hoàn toàn, rồi lắp ráp dựng lại), hoàn thành vào năm 1974.

Mặt trước chùa (2010)

Chính điện chùa Vĩnh Khánh (2010)

Tháp Bình Sơn (2010)

Hoa văn trang trí quanh tháp Bình Sơn (2010)

Tháp Bình Sơn (2010)

19. CHÙA PHỔ MINH

普明寺

Tỉnh Nam Định

Chùa Phổ Minh, còn gọi là chùa Tháp, cách thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định khoảng 5km về phía bắc. Theo sử biên niên thì chùa Phổ Minh được xây dựng vào năm 1262, ở phía tây cung Trùng Quang của các vua đời Trần. Nhưng theo các minh văn trên bia, trên chuông, thì ngôi chùa này đã có từ thời Lý. Có thể chùa đã được xây dựng lại với quy mô rộng lớn từ năm 1262.

Kiến trúc thời Trần được bảo tồn khá nguyên vẹn ở đây là tháp Phổ Minh. Nhiều viên gạch xây tháp ghi niên hiệu Hưng Long năm thứ 13 (1305). Có lẽ tháp được xây dựng vào khoảng thời gian này. Tháp cao khoảng 17m, gồm 14 tầng. Nền tháp và tầng 1 xây bằng đá, những tầng còn lại phía trên xây bằng gạch. Tầng nào cũng trổ 4 cửa vòm cuốn, giữa các tầng là gờ mái. Tầng 1 đặt trên bệ đá, có hai lớp cánh sen, lớp dưới chúc xuống, lớp trên ngửa lên đỡ lấy đáy tháp hình vuông, mỗi cạnh rộng hơn 5m. Bệ và tầng 1 có những hình chạm nông trên mặt đá như hoa lá, sóng nước, mây cuốn, đặc trưng cho phong cách trang trí thời Trần. Mặt ngoài những viên gạch các tầng trên được trang trí hình rồng.

Trong sân chùa, ngoài ngôi tháp, còn hai nhà bia ở hai bên. Nhà bên phải, có tấm bia dựng năm 1916, nói về tháp Phổ Minh, còn nhà trên trái, có tấm bia năm 1668, nói về ngôi chùa.

Chùa là một cụm kiến trúc gồm tiền đường, nhà thiêu hương và thượng điện. Bộ cánh cửa bằng gỗ lim ở gian giữa nhà tiền đường là di vật còn lại từ thời Trần, phần trên chạm những con rồng, phần dưới chạm hình hoa, sóng nước và hoa văn hình học.

Trong chùa, ngoài các tượng Phật, còn có tượng của ba vị tổ của phái Thiền Trúc Lâm thời Trần là Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang. ở đây còn có tượng Nhân Tông nằm, tức tượng nhập niết bàn (parinirvana), tỏ ý ví Nhân Tông với Phật. Quả chuông trong chùa đúc năm 1796.

Sau thượng điện, cách một sân hẹp, là ngôi nhà dài 11 gian. Ở giữa là 5 gian nhà tổ, bên trái là 3 gian nhà tăng và bên phải là 3 gian điện thờ. Trong nhà tổ có pho tượng nữ bằng đá trắng ngồi trên tòa sen, được gọi là tượng Bà Chúa Mạc. Thời Mạc, có một bà chúa về tu ở chùa này, lúc chết được thờ và tháp mộ của bà hiện còn trong vườn sau chùa, bằng đất nung cao 2,4m.

Hai dãy hành lang nối tiền đường ở phía trước với ngôi nhà 11 gian ở phía sau làm thành một khung vuông bao quanh kiến trúc chùa.

Trẩy hội chùa Phổ Minh (1991)

Tháp chùa Phổ Minh (1991)

Tam quan chùa (2010)

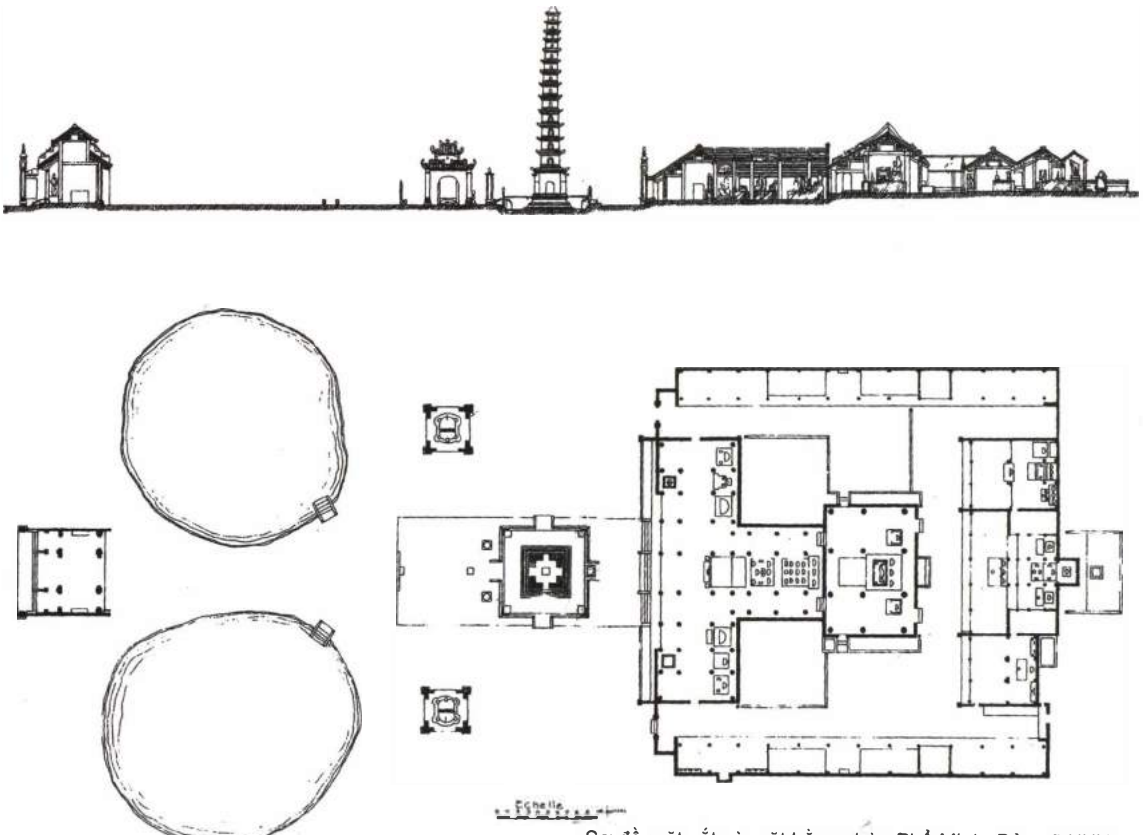

Sơ đồ mặt cắt và mặt bằng chùa Phổ Minh. Bản vẽ XXXI
Theo Louis Bezacier: *Relevés de monuments anciens du Nord Việt Nam. Paris-1959-EFEO*

Mặt trước chùa Phổ Minh (2008)

Bộ cánh cửa chạm gỗ chùa Phổ Minh (1991)

Bia "Phổ Minh thiền tự bi", khắc năm 1668 (2008)

Phật hoàng Trần Nhân Tông "Nhập niết bàn" (2008)

Tượng tổ Huyền Quang - Đệ Tam tổ Trúc Lâm (2008)

Tượng Tổ Pháp Loa - Đệ Nhị Tổ Trúc Lâm (2008)

Chính điện (2008)

Phật điện (2008)

20. CHÙA THÁP Ở YÊN TỬ

Tỉnh Quảng Ninh

Yên Tử là tên một ngọn núi gần thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Núi còn có tên là Bạch Vân Sơn (núi Mây Trắng) vì đỉnh núi cao, thường khuất giữa những đám mây. Sở dĩ núi có tên là Yên Tử, vì theo truyền thuyết, ông tiên Trung Quốc Yên Kỳ Sinh (Ân Qíshèng) đã tu luyện ở đây.

Từ thời Trần, Yên Tử trở nên một trung tâm Phật giáo lớn. Sau khi rời bỏ ngai vàng, vua Trần Nhân Tông trở thành ông tổ thứ nhất của phái Thiền Trúc Lâm, đã lên tu ở núi này. Nhiều chùa tháp đã được dựng lên, trên đường đến Yên Tử cũng như trên núi.

Trước khi đến Yên Tử, phải đi qua núi Cửa Ngăn. Dưới chân núi này có suối Tắm, tương truyền là nơi vua Trần Nhân Tông, trên đường vào Yên Tử, đã dừng lại tắm ở đây. Qua suối Tắm, đến chùa Linh Nham, còn có tên là chùa Cầm Thực. Cái tên này bắt nguồn từ tích Trần Nhân Tông tới đây chỉ uống nước suối trừ cơm. Ngôi chùa hiện tại là một kiến trúc thời Nguyễn, gồm sáu gian, dài 30m. Cạnh chùa có ngọn tháp xây bằng gạch và đá.

Vượt qua mấy dốc núi và những con suối, chúng ta đến chùa Long Động, còn gọi là chùa Lân. Xưa kia đây là một ngôi chùa lớn nhưng nay chỉ là nếp nhà ba gian. Đáng chú ý là quanh chùa có đến 25 ngọn tháp bằng gạch và bằng đá. Xưa nhất và đẹp nhất trong số đó là tháp Tịnh Quang, xây năm 1727, đó là tháp mộ của nhà sư Chân Nguyên nổi tiếng cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII.

Lại phải qua nhiều dốc và suối nữa mới đến chân núi Yên Tử. Con suối ở chân núi gọi là suối Giải Oan, mà tương truyền là nơi làm lễ siêu độ cho những cung nữ của Trần Nhân Tông không chịu trở về, đã trẫm mình ở suối này. Chùa hiện nay là một nếp nhà nhỏ, xây thời Nguyễn. Trước chùa có hai ngọn tháp gạch.

Từ chùa Giải Oan trở đi, đường toàn dốc núi. Đến dốc Voi Quỳ, có núi Hòn Ngọc, trên đỉnh có 8 ngọn tháp mộ, ngọn cổ nhất xây dựng năm Cảnh Hưng thứ 19 (1758).

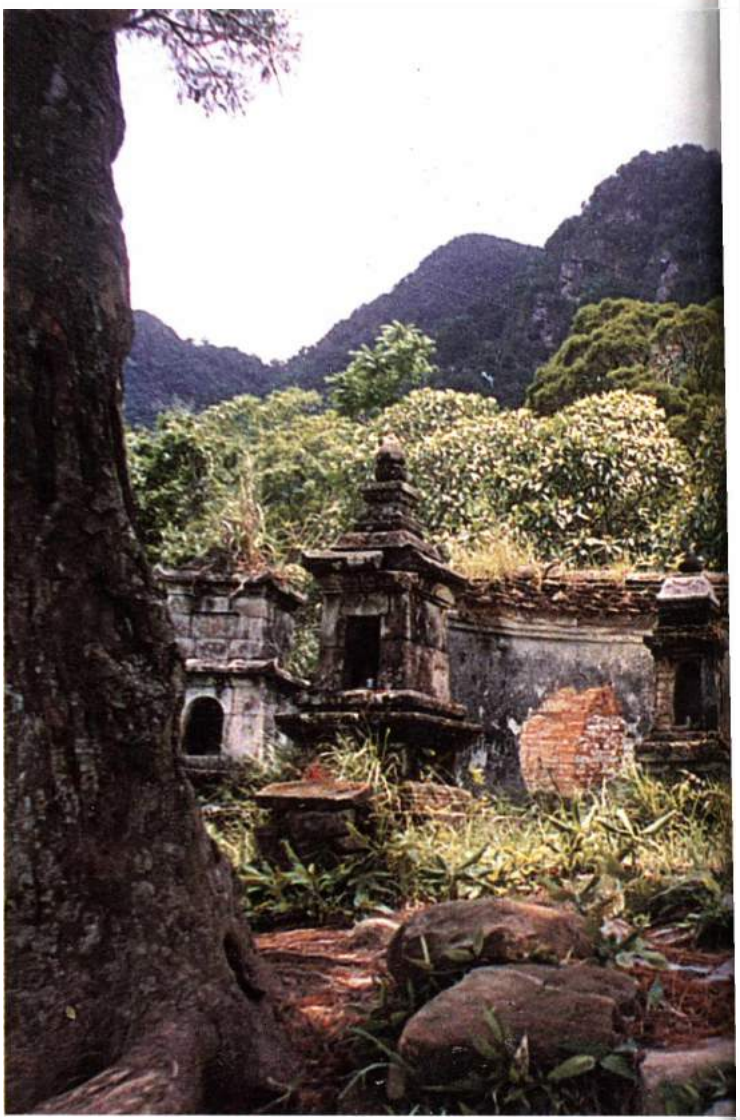

Vườn tháp Huệ Quang (1991)

Qua Hòn Ngọc, tới cụm tháp trung tâm, trong đó có tháp Huệ Quang là tháp của Trần Nhân Tông. Tháp Huệ Quang (hay tháp Tổ) là ngọn tháp đá 6 tầng, cao 10m. Đế tháp hình 6 cạnh, làm bằng 46 phiến đá lớn, ghép với nhau bằng các lỗ cá đổ chì. Mặt ngoài chạm hoa văn sóng nhô cao nhiều lớp. Bên trên là đài sen 102 cánh, đỡ lấy thân tháp hình vuông. Đỉnh tháp là một búp sen. Nhiều người cho rằng chỉ phần đế tháp là có niên đại thời Trần, còn các phần trên là dựng lại thời sau.

Tầng thứ hai mở một cửa hướng nam, trong có pho tượng Trần Nhân Tông khoác áo cà sa trần vai phải, tạc bằng đá trắng, cao 0,65m, đặt trên bệ đá chạm rồng. Cũng có những ý kiến khác nhau về niên đại pho tượng này. Có người

Đường tùng Yên Tử trên 700 năm tuổi (1991)

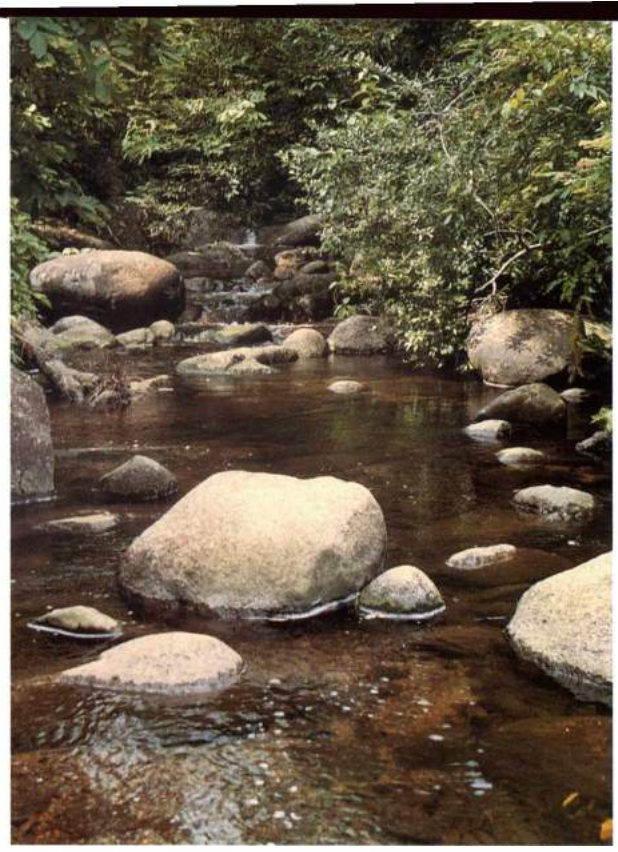

Suối Giải Oan (1991)

cho là tượng làm thời Trần, nhưng cũng có người cho tượng có niên đại thế kỷ XV.

Quanh tháp là bờ tường gạch vây bốn mặt, làm thành hình vuông, mỗi chiều gần 13m, cao trên 2m, bờ tường lợp ngói mũi hài thời Trần. Mặt bắc và nam của tường đều có cửa vòm cuốn. Tháp Tổ và vòng tường bao quanh được gọi là lăng Quy Đức.

Từ chân tháp đến cửa bắc, có một con đường lát 84 viên gạch vuông in nổi hình hoa cúc giữa các vòng tròn, đặc trưng cho gạch thời Trần. Quanh lăng Quy Đức còn có 44 ngọn tháp.

Từ tháp Tổ, theo con đường dốc có các bậc ghép đá dẫn đến chùa Hoa Yên, dựng trên một sân phẳng cao hơn nền tháp khoảng 8m. Chùa vốn có tên là Vân Yên (Mây Khói), đến thời Lê mới đổi tên là Hoa Yên. Trước kia chùa này có quy mô lớn nhất và đẹp nhất trong các chùa ở Yên Tử, nên còn được gọi là chùa Cả. Hai bên chùa còn có gác chuông, gác trống, nhà dưỡng tăng, nhà khách,... Chùa ngày nay , được xây dựng lại toàn bộ vào năm 2002. Gồm: tòa tam bảo, lầu trống, lầu chiêng, nhà thờ Tam Tổ vv.... Tất cả các pho tượng phật trong chùa đều bằng đồng.

Từ chùa Hoa Yên men theo tay phải, ta đến am Ngọa Vân và cạnh đó là chùa Một Mái chênh vênh trên lưng núi, có tên là Bán Thiên tự. Cạnh chùa còn hai tháp gạch. Nếu từ chùa Hoa Yên rẽ sang trái, theo sườn núi, sẽ tới am Thiền Định, tương truyền là nơi Nhân Tông thường đến tọa thiền. Am đã bị cháy nhiều lần, nay chỉ còn bốn bức tường. Cạnh đó có suối Long Khê đổ nước từ cao xuống, còn có tên là núi Ngự Dội, chỉ nơi Nhân Tông thường đến tắm. Phía sau chùa Hoa Yên là chùa Phổ Đà, cũng đã đổ nát, chỉ còn 6 ngọn tháp, trong đó có tháp Độ Nhân xây bằng gạch tráng men xanh.

Trước mặt am Ngọc Vân là Dược Am (Am thuốc) nay chỉ còn phế tích và 2 ngọn tháp. Gần

Bàn thờ các cung nữ ở chùa Giải Oan (1991)

Chùa Giải Oan, trùng tu năm 1997 (2007)

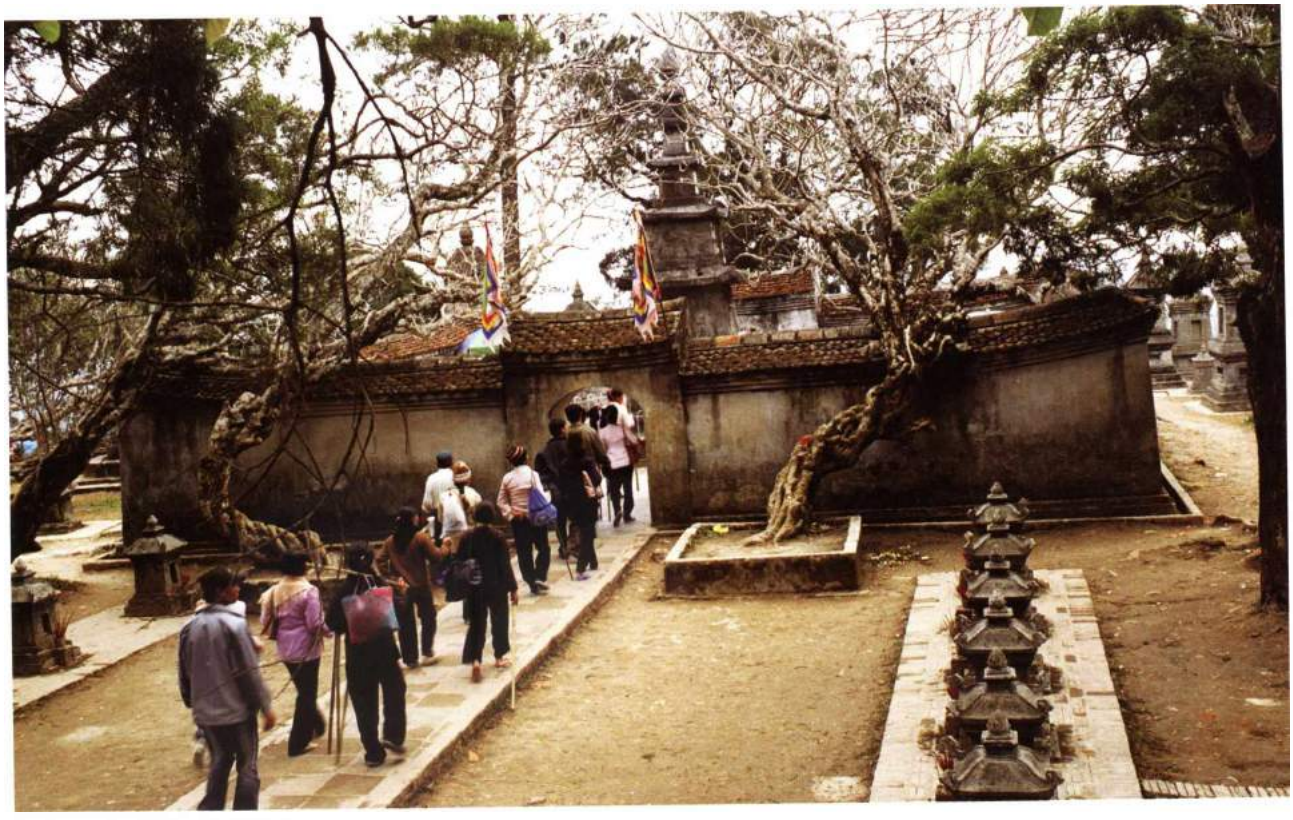

Đường vào tháp Tổ (2004)

đó là Hoa Am, chỉ còn ngọn tháp đã đổ sập. Đi tiếp con đường mòn lên cao, ta đến chùa Bảo Sái. Chùa hiện nay có 5 gian, bên cạnh có 3 ngọn tháp. Sau chùa có am nhỏ bằng đá, có tên là Ngộ Ngữ viện.

Cạnh chùa Bảo Sái khoảng 200m về phía tây và cùng độ cao là chùa Vân Tiêu, nay chỉ còn lại nền chùa và mấy tấm bia. Trước chùa Vân Tiêu có vườn tháp với 6 tháp, trong đó có một ngôi tháp bát giác, 9 tầng, cao 7m, xây trên bệ hình con rùa. Đây là một ngôi tháp độc đáo thời Nguyễn. Vườn tháp này được gọi là Vọng Tiên cung.

Từ Vân Tiêu trở lên, đường dốc ngược, đi qua những nơi được gọi là Chợ Trời, Cổng Trời. Cổng Trời là nơi con đường luồn qua giữa hai vách đá. Qua Cổng Trời, ta thấy đột ngột hiện lên trong màn sương hình một khối đá cao giống hình người, được coi là tượng Yên Kỳ Sinh.

Đỉnh cao nhất của núi Yên Tử là một sàn đá khổng lồ, ở độ cao 1068m, trên đó là ngôi chùa Đồng, có tên là Thiên Trúc tự. Xưa kia một bà chúa họ Trịnh cho làm ngôi chùa bằng đồng, nền dài 1,4m, rộng 1,1m, cao 1,35m. Trong chùa có chuông, tượng và các đồ thờ bằng đồng. Đến thế kỷ XVIII, cả chùa lẫn tượng đều bị mất. Chùa được dựng lại thời Nguyễn, bằng kích thước cũ, nhưng với khung sắt, mái đồng. Năm 2006, Giáo hội Phật giáo, các cấp, các ngành của tỉnh Quảng Ninh, cùng Phật tử thập phương và đại đức Thích Thanh Quyết, trụ trì chùa, xây dựng lại ngôi chùa bằng đồng nguyên chất, nặng trên 70 tấn, chiều dài 4,6m, chiều rộng 3,6m, chiều cao 3,35m. Trong chùa có tượng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Tam Tổ Trúc Lâm.

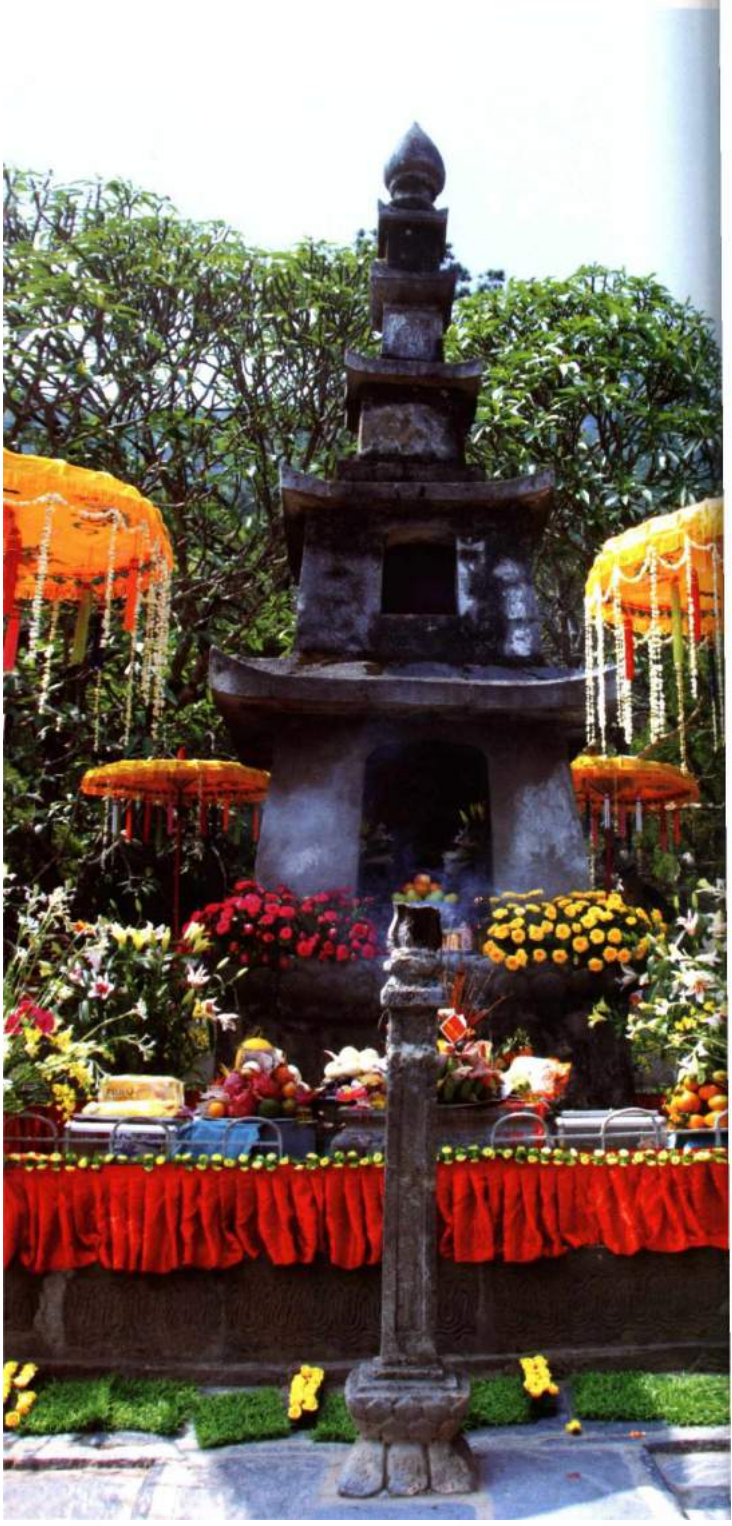

Tháp Huệ Quang - tháp Tổ Trần Nhân Tông (2008)

Tượng Đức Vua - Phật Hoàng Trần Nhân Tông đặt trong tháp Huệ Quang (1991)

Chùa Hoa Yên, trùng tu năm 2002 (2008)

Chính điện chùa Hoa Yên (2008)

Bia Trúc Lâm Tam Tổ
ở chùa Hoa Yên (2008)

Bia chùa Hoa Yên, dựng năm
Vĩnh Trị thứ ba (1678)

Tượng Trúc Lâm Tam Tổ ở chùa Hoa Yên (1991)

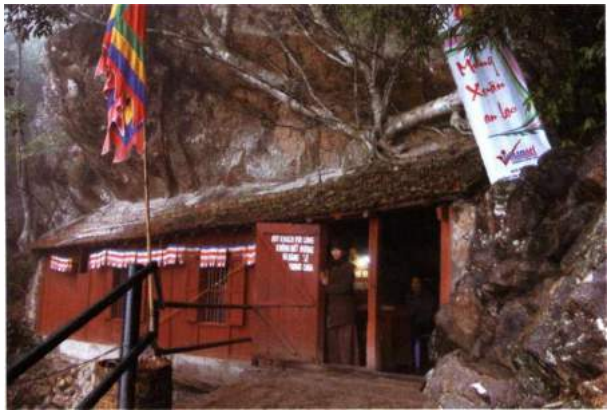

Chùa Một Mái (2004)

Bàn thờ trong chùa Một Mái (2004)

ợng Yên Kỳ Sinh (1991)

Bia Phật (1991)

Cây đại cổ thụ trên 700 năm tuổi

Tháp Vọng Tiên Cung (1991)

Chùa Đồng (1991)

Lên chùa Đồng (2008)

Chùa Đồng (2008)

Đại lễ tưởng niệm 700 năm ngày Đức Vua - Phật Hoàng Trần Nhân Tông nhập niết bàn đã được giáo hội Phật Giáo Việt Nam chủ trì tổ chức trọng thể tại non thiêng Yên Tử, ngày 27-11-2008 (ngày 01-11 Mậu Tý). Hơn 40.000 tăng ni, Phật tử trong cả nước và một số đoàn Phật giáo nước ngoài đã tới dự.

Lễ cầu Quốc Thái Dân An

21. CHÙA LÂN - THIỀN VIỆN TRÚC LÂM YÊN TỬ

安子竹林禪院

Tỉnh Quảng Ninh

Chùa Lân - Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử tọa lạc ở vị trí ngôi chùa Lân xưa, ở dưới chân núi Yên Tử, thuộc xã Thượng Yên Công, thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Công trình được khởi công xây dựng ngày 15-8-2002 và khánh thành ngày 14-12-2002. Đây là bộ phận của khu di tích Non thiêng Yên Tử, nơi xưa kia vị hoàng đế, anh hùng dân tộc, Phật Hoàng Trần Nhân Tông (1258 - 1308) tu hành, giảng đạo, khai sáng thiền phái Trúc Lâm.

Công trình chùa Lân - Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử đồ sộ và hiện đại vừa làm thăng hoa các giá trị của khu di tích lịch sử-văn hóa Yên Tử vừa nhằm bảo tồn, nghiên cứu Phật hoc, đồng thời tạo điều kiện cho các tăng ni phật tử Thiền phái Trúc Lâm đến học đạo và tu thiền.

Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử (2008)

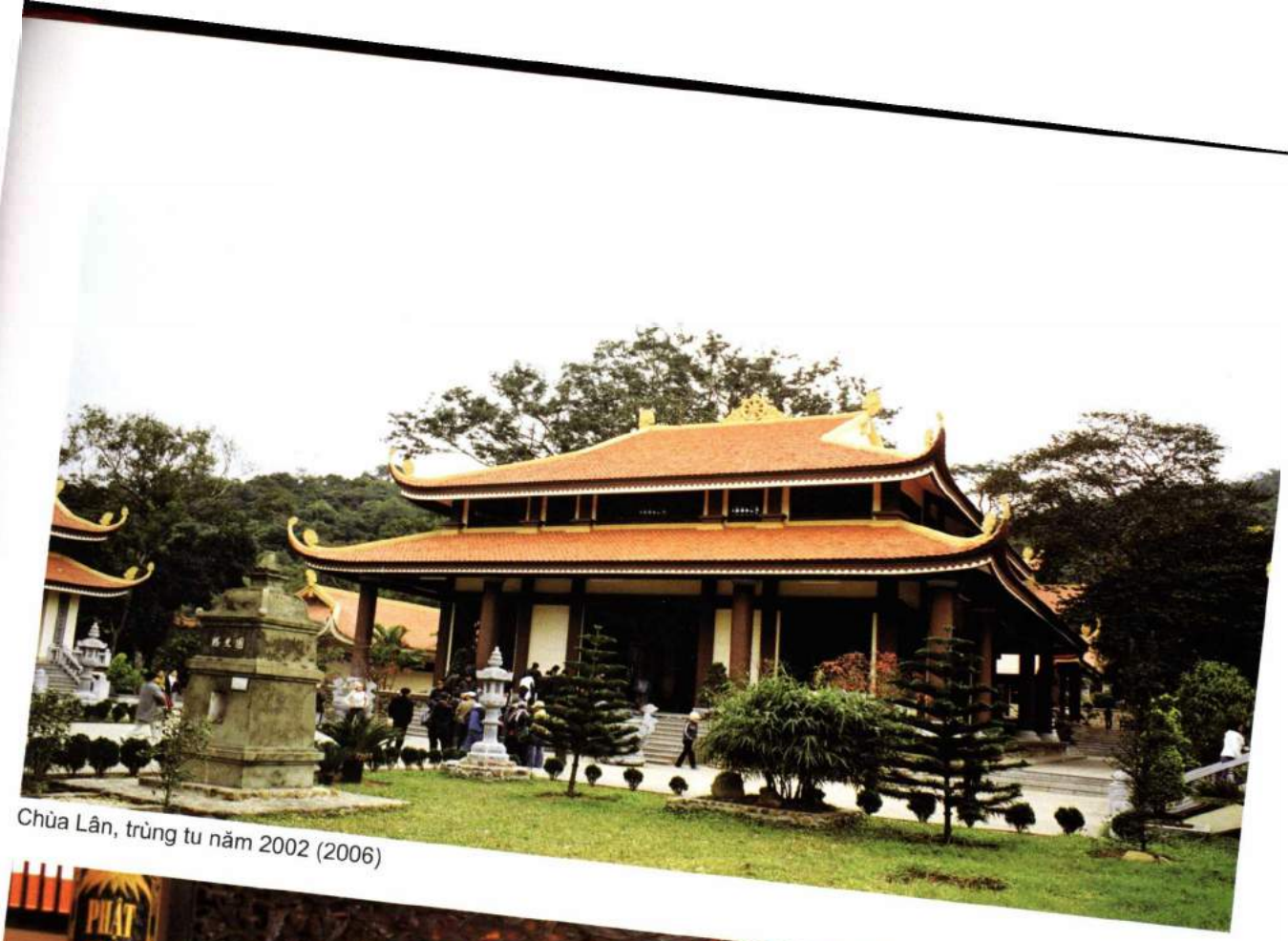

Chùa Lân, trùng tu năm 2002 (2006)

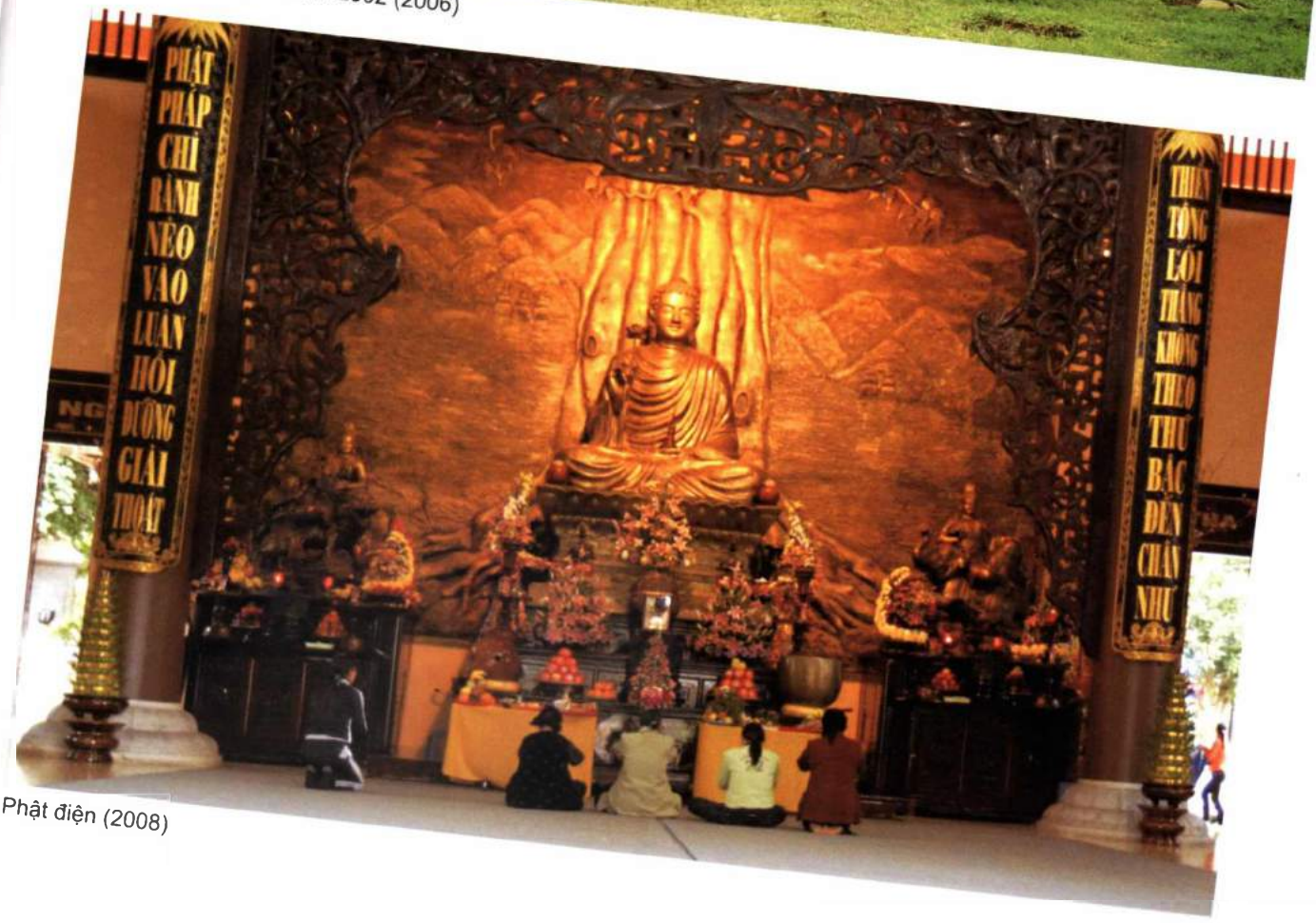

Phật điện (2008)

22. CHÙA QUỲNH LÂM

瓊林寺

Tỉnh Quảng Ninh

Chùa nằm trên một quả đồi thấp, trong vòng cung núi Đông Triều, ở thôn An Sinh, xã Tràng An, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Chùa xây từ thời Lý (1010 - 1225). Cùng với Côn Sơn, Yên Tử, chùa Quỳnh Lâm hợp thành ba trung tâm Phật giáo của nước Việt thời Lý - Trần.

Đặc biệt là từ năm 1316, khi Trúc Lâm Đệ Nhị Tổ Pháp Loa lập "Viện Quỳnh Lâm" để truyền kinh giảng đạo, đào tạo tăng ni và tiếp theo là Văn Huệ Vương Trần Quang Triều lập "Bích Động Thư Xã" thì chùa trở thành trung tâm văn hóa thời Trần. Từ đó đến nay, tuy trải qua nhiều biến động và nhiều lần trùng tu, nhưng chùa Quỳnh Lâm vẫn luôn là một danh lam cổ tự rất được trọng vọng ở miền Đông Bắc đất nước.

Chùa thờ Phật, thờ Khổng Minh Không, một vị cao tăng thời Lý, ông tổ nghề đúc nước ta, người được truyền thuyết ghi nhận là đã cho đúc pho "Tượng Quỳnh Lâm" khổng lồ, một trong Tứ đại khí của nước Nam. Chùa còn thờ 3 vị Trúc Lâm Tam Tổ: Trần Nhân Tông, sư Pháp Loa và sư Huyền Quang.

Chùa còn giữ được một tấm bia thời Lý dựng trước cửa chùa, cao 2,43m, rộng 1,54m, khắc chữ hai mặt và một số di vật bằng đá, đất nung có tuổi lâu đời. Trước sân chùa có nhiều tháp cổ, trong đó có tháp Tuệ Quang là tháp mộ thiền sư Châu Nguyên dựng năm 1726. Ngoài ra, trong chùa còn lại nhiều đá tảng kê chân cột

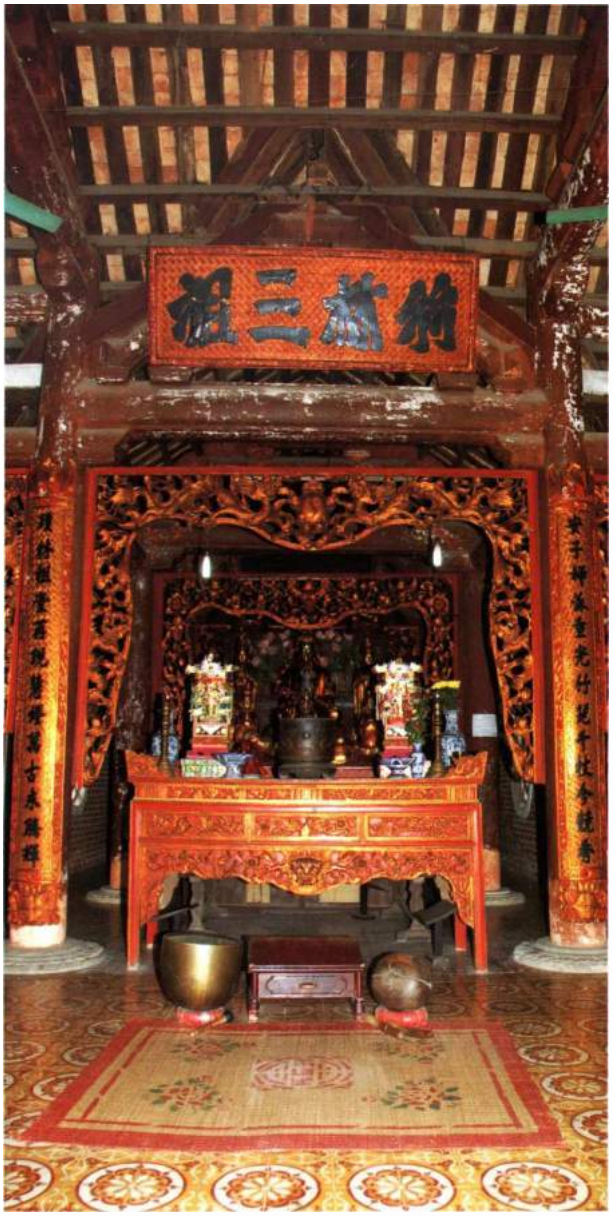

Chính điện (2008)

to, có tảng đường kính lên tới 1,28m, chạm hình cánh sen, theo phong cách thời Lý.

Lễ Hội chùa Quỳnh Lâm diễn ra từ ngày mồng 1 đến ngày mồng 4 tháng 2 Âm lịch.

Phật điện (2008)

Toàn cảnh chùa Quỳnh Lâm (2008)

Ban thờ Trúc Lâm Tam Tổ: Tượng Tổ Trần Nhân Tông (giữa), sư Huyền Quang (trái), sư Pháp Loa (phải) - (2008)

Thềm rồng đá thời Chúa Trịnh Giang 2008)

Chân cột đá (2008)

Khánh đá (2008)

Tượng hậu bà Từ Huệ (2008)

Mặt trước chùa (2008)

Chuông đồng (2008)

Bia Đá thời Lý (2008)

Tháp chuông chùa Quỳnh Lâm (2008)

23. CHÙA VĨNH NGHIÊM

永嚴寺

Tỉnh Bắc Giang

Chùa xưa xây ở làng Đức La, nên còn được gọi theo tên làng là chùa Đức La. Nay thuộc xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Chùa tọa lạc đắc địa "Rồng chầu hổ phục": ở trên một quả đồi thấp giữa đôi bờ sông Lục Nam và Sông Thương, trước mặt là ngã ba Thượng Nhãn, nơi gặp gỡ của hai dòng sông này, sau lưng là dãy núi Cô Tiên. Chùa khởi dựng từ đời Lý. Đến đầu đời Trần, thành nơi dừng chân cho khách hành hương từ Kinh Bắc, trước khi vượt đường núi, lên Yên Tử.

Khi Pháp Loa tôn giả Đồng Kiên Cương (Trúc Lâm đệ nhị Tổ) đến trụ trì (năm1313), chùa Vĩnh Nghiêm là một trung tâm Phật giáo có danh tiếng của Thiền phái Trúc Lâm. Tiếp theo Danh sĩ Lý Đạo Tái từng đỗ đầu khoa thi Tam giáo (1289), đang làm quan tại triều, hầu vua Trần Nhân Tông (Trúc Lâm đệ nhất Tổ) đến chùa Vĩnh Nghiêm nghe Pháp Loa giảng kinh - đã dâng biểu xin xuất gia (trở thành Huyền Quang tôn giả; Trúc Lâm đệ tam Tổ), rồi cũng trụ trì chùa này. Vậy là chứng tích và dấu tích của cả một thời Trúc Lâm tam Tổ thành đạo, hoằng Pháp hợp với các chùa Yên Tử và Quỳnh Lâm, thành một hệ thống chùa của miền đông bắc đất nước ta thời Trần:

Ai qua Yên Tử, Quỳnh Lâm

Vĩnh Nghiêm chưa tới, Thiền tâm chưa đành

(Ca dao cổ)

Trong khoảng niên hiệu Diên Ninh (1454 - 1459) rồi niên hiệu Quang Hưng (1578 - 1599) niên hiệu Hoằng Định thứ 7 (1606) đều có nhiều lần tu sửa chùa rất lớn. Đến đầu thời Nguyễn, (thế kỷ XIX) lại một lần đại trùng tu nữa để thành diện mạo như ngày nay.

Họa tiết trang trí nóc chùa (2008)

Vĩnh Nghiêm ngày nay là cả một khu kiến trúc "trùng thiềm điệp ốc", rộng chừng 1 hécta (10.000m^2) có bố cục chạy dài trên một trục dọc, theo hướng tây bắc - đông nam gồm 4 khối: Khối 1 – Chùa Phật (các nhà tiền đường tức chùa hộ, thiêu hương và thượng điện) liên kết với nhau trong một khối kiến trúc hình chữ "Công" (工); Khối 2 – Nhà tổ đệ nhất cũng hình chữ "Công" (工); Khối 3 – Gác chuông hai tầng tám mái; Khối 4 – Nhà tổ đệ nhị và nhà trai kiểu chuôi vồ.

Chùa Vĩnh Nghiêm còn bảo lưu được nhiều hiện vật qúy: Hệ thống tượng Phật hoàn chỉnh với nhiều tượng Phật, La Hán, Hộ Pháp, Thiên Vương, cảnh Thập điện Diêm Vương; Trong nhà Tổ đệ nhất có tượng Tam Tổ Trúc Lâm: Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang; Những tấm bia đá đời Trần (dựng năm 1394), thời Lê (dựng năm 1606)... đặc biệt là có rất nhiều Mộc bản kinh Phật, tổng cộng có tới 3050 Mộc bản. Năm 2012, Mộc bản kinh Phật chùa Vĩnh Nghiêm đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa thế giới.

Mặt trước chùa (2008)

Bia sáu cạnh (2008)

Chính điện (2008)

Chuông đồng (2008)

Hệ thống mái chùa (2008)

Tượng Quan Thế Âm (2008)

Vườn tháp (2008)

Tượng Trúc Lâm Tam Tổ (2008)

Tủ Mộc bản kinh Phật Chùa Vĩnh Nghiêm (2008)

24. CHÙA BỐI KHÊ

大悲寺

Thành phố Hà Nội

Chùa ở xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây cũ. Chùa có tên là Đại Bi tự, nhưng ở trên đất làng Bối Khê, nên người ta quen gọi là chùa Bối Khê.

Chùa được xây dựng khoảng năm 1338 thời Trần. Từ đó, chùa được trùng tu và xây dựng thêm vào những năm 1453, 1573, 1628, 1694, 1701, 1766, 1783 và 1923.

Sau cổng chùa, có một nhịp cầu nhỏ vắt qua con ngòi, dấu tích của dòng sông Đỗ Động xưa kia. Qua cầu, đến gác chuông là một ngôi nhà ba gian, hai tầng tám mái.

Chùa có phần trước thờ Phật, phần sau thờ Thánh. Hai bên có hai dãy hành lang dài, bày các tượng La Hán, bao quanh nhà thiêu hương và thượng điện.

Tòa thượng điện dựng trên nền cao, có lẽ là kiến trúc gỗ duy nhất còn lại từ thời Trần, cột lớn và thấp, bộ vì kèo nhà có cốn hình "Lá đề".

Đầu các bẩy chạm hình rồng kiểu thời Trần, và ở một số đầu đao, ngoài hình rồng, còn có cả hình chim thần Garuda.

Di vật thời Trần còn lại trong chùa là bệ đá hình chữ nhật, tầng trên chạm đài sen, thân bệ chạm hình rồng, thú, hoa lá, bốn góc có bốn hình Garuda. Những dòng chữ Hán trên bệ cho biết bệ được làm năm 1382.

Trong điện Phật, đáng chú ý là tượng Quan Âm tạc vào thế kỷ XVI.

Phần sau chùa thờ đức Thánh Bối, mà sự tích được kể trong tấm bia trước chùa, văn bia soạn năm 1453, được khắc lại năm 1895. Đức Thánh Bối, có tên là Nguyễn Bình An, được coi là một người thời Trần, đắc đạo, có phép thần thông. Vị thánh này cũng được thờ ở chùa Trăm Gian.

Chùa Bối Khê mở hội vào ngày 13 tháng giêng Âm lịch, có những trò vui như đánh cờ người, bịt mắt bắt dê hay bắt vịt, hát chèo, đốt pháo bông...

Tòa thượng điện (1991)

Tam quan chùa Bối Khê (1991)

Phật điện (1991)

Gạch nung có hình rồng thời Mạc (1991)

Tòa thượng điện (1991)

Hình đầu rồng thời Trần chạm trên gỗ ở góc mái (1991)

Bệ đá thời Trần (1991)

Bia đá (1991)

25. CHÙA BÀ ĐÁ

靈光寺

Thành phố Hà Nội

Chùa có tên chữ là Linh Quang Tự, tọa lạc ở số 3 phố Nhà Thờ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Nơi này,trước thuộc thôn Tiên Thị, lại gọi là thôn Tự Tháp hay Hương Nghĩa, phường Báo Thiên, tổng Tiên Túc, huyện Thọ Xương, phủ Phụng Thiên, kinh đô Thăng Long.

Có giả thiết rằng, chùa Bà Đá là bộ phận của chùa Sùng Khánh Báo Thiên, cho nên niên đại khởi dựng của chùa Bà Đá cũng là niên đại của chùa Sùng Khánh Báo Thiên: Long Thụy Thái Bình năm thứ 4 đời Lý Thánh Tông (1057).

Tục truyền: đến đời vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497) dân làng Báo Thiên khi đào móng xây lại chùa bỗng thấy một pho tượng bằng đá hình dáng phụ nữ. Cho rằng đây là tượng nữ thần, người đương thời mới xây đền thờ, gọi là đền Bà Đá. Sau đó, đã xây chùa đón nhà sư về thờ cúng Phật.

Chùa được sửa chữa nhiều lần. Hiện không có tam quan, lối vào là một ngõ hẹp. Tiền đường xây theo kiểu chữ "nhất" (—). Trong chùa có nhiều tượng gỗ sơn son, thếp vàng. Các tượng đều có kích thước lớn so với chùa.

Chùa Bà Đá nguyên là tổ đình của Thiền phái Lâm Tề.

Cách mạng Tháng Tám thành công, chùa được vinh dự đón tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm, và dự lễ cầu siêu cho các chiến sĩ đã hy sinh vì Tổ quốc.

Hiện nay, chùa là trụ sở Thành hội Phật giáo Hà Nội.

Cổng chùa (2010)

Người xưa đã để lại bốn câu thơ:

"*Chùa Linh Quang giữa Thăng Long*
Đạo Mẫu ẩn hiện sắc không diệu huyền
Nền xưa ghi dấu báo tiên
Hồ Gươm rực rỡ cảnh chiền nguy nga".

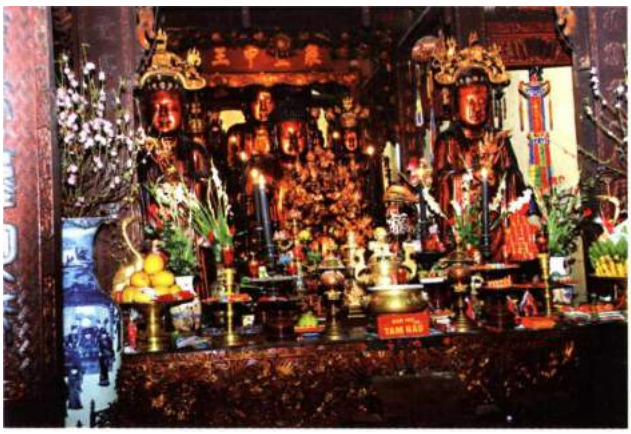

Ban thờ Tam bảo (2010)

Mặt trước chùa (2010)

Tượng Quan Thế Âm - Đại Thế Chí

Tòa Cửu long (2010)

Ban thờ tổ (2010)

Tượng Phật Niêm Hoa (2010)

26. CHÙA THÁI LẠC

法雲寺

Tỉnh Hưng Yên

Chùa ở thôn Thái Lạc, xã Lạc Hồng, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên. Chùa vốn có tên là Pháp Vân tự, vì ở đây thờ nữ thần Pháp Vân, một vị thần trong hệ thống Tứ Pháp Việt Nam, như ở chùa Dâu, tỉnh Bắc Ninh.

Chùa làm theo kiểu "nội công ngoại quốc". Bên trong là tiền đường, nhà thiêu hương và thượng điện, nối với nhau theo hình chữ công (工). Bao quanh các kiến trúc trên là hai dãy hành lang hai bên và hậu đường ở phía sau.

Cổng tam quan nay không còn nữa. Chùa được khởi dựng từ thời Trần, khoảng đầu thế kỷ XIV. Khoảng thế kỷ XVI, XVII, chùa được xây dựng lại. Trên cột cái ở thượng điện, còn ghi niên đại trùng tu năm Chính Hòa thứ 10 (1691). Trên bàn thờ ở thượng điện hiện nay bày cả bốn tượng các nữ thần Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện (ba tượng sau được mang tới từ các chùa trong vùng). Tất cả đều được phủ sơn màu cánh dán sẫm bóng. Các tượng này có thể được tạc trong khoảng các thế kỷ XVII, XVIII.

Đến thời Nguyễn, chùa lại được làm mới tòa tiền đường, nhà thiêu hương và hậu đường.

Nhìn chung, Thái Lạc là một ngôi chùa làng nhỏ bé, khiêm tốn. Nhưng nó đã trở nên nổi tiếng vì ở đây còn giữ được nhiều vết tích kiến trúc và điêu khắc thời Trần.

Tòa thượng điện gần hình vuông, có hai vì kèo với bốn hàng chân cột được liên kết với nhau bằng câu đầu, giá chiêng và hệ thống cột trốn,... dù đã được trùng tu, vẫn giữ được truyền thống kiến trúc Trần, gần gũi với thượng điện thời Trần của các nhà chùa khác như Dâu (Bắc Ninh), Bối Khê (Hà Nội).

Đặc biệt là ở chùa Thái Lạc, còn giữ được hàng chục bức phù điêu gỗ thời Trần với các đề tài khác nhau. Trên đó, chúng ta gặp các nữ nhạc công xiêm y chùng rộng, tóc uốn bồng cao, đang ngồi bồng bềnh giữa các đám mây hay trên lưng chim phượng, biểu diễn các nhạc cụ như đàn, nhị, tiêu, sáo... Các nữ thần mình chim, nửa mình trên là nhạc công, nửa mình dưới hình chim phượng, đang bay múa dâng hoa. Còn có các phù điêu chạm rồng, phượng, hoa sen, hoa cúc... Ngoài ra, ở các cột trốn, còn chạm hình những em bé, biểu tượng của hạnh phúc và ấm no, quỳ gối đỡ tòa sen.

Có thể nói chùa Thái Lạc là một bảo tàng chứa đựng nhiều tác phẩm điêu khắc gỗ thời Trần, trong đó có những tiêu bản là duy nhất ở Việt Nam.

Nhạc công, chạm gỗ (1991)

Chùa Thái Lạc (1991)

Các tiên nữ đầu người mình chim, chạm gỗ (1991)

Tháp và bia đá chùa Thái Lạc (1991)

Ván gỗ in sách (1991)

Tượng Phật Thích Ca sơ sinh và bốn vị nữ thần: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện (1991)

Bàn thờ Mẫu chùa Thái Lạc (1991)

Nhà sư và các Phật tử (1991)

Hai tiên nữ đầu người mình chim dâng lễ trên ván bưng ở giá chiêng (1991)

Hình ảnh người đỡ trụ (1991)

Tiên nữ đầu người mình chim (1991)

Rồng chầu mặt nguyệt (1991)

Rồng chầu mặt nguyệt (1991)

Cổng chùa (2010)

27. CHÙA HOẰNG ÂN

弘恩寺

Thành phố Hà Nội

Chùa toạ lạc ở xóm Chùa, phía Tây Nam làng Quảng Bá, phường Quảng An, quân Tây Hồ, Hà Nội. Nhân dân thường gọi là chùa Quảng Bá.

Thời Lý, chùa có tên là Long Ân tự (tấm hoành phi treo ở gian giữa Tiền đường ghi rõ tên này. Chùa có tên là Báo Ân tự. Năm Minh Mạng thứ 2 được đổi thành Sùng Ân tự. Năm Tân Sửu (1841), vua Thiệu Trị đổi thành Hoằng Ân tự. Chùa do thiền sư Ngô An (1019 - 1088) người làng khởi lập và được tu sửa nhiều lần. Năm 1628, công chúa Nguyễn Thị Ngọc Tú, vợ của Thanh Đô vương Trịnh Tráng, cho xây dựng lại theo quy mô lớn. Hiện nay chùa chủ yếu mang phong cách kiến trúc nghệ thuật thời Nguyễn.

Chùa hướng ra Hồ Tây. Khuôn viên chùa rộng, gồm chùa chính, hai nhà giải vũ, nhà Tổ, tăng phòng, nhà thờ Mẫu và vườn tháp. Chùa có kết cấu nội "Đinh" (丁) ngoại "Quốc" (國) - toà tiền đường bảy gian tường hồi bít đốc, giữa bờ nóc đắp hình hổ phù đỡ mặt trời, hai hồi có hai trụ hình búp sen. Tòa thượng điện ba gian nối liền với gian giữa tiền đường tạo thành hình chữ "Đinh" (丁). Nhà giải vũ ở hai bên thượng điện mỗi dãy bảy gian. Nhà tổ nối liền với hai gian giải vũ, đầu phía nam nhà tổ có một gian xây hai tầng (nơi ở của hòa thượng), phía sau nhà tổ là nhà thờ Mẫu và một gian thờ Đức Thánh Trần (mới chuyển đến sau năm 1945).

Trong chùa có 30 pho tượng tạo tác theo phong cách thời Lê, trong đó có ba pho tượng Át Nan Tôn Giả, Hộ Pháp Tam Châu, Giám Trai Sứ Giả được tạc ở tư thế đứng (ở chùa khác, tượng đều có tư thế ngồi). Chùa còn có ba pho tượng: tượng bà Nguyễn Thị Ngọc Tú, tượng Nguyễn Kim (ông nội bà Tú), tượng Nguyễn Hoàng (cha đẻ bà Tú).

Chùa có quả chuông lớn đúc năm Cảnh Hưng thứ 3 (1743), vai chuông có bốn chữ "Long Ân tự chung". Quả chuông nhỏ được đúc vào thời Nguyễn. Chùa có nhiều bia, trong đó có một số tấm dựng năm Chính Hoà thứ 21, đặc biệt có tấm bia khắc hình một ni sư (có thể là bà phi Ngọc Tú).

Vườn tháp của chùa là nơi an táng của nhiều vị hòa thượng có công danh: hòa thượng Phạm Ngọc Đạt hiệu Bình Lượng đã giúp đỡ Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời kỳ Người hoạt động ở Thái Lan; các hòa thượng Thích Trí Độ, Thích Tâm An, Thích Mật Ứng Thích Đức Nhuận...

Mặt trước chùa (2010)

Chính điện (2010)

Hộ Pháp (2010)

Hộ Pháp (2010)

Ban Đức thánh hiền (2010)

Bộ cửa chùa (2010)

Vườn tháp (2010)

28. CHÙA TẢO SÁCH

早册寺

Thành phố Hà Nội

Chùa còn có tên là Tảo Sách, tên chữ là Linh Sơn Tự ở thôn Nam, phường Nhật Tân (Số 386 Đường Lạc Long Quân, quận Tây Hồ, Hà Nội). Đây là một ngôi chùa có khuôn viên rộng lớn, cảnh quan đẹp đẽ, nước Hồ Tây vỗ ngay trước mặt tiền. Theo bi kí và câu đối ở đài kỷ niệm thì có thể chùa được dựng vào thời Tiền Lê.

"Đài kỷ niệm Thành năm Quý Tỵ,

Chùa Tảo Sách sáng thuở Tiền Lê"

Đến cuối triều Bảo Đại (1941) thì chùa được xây dựng lại quy mô như hiện nay.

Còn về tên chùa Tảo Sách thì cũng có truyền ngôn giải thích do bởi chùa thờ Phật theo phái Tào Động, khởi nguồn từ Thiền Sư Thủy Nguyệt.

Tđiện thờ Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, gác rong những năm gần đây, Thượng tọa Thích Nguyên Hạnh trụ trì chùa cùng với các cấp chính quyền, phật tử trong cả nước đã trùng tu tôn tạo nhiều công trình kiến trúc như: tòa Tam bảo, nhà Tổ, trai phòng, nhà thờ Mẫu, Chuông và đặc biệt Tam quan xây chính diện với tòa Tam bảo (mở ra đường dạo ven Hồ Tây).

Kho tàng hiện vật của chùa Tảo Sách rất phong phú, nhất là các tư liệu Hán Nôm, gồm 42 câu đối, 29 văn bia (sớm nhất mang niên hiệu Cảnh Hưng, số còn lại thuộc thời Nguyễn) 2 chuông đồng, hơn 40 tượng Phật, tượng Mẫu, phần lớn mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XIX- XX. Riêng 3 pho tượng Tam Thế được làm cuối thế kỷ XVIII.

Tam quan chùa (2010)

Chính điện (2010)

Ban Đức Ông

Ban thờ Mẫu (2010)

Tượng Phật Bà Quan Âm (2010)

Mặt trước chùa (2010)

29. CHÙA LIÊN PHÁI

蓮派寺

Thành phố Hà Nội

Chùa nằm ở ngõ Liên Phái, phố Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Lúc mới xây dựng tên là Liên Hoa (1733).Cũng có lúc (như vào năm 1733) gọi là chùa Liên Tông (là tên của thiền phái do Tổ Cứu Sinh - người đầu tiên xây dựng chùa). Đến năm 1840 phải kiêng huý mẹ vua Thiệu Trị (Hồ Thị Hoa) và chính vua Thiệu Trị (Nguyễn Phúc Miên Tông) nên đổi tên là chùa Liên Phái.

Chùa do Lân Giác Thượng sĩ Trịnh Thập (1697 - 1733) - con của Tấn Quang Vương Trịnh Bính, em ruột của chúa Trịnh Cương, có vợ là công chúa thứ tư con vua Lê Hy Tông (1676 - 1733) xây dựng năm Bảo Thái thứ 7 (1726) - Phát hiện một ngó sen sau khi đào đất ở gò cao sau phủ (phường Hồng Mai, sau đổi thành Bạch Mai), quý tộc Trịnh Thập cho đó là điềm xuất gia, bèn sửa phủ thành chùa, đặt tên là Liên Hoa, lập viện Ly Trần để tham thiền, đọc sách kinh Phật, trở thành người trụ trì đầu tiên của chùa, đồng thời là tổ thứ nhất của Thiền phái Liên Tông.

Chùa đã được tu sửa nhiều lần. Vào năm Tự Đức thứ 7 (1854) sửa nhà tổ, nhà tăng, hành lang tả hữu, tô tượng Phật...Năm Kỷ Tỵ (1869) làm thêm gác chuông, xây tường bao quanh...

Trước cổng chùa là ngôi tháp Diệu Quang, cao 10 tầng hình lục lăng. Khu vườn tháp sau chùa hiện còn 9 ngôi tháp, có ngôi tháp Cứu Sinh (tên của tổ Thiền phái Liên Tông) xây bằng đá, được coi là tháp đá cổ nhất khu vực nội thành Hà Nội. Chùa có nhà bia với 34 tấm, ghi sự tích về lịch sử của chùa và những người đóng góp công sức xây dựng chùa.

Trong chùa, ngoài tượng Phật còn có tượng thượng sĩ Lân Giác, tượng tổng đốc Hà (Nội) - Ninh (Bình) Nguyễn Đăng Giai (chuyển từ chùa Báo Ân đến), chuông đồng thời Lê Trung Hưng...

Chùa Liên Phái là một công trình kiến trúc, điêu khắc và lịch sử Phật giáo rất có giá trị của Thủ đô.

Tháp Diệu Quang (2010)

Chính điện (2010)

Mặt trước chùa (2010)

Phật Thích Ca (2010)

Tháp Cửu Sinh(2010)

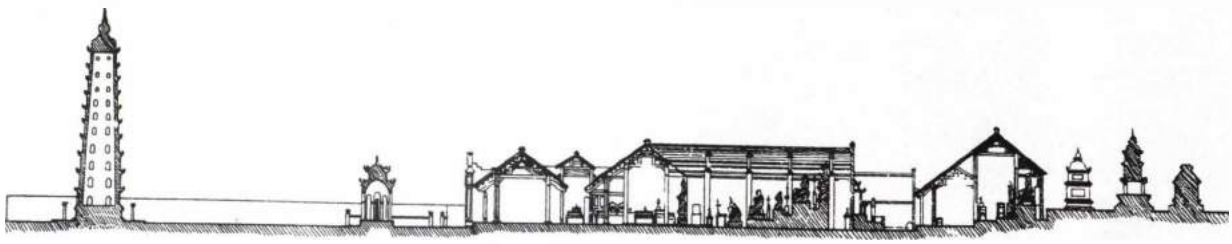

Sơ đồ mặt cắt ngang tổng thể chùa Liên Phái. Bản vẽ XXVI.
Theo Louis Bezacier. Relevés de monuments anciens du Nord Việt Nam. Paris-1959-EFEO.

30. CHÙA HIẾN

天應寺

Tỉnh Hưng Yên

Chùa Hiến (tên chữ là "Thiên Ứng Tự"), có vị trí ở phía Tây của đô thị cổ Phố Hiến, thuộc thôn Mậu Dương (vì thế, chùa còn có tên gọi là chùa Mậu Dương), nay là đường Phố Hiến, phường Hồng Châu, thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Tương truyền, chùa được xây dựng từ niên hiệu Thiên Ứng của vua Trần Thái Tông, được trùng tu vào các năm 1625, 1709, thời Hậu Lê. Chùa có kiến trúc "nội công ngoại quốc" gồm tiền đường, thiêu hương, thượng điện, và ba mặt là hành lang. Tiền đường và thiêu hương thờ Phật; tượng pháp làm nổi địa vị của Quan Âm Nam Hải và tứ vị Bồ Tát - thường hay cứu giúp chúng sinh trên biển cả - tạo nên đặc điểm thờ tự của một ngôi chùa cổ thuộc thương cảng Phố Hiến xưa.

Hai tấm bia chùa Hiến, có niên đại Vĩnh Tộ thứ 7 (1625) và Vĩnh Thịnh thứ 5 (1709) - cũng như tấm bia chùa Chuông - rất có giá trị lịch sử, vì chứa đựng nhiều tư liệu gốc, phản ánh nhiều mặt tình hình của đô thị cổ "Phố Hiến". Chùa Hiến còn nổi tiếng với "Cây nhãn Tổ", vừa có quả là "Nhãn tiến (Vua)" ngày xưa, vừa là "cây giống" của nhiều vườn trên "Đất nhãn Hưng Yên" bây giờ.

Cây nhãn Tổ chùa Hiến (2007)

Chùa Hiến (2007)

Chính điện (2007)

Hộ Pháp (2007)

Mặt trước chùa (2007)

Chuông đồng (2007)

31. CHÙA CHUÔNG

金鐘寺

Tỉnh Hưng Yên

Chùa Chuông có tên chữ là "Kim Chung tự" (Chùa Chuông Vàng) tọa lạc ở thôn Nhân Dục, phường Hiến Nam, thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Được coi là "Phố Hiến đệ nhất danh lam", chùa được xây vào thế kỷ XV, và được trùng tu, tôn tạo nhiều lần. Những nét kiến trúc đẹp hiện còn giữ được ở đây, mang dấu ấn của nghệ thuật thời Hậu Lê (thế kỷ XVII-XVIII).

Theo Đại đức Thích Thanh Khuê, trụ trì chùa Chuông: "Nét đẹp của chùa Chuông chính là ở bố cục cân đối, nhịp nhàng, kiến trúc tổng thể theo kiểu "Nội công ngoại quốc liên hoàn". Từ mặt tiền nhìn hướng nam, các công trình xây dựng chính của chùa nối tiếp nhau, nằm trên một trục trung tâm, gồm: tam quan (kiến trúc chồng diêm, hai tầng tám mái), ba nhịp cầu đá xanh (niên đại: 1702) bắc qua ao "Mắt Rồng", dẫn đến đường thần đạo đi qua khoảng sân, đến nhà tiền đường (5 gian 2 dĩ) đến khoảng sân có "Thạch trụ" (cây hương đá), nối với thượng điện (có hệ thống tượng Phật phong phú, gồm: bộ Tam thế, Di Đà tam tôn, tượng Cửu Long....Nổi bật là 8 tượng Kim Cương, 18 vị La Hán, 4 tượng Bồ Tát...). Ngoài ra còn có hệ thống tượng mô tả cảnh "Thập điện Diêm Vương" ở hai bên hành lang. Tấm bia chùa Chuông dựng năm 1711 rất có giá trị lịch sử, vì ngoài việc mô tả cảnh đẹp của đô thị cổ Phố Hiến, còn ghi được nhiều tên phường gốc (trong số hơn 20 phường) của đô thị cổ này.

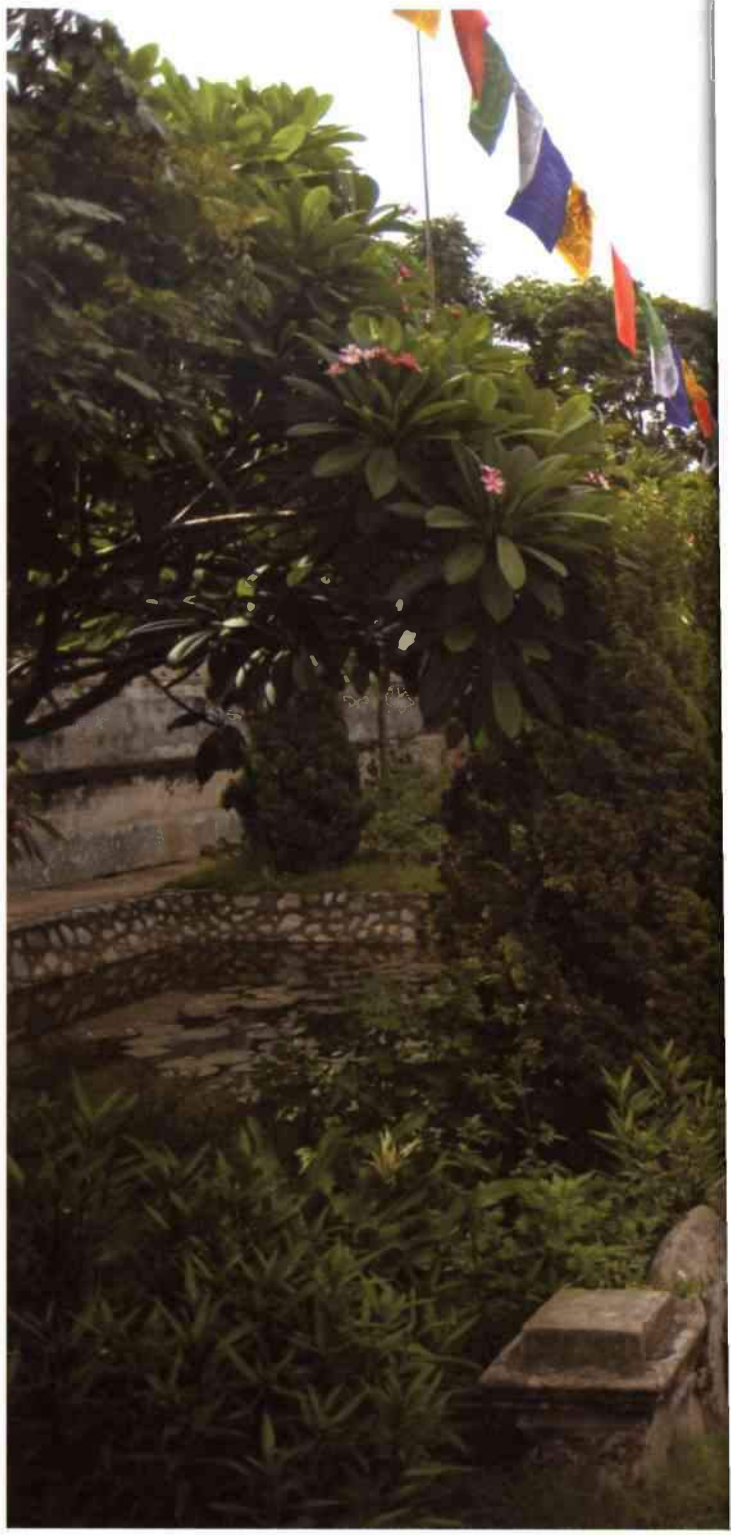

Toàn cảnh chùa Chuông (2007)

Tam quan chùa (2007)

Vườn tháp (2007)

Hòn non bộ trong sân chùa (2007)

Chính điện (2007)

Ban thờ Thánh Mẫu (2007)

Tượng Kim Cương - La Hán (2007)

Tượng La Hán (2007)

Thập điện Diêm Vương (2007)

Chuông đồng (2007)

32. CHÙA CÔN SƠN

天福寺

Tỉnh Hải Dương

Chùa có tên chữ là Thiên Phúc tự, nhân dân địa phương thường gọi là chùa Hun, tọa lạc ở chân núi Côn Sơn, xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chùa được xây dựng từ thời Trần (1225-1400). Ở thời này, chùa Côn Sơn là một trong ba trung tâm của Thiền phái Trúc Lâm (Côn Sơn-Yên Tử-Quỳnh Lâm), các vua Trần thường ngự giá về thăm.

Năm 1329 chùa được xây dựng và mở rộng thành Côn Sơn Tiêu tự Phúc tự và thiền sư Huyền Quang được giao trụ trì. Chùa còn được trùng tu, tôn tạo nguy nga đồ sộ vào thời Lê, nhờ công đức của thiền sư Pháp Nhãn.

Trải qua thời gian dài và nhiều biến cố, ngày nay, chùa Côn Sơn chỉ còn quy mô vừa phải, nhưng rất đẹp về kiến trúc cảnh quan, nhờ biết nương tựa và khai thác hình cây thế núi ở chung quanh. Chùa có kiến trúc hình chữ "Công" (工) gồm: tiền đường, thiêu hương, thượng điện, nhà tổ, lới một hệ thống tượng thờ phong phú, trong đó có tượng Trúc Lâm tam tổ và tượng tương truyền là của Nguyễn Trãi, Nguyễn Thị Lộ. Trong khuôn viên chùa, hiện còn nhiều di vật và di tích rất có giá trị mỹ thuật và lịch sử, gồm: 8 bia thời Trần và thời Lê, trong đó có bia "Thanh Hư động" là ba chữ ngự bút của vua Trần Duệ Tông; Giếng Ngọc, tương truyền là do thiền sư Huyền Quang cho đào; Đăng Minh bảo tháp, tương truyền là do vua Trần Minh Tông cho xây để đặt xá lỵ và tượng thiền sư Huyền Quang...

Chùa Côn Sơn có hai dịp lễ hội: Hội xuân từ ngày 16 đến 22 tháng giêng (Âm lịch) nhằm tưởng nhớ vị tổ thứ 3 của Thiền phái Trúc Lâm; Hội thu từ 15 đến 20 tháng 8 (Âm lịch) tưởng niệm Nguyễn Trãi.

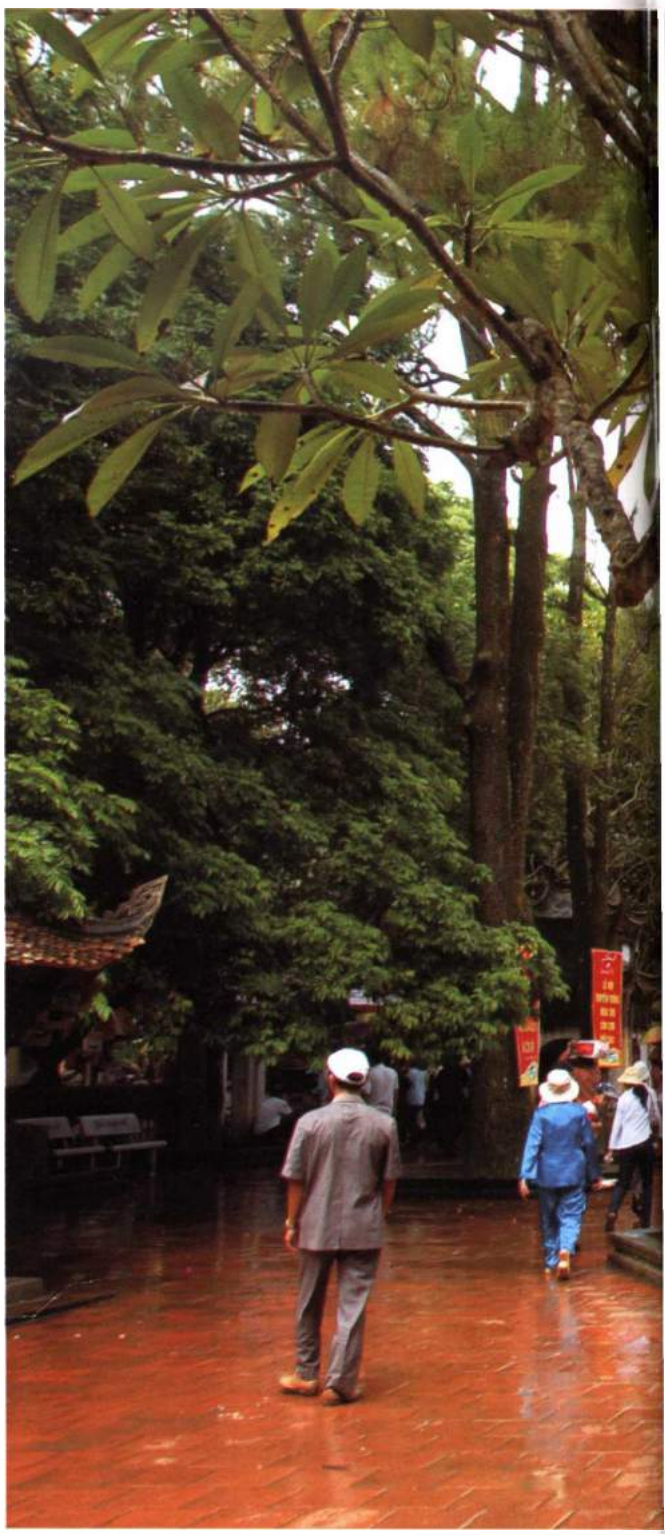

Chùa Côn Sơn (2008)

Cảnh Côn Sơn (2008)

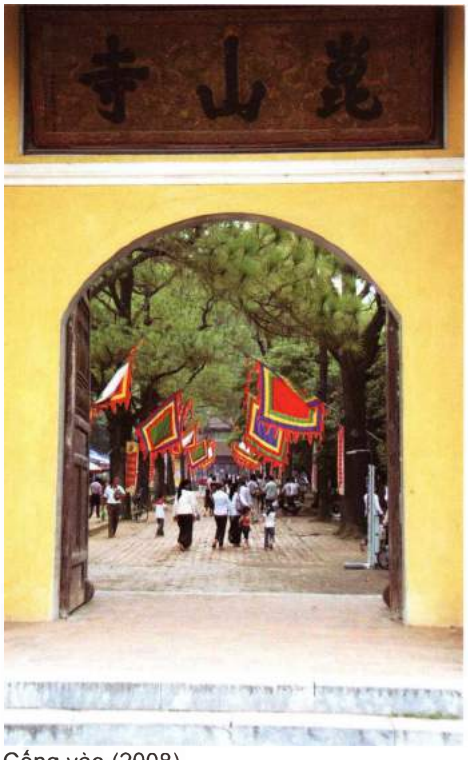

Cổng vào (2008)

Gác chuông (2008)

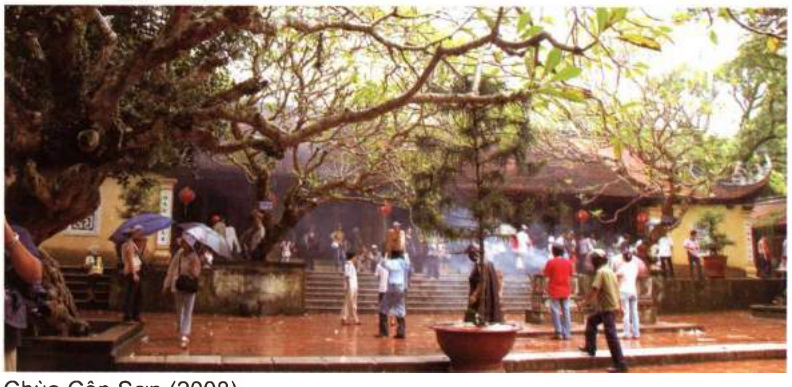

Chùa Côn Sơn (2008)

Phật điện (2008)

Trúc Lâm Tam Tổ (hàng thứ hai từ trên xuống) trong nhà Tổ (2008)

Giếng ngọc - di tích được khôi phục năm 1995 (2008)

Cầu nguyện (2008)

Thụ lộc (2008)

Đăng Minh Bảo tháp
(tháp mộ Huyền Quang
trên sườn núi Côn Sơn) (2008)

Bia "Thanh Hư động" (2008)

33. CHÙA BÀ ĐANH

寶山寺

Tỉnh Hà Nam

Chùa Bà Đanh có tên chữ là Bảo Sơn tự, tọa lạc ở thôn Đanh, xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chùa nằm ngay trên bờ phải dòng sông Đáy. Có cảnh quan sơn thủy hữu tình, thanh u, cô tịch và linh thiêng nổi tiếng một thời.

Tương truyền, chùa có từ thế kỷ VII, ban đầu là một ngôi đền nhỏ, bằng tranh tre nứa lá đơn sơ, thờ Tứ Pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện). Đến đời vua Lê Hy Tông (1675 - 1705) khu rừng quanh chùa được sửa sang quang đãng để xây lại chùa to đẹp và khang trang. Chùa quay về hướng nam, trông ra sông Đáy, với một hệ thống công trình nhiều đến gần 40 gian nhà, gồm: tam quan, khu vườn hoa, nhà bái đường, nhà trung đường, nhà thượng điện, khu nhà ngang, phủ thờ Mẫu... Trải qua nhiều lần trùng tu tôn tạo. Các công trình cổ còn sót lại đều chỉ có niên đại từ thế kỷ XIX trở lại đây, nhưng có nhiều nét điêu khắc chạm trổ mang tính nghệ thuật cao (lần sửa sang năm 2008 gần như xây chùa mới).

Chùa Bà Đanh thờ Phật, song, ngoài tượng Bồ Tát còn có tượng Thái Thượng Lão Quân, tượng Nam Tào, Bắc Đẩu, và các tượng của tín ngưỡng Tứ phủ như là sự hỗn dung giữa Phật giáo, Đạo giáo với tín ngưỡng dân gian bản địa cổ sơ.

Bà Chúa Đanh (thần Pháp Vũ) vừa là chủ đề thờ phụng, vừa là mẫu đề của pho tượng chính, với chiếc ngai bằng gỗ lũa, kèm theo những truyền thuyết linh dị cùng với cảnh quan hoang vắng làm nên sự nổi tiếng của ngôi chùa cổ ở thời đương đại.

Đường vào chùa (2008)

Tượng Hộ Pháp (2008)

Điện Phật (2008)

Khánh đá (2008)

Ban thờ Bà Chúa Đanh (2008)

Dòng sông Đáy chảy trước chùa (2008)

Tượng Tam thế trên bệ đá hoa sen thời Trần (2008)

34. CHÙA XUÂN LŨNG

普光寺

Tỉnh Phú Thọ

Chùa Xuân Lũng (còn gọi là chùa Phổ Quang), tọa lạc ở xóm Chùa, xã Xuân Lũng, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Khởi dựng vào thời Lý-Trần; Chùa đã trải qua nhiều lần tu sửa, trong đó có cuộc đại trùng tu vào năm 1626, và gần đây nhất là năm 1997. Chùa có gác chuông 2 tầng, 8 mái, nhà bia ở hai bên sân, nhà thiêu hương, nhà thượng điện, đều là những kiến trúc cổ và đẹp.

Di tích quý giá từ thời Trần còn lại ở nhà thượng điện, là bệ đá hoa sen, được đặt cao ở vị trí chính giữa, đỡ bệ tượng Tam thế. Bệ đá cấu tạo theo hình chữ nhật (chiều ngang 3,20m; rộng 1,23m; cao 1,05m), làm bằng 52 phiến đá xanh ghép lại. Hoa văn trang trí theo các chủ đề: cá hóa rồng, độc long, sư tử vờn hoa, mặt trời - tia sáng... đều là những tuyệt tác nghệ thuật chạm khắc đá cổ. Đặc biệt là niên đại tạo tác bảo vật bệ đá này, còn rõ ràng đến nay, sau 7 thế kỷ tồn tại, từ đời vua Trần Phế Đế, năm thứ 10, niên hiệu Xương Phù (1386).

Chính điện (2008)

Mặt trước chùa (2008)

Gác chuông (2008)

Động Quan Âm (2008)

Ban thờ (2008)

Tượng Hộ Pháp (2008)

Bia đá (2008)

35. CHÙA THIÊN QUANG

天光禅寺

Tỉnh Phú Thọ

Chùa Thiên Quang nằm trong khu di tích lịch sử Đền Hùng, trên núi Nghĩa Lĩnh, xã Hy Cương, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Được xây kề bên đền Hạ, ở độ cao 80m. Xưa chùa có tên là Sơn Cảnh Thừa Long tự. Thời Lê Trung Hưng làm lại chùa gọi là Thiên Quang thiền tự. Chùa làm theo kiểu "Nội Công ngoại Quốc" gồm các nhà: tiền đường, thiêu hương, tam bảo, ở phía trước là dãy hành lang, nhà tổ ở phía sau.

Trước sân chùa có hai tháp sư hình trụ 4 tầng; một gác chuông được xây dựng vào thế kỷ XVII gồm ba gian, hai tầng mái. Trên gác chuông có treo quả chuông đúc vào thời Hậu Lê.

Chùa thờ Phật theo phái Đại Thừa. Trong chùa có trên 30 pho tượng: Tam thế, A Di Đà, Quan Âm Nam Hải, Quan Âm Tống Tử, Đức Thánh Hiền, Hộ Pháp... được bài trí trang nghiêm.

Tháng 9 năm 1954, khi về thăm Đền Hùng, tại chùa Thiên Quang, Bác Hồ đã ngồi nghỉ bên gốc cây thiên tuế, sau đó, gặp gỡ và nói chuyện với cán bộ và chiến sĩ Đại đoàn Quân Tiên Phong chuẩn bị về tiếp quản thủ đô Hà Nội với lời căn dặn:

"Các vua Hùng đã có công dựng nước

Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước".

Hôi Đền Hùng (2008)

Chính điện (2008)

Phật điện (2008)

Gác chuông (2008)

Chùa Thiên Quang, bên trái. Đền Hạ, bên phải (2008)

Cây thiên tuế khoảng 700 năm tuổi trước sân chùa (2008)

36. CHÙA SÙNG KHÁNH

崇慶寺

Tỉnh Hà Giang

Chùa Sùng Khánh còn gọi là chùa làng Nùng, tọa lạc trên đỉnh một quả đồi ở bên bờ phải dòng sông Lô thuộc thôn Nùng, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, cách trung tâm thị xã Hà Giang 9 km.

Chùa cũ vốn là một công trình thờ Phật từ thời Trần quý hiếm trên miền thượng du, được làm bằng gỗ, lợp lá, dựng vào năm 1356, nhưng đã bị đổ nát từ lâu. Ngôi chùa hiện nay được nhân dân xây dựng vào năm 1989 trên nền ngôi chùa cũ nhưng nhỏ và thấp hơn. Chùa có kiến trúc đơn giản, xây theo hình chữ "Nhất" (一), chỉ gồm một gian diện tích 26m2, cao 4,3m với một cửa chính và hai cửa phụ ở hai bên, vách gạch, lợp ngói có tường bao quanh.

Ngay trong cửa chính là nơi thờ Phật được xây dựng bệ để đặt một số đồ thờ. Phía trên bệ thờ treo một bức tranh có hình Phật Bà Quan Âm thay cho tượng Phật. Tấm bia đá ở bên trái bệ thờ, là di sản qúy giá nhất của ngôi chùa, ghi công lao của người dựng ngôi chùa (ông Nguyễn Ân là chú của một tù trưởng miền núi) và năm dựng chùa (tháng giêng năm Bính Thân, niên hiệu Thiệu Phong (1356). Bia cao 0,90m, rộng 0,50m, bia có chạm khắc hình lưỡng long chầu Phật Bà Quan Âm. Văn bia do Phụng độc học sinh, Thứ sử trực thư Tạ Thúc Ngao soạn vào tháng 3 năm 1367. Bên phải của bệ thờ treo quả chuông đúc vào năm trùng tu chùa, thời Hậu Lê (1705). Chuông cao 0,90m, đường kính miệng rộng 0,67m trên thân chuông và quai chuông chạm khắc nhiều hoa văn tinh xảo. Hằng năm, đến ngày 3 và 4 Tết, bà con dân tộc các vùng lân cận kéo về chùa tụ hội vui xuân. Các trò chơi được tổ chức vừa mang bản sắc dân tộc cổ truyền của địa phương, như: ném còn, kéo co, vừa đan xen một số trò chơi thể thao hiện đại như: bóng đá, bóng chuyền...

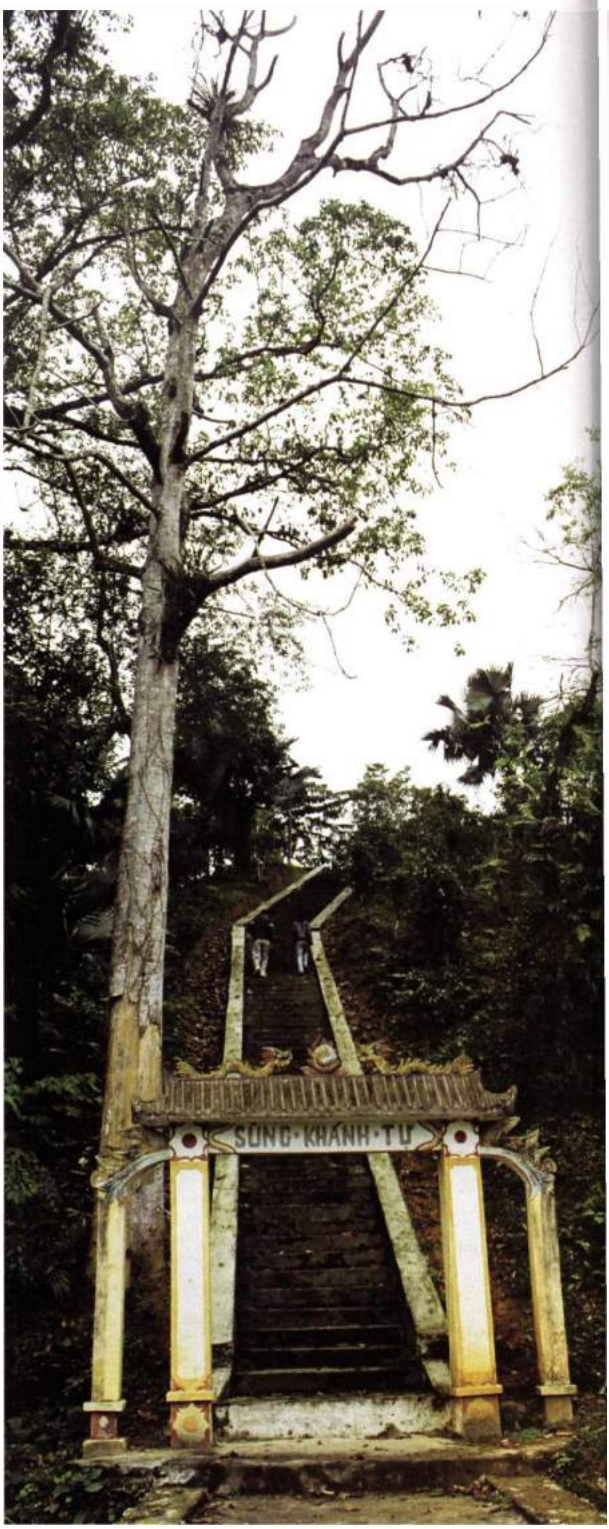

Đường lên chùa (2004)

Chính điện (2005)

Chùa Sùng Khánh (2005)

Bia đá (2005)

Bia đá (2005)

Chuông đồng, 1705 (2005)

Thôn Nùng, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (2005)

37. CHÙA, THÁP Ở KHU DI TÍCH HẮC Y

Tỉnh Yên Bái

Khu di tích Hắc Y thuộc xã Tân Lĩnh, huyện Lục Nam, tỉnh Yên Bái, được Bảo tàng Yên Bái phát hiện năm 1995, đã trải qua nhiều lần khảo sát, và 4 đợt khai quật khảo cổ vào các năm 2004, 2005, 2006 và 2007.

Khu di tích Hắc Y bao gồm: Di tích chùa, tháp ở đồi Hắc Y, chùa Bến Lăn, chùa Dõng, cùng một số di tích liên quan (những tên chùa này do Bảo tàng Yên Bái đặt theo địa danh hiện nay).

Chùa, tháp Hắc Y, chùa Bến Lăn và chùa Dõng là 3 di tích quan trọng nhất trong khu di tích Hắc Y – Ba khu chùa này đều được xây dựng ở một vùng gần sông, thuộc lưu vực sông Chảy, có thể liên quan đến hoặc chính là vùng căn cứ "Trại Thu Vật" do vương tướng Trần Nhật Duật trấn giữ trong cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ hai (1284-1285) chúng họp thành một quần thể kiến trúc Phật giáo cổ, đặc sắc có thế liên hoàn rõ rệt, tuy vị trí khác nhau (hoặc ở trên đỉnh đồi, hoặc ở giữa thung lũng) và nằm cách nhau khoảng 1km, với chùa Bến Lăn là trung tâm. Khu di tích chùa Dõng gần như bị san phẳng vào năm 1996, chỉ còn lại một số di vật ở khu di tích chùa Hắc Y đã phát hiện di tích chùa, tháp cùng nhiều di vật như các loại gạch, ngói, tượng đất nung, tiền đồng... Khu di tích chùa Bến Lăn là khu chùa tháp rộng nhất, đã phát hiện nhiều di tích kiến trúc chùa, tháp đất nung, tường đá bao quanh hình gần chữ nhật... Kết quả nghiên cứu minh văn, (còn đọc được trên di tích hai tòa tháp gạch) đã xác định ngôi chùa ở Bến Lăn có tên là "Thượng Miện" và có một thủ lĩnh địa phương tên là Hoàng Lục Thiện đã cúng cho chùa 40 tòa tháp, mỗi tháp cao 6 thước (trên 2m). Đã phát hiện dấu tích của 12 tòa tháp, 6 kiến trúc thờ, trong đó đáng lưu ý là kiến trúc nền chùa (13,8m x 10,8m = 149m2) ở trung tâm di tích. Ngoài ra còn tìm thấy nhiều di vật gồm vật liệu kiến trúc như gạch, ngói, đá chân cột, các loại tượng đất

Toàn cảnh Di tích Hắc Y và núi Thần Áo Đen nhìn từ phía Nam (2007)

Nền chùa chính trong khu chùa Bến Lăn (2007)

nung như tượng rồng, phượng, uyên ương, lân, voi... đồ thờ, đồ gốm sứ, tiền đồng... Đặc biệt đã tìm thấy khuôn đúc uyên ương bằng đất nung, đồ gốm sứ méo mó, dính như phế phẩm, dấu tích lò đúc... chứng tỏ những sản phẩm được sản xuất tại chỗ.

Căn cứ vào di tích kiến trúc và các di vật, có thể nhận xét: Đây là một quần thể kiến trúc Phật giáo quy mô lớn ở miền thượng du, gồm: chùa, tháp, và các di tích liên quan, có niên đại chủ yếu là thời Trần (thế kỷ XIII-XIV). Một số di tích và di vật cũng cho thấy chúng có mối quan hệ với thời Lý và thời Lê (trước và sau thời Trần).

Sự ra đời và tồn tại một trung tâm văn hóa Phật giáo tại vùng rừng núi phía Bắc, với những di tích, di vật mang phong cách thời Trần, cho thấy sự mở rộng ảnh hưởng của Phật giáo đến vùng núi rừng phía Bắc ở thời này.

Nguồn: Di tích lịch sử - khảo cổ học Hắc Y
Sở Văn hóa Thông tin Yên Bái xuất bản - 2008

Lá đề cân Bến Lăn (2007)

Ngói bò gắn lá đề lệch - Bến Lăn (2007)

Ngói mũi lá chùa Bến Lăn (2007)

Chân tảng cánh sen ở chùa Bến Lăn (2007)

Đầu xấu máng xối - sành - Bến Lăn

Đầu chim phượng - tượng đất nung, chùa Dõng (2007)

Lá đề lệch - đồi Hắc Y (2007)

Phần chân tòa tháp lớn đồi Hắc Y được phục dựng (2006)

38. CHÙA THÔNG

松寺

Tỉnh Hòa Bình

Chùa Thông nằm trên đỉnh một ngọn núi đất, kẹp giữa sơn khối đá vôi Tú (Đú), thuộc xã Tú Sơn huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. So với mặt suối chảy qua thung lũng phía bắc quả núi thì chùa tọa lạc trên độ cao gần 200m. Chùa Thông được xây dựng từ thời Trần, hiện chỉ còn là một phế tích với những chân tảng kê cột, làm từ những phiến đá cuội lớn, lẫn với vật liệu kiến trúc đất nung mang phong cách nghệ thuật Trần rất điển hình. Con đường dẫn lên chùa xưa kia đi vòng theo sườn núi phía đông nam, qua xóm Củ. Vật liệu kiến trúc dùng để xây chùa chứa đựng những tín hiệu cung đình, với đầu rồng, phượng và uyên ương, lá đề, bằng đất nung.Chứng tỏ chùa được xây dựng bởi một đạo tăng thuộc hàng vương thất, người đã chọn vị trí xây chùa ở đỉnh cao nhất bên cạnh vách dựng đứng về phía bắc ngọn núi, nhìn thẳng xuống con đường quốc lộ nối Dốc Cun với Kim Bôi và thung lũng Tú Sơn.

Cuộc khai quật thăm dò được Bảo tàng Tỉnh Hòa Bình và Trung tâm Tiền sử Đông NamÁ tiến hành vào năm 2006 đã phát hiện nhiều bằng chứng xác nhận địa danh chùa Thông ở vùng núi non xứ Mường này, thực sự là một ngôi chùa cổ. Đó là một tượng Phật Thích Ca bằng đá, mặc áo cà sa, ngồi xếp chân vòng tròn trên bệ đá vuông cạnh. Bàn chân phải ngửa đặt lên trên, bàn chân trái hé hở phía dưới. Hai bàn tay đặt trên hai đùi, bàn tay phải ngửa lên, bàn tay trái úp xuống. Trên ngực Phật có hình chữ thập ngoặc. Tượng bị gãy đầu, hiện đo được 23cm chiều cao toàn bộ. Nếu phục nguyên phần đầu, toàn thân bức tượng có thể đạt 28-30cm. Ngoài pho tượng đá này, các nhà khảo cổ còn phát hiện mảnh vỡ chóm tháp bằng đất nung, có phần cánh sen đỡ quả bầu, rất quen thuộc trong các kiến trúc phật giáo thời Trần. Niên đại ngôi chùa có thể khẳng định là vào thời

Thung lũng Tú Sơn ở phía bắc, nhìn từ nền chùa (2006)

Trần, nhờ vật liệu kiến trúc với những lá đề đất nung in nổi hình rồng, chân có chốt mộng, nhiều ngói ống, ngói bản mũi hài cỡ lớn, và nhất là các đầu rồng ngậm ngọc theo phong cách thời Trần. Một chiếc lọ men trắng đục có hoa văn lam mờ đặc trưng cho nghệ thuật gốm Trần thế kỷ XIV, cho thấy ngôi chùa vẫn tồn tại ít nhất là đến cuối thế kỷ XIV. Hầu như chưa thấy hiện vật có niên đại muộn hơn. Xung quanh chùa hiện còn gần chục ngôi mộ thời Trần, với đặc trưng hỏa táng chôn lẫn than củi và che lợp bằng cuội suối kích thước lớn. Một số ngôi mộ đã bị đào phá,mảnh vỡ đồ tùy táng bằng sành, gốm còn lại đều có niên đại Trần.

Đây là một ngôi chùa thời Trần rất hiếm hoi ở vùng núi phía tây đồng bằng Bắc Bộ. Những năm vừa qua, các nhà khảo cổ đã phát hiện và khai quật một số ngôi chùa thời Trần mang phong cách hoàng gia ở vùng núi Tuyên Quang, Yên Bái, Quảng Ninh. Phát hiện chùa Thông với đặc trưng chùa hoàng gia ở tỉnh Hòa Bình đã cho thấy rõ sự lan truyền Phật giáo vào các vùng dân tộc miền núi.

Nguồn: TS Nguyễn Việt
(Trung tâm Tiền sử Đông Nam Á)

Đức Phật Thích Ca (2006)

Đầu rồng bằng đất nung (2006)

Lá đề đất nung in nổi hình rồng (2006)

Nền chùa và các chân tảng trước lúc khai quật (2006)

Chóp tháp đất nung

39. CHÙA TRĂM GIAN

廣嚴寺

Thủ đô Hà Nội

Chùa có tên là Quảng Nghiêm tự, ở xã Tiên Phương, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây cũ. Xã Tiên Phương xưa kia là xã Tiên Lữ nên chùa này cũng thường được gọi là chùa Tiên Lữ. Sở dĩ chùa có tên là Trăm Gian vì quần thể kiến trúc ở đây có đến 104 gian nhà.

Theo một số tài liệu, chùa được xây dựng từ đời Lý Cao Tông (1176-1210). Nhưng ngôi chùa lớn với quy mô như hiện nay là đã được trùng tu và xây dựng thêm qua nhiều triều đại.

Chùa có ba cụm kiến trúc chính. Cụm thứ nhất ở cửa vào, gồm hai quán, trước đây dùng làm nơi đánh cờ người trong ngày hội. Gần đấy có ngôi nhà có tên là Giá Ngự, vì là nơi đặt kiệu "Thánh" trong lễ rước Thánh, đó cũng là nơi xem rối nước diễn trên hồ.

Cụm thứ hai là tòa gác chuông đẹp, có hai tầng mái. Tầng trên treo quả chuông đồng đúc năm Cảnh Thịnh thứ 2 (1794) có bài minh của tiến sĩ Trần Bá Lãm.

Qua các bậc đá có lan can chạm rồng, ta đến cụm kiến trúc thứ ba là ngôi chùa chính, gồm bái đường, nhà thiêu hương và thượng điện. Chùa có hơn 150 pho tượng, phần lớn bằng gỗ, một ít đắp bằng đất. Đặc biệt ở gian giữa thượng điện có một bệ bằng đất nung đỏ hình khối chữ nhật, giống kiểu các bệ đá thời Trần.

Trên là đài sen, xung quanh trang trí nhiều hình động vật và hoa lá, bốn góc có hình chim thần Garuda. Nhiều nhà nghiên cứu cho bệ này có niên đại thời Mạc. Trên bệ đặt các tượng Phật Tam thế.

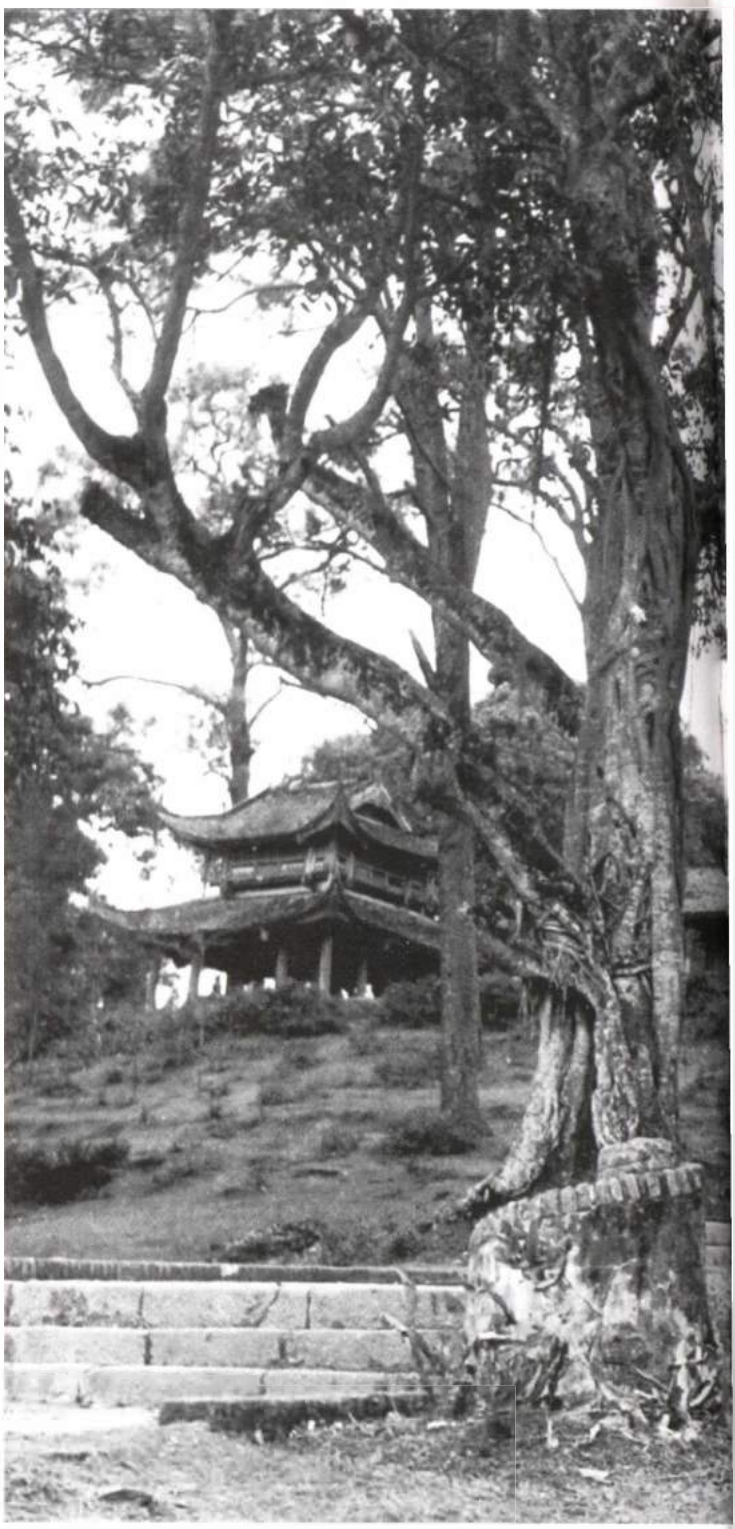

Chùa Trăm Gian (1991)

Ở gian bên trái, phía dưới tượng Quan Âm tống tử, là tượng đô đốc Đặng Tiến Đông, một tướng lĩnh Tây Sơn, mà sự tích được ghi lại trên khối bia vuông bốn mặt đặt ở bái đường. Bài bia do Phan Huy Ích soạn và Ngô Thì Nhậm nhuận sắc. Đây chỉ là một bản sao năm 1927, chép lại từ bài bia soạn năm 1794.

Gian bên phải là khám thờ "đức Thánh Bối" Nguyễn Bình An, vị thánh đã được thờ ở chùa Bối Khê. Tượng thánh làm bằng mây đan ngoài bọc vải phủ sơn.

Hai bên là hai dãy hành lang. Trong cùng là nhà thờ Tổ. Ở giữa còn có gác trống, treo một chiếc trống lớn và một khánh đồng đúc năm Cảnh Hưng thứ 10 (1749).

Gác chuông (2007)

Khánh đồng (2007)

Chuông đồng (2007)

Mặt trước chùa (2007)

Tượng Tuyết Sơn (2007)

Chính điện (2007)

La Hán, phù điêu gỗ sơn (2007)

Tượng Quan Âm tống tử (giữa), đô đốc Đặng Tiến Đông (bên trái), Hà quận công Đặng Thế Vinh (bên phải) (2007)

Vườn Tháp (2007)

Hình cánh sen và hình động vật ở bệ tượng, đất nung (2007)

40. CHÙA PHÚC KHÁNH

福慶禪寺

Thành phố Hà Nội

Toạ lạc tại số nhà 382 phố Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội, Chùa Phúc Khánh còn có nhiều tên gọi khác, như: Chùa Hồng Phúc, điện Hoàng Kim v.v.... nhưng nổi tiếng và phổ biến hơn cả, là tên gọi "Chùa Sở" (vì xưa nằm trên đất "Sở Thịnh Quang" - nơi đặt một "Sở đồn điền" của triều đình ở phường Thịnh Quang, gần "Ngã Tư Sở").

Tương truyền, chùa được xây dựng từ cuối thời Trần. Đến thời hậu Lê, đã là cơ sở đào tạo các tăng ni Phật tử.

Theo bài minh trên chuông đồng đặt tại chùa (đúc năm 1796), thì chùa Sở bỗng nhiên gặp cơn binh hỏa, hư hỏng hoàn toàn (có thể, đây là ảnh xạ của trận Đống Đa, đầu xuân Kỷ Dậu, năm 1789). Sau đó, chùa được nhà sư Chiếu Liên cùng dân địa phương và thập phương hợp sức xây dựng lại. Năm Bính Thìn, Đô đốc Tây Sơn Trần Văn Lễ cúng chùa quả đại hồng chung và pho tượng Cửu Long.

Chùa đã qua nhiều lần trùng tu. Ngôi chùa như ngày nay là do dân làng đóng góp xây dựng vào năm 1950. Tiếp đến, vào các năm 1993, 1996, 1998... nhà chùa đã cho xây dựng thêm nhà khách, thư viện... khang trang hiện đại. Trong chùa còn lưu giữ được nhiều hiện vật quý giá. Trên 20 pho tượng Phật các loại, có một số tạc từ thời Tây Sơn, 21 tấm bia đá, tấm cổ nhất dựng năm 1698, ba đại hồng chung, 14 bộ bao lam (cửa võng), và nhiều đồ thờ tự khác...

Chùa Phúc Khánh là một chùa cổ nhỏ, nằm giữa phố phường sầm uất, tấp nập, là nơi thu hút rất nhiều Phật tử đến chiêm bái, cầu an, giải hạn...Hằng năm vào những ngày rằm tháng giêng, rằm tháng tư (Phật đản), rằm tháng bảy (lễ Vu lan, lễ "ra hạ" - sau một mùa an cư) ... hàng vạn người đến chùa hành lễ, tràn ra khắp cả một vùng hè đường Tây Sơn.

Tam quan chùa Phúc Khánh (1995)

Rồng chầu mặt nguyệt trên bờ nóc chùa (1995)

Đại Đức Thích Thanh Quyết hành lễ (1995)

Lễ Phật (2008)

Chính điện (1995)

Tượng Thích Ca Cửu Long (1995)

Sân chùa rằm tháng Bảy năm Mậu Tý (2008)

Chuông đồng (2008)

Tháp chùa (2008)

Hàng vạn Phật Tử đã đến chùa Phúc Khánh dự lễ Phật đản (2008)

41. CHÙA BÚT THÁP

寧福寺

Tỉnh Bắc Ninh

Chùa Bút Tháp, còn có tên là Ninh Phúc tự, ở bên đê sông Đuống, thôn Bút Tháp, xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Đây là một quần thể kiến trúc còn giữ lại nhiều di tích thế kỷ XVII.

Toàn bộ kiến trúc chùa gồm 10 nếp nhà nằm trên một trục dài hơn 100m. Qua cửa tam quan, đến gác chuông hai tầng, tám mái. Tiếp đến là nhà tiền đường, có hai tượng Hộ Pháp rất lớn. Hai đầu nhà tiền đường, có hai tấm bia đá, dựng năm 1647. Nhà thiêu hương nối liền đường với thượng điện. Trên xà nhà thiêu hương có tấm gỗ chạm hình rồng và phượng có niên đại thế kỷ XVII. Ở nhà thiêu hương còn chiếc hương án gỗ chạm cùng niên đại. Thượng điện dựng trên nền cao hơn 1m. Xung quanh thượng điện có lan can bằng đá với 26 bức phù điêu. Gian giữa thượng điện có 3 pho tượng tam thế đẹp, với hai hương án bằng gỗ, đều được chạm khắc vào thế kỷ XVII. Hai gian bên có khá nhiều tượng, đáng chú ý nhất là tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay nổi tiếng do nhà điêu khắc họ Trương tạc năm 1656. Pho tượng Tuyết Sơn ở đây cũng là một kiệt tác của thế kỷ XVII.

Từ thượng điện, một chiếc cầu đá có ba nhịp uốn cong dẫn đến ngôi nhà gọi là Tích Thiện am. Trên cầu cũng có 12 bức phù điêu đá chạm chim muông hoa lá. Tích Thiện am là một nhà có ba tầng mái.

Trong Tích Thiện am, có cây Cửu Phẩm Liên Hoa, là một tháp bằng gỗ 9 tầng, 8 mặt, có thể quay tròn quanh một trục, có gắn tượng Phật và

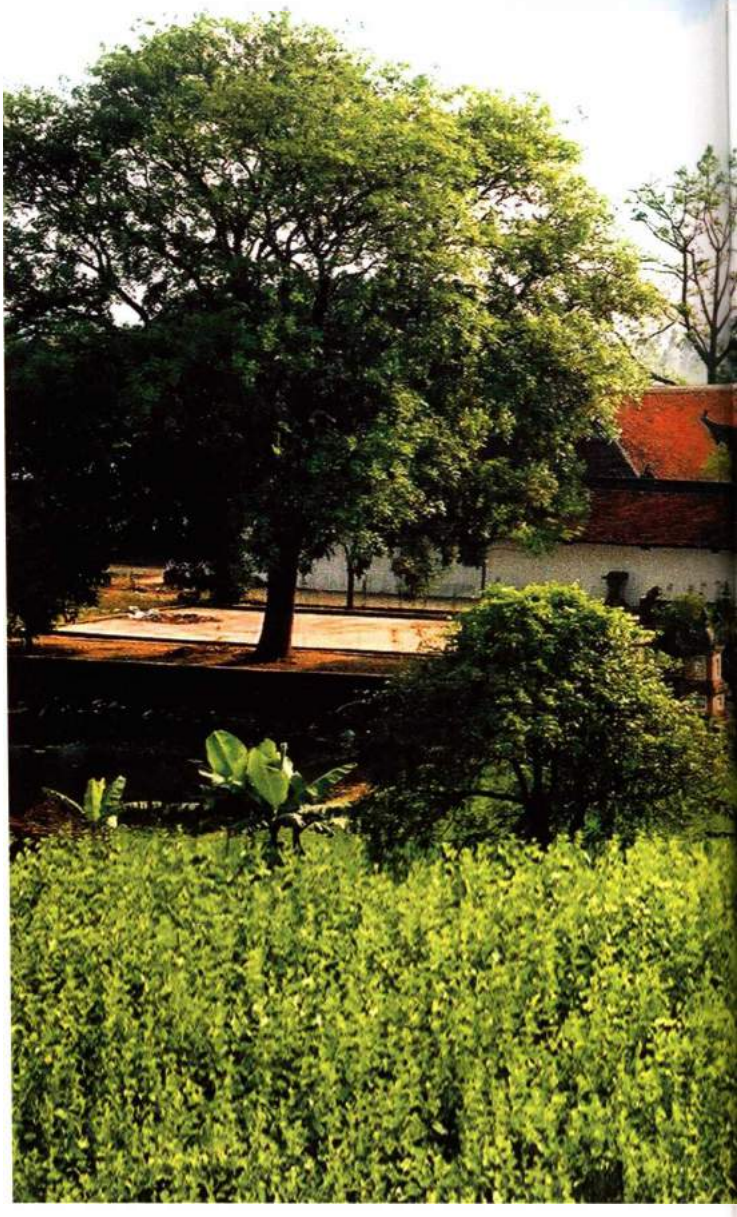

Toàn cảnh chùa Bút Tháp (1991)

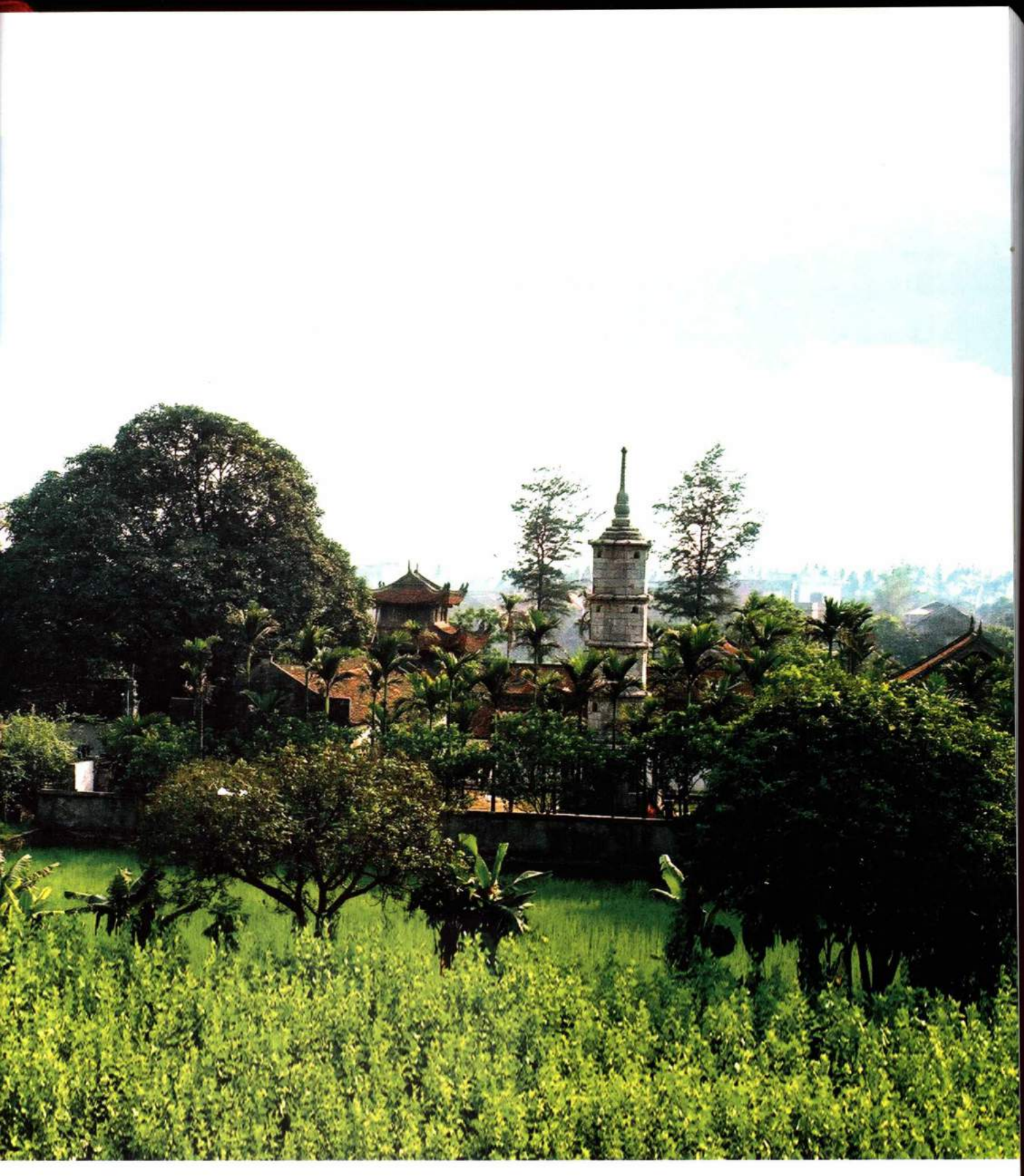

chạm những cảnh dân gian hay lấy đề tài trong Phật thoại.

Phía sau Tích Thiện am là ba nếp nhà song song nhau thành hình chữ tam. Phía trước là nhà trung, nơi hội họp của các nhà sư. Giữa là nhà phủ thờ, có tượng của thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc, công chúa Lê Thị Ngọc Duyên và quận chúa Trịnh Thị Ngọc Cơ là những người đã góp công để xây dựng chùa vào thế kỷ XVII. Ở đây còn có tấm bia dựng năm 1714. Cuối cùng là nhà hậu đường, bày tượng tổ các đời, trong đó có tượng tổ thứ hai là thiền sư Minh Hạnh.

Xưa kia, chùa còn hai dãy hành lang, mỗi bên 26 gian, nhưng nay đã đổ nát hết, chỉ còn lại năm gian bên phải, dùng để chứa ván in kinh.

Phía ngoài hành lang, bên trái là nhà tổ đệ nhất, có tượng của thiền sư Chuyết Chuyết, vị tổ thứ nhất của chùa, viên tịch năm 1644. Ở đây, có tấm bia dựng năm 1646 nói về việc thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc xin chúa Trịnh Tráng cho xây dựng chùa, và tấm bia dựng năm 1647 nói về tiểu sử của thiền sư Chuyết Chuyết. Gần nhà tổ đệ nhất, có một giếng nhỏ, thành giếng bằng đá tạc hình những cánh sen.

Chùa Bút Tháp có nhiều tháp. Ngôi tháp đẹp nhất là tháp Báo Nghiêm cao hơn 13m, có 5 tầng, làm toàn bằng đá. Trong tháp có tượng nhà sư Chuyết Chuyết. Bên ngoài có cột chạm hình rồng và các tấm phù điêu ở lan can. Tháp Tôn Đức sau chùa cũng xây bằng đá, cao 10m, có 5 tầng. Trong tháp có tượng nhà sư Minh Hành. Trên các mặt tháp Tôn Đức có một số bi ký được khắc vào các năm khác nhau của các thế kỷ XVII và XVIII, nói về tiểu sử sư Minh Hành, công chúa Ngọc Duyên và về ruộng đất được cúng vào chùa.

Gác chuông (2004)

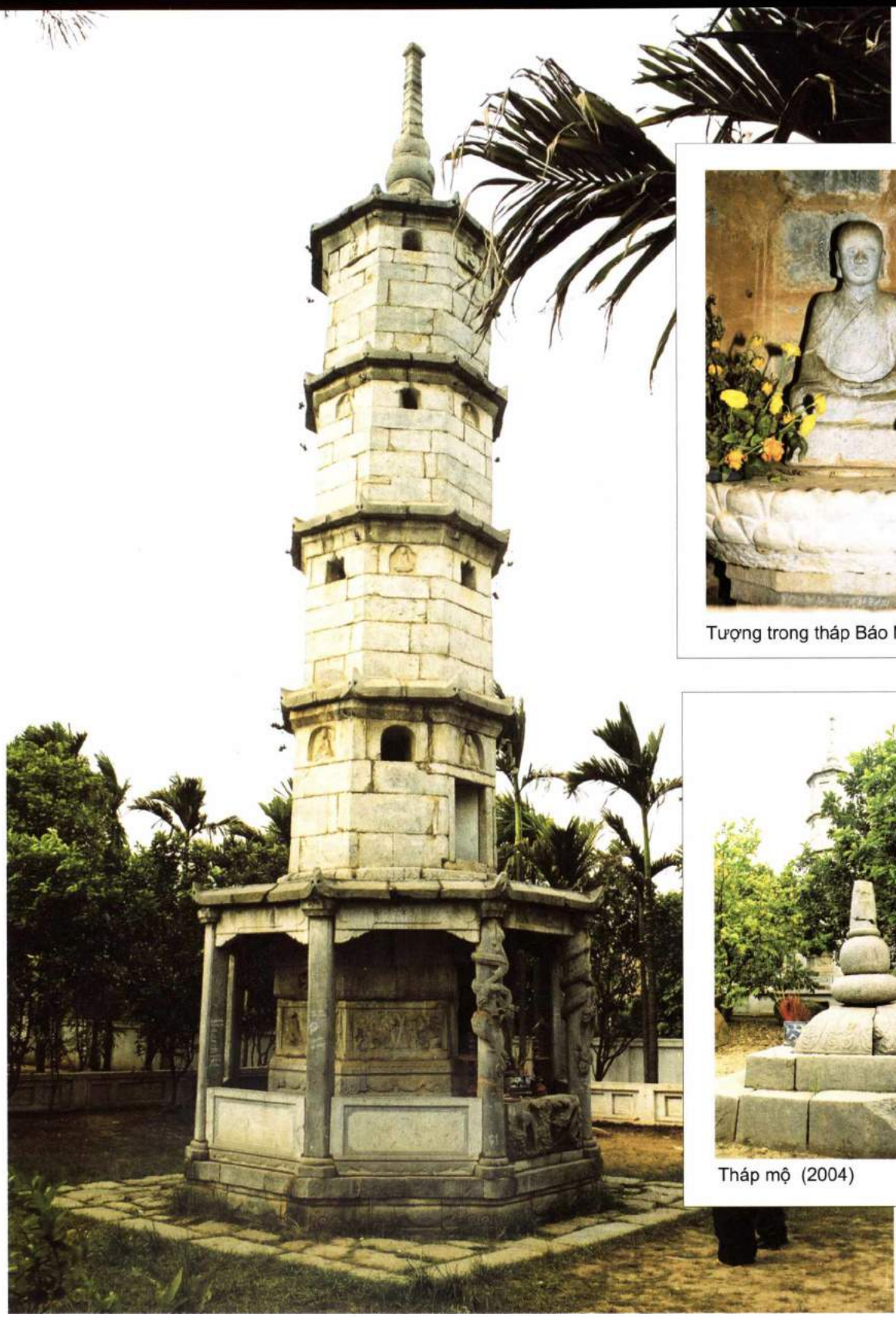

Tháp Báo Nghiêm (2004)

Tượng trong tháp Báo Nghiêm (2004)

Tháp mộ (2004)

Tượng Tam Thế và Di Đà Tam Tôn (2004)

Văn Thù Bồ Tát (2004)

Tượng Tuyết Sơn (2004)

Phổ Hiền Bồ Tát (2004)

Tượng Quan Âm Nghìn Mắt Nghìn Tay (1991)

Phù điêu trang trí trên lan can quanh thượng điện và ở lan can chùa (2004)

Nhà thượng điện có lan can đá bao quanh (2004)

Đi lễ chùa (1991)

Cầu đá (2004)

Tích Thiện am (2005)

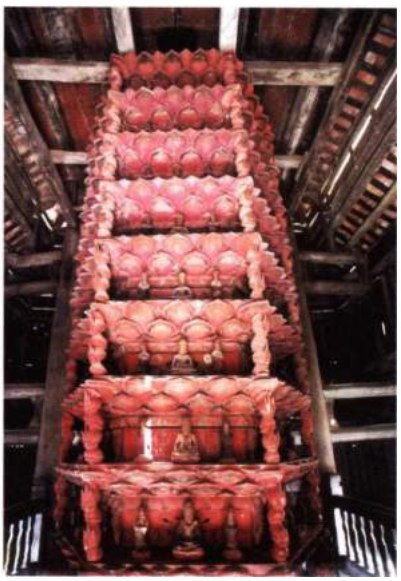

Một phần tòa Cửu Phẩm Liên Hoa (2004)

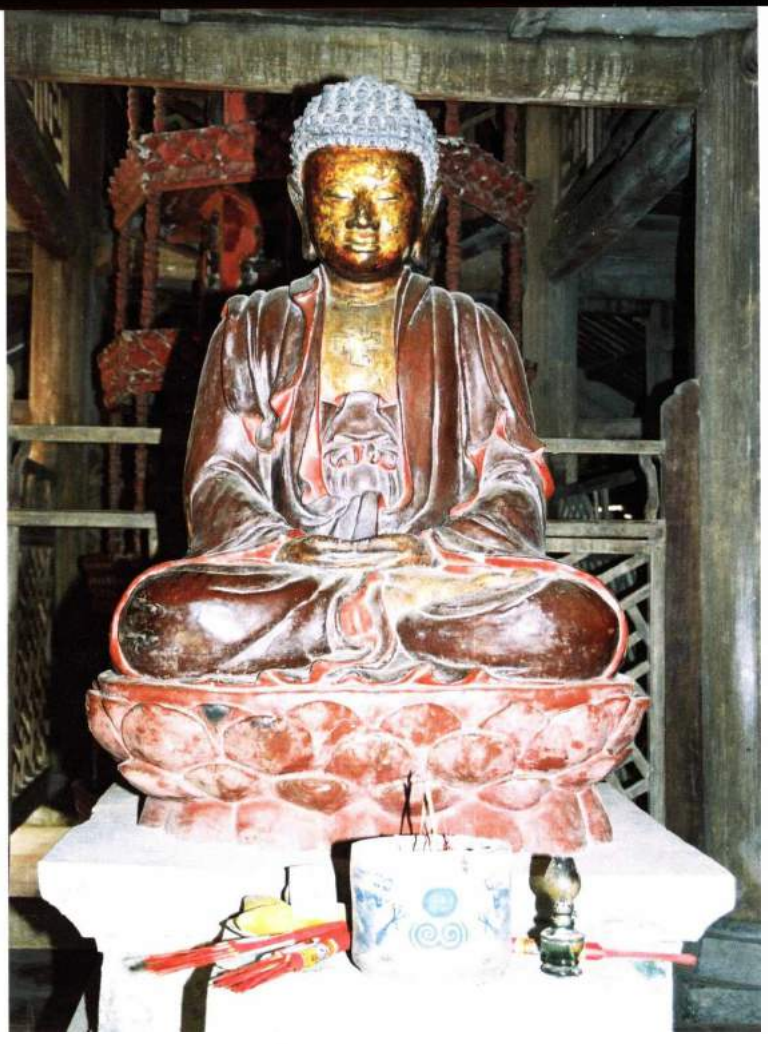

Tượng Phật Bà (2005)

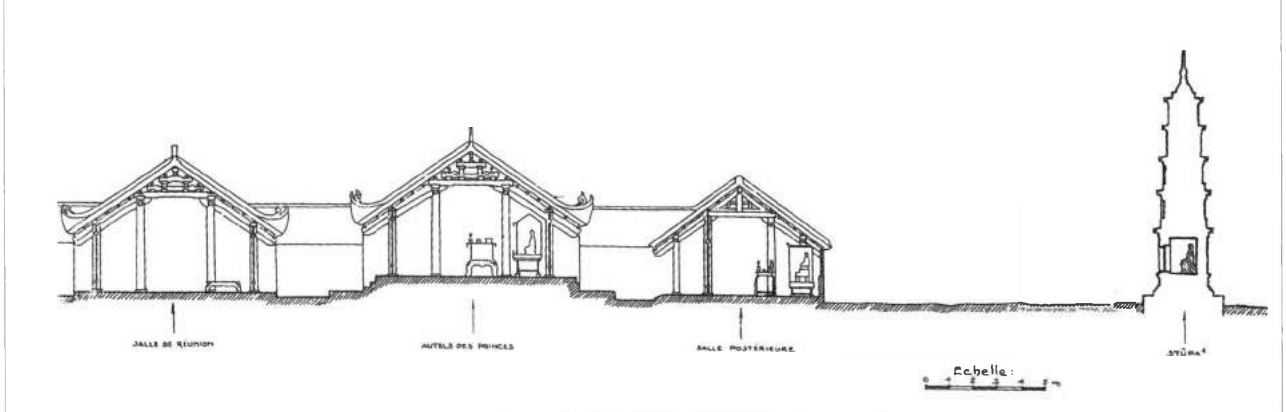

Pl. XII Temple bouddhique NINH-PHÚC, à Bút-tháp (Bắc-ninh).
Coupe transversale de l'ensemble du temple.

Sơ đồ mặt cắt ngang tổng thể chùa Bút Tháp. Bản vẽ XIV
Theo Louis Bezacier: "*Relevés de monuments anciens du Nord Việt Nam. Paris-1959-EFEO*"

42. CHÙA ĐẬU

法雨寺

Thành phố Hà Nội

Chùa có tên là Thành Đạo tự, ở xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây cũ. Vì chùa thờ Bà Đậu hay nữ thần Pháp Vũ, nên chùa được gọi là chùa Đậu, và có tên là Pháp Vũ tự.

Tương truyền, chùa được dựng dưới thời Bắc thuộc, nhưng theo văn bia, chùa được xây từ triều Lý.Tuy nhiên, rõ ràng là chùa được trùng tu nhiều lần, có lẽ một lần tu tạo lớn vào thời Mạc, thế kỷ XVI. Trong chùa còn nhiều viên gạch lớn thời Mạc và một số bia có niên hiệu Sùng Khang (1566-1577).

Theo tấm bia niên hiệu Dương Hòa thứ 5 (1639), chúng ta biết có một lần trùng tu lớn vào năm 1635, đời vua Lê Thần Tông, do cung tần Ngô Thị Ngọc Nguyên đứng ra làm hội chủ hưng công. Có lẽ chùa có quy mô như hiện nay cơ bản là bắt đầu từ thế kỷ XVII.

Sau chùa là sông Nhuệ. Chùa được dựng theo kiểu "Nội Công ngoại Quốc". Tam quan chùa là một gác chuông đẹp, 2 tầng 8 mái với các đầu đao cong vút. Nhiều bộ phận gỗ được chạm khắc hình rồng, phượng và hoa lá.

Tầng trên treo quả chuông đúc năm Cảnh Thịnh thứ 9 (1801) thời Tây Sơn.

Qua tam quan là một sân gạch rộng, hai bên có hai tòa giải vũ làm nơi nghỉ ngơi cho khách hành hương.

Tiền đường phía trước, nối liền với hai dãy hành lang hai bên và nhà tổ ở phía sau làm thành một khung vuông bao bọc lấy tòa thiêu hương và điện thờ Bà Đậu hay nữ thần Pháp

Chùa Đậu (1991)

Vũ. Tượng Bà Đậu ở đây khá độc đáo, khác với tượng nữ thần này ở chùa Dâu (Bắc Ninh).

Ở chùa Đậu có khá nhiều bia đá từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII. Chùa có nhiều bia đẹp, chẳng hạn tấm bia năm 1751, do Bính quận công Vũ Tất Trấn dựng, người soạn bài văn bia là tiến sĩ Nguyễn Công Thái.

Trong chùa có chiếc khánh đồng đúc năm 1774 với bài minh do Tứ Xuyên bá Phan Trọng Phiên soạn. Ở đây còn có hai tấm biển gỗ sơn son thiếp vàng khắc hai bài thơ nôm của chúa Trịnh Căn (1682-1709) và chúa Trịnh Cương (1709-1729).

Đặc biệt là trong chùa còn có hai pho tượng của hai nhà sư Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường đã tu ở chùa vào khoảng thế kỷ XVII, được tạo thành bằng cách bó sơn ta rồi quang dầu ra ngoài chính thi hài các nhà sư. Khi chiếu X quang, các nhà nghiên cứu còn thấy rõ xương cốt bên trong thi hài. Đó là một cách tạo tượng độc đáo ở Việt Nam.

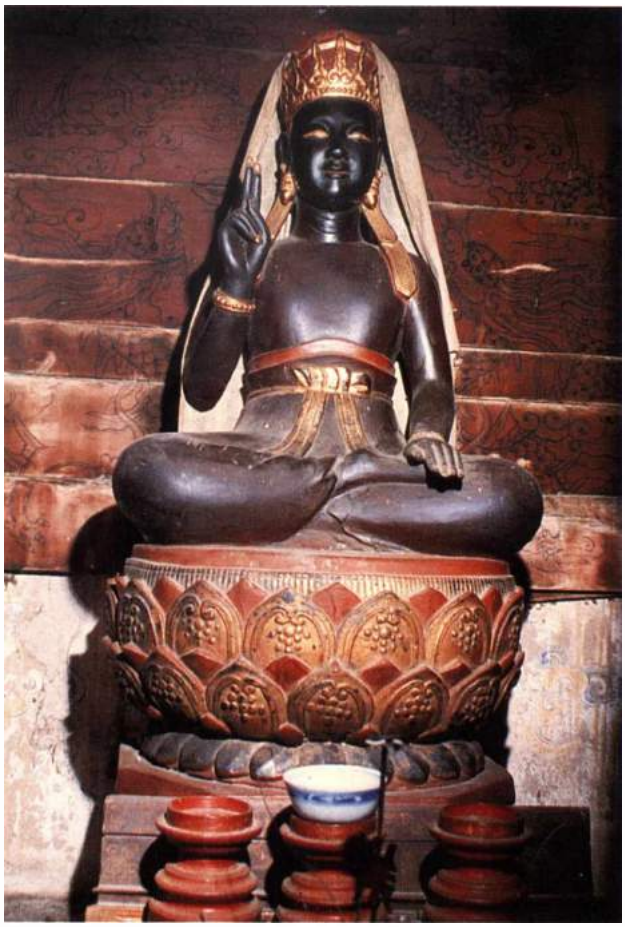

Tượng Bà Đậu (1991)

Chạm gỗ thế kỷ XVII (2008)

Rồng đá bậc lên xuống cửa chùa (2008)

Nhà thiêu hương tạm dựng năm 1986 (2008)

Thiền sư:Tự Đạo Chân
Thế danh: Vũ Khắc Minh (2008)

Thiền sư:Tự Đạo Tâm
Thế danh: Vũ Khắc Trường (2008)

43. CHÙA KEO

神光寺

Tỉnh Thái Bình

Chùa Keo, có tên là Thần Quang tự, ở xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, là một ngôi chùa lớn ở Việt Nam.

Thần Quang tự vốn là tên một ngôi chùa được xây từ năm 1061 ở hương Giao Thủy, cạnh bờ sông Hồng. Ban đầu, chùa có tên là Nghiêm Quang tự, đến năm 1167, mới đổi thành Thần Quang tự. Vì Giao Thủy có tên Nôm là Keo, nên ngôi chùa này cũng được gọi là chùa Keo.

Năm 1611, nước sông Hồng lên to, làm ngập cả làng nơi có chùa. Một bộ phận dân cư dời đi nơi khác, lập thành làng Hành Cung, sau đổi là Hành Thiện, xây dựng ngôi chùa Keo mới, thường được gọi là chùa Keo Dưới hay chùa Keo Hành Thiện (nay ở xã Xuân Hồng, huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Định). Một bộ phận dân cư dời sang tả ngạn sông Hồng, lập làng Dũng Nhuệ trên đất Thái Bình và cũng dựng lên một ngôi chùa, được gọi là chùa Keo Trên, tức ngôi chùa chúng ta đang nói tới ở đây.

Công việc xây dựng ngôi chùa này, theo tấm bia năm 1632 trong chùa, được bắt đầu từ năm 1630 và hoàn thành vào năm 1632. Người đứng đầu việc vận động quyên góp tiền của để dựng chùa là bà Lại Thị Ngọc Lễ, vợ viên hoạn quan nổi tiếng bấy giờ là Hoàng Nhân Dũng (Dũng bị chúa Trịnh Tráng giết 20 năm sau, năm 1652).

Bia Chùa Keo dựng năm Chính Hòa thứ 19 (1698)

Chùa được trùng tu nhiều lần, vào các năm 1689, 1707, 1941... Lần trùng tu năm 1941, có sự giúp đỡ của Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp.

Chùa được làm trên một khu đất rộng, khoảng 58.000m^2, gồm nhiều ngôi nhà làm thành những cụm kiến trúc khác nhau.

Chùa có hai tam quan, ngoài và trong, cách nhau một hồ nước. Tam quan trong còn giữ được bộ cánh cửa gỗ thế kỷ XVII, cao 2m, rộng 2,6m, chạm một ổ rồng, với những con rồng mẹ và rồng con, chầu mặt nguyệt.

Qua tam quan, đến phần chùa thờ Phật, gồm ba ngôi nhà nối vào nhau. Ngôi nhà ở ngoài, gọi là chùa hộ, còn giữ được nhiều mảng điêu khắc gỗ thế kỷ XVII. Ngôi nhà giữa, gọi là ống muống, và ngôi nhà trong, tức Phật điện, đều có cá bàn thờ đặt các tượng Phật và Bồ Tát, cùng 10 vị Diêm Vương. Đặc biệt ở đây có tượng Thích Ca nhập niết bàn, tượng Bồ Tát Quan Âm Chuẩn Đề đặt giữa tượng Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền...

Sau chùa thờ Phật là đền thờ Thánh tức nơi thờ thiền sư Không Lộ, nhà sư thời Lý đã xây dựng và trụ trì ở ngôi chùa đầu tiên, chùa Nghiêm Quang, bên bờ sông Hồng. Đền cũng có bốn ngôi nhà liền nhau: tòa Giá Roi, chỉ có một bàn thờ nhỏ, nhà thiêu hương có nhiều bàn thờ cho khách thập phương cúng vọng vào hậu cung, tòa thứ ba gọi là Phụ Quốc hay hậu cung, nơi để bài vị Không Lộ và cuối cùng là tòa thượng điện, nơi đặt tượng Không Lộ.

Qua một sân nhỏ, đến gác chuông. Gác chuông chùa Keo là một kiến trúc đẹp, cao 11,04m, có ba tầng mái. ở tầng một, có treo một khánh đá. Tầng hai có quả chuông đồng lớn đúc năm 1686. Hai quả chuông nhỏ treo ở tầng ba và tầng thượng đều được đúc năm 1796.

Hai hành lang dài chạy từ chùa Hộ nối với nhà tổ và nhà trai sát gác chuông, bao quanh toàn bộ chùa.

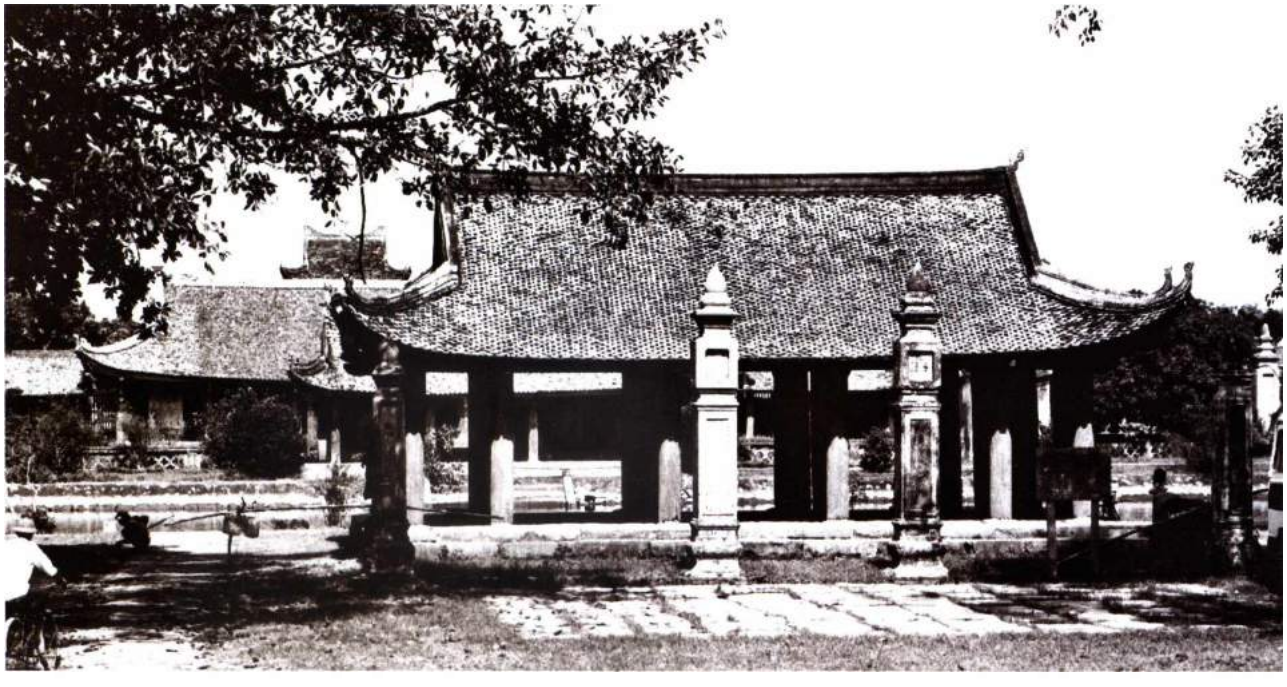

Chùa Keo (1991)

Toàn cảnh chùa Keo (2003)

Phật điện - Tượng Thích Ca nhập Niết Bàn ở trước tượng Cửu Long (1991)

Thập điện Diêm Vương (1991)

Tan hội (2005)

Các kiểu kiến trúc chùa Keo, sau cùng là gác chuông (1991)

Bộ cánh cửa gỗ chùa Keo, thế kỷ XVI (1991)

Bộ bát bửu, thế kỷ XVI (1991)

Tượng thiền sư Không Lộ (1991)

Phật điện (1991)

Hộ Pháp (1991)

Hình con rối (1991)

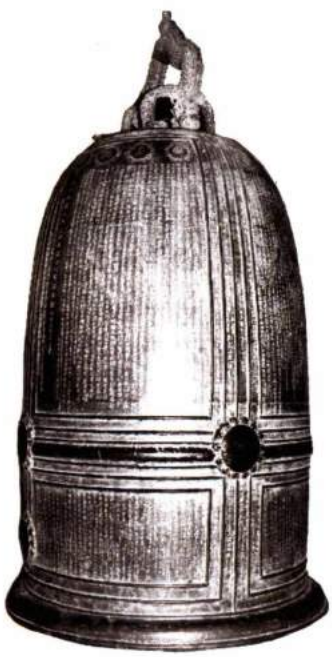

Chuông đồng

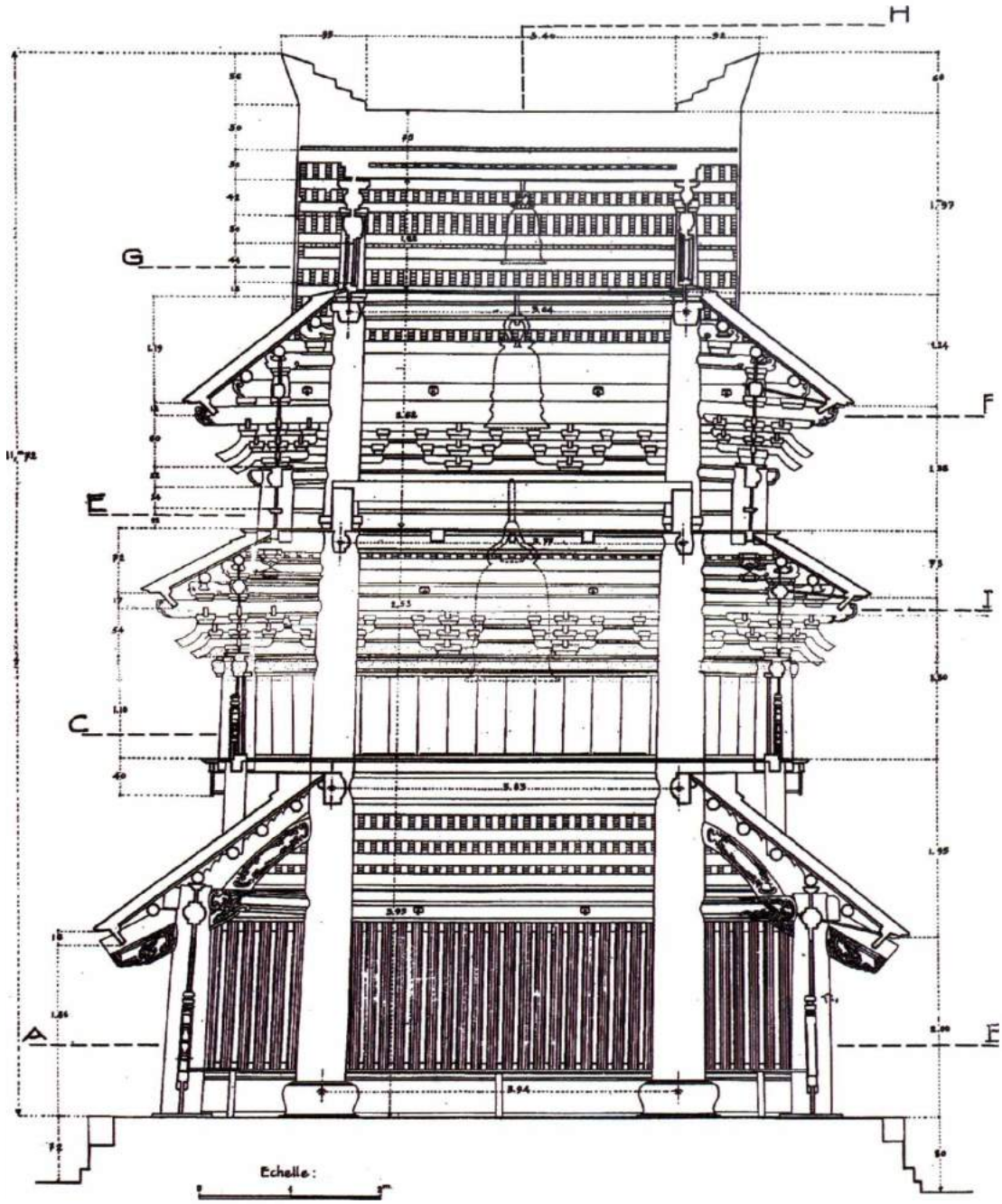

Sơ đồ mặt cắt dọc gác chuông chùa Keo. Bản vẽ XLIV
Theo Louis Bezacier:"*Relevés de monuments anciens du Nord Việt Nam. Paris-1959-EFEO"*

Gác chuông chùa Keo (1991)

44. CHÙA MÍA

崇嚴寺

Thành phố Hà Nội

Chùa có tên chữ là Sùng Nghiêm tự, nay ở xã Đường Lâm, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây cũ. Xưa kia, vùng đất này là Cam Giá, tên Nôm là Mía, nên chùa này vẫn quen gọi là chùa Mía.

Theo truyền thuyết, chùa này do bà Nguyễn Thị Rong, vợ chúa Trịnh Tráng (1623-1657), được gọi là Bà Chúa Mía, cho xây dựng. Thực ra chùa đã có từ trước đó. Dưới gác chuông, vẫn còn tấm bia năm Vĩnh Tộ thứ 3 (1621) nói về việc lập chợ trước chùa. Và theo tấm bia khắc năm Đức Long thứ 6 (1634) ở trong chùa thì chùa được trùng tu năm 1632, do các cung tần phủ chúa là Nguyễn Thị Ngọc Rệu, Nguyễn Thị Ngọc Thạch và phu nhân Ngô Thị Ngọc Loan. Đây là một lần sửa chữa lớn, làm cho quy mô chùa rộng ra.

Vào chùa, trước hết đi qua gác chuông là ngôi nhà ba gian làm theo kiểu chồng diêm 2 tầng 8 mái. Ở dưới, ngoài tấm bia năm 1621 nói trên, còn có tấm bia năm 1750 (năm Cảnh Hưng thứ 11), nói về việc sửa lại tiền đường. Trên gác, treo một quả chuông đúc năm Cảnh Hưng thứ 4 (1743) và một khánh đồng đúc năm Thiệu Trị thứ 6 (1864).

Trong tiền đường, ở gian phải có tấm bia khắc năm 1634, nói về việc trung tu chùa năm 1632. Bia có trang trí đẹp, cao hơn 1,6m, rộng 1,2m, dựng trên lưng rùa. Gian trái của tiền đường có bàn thờ công chúa Liễu Hạnh. Nằm sát và song song với tiền đường là trung điện, thường được gọi là chùa Trung. Chùa Trung nối với hậu đường, được goi là chùa Thượng,

Chùa Mía (1991)

bằng hai dãy hành lang, bao quanh lấy Phật điện ở giữa.

Chùa Trung và chùa Thượng còn giữ được bộ khung gỗ mà nhiều phần và các mảng điêu khắc có thể là từ thế kỷ XVII.

Chùa Mía nổi tiếng với số lượng tượng lớn: có đến 287 pho tượng. Ở chùa Trung có 2 tượng Hộ Pháp rất lớn và 8 pho tượng Kim Cương khá sinh động. Ở chùa Thượng, người ta đắp đất thành các động. Trong và quanh các động, cũng có nhiều tượng. Trong một động có cả tượng Thích Ca nhập niết bàn là loại tượng ít gặp ở miền Bắc Việt Nam.

Pho tượng Tuyết Sơn, tức Thích Ca tu khổ hạnh, ở đây cũng rất đẹp. Nhưng người ta thường ca tụng pho Quan Âm tống tử ở chùa Mía, chạm một người phụ nữ hiền dịu với một đứa bé kháu khỉnh.

Quan Âm Chuẩn Đề (1991)

Bát Bộ Kim Cương (1991)

Phật điện: sau tượng Phật sơ sinh là tượng Di Lặc (1991)

Tượng Thích Ca nhập Niết Bàn ở trong động, tượng trước là Quan Âm tống tử (1991)

Tượng La Hán (1991)

Tượng Tuyết Sơn (1991)

Tượng Hộ Pháp (1991)

Phật điện (1991)

Chuông đồng đúc năm Cảnh Thịnh thứ 1, năm 1801 (1991)

Chạm gỗ, thế kỷ XVII (1991)

45. CHÙA HƯƠNG TÍCH

香跡寺

Thành phố Hà Nội

Thường gọi tắt là chùa Hương, một quần thể danh lam thắng cảnh nằm trên địa bàn xã Hương Sơn, một xã rộng khoảng 30km², ở huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây cũ, nằm ven bờ phải sông Đáy. Đây cũng là một vùng có những dãy núi đá vôi nhấp nhô kề bên những dòng suối uốn lượn quanh co. Trên núi, hay trong các hang, ở các thôn Yến Vĩ, Đục Khê, Hội Xá và Phú Yên người ta đã xây dựng nhiều đền, chùa, mà trung tâm là chùa Hương trong động Hương Tích.

Vùng Hương Sơn bắt đầu có chùa Phật vào khoảng thế kỷ XV, nhưng các ngôi chùa chính được xây dựng với quy mô lớn là vào khoảng cuối thế kỷ XVII. Cho đến đầu thế kỷ XX, trong khu vực này, đã có hơn một trăm ngôi chùa.

Để thăm các chùa ở Hương Sơn, người hành hương và khách du lịch thường đi theo các tuyến đường khác nhau. Tuyến chính là từ bến Yến, đi thuyền theo suối Yến, đến bến Trò (tức bến Thiên Trù). Cũng có thể đi theo con đường bộ ven chân núi. Trên đường từ bến Yến vào bến Trò, người ta dừng thuyền ở đền Trình (có nghĩa là nơi "trình diện" với thần linh) trên núi Ngũ Nhạc. Đây là đền thờ một vị thần núi. Trên dòng suối Yến, có một nếp cầu gỗ khá đẹp, gọi là cầu Hội. Từ chân cầu bên trái, có thể đi vào ngôi chùa Thanh Sơn trong một động núi.

Cuối suối Yến là bến Trò, từ đây lên bờ đến chùa Trò, tức chùa Thiên Trù (có nghĩa là "Bếp Trời"), còn được gọi là chùa Ngoài. Từ bến vào chùa có một nhà bia, trong có tấm bia "Thiên Trù tự bi ký" dựng năm Chính Hòa thứ 7 (1686), ghi

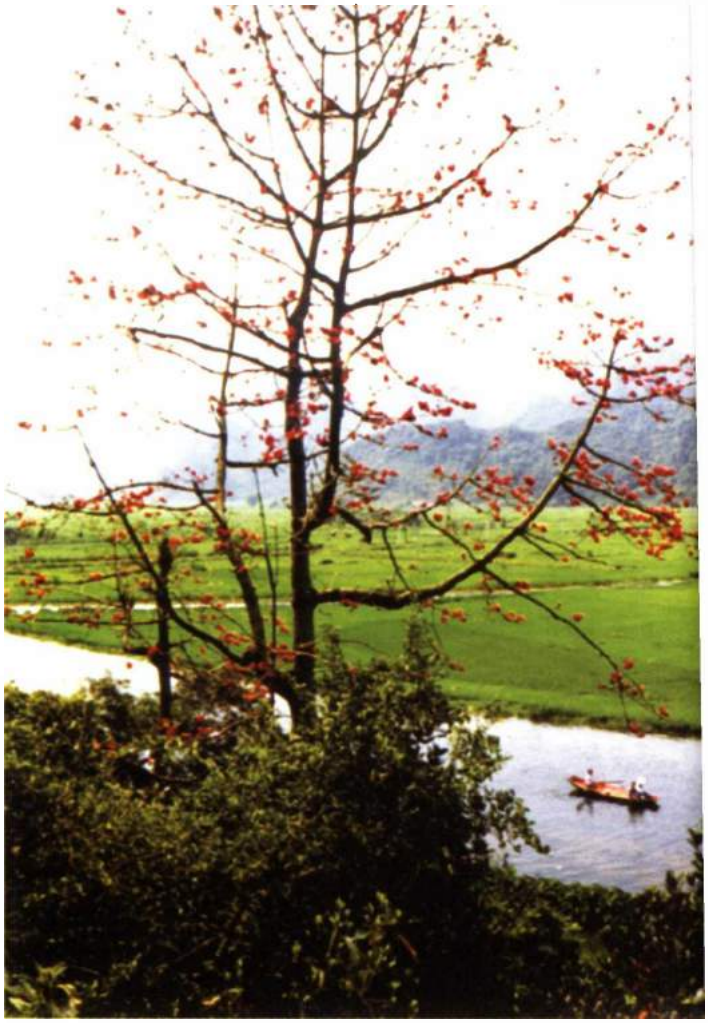

Suối Yến

lại những hoạt động tu sửa chùa Thiên Trù và chùa Hương Tích của nhà sư Viên Quang.

Giữa sân chùa có một đỉnh đồng cao 3m. Cạnh sân có hồ bán nguyệt và vườn tháp. Trong vườn tháp, còn có ngôi tháp Viên Công chứa hài cốt nhà sư Viên Quang, được dựng từ thế kỷ XVII. Tháp xây gạch trần màu đỏ, có 4 tầng, tầng thứ 2 và thứ 3 có mái cong với các đầu đao. Ở chùa Thiên Trù hiện còn quả chuông đúc năm Cảnh Thịnh thứ 2 (1793) thời Tây Sơn. Bài minh cho biết người đi quyên góp để đúc quả chuông

này là nhà sư Hải Viên. Xưa kia, Thiên Trù là một kiến trúc lớn, nhưng đã bị phá hủy năm 1947. Ngôi chùa hiện tại nhỏ hơn ngôi chùa cũ. Bái đường và hậu cung chùa Thiên Trù mới được xây dựng lại gần đây. Giữa điện thờ Phật có tượng Quan Âm Nam Hải bằng đá, tạc theo mẫu tượng trong chùa Hương Tích nhưng được phóng to gấp 2,5 lần, cao đến 2,8m.

Gần chùa Thiên Trù là núi Tiên, có chùa Tiên ở trong hang. Trong chùa, có 5 pho tượng bằng đá do những người thợ đá ở Kiện Khê (Hà Nam) tạc năm 1907, dựa vào truyền thuyết Bà Chúa Ba Diệu Thiện đã đắc đạo thành Quan Thế Âm ở Hương Sơn. Tượng Bà Chúa Ba ở giữa. Phía trước là tượng người chị cả Diệu Thanh cưỡi sư tử xanh (tức là đã trở thành Bồ Tát Văn Thù) và tượng người chị thứ hai Diệu Âm cưỡi voi trắng (tức là đã trở thành Bồ Tát Phổ Hiền). Phía sau là tượng vua cha và hoàng hậu mẹ của Bà Chúa Ba.

Giữa đường từ chùa Thiên Trù đến chùa Hương là chùa Giải Oan. Gần chùa này có

động Tuyết Kinh và đền Cửa Võng, thờ mẫu Thượng Ngàn.

Từ chùa Thiên Trù, theo đường núi quanh co và nhiều dốc, khoảng 2km, ta đến chùa Hương, trong động Hương Tích, còn gọi là chùa Trong. Đường xuống hang chùa là một dốc gồm 120 bậc lát đá. Vách đá trước cửa động có năm chữ Hán "Nam Thiên đệ nhất động" (nghĩa là Động thứ nhất ở trời Nam) khắc năm 1770, đời chúa Trịnh Sâm. Hang khá rộng, có nhiều nhũ đá với hình dạng khác nhau, được gọi bằng các tên như: Núi Cô, Núi Cậu, Đụn Gạo, Đụn Tiền, Buồng Tằm, Nong Kén,... Trên bệ thờ Phật, còn có pho tượng Quan Âm bằng đá khá đẹp, ngồi ở tư thế đặc biệt, tay cầm viên ngọc minh châu, chân trái duỗi, đặt trên một bông sen, chân phải co, dưới chân cũng có một bông sen với lá mềm mại. Theo bài ký khắc trên đá năm 1806 thì pho tượng này được tạc năm 1793. Trong động Hương Tích còn quả chuông đồng cao 1,24m, đường kính đáy 0,63m, đúc năm Thịnh Đức thứ 3 (1655). Từ chùa Thiên Trù, có lối rẽ qua rừng mơ, đến chùa Hinh Bồng.

Một tuyến hành hương khác là theo suối Tuyết đến chùa Bảo Đài. Trong chùa còn giữ được một pho tượng Cửu Long bằng đồng rất đẹp. Từ chùa Bảo Đài, theo một con đường phẳng, ta đến chùa Tuyết trong động Tuyết Sơn, cũng gọi là động Ngọc Long. Chùa Tuyết do một bà quận chúa thời Trịnh dựng vào năm 1694. Ở đây, còn có phù điêu chân dung bà tạc vào vách động.

Một tuyến đường nữa là theo một nhánh của suối Yến, qua núi Ông Sư Bà Vãi, cập bến Long Vân. Từ chùa, vượt qua một con đường núi, đến một thung lũng trồng dâu. Gần đó có chùa Cây Khế, cũng ở trong một hang núi. Cách đó vài trăm mét, có hang Sũng Sàm, một di chỉ Văn hóa Hòa Bình thời đại đá đã được các nhà khảo cổ học khai quật.

Chùa Hương Tích đã qua nhiều liệt Tổ trụ trì. Từ đời Lê Thánh Tông (thế kỷ XV) đã có 3 vị hòa thượng đến tu hành tại đây. Đến năm 1687, hòa thượng Trần Đạo Viên Quang đã đến

Lễ khai Hội chùa Hương năm 2008

đây dựng lại thảo am thờ Phật ở Hương Sơn. Từ đó đến nay chùa Hương Tích đã qua 12 đời Hòa thượng trụ trì. Các vị trụ trì gần đây là: Hòa thượng Thích Thanh Tích (1881-1964), Hòa thượng Thích Thanh Chân (1905-1989), Hòa thượng Thích Viên Thành (1950-2002). Vị trụ trì hiện nay - Đời thứ 12 là Đại đức Thích Minh Hiền, chuyên tâm thờ Phật và tiếp tục công việc tôn tạo của các vị Hòa thượng lớp trước.

Hội chùa Hương Tích là hội chùa kéo dài nhất ở Việt Nam. Hàng chục vạn người đã trẩy hội chùa trong suốt ba tháng sau Tết Nguyên đán Âm lịch.

Đền Trình

Toàn cảnh chùa Thiên Trù

Nam Thiên Môn

Chùa Thiên Trù

Gác chuông

Nhà Mẫu

Nhà bia

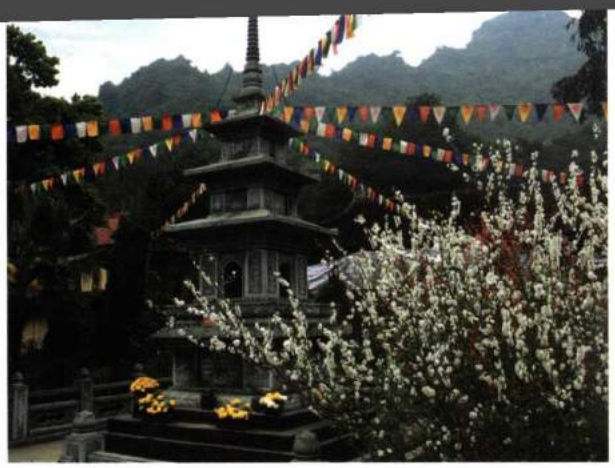

Tháp đá Chân Tịnh

Chùa Tiên Sơn

Phật Bà trong động Hương Tích

Chùa Giải Oan

Động Hương Tích

46. CHÙA TÂY PHƯƠNG

崇福寺

Thành phố Hà Nội

Chùa Tây Phương, còn có tên là Sùng Phúc tự, dựng trên núi Tây Phương (tên xưa là núi Câu Lậu), một ngọn núi cao chừng 50m, ở xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây cũ; cách trung tâm Hà Nội chừng 50km về phía Tây.

Từ chân núi, leo 237 bậc lát đá ong thì đến cửa chùa. Chùa có ba nếp nhà song song: bái đường, chính điện và hậu cung. Mỗi nếp nhà có hai tầng mái, với các đầu đao cong vút. Tường xây toàn bằng gạch Bát Tràng nung đỏ, không trát vôi, điểm những cửa sổ tròn với biểu tượng sắc và không. Mái lợp hai lớp ngói: ngói lớp trên có múi in nổi hình lá đề, lớp dưới vuông, sơn năm màu, xếp trên những hàng rui gỗ làm thành ô vuông vắn đều đặn. Cột chùa kê trên những tảng đá chạm hình cánh sen. Chùa Tây Phương được trùng tu nhiều lần vào các năm 1632, 1690, 1735, 1740... Kiểu chùa ba nếp hình chữ tam như hiện nay có lẽ đã ra đời trong lần xây dựng lại năm 1794, gần giống với kiểu chùa Kim Liên bên Hồ Tây (Hà Nội) được dựng năm 1792.

Phù điêu gỗ có ở khắp nơi trong chùa, trên xà, trên bẩy, trên cốn... Nhưng chùa Tây Phương nổi tiếng với các pho tượng. Đáng chú ý nhất là các pho tượng được chạm khắc sinh động, biểu hiện nổi bật những cá tính riêng biệt, bày ở hậu cung mà người ta thường coi là tượng La Hán. Tuy nhiên, theo một danh sách tên các nhân vật được tạc tượng trong một tài liệu còn lưu truyền ở chùa thì đây là tượng các vị tổ Ấn Độ trong quan niệm của Thiền Tông Trung Quốc, như Sànakavasà, Vasumitra, Buddhanandi, Parsva, Asvaghosa, Kapimala,

Chùa Tây Phương (1991)

Nàgàrjuna, Ràhulata, v.v.. Dầu là tượng La Hán hay tượng tổ Thiền, đây cũng là những kiệt tác trong lịch sử điêu khắc Việt Nam.

Tượng Tuyết Sơn, tức tượng Thích Ca tu khổ hạnh trên núi Tuyết, ở chùa Tây Phương cũng rất nổi tiếng, thể hiện một người đứng tuổi gày guộc, da khô đét, má hóp, mắt trũng sâu, đang tập trung tư tưởng cao độ. Phần lớn các tượng ở chùa này như các tượng La Hán (hay tượng Tổ), tượng Tuyết Sơn, tượng Di Lặc, các tượng Kim Cương, ba pho A Di Đà, Quan Thế Âm, Đại Thế Chí trong tư thế đứng... đều được coi là có niên đại cuối thế kỷ XVIII. Nhưng cũng có nhà nghiên cứu mỹ thuật cho rằng tượng Quan Âm 12 tay ở đây có thể có niên đại nửa đầu thế kỷ XVII, và có thể là một trong những tượng được làm vào năm 1635, mà một bi ký trong chùa đã nhắc đến. Các tượng Tam thế và A Di Đà đặt trong hậu cung lại được coi là có niên đại nửa đầu thế kỷ XVII, vào đời chúa Trịnh Giang. Một số tượng khác được tạc vào giữa thế kỷ XIX.

Với khoảng 80 pho tượng đẹp bày trong ba nếp nhà, cùng các phù điêu có mặt ở mọi chỗ, chùa Tây Phương thật sự trở thành một bảo tàng nghệ thuật điêu khắc có giá trị ở Việt Nam.

Cổng chùa (2005)

Đường lên chùa (1991)

Đầu đao chùa Tây Phương (1991)

Chùa Tây Phương (1991)

Tượng Quan Thế Âm Bồ Tát Chuẩn Đề (1991)

Ban thờ (1991)

Tượng Tuyết Sơn (1991)

lahakasyapa
ổ thứ nhất: Ca Diếp. Cao 1,68m

Ananda
Tổ thứ nhì: A Nan Đà. Cao 1,68m

Sanakavasa
Tổ thứ 3: Thương Na Hòa Tu. Cao 1,15m

agupta
thứ 4: Ưu ba cúc đa. Cao 0,99m

Dhrtaka
Tổ thứ 5: Đề đa ca. Cao 1,05m

Miccaka
Tổ thứ 6: Di Giá Ca. Cao 1,75m

Tượng La Hán (tượng Tổ) chùa Tây Phương. Gỗ phủ sơn, cuối thế kỷ XVIII

Vasumita
Tổ thứ 7: Bà tu mật. Cao 1,73m

Buddhanandi
Tổ thứ 8: Phật đà nan đề. Cao 1,02m

Buddhamita
Tổ thứ 9: Phục đà mật đa. Cao 1,30m

Parsviska
Tổ thứ 10: Hiếp tôn giả. Cao 1,78m

Asvaghosha
Tổ thứ 12: Mã minh. Cao 1,16m

Kapimala
Tổ thứ 13: Ca tỳ ma la. Cao 1,68m

Tượng La Hán (tượng Tổ) chùa Tây Phương. Gỗ phủ sơn, cuối thế kỷ XVIII

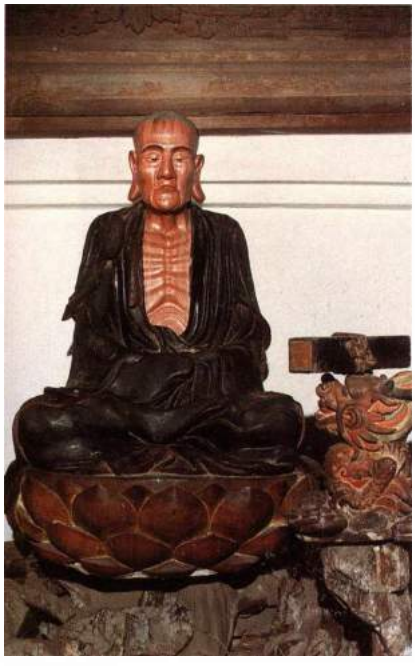

Nagarjuna
Tổ thứ 14: Long thụ . Cao 1,32m

Rahulata
Tổ thứ 16: La hầu la đa. Cao 1,27m

Samghanandi
Tổ thứ 17: Tăng già nan đề. Cao 0,94m

Gayasata
Tổ thứ 18: Già da xá đa. Cao 1,76m

Kumarata
Tổ thứ 19: Cưu ma la đa. Cao 0,92m

Jayata
Tổ thứ 20: Xà dạ đa. Cao 0,98m

Tượng La Hán (tượng Tổ) chùa Tây Phương. Gỗ phủ sơn, cuối thế kỷ XVIII

Chùa Dư Hàng (1991)

47. CHÙA DƯ HÀNG

福林寺

Thành phố Hải Phòng

Chùa có tên là Phúc Lâm tự, tọa lạc tại số nhà 121 phố Dư Hàng, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Tương truyền, chùa được xây dựng từ triều Lê, cuối thế kỷ X. Đến thời Trần (1225-1400), các vị sư Tổ phái Trúc Lâm thường đến đây thuyết pháp.

Năm Dương Đức thứ 1 (1672) đời vua Lê Gia Tông, có nhà sư Chân Huyền (vốn tên là Nguyễn Đình Sách), thuộc phái Lâm Tế, mới mở mang chùa rộng hơn, xây gác chuông, nhà tổ và nhà tăng. Vào khoảng niên hiệu Thành Thái (1889-1907) thời Nguyễn, nhà sư Thông Hạnh lại cho sửa sang chùa to hơn, xây gác chuông. Trong chùa, có trường dạy tăng sĩ. Tam quan được trùng tu vào năm 1905. Năm 1917, toàn ngôi chùa được sửa chữa lại. Trong những năm gần đây Hòa thượng trụ trì Thích Quảng Tùng cùng các Phật tử đã tổ chức trùng tu xây đắp ngôi chùa khang trang đẹp đẽ như hiện nay.

Chùa xây theo kiểu chữ Đinh (丁). Tam quan chùa khá cao, phía dưới là một căn nhà năm gian, trên có 2 tầng, với 3 tầng mái cong. Phía trong có sân rộng. Qua sân là chính điện. Bên phải là nhà thờ hậu. Bên trái là nhà trai, nhà tổ và nhà tăng. Trong nhà tổ, có ba pho tượng Trúc Lâm tam tổ. Như vậy, sơ đồ mặt bằng kiến trúc của chùa Dư Hàng khá đặc biệt, không giống với nhiều chùa ở miền Bắc Việt Nam.

Trong vườn chùa, có 9 tháp mộ, trong đó có 3 tháp của Trúc Lâm tam tổ thời Trần (Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang), tháp sư cụ Chân Huyền và nhiều vị hòa thượng đã từng trụ trì tại chùa Dư Hàng. Có thể nghĩ rằng ở đây, phái Lâm Tế hồi thế kỷ XVII muốn tỏ ra có mối liên hệ với phái Trúc Lâm thời Trần.

Mặt trước chùa (2009)

Gác chuông (2009)

Tụng kinh niệm Phật (2009)

Vườn tháp mộ (2009)

Bức chạm lộng ở chính điện trên có bức hoành phi khắc chữ: "Thiên Long Hiến Thụy" (Rồng trời dâng điềm lành) (2009)

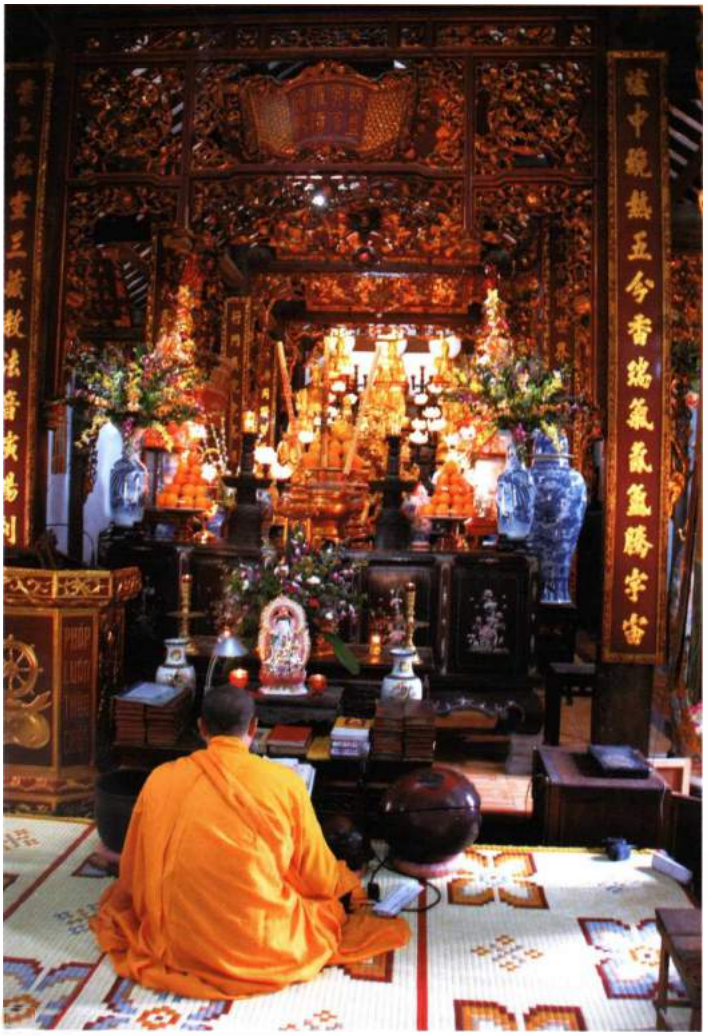

Chính điện (2009)

48. CHÙA HÀNG KÊNH

福光寺

Thành phố Hải Phòng

Chùa có tên là Phúc Quang tự, tọa lạc tại số 5 phố Dư Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Tương truyền, chùa được xây dựng từ thời Lý. Năm Cảnh Hưng thứ 28 (1767) đời vua Lê Hiển Tông, nhà sư Huệ Như (vốn tên là Nguyễn Minh Châu) cho xây dựng với quy mô lớn.

Khoảng giữa thế kỷ XIX, vào niên hiệu Tự Đức (1848-1883), nhà sư Chiếu Lâm trụ trì ở đây đã cho tu sửa lại ngôi chùa. Từ năm 1992 đến nay, ni sư Thích Diệu Hương trụ trì chùa đã cho trùng tu và xây lại tam quan, xây mới nhà mẫu, nhà tổ...

Tam quan chùa (2009)

Chùa còn giữ được những mảng điêu khắc trang trí tiêu biểu cho thế kỷ XIX.

Ở đây cũng đã in được nhiều bộ kinh sách Phật giáo.

Chùa Hàng Kênh (1991)

Phật điện (1991)

Nhà tổ (2009)

Quan Âm tống tử (1991)

Vườn tháp (2009)

49. CHÙA LONG TIÊN

龍僊寺

Tỉnh Quảng Ninh

Chùa Long Tiên tọa lạc ở chân núi Bài Thơ, thuộc thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Chùa được dựng vào thời Lý, vốn là một ngôi miếu nhỏ, đến năm 1939 - 1941 được xây dựng lại và có kiến trúc như hiện nay.

Trên đỉnh tam quan chùa Long Tiên là một pho tượng Phật A Di Đà đang tạo "an uy ấn". Ngoài ra, còn có pho tượng Bồ Đề Đạt Ma - Tổ của Thiền tông Trung Quốc và Việt Nam.

Qua tam quan là đến bái đường. Tại đây có đặt pho tượng Hộ Pháp và tế khí. Còn ở chính điện, nơi cao nhất là tượng Di Đà tam tôn. Bậc thứ hai là tượng A Di Đà tọa thiền thuyết pháp trên tòa sen. Đứng chầu hai bên là tượng Quan Thế Âm và Đại Thế Chí. Bậc thứ ba là tượng Phật Quan Âm nghìn mắt nghìn tay. Bậc thứ năm là tượng Cửu Long (hay còn gọi là Thích Ca sơ sinh) bằng gỗ thếp vàng, cao 1,60m. Đây là một bảo vật, một tác phẩm rất đẹp mang phong cách nghệ thuật điêu khắc thời Lê. Hai bên tả hữu của chính điện còn có dãy tượng Thập điện Diêm Vương.

Chùa Long Tiên còn có nét đặc trưng hiếm thấy, là một ngôi chùa nhưng chỉ có gian giữa thờ Phật, còn gian bên trái phối thờ Cha, tức Đức thánh Trần Hưng Đạo, gian bên phải phối thờ Mẹ Vân Phương Thánh Mẫu, tức Liễu Hạnh Công chúa

Tam quan chùa Long Tiên (1998)

Mặt trước chùa (1998)

Phật điện (2007)

Núi Bài Thơ, vịnh Hạ Long (2007)

50. CHÙA CỔ LỄ

古禮寺

Tỉnh Nam Định

Chùa ở thị trấn Cổ Lễ, huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Định.

Tương truyền, chùa do thiền sư Nguyễn Minh Không thời Lý sáng lập. Ông là người chữa bệnh cho vua Lý Thần Tông (1128-1138), được phong làm quốc sư.

Ngôi chùa hiện nay là do hòa thượng Phạm Quang Tuyên cho xây dựng vào năm 1920. Chính Phạm Quang Tuyên là người thiết kế ngôi chùa.

Có thể nói chùa Cổ Lễ là một kiến trúc Phật giáo rất độc đáo ở Việt Nam. Ở đây, chúng ta gặp một sự hòa nhập các yếu tố kiến trúc cổ truyền Việt Nam với các yếu tố gô-tích châu Âu. Đó là một ngôi chùa thờ Phật nhưng lại có dáng dấp một thánh đường Thiên Chúa giáo. Trước chùa là ngôi tháp 12 tầng, cao 32m, có 8 mặt, dựng năm 1926-1927. Đế tháp đặt trên lưng một con rùa lớn, đầu rùa quay vào phía chùa.

Rùa nằm giữa một hồ nước hình vuông, bốn góc hồ là bốn hòn núi giả khá lớn, có đắp bốn con voi to bằng thật. Trong lòng tháp có cầu thang xoắn ốc lên đến đỉnh. Từ ngôi thắp, đi qua một chiếc cầu cong là tới một tòa nhà gọi là "Phật giáo hội quán", có mái vòm cao với các đầu đao cong vút. Bên trái của hội quán là đền thờ Trần Hưng Đạo với hai tiến sĩ họ Đào người làng Cổ Lễ. Ở đây có tấm bia năm 1856, văn bia do tiến sĩ Ngô Thế Vinh soạn, nói về sự nghiệp hai ông họ Đào. Gần đó là đền thờ Bà Chúa Liễu Hạnh.

Từ hội quán, qua hai chiếc cầu có mái che, chúng ta đến chùa chính. Chùa có mái vòm gô-

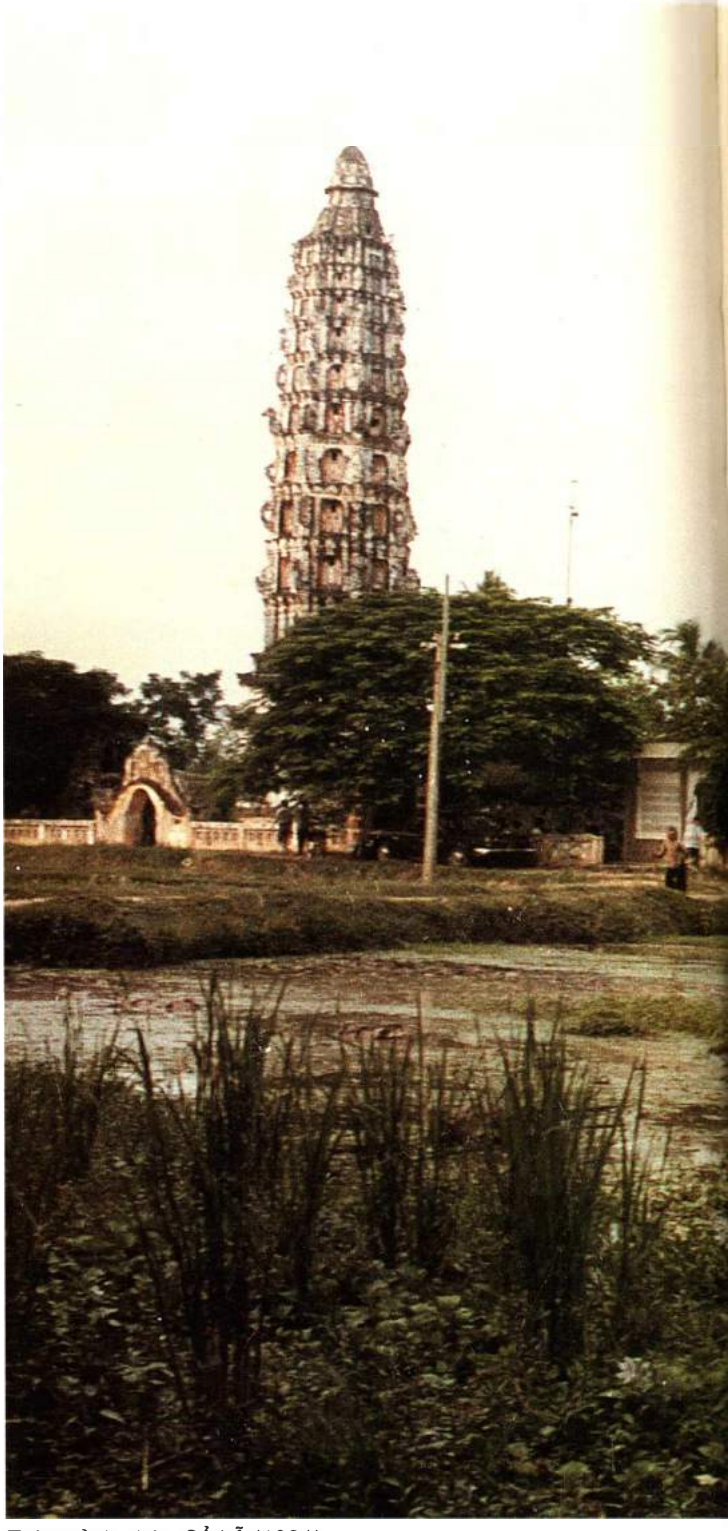

Toàn cảnh chùa Cổ Lễ (1991)

tích cao. Có tượng Phật sơn son thếp vàng cao đến 4m, đặt trên tầng cao. Phải theo những cầu thang nhiều bậc ở hai bên mới lên đến chỗ đặt các tượng Phật. Ở Việt Nam, chưa có một Phật điện nào giống như vậy. Sau lưng các tượng Phật là bàn thờ với tượng Nguyễn Minh Không.

Từ điện Phật, có các hành lang quanh ra phía sau, nối với các nhà khách và nhà tổ. Vách hành lang gắn đầy những tấm bia hậu. Ở nhà tổ, có tượng hòa thượng Phạm Quang Tuyên.

Giữa sân chùa, có một quả chuông đồng lớn, đặt trên gò đất vuông có tường hoa bao quanh. Chuông như một biểu tượng trang trí chứ không phải dùng để đánh. Trong chùa có một chiếc trống bằng đồng, một quả chuông đúc năm 1799, và những chiếc thuyền dùng để bơi thi trong hội chùa tổ chức vào tháng 9 Âm lịch.

Tòa Phật giáo Hội quán (1991)

Tháp chùa Cổ Lễ (1991)

Phật điện với bức hoành phi Thần Quang tự (1991)

Phật điện (2010)

Hành lang La Hán

Chính điện (2010)

Phật điện (1991)

Chuông đồng đặt trước sân chùa (1991)

51. CHÙA DIÊN KHÁNH

延慶寺

Tỉnh Lạng Sơn

Tên chữ là Diên Khánh tự, thường được gọi là chùa Thành, bởi xưa kia, tọa lạc ở khu vực Đoàn Thành (trung tâm hành chính - quân sự thời cổ của Lạng Sơn) thuộc xã Mai Pha, Châu Ôn, nay nằm trên bờ nam sông Kỳ Cùng, nơi có di tích "Nhà Công Quán" (trạm dịch đón đưa các sứ bộ và sứ thần xưa) ở số 3 đại lộ Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Chùa Diên Khánh, tên ban đầu là Hương Lâm, được xây dựng vào khoảng thế kỷ XV. Đến năm Cảnh Thịnh thứ 4 (1796), mới được chuyển từ khu vực Đoàn Thành về địa điểm hiện nay, lấy tên là chùa Diên Khánh. Từ đó đến nay, chùa đã trải qua nhiều lần tu sửa vào các năm: 1796, 1947, 1967, 1980, 1992. Đặc biệt là ở lần đại trùng tu, tôn tạo năm 2004, chùa gần như được xây mới hoàn toàn, do công đức của các tăng ni, Phật tử trong cả nước và đại đức Thích Quảng Truyền trụ trì chùa.

Chùa Diên Khánh quay theo hướng tây Bắc, kiến trúc theo kiểu "Nội Công ngoại Quốc", bao gồm: hậu cung thờ Phật, bái đường, phương đình, tiền đường, tam quan, Tổ đường, hậu đường... gồm 38 gian lớn nhỏ. Tất cả tạo nên một quần thể kiến trúc đăng đối, hài hòa, theo phong cách chung của các ngôi chùa miền Bắc.

Tòa tượng Phật đang thờ tại chùa hiện nay, với trên 40 pho tượng lớn nhỏ, đã được sách *Kỷ lục Việt Nam* xác lập năm 2007 là: "Ngôi chùa có hệ thống tượng thờ bằng đồng nguyên khối nhiều nhất Việt Nam".

Chùa hiện có nhiều hiện vật quý như: Quả chuông lớn được đúc vào năm 1671 (đời vua Lê Huyền Tông) nặng 600 kg bằng đồng pha gang; Tấm bia dựng năm Bính Thìn (1796) hai mặt, cao 1,75m, trán bia có chạm khắc rồng chầu mặt trời. Ngoài ra, còn có rất nhiều hoành phi, câu đối, và các đồ thờ cúng khác.

Chùa Thành hiện nay là trụ sở của Hội Phật giáo tỉnh Lạng Sơn, là một trong những ngôi chùa đẹp và lớn nhất xứ Lạng xưa, thành phố Lạng Sơn bây giờ, lại có vị trí đăng đối với ngôi đền Kỳ Cùng ở bên kia sông và nằm ngay trong khu di tích "Nhà Công Quán" (hiện còn dấu vết hai cột trụ biểu) rất đắc địa cho việc quy hoạch tạo dựng một khu công viên lịch sử - văn hóa trên đôi bờ dòng sông biên giới Kỳ Cùng. Chùa Thành đang là một điểm đến hấp dẫn các thiện nam, tín nữ và khách du lịch khắp nơi đến chiêm bái và tham quan.

Toàn cảnh chùa Diên Khánh (2008)

Mặt trước chùa (2008)

Tích chuyện Phật giáo và họa tiết hoa văn trên các hồi chùa (2008)

Tượng Quan Âm chuẩn đề (2008)

Hộ pháp (2008)

Tam quan (2008)

Chính điện (2008)

Bàn thờ Tổ (2008)

Ban thờ Mẫu (2008)

Ban thờ Đức Ông (2008)

Trang trí nội thất của chùa (2008)

Chuông đồng (2008)

52. CHÙA TAM THANH

青天寺

Tỉnh Lạng Sơn

Chùa Tam Thanh thuộc loại hình chùa hang (xây chùa trong hang núi), xưa thuộc địa phận xã Vĩnh Trại, châu Thoát Lãng, nay thuộc phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Tam Thanh - hang núi có chùa - nằm trong hệ thống 3 động núi: Nhất Thanh, Nhị Thanh, Tam Thanh - đều là danh thắng xứ Lạng, liền với tượng đá núi "Tô Thị vọng phu". Từ sau cửa động Nhị Thanh nhìn ra là thấy chùa Tam Thanh, được khởi dựng từ đời Lê. Trong hang động Tam Thanh, ánh sáng từ trời rọi xuống qua 2 cửa thông thiên trên vòm hang. Chùa còn có tên là Thanh Thiên tự, hiện còn lưu giữ nhiều hiện vật quý, như pho tượng Đức Phật A Di Đà cao 2,02 m, được tạc nổi vào vách núi theo thế đứng trong một hình lá đề, mang phong cách nghệ thuật thời Lê - Mạc (thế kỷ XVI-XVII); hệ thống văn bia khá phong phú ghi lại quá trình tôn tạo chùa và cảm tác của các tao nhân mặc khách, trong đó có bài văn bia nổi tiếng tạc năm Kỷ Hợi (1777) của nhà văn hóa lớn Ngô Thì Sĩ, khi ấy giữ chức Đốc trấn Lạng Sơn, và nổi bật nhất là tấm bia "Thiền Động Pháp Luân Thường Chuyên" (còn gọi là bia Ma Nhai) tạc vào thời Lê Vĩnh Trị năm thứ 2 (1677).

Lễ hội chùa Tam Thanh, chính tiệc vào ngày rằm tháng giêng (Âm lịch) hằng năm, với lời ca ngân nga:

"Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa.

Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh"

Tam quan chùa Tam Thanh (2008)

Động Tam Thanh (2008)

Phật điện (2008)

Ban thờ Mẫu (2008)

Văn bia trong động Tam Thanh (2008)

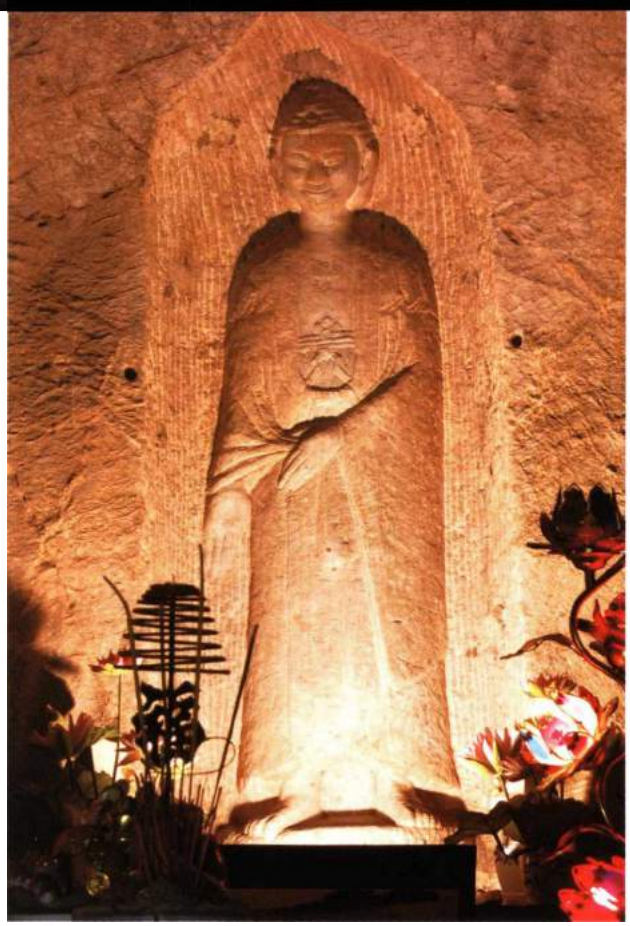

Tượng Đức Phật A Di Đà (2008)

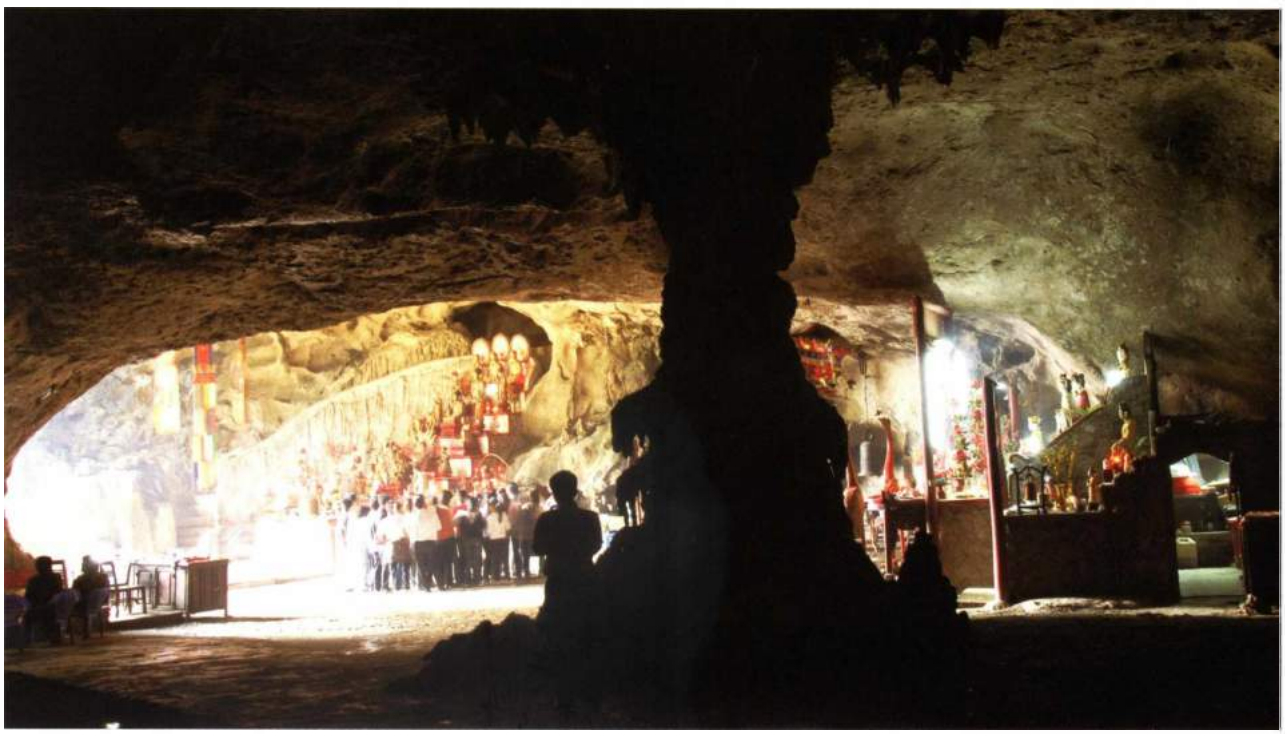

Trong hang động Tam Thanh (2008)

53. CHÙA HANG - KIM SƠN TỰ

寺山金

Tỉnh Thái Nguyên

Chùa Hang tọa lạc trong lòng ba ngọn núi đá lớn: Huyền Vũ, Thanh Long và Bạch Hổ, ở trung tâm thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Chùa Hang là một trong những ngôi chùa nổi tiếng trên miền sơn cước Thái Nguyên. Tích truyền Chùa Hang có từ thời nhà Lý (thế kỷ XI) và có lẽ tên gọi "Kim Sơn Tự" cũng ra đời từ đấy, nhưng nhân dân trong vùng vẫn chỉ thường gọi nôm là Chùa Hang. Sách "*Dư địa chí*" của Nguyễn Trãi ở thế kỉ XV có ghi: Núi đá Chùa Hang là núi Hoá Trung hay còn gọi là "núi Nghiên", sách "Đại Nam nhất thống chí" của nhóm sử thần triều nhà Nguyễn ở thế kỷ XIX chép lại: Núi Chùa Hang gọi là núi "Long Tuyền" vì trong lòng hang có suối Long Tuyền đi ngầm về hướng Tây - Nam, chảy ra cách chùa chừng hơn 500m thì có một ngách phun lên thành một vũng to, tròn sâu, quanh năm nước tràn đầy trong mát, được gọi là giếng "Mắt Rồng". Căn cứ các văn bản lịch sử và các văn bia cổ trên vách đá trong hang thì Chùa Hang còn có tên gọi là "Tiên Lữ Động", gắn với huyền thoại về các vị tiên xuống dạo chơi, đánh cờ trên núi chùa Hang và tắm mát ở giếng "Mắt Rồng".

Núi Chùa Hang - Động Tiên Lữ từ thời Lê sơ đến hậu Nguyễn là nơi lui tới của

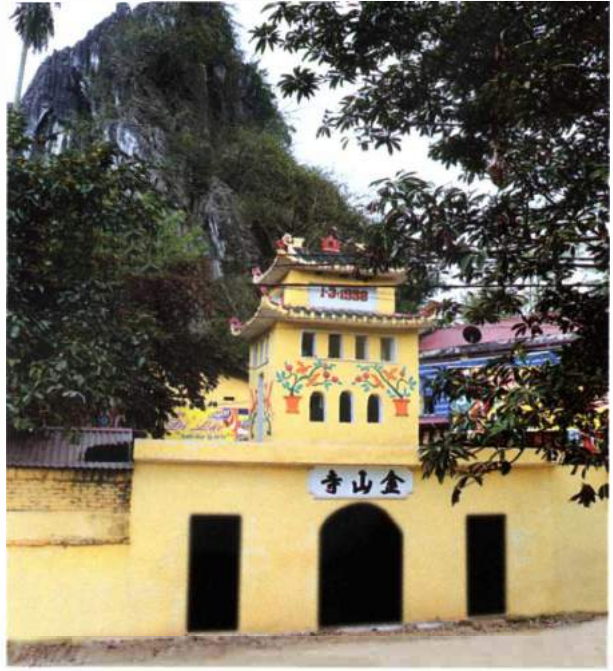

Tam quan chùa Hang (2013)

nhiều danh sĩ, viết sách hoặc để lại nhiều văn bia thơ phú bằng chữ Hán khắc trên vách hang. Thời Lê Sơ năm 1497 đời vua Lê Thánh Tông có Vũ Quỳnh và Đặng Nghiệm; thời Hậu Lê năm 1779 đời vua Lê Hiển Tông và chúa Trịnh Sâm có Ngô Thì Nhậm; đặc biệt đến năm 1853 đời vua Tự Đức nhà Nguyễn có "Thánh Thi" Cao Bá Quát... Ngoài những tao nhân mặc khách đến viếng thăm, chùa Hang còn là nơi tu hành của nhiều bậc chân tu trong lịch sử, như sư cụ Tâm Lai, sư Ông Chính, sư Ông Đức, Sư cụ Thích Đàm Hinh... Nay trụ trì là đại đức Thích Nguyên Thanh. Chùa Hang còn là một hậu tuyến vững chắc cho tỉnh Thái Nguyên trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, với vai trò như là một căn cứ địa vững chắc.

Một dự án tu bổ, tôn tạo di tích ngôi Chùa Hang cổ kính nhưng đã bị xuống cấp theo thời gian đã được UBND tỉnh Thái

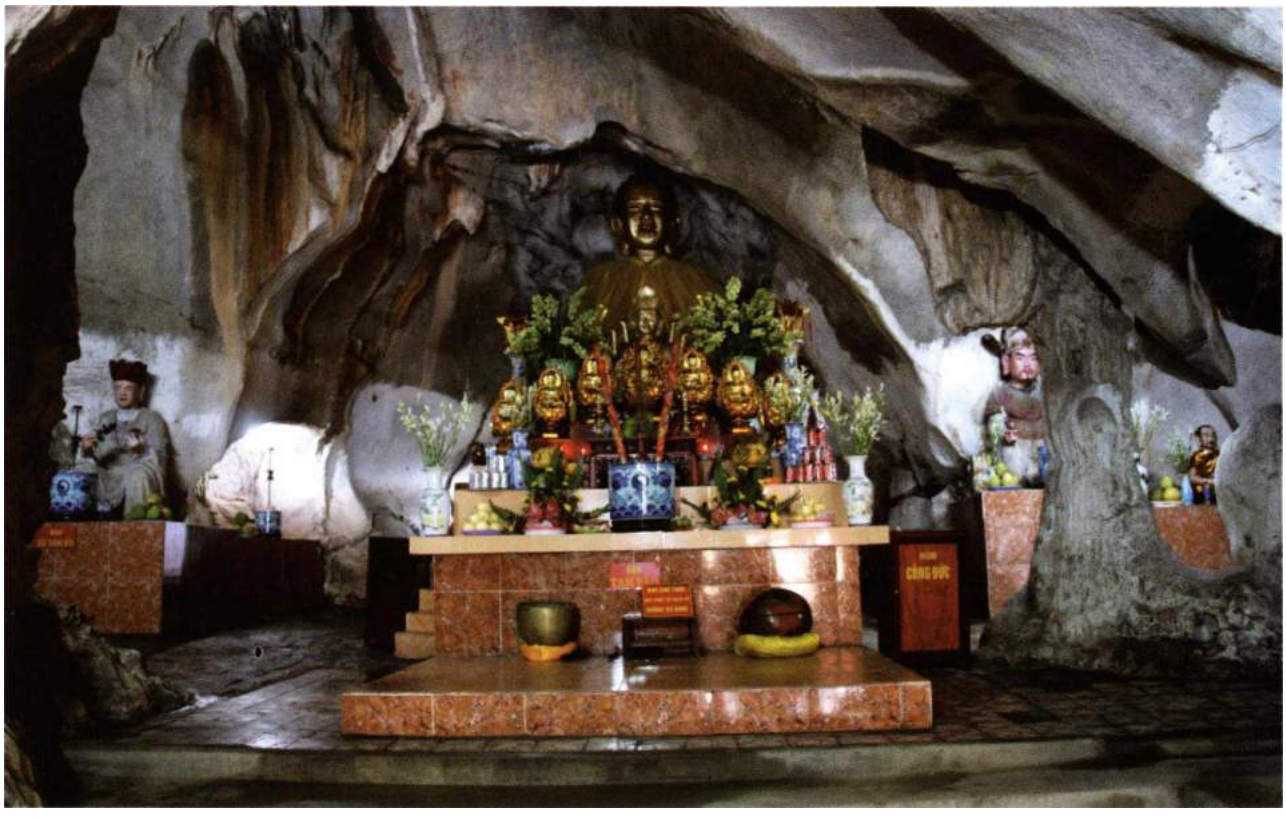

Phật điện chùa Hang (2011)

Nguyên ra quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết với tổng diện tích là 8,2 ha. Sau hơn một năm thi công, dự án đã hoàn thành cơ bản được 3 công trình trọng điểm: Chính điện Tam Bảo, Lầu chuông và Lầu trống.

Vào các ngày 20 tháng Giêng, 15 tháng 4, 15 tháng 7 (âm lịch) hàng năm, Chùa Hang thường tổ chức lễ hội lớn để cầu phúc cho nhân dân và phật tử xa gần, cùng với các trò chơi dân gian đa văn hoá như: chọi gà, đánh cờ tướng, tung còn, đi cầu kiều, bắn cung, bắn nỏ, đẩy gậy, bịt mắt bắt dê, bắt trạch trong chum, liên hoan văn hóa trà .v.v...

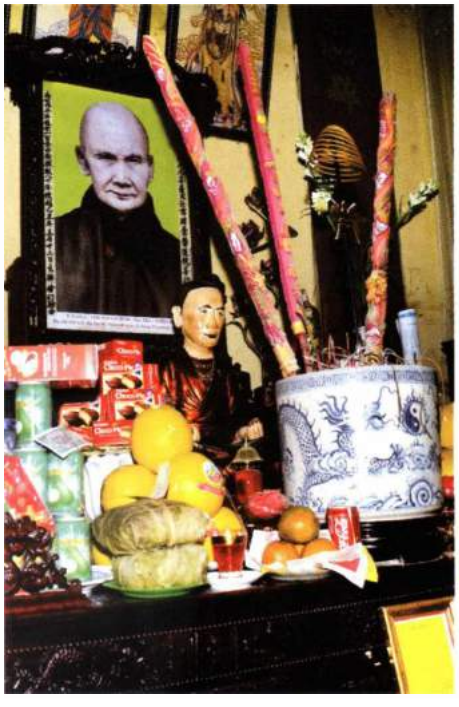

Ban thờ Tổ (2013)

Bà Chúa động (2010)

Đại lễ đặt long cốt chính điện Tam bảo Chùa Hang (2012)

Quần thể Di tích Lịch sử - Văn hóa Chùa Hang đang xây dựng (2013)

Lễ khánh thành lầu chuông - lầu trống (2012)

Đại lễ đặt long cốt chính điện Tam bảo (2012)

Phật tử chùa Hang (2012)

Quần thể di tích lịch sử-văn hóa Chùa Hang - Kim Sơn Tự trong tương lai

Nguồn: Công ty TNHH kiến trúc Hoàng Đạo

54. CHÙA PHÙ LIỄN

扶輦寺

Tỉnh Thái Nguyên

Chùa Phù Liễn, tên chữ là Phù Liễn tự (người phù giúp Vua), tọa lạc tại phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, với diện tích 9.600m2 trên một khu đồi núi có hình "linh quy" thoáng đãng, cao ráo với nhiều cây xanh cổ thụ ngàn năm, vườn cây Bồ đề xanh tươi.

Là một ngôi chùa cổ ở miền núi, tương truyền, chùa Phù Liễn được xây dựng từ thời Lý khoảng năm 1019 Tây lịch và đã trùng tu nhiều lần. Trong chùa có bức đại tự hoành tráng gắn bốn chữ vàng: "*Linh Sơn Phúc Địa*". Các vị tăng ni nối tiếp nhau từ đời này qua đời khác hoằng dương Phật pháp rất hưng thịnh, khiến chùa Phù Liễn suốt trong nhiều thế kỷ qua đều

Mặt trước chùa Phù Liễn

được thập phương chiêm bái đông đảo. Tháng 11 năm 1947, chùa bị máy bay giặc Pháp ném bom phá hủy. Chùa được phục dựng và trùng tu vào các năm 1975, 1996 với lối kiến trúc chùa cổ gồm: nhà tam bảo, điện Mẫu, nhà Tổ và khu vườn Tháp Tổ. Trước sân chùa có tượng Phật Bà Quan Âm linh diệu.

Năm 2007, Giáo hội Phật giáo và các cấp, các ngành của tỉnh Thái Nguyên, Phật tử thập phương, đại đức Thích Nguyên Thành trụ trì chùa, cùng nhau công đức xây dựng lại nhà thờ Tổ, Phủ Mẫu, nhà khách ...

Chùa Phù Liễn là điểm văn hóa tâm linh được nhân dân vùng Việt Bắc sùng mộ. Lễ hội chùa diễn ra hàng năm từ ngày 10 đến 15 tháng giêng với lễ Phật cầu phúc, cầu tài, các trò chơi chọi gà, đánh đu, cờ tướng, bình đọc thơ văn v.v... Hiện nay chùa là trụ sở của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Thái Nguyên.

Ban thờ Tam Bảo (2013)

Thượng điện (2008)

Nhà Tổ (2013)

Ban thờ Tổ (2013)

Vườn tháp (2013)

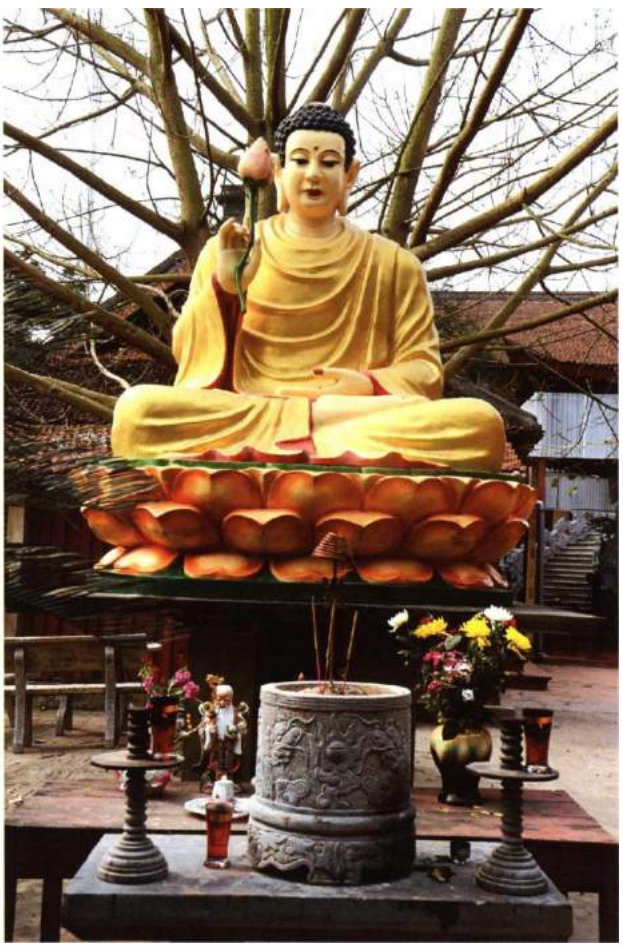

Tượng Phật (2013)

Chùa Phù Liễn (2013)

Điện thờ Mẫu (2013)

Phủ Mẫu (2013)

Ban thờ Mẫu (2013)

Đại Đức Thích Nguyên Thành Trụ trì chùa Phù Liễn giảng pháp trong ngày lễ Phật Đản (2008)

55. CHÙA SÙNG PHÚC

崇福寺

Tỉnh Cao Bằng

Ở xã Lệnh Cấm, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Nguyên tên là chùa Sùng Khánh ở đỉnh núi Bò Càn. Chùa Sùng Khánh có quả chuông to, khoảng năm Vĩnh Tộ (1619 - 1628) chuông ấy rơi xuống đầm bên cạnh chùa, vì thế đầm ấy gọi là đầm Chuông. Đến năm Chính Hòa (1680 - 1705) có người bản xã tìm thấy chiếc chuông ấy ở châu Thái Bình (Trung Quốc), lấy lại được. Người Thanh nói chuông ấy từ sông Long Châu trôi ngược dòng đến bến Hắc Hà, quan châu sai thợ phá lấy đồng thì tự nhiên thấy chuông ra mồ hôi và nghe phát ra tiếng động dữ dội như sấm, bèn thôi không phá nữa. Vào niên hiệu Cảnh Hưng (1740 - 1786) dời chùa đến xã Lệnh Cấm, đổi tên gọi là chùa Sùng Phúc.

Theo: ĐNNTC (A.69/1);
Nam Việt dư địa chí (A. 2667, 60a).

Chùa Sùng Phúc (2008)

56. CHÙA THẠCH LONG

石龍寺

Tỉnh Bắc Kạn

Chùa Thạch Long toạ lạc tại xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Nằm bên trong một hang đá vôi, chùa có tên Thạch Long (rồng đá) vì cửa hang có hình miệng con rồng đang há. Tên gọi này gợi sự linh thiêng, hài hòa với cảnh trí, sự tích và cả những huyền sử đẹp...

Chùa Thạch Long nằm ở hai động núi, gồm hai chùa: chùa Thượng (chùa Thiên) và chùa Hạ (chùa Âm).

Chùa Thượng nằm ở trên cao, có bậc đá xếp thẳng từ chân núi lên đến cửa động. Cửa động xây tường gạch kín trổ những khe nhỏ, có cảm giác như những lỗ châu mai, chỉ mở một lối ra vào, với cảnh cửa bằng gỗ. Chùa nằm trong hang núi đá rộng, nhiều tầng cấp và ngách hẻm có thể chứa tới hàng nghìn người. Trong động có ban thờ Đức Phật Thích Ca, Phật Bà, và Bác Hồ.

Chùa Hạ (chùa Âm), đường vào chùa phải đi vòng quanh sườn núi. Cửa vào Chùa Hạ và lòng hang hẹp hơn chùa Thượng. Cả hai phần chùa đều có nhiều tượng thiên tạo hình chư Phật.

Theo nhiều vị cao niên trong khu vực xã Cao Kỳ kể lại thì trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Bác Hồ đã có đến đây . Trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, chùa trở thành trạm vận chuyển vũ khí, và là kho vũ khí bí mật của quân đội ta. Hòa bình lập lại, chùa lại được bà con thờ tự như xưa.

Hội chùa Thạch Long được tổ chức vào ngày mùng 7 tháng giêng hằng năm, thu hút rất nhiều du khách thập phương đến để dâng hương, cầu may mắn, hạnh phúc cho gia đình và người thân. Ngoài ra, lễ hội còn có nhiều trò vui, hoạt động văn hóa, thể thao, như kéo co, hát lượn, múa... trong đó có trò leo núi thưởng ngoạn phong cảnh hùng vĩ của hang động và núi rừng.Trụ trì chùa hiện nay là Hòa thượng Thích Thanh Quyết.

Đường lên chùa (2010)

Miệng rồng cửa hang chùa Thượng (2010)

Cửa chùa Thượng (2010)

Ban thờ trong chùa Thượng (2010)

Chùa Hạ (2010)

Nhũ đá (2010)

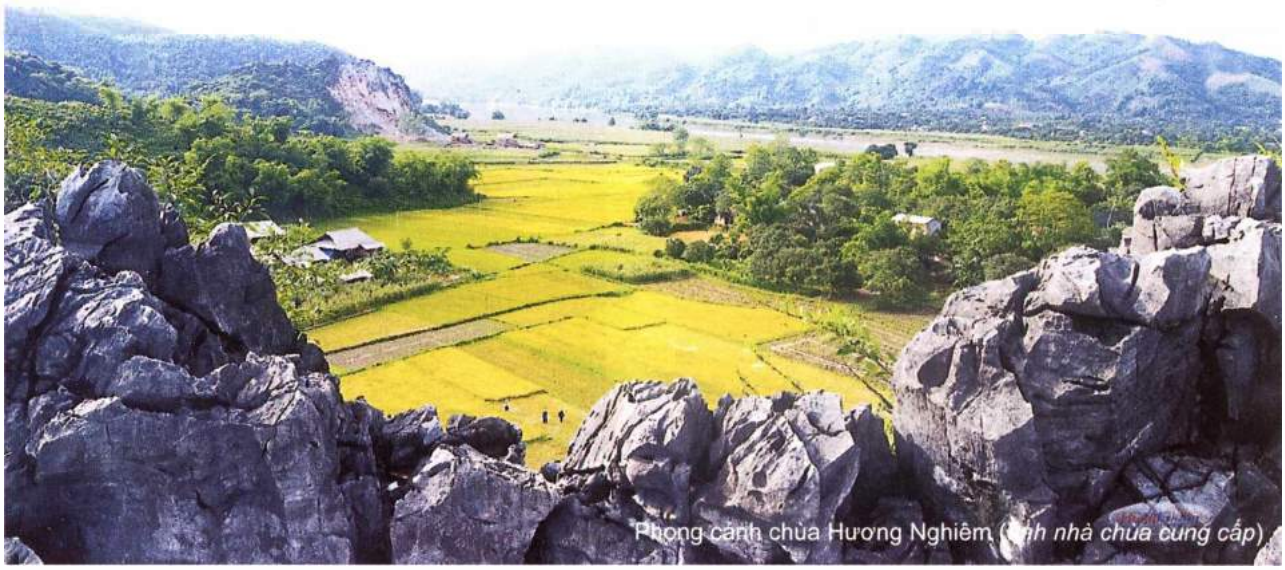

Phong cảnh chùa Hương Nghiêm (Ảnh nhà chùa cung cấp)

57. CHÙA HƯƠNG NGHIÊM

香嚴寺

Tỉnh Tuyên Quang

Chùa Hương Nghiêm còn có tên gọi là Chùa Hang. Chùa được đặt trong hang đá núi Hương Nghiêm, thuộc thôn Phúc Lộc, xã An Khang, thành phố Tuyên Quang (Xưa là xã Phúc Thủy, huyện Quả Sùng). Đây là mảnh đất có bề dầy văn hoá, có di tích Thành nhà Mạc, có địa danh Trường Thi, có Thành nhà Bầu, di tích chiến thắng Bình Ca...Chùa được xây dựng năm Đại Chính thứ 8, đời Thái Tông Mạc Đăng Doanh (năm 1537), và được đặt trong hang đá thiên tạo khá lớn, sâu 50m, chỗ rộng nhất là 30m. Hang đá gồm 2 vòm lớn, với nhiều nhũ đá đủ hình thù lạ, đẹp. Tương truyền, có cả suối ngầm, thông ra sông Lô. Qua cửa hang là ban tam bảo, trong hang có ban thờ mẫu...

Trải qua thời gian, đến nay hiện vật quý giá nhất của chùa còn giữ được là hai tấm bia đá được khắc trên vách đá trước cửa hang vào chùa. Đặc biệt giá trị là tấm bia "Hương Nghiêm tự bi" (Văn bia chùa Hương Nghiêm). Nội dung bia kể lai lịch ngôi chùa, những người đã có công dựng chùa, vị trí ngôi chùa. Bia được tạc vào ngày 27 tháng 2 niên hiệu Đại Chính thứ 8 đời Thái Tông Mạc Đăng Doanh (1537). Người xây chùa là Hiến sát xứ Tuyên Quang là Ngô Hoàng Trinh và Hiến Sát phó sứ Vũ Trạch Xuyên, 12 viên quan lại và nhân dân xã Thúc Thủy. Ngoài ra, trong chùa còn lưu giữ được nhiều hiện vật quý có giá trị như hệ thống tượng thờ, hương án...Với vị trí kín đáo, nhưng thuận đường đi lại, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, chùa Hương Nghiêm được chọn làm kho chứa vũ khí đạn dược của quân đội, đặc biệt là nơi cất giấu, lắp ráp và sửa chữa hai chiếc máy bay đầu tiên của Không quân, trước khi chuyển lên sân bay Soi Đúng.

Lễ hội chùa Hương Nghiêm được tổ chức vào ngày 8 tháng giêng Âm lịch hằng năm, với lễ rước nước và lễ cầu an . Hội có: các trò chơi dân gian như: tung còn, đẩy gậy, kéo co, nhảy bao bố, bắt trạch trong chum.Trụ trì chú hiện nay là đại đức Thích Thanh Tân.

Cửa hang chùa Hương Nghiêm (2010)

Ban thờ Phật (2010)

Ban thờ Mẫu (2010)

Tượng Phật chùa Hương Nghiêm (2010)

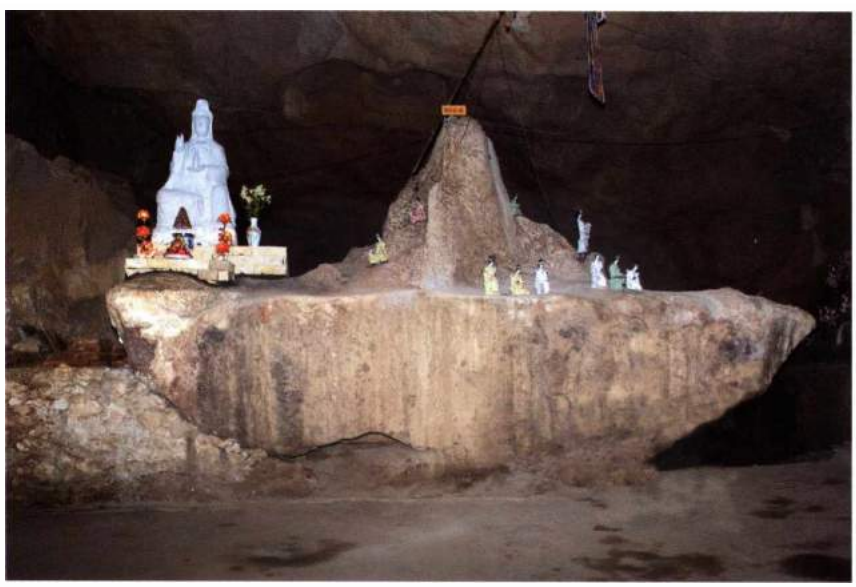

Thuyền Bát Nhã (2010)

Bia đá trước cửa chùa (2010)

58. CHÙA AN VINH

安荣禪寺

Tỉnh Tuyên Quang

Chùa có tên chữ là "An Vinh thiền tự", tọa lạc trên quả đồi lớn, với khuôn viên trên 1000m^2, ở số 432 đường Phạm Văn Đồng, phường Hưng Thạnh, thành phố Tuyên Quang, trông ngay xuống con đường dẫn vào thành phố.

Chùa được xây dựng vào đầu thế kỷ XVIII (theo bia "Tạo tác hưng công bi ký" - ghi việc công đức xây dựng chùa), được tạc vào niên hiệu Vĩnh Thịnh, triều vua Lê Dụ Tông (năm 1720). Theo tầng cấp lên chùa, qua tam quan xây 4 trụ biểu theo kiểu đền miếu, vào sân, đến kiến trúc hình chữ "Đinh" (丁) của toà thiêu hương và toà thượng điện.

Trong chùa An Vinh hiện còn lưu giữ nhiều di vật có giá trị quý hiếm, như 12 pho tượng gỗ ở thượng điện gồm: bộ Tam Thế, bộ Bồ Tát, bộ Ngọc Hoàng và bộ Cửu Long. Đặc biệt chùa còn có 2 văn bia đá được khắc vào năm Vĩnh Thịnh thứ 16 (1720) và năm Bảo Thái thứ 8 (1727), hai quả chuông đúc năm Giáp Dần (1723) và vào năm Thiệu Trị (1844); chiếc khánh đồng đúc năm Cảnh Thịnh (1797) triều Tây Sơn. Chùa cũng còn lưu giữ được nhiều hiện vật gỗ: hoành phi, câu đối...có giá trị lịch sử, nghệ thuật.

Hằng năm, chùa An Vinh tổ chức lễ hội vào các dịp: từ ngày 1 đến ngày 4 tháng giêng (Âm lịch) là lễ khai bút, ngày 15 tháng 1 (Âm lịch) là lễ Thiên quan tích phúc (lễ Thượng Nguyên) cầu cho quốc thái dân an, ngày 15 tháng 4 (Âm lịch) là lễ Phật Đản, ngày 15 tháng 7 là lễ Địa quan xá tội (lễ Xá tội vong nhân)...

Nhà chùa cũng là trụ sở Hội Phật giáo tỉnh Tuyên Quang. Trụ trì chùa hiện nay là đại đức Thích Thanh Phúc.

Tam quan chùa (2010)

Chính điện (2010)

Phật điện (2010)

Bia đá (2010)

Khánh đồng (2010)

59. CHÙA KHÁNH

磬寺

Tỉnh Hòa Bình

Chùa Khánh tọa lạc trên một quả đồi thuộc xóm Khánh, xã Thạch Yên cũ, nay là xã Yên Thượng, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Chùa Khánh nằm trong khu di tích lịch sử văn hoá "Chiến khu Cao Phong - Thạch Yên" (là bộ phận của "Chiến khu Hòa Ninh Thanh" - Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa thời tiền khởi nghĩa, 1945).

Theo cụ Bùi Văn Hiện, dân tộc Mường 76 tuổi, trong Ban Quản lý chùa, thì chùa có từ lâu đời, xưa kia là nhà tranh, mái lá. Chùa thờ Ông Phật Ngọc Bàng (Ngọc Hoàng , Ngọc Wàng) Trưởng Thiên, bà Trưởng Thái (vợ ông Trưởng Thiên) và Nàng Ả Liệu (con ông bà Trưởng Thiên). Chùa Khánh được công nhận là Di tích Lịch sử - Văn hoá cấp quốc gia và mới được xây dựng lại (hoàn công vào tháng 12 năm 2006) thành một quần thể kiến trúc - cảnh quan phỏng cổ kiểu cổ truyền Việt (Kinh) có quy mô bề thế.

Dấu xưa còn lại của chùa Khánh là Cây thông già - nơi mà Ban Cán sự Đảng tỉnh Hoà Bình mở lớp huấn luyện quân sự trên đồi chùa Khánh vào tháng 7 năm 1945.

Chùa Khánh không thờ Phật, mà thờ đá. Có 3 ban thờ ở trong chùa. Ban giữa, thờ Ngọc Hoàng - Ban phải thờ Vợ ông - Ban trái, thờ hai con của ông bà. Đó là những tảng đá thiêng, tự nhiên hình giống người, được quấn vải đỏ, để hở đầu, đặt lên những chiếc ngai thờ (theo kiểu đền miếu dưới xuôi).

Lễ hội chính, mở vào dịp Tết xuân. Những lá cờ "ngũ hành" (cờ thần) được treo cao trên những cây tre, giữ lại chùm lá trên ngọn (như cây nêu). Người khắp xa gần (chủ yếu là đồng bào Mường) đi lễ ("đi chơi") chùa Khánh, không cầu kinh niệm Phật, mà chỉ khấn vái cầu an khang thịnh vượng.

Chùa Khánh với cây nêu, cờ hội và cây thông trăm tuổi (2010)

Ban thờ trong chùa (2010)

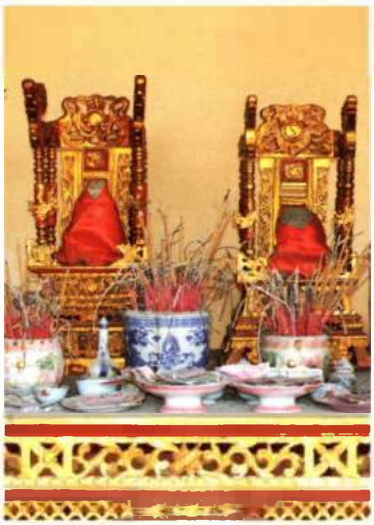

Ban thờ nàng Á Liệu (2010)

Ban thờ Ngọc Hoàng (2010)

Ban thờ bà Trưởng Thái (2010)

Ông Bùi Văn Hiện bên ban thờ Ngọc Hoàng (2010)

Cây thông già xưa (ảnh tư liệu)

60. CHÙA CHIỀN VIỆN

澶院寺

Tỉnh Sơn La

Chùa Chiền Viện, còn gọi là chùa Vát Hồng, nay thuộc bản Vặt, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Tài liệu thư tịch quan phương, nói về ngôi chùa này sớm nhất, là sách "*Đại Nam nhất thống chí*" của Quốc sử quán triều Nguyễn. Theo bộ sách viết vào giữa thế kỷ XIX này thì ít nhất là đến khi ấy, chùa Chiền Viện vẫn còn là một kiến trúc Phật giáo lớn ở miền núi Tây Bắc, với số tượng Phật được thờ trong chùa là: 1 pho tượng lớn, 8 pho vừa, 56 pho nhỏ đều bằng đồng, 2 pho bằng thiếc, 1 pho nhỏ bằng ngà...[1]

Trước đấy - theo nhà Thái học Cầm Trọng - có thể chùa đã được tạo lập từ thế kỷ XIII, do đồng bào Thái Mộc Châu xây dựng, với nghĩa Thái của địa danh nơi xây chùa - "bản Vặt" - chính là âm chệch của "Phật" và tên hội chùa lễ Phật vào tháng 5 Âm lịch ở đây là "Chách Vặt, Chách Và".[2]

Nhưng di tích chùa Chiền Viện đó bị đổ nát từ năm 1947, còn đến ngày nay, lại chỉ là một nền chùa khoảng 100m^2, mấy trụ cột và mảng tường xây bằng đá với những vòm cửa đã xuống cấp, đổ nát và 2 bệ thờ. Đặc biệt là còn một tấm bia đá (99cm x 64cm x 15cm), một nửa khắc chữ Thái (mà theo giáo sư dân tộc học Hoàng Lương thì đây là chữ "Thái trắng" ở vùng này) và một nửa khắc chữ Hán. Nội dung văn bia, cả hai ngữ đều thống nhất nói về việc xây dựng "vắt ni" (chùa này - tiếng Thái), với những người đóng góp tính bằng "công" và "hào" (tiếng Thái), trong đó có một số chức sắc (tên là "Tạo Tiêng", "Chiêu Tổn" - tiếng Thái). Phần Hán ngữ của bia (theo nhà nghiên cứu Nguyễn Duy Chiếm) nói rõ: đây vốn là ngôi chùa cổ thờ Phật, đã bị hủy hoại. Ngày 10 tháng 3 năm Duy Tân

Nền chùa Chiền Viện (2010)

thứ 11 (Mậu Thân, 1908) khởi công xây dựng lại, và đến ngày lành, tháng giêng năm Kỷ Dậu, 1909 thì hoàn thành. Ông Xa Văn Kỳ, tri châu, cùng nhân dân trong vùng Mộc Châu, hưng công xây dựng. Đóng góp vào việc xây dựng là rất nhiều người địa phương và những người ở địa phương khác, trong đó có "Đà Bắc tri châu Đinh Công Nội", "Đà Bắc tri châu Xa Văn Nghĩa", "Mai Châu tri châu Hà Công Chính"...

Trong số những di vật của chùa tản mát, thất tán ở nhiều nơi, đặc biệt đã thu thập lại đ-ược nhiều tượng Phật (hiện lưu giữ ở phòng Văn hoá huyện Mộc Châu và bảo tàng tỉnh Sơn La), trong đó - theo PGS.TS. Nguyễn Lệ Thi - có một số pho là tượng Phật của Lào, thuộc phái Tiểu Thừa, niên đại khoảng thế kỷ XVI - XVII và XVIII. Một số pho có thể đã được chế tác ngay tại địa phương, nhưng mô phỏng t-ượng Phật Lào...

Lễ Hội chùa Chiền Viện (Vát Hồng) ngày xưa theo các cố lão địa phương - rất được nhân dân sùng mộ. Một năm 2 lần "chính tiệc", vào tháng 3 -4, với "Lễ cúng xin nước - cầu mưa", và vào tháng 5 - 6, với "Lễ rửa tượng - tắm tượng".

---

(1). Ngô Đức Thọ (chủ biên) Di tích lịch sử văn hoá Việt Nam, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1990, trang 150

(2). Cầm Trọng, "Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam", Nxb Khoa học Xã Hội, Hà Nội, 1978, trang 43.

Vòm cửa chùa (2010)

Bản Vặt, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (2010)

Bia đá (2010)

Tượng Phật bằng đồng,
cao 55cm, nặng 62kg, (2010)

Tượng Phật bằng đồng,
cao 98cm, đế cao 27cm, (2010)

Một số hiện vật chùa Chiền Viện

Tượng "Quan" bằng đồng,
cao 21.5cm, (2010)

Chó đá (2010)

61. CHÙA TÂN BẢO

新寶寺

Tỉnh Lào Cai

Chùa Tân Bảo xưa tọa lạc dưới chân núi Mai Lĩnh, thôn Tân Bảo, xã Lão Nhai, châu Bảo Thắng, tỉnh Hưng Hóa, nay thuộc tổ 7, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai. Chùa nằm trong quần thể di tích đền Thượng; phía đông giáp Bản Phiệt, phía tây giáp đền Thượng, phía bắc giáp sông Nậm Thi, phía nam giáp phường Phố Mới. Chùa còn có tên là "Chùa Lê Lợi" từ thời Pháp thuộc, do phía tây của ngôi chùa giáp phố Lê Lợi.

Với cảnh quan thiên nhiên đủ núi non, sông nước đã tạo cho chùa vừa đắc địa "Sơn thủy hữu tình" vừa có kiến trúc đẹp huyền bí và tôn nghiêm. Vì thế, hàng năm chùa Tân Bảo thường xuyên thu hút được rất nhiều du khách trong và ngoài nước đến lễ Phật nghiên cứu, tham quan...

Tương truyền chùa có từ thời nhà Trần. Đến giữa thế kỷ XIX, bà con trong vùng đã nhiệt tâm đóng góp công của, xây dựng ngôi chùa với tâm nguyện đức Phật từ bi cứu độ chúng sinh thoát khỏi bần hàn, ấm no, hạnh phúc.

Chùa Tân Bảo được trùng tu nhiều lần. Đặc biệt, trong biến cố năm 1979 chùa bị hư hỏng hoàn toàn. Đợt xây dựng lại vào năm 1999 đã tạo sự khang trang cho chùa như ngày nay, với tam quan, sân chùa, nhà chính điện, nhà tổ, nhà mẫu, nhà khách...

Chùa Tân Bảo (2008)

Chính điện (2008)

Mặt trước chùa (2008)

Phật điện (2008)

Hộ pháp (2008)

Ban thờ Mẫu (2008)

62. CHÙA QUÁN SỨ

館使寺

Thành phố Hà Nội

Chùa ở số nhà 73 phố Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Xưa kia, nơi đây thuộc thôn Yên Tập, huyện Thọ Xương, Thăng Long. Từ triều Lê, ở đây có một khu nhà gọi là Quán Sứ, dùng làm nơi nghỉ cho các sứ thần Lào, Chiêm Thành... khi đến Thăng Long. Bên cạnh có một ngôi chùa cho các sứ thần theo Phật giáo làm lễ, vì vậy chùa có tên là Quán Sứ.

Theo bài văn của tiến sĩ Lê Duy Trung khắc trên tấm bia dựng năm 1855, thì đầu đời Gia Long (1802-1819), chùa gần đồn Hậu Quân, năm 1822, chùa được sửa sang để làm chỗ lễ bái cho quân nhân ở đồn này. Khi quân ở đồn này rút đi, chùa được trả lại cho dân làng. Nhà sư Thanh Phương trụ trì ở đây lúc bấy giờ mới làm thêm các hành lang, tô tượng, đúc chuông. Tiền đường của chùa thờ Phật, còn hậu đường thờ vị quốc sư Minh Không thời Lý.

Năm 1934, Tổng hội Phật giáo Bắc Kỳ đã đặt trụ sở ở chùa Quán Sứ. Chùa được xây dựng lại hoàn toàn theo kiểu như ta thấy hiện nay, theo thiết kế của các kiến trúc sư Nguyễn Ngọc Ngoạn và Nguyễn Xuân Tùng.

Tam quan chùa có 3 tầng mái, chính giữa là lầu chuông. Qua tam quan là một sân rộng lát gạch. Giữa sân là tòa chính điện cao, hình vuông, xung quanh có hành lang.

Hai bên và đằng sau sân là các dãy nhà dùng làm thư viện, giảng đường, nhà khách và tăng phòng. Chùa Quán Sứ hiện nay là trụ sở của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Phân viện Nghiên cứu Phật học thuộc Giáo hội cũng đặt ở đây.

Lễ Phật Đản năm 2536 Phật lịch

Ban thờ Phật Địa Tạng Vương Bồ Tát (2005)

Cây đại trong sân chùa (2009)

Quan Thế Âm Bồ Tát Chuẩn Đề (2005)

Chùa Quán Sứ, Xuân Kỷ Dậu (2005)

Chính điện (2005)

Phật điện (2005)

Hòa thượng Thích Thanh Tứ (thứ 3 từ trái qua) dự Đại lễ Phật giáo Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội (2010)

Lễ chạy Đàn (2005)

Múa lễ, ngày lễ Phật Đản năm 2536 Phật lịch

Đại lễ cung nghinh Ngọc xá lợi Phật về chùa Quán Sứ ngày 6 tháng 6 năm 2009

63. CHÙA BÁI ĐÍNH*

拜頂寺

Tỉnh Ninh Bình

BÁI ĐÍNH CỔ TỰ 拜頂古寺

Chùa Bái Đính cổ nằm trong hệ thống các hang động ở lưng chừng ngọn núi có tên là núi Bái Đính, thuộc thôn Sinh Dược, xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Núi Bái Đính cao khoảng 200m, rộng ước chừng 15.000m^2 đứng độc lập, quay về hướng tây. Trên núi Bái Đính có 3 hang: hang Voi Phục, hang Sáng và hang Tối.

Tương truyền thiền sư Nguyễn Minh Không (1065 - 1141) quê ở huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình phát hiện ra các động này khi ông đến đây tìm cây thuốc chữa bệnh (hóa hổ) cho vua Lý Thần Tông. Ông đã khéo dựa vào hang để làm động thờ Phật, cũng như thờ Thần Cao Sơn, một vị tướng của vua Hùng ở động Sáng, thờ Tam tòa Thánh Mẫu ở động Tối. Trước cửa Động Phật có 4 chữ đại tự "Minh Đỉnh danh lam" 銘鼎名藍 (danh lam nổi tiếng). Lòng hang rộng 25mx15m cao khoảng 2m. Ban thờ Phật đặt ở khu vực chính giữa.

"Minh Đỉnh danh lam" (2007)

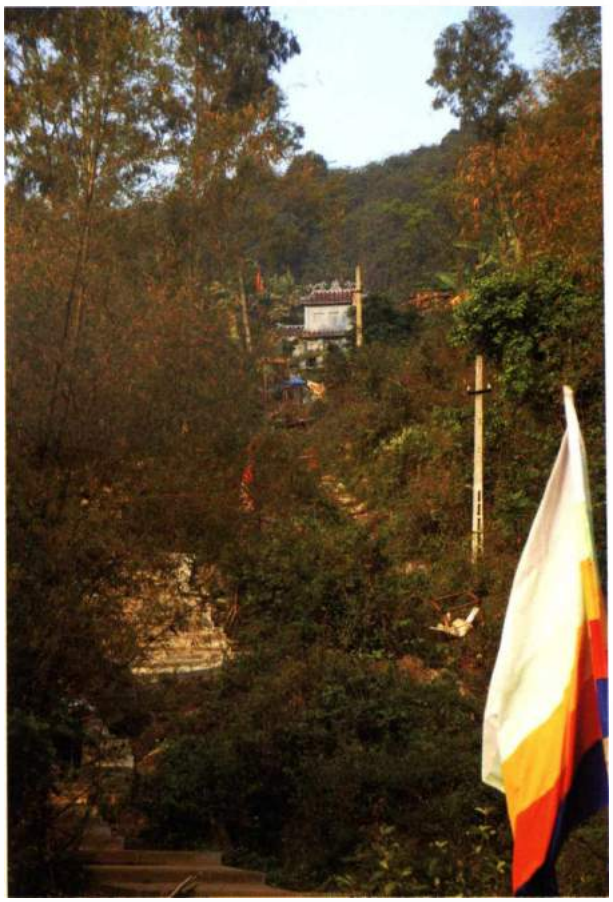

Đường lên chùa Bái Đính (2007)

Theo truyền thuyết, núi chùa Bái Đính là một trong những cơ sở của "căn cứ địa Trường Yên" trong cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông (thế kỷ XIII), cũng là nơi diễn ra những sự kiện của các cuộc chiến tranh thời Mạc (thế kỷ XVI) và thời Tây Sơn (thế kỷ XVIII). Những hoạt động cách mạng chuẩn bị Tổng khởi nghĩa năm 1945 cũng được tổ chức ở đây.

Hội chùa Bái Đính (ngày mồng 6 Tết) xưa là một sinh hoạt lễ hội truyền thống lớn.

---

* *Ở khu núi Bái Đính có hai ngôi chùa: chùa Bái Đính cổ và chùa Bái Đính mới.*

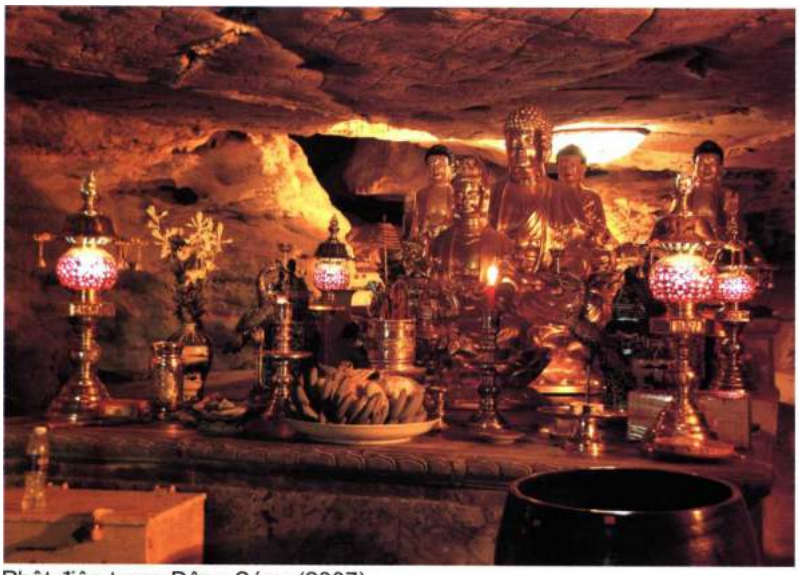

Phật điện trong Động Sáng (2007)

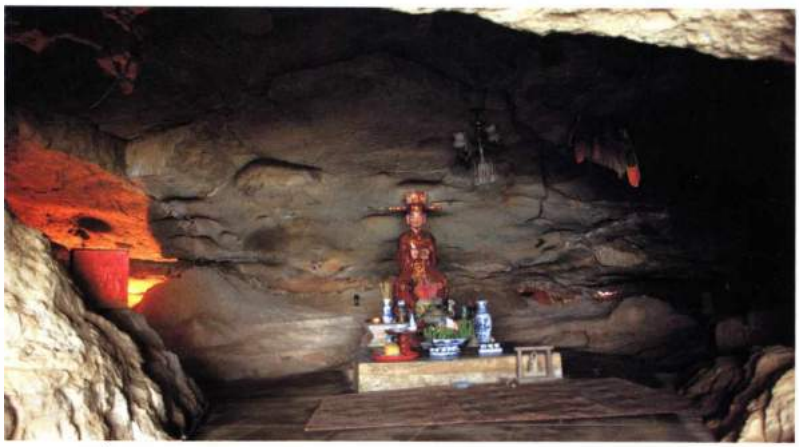

Tượng thần Cao Sơn trong Động Sáng (2007)

Ban thờ Tam tòa Thánh Mẫu (2007)

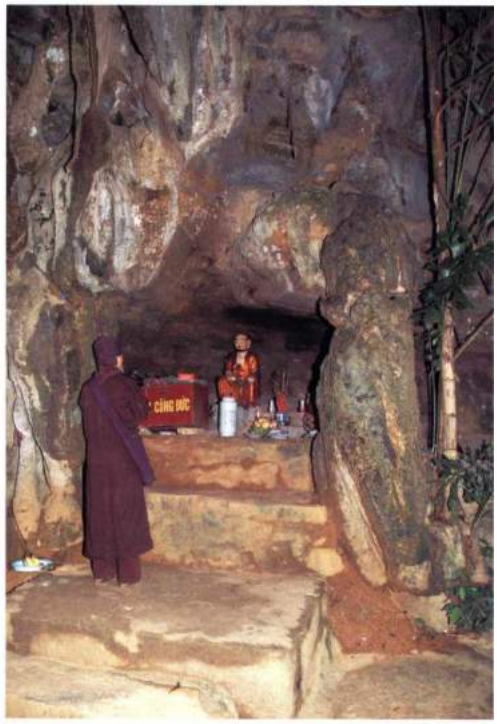

Hang Voi Phục, thờ Đức Ông (2007)

Bia đá Thành Thái thứ 12 (2007)

BÁI ĐÍNH TÂN TỰ 拜頂新寺

Chùa Bái Đính mới, tọa lạc trên triền đồi Ba Rau, dựa lưng vào chân núi Bái Đính ở cùng thôn Sinh Dược với chùa Bái Đính cũ. Chùa mới có tổng diện tích 700 hécta, diện tích hiện sử dụng là 50 hécta. Chùa được khởi công xây dựng từ đầu năm 2006 và dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2010 để kỷ niệm 1000 năm vua Lý Thái Tổ rời đô từ Hoa Lư, về định đô Thăng Long (1010 - 2010). Ngày 17/5/2008 chùa đã khánh thành giai đoạn 1 và đón hàng nghìn khách trong nước và quốc tế tham dự đại lễ (VESAK 2008) tại Viêt Nam về dự.

Hệ thống chùa Bái Đính mới, bao gồm nhiều hạng mục, công trình lớn nhỏ:

- Tam quan nội: Xây dựng toàn gỗ tứ thiết, có ba tầng mái, cao 16,5m.

- Gác chuông: Cao 22m, 3 tầng, hình bát giác, mái cong, giữa lòng tháp có treo quả chuông nặng 36 tấn.

- Điện Quan Thế Âm Bồ Tát: Dựng bằng gỗ tứ thiết, cao 14,8m gồm 7 gian - giữa đặt tượng Quan Thế Âm Bồ Tát nặng 80 tấn.

- Điện Pháp Chủ: Cao 30m, có 5 gian - 2 tầng, 8 mái, gian giữa đặt tượng Phật Thích Ca bằng đồng nguyên khối, cao 10m, nặng 100 tấn.

Toàn cảnh chùa Bái Đính mới (2008)

- Điện Tam Thế: Tọa lạc trên đồi cao, đồ sộ với quy mô diện tích sàn 3000m^2, đặt bộ tượng Tam thế bằng đồng nguyên khối, mỗi pho cao 7,2m nặng 50 tấn.

- Hành lang La Hán: có 500 pho tượng La Hán bằng đá nguyên khối, mỗi tượng cao 2,4m, nặng khoảng 4 tấn bày dọc hai dãy hành lang mỗi bên 250 vị.

- Giếng Ngọc: Là giếng chùa Bái Đính cổ, tôn tạo mở mang thành giếng mặt nguyệt, rất rộng, có đường kính 30m, sâu 6m, sàn giếng hình vuông, có diện tích 6000m^2, 4 góc xây 4 lầu bát giác.

Ngoài ra, còn có: Chùa Vạn Tượng, Bát Bộ Kim Cương, khu nhà tăng thiền viện, khu nhà khách, khu tháp mộ, khu nhà thờ tổ, bảo tháp 14 tầng, Bảo tàng Phật giáo Việt Nam, khu thờ mẫu, khu nhà tổ, khu nhà đón tiếp dẫn, hồ phóng sinh...

Chùa Bái Đính mới là một công trình văn hóa Phật giáo hiện đại, có quy mô lớn và có nhiều kỷ lục nhất ở Việt Nam hiện nay. (Chùa có bộ Tam thế bằng đống lớn nhất, có pho tượng Thích Ca bằng đồng cao và nặng nhất, có hành lang La Hán lớn nhất, có giếng lớn nhất, và chùa có nhiều cây bồ đề nhất).

Điện Pháp chủ (2008)

Tượng La Hán (2011)

Tượng Đức Phật Thích Ca bằng đồng nguyên khối cao 10m, nặng 100 tấn (2008)

Cảnh quan chùa Bái Đính (2009)

Điện Tam Thế (2008)

Đại Hồng Chung treo trong tòa tháp chuông (2008)

Bộ tượng Tam Thế bằng đồng nguyên khối. Mỗi pho nặng 50 tấn, cao 7,2m (2008)

64. CHÙA ĐÓT TIÊN

突僊寺

Tỉnh Thanh Hóa

Chùa có tên đầy đủ là "Đót Tiên Di Đà tự", dựng trên sườn núi xã Du Xuyên (nên cũng gọi là chùa Du Xuyên) huyện Ngọc Sơn, nay thuộc thôn Thanh Nam, xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Chùa nằm trong quần thể di tích Kiến trúc Nghệ thuật và thắng cảnh Lạch Bạng, bao gồm: chùa Đót Tiên, đền Lạch Bạng, đền Quang Trung và đền Thanh Xuyên, đã được xếp hạng Di tích lịch sử - Văn hóa cấp quốc gia năm 1991.

Chùa Đót Tiên nằm cùng hướng với đền Lạch Bạng và đền QuangTrung... *"phía sau dựa núi, phía trước cúi xuống nước, sông dài rộng lớn trong xanh, núi lại âm u mà tú lệ, thực một trời hoa, một cảnh đẹp lớn". (văn khắc trên chuông chùa Đót Tiên)*

Chùa được xây dựng từ lâu đời, căn cứ vào 2 tấm bia hậu Phật dựng tại chùa lập vào các năm Giáp Thân và Canh Dần niên hiệu Cảnh Hưng thứ 15 (1755) và thứ 30 (1770) thì từ giữa thế kỷ XVIII nhiều người hảo tâm công đức tổ chức đại trùng tu ngôi chùa, tô tượng, đúc chuông, dựng bia. Các tấm bia niên hiệu Minh Mệnh, Tự Đức, Khải Định cũng tiếp tục ghi lại những sự kiện tâm linh này. Chùa còn được mở mang, trùng tu vào các năm 1991, 2006. Và hiện đang được mở rộng thêm lên phía đỉnh núi. Ngôi chùa hiện có kiến trúc hình chữ Đinh (丁) gồm 5 gian tiền đường và 2 gian hậu cung, là nơi bài trí 26 pho tượng Phật. Kề sát với chùa là phủ Mẫu. Trong cung cấm phủ có tượng Liễu Hạnh công chúa tạc thời Lê Cảnh Hưng, ở sân dưới nhà tiền đường có nhà bia hình lục giác cấu trúc theo kiểu gác chuông 2 tầng.

Chùa Đót Tiên là một kiến trúc Phật giáo cổ còn lưu giữ được nhiều di vật, cổ vật có giá trị và đang được tôn tạo hoành tráng thành một trung tâm văn hóa tâm linh mang đặc trưng của văn hóa biển tại vị trí đắc địa qua các thời: từ trên Non Tiên, nhìn ra cửa sông Lạch Bạng với căn cứ Biện Sơn thời xưa, khu công nghiệp Nghi Sơn ngày nay.

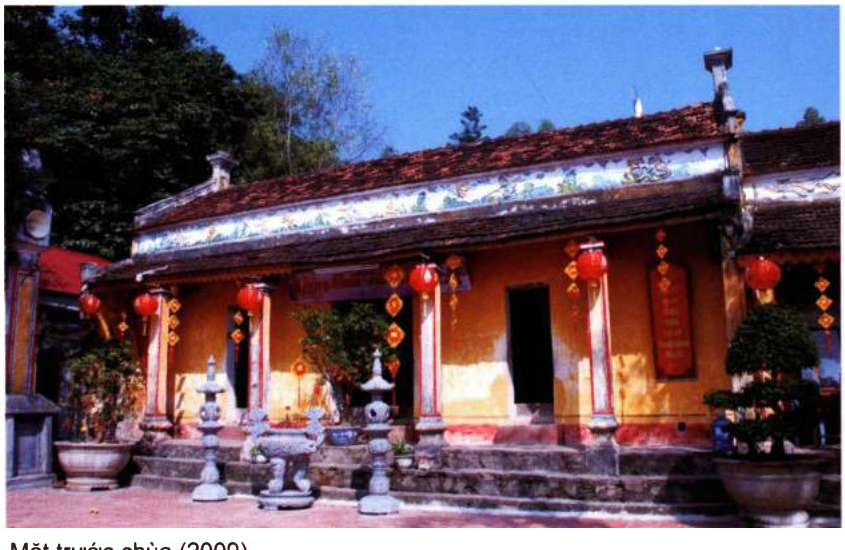

Mặt trước chùa (2009)

Đường lên chùa (2009)

Chính điện (2009)

Đại Đức Thích Tâm Hiện trụ trì chùa và bà con xã Hải Thanh rước cỗ lên chùa trong lễ Cầu Ngư năm 2008

Ban thờ Mẫu Liễu Hạnh (2009)

Ban thờ ngũ vị tôn quan (2009)

Từ chùa nhìn xuống Cửa Bạng (2009)

Chùa Đót Tiên đang được mở rộng (2009)

Hộ pháp (2009)

Nhà bia (2009)

Chuông đồng (2009)

Chùa Hương Quang (2010)

65. CHÙA HƯƠNG QUANG

香光寺

Tỉnh Thanh Hóa

Chùa Hương Quang, còn gọi là chùa Tranh, xưa thuộc thôn Cẩm Bào Nội, xã Bố Vệ, nay tọa lạc ở số 77 phố Nguyễn Chích, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa. Từ xưa, chùa Hương Quang đã nổi tiếng khắp vùng. Bài minh trên chuông chùa đời Tự Đức năm thứ 10 (1857) viết: "*Chùa Hương Quang là di tích cổ ở trời Nam, cảnh đẹp ở nơi đất Việt. Chốn thờ phụng linh thiêng nổi tiếng một vùng. Thật là nơi hợp với lòng trăm họ. Nơi rồng tranh biển lớn, cá kình chầu chực bốn phương...*".

Chùa Hương Quang đã qua nhiều lần trùng tu, xây dựng "*... Vào thời vua Tự Đức năm thứ 10 (1857) đúc chuông đồng và dựng bia ghi việc đúc chuông. Đến thời vua Thành Thái năm thứ 3 (1891), ngày 25 tháng 3 dựng bia ghi việc sửa chùa. Chùa được bắt đầu xây dựng lại bằng những tòa nhà đồ sộ với những giải vũ, trang sức tượng Phật, sắc trương huy hoàng*". (Theo Văn bia Kim Cổ chùa Hương Quang). Chùa được tiếp tục trùng tu vào các năm 1927, 1935, 1940, 1944, 2005 và đặc biệt, năm 2009 Giáo hội Phật giáo, các cấp, các ngành của tỉnh Thanh Hóa cùng Phật tử thập phương và ni trưởng Thích Nữ Đàm Nhung trụ trì chùa đã đại trùng tu xây dựng lại ngôi tam bảo. Diện mạo chùa Hương Quang ngày nay với tam quan hai tầng đồ sộ, bốn tòa chính điện, thượng điện, nhà tổ, nhà mẫu với những hàng cột gỗ to và cao, hệ thống vì kèo chạm trổ tinh vi, 4 tòa bảo tháp Diệu Nghiêm, Thanh Lương, Thanh Quang và Hương Quang... mang dấu ấn kiến trúc điêu khắc, nghệ thuật của những lần trùng tu, tôn tạo vào các thế kỷ XIX-XX.

Hiện chùa có gần 70 pho tượng đẹp, đáng chú ý là các tượng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Di Lặc, Bồ Tát, Nam Hải Quan Thế Âm, Địa Mẫu Trân Kinh.

Trong chùa còn có 7 bia đá, tấm sớm nhất dựng năm 1857, và một chuông đồng cùng niên đại.

Qua nhiều thế kỷ tồn lại, đến nay chùa Hương Quang vẫn là một địa chỉ hành hương lễ Phật và nơi chữa bệnh cứu nhân độ thế sáng giá của Xứ Thanh.

Phật điện (2005)

Ni trưởng Thích Nữ Đàm Nhung hành lễ (2005)

Chính điện chùa (2005)

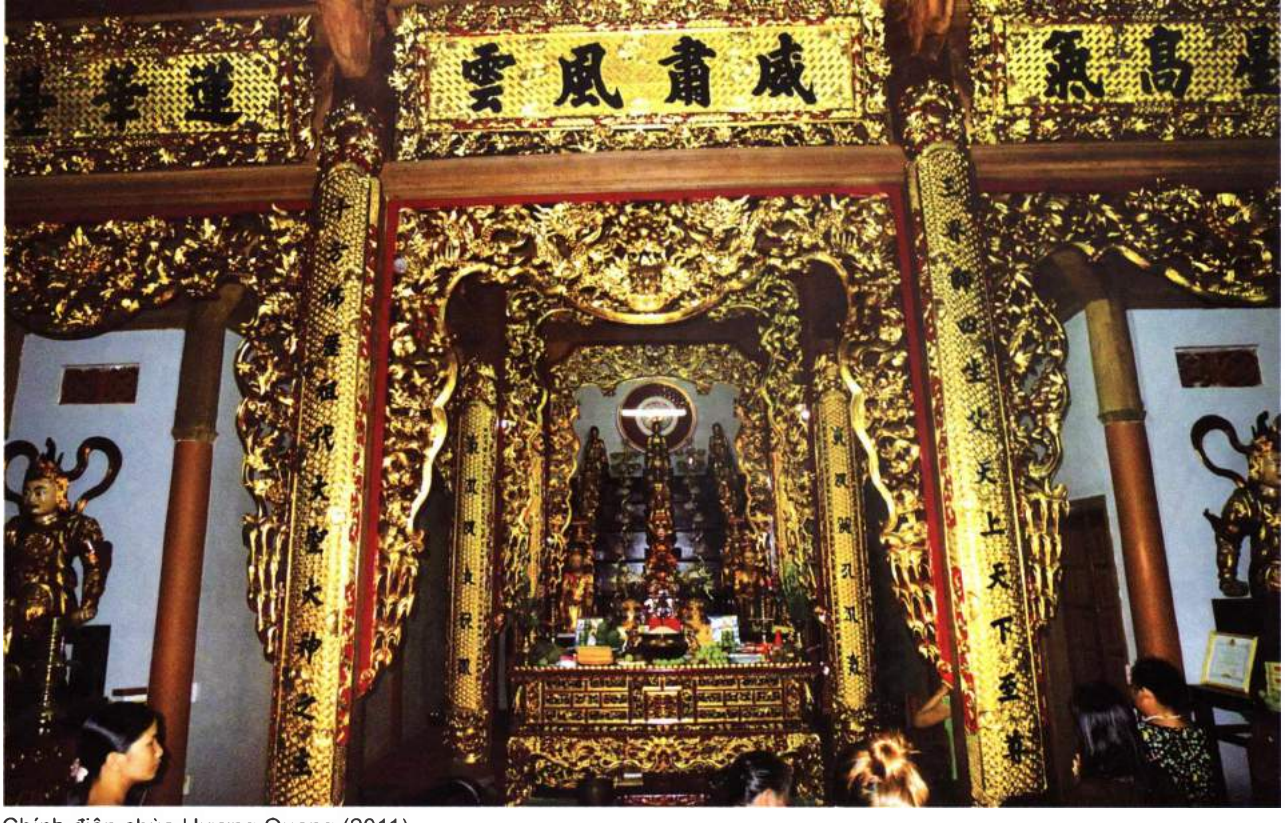

Chính điện chùa Hương Quang (2011)

Tam quan (2005)

Mặt trước chùa (2005)

Mặt trước chùa (2010)

Hàng hiên chùa (2010)

Ban thờ Hộ Pháp (2005).

Ban thờ Tổ (2005)

Phòng khám chữa bệnh nhân đạo (2005)

Bia đá (2005)

Ni trưởng Thích Nữ Đàm Nhung (bên phải) và sư thầy Thích Nữ Đàm Phương (2005)

66. CHÙA LINH VÂN

靈雲寺

Tỉnh Nghệ An

Chùa Linh Vân thường được gọi là chùa Cần Linh, toạ lạc ở phường Cửa Nam, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, nằm trong một quần thể thiên nhiên kỳ thú của các ngọn núi: Thiên Nhẫn, Hồng Lĩnh, Đại Hải và núi Chung. Phía đông và phía nam có sông Cồn Mộc chảy qua.

Tương truyền, chùa được xây dựng từ thế kỷ IX với tên là "Linh Vân tự" (chùa Mây Thiêng). Sách *"Đại Nam nhất thống chí" (A.853/7, q.15, 4a)* viết: "Chùa cổ Linh Vân ở xã An Trường huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, nay thuộc thành phố Vinh. Tương truyền do Cao Biền xây dựng từ thời thuộc Đường. Chùa trông ra bến sông, cạnh chùa có giếng đá, cảnh trí đẹp mắt được coi là nơi danh thắng". Tên Cần Linh có từ đời Tự Đức khi nhà vua đến thăm chùa và tặng bức đại tự "Cần Linh". Chùa còn có tên là chùa Sư Nữ vì các vị sư ở chùa đều là nữ giới.

Chùa có diện tích trên 6.000m^2, nằm theo hướng đông tây, gồm một tổng thể kiến trúc như sau: tam quan, bái đường, thượng điện, nhà thờ Phật tổ, tả vu, hữu vu và các nhà phụ, lăng mộ, sân chùa, vườn hoa cây cảnh... tất cả đều hài hòa, đăng đối, vừa trang nghiêm tĩnh lặng vừa tráng lệ, uy nghi.

Trong hai cuộc chiến tranh tàn phá, Linh Vân tự thiêng liêng cổ kính vẫn sừng sững dưới làn bom đạn. Chùa có các pho tượng cổ quý hiếm như tượng Đức Phật Thích Ca sơ sinh cao 2m bằng gỗ mít sơn son thếp vàng, hoặc nhóm tượng Cửu Long gồm 9 pho tượng nhỏ điêu khắc tinh xảo, hoa văn lá đề, vân xoắn, sóng nước rất sinh động. Đặc biệt là tượng Phật Bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay bằng đồng đỏ cao 3m, rộng 2,5m, nặng 8 tấn, hoàn thành vào tháng 5 năm 2006, ngự tọa trước chính điện chùa.

Toàn cảnh chùa Linh Vân (2009)

Chùa Linh Vân (1991)

Phật Bà Nghìn Mắt Nghìn Tay (2008)

Nghệ thuật trang trí trong chùa với những bờ dải, bờ nóc đắp rồng, nghê, rồng chầu mặt nguyệt, các chạm khắc gỗ tinh vi với những chủ đề hoa sen, hoa văn sóng nước, long ly quy phượng, tùng trúc cúc mai, có giá trị lịch sử và thẩm mỹ cao. Ngoài ra, còn có một khối lượng lớn các hiện vật có giá trị như chuông đồng, mõ, bia đá, hoành phi, câu đối, bài vị, đồ thờ tự bằng đá...

Chùa Cần Linh là trung tâm Phật giáo Nghệ An, trực thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam, nơi sinh hoạt tâm linh của tín đồ Phật tử và nhân dân quanh vùng, điểm du lịch hấp dẫn du khách và đã được xếp hạng Di tích Lịch sử - Văn hóa cấp Quốc gia vào năm 1992.

Hai vị ni sư trụ trì đầu tiên của chùa là Thích Diệu Viên và Thích Diệu Niệm. Vị trù trì hiện nay là ni sư Thích Nữ Diệu Nhẫn. Các vị đã có rất nhiều công lao vận động nhân dân đóng góp công sức, tiền của để tu tạo, xây dựng ngôi chùa có diện mạo khang trang bề thế như ngày nay. Nhà chùa đã có nhiều đóng góp cho các hoạt động từ thiện trong và ngoài tỉnh.

Mừng ngày đại lễ Đức Phật Thích Ca hành đạo (2009)

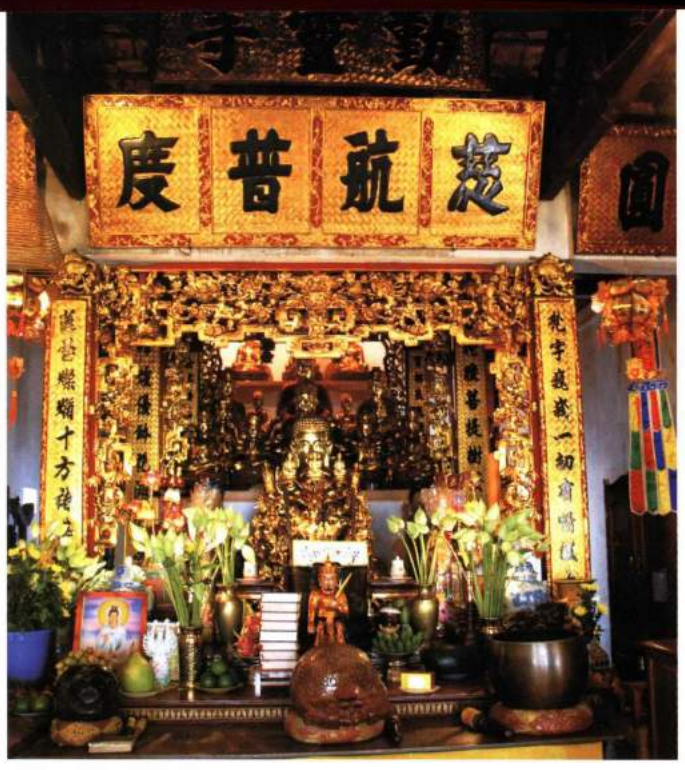

Chính điện (2008)

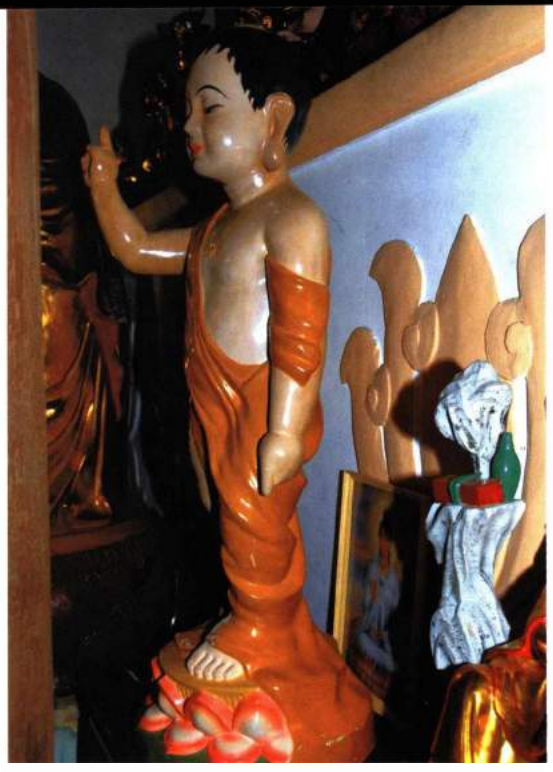

Đức Phật Thích Ca (2008)

Ni sư Thích Nữ Diệu Nhẫn trong ngày đại lễ kỷ niệm Đức Phật Thích Ca thành đạo (PL 2552 -2009)

67. CHÙA YÊN LẠC

安樂寺

Tỉnh Hà Tĩnh

Chùa Yên Lạc nằm ở đầu xóm Chùa, xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, chính là vùng đất Nhượng Bạn (Kẻ La, Cơ La, Kỳ La) nổi tiếng với bề dày của lịch sử và văn hóa. Phía đông nam cách chùa khoảng 3 km là cửa sông Gia Hội. Phía tây là dãy núi Tượng. Phía tây tiếp giáp với xã Cẩm Long. Cách chùa khoảng1,5 km là khu du lịch Thiên Cầm. Phía đông là biển cả mênh mông.

Chùa nhìn hướng tây nam, ở trên một diện tích 550 m^2, có hệ thống tường bao quanh, kiến trúc gọn gàng, chắc chắn mang đặc trưng của những ngôi chùa ven biển nhiều gió bão miền Trung. Với cấu trúc hình chữ "Tam" theo hệ thống liên hoàn, khép kín và dốc dần lên tiêu điểm và cao điểm tòa Thượng, từ đường lớn vào đến tam quan, qua sân chùa là nhà Hạ điện, nhà cúng âm hồn, nhà bia, nhà trung điện và cuối cùng là sân và thượng điện.

Chùa Yên Lạc có gần một trăm hiện vật, bao gồm: tượng Phật, bia đá, chuông đồng, khánh đồng, đại tự, câu đối, phù điêu, hương án, tranh khắc gỗ... Số lượng các pho tượng ở chùa Yên Lạc tuy không nhiều nhưng vẫn còn bảo lưu được hệ thống tượng pháp Phật khá đầy đủ và nguyên bản nhất vùng Hà Tĩnh gồm: bộ tượng Tam Thế Phật, Thích Ca sơ sinh, Quan Âm Bồ Tát, A Di Đà, Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu, Quan Âm Nam Hải, Quan Âm Tọa Sơn... Đặc biệt là pho tượng Quan Âm bằng đồng nặng 100 kg. Ngoài ra, ở đây còn có bộ phù điêu bằng gỗ miêu tả tích Tôn Ngộ Không cùng Đường Tăng sang Tây Trúc thỉnh kinh, bộ tranh gỗ Thập điện Diêm Vương, khánh, chuông đồng có phong cách nghệ thuật thời Hậu Lê - Tây Sơn.

Phật điện (2008)

Các Phật Tử tụng kinh niệm Phật (2008)

Khánh đồng (2008)

Chính điện (2008)

Chuông đồng (2008)

68. CHÙA AN XÁ

安舍寺

Tỉnh Quảng Bình

Chùa An Xá xưa thuộc tổng Đại Phong, huyện Lệ Thủy, nay thuộc xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, cách huyện lỵ chừng 8 km về phía Tây.

Chùa được xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ XIX, trên một khoảnh đất cao ở cuối làng, theo hướng bắc nam. Chùa có mặt tiền xây theo dạng tường - tam quan, phần trên ở giữa nhô cao, đắp nổi hình rồng. Trên cùng là ba chữ: "An Xá tự", hai bên có hai con hạc đứng trên lưng rùa chầu vào nhau. Từ một hình thức 4 cột trụ biểu liên kết, lớp mái thành cổng chùa, qua sân vườn là tới chùa. Chùa An Xá cũ đã bị chiến tranh, bão lụt làm hư hỏng gần như hoàn toàn. Ngôi chùa như hiện nay đang thấy là công trình mới được xây dựng vào năm 1994.

Chùa An Xá là di tích cách mạng gắn liền với những sự kiện lịch sử sôi động hào hùng, của những ngày đầu thành lập Đảng trong thời kỳ vận động dân tộc, dân chủ 1936 - 1939, đặc biệt là của thời kỳ cách mạng giải phóng dân tộc. Nơi đây, ngày 2/7/1945 đã diễn ra hội nghị đại biểu các Đảng bộ trong toàn tỉnh, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Quảng Bình Tháng Tám năm1945.

Cổng chùa (2008)

Chùa An Xá (2008)

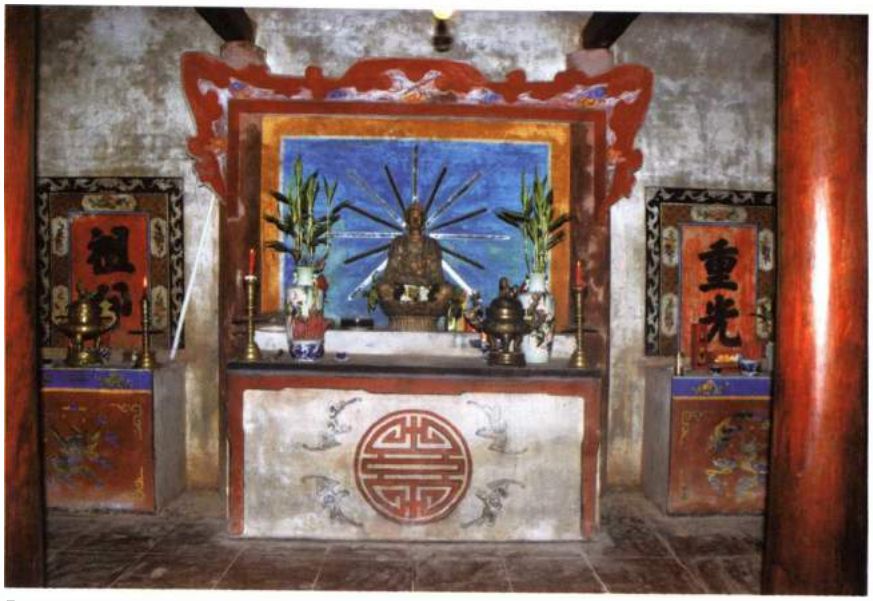

Ban thờ (2008)

Cây trong sân chùa (2008)

69. CHÙA CHÂU QUANG

珠光寺

Tỉnh Quảng Trị

Chùa tọa lạc ở số 31 đường Trần Hưng Đạo, thị xã Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Đây là ngôi chùa được xây năm 1925, làm trụ xứ an cư của Hội Phật học tỉnh Quảng Trị. Tuy chưa đầy trăm năm, nhưng chùa đã qua nhiều lần trùng tu: mặt tiền được làm lại vào năm 1954, chính điện sửa chữa năm 1978 và nhà khách sửa chữa năm 1994. Chùa nguyên đặt văn phòng Ban trị sự Phật giáo tỉnh Quảng Trị. Điện Phật được bài trí tôn nghiêm. Chùa đón tiếp đông đảo du khách, Phật tử đến tham quan, chiêm bái hàng ngày.

Chính điện (2008)

Tam quan chùa (2008)

Các Thầy hành lễ (2008)

Phật Bà Quan Âm (2008)

Dược sư (2008)

Chuông đồng (2008)

70. CHÙA THIÊN MỤ

天姥寺

Thành phố Huế

Chùa nằm trên đồi Hà Khê, bên tả ngạn sông Hương, cách trung tâm thành phố Huế khoảng 5km. Đây là ngôi chùa cổ nhất của xứ Huế.

Tên Thiên Mụ (có nghĩa "Bà già người Trời") gắn liền với một truyền thuyết: Khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa, có một bà già tóc bạc phơ, áo đỏ quần xanh, ngồi trên đỉnh đồi nói rằng: "Sẽ có một vị chân chúa dựng chùa thờ Phật ở đây, để tụ khí thiêng sông núi, làm cho mạch nước lâu bền". Chúa Nguyễn Hoàng cả mừng, đã dựng chùa ở đây năm 1601, gọi là chùa Thiên Mụ.

Nhưng sách *Ô châu cận lục* của Dương Văn An, ở thế kỷ XVI, đã nhắc đến chùa Thiên Mụ. Như vậy, có thể Nguyễn Hoàng đã cho xây dựng lại một ngôi chùa đã có từ trước. Năm 1665, chúa Nguyễn Phúc Tần lại trùng tu chùa. Năm 1710, chúa Nguyễn Phúc Chu cho đúc một quả chuông có đường kính 1,4m, cao 2,5m. Đây là quả chuông lớn nhất ở Huế, hiện còn tại chùa. Năm 1714, Nguyễn Phúc Chu cho xây dựng thêm nhiều nhà trong chùa và cho dựng một tấm bia cao 2,6m, rộng 1,2m, đặt trên lưng một con rùa bằng cẩm thạch. Chúa còn cho người sang Trung Quốc mua kinh *Đại Tạng* về cất giữ tại chùa.

Cuối thế kỷ XVIII, chùa bị tàn phá nặng nề. Đến triều Nguyễn, vua Gia Long, năm 1815, và vua Minh Mạng, năm 1831, đã cho sửa sang lại chùa. Năm 1844, vua Thiệu Trị cho xây ngoài cửa Nghi Môn một ngôi tháp bát giác, gọi là tháp Từ Nhân, sau đổi tên thành tháp Phước Duyên.

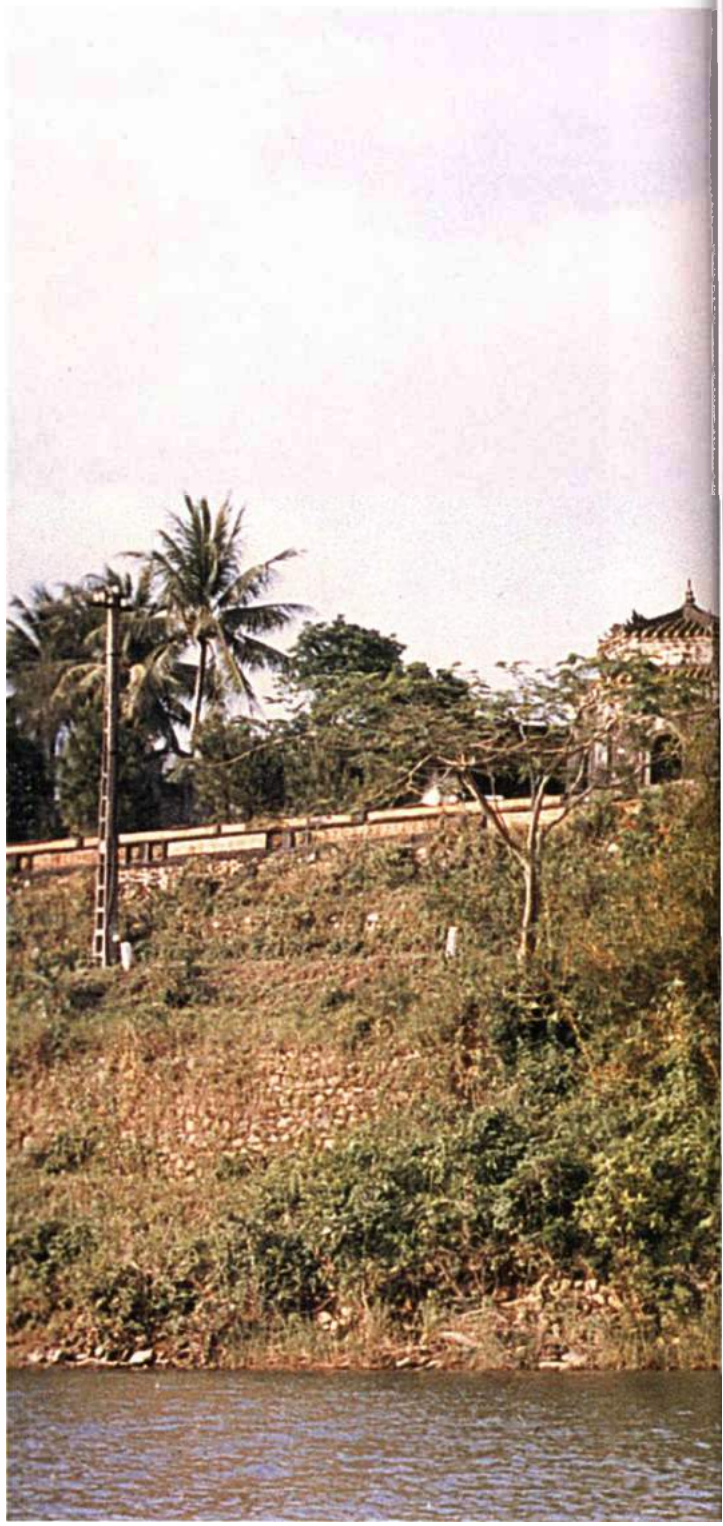

Toàn cảnh chùa Thiên Mụ (1991)

Trước tháp, vua Thiệu Trị cho xây đình Hương Nguyện. Hai bên có hai nhà bia đặt hai tấm bia khắc năm 1846, ghi lại việc dựng tháp Phước Duyên và đình Hương Nguyện, cùng với các bài thơ của Thiệu Trị.

Trận bão lớn năm Giáp Thìn (1904) làm chùa bị hư hại, đình Hương Nguyện cũng đổ sập. Năm 1907, vua Thành Thái cho xây dựng lại, nhưng chùa không còn được to như trước.

Ngày nay, đến thăm chùa Thiên Mụ, sau khi bước lên nhiều bậc thềm, chúng ta đến sân có ngôi tháp Phước Duyên xây gạch, 7 tầng, cao 21,27m, dựng năm 1844. Đình Hương Nguyện đã đổ, chỉ còn dấu vết bộ móng bằng đá xanh. Hai bên có hai nhà tứ giác, đặt hai tấm bia đời Thiệu Trị. Lùi vào phía trong, là hai nhà lục giác, một nhà để bia, một nhà để quả chuông đúc đời chúa Nguyễn Phúc Chu.

Qua cửa Nghi Môn, chúng ta đến Đại Hùng bửu điện (điện Phật), điện Di Lặc và điện Quan Âm. Trong điện Phật có nhiều tượng đẹp, đáng chú ý là tượng Phật Câu Lưu Tồn. Phía sau là nhà trai, nhà khách, vườn hoa, và cuối cùng là vườn thông đẹp tĩnh mịch.

Tam quan (1991)

Tam quan chùa và tháp Phước Duyên (1991)

Tháp Phước Duyên (1991)

Mặt trước chùa (1991)

Bia đá, dựng năm 1715, (1991)

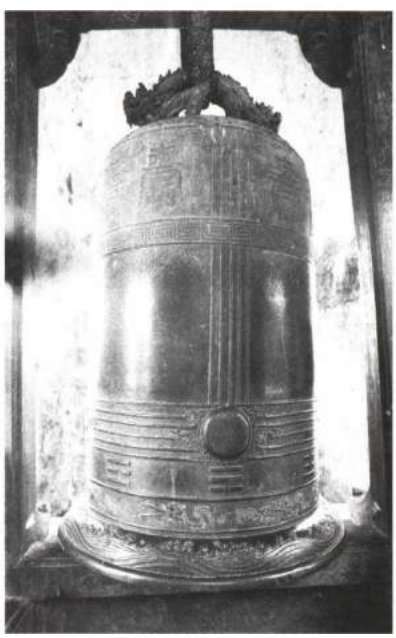

Chuông đồng (1991)

Tượng Hộ Pháp (1991)

Tượng Thích Ca và Di Lặc ở chính điện (1991)

Tháp hòa thượng Thích Đôn Hậu (1991)

71. CHÙA QUỐC ÂN

國恩寺

Thành phố Huế

Chùa nằm trên một quả đồi thấp thuộc phường Trường An, đối diện với núi Kim Phụng và ở bên phải núi Ngự Bình, cách trung tâm thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên-Huế chừng 2km.

Chùa được xây dựng từ cuối thế kỷ XVII, khoảng 1684-1685, do nhà sư nổi tiếng Nguyên Thiều, người truyền bá phái Thiền Lâm Tế ở Đàng Trong.

Sư Nguyên Thiều họ Tạ, còn có tên là Hoán Bích, quê ở Quảng Đông, Trung Quốc, sang Việt Nam năm 1665. Lúc mới đầu sư lưu trú ở Bình Định, lập nên chùa Thập Tháp Di Đà ở đây. Sau sư ra Phú Xuân (Huế ngày nay), dựng chùa Quốc Ân. Chùa này ban đầu có tên là Vĩnh Ân. Đến năm 1689, chúa Nguyễn Phúc Trăn mới đổi tên là chùa Quốc Ân, ban tấm biển "Sắc tứ Quốc Ân tự" và chuẩn phê miễn thuế ruộng đất của chùa.

Cùng với việc xây chùa, sư Nguyên Thiều còn cho xây một ngôi tháp có tên là Phổ Đồng ở giữa sân chùa. Ngày nay, tháp không còn nữa.

Tam quan (1991)

Năm 1802, đầu đời Nguyễn Gia Long, chùa bị hư hỏng nhiều sau chiến tranh, hòa thượng Mật Hoằng, người trụ trì thuộc thế hệ thứ năm ở chùa này đã cho khởi công xây dựng lại, với quy mô rộng rãi hơn.

Đến nay, tuy qua nhiều lần trùng tu, chùa vẫn giữ được vẻ cổ kính. Trước chùa là tam quan với bốn cột trụ cao. Qua tam quan, đến một sân rộng. Chính điện khá đẹp, lớn, nhưng qua một thời gian chưa được tu sửa nên đã hư hỏng nhiều.

Chùa Quốc Ân ở Huế được coi là tổ đình của phái Lâm Tế phổ biến ở nhiều chùa miền Nam.

Chính điện (1991)

Chùa Quốc Ân (1991)

Đức Phật sơ sinh (1991)

Tượng Quan Âm Bồ Tát Chuẩn Đề (1991)

Thập điện Diêm Vương (1991)

Tổ Nguyễn Thiều (1648-1728)

Ban thờ Quan Công (1991)

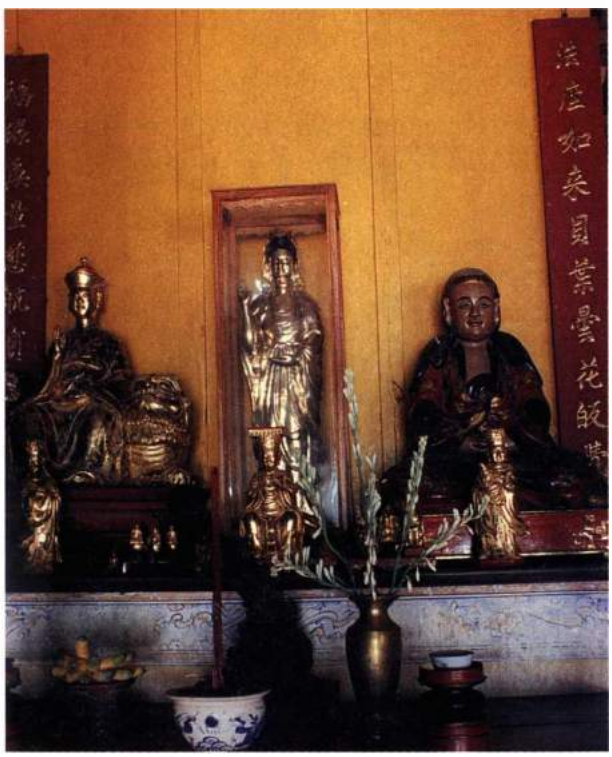

Ban thờ Quan Âm (1991)

72. CHÙA TỪ ĐÀM

慈曇寺

Thành phố Huế

Chùa nằm trên một khoảng đất cao, bằng phẳng, ở phường Trường An, giáp đường Điện Biên Phủ, cách trung tâm thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế khoảng 2km.

Chùa do hòa thượng Minh Hoằng Tử Dung dựng vào khoảng năm 1695. Minh Hoằng Tử Dung là nhà sư người tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, năm 1702 đã truyền pháp cho hòa thượng Liễu Quán, nhà sư người Việt Nam, mở đầu một phái Thiền ở Đàng Trong.

Chùa ban đầu có tên là Ấn Tôn. Năm 1703, chúa Nguyễn Phúc Chu đã ban cho chùa tấm biển "Sắc tứ Ấn Tôn tự". Đến năm 1841, vua Thiệu Trị mới đổi tên chùa là Từ Đàm.

Chùa hiện nay được xây dựng lại phối hợp các yêu tố kiến trúc cũ và mới.

Cổng tam quan của chùa rất cao, rộng, có mái ngói thanh nhã. Bên cổng, phía trong sân, là cây bồ đề lớn cành lá sum suê. Đây là cây bồ đề mà bà Karpeies đã mang từ Ấn Độ sang trồng vào năm 1936.

Sân chùa rất rộng, đủ chỗ cho hàng nghìn người về dự lễ.

Chùa chính gồm tiền đường, chính điện và nhà tổ.

Tiền đường có hai tầng mái, xây trên nền móng bằng đá hoa cương, cao đến 1,5m. Mái lợp ngói âm dương. Ở bờ mái và trên nóc có những hình rồng uốn cong mềm mại. Giữa hai tầng mái của tiền đường là những bức phù điêu biểu hiện cuộc đời đức Phật. Dọc theo 6 cột trụ của tiền đường là những câu đối với nét chữ sắc đẹp. Bên phải và bên trái của tiền đường là lầu chuông và lầu trống.

Ở chính điện, sau cửa vòm là bàn thờ Phật, chỉ đặt một tượng Phật Thích Ca Mâu Ni. Phía trước, chỉ có một tượng Thích Ca sơ sinh. Phía sau chính điện là nhà tổ và nhà tăng. Chùa Từ Đàm còn có một hội quán lớn, có hai tầng.

Năm 1936, chùa là trụ sở của An Nam Phật học hội. Năm 1951, 51 đại biểu Phật giáo ba miền Bắc Trung Nam đã họp ở đây để chuẩn bị cho việc thống nhất Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Hiện nay, chùa Từ Đàm là trụ sở của Giáo hội Phật giáo Thừa Thiên - Huế.

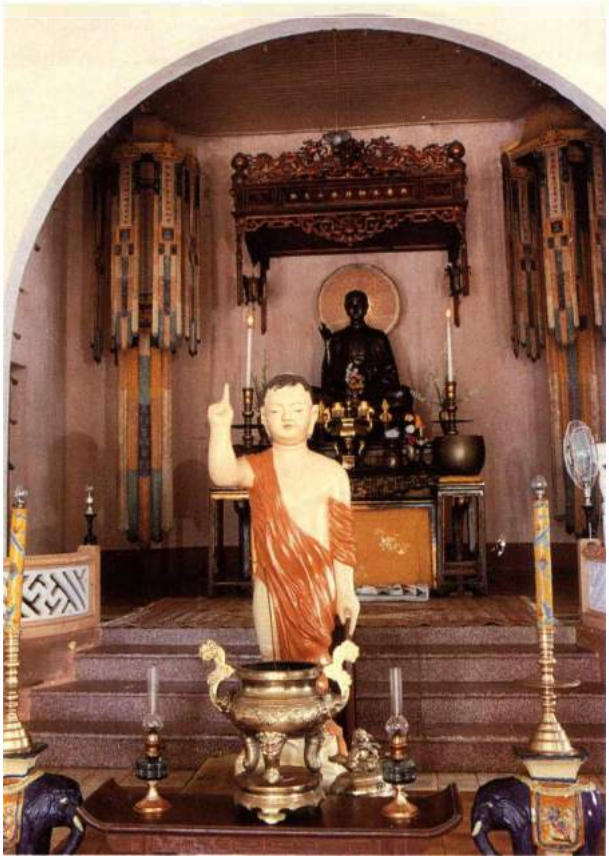

Tượng Thích Ca sơ sinh (1991)

Chùa Từ Đàm (1991)

Tam quan (1991)

Phật Thích Ca Mâu Ni (1991)

73. CHÙA BÁO QUỐC

報國寺

Thành phố Huế

Chùa nằm trên đồi Hàm Long, thuộc phường Phường Đúc, đông giáp đường Điện Biên Phủ, bắc kề nhà ga xe lửa Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Chùa được hòa thượng Giác Phong dựng vào cuối thế kỷ XVII, đời chúa Nguyễn Phúc Tần. Khi tổ Giác Phong tịch năm 1714, đời chúa Nguyễn Phúc Chu, thì hòa thượng Pháp Lữ tiếp tục trụ trì ở đây. Chùa ban đầu có tên là Hàm Long Thiên Thọ tự. Năm 1747, chúa Nguyễn Phúc Khoát ban cho tấm biển thếp vàng có năm chữ "Sắc tứ Báo Quốc tự".

Khoảng năm 1786, chùa bị dùng làm kho chứa diêm tiêu làm thuốc súng, do đó hư hỏng đổ nát nhiều. Năm 1808, bà hoàng hậu Hiếu Khương đã quyên tiền xây dựng lại chùa và đổi tên là chùa Thiên Thọ. Nhưng đến năm 1824, vua Minh Mạng lại cho lấy tên cũ là chùa Báo Quốc. Năm 1858, chùa lại bị hư hỏng, vua Tự Đức đã cấp tiền trùng tu. Cửa tam quan xây năm 1808, được sửa lại năm 1873.

Trong một thời gian dài, từ năm 1935 đến những năm 40, chùa Báo Quốc còn là một trường Phật học đào tạo tăng sĩ.

Đến năm 1957, giáo sư Tăng Già Thiên và ban quản trị chùa đã tổ chức xây dựng lại chùa. Ngôi chính điện được xây bằng xi măng cốt sắt nhưng vẫn giữ nguyên kiểu kiến trúc cổ. Hai con rồng uốn mình được đắp hai bên thành bậc. Các cột phía trước cũng có hình rồng nổi. Bên trong chính điện, các bao lam, hoành phi, câu đối sơn son thếp vàng lộng lẫy. Trên ban thờ, ba

Tam quan (1991)

Chuông đồng đúc năm Gia Long thứ 7 (1991)

pho tam thế đặt trong khám lồng kính. Ở đây có nhiều câu đối và biển gỗ có từ đời chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765). Có một quả chuông đúc năm Gia Long thứ 7 (1808).

Bên trái chùa có 19 tháp mộ của các vị tổ đã trụ trì ở đây, đáng chú ý là các tháp của hòa thượng Giác Phong (tịch năm 1714), hòa thượng Viên Giác (tịch năm 1753) và hòa thượng Hàn Chất (tịch năm 1766). Các tháp mộ dựng gần đây đồ sộ và tân kỳ, như tháp hòa thượng Thích Trí Thủ, người đã có công xây dựng chùa trong những năm 50 của thế kỷ này.

Phía bắc chùa có giếng Hàm Long sâu hơn 4m, nước rất trong. Ca dao Huế xưa có câu:

Nước Hàm Long đã trong lại ngọt,

Em thương anh rày có Bụt chứng tri.

Mặt trước chùa (1991)

Ban thờ Quan Thế Âm Bồ Tát (1991)

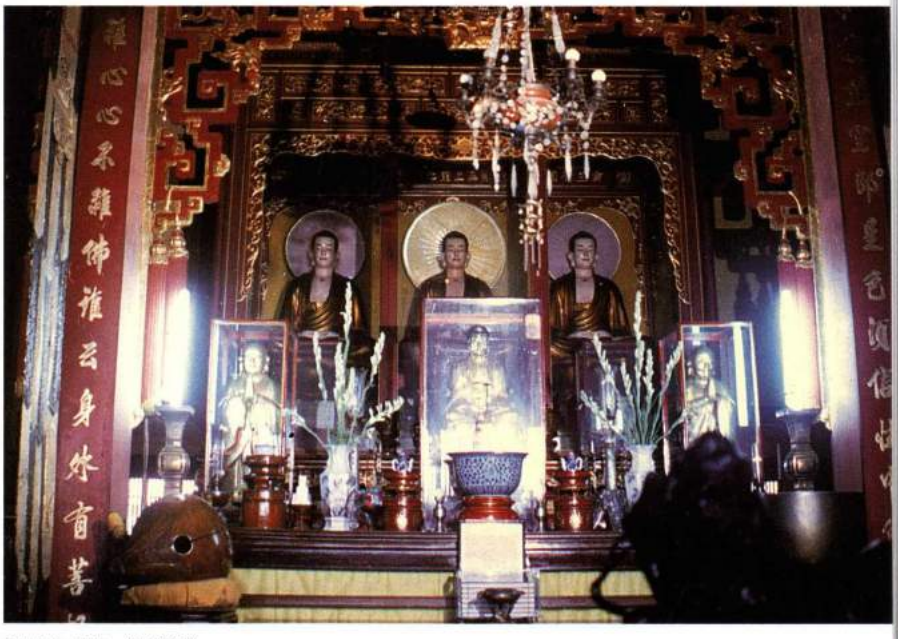

Chính điện (1991)

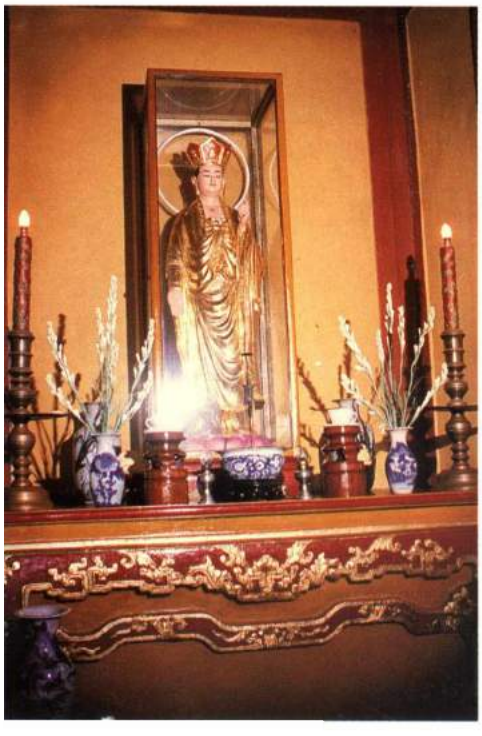

Ban thờ Phật Dược sư (1991)

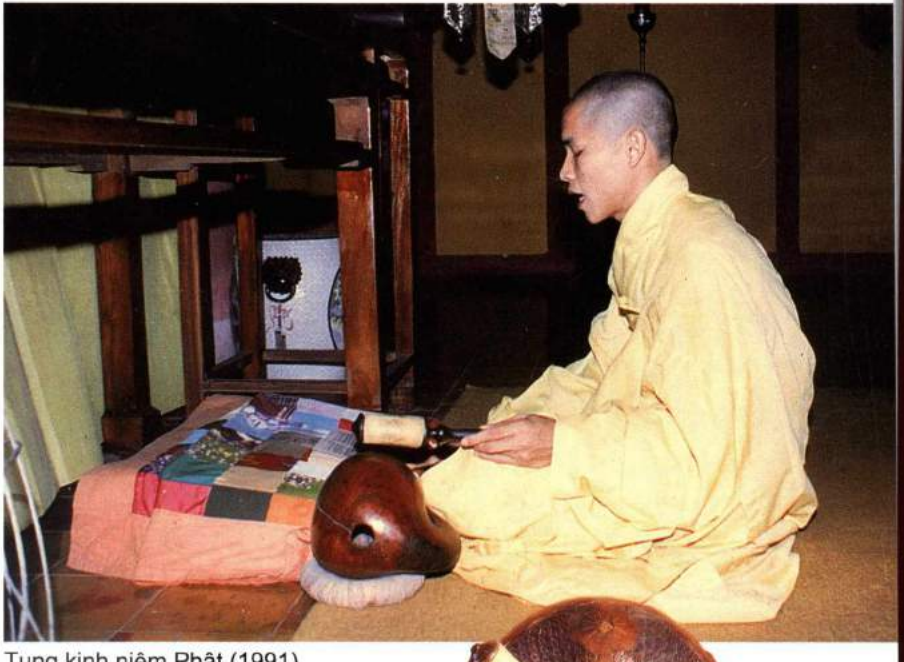

Tụng kinh niệm Phật (1991)

Mõ gỗ

74. CHÙA LONG THỦ

龍首寺

Thành phố Đà Nẵng

Chùa Long Thủ (nay là chùa An Long) tọa lạc trên khu đất nằm sau lưng Bảo tàng Điêu khắc Chăm, bên bờ sông Hàn thuộc phường Bình Hiên, thành phố Đà Nẵng. Chùa được khởi dựng vào năm 1653. Nhưng trải qua nhiều thế kỷ biến động, chùa cũ Long Thủ không còn nữa. Diện mạo của chùa, như đang thấy bây giờ là kết quả của cuộc đại trùng tu vào năm 1961, đồng thời đổi tên chùa thành An Long.

Tuy nhiên, chứng tích của chùa cũ Long Thủ, cũng là di vật qúy giá của chùa này, hiện vẫn giữ được trong khuôn viên chùa là tấm bia đá cổ "Lập thạch bi Long Thủ Tự" được phát hiện và đặt (lại) ở vị trí cổng chùa từ năm 1903, được Toàn quyền Đông Dương ra nghị định "liệt hạng" năm 1925. Tấm bia chùa cổ Long Thủ này làm bằng đá sa thạch màu xám, kích thước 1,25m x 1,20m x 0,21m, hình thang cân đỉnh tròn, được dựng vào năm Thịnh Đức thứ 5 triều vua Lê Thần Tông (1654) do ông Lê Gia Phước, pháp danh Bảo Giám, người làng Hải Châu, Đà Nẵng viết.

Nội dung bia nói về việc xây dựng và tên gọi của chùa Long Thủ, họ tên của những người đã đóng góp tiền của, đất đai để xây dựng chùa cùng danh sách những mảnh đất được cúng.

Theo nội dung văn bia thì ngày xưa ở vùng Nại Hiên, Đức Phật thường cứu giúp những người bị hoạn nạn và hiện thân với đầu rồng, vì vậy các tín đồ Phật tử thường đến đây cúng giàng. Ông Trần Hữu Lễ là người trong làng đã dâng cúng một khu vườn để xây dựng ngôi

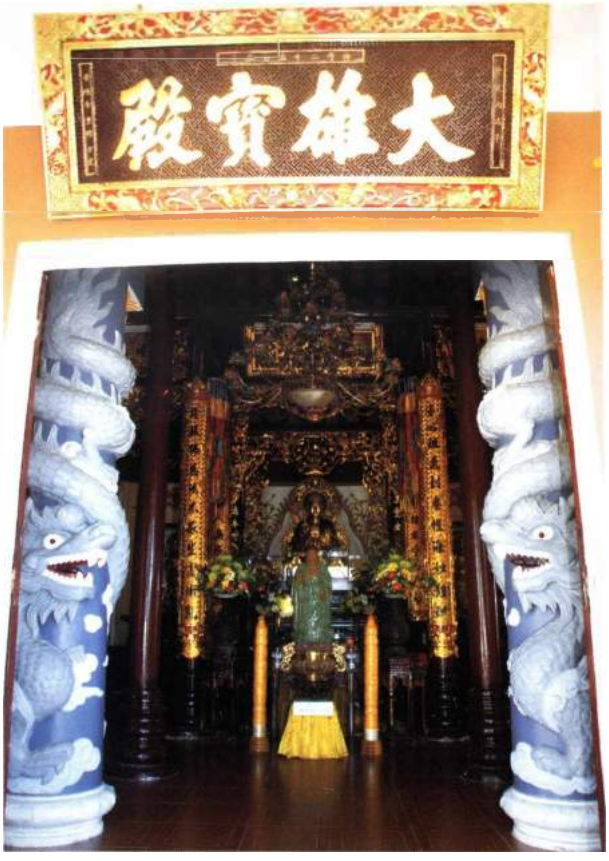

Chính điện (2008)

chùa làm nơi thờ phụng Đức Phật; các tín đồ trong vùng đã góp tiền của, ruộng đất để xây dựng ngôi chùa, đúc chuông, tạc tượng vào năm Giáp Tuất (1653).

Theo lời kể của một số người già thì trước kia chùa có 2 chiếc chuông lớn và nhiều tượng đẹp, nhưng đã mất mát dần trong chiến tranh. Chùa Long Thủ (1653) và bia "Lập thạch bi Long Thủ Tự" (1654) gắn liền với lịch sử giai đoạn đầu mở mang bờ cõi ở phía Nam đất nước. Trải qua nhiều thế kỷ, hóa thân thành chùa An Long hiện đại, vẫn là một tòa Phật tự danh lam của Việt Nam ở miền Trung.

Tam quan (2008)

Tượng Quan Âm Bồ Tát (2008)

Mặt trước chùa (2008)

Bia đá chùa Long Thủ (2008)

Tượng Phật trên thượng điện (2008)

Tượng Kim cương (2008)

75. CHÙA CẦU

来遠橋寺

Tỉnh Quảng Nam

Chùa Cầu là ngôi chùa làm trên chiếc cầu trong khu phố cổ Hội An, tỉnh Quảng Nam. Chiếc cầu dài khoảng 18m, có mái che, vắt cong qua lạch nước chảy ra sông Thu Bồn. Chiếc cầu này được người Nhật Bản ở Hội An xây dựng vào khoảng thế kỷ XVII, nên cũng thường được gọi là cầu Nhật Bản.

Liền bên mặt cầu, có ngôi chùa vuông, cũng được coi là người Nhật dựng. Theo truyền thuyết, ngôi chùa được coi như là như một thanh kiếm đâm xuống lưng con quái vật mamazu, khiến nó không quẫy đuôi để gây ra những trận động đất.

Năm 1719, chúa Nguyễn Phúc Chu thăm Hội An, đặt tên cho chiếc cầu là Lai Viễn, với ý nghĩa là "bạn phương xa đến". Trong sách *Luận ngữ* có câu: "Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc duyệt hồ?", nghĩa là:"Bạn phương xa đến, há chẳng vui sao?".

Nhưng theo niên đại ở xà nóc và văn bia còn lại ở đầu cầu thì chiếc cầu đã được dựng lại vào năm 1817. Hẳn ngôi chùa cũng đã được dựng lại trong dịp này. Gọi là chùa, nhưng bên trong không thấy tượng Phật. Chỉ có một bàn thờ, bên trên có một pho tượng mà người ta gọi là tượng Bắc Đế, có thể là Bắc Phương Chân Võ Đại Đế. Có thể về sau, chùa Cầu mang tính chất một ngôi chùa Hoa, tức chùa của Hoa kiều. Ở miền Nam Việt Nam, nhiều ngôi chùa Hoa, tuy cũng gọi là chùa, nhưng thực ra là đền thờ các vị thần.

Chúng tôi đưa chùa Cầu vào tập sách này vì tính độc đáo của nó.

Chùa Cầu (1991)

Chùa Cầu với hoành phi "Viễn Lai Kiều" (2008)

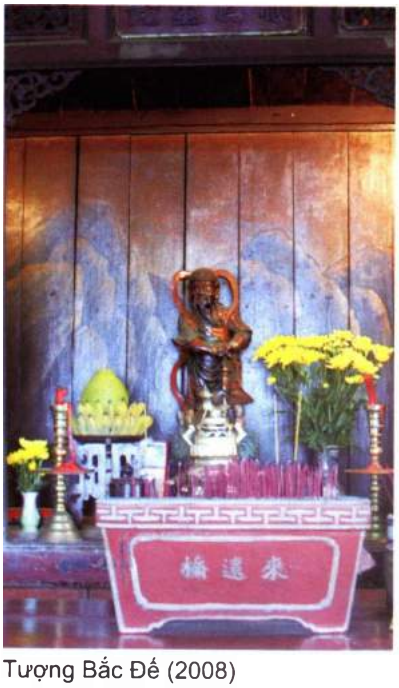

Tượng Bắc Đế (2008)

Trong lòng cầu (2008)

76. CHÙA THIÊN ẤN

天印寺

Tỉnh Quảng Ngãi

Chùa Thiên Ấn nằm trên núi Thiên Ấn, xã Tịnh Ấn, thị trấn Sơn Tịnh, bên bờ bắc sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Núi Ấn sông Trà chính là cặp biểu tượng núi sông của tỉnh miền Trung đất nước này - vẫn được xem là "Đệ nhất phong cảnh" của tỉnh Quảng Ngãi. Nhà văn hóa Nguyễn Cư Trinh (1716 - 1767) đã có bài thơ nổi tiếng *Vịnh Thiên Ấn niêm hà* (Ấn trời đóng trên sông) viết về chùa:

Phong cảnh nơi đây thật rất xinh
Niêm hà có ấn của trời xanh
Xem kia dấu tích còn vuông vức
Nhân lại non sông rõ dáng hình
Cách thức còn in đồ cổ tự
Cỏ cây nào phụ tiếng chung tình
Châu sa để dưới chân chờ mái
Trấn chỉ sau lưng phía cấm thành.

Chùa Thiên Ấn do thiền sư Pháp Hóa xây dựng một thế kỷ trước khi ra đời thi phẩm này. Đó là vào năm 1695 đến năm 1716 thì đã được chúa Nguyễn Phúc Chu ban biểu ngạch "Sắc tứ Thiên Ấn tự". Trong khuôn viên chùa có cái giếng cổ, sâu đến 21m, tương truyền là cùng tuổi với chùa, do chính người xây chùa đào, tục gọi giếng Phật. Chùa có điện Phật bài trí trang nghiêm, tượng Phật đẹp và còn có quả chuông lớn do dân làng đúc vào năm 1845, dưới triều vua Thiệu Trị, gọi là chuông Thần.

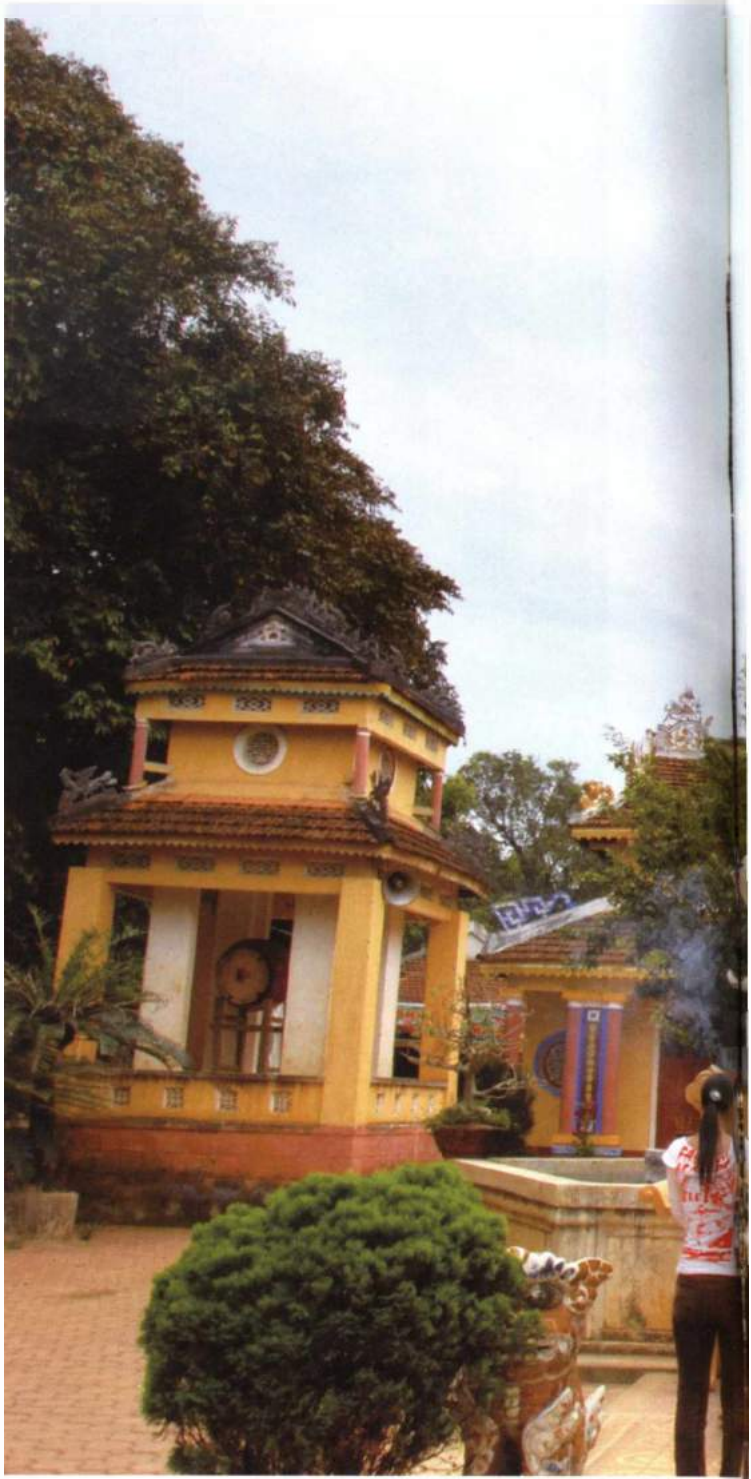

Toàn cảnh chùa (2008)

Trong thời kháng chiến chống Pháp, chùa Thiên Ấn đã bị phá hủy hầu hết. Diện mạo của chùa như đang thấy bây giờ là kết quả của các đợt đại trùng tu trong những năm 1959-1961; 1992-1993 và 2000-2001. Tòa tháp đồ sộ ở phía sau điện chùa còn mới hơn: xây năm 2006.

Phía Đông chùa là khu vườn tháp, với những tòa tháp nhiều tầng hình hoa sen, gìn giữ bảo thân các vị sư tổ và các thiền sư trụ trì. Ngoài ra, tại chùa Thiên Ấn về phía tây, còn có mộ nhà chí sĩ nổi tiếng của quê hương: Cụ Huỳnh Thúc Kháng.

Ban thờ tổ (2008)

Chuông đồng (2008)

Giếng cổ (2008)

Vườn tháp (2008)

Núi Án sông Trà (2008)

Chính điện (2008)

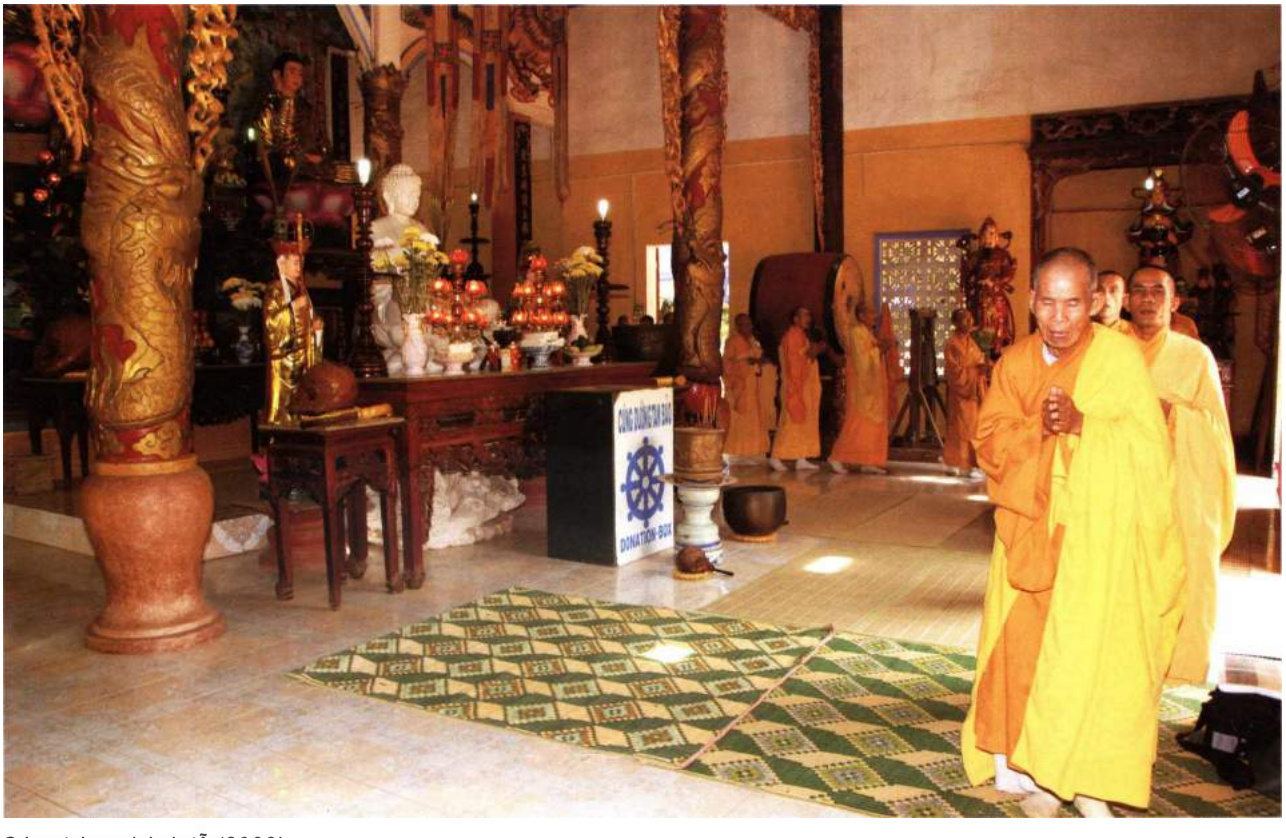

Các nhà sư hành lễ (2008)

77. CHÙA HANG

天孔石寺

Đảo Lý Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi

Chùa Hang tên chữ là "Thiên Khổng Thạch tự" (Chùa đá trời sinh) ở xã An Hải, đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Đảo Lý Sơn còn có tên là cù lao Ré, nằm về phía đông bắc tỉnh Quảng Ngãi, cách đất liền khoảng 15 hải lý (khoảng 24km).

Lý Sơn có nhiều di tích tín ngưỡng, trong đó, có "Âm Linh tự" là nơi tổ chức lễ khao, lễ thề, biểu dương, tôn thờ những người lính thời Nguyễn trong "Hải đội Hoàng Sa", đi khai thác và bảo vệ quần đảo Hoàng Sa. Nhưng tiêu biểu cho kiến trúc Phật giáo và việc thờ Phật ở Lý Sơn, thời đó là: chùa Hang.

Chùa Hang nằm trong lòng núi Thới Lới, hang động lớn nhất trong hệ thống hang động ở Lý Sơn. Vách núi dựng đứng cao gần 20 m, lòng hang sâu, rộng, bề dài 24 m, trần hang cao 3,2 m, diện tích 480 m^2. Sân chùa trước cửa hang nhìn ra biển. Giữa sân có hồ sen với tượng Phật và những cây bàng cổ thụ hàng trăm năm tuổi. Hang có từ nghìn xưa, chùa được tạo thành từ thế kỷ XVI dưới triều vua Lê Kính Tông bởi thủy tổ họ Trần ở trên đảo là ông Trần Công Bạch cùng các bậc tiên hiền làng An Hải.

Tượng pháp và Phật Điện chùa Hang Lý Sơn, được thể hiện thành những bệ đá, xưa là nơi thực hành tín ngưỡng của người và văn hóa Chăm, nay thành ban thờ Phật Di Đà, Như Lai, Di Lặc (ở chính giữa hang), sư tổ Đạt Ma (ở bên trái), 12 Diêm Vương, 3 thủy tổ họ Trần kế tiếp phụng sự chùa, và 7 vị tiên hiền làng An Hải.

Chùa Hang đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử cấp quốc gia (năm 1994). Lễ hội chùa hằng năm mở vào các ngày Tết, Phật Đản, giỗ các vị tiên hiền. Đây cũng là nơi thu hút khách du lịch đến thăm đảo Lý Sơn.

Tượng Phật Bà Quan Thế Âm hướng ra Biển Đông (2009).

Bốn chữ "Thiên Khổng thạch tự" khắc trên vách đá chùa Hang (2009).

Ban thờ (2009).

Âm Linh tự và mộ lính Hoàng Sa(2009).

Tượng Phật Bà Quan Thế Âm (2009).

78. CHÙA THẬP THÁP

十塔彌陀寺

Tỉnh Bình Định

Chùa tọa lạc tại làng Vạn Thuận, xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định, còn được gọi là chùa Thập Tháp Di Đà, do thiền sư Nguyên Thiều - tổ truyền đăng thứ nhất của thiền phái Lâm Tế vào Đàng Trong khởi dựng vào năm 1665. Chùa tựa lưng vào khu đồi Long Bích, mặt hướng về đông, nằm áp sát mặt tường lũy phía bắc thành Đồ Bàn (thành Hoàng Đế), xung quanh có sông Côn và sông Quai Vạc uốn lượn.

Chùa đã qua nhiều lần trùng tu tôn tạo. Tương truyền, trước kia ở đây có 10 ngôi tháp Chiêm Thành, từ lâu đã bị đổ nát, đời sau lấy gạch tháp ấy để xây chùa. Hiện nay xung quanh chùa còn thấy dấu vết của các nền tháp và rải rác còn một số mảnh đá trang trí, phía sau chùa hiện còn 4 giếng vuông xây bằng đá ong - loại giếng đặc trưng của người Chăm, vẫn đang được sử dụng.

Kiến trúc của chùa Thập Tháp theo hình chữ khẩu (口), gồm bốn tòa ốc vũ chính được chia thành 4 khu vực: chánh điện, phương trượng, tổ đường và giảng đường. Các khu này nối liền với nhau thành một khoảng sân bên trong, gọi là sân Thiên Tỉnh (giếng trời).

Chùa có bộ tượng tam thế bằng đồng, hai tượng A Nan, Ca Diếp, hai tượng Lạt Ma, tượng Quan Âm bằng đất nung; tượng Hộ Pháp, Kiên Lao; 18 tượng La hán bằng gỗ và một số tượng khác như Cửu Thiên Huyền Nữ, Nam Tào Bắc Đẩu, Thập Điện Diêm Vương... Tất cả đều được sơn son thếp vàng.

Trong khuôn viên chùa còn có một nhà chánh thờ Cửu Thiên Huyền Nữ, Quan Công, Thập Điện... và một số tháp mộ của các vị sư trụ trì đã viên tịch.

Thập Tháp là một trong những kiến trúc Phật giáo tiêu biểu của Bình Định và miền Trung.

Toàn cảnh chùa (2004)

Cổng chùa (2004)

Mặt trước chùa (2004)

Phật điện (2004)

Ban thờ (2004)

Ban thờ (2004)

Ban thờ (2004)

Hộ pháp (2004)

Ban thờ Phật Bà Quan Âm (2004)

Ban thờ Thiền sư Nguyễn Thiều (2004)

Tượng Tổ (tượng La Hán) chùa Thập Tháp (2004)

Chú Tiểu và bản khắc gỗ dùng in Kinh (2004)

Hồi chùa (2004)

Ván gỗ in Kinh (2004)

Điêu khắc đá Chăm ở trong vườn chùa (2004)

Tháp Tổ sư Minh Giác - Kỳ Phương (2004)

Giếng Chăm (2004)

79. CHÙA HỒ SƠN

湖山寺

Tỉnh Phú Yên

Chùa Hồ Sơn (còn được gọi là "Hồ Sơn cổ tự") là một trong những ngôi chùa vào loại lớn ở tỉnh Phú Yên, tọa lạc tại thôn Ninh Tịnh, phường 9, thành phố Tuy Hòa. Chùa nằm trên một gò đất cao khoảng 5 mét, rộng khoảng 2 héc ta. Ba mặt đông, tây và nam giáp với đồng ruộng, chỉ có mặt phía bắc giáp với khu dân cư. Do vậy, tuy nằm trong nội thị của thành phố, nhưng chùa Hồ Sơn vẫn giữ được vẻ thanh tịnh của một chốn tu hành.

Chùa Hồ Sơn được tạo lập vào khoảng đầu thế kỷ XVIII, tổ khai sơn là hòa thượng Tế Căn thuộc dòng Lâm Tế Liễu Quán, đời thứ 36. Hiện nay, trụ trì chùa là hòa thượng Thích Nguyên Đức dòng Lâm Tế Liễu Quán đời thứ 44.

Trước đây, chùa Hồ Sơn có kiến trúc kiểu nhà lá mái, quy mô không lớn. Khoảng vài chục năm trở lại đây, chùa đã được sửa sang, tu bổ, kiến trúc thay đổi hoàn toàn. Chính điện chùa được xây theo kiểu cổ lầu, gồm ba tầng cao 20m. Hai bên tả hữu có nhà phương trượng và nhà tiếp khách. Phía trước chùa có đài Quan Âm và tiểu lương đình. Phía sau chùa có bảy ngôi mộ tháp của các vị trụ trì chùa qua các thời kỳ, trong đó có mộ của tổ khai sơn là hòa thượng Tế Căn.

Hiện nhà chùa còn lưu giữ một đại hồng chung có từ thời Thành Thái, và một số pho tượng cổ.

Đáng chú ý là trên khu đất tọa lạc của chùa Hồ Sơn đã phát hiện nhiều dấu tích kiến trúc cổ của người Chăm, trong đó có một số tác phẩm nghệ thuật đất nung có niên đại vào khoảng thời gian từ thế kỷ VII đến thế kỷ VIII.

Do chùa nằm ở gần khu Tháp Nhạn (tháp Chăm pa thế kỷ XII, nên người dân trong vùng cho rằng khu Hồ Sơn Cổ Tự xưa là khu lò gạch của người Chăm làm gạch để xây Tháp Nhạn.

Mặt trước chùa (2008)

Phù điêu đất nung có hình Đức Phật toạ thiền dưới tán bồ đề - Nghệ thuật điêu khắc Chăm pa TK VII. (2008)

Chính điện (2008)

Tiểu Lương đình (2008)

Mộ tháp (2008)

80. CHÙA LONG SƠN

隆山寺

Tỉnh Khánh Hòa

Chùa Long Sơn thường được gọi là Chùa Phật Trắng, tọa lạc dưới chân núi Trại Thuỷ, số 22 đường 23 tháng 10, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Chùa do Hòa thượng Thích Ngộ Chí (sinh năm 1856) dựng trên núi Trại Thủy (ở chỗ có tượng Phật Trắng bây giờ) vào năm 1886 với tên là Đăng Long tự. Năm 1900, chùa bị hư hỏng sau một cơn bão lớn và dời xuống địa điểm hiện nay, đổi tên là chùa Long Sơn. Chùa được trùng tu vào các năm 1940, 1971 và 1975.

Khuôn viên chùa có cảnh trí đẹp đẽ, rộng 44,5m, dài hơn 72 m, bên cạnh đặt giảng đường của trường trung cấp Phật học và Trụ sở Giáo hội Phật giáo tỉnh Khánh Hòa. Tòa chính điện rộng tới 1.670 m^2, là nơi đặt tượng Phật tổ ngồi thuyết pháp và 2 cây nến lớn kỷ lục: nặng 900 kg, cao 3,4 m. 193 bậc tam cấp dẫn đường từ chùa lên đỉnh đồi. Tại bậc thứ 44 có tượng "Phật nằm" (Phật tổ nhập niết bàn), dài 17 m, cao 5m. Đỉnh đồi dựng Thích Ca Phật đài (tượng "Phật Trắng" cao 21 m, đài sen đế cao 7m, uy nghi, lộng lẫy). Tất cả đều xây năm 1963 . Chùa Long Sơn là một trong những thắng tích bậc nhất ở miền Trung.

Từ khi thành lập đến nay, chùa Long Sơn đã qua nhiều vị Hòa thượng trụ trì: Hòa Thượng Thích Ngộ Chí (từ 1886 đến 1935), Thượng Tọa Thích Chánh Hòa (từ 1936 đến 1957), Hòa Thượng Thích Chí Tín từ 1957 đến nay.

Chùa Long Sơn (2009)

Tượng Phật Thích Ca ngồi trên tòa sen (2009)

Bộ tam thế và phù điêu các La Hán (2009)

Tượng hòa thượng Thích Quảng Đức (2009)

Cảnh chùa nhìn từ trên núi Trại Thủy

Chính điện (2009)

Tượng Phật Thích Ca nhập niết bàn (2009)

81. CHÙA SONG TỬ TÂY
82. CHÙA SINH TỒN
83. CHÙA TRƯỜNG SA LỚN

Quần đảo Trường Sa

Tỉnh Khánh Hòa

Quần đảo Trường Sa thuộc huyện đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa, nước Việt Nam. Từ xa xưa, trên các đảo giữa Biển Đông của nước Việt Nam này, đã có những am thờ, do ngư dân người Việt dựng lên để cầu Trời, khấn Phật phù hộ độ trì cho những chuyến đi biển bình yên, bội thu hải sản. Trên cơ sở đó, ba ngôi chùa đã được phục hồi, tôn tạo gồm: Chùa Song Tử Tây, Chùa Sinh Tồn, và Chùa Trường Sa Lớn.

Chùa Song Tử Tây tọa lạc trên đảo Song Tử Tây, hòn đảo xa nhất trong Quần đảo Trường Sa, là ngôi chùa lớn nhất ở Trường Sa. Chùa được xây dựng theo phong cách truyền thống, có tam quan hai tầng tám mái, chính điện ba gian hai chái, hai nhà tả hữu vu, vườn chùa trồng nhiều loại cây đặc sản của Trường Sa: cây phong ba, cây bàng vuông. Chùa Song Tử Tây, hợp với ngọn Hải đăng và Tượng đài Anh hùng Dân tộc Trần Hưng Đạo, thành một quần thể kiến trúc, văn hóa, dân sinh, tâm linh và lịch sử, tiêu biểu, thuần túy Việt Nam trên biển Đông.

Chùa Sinh Tồn nhỏ hơn chùa Song Tử Tây tọa lạc sát cạnh khu dân cư trên đảo Sinh Tồn, có diện tích khoảng 500m2, mang dáng vẻ một ngôi chùa làng điển hình đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam, một gian hai chái, tường bao trổ hoa, và vườn chùa xinh xắn, với những cây phong ba, cây bồ đề được trồng trong sân chùa.

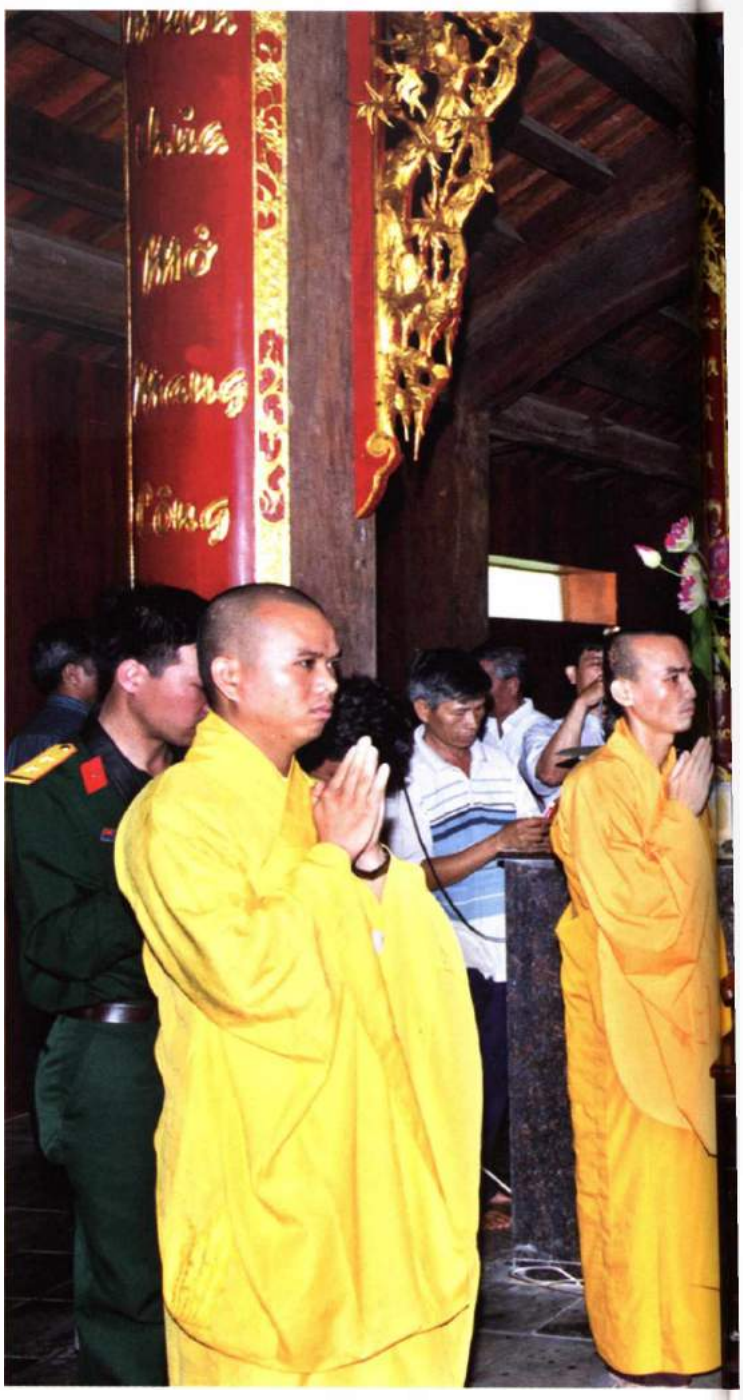

Các Thầy hành lễ tại chùa Song Tử Tây (2012)

Chùa Song Tử Tây (2013)

Chùa Sinh Tồn (2013)

Chùa Trường Sa lớn (2013)

Chùa Trường Sa Lớn tọa lạc giữa khu trung tâm thị trấn Trường Sa, trên đảo Trường Sa lớn, khuôn viên chùa khá rộng, vuông vức. Qua sân chùa và vườn chùa là tòa chính điện một gian hai chái, mái cong, có đầu đao. Phật điện chùa Trường Sa Lớn có pho tượng bằng đá quý màu trắng, gốc là Phật ngọc chùa Vàng ở Myanmar, là món quà của Liên đoàn Phật giáo thế giới tặng Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và Thủ tướng tặng lại nhà chùa.

Đặc điểm chung của những ngôi chùa trên Quần đảo Trường Sa là đều hướng về thủ đô Hà Nội, xây dựng theo phong cách truyền thống, một gian hai chái, hay ba gian hai chái, mái cong có đầu đao, sử dụng nhiều loại gỗ quý chịu được độ mặn của nước biển. Cùng với điện thờ Phật, các ngôi chùa ở Trường Sa, đều có các ban thờ anh hùng, liệt sĩ đã hi sinh để bảo vệ biển đảo Tổ Quốc. Phật điện trần thiết uy nghi với những pho tượng được chế tác công phu bằng đá và gỗ quý. Cửa võng, hoành phi, câu đối đều được sơn son thếp vàng; chữ viết bằng quốc ngữ.

Những câu đối ở các chùa trên Quần đảo Trường Sa đều mang ý nghĩa sâu sắc, như: *"Uy thần biển đảo cổ vẫn truyền/ Chùa Phật Trường Sa nay còn tỏ"; "Cá đọc kệ được thành tiên/ Rồng nghe kinh mà mộ đạo"; "Mây lành che Đông hải, một trời cam lộ tưới Trường Sa/Thắng tích ánh đảo xa, vạn cổ danh lam truyền Song Tử"; "Chùa chiền sừng sững nguy nga đất Việt nổi danh lam/ Quần đảo huy hoàng chất ngất biển Đông ngời thắng cảnh"*... đã thể hiện tinh thần chủ nhân của người Việt. Đối với những người có mặt trên đảo, cũng như với cả dân tộc ta, biển đảo là một phần đất nước thiêng liêng từ nghìn xưa, có Trời Phật, Thánh Thần bảo hộ, che chở.

Tóm lại, những ngôi chùa trên Quần đảo Trường Sa không chỉ biểu hiện các tín ngưỡng truyền thống của người Việt ở vùng xa xôi này của đất nước, mà còn biểu hiện tình yêu nồng nàn của nhân dân với con người và thiên nhiên của vùng đất đầu sóng ngọn gió này, gắn liền với ý thức quyết tâm bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của biển đảo Tổ quốc.

CHÙA SONG TỬ TÂY

Chùa Song Tử Tây (2013)

Đại đức Thích Thánh Thành chủ trì chùa hành lễ (2013)

Chính điện chùa Song tử Tây (2013)

Toàn cảnh chùa Song Tử Tây (2013)

Phật tử lễ chùa Song Tử Tây (2012)

Tượng Quốc Công Tiết chế Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn trên đảo Song Tử Tây (2013)

CHÙA SINH TỒN

Cổng chùa Sinh Tồn (2013)

Chính điện chùa Sinh Tồn (2013)

Chùa Sinh Tồn (2012)

Đại Đức Thích Đạo Biện và Thích Đức Hỷ trụ trì chùa (2012)

Chùa Sinh Tồn (2013)

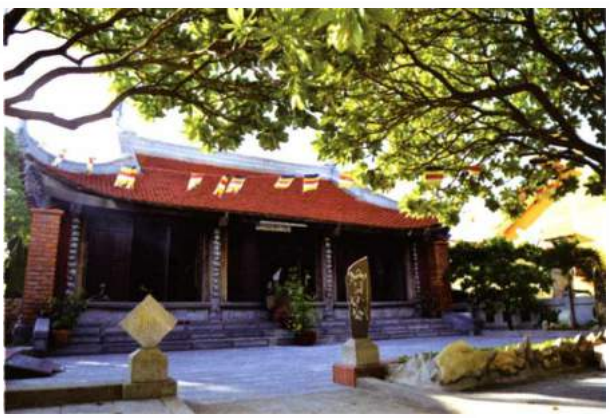

Chùa Sinh Tồn rợp bóng cây phong ba (2013)

CHÙA TRƯỜNG SA LỚN

Tam quan chùa Trường Sa Lớn (2012)

Tượng Phật ngọc trong chùa (2012)

Đại lễ hô thần nhập tượng chùa Trường Sa Lớn (2010)

Chính điện chùa Trường Sa Lớn (2013)

Chùa Trường Sa Lớn (2013)

Nội thất chùa Trường Sa Lớn (2013)

84. CHÙA DIỆU ẤN

妙印寺

Tỉnh Ninh Thuận

Chùa tọa lạc ở số 466 đường 21 tháng 8, thị xã Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Chùa được Ni trưởng Thích Nữ Đàm Hương xây vào năm 1941 và Ni sư Thích Nữ Diệu Phước trùng tu năm 1943.

Chùa có kiến trúc hình chữ Khẩu (口), mái chồng diêm – Chùa có tượng Đức Phật A Di Đà bằng đá Non Nước Đà Nẵng và có tháp chuông cao 24 m.

Tượng Phật Bà Quan Thế Âm (2008)

Chùa Diệu Ấn (2008)

Chính điện (2008)

85. CHÙA BÁC ÁI

博愛寺

Tỉnh Kon Tum

Chùa tọa lạc ở số 2, phố Mạc Đĩnh Chi thị xã KonTum, tỉnh KonTum, do ông Võ Chuẩn, quản đạo tỉnh Kom Tum thiết kế và đốc công người Kinh cùng đồng bào các dân tộc ở tỉnh Kom Tum khai phá một ngọn đồi rừng già để dựng chùa vào năm 1932, đến năm 1933 khánh thành và được vua Bảo Đại ban biếu "Sắc tứ Bác Ái tự".

Chùa xây theo hướng nam, vào qua tam quan đến đường giác dạo vườn hoa, sân chùa, nhà Tiền đường, thiêu hương, chính điện. Hai bên tả hữu là nhà khách. Toàn bộ công trình kiến trúc của chùa theo hình chữ "Môn" (門). Hai đầu hồi nhà khách phía tiền sảnh là hai miếu thờ "Thành hoàng sơn thần thượng đẳng" và miếu "Tiên nữ sơn thần". Trong khuôn viên chùa còn có hai bảo tháp: Cửu Phẩm Liên Hoa và Thập Ngũ Phẩm.

Trong chùa còn bảo lưu nhiều hiện vật quý, nhất là tượng pháp. Trên cùng là Tam thế Phật, tiếp theo là hàng Di Đà Tam Tôn, đến Phật Thích Ca niệm hoa, hàng cuối cùng là tượng Phật Bà Quan Âm Thiên Thủ Thiên Nhãn. Hai bên chính điện thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế, Nam Tào Bắc Đẩu, Tam Toà Thánh Mẫu, tượng thần Văn Chương (Văn Xương), Trần Hưng Đạo Đại vương và tượng chân dung các vị sư tổ đã viên tịch... Tượng ở đây đa dạng và đạt trình độ nghệ thuật điêu khắc cao. Tượng làm chủ yếu bằng gỗ mít, có niên đại vào đầu và giữa thế kỷ XIX.

Nhiều câu đối, hoành phi, đại tự, sắc phong, ấn tín, bài vị, khám thờ... có từ thời vua Bảo Đại. Từ năm 1933 đến nay, chùa đã qua năm đời sư trụ trì. Hòa thượng Thích Chánh Quang trụ trì hiện nay đã tổ chức trùng tu ngôi chùa vào năm 1990.

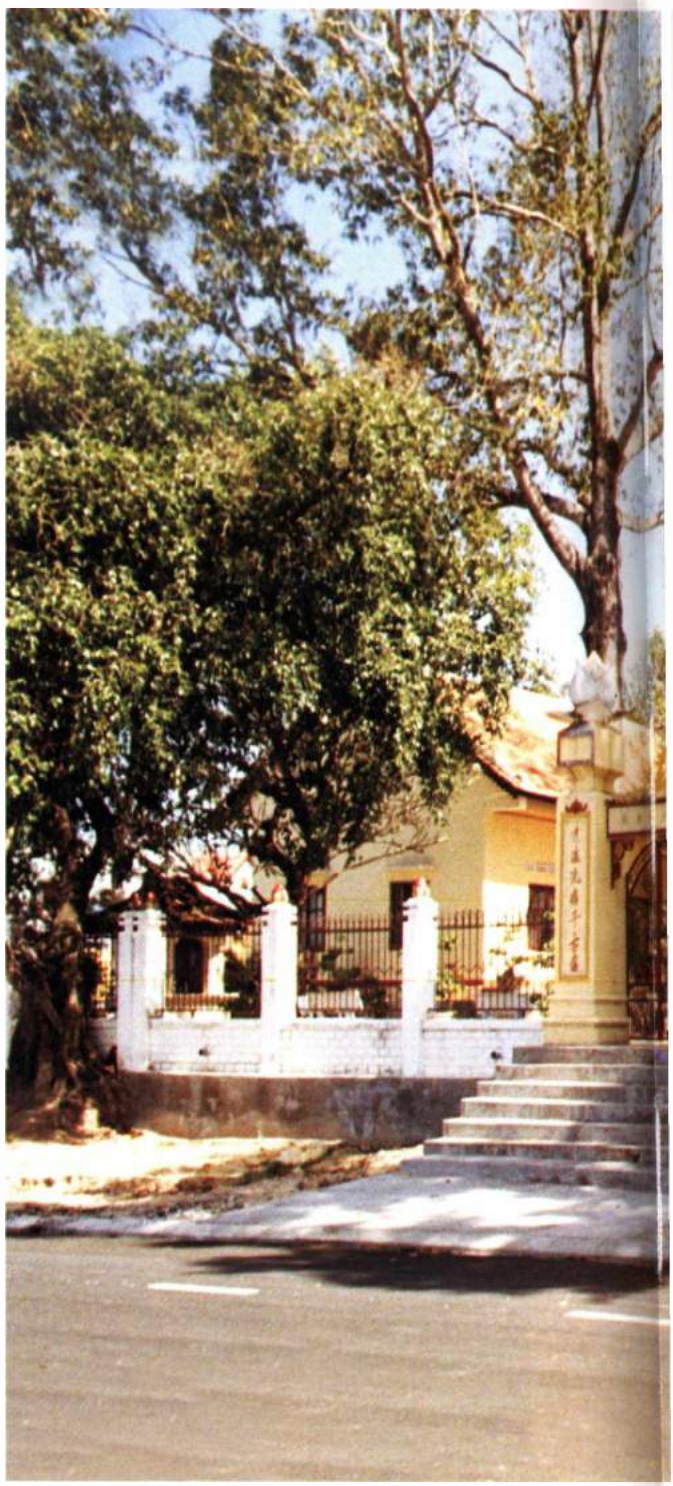

Chùa Bác Ái (2008)

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
CHÙA TỔ ĐÌNH BẮC ÁI

Chùa Bác Ái (2008)

Tượng Di Lặc (2008)

Phật điện (2008)

Chính điện (2008)

Tượng Quan Thế Âm
Bồ Tát Chuẩn Đề (2008)

Ban thờ Ông Địa (2008)

Ban thờ Ông Địa (2008)

86. CHÙA BỬU NGHIÊM

寶嚴寺

Tỉnh Gia Lai

Chùa tọa lạc ở số 200 đường Duy Tân, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chùa được xây dựng vào năm 1964, ngôi chính điện được trùng tu năm 1978. Từ năm 2003 đến năm 2005 ngôi chùa đã được Hòa thượng Thích Từ Hương đại trùng tu. Điện Phật được bài trí trang nghiêm. Đại hồng chung được đúc tại chùa năm 1974.

Chùa Bửu Nghiêm là văn phòng Ban trị sự Phật giáo của tỉnh Gia Lai. Nhà chùa có nhiều hoạt động văn hóa và từ thiện xã hội tại địa phương.

Chùa Bửu Nghiêm (2008)

Chính điện (2008)

Tam quan (2008)

87. CHÙA KHẢI ĐOAN

啟端寺

Tỉnh Đắk Lắk

Chùa Khải Đoan tọa lạc tại số 117, đường Phan Bội Châu, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Theo dân gian, tên Khải Đoan được ghép bởi hai từ đầu của vua Khải Định và vợ là Đoan Huy hoàng thái hậu.

Chùa còn được gọi là chùa Lớn, hay chùa Tỉnh, khởi công xây dựng vào giữa năm 1951 và hoàn thành năm 1953, với sự giúp đỡ về vật chất của bà Đoan Huy hoàng thái hậu, và một số Phật tử hiến cúng.

Chùa Khải Đoan được xây dựng bởi những người thợ cố đô Huế, với một phong cách nghệ thuật đặc biệt, đó là sự phối hợp của nghệ thuật kiến trúc tôn giáo với kiến trúc đặc trưng của Tây Nguyên. Cổng tam quan có 2 tầng tháp, nhìn từ phía trong chùa, sẽ thấy rõ nghệ thuật kiến trúc chùa thời Nguyễn qua kiểu thức mái chồng diêm và đỉnh nóc có hình Lưỡng long chầu nguyệt. Ở hai góc mái chùa nhô ra như hai mái nhà rông và các bậc thang ở hai bên đường lên chính điện. Trang trí nội thất trong chùa được phối trí khá hoàn chỉnh. Ở giữa là dòng chữ: "Khải Đoan tự" bằng chữ Hán khắc vào mùa xuân 1953. Các ban thờ với tượng Quan Âm, Di Đà, Thế Chí, Phổ Hiền...do các phường đúc của Huế tạo tác, mang đặc trưng nghệ thuật đúc tượng thời Nguyễn. Đặc biệt, chuông chùa Khải Đoan nặng 380 kg là của thái tử Nguyễn Phúc Bảo tặng ngày 15/12/1953. Khu Quan Âm các nằm ở bên trái chùa, gồm biểu tượng của Hạnh nguyện Quan Âm nằm giữa hồ nước, có cầu xi măng bắc ngang. Vào các dịp lễ, tăng ni, Phật tử và khách thập phương thả cá, rùa, để xá tội.

Sự ra đời của chùa gắn liền với việc di dân của người Kinh tới Đắk Lắk và sự giao lưu, đan xen văn hóa các dân tộc. Ngoài ý nghĩa tôn giáo, chùa Khải Đoan còn là nơi có nhiều liên quan với những sự kiện lịch sử cách mạng của tỉnh Đắk Lắk. Tháng 7 năm 1963, đại đức Thích Quảng Hưng vị sư trụ trì chùa Khải Đoan, đã phát nguyện tự thiêu tại chợ Bến Thành (thành phố Hồ Chí Minh) để phản đối chính quyền Mỹ Diệm đàn áp Phật giáo.

Tam quan (2008)

Quan Âm các (2008)

Tượng Phổ Hiền (2008)

Tượng Di Đà (2008)

Tượng Quan Âm (2008)

Tương Quan công thờ trong nhà Tổ (2008)

Khu Bảo tháp (2008)

Mặt trước chùa (2008)

Chuông đồng (2008)

88. CHÙA PHÁP HOA

法華寺

Tỉnh Đắk Nông

Chùa tọa lạc tại đường Hùng Vương, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, xây dựng trên một ngọn đồi, diện tích khoảng 6.000 m^2. Đây là ngôi chùa đầu tiên của tỉnh Quảng Đức cũ do cố hòa thượng Thích Tri Huy dựng và đặt tên Niệm Phật đường Quảng Đức. Chùa được xây dựng lại và đổi tên chùa Pháp Hoa vào năm 1969 - đại đức Hoa Nghiêm tiếp nối trụ trì từ năm 1970 đến năm 1975. Từ sau năm 1975, chùa không có thầy trụ trì, chỉ có Phật tử Ban hộ tự tới lui tụng kinh lễ bái.

Đến năm 2002, đại đức Thích Quảng Hiền người Quảng Nam về trụ trì đã vận động xây lại ngôi chùa khang trang. Năm 2004, khởi công xây dựng nhà tổ, rồi xây dựng hội trường và tăng xá, xây dựng đài Quan Âm, làm cổng tam quan, vườn Lâm Tỳ Ni...

Ngoài việc xây dựng cơ sở vật chất, chùa còn tổ chức nhiều hoạt động văn hóa như tổ chức Hội thảo chủ đề về "Mẹ" trong lễ Vu Lan báo hiếu, tổ chức đêm nhạc "Thương về miền Trung" để cứu trợ đồng bào bị thiên tai ở các tỉnh miền Trung. Chùa Pháp Hoa là trung tâm Phật giáo và hoằng pháp của tỉnh Đắk Nông, nơi tu học của quần chúng Phật Tử.

Cổng chùa (2008)

Chính điện (2008)

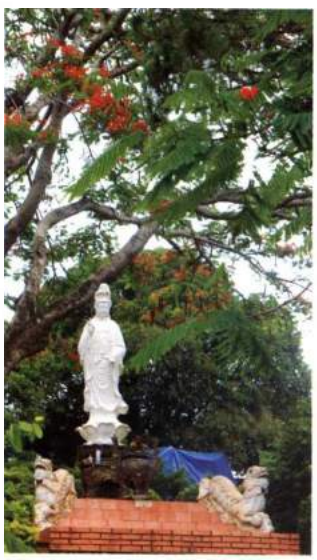

Tượng Bồ Tát Quan Âm (2008)

Mặt trước chùa (2008)

89. CHÙA LINH QUANG

靈光寺

Tỉnh Lâm Đồng

Chùa Linh Quang tọa lạc tại số 133 phố Hai Bà Trưng, phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Chùa Linh Quang do hòa thượng Thích Nhơn Thứ thuộc dòng Lâm Tế đời thứ 43 khai sơn vào năm 1921, đây là ngôi chùa đầu tiên, đặt nền móng khơi nguồn đạo Phật tại Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và đã được các hòa thượng thừa kế trụ trì kế tiếp trùng tu. Đặc biệt vào ngày 27 tháng 9 năm 1938 đời Bảo Đại thứ 13, nhà Vua đã ban Sắc tứ cho chùa. Đến năm 1972 Hoà thượng Thích Minh Cảnh đứng lên trùng kiến xây dựng lại ngôi chùa trang nghiêm đẹp đẽ, dáng vẻ như ngày nay. Chính điện thờ Đức Phật Thích Ca, hai bên thờ Bồ Tát Quan Âm, Thế Chí, Hộ Pháp và Tiêu Diện. Trong khuôn chùa có dãy tháp Tổ, tượng đài Quan Thế Âm thị hiện trên thân rồng dài 100m, vườn cảnh Lâm Tỳ ni, phía trước chùa có con đường uốn cong dài 250m có đắp 10 bức tranh về lịch sử Đức Phật từ sơ sinh đến nhập diệt. Chư Tổ Thiền tông từ Tây thiên, Đông độ đến Việt Nam. Cảnh thầy trò Đường Tăng đến chùa Linh Quang thỉnh kinh.

Trụ trì chùa Linh Quang hiện nay là thượng tọa Thích Thanh Tân tiếp tục sửa sang, kiến tạo, nhà Tổ ngày càng trang nghiêm.

Chùa Linh Quang là một địa điểm tham quan du lịch của khách hành hương thành phố Đà Lạt. Nhà chùa thường xuyên tích cực trong công tác từ thiện - xã hội và cứu trợ cho đồng bào dân tộc nghèo vùng sâu, vùng xa và đồng bào bị thiên tai bão lụt.

Chùa Linh Quang (2010)

Thượng điện (2010)

Tượng đài Quan Thế Âm (2010)

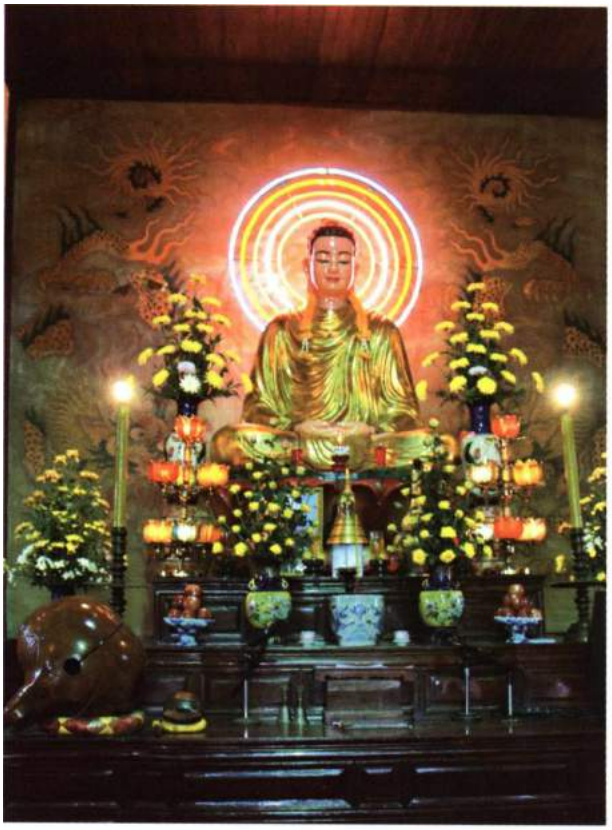

Tượng Đức Phật Thích Ca (2010)

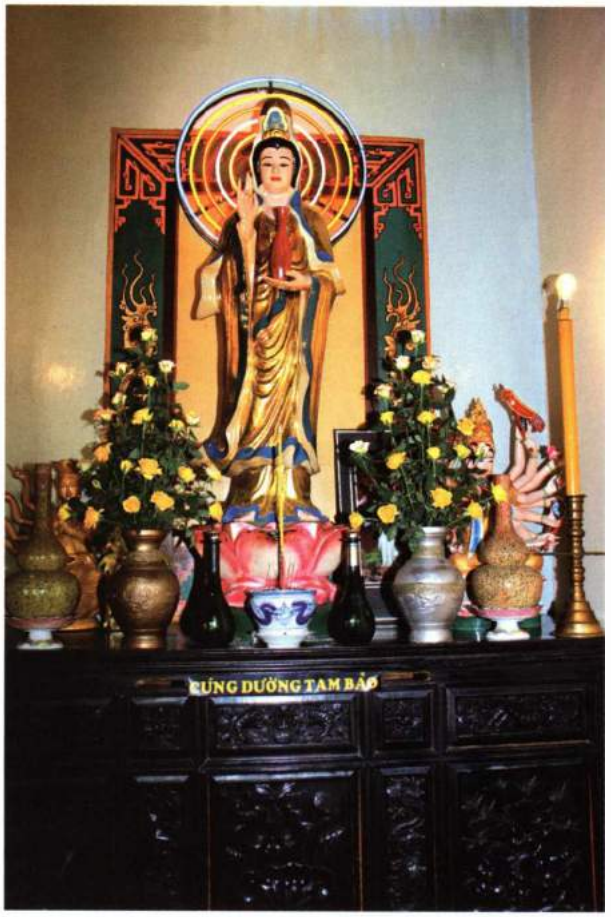

Tượng Quan Thế Âm Bồ Tát (2010)

Vườn tháp Tổ (2010)

Vườn Lâm Tỳ ni (2010)

Đường lên chùa (2010)

90. CHÙA LINH PHONG

靈峰尼寺

Tỉnh Lâm Đồng

Chùa tọa lạc ở số 72 đường Hoàng Hoa Thám, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, kiến trúc theo kiểu đình làng miền Trung.

Chùa được hòa Thượng Thích Bích Nguyên xây dựng năm 1944, khởi đầu là một niệm Phật đường. Tiếp đó, từ năm 1948 đến năm 1962, sư bà Thích Nữ Từ Hương về chùa đã trùng tu xây dựng thành Linh Phong Ni tự.

Phật điện được bài trí trang nghiêm. Chính điện thờ Đức Phật A Di Đà (cao 1,8m, tạc năm 1949), hai bên thờ tượng Quán Thế Âm Bồ Tát và Bồ Tát Đại Thế Chí bằng đồng. Trên đồi có khu Quan Âm linh cảnh thạch văn phong với tượng Quan Thế Âm Bồ Tát ở giữa đồi và tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát ở bên.

Trụ trì chùa hiện nay là Ni trưởng Thượng Huệ Hạ Phước

Thượng điện (2010)

Mặt trước chùa (2010)

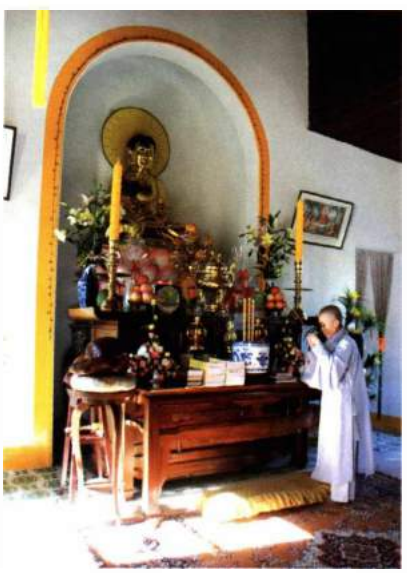

Chính điện (2010)

Tượng Hộ Pháp (2010)

Bàn thờ Tổ (2010)

Trống và chuông (2010)

Quan Âm linh cảnh Thạch văn phong (2010)

Tam quan (2010)

Cây đèn Dược Sư (2010)

91. CHÙA BÀ ĐỨC SANH

婆德生寺

Tỉnh Bình Thuận

Chùa Bà Đức Sanh tọa lạc ở khu phố 1, phường Đức Thắng, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, nằm trên hữu ngạn sông Cà Ty, sát mé phải đình làng Đức Thắng.

Đây là một kiến trúc văn hóa tâm linh hiếm thấy ở Bình Thuận nói riêng và cực Nam Trung Bộ nói chung, thuộc loại hình tín ngưỡng dân gian thờ Mẫu.

Qua các nguồn tư liệu Hán Nôm còn lưu giữ tại chùa, thuở mới tạo lập dưới thời vua Thiệu Trị (1844), Đức Sanh tự chỉ là một ngôi am nhỏ, đến năm Tự Đức thứ 6 (1853), mới chính thức xây dựng và tồn tại đến ngày nay.

Chùa Bà Đức Sanh thờ Tam vị Thánh Mẫu (mẹ sinh, mẹ dưỡng, mẹ độ).

Quần thể kiến trúc chùa Bà Đức Sanh bao gồm các hạng mục: chính môn, tam quan, tiền sảnh, nhà võ ca, lầu chuông, lầu trống, chính điện, nhà nhóm, và cổng hậu. Những hạng mục công trình chính ở đây bố trí theo dạng chữ Tam (三) trong kết cấu kiến trúc các nghệ nhân xưa đã sử dụng phương pháp trùng thiềm điệp ốc" để nối ráp, lắp ghép các hạng mục chính với nhau. Nhà chùa còn bảo lưu nhiều di vật cổ, có giá trị về điêu khắc nghệ thuật và lịch sử văn hóa. Đó là các hương án, khám thờ, bao lam, thủ quyền, bài trí bên trong nội thất.

Trải qua hơn 150 năm tồn tại, chùa đã qua nhiều lần được trùng tu, tôn tạo lớn, vào các năm 1902, 1911, 1924, 1994 và một số lần trùng tu nhỏ khác... Nhưng vẫn gìn giữ được gần như nguyên vẹn kiến trúc ban đầu.

Chùa Bà Đức Sanh (1996)

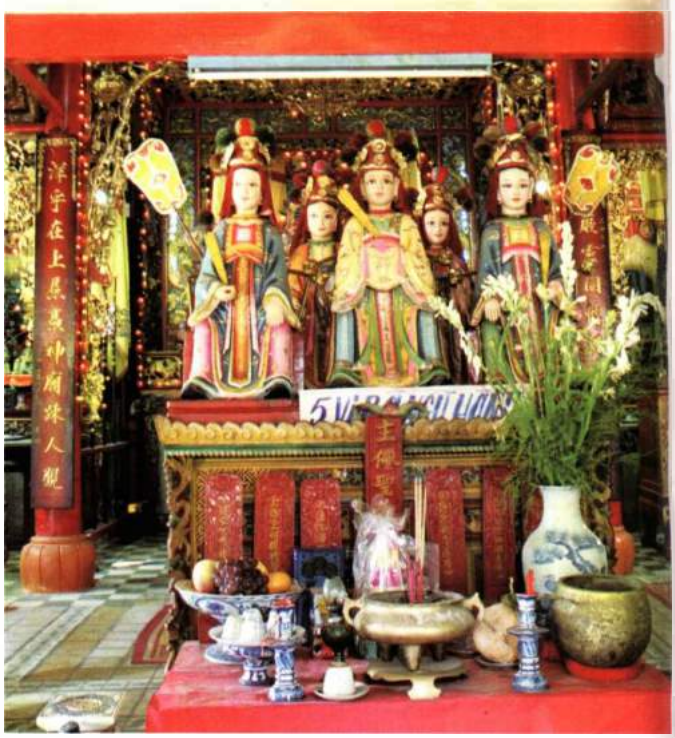

Ban thờ Bà Ngũ Hành (1996)

Đức mẹ khai sanh (1996)

12 vị Bà Huệ Nương (1996)

Tam vị Thánh Mẫu (1996)

12 vị Bà Thiên Cung

92. CHÙA GIÁC LÂM

覺林寺

Thành phố Hồ Chí Minh

Chùa tọa lạc ở số 118 đường Lạc Long Quân, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Đây là ngôi chùa cổ nhất ở thành phố Hồ Chí Minh.

Trong *Gia Định thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức (1765-1825, nhà văn, nhà địa lý-lịch sử triều Nguyễn) đã chép: "Mùa xuân năm Giáp Tý (1744) đời chúa Thế Tông (tức Nguyễn Phúc Khoát), có người Minh hương tên là Lý Thụy Long đã quyên tiền của xây dựng nhà chùa trang nghiêm, cửa thiền u tịch". Có người cho rằng chùa đã có từ trước năm 1744, với tên là Sơn Can hay Cẩm Đệm.

Chùa trải qua hai lần trùng tu lớn. Lần thứ nhất vào khoảng 1800-1804, do hòa thượng Viên Quang, lần thứ hai vào khoảng 1900-1904, do hòa thượng Hồng Hưng tu sửa.

Chùa có kiến trúc hình chữ Tam, với ba lớp nhà mái rộng, nóc nhà ngắn, mà nhân dân miền Nam quen gọi là kiểu bánh ít, một đặc điểm thường gặp ở các chùa cổ vùng này. Ba lớp nhà gồm: chính điện, giảng đường và nhà trai.

Gian giữa của chính điện có những tấm cửa võng, mà người miền Nam gọi là bao lam, thếp vàng lộng lẫy, chạm trổ công phu hình

Cổng chùa (2008)

cửu long (chín rồng) hay tứ linh (long, ly, quy, phượng)... Ban thờ ở gian giữa có tượng Di Đà tam tôn bộ Thích Ca và Di Lặc. Đặc biệt phía trước bàn thờ bày một hàng ngang 5 tượng gồm Phật Thích Ca, Bồ Tát Phổ Hiền, Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Quan Thế Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí. Hàng tượng 5 vị này là một đặc điểm của các ngôi chùa cổ Đại Thừa ở miền Nam.

Ở hai bên tường chính điện có tượng mười Diêm Vương và mười tám La Hán. Ở chùa Giác Lâm có đến hai bộ tượng La Hán, một bộ tượng nhỏ tạc vào giữa thế kỷ XVIII và một bộ tượng lớn vào thế kỷ XIX. Mỗi bên đặt 9 tượng lớn ở hàng trên và 9 tượng nhỏ ở hàng dưới.

Sau lưng bàn thờ Phật là bàn thờ Tổ, trên có bài vị và hình vẽ các vị hòa thượng đã trụ trì ở chùa này như Viên Quang, Hải Tịnh, Minh Vi, Minh Khiêm và Hồng Hưng. Các vị tổ này đều thuộc phái Thiền Lâm Tế.

Giảng đường cũng có ban thờ Phật và còn là nơi tiếp khách. Qua một sân nhỏ có cây cảnh, tới nhà giám trai, nay dùng làm phòng học cho tăng sinh.

Phía trước sân chùa có cây bồ đề do nhà sư Narada mang từ Sri Lanka sang trồng từ 1953. Dưới bóng râm của cây bồ đề có tượng Bồ Tát Quan Âm.

Ở bên trái chùa có vườn tháp mộ các tổ đã trụ trì ở đây, từ tổ Viên Quang đến tổ Hồng Hưng. Có cả tháp tổ Phật Ý, thầy của tổ Viên Quang.

Bộ tượng Diêm Vương (2008)

Tượng La Hán, bộ lớn (trên), thế kỷ XIX (1991)

Bảo tháp xá lợi (2008)

Cổng nhị quan, xây năm 1939, (2008)

Tượng Bồ Tát Chuẩn Dề (1991)

Ban thờ Phật ở chính điện (2008)

Chùa Giác Lâm (2008)

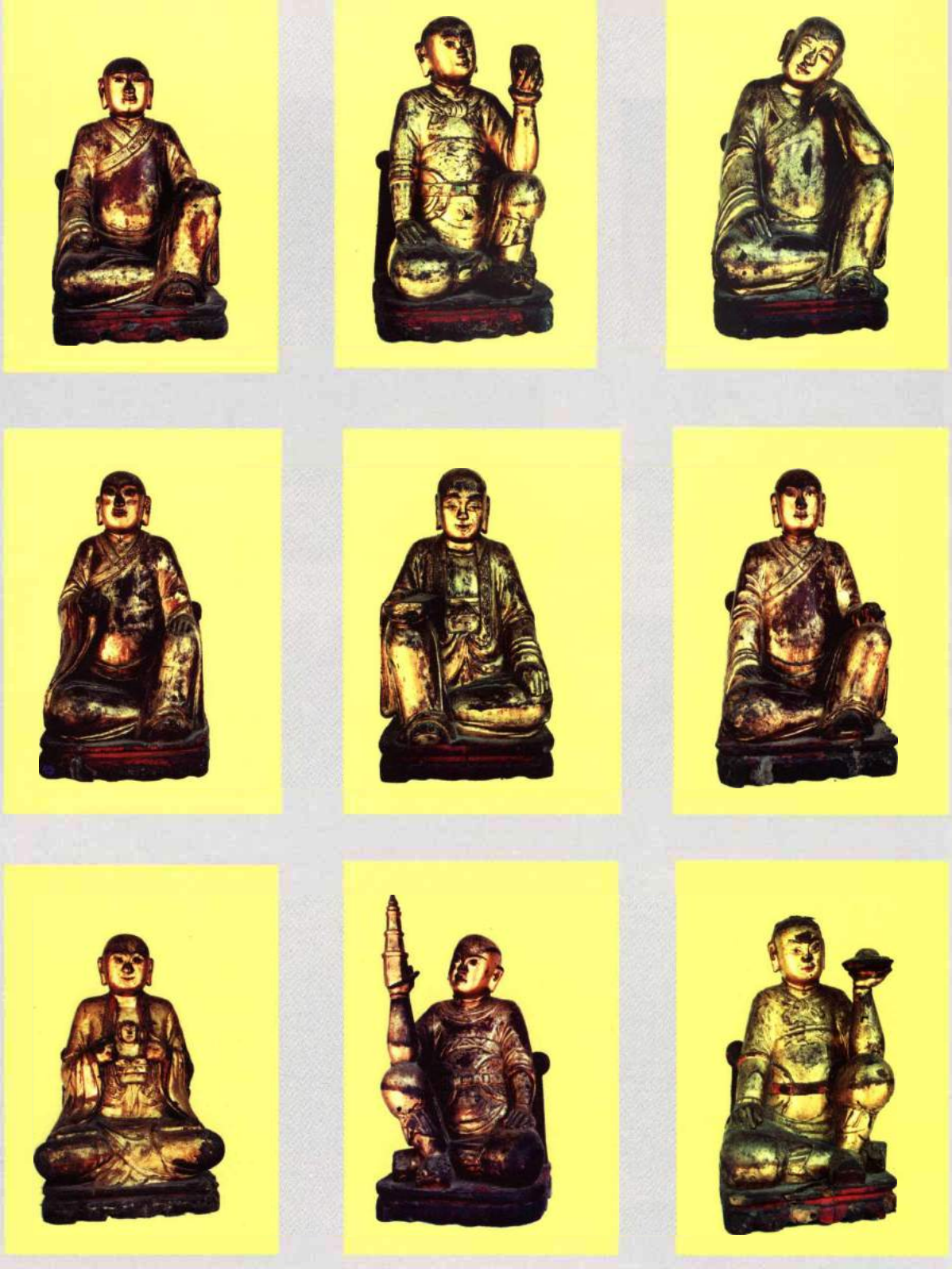

Tượng La Hán (tượng Tổ) chùa Giác Lâm (bộ nhỏ). Bằng gỗ mít cao 57cm. Thế kỷ XVIII.

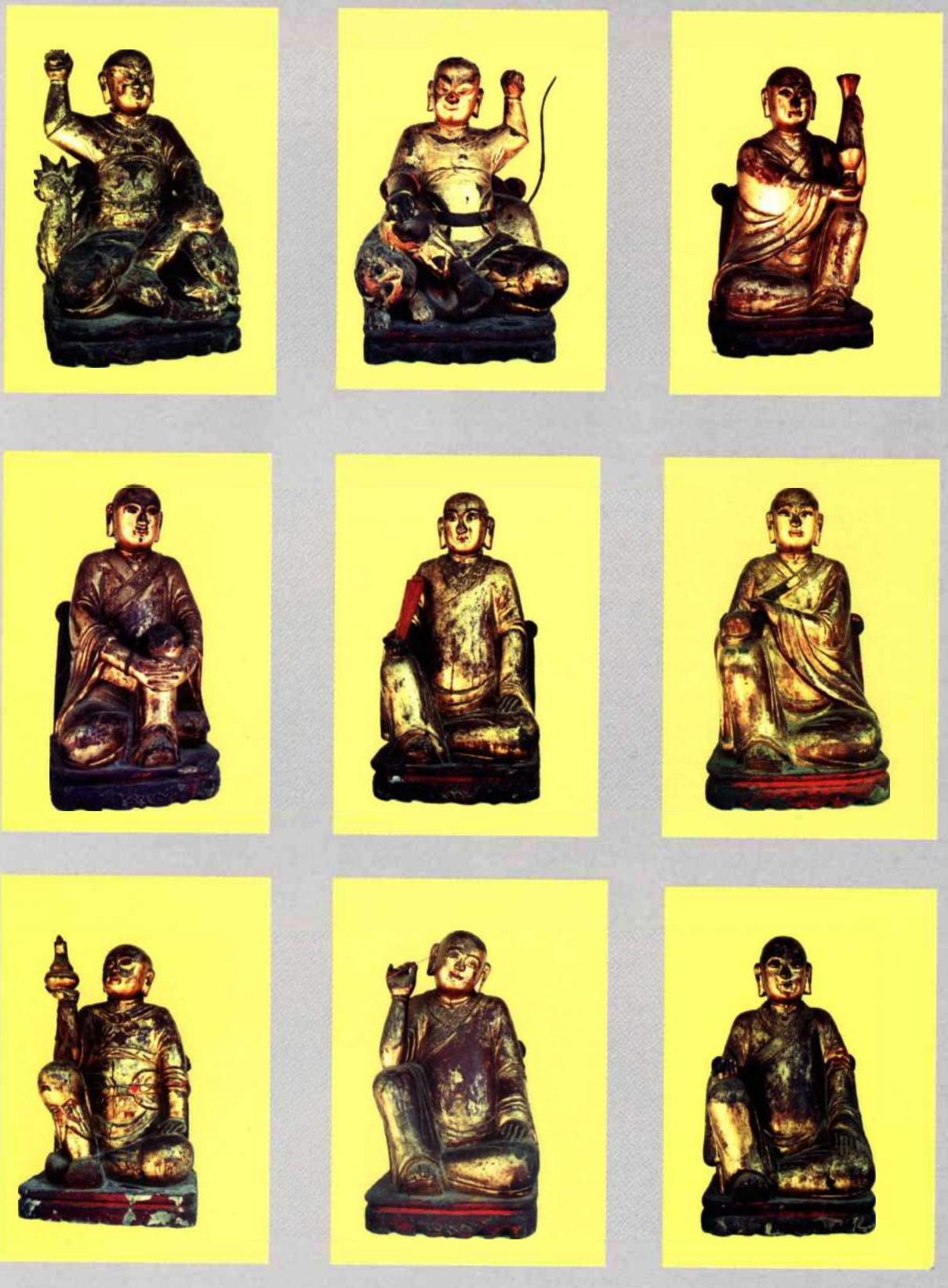

Tượng La Hán (tượng Tổ) chùa Giác Lâm (bộ nhỏ). Bằng gỗ mít cao 57cm. Thế kỷ XVIII.

93. CHÙA GIÁC VIÊN

覺圓寺

Thành phố Hồ Chí Minh

Chùa Giác Viên cách chùa Giác Lâm không xa, tọa lạc ở số 161/35/20 đường Lạc Long Quân, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Sự ra đời của ngôi chùa này gắn liền với việc xây dựng lại chùa Giác Lâm vào năm 1798. Bấy giờ gỗ mua về để làm chùa Giác Lâm được chở theo đường thủy cập bến Hố Đất. Nhà sư Viên Quang đã cho làm một ngôi nhà nhỏ ở bến này, nhờ một người tên là Hương Đăng trông coi gỗ trước khi cho xe trâu chở gỗ về chùa Giác Lâm. Trong hai năm liền, ông Hương Đăng đã biến ngôi nhà nhỏ này thành một cái am thờ Bồ Tát Quan Âm. Một số người qua lại bến Hố Đất đã cúng tiền cho cái am nhỏ này. Nhờ đó, sau khi số gỗ đã chuyển hết về chùa Giác Lâm, ông Hương Đăng đã xin hòa thượng Viên Quang xây dựng lại am thành một ngôi chùa, có tên là Quan Âm viện vào năm 1805.

Mãi đến năm 1850, hòa thượng Hải Tịnh mới đổi tên Quan Âm viện thành chùa Giác Viên.

Chùa Giác Viên đã được trùng tu hai lần vào những năm 1899 và 1910.

Vì được xây cất gần cùng thời, chùa Giác Viên có nhiều điểm tương tự chùa Giác Lâm. Tuy vậy, ở chùa Giác Viên, các công trình điêu khắc nghệ thuật vẫn có nét độc đáo riêng.

Ở chính điện có đến 120 pho tượng, trong đó có các tượng A Di Đà, Thích Ca, Di Lặc và các vị Bồ Tát. Đáng chú ý là 10 pho Thập điện Diêm Vương và 18 pho La Hán. Ngoài ra còn có tượng chân dung các tổ. Có 4 tượng Thiên Vương đỡ lấy xà ngang chính điện, biểu hiện một sức mạnh siêu phàm.

Chùa Giác Viên (1991)

Chùa Giác Viên có đến 57 bao lam (hay cửa võng), nhiều hơn hẳn số bao lam ở chùa Giác Lâm. Có thể nói bàn thờ nào cũng có bao lam. Có tấm bao lam bách điểu, chạm đến 94 con chim trong nhiều tư thế thực sinh động: bay, đậu, ngủ, tranh mồi, rỉa lông hay âu yếm, nô giỡn với nhau. Tấm bao lam chạm 18 La Hán cũng rất độc đáo, mỗi bên 9 vị với các điệu bộ khác nhau, giữa các đám mây

Ở tây lang, có tấm bao lam chạm hình khỉ bắt chim. Còn tấm bao lam ở đông lang, ngoài những điển tích được chạm như Tô Vũ chăn dê, Lã Vọng câu cá, còn có hình những hoa quả bốn mùa quen thuộc của Nam Bộ. Ở nhà tổ, có một bao lam chạm cả trên hai mặt. Có thể nói các bao lam ở chùa Giác Viên mang phong cách dân gian đậm đà hơn các bao lam chùa Giác Lâm. Đây là những tác phẩm điêu khắc tuyệt vời, khiến người ta nghĩ đến bàn tay khéo léo của những người thợ chạm Lái Thiêu (thành phố Hồ Chí Minh).

Chính điện (1991)

Mặt trước chùa (2008)

Sám bài chạm khắc gỗ (1991)

Khu vườn mộ tháp (2008)

94. CHÙA BỬU LONG

寶龍寺

Thành phố Hồ Chí Minh

Chùa Bửu Long tọa lạc tại số 81, đường Nguyễn Xiển, phường Long Bình, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, trên một ngọn đồi phía tây ngạn sông Đồng Nai, trong Công viên Lịch sử Văn hoá Dân tộc.

Chùa thuộc hệ phái Phật giáo Nguyên Thủy (Nam Tông) do cư sĩ Võ Hà Thuật thành lập năm 1942, đến năm 1958, ông dâng cúng cho thiền sư Hộ Tông, vị tăng thống đầu tiên của Phật giáo nguyên thủy Việt Nam, lập thành Thiền viện Bửu Long và ông xuất gia, năm 1961 với pháp danh Lão Tâm.

Năm 1961, Ngài Narada Mahàthera, Đức tăng thống Phật giáo Sri Lan Ka tặng Thiền viện một cây bồ đề chiết từ cây mẹ tại Bồ đề Đạo Tràng Ấn Độ; nay đã được tôn tạo thành Bồ đề Phật Cảnh.

Năm 1981, tổ Hộ Tông viên tịch, hưởng thọ 88 tuổi. Dưới thời tổ Hộ Tông làm Viện chủ, có 4 vị trụ trì là: đại đức Lão Tâm (1956 - 1959), đại đức Ngự Tâm (1969 - 1976), đại đức Tăng Huệ (1976 - 1981). Năm 1982, hoà thượng Viên Minh được bổ nhiệm làm Viện chủ Thiền viện Bửu Long. Và thượng tọa Bửu Đức làm trụ trì.

Kiến trúc chùa theo văn hóa Phật giáo cổ đại và liên tục được trùng tu tôn tạo. Đến nay gồm: 1. chính điện, 1 tăng xá, 1 trai đường, 1 tăng khách đường, 1 tổ đường, 5 thiền thất của chư tăng, 1 ni viện, 1 ni xá và 25 am thất của tu nữ, tịnh nhân. Ngoài ra còn có một động

Chùa Bửu Long (2010)

động khổ hạnh tưởng niệm 6 năm Bồ Tát tu khổ hạnh và một tượng Phật nằm tạc từ đá Granite dài 8 m, nặng trên 50 tấn.

Đặc biệt, chùa Bửu Long có bảo tháp Gotama Cetiya thờ Xá lợi Đức Phật và Chư Thánh Tăng rộng trên 2.000 mét vuông, cao 70 mét, một kiến trúc vừa hoành tráng vừa biểu hiện nét cổ kính của nền văn minh Suvannabhumi cổ đại trong vùng Đông Nam Á.

Ngoài việc tu học, nhà chùa rất tích cực trong công tác y tế và từ thiện -xã hội.

Những ngày lễ chính ở Chùa:

- Lễ Tam Hợp (Đản Sanh, Thành Đạo, Niết -bàn) - ngày Rằm tháng Tư âm lịch.

- Lễ Để Bát Báo Hiếu- ngày Rằm tháng Bảy và 30 tháng Tám âm lịch.

- Lễ Giỗ Tổ Phật Giáo NguyênThủy

Việt Nam - ngày 26 tháng Bảy âm lịch.

- Lễ Dâng Y Kathina - ngày 17 tháng Chín âm lịch.

Mặt trước chùa (2010)

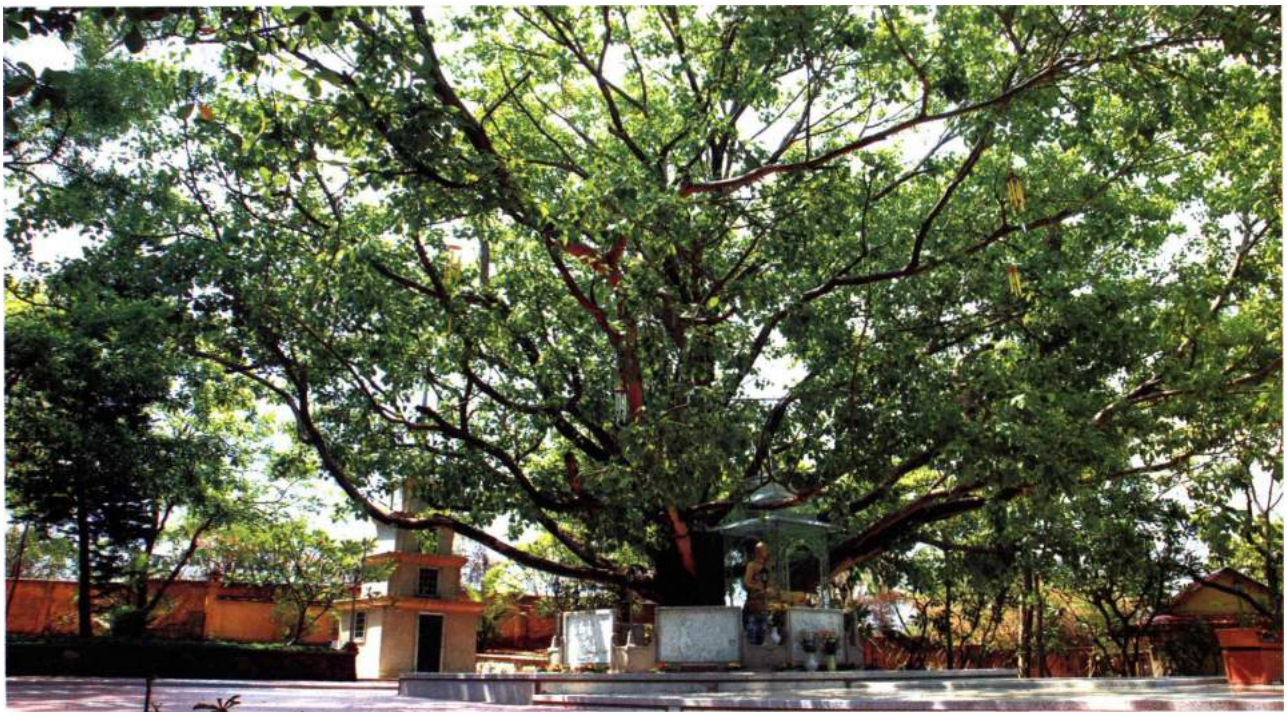

Bồ đề Phật cảnh và tháp Tổ (2010)

Chính điện (2010)

Bảo tháp Gotama Cetiya (2011)

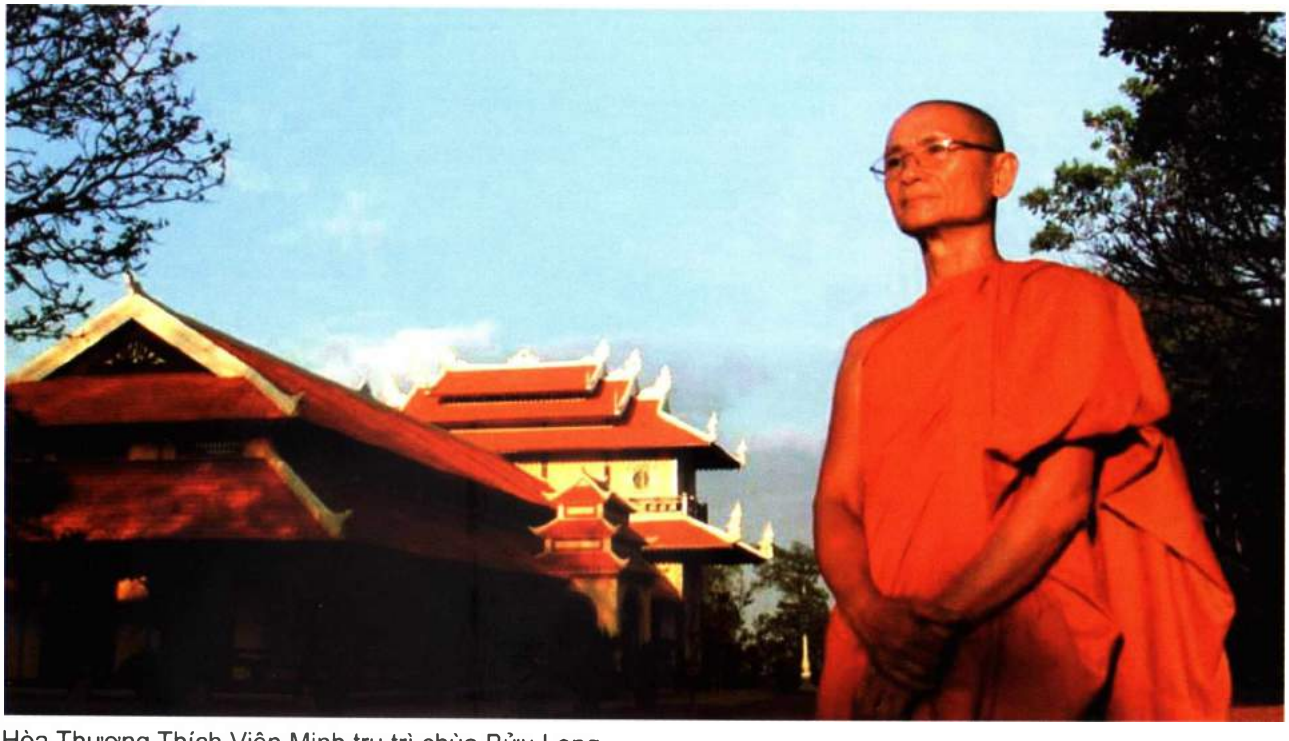

Hòa Thượng Thích Viên Minh trụ trì chùa Bửu Long

95. CHÙA THẢO ĐƯỜNG

草堂禅寺

Thành phố Hồ Chí Minh

Chùa Thảo Đường (Thảo Đường thiền tự) là ngôi chùa của người Hoa, ở số 335/42, đường Hùng Vương, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh, bên bờ rạch Ông Buông.

Chùa được xây năm 1960. Vị sư đầu tiên từ Trung Quốc sang là Miêu Duyên, thuộc phái Tào Động.

Trên bàn thờ gian giữa chính điện, phía trên có tượng Thích Ca giữa các tượng A Nan và Ca Diếp. Phía dưới là các tượng Địa Tạng, Phổ Hiền, Di Lặc, Văn Thù, Quan Âm. Gian bên phải có bàn thờ Bồ Tát Văn Thù và gian bên trái có bàn thờ Bồ Tát Phổ Hiền.

Cũng như ở nhiều chùa Hoa khác, các tượng thờ ở đây đều được đặt trong hòm kính.

Trong các nghi lễ Phật giáo ở chùa này, các phật tử đều mặc áo đen và dùng tiếng Triều Châu.

Phía sau chùa, có phòng đặt các bình đựng tro thi hài người chết trong cộng đồng người Hoa.

Chùa Thảo Đường (1991)

Chính điện (1991)

96. CHÙA VĨNH NGHIÊM

永嚴寺

Thành phố Hồ Chí Minh

Chùa Vĩnh Nghiêm ở số 339, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Chùa bắt đầu xây dựng năm 1964 và hoàn thành năm 1971, theo thiết kế của kiến trúc sư Nguyễn Bá Lăng. Đây là một trong số chùa được xây dựng theo kiểu hiện đại ở phía Nam. Tuy nhiên, ta cũng thấy ở đây ý đồ của nhà kiến trúc nhằm tạo ra một quy mô rộng lớn, nhưng vẫn giữ được những nét phương Đông. Ngôi chùa với hai tầng mái chạy dài làm ta thoáng nhớ đến những ngôi chùa Nhật Bản. Nhưng các đầu mái ở đây đều uốn cong và có hình đầu chim phượng. Chính giữa nóc là hình bánh xe pháp luân, thay cho hình mặt nguyệt ở các ngôi chùa cổ.

Cạnh chùa là ngôi tháp 7 tầng, cao 40m.

Chùa chính có hai tầng. Tầng dưới có hai phần, phần ngoài cao 3,2m, làm nơi nghỉ chân cho khách hành hương, phần trong cao 4,2m, chia làm giảng đường, phòng họp và tăng phòng...

Từ dưới sân, có ba cầu thang rộng nhiều bậc dẫn lên tầng trên. Ở đây có một sân thượng rộng khoảng 10m bên phải có một gác chuông. Qua sân thượng ta vào tòa Phật điện lớn, dài 35m, rộng 22m, cao 15m.

Trên bàn thờ Phật có ba tượng lớn: chính giữa là Phật Thích Ca, bên phải là Bồ Tát Phổ Hiền và bên trái là Bồ Tát Văn Thù.

Trọng điện, có các bao lam chạm tứ linh (long, ly, quy, phương) hay cửu long. Ở các hương án có phù điêu các chùa danh tiếng trong nước và một số nước châu Á. Quanh tường có các tranh La Hán.

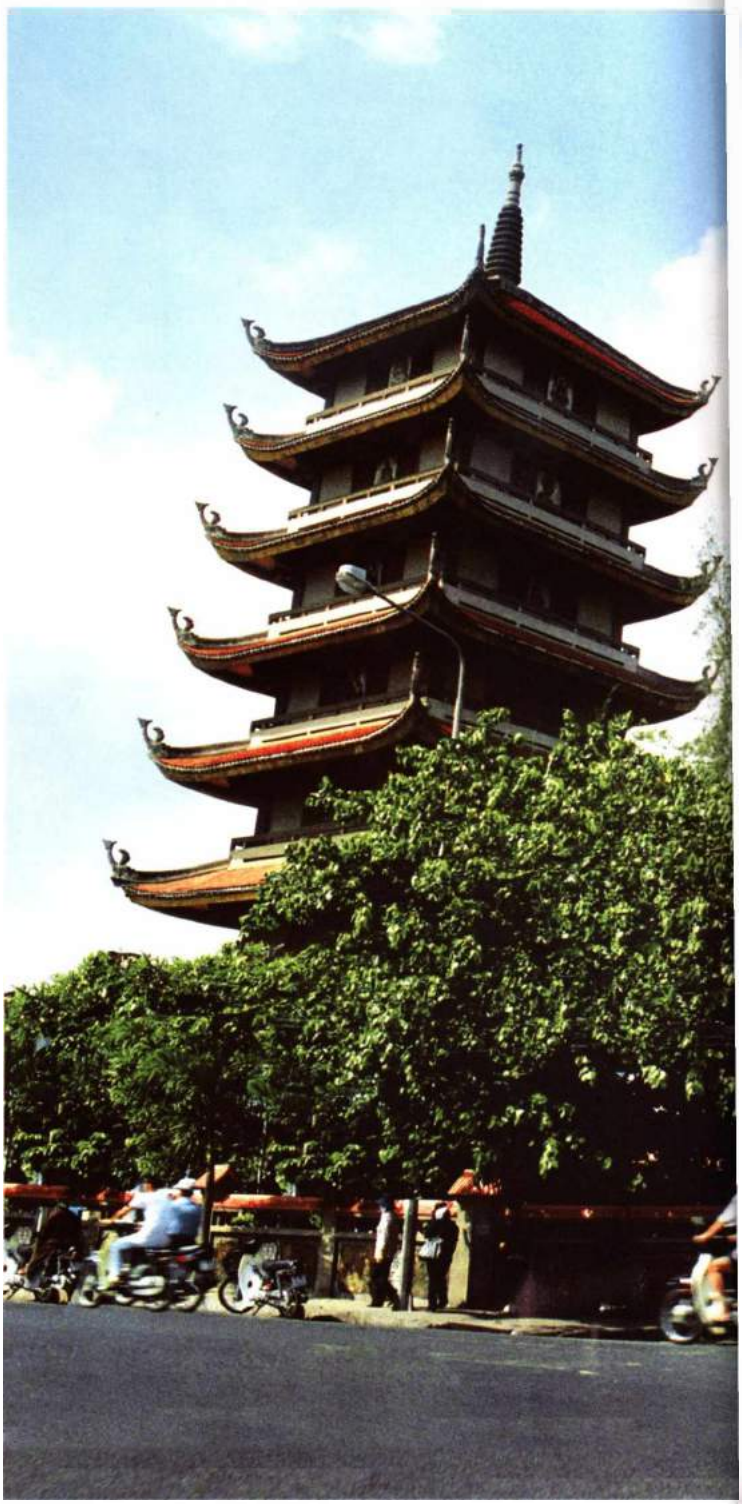

Chùa Vĩnh Nghiêm (2005)

CHÙA VĨNH NGHIÊM

Phật điện gồm bái điện, bản điện và Địa Tạng đường, nối nhau theo chữ công (工).

Từ Phật điện ở tầng trên, xuống phần trong của tầng dưới, có bàn thờ tổ và bàn thờ Bồ Đề Đạt Ma.

Trong cùng của chùa, có một dãy nhà hình thước thợ, dùng làm tăng xá và nhà trai.

Một tháp Xá Lợi cộng đồng được xây cất từ năm 1982, hoàn thành năm 1984. Tháp cũng được xây theo một kiểu khá độc đáo. Các cầu thang từ sân dẫn lên tháp. Đây là nơi để bình đựng tro thi hài người chết mà thân nhân của họ gửi giữ ở chùa.

Tháp chùa Vĩnh Nghiêm (2003)

Mặt trước chùa (2008)

Chính điện chùa Vĩnh Nghiêm (2008)

Phật điện (2008)

Tháp xá lợi cộng đồng (2008)

97. TỊNH XÁ TRUNG TÂM

淨舍中心

Thành phố Hồ Chí Minh

Tịnh xá Trung Tâm ở số 21 đường Nguyễn Trung Trực, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đây là trụ sở của Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam. Phái Khất sĩ là một phái Phật giáo Việt Nam mà người sáng lập là Minh Đăng Quang (sinh khoảng năm 1922, mất tích năm 1954).

Tịnh xá được bắt đầu xây từ năm 1965. Từ năm 1980, Tịnh xá lại được trùng tu và hoàn thành vào năm 1984.

Ngày nay, vào tịnh xá, chúng ta đi qua một tam quan cao 8m với cửa giữa rộng 5m, mỗi cửa bên rộng 3,5m. Trên tam quan có hình ngọn đèn Chân Lý.

Trong sân, về phía phải, có tượng Bồ Tát Quan Âm cao 9m, đứng trên đài sen có sáu cánh cao 3m. Có cặp rồng chầu hai bên tượng, mỗi con dài 12m.

Ngôi tịnh xá có hai tầng, xây theo thiết kế của kiến trúc sư Nguyễn Hữu Thiện. Tầng dưới, phía trước là giảng đường Minh Đăng Quang, phía sau là phòng khách và thư viện. Tầng trên, phía trước là Phật điện, xây hình bát giác với hai lớp mái. Chính giữa Phật điện là nơi đặt tượng Thích Ca. Trước tượng Thích Ca có tượng Thích Ca sơ sinh. Căn nhà nối là nơi thờ tổ Minh Đăng Quang. Phía sau là nơi thờ Cửu Huyền Thất Tổ. Các dãy nhà tăng ở sau và bên phải ngôi tịnh xá. Bên trái của tịnh xá là thiền thất.

Tịnh xá Trung Tâm là một kiến trúc đẹp, kết hợp được những yếu tố truyền thống và hiện đại.

Cổng Tịnh Xá (1991)

Tượng Cửu Long (1991)

Chân dung giáo chủ Minh Đăng Quang,
người sáng lập Tăng Già Khất Sĩ Việt Nam (1991)

Ngôi chính điện (1991)

Đoàn ni giới Khất Sĩ đi khất thực (1991)

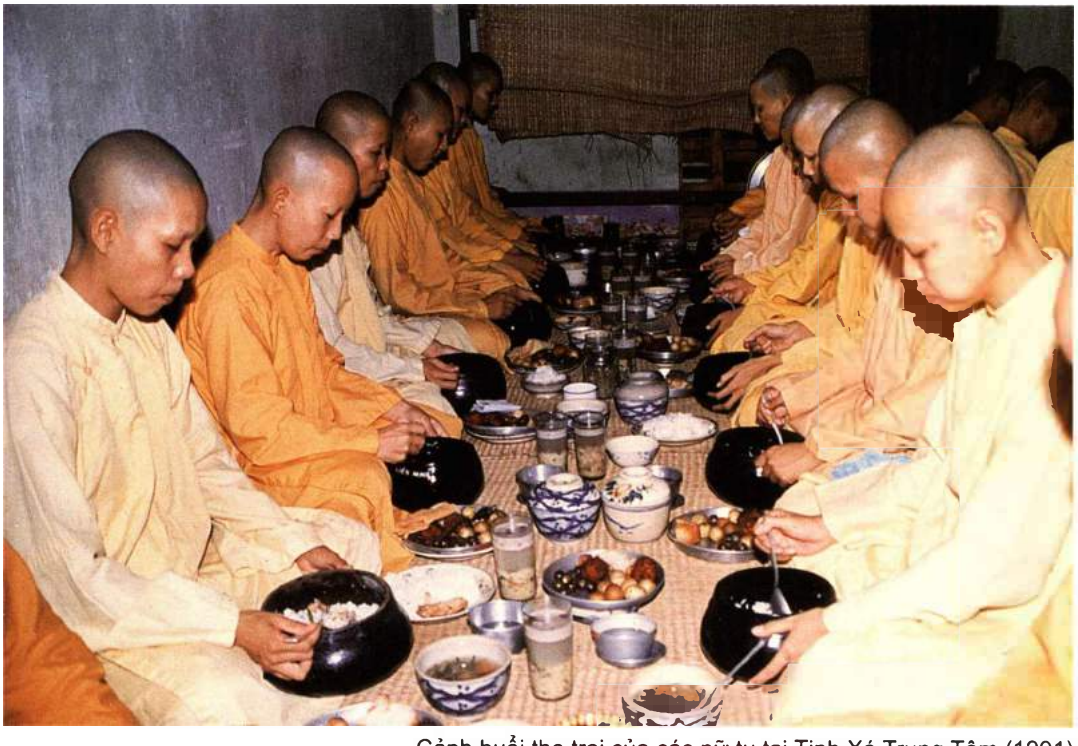

Cảnh buổi thọ trai của các nữ tu tại Tịnh Xá Trung Tâm (1991)

98. THÍCH CA PHẬT ĐÀI

釋迦佛台

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Đây là cụm kiến trúc và điêu khắc Phật giáo trên sườn núi Lớn tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, được xây dựng năm 1961 và hoàn thành vào năm 1963.

Qua cổng tam quan, gồm bốn trụ vuông đỡ hình bánh xe pháp luân, ta đến khu chùa Thiền Lân. Trên bàn thờ ở chính điện, có tượng Phật Thích Ca trên tòa sen, sau lưng là hình vẽ cây bồ đề.

Muốn đến Thích Ca Phật Đài, ta phải đi lên phía trên. Trên đường đi lên, có cây bồ đề trồng năm 1960 được Narada Maha Thera chiết từ cây bồ đề ở Sri Lanka (mà cây này lại được chiết từ cây bồ đề ở Bồ Đề Đạo tràng, nơi Phật thành đạo ở Ấn Độ). Rải rác trên sườn núi là các tượng Phật sơ sinh, tượng Thích Ca xuất gia, tượng nhập niết bàn,... Có ngôi nhà bát giác, tượng trưng cho vườn Lộc Giả, nơi Phật giảng kinh.

Đi lên nữa, ta đến một sân rộng, có ngôi tháp xá lợi bát giác cao 19m. Bên phải tháp là tượng Phật Thích Ca ngồi trên tòa sen cao tất cả là 10,2m. Đường kính của bệ 6m.

Thích Ca Phật Đài cũng như chùa Thiền Lân là công trình do hệ phái Phật giáo Nam Tông xây dựng.

Cổng tam quan ở trên núi (1991)

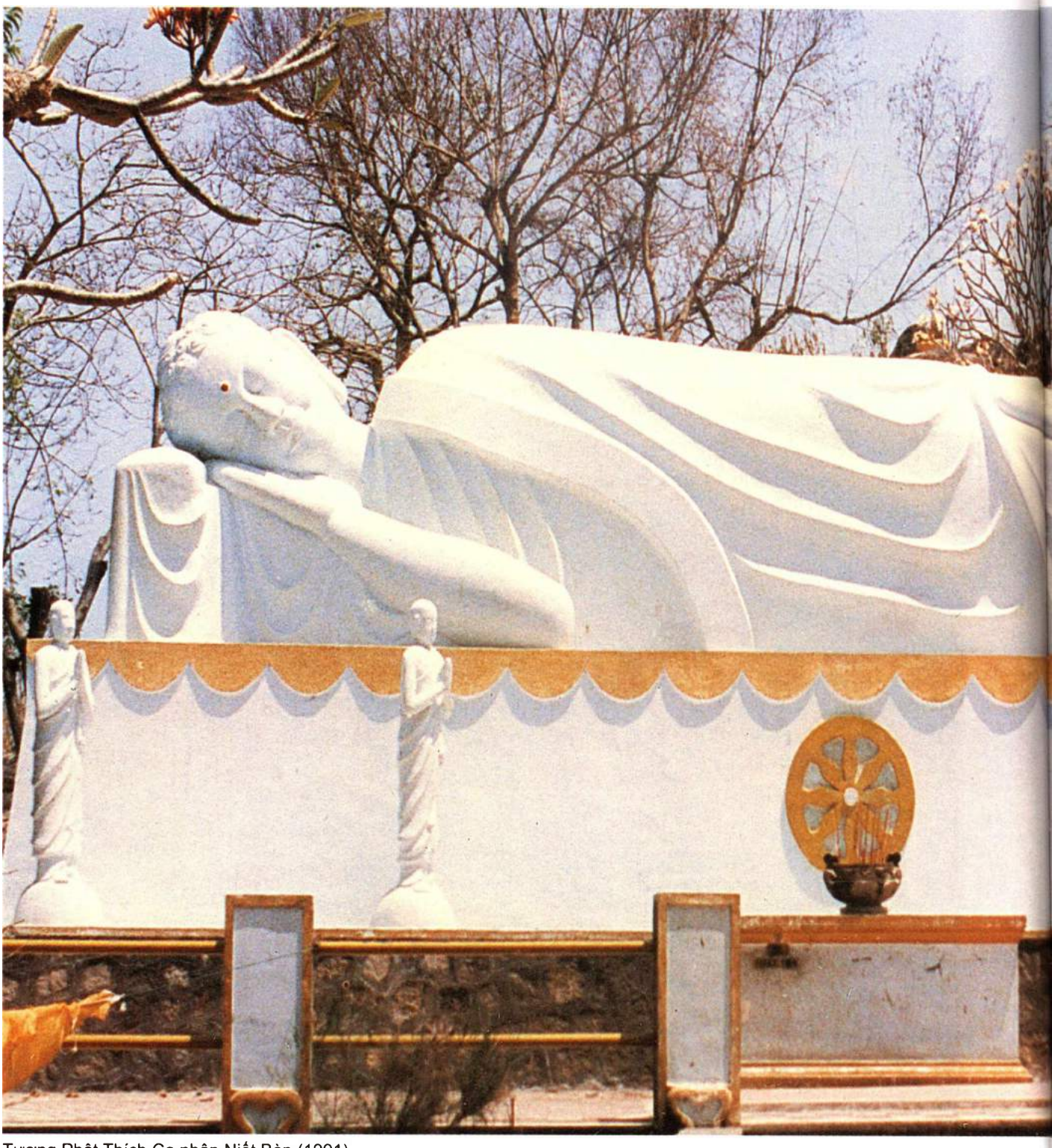

Tượng Phật Thích Ca nhập Niết Bàn (1991)

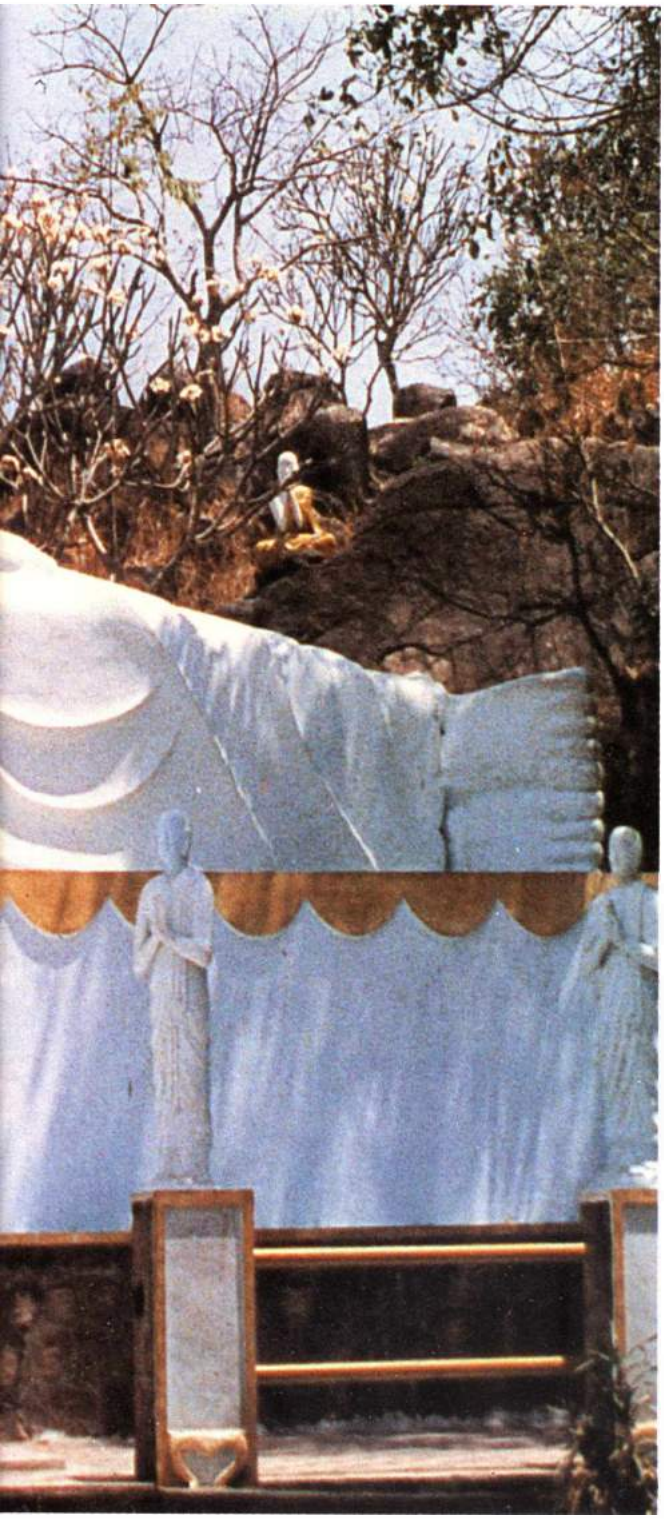

Chính điện chùa Lân (1991)

Tượng Phật Thích Ca ngồi trên tòa sen (1991)

99. CHÙA THANH LONG

青龍寺

Tỉnh Bình Phước

Chùa Thanh Long tọa lạc tại khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Xưa kia vốn chỉ là một ngôi Niệm Phật Đường Tân Lợi do đồng bào Phật tử các tỉnh miền Trung vào Nam lập nghiệp đã tạo dựng bằng những vật liệu đơn sơ để có nơi lễ bái tụ tập. Đến năm 1997, tỉnh Bình Phước được tái lập. Cũng từ năm đó, Niệm Phật Đường Tân Lợi đã được hòa thượng Thích Nhuận Thanh, Trưởng Ban Trị sự Tỉnh Hội Phật giáo tỉnh Bình Phước đổi tên thành chùa Thanh Long và đặt làm trụ sở Văn phòng của Ban Trị sự Phật giáo tỉnh.

Ban thờ (2010)

Phật Bà Quan Âm (2010)

Chùa Thanh Long (2010)

Chính điện (2010)

Phật Bà (2010)

Hộ pháp (2010)

Hộ pháp (2010)

100. CHÙA LINH SƠN

靈山寺

Tỉnh Tây Ninh

Chùa tọa lạc trên núi Bà Đen, xã Ninh Sơn, tỉnh Tây Ninh, cách thị xã Tây Ninh 11 km. Núi Bà Đen cao 986 mét, là ngọn núi cao nhất ở Nam Bộ.

Khu danh thắng trên núi Bà Đen có 3 ngôi chùa: ở chân núi có chùa Trung, thường gọi là Linh Sơn Phước Trung tự; ở lưng chừng núi (độ cao 350m), là hai ngôi chùa: chùa Linh Sơn Tiên Thạch tự (thường gọi là chùa Phật, chùa Thượng, chùa Bà) và chùa Hang (thường gọi là Linh Sơn Long Châu tự). Đó là Tam vị nhất thể của quần thể Chùa Linh Sơn. Cạnh chùa Linh Sơn Tiên Thạch là Điện Bà thờ Linh Sơn Thánh Mẫu. Chùa do Thiền sư Đạo Trung - Thiện Hiếu xây dựng từ giữa thế kỷ XVIII, được vua Gia Long sắc phong vào đầu thế kỷ XIX.

Lịch sử chùa Bà đã trải qua nhiều đời liệt tổ trụ trì như Thực Diệu, Tế Giác, Đại Cơ, Đạo Trung, Tánh Hiền, Hải Thiệp... và được trùng tu, xây mới thêm nhiều lần vào các năm 1880 - 1910, 1922 - 1924, 1939... Từ năm 1992 đến năm 1997 ni sư Thích Nữ Diệu Nghĩa đã tổ chức trùng tu, xây mới: chùa Hang, chùa Bà, chùa Trung nguy nga, xây dựng tượng Phật nhập niết bàn hoành tráng trên núi phía sau chùa Bà, rồi tiếp đó là các khu: nhà tổ, nhà tăng, nhà ni, nhà bổn đạo ....thành một trung tâm thờ Phật và một danh lam thắng cảnh bậc nhất ở phía Nam đất nước.

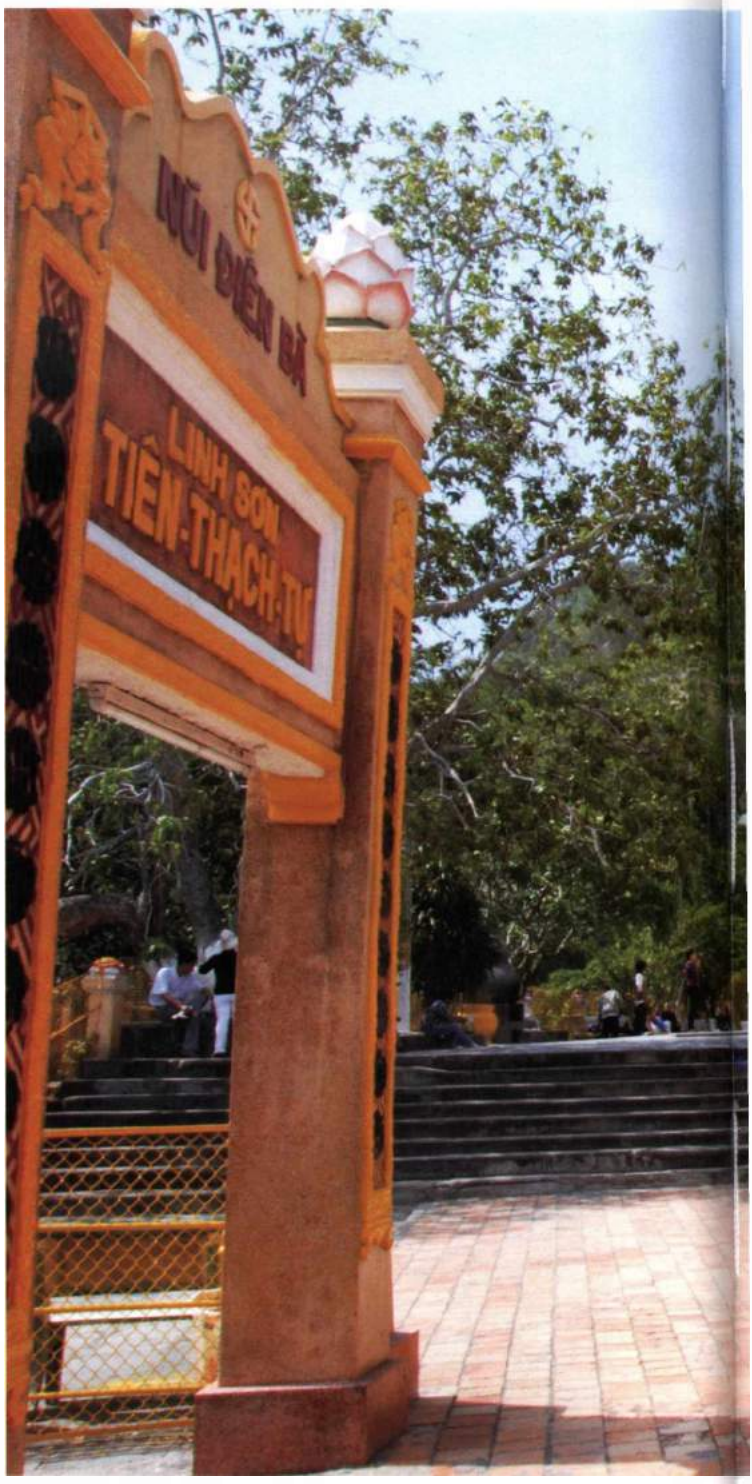

Linh Sơn Tiên Thạch tự (chùa Bà Đen)

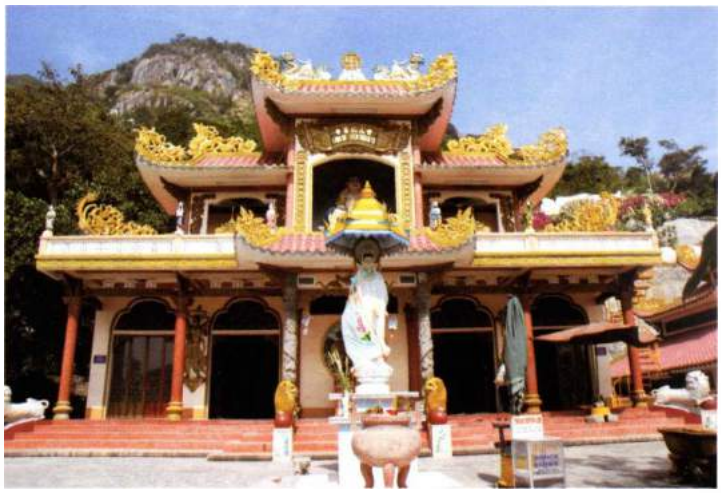

Mặt trước chùa Linh Sơn Tiên Thạch (2009)

Đức Phật nhập Niết Bàn (2009)

Núi Bà Đen (2009)

Chính Điện chùa Linh Sơn Tiên Thạch (2009)

Ban thờ Linh Sơn Thánh Mẫu
tại Điện Bà (2009)

Chùa Linh Sơn Long Châu (Chùa Hang - 2009)

Ban thờ trong chùa Hang (2009)

Chùa Linh Sơn Phước Trung (chùa Trung - 2009)

Vườn Lâm Tỳ Ni tại chùa Phước Trung (2009)

Chính điện chùa Phước Trung (2009)

101. CHÙA HỘI KHÁNH

會慶寺

Tỉnh Bình Dương

Chùa tọa lạc tại số nhà 29 đường chùa Hội Khánh, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Chùa do thiền sư Đại Ngạn dựng năm 1741 trên một ngọn đồi cao tại tổng Bình An, huyện Phước Long. Năm 1861, chùa bị quân Pháp phá hủy trong lúc đánh chiếm Bình An. Năm 1868, Hoà thượng Chánh Đắc cho xây dựng lại chùa mới ở dưới chân đồi, với diện tích mặt bằng trên 1.300 m^2 trong một khuôn viên rộng trên 1 hécta. Chùa đã được trùng tu nhiều lần vào các năm 1784, 1868, 1891, 1906, 1917, 1919, 1948... nhưng về cơ bản đây là ngôi chùa hiếm hoi vẫn còn giữ được phần lớn kiến trúc ban đầu, với cấu trúc 3 phần: tiền điện, chính điện, giảng đường (với 92 cột gỗ quý) đông lang và tây lang xây dựng theo kiểu biến cách, đặc biệt của truyền thống kiến trúc chùa cổ xứ Nam Kỳ xưa: "Trùng thềm, trùng lương". Năm 1990, thượng toạ Thích Huệ Thông trụ trì chùa đã cho đại trùng tu chùa. Năm 2007, hoàn thành ngôi tháp 8 tầng cao 30m. Các tượng thờ trong chính điện đều được tạc bằng gỗ mít, thếp vàng.

Năm 2009, chùa làm lễ khánh thành pho tượng Phật niết bàn dài nhất Việt Nam hiện nay 52m, với kiến trúc nghệ thuật độc đáo: tượng nằm trên mái chùa.

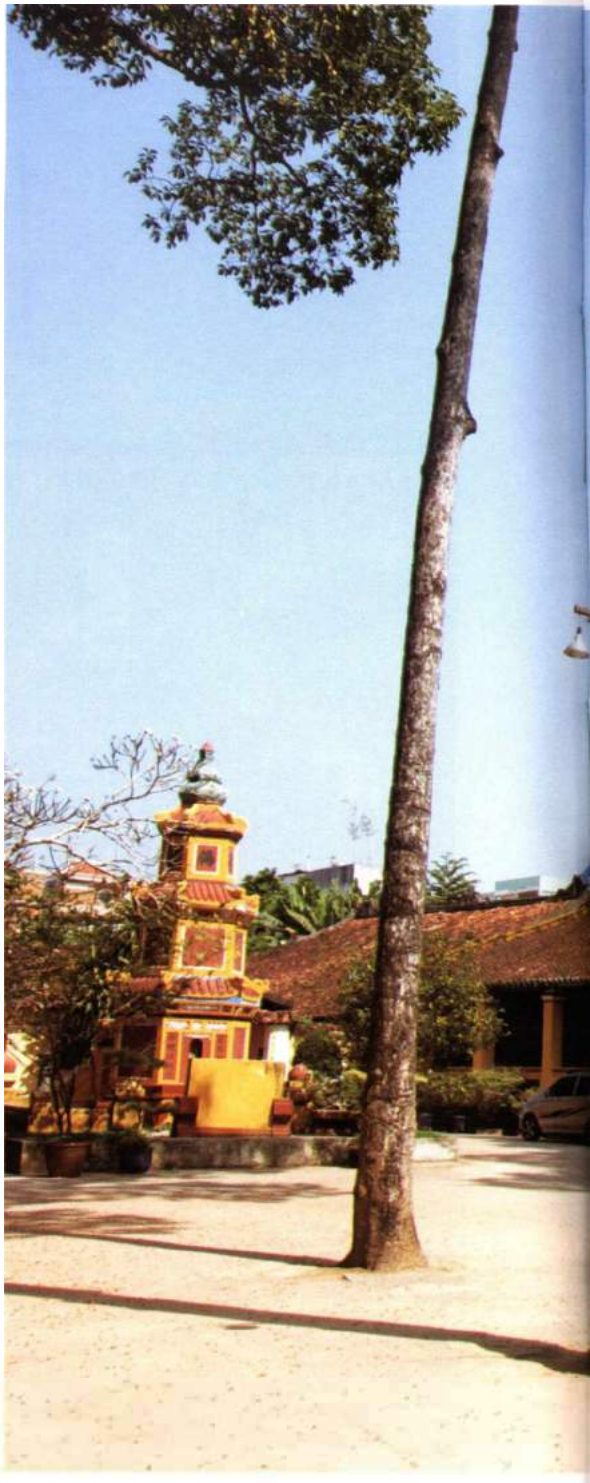

Toàn cảnh chùa (2009)

Phật điện (2009)

Tam quan chùa (2009)

Chùa Hội Khánh là một ngôi chùa cổ còn lưu giữ được nhiều cổ vật nhất (126 hiện vật) của tỉnh Bình Dương, trong đó có đôi câu đối của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc. Chùa còn là trung tâm thờ Phật, hội lễ, và hoạt động từ thiện của thiện nam, tín nữ toàn tỉnh Bình Dương.

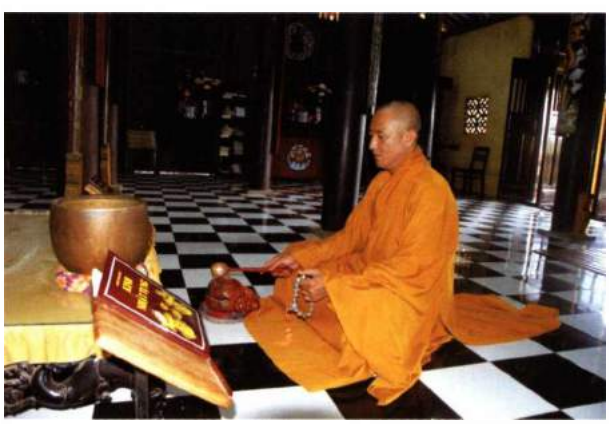

Thượng tọa Thích Huệ Thông tụng kinh niệm Phật (2009)

Tượng La Hán (2009)

Tượng Phật Niết Bàn(2009)

102. CHÙA ĐẠI GIÁC

大覺寺

Tỉnh Đồng Nai

Chùa tọa lạc ở số 393/A2, ấp Nhị Hòa, xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, trong vùng đất cổ Cù Lao Phố.

Chùa được thiền sư Giác Liễu xây dựng vào khoảng giữa thế kỷ XVII đơn sơ bằng gỗ lợp lá. Chùa được xây cất lại vào đầu thế kỷ XVIII và đến đầu thế kỷ XIX, Nguyễn Vương đã ban chiếu trùng tu, xây lầu chuông, lầu trống và phụng cúng pho tượng A Di Đà lớn bằng gỗ mít cao 2,25m. (vì vậy chùa còn có tên là chùa Phật lớn).

Năm 1820, công chúa Nguyễn Thị Ngọc Ánh đã cúng chùa một tấm hoành phi lớn sơn son thếp vàng đề ba chữ: Đại Giác tự treo ở chính điện. Chùa đã được hòa thượng Thích Thiện Hỷ đại trùng tu vào năm 1959. Trong chùa còn bảo lưu được nhiều tượng cổ: Đức Phật Di Đà, Quan Âm, Phật Thích Ca, A Nan Đà, Hộ Pháp... và nhiều bức hoành phi, câu đối...

Tuy là ngôi chùa cổ ở tỉnh Đồng Nai, nhưng do thời gian, khí hậu, thiên tai, lũ lụt... dấu tích chùa xưa không còn nữa – nhưng với lịch sử khai sơn khá sớm, Chùa Đại Giác là một trong những di tích lịch sử của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai.

Chùa Đại Giác (2008)

Chính điện (2008)

Tượng Chuẩn Đề (2008)

Tượng chư phật (2008)

Tượng Phật (2008)

Ban thờ (2008)

103. CHÙA TÔN THẠNH

宗盛祖庭

Tỉnh Long An

Chùa Tôn Thạnh tọa lạc ở ấp Thanh Ba, xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Chùa do thiền sư Viên Ngộ khởi dựng vào năm Gia Long thứ 7 (1808) với tên gọi là chùa Lan Nhã. Theo sách Đại *Nam nhất thống chí*, đây là ngôi chùa "Rường cột tráng lệ, vàng son huy hoàng".

Chùa đã trải qua nhiều đợt trùng tu, sửa chữa vào các năm 1958, 1962, 1970, 1982, 1991, 1994, 2000, do đó kết cấu đã thay đổi nhiều. Hiện tại, chùa có kiến trúc theo kiểu chữ "Đinh" (丁), diện tích 940m^2, trong khuôn viên rộng 33.410m^2. Chùa còn lưu giữ được nhiều pho tượng cổ có giá trị nghệ thuật. Đặc biệt là Địa Tạng vương Bồ Tát bằng đồng, cao 110cm được đúc ngay tại chùa vào năm 1813, tượng được đúc 2 lần. Lần đầu do phía sau tượng còn một khe nứt nên lần sau thiền sư Viên Ngộ đã "cúng dường" một ngón tay cho vào nồi đồng và tượng được hoàn thành viên mãn.

Trong vườn chùa có tháp của tổ Viên Ngộ (viên tịch năm Thiệu Trị thứ 5 - 1845) và tổ Tắc Thành.

Để tưởng nhớ đến tổ khai cơ, dân chúng trong vùng đã gọi chùa Tôn Thạnh là chùa Tăng Ngộ, hay chùa Ông Ngộ.

Tam quan chùa (2010)

Chính điện (2010)

Chùa Tôn Thạnh còn là nơi lưu giữ dấu ấn của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu. Do đó trong khuôn viên chùa có bia tưởng niệm nhà chí sĩ Nguyễn Đình Chiểu được xây vào năm 1973 với nội dung: "Dưới mái chùa Tôn Thạnh này, từ năm Kỷ Mùi (1859) đến năm Nhâm Tuất (1862), Đại chí sĩ Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), bề ngoài mở lớp dạy học, bên trong lãnh đạo nghĩa bình chống Pháp. Và cũng tại nơi đây, Cụ đã sáng tác truyện thơ *Lục Vân Tiên*".

Trong bài "*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*" đã đi vào lịch sử văn học Việt Nam, Nguyễn Đình Chiểu có viết về chùa Tôn Thạnh:

"*Chùa Tôn Thạnh năm canh ưng đóng lạnh, tấm lòng son để lại ánh trăng rằm.*

Đồn Lang Sa một khắc đặng trả hờn, tủi phận bạc trôi theo dòng nước đổ".

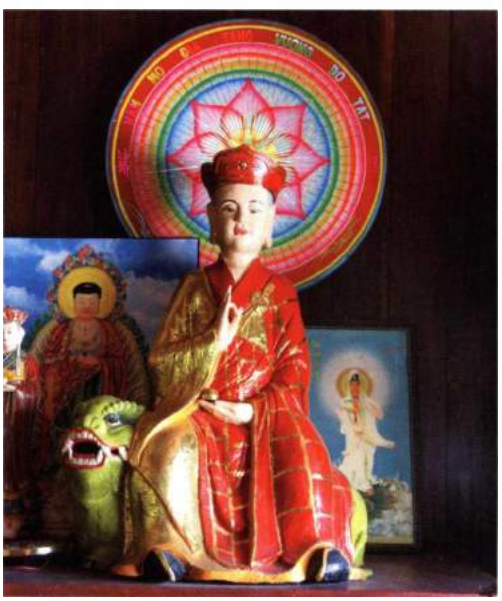

Tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát (2010)

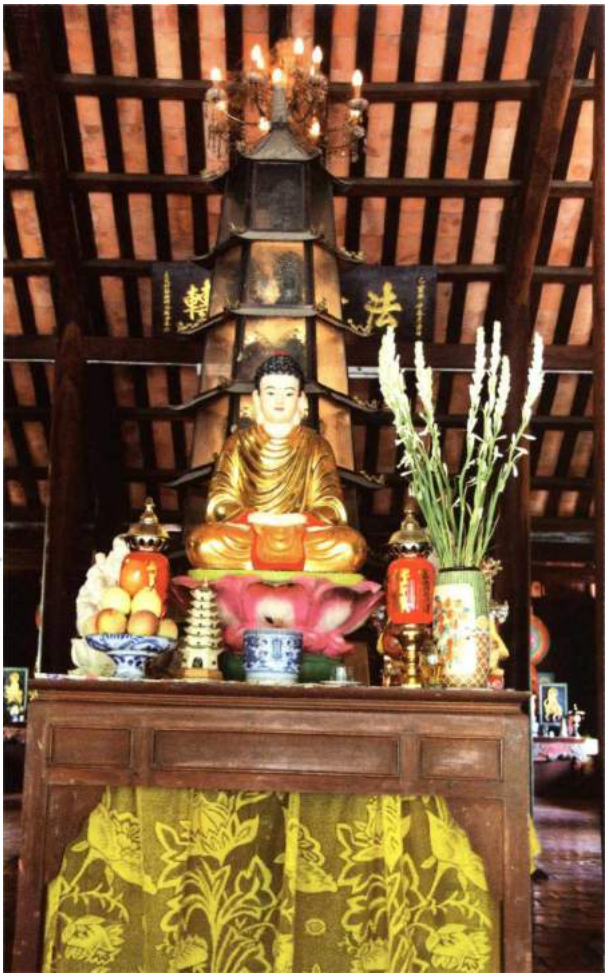

Ban thờ Phật (2010)

Chùa Tôn Thạnh (2010)

Tượng Chuẩn Đề (2010)

Bia kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu (2010)

Tháp tổ Viên Ngộ (2010)

Chính điện (2010)

Tượng La Hán (2010)

Hòa thượng Thích Đạt Đồng (áo vàng) trụ trì chùa cùng các nhà sư và phật tử (2010)

Chính điện (2007)

104. CHÙA THÁP LINH

塔靈寺

Tỉnh Đồng Tháp

Chùa Tháp Linh (Tháp Linh cổ tự) có tên quen gọi trong dân gian là chùa Tháp Mười, là bộ phận của một quần thể di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng, ở trên gò Tháp Mười, giữa vùng đồng bằng trũng Nam Bộ ngập nước, gồm các di tích khảo cổ học thuộc nền văn hóa Óc Eo của vương quốc Phù Nam (những thế kỷ đầu Công nguyên), di tích ngôi tháp cổ 10 tầng (xây hồi đầu thế kỷ XIX), căn cứ vào đền thờ các thủ lĩnh nghĩa quân Thiên Hộ Dương và đốc binh Kiều (thời "Nam Kỳ chống Pháp" giữa thế kỷ 19), miếu Bà Chúa Xứ...

Chùa nay thuộc ấp 1, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Trước đây, chùa tọa lạc ở vị trí cách gò Tháp Mười khoảng 100m về phía bắc, tương truyền do vua Chân Lạp là Vagavarman VII (1181 - 1281) cho xây dựng để thờ các vị thần của Hindu giáo.

Từ năm 1956, chùa di dời đến vị trí như hiện nay và được trùng tu tôn tạo vào các năm 1992 và năm 1999.

Chùa Tháp Linh ngày nay có kiến trúc của một ngôi chùa hiện đại, hoành tráng, uy nghiêm nhưng vẫn giữ được những nét văn hóa của các ngôi chùa Việt cổ.

Tam bảo Phước Điền (2007)

Đức Phật (2007)

Vườn Lâm Tỳ (2007)

105. CHÙA LINH SƠN

靈山寺

Tỉnh An Giang

Chùa Linh Sơn, nhân dân địa phương thường gọi là chùa Phật Bốn Tay, nằm trong vùng di chỉ văn hóa Óc Eo nổi tiếng ở thị trấn núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Năm 1912, người Pháp cho xe ủi đất làm đồn ở Ba Thê thì phát hiện được một tượng bốn tay bằng đá cao 1,7m ngang gối 1,10m, nằm ở độ sâu 2m. Nhân dân quanh vùng đem về đóng góp tiền của cất lên ngôi chùa này vào năm 1913 để thờ cúng cho đến ngày nay. Trong chùa còn lưu giữ nhiều pho tượng Phật khác và hai tấm bia, một tấm cao 1,80m, bề ngang 0,82m và bề dày 0,24m khắc bằng chữ Phạn. Đây là những di vật mang đậm dấu ấn của văn hóa Óc Eo, vương quốc Phù Nam thời gian đầu Công nguyên.

Chính điện (2004)

Chùa Linh Sơn (2004)

Tượng Phật bốn tay (2004)

Chữ viết trên bia cổ

106. CHÙA TÂY AN

西安寺

Tỉnh An Giang

Chùa Tây An ở núi Sam, tỉnh An Giang. Sách *Đại Nam nhất thống chí* chép: "Chùa Tây An ở thôn Vĩnh Tế, huyện Tây Xuyên, năm Thiệu Trị thứ 7 (1847) do Mưu lược tướng Tuy Tĩnh tử Doãn Uẩn dựng trong khi làm tổng đốc An Giang. Chùa đứng sừng sững trên ngọn núi, quay mặt ra tỉnh thành, dựa lưng vào vách đá, tiếng người vắng vẻ, cây cối um tùm, cũng là một thắng cảnh".

Ngôi chùa ngày nay mới được xây cất lại năm 1960. Kiến trúc chùa thật độc đáo, không giống một kiểu chùa nào. Phải leo lên nhiều bậc thềm mới đến cổng chùa. Có một cổng ở giữa và hai cổng hai bên. Ngay ở cổng giữa có tượng Quán Thế Âm Bồ Tát.

Chùa làm theo kiểu chữ Tam (三), hai tầng mái. Ngay từ xa, đã nhìn thấy đỉnh tháp vòm, biểu hiện của ảnh hưởng Hồi giáo, có các cột tròn với các tượng thiên thần có cánh phía trên. Trong tháp là một tượng Phật lớn.

Chính điện có nhiều tượng, khoảng 200 pho, được làm trong những thời kỳ khác nhau. Các lớp tượng bài trí khá đặc biệt. Bàn thờ giữa có tượng A Di Đà, Thích Ca, Thích Ca sơ sinh, Thích Ca nhập niết bàn, các Bồ Tát, Kim Cương. Có cả tượng Thích Ca trần vai áo, kiểu tượng Tiểu Thừa, cùng với tranh Phật thoại.

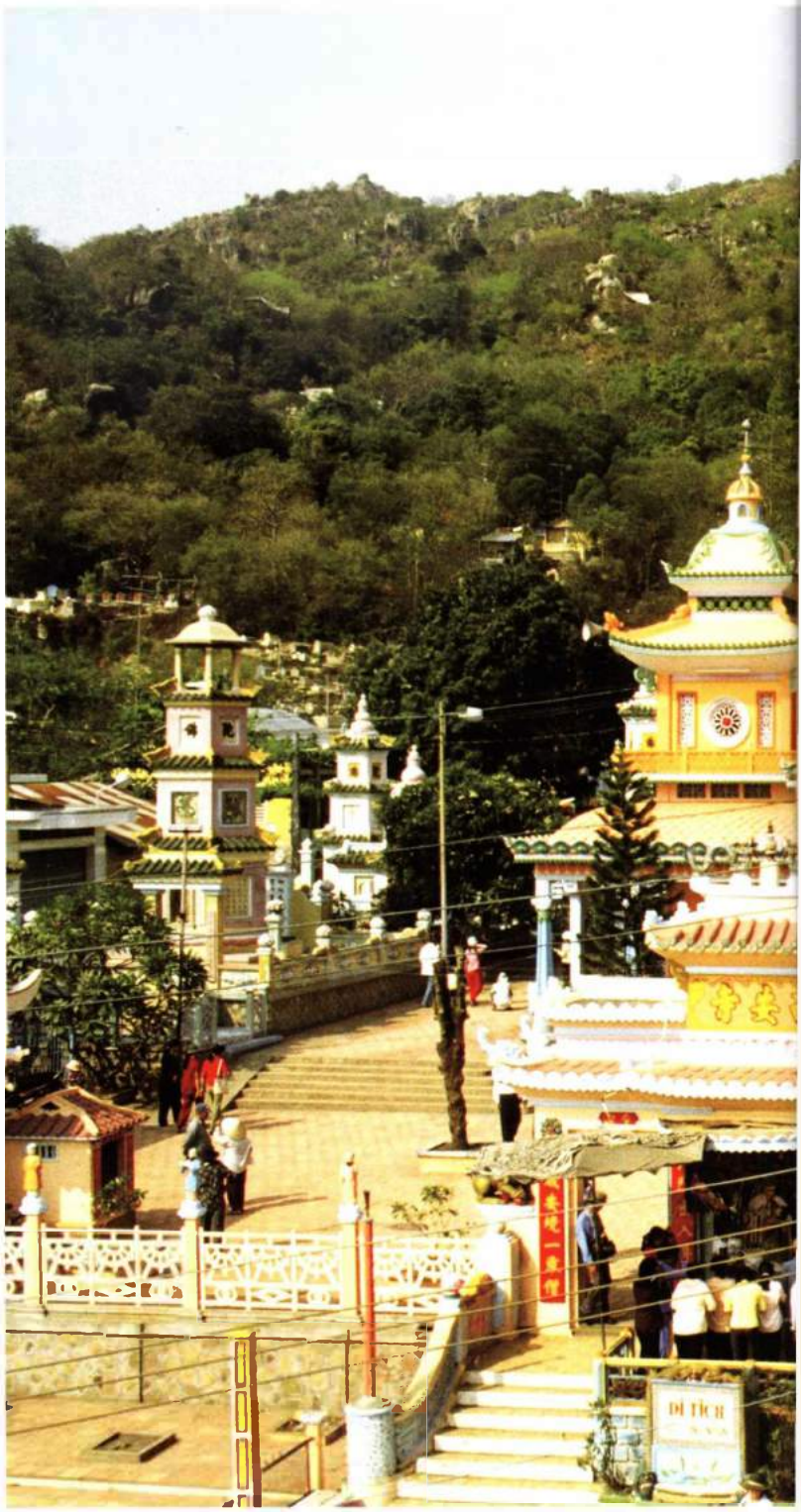

Toàn cảnh chùa Tây An (2003)

Tượng Đông Thiên Vương (sau),
Tượng Đông Nhạc (trước) - (2004)

Phía sau chùa có khu tháp mộ những vị sư đã trụ trì tại chùa. Có tháp mộ Phật Thầy Tây An trước chùa, nhà sư nổi tiếng mà tên tuổi đã gắn liền với ngôi chùa này. Người vốn tên là Đoàn Minh Huyên, sinh năm 1807 ở Tòng Sơn (Sa Đéc), từng vân du nhiều nơi, chữa bệnh cứu người, có uy tín lớn. Sau ông về trụ trì ở chùa Tây An, được nhân dân kính trọng, tên hiệu là Phật Thầy. Ông mất năm 1856. Kế sau Phật Thầy, đã có đến bảy nhà sư tiếp nối trụ trì ở đây. Người đứng ra xây dựng chùa Tây An có bộ mặt như ngày nay là hòa thượng Thích Bửu Thọ (1913-1973).

Mặt trước chùa (2004)

Tượng Quan Âm tống tử (2003)

Chính điện (2003)

107. CHÙA VĨNH TRÀNG

永長寺

Tỉnh Tiền Giang

Chùa Vĩnh Tràng ở Mỹ Tho, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Lúc mới xây vào đầu thế kỷ XIX, chùa rất nhỏ. Vào khoảng giữa thế kỷ XIX, hòa thượng Huệ Đăng ở chùa Giác Lâm đến tu ở đây, mới cùng các phật tử quyên góp tiền của, xây dựng mở rộng ngôi chùa.

Hòa thượng Huệ Đăng muốn chùa Vinh Tràng có quy mô to lớn hơn ngôi chùa Giác Lâm mà ông từng sống ở Gia Định (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh). Chẳng hạn chùa Giác Lâm có 3 lớp nhà với 1 sân cảnh, thì chùa Vĩnh Tràng có 5 lớp nhà với 2 sân cảnh. Chùa Giác Lâm có 98 cột thì chùa Vĩnh Tràng có 178 cột...

Ngôi chùa lớn này đã hoàn thành vào năm Tự Đức thứ 2 (1849).

Sau hơn nửa thế kỷ, năm 1907, hòa thượng Quảng Ân lại cho trùng tu chùa Vĩnh Tràng. Trong lần trùng tu này, các yếu tố kiến trúc châu Âu đã được kết hợp với các yếu tố truyền thống.

Một hệ thống cửa vòm với nhiều cột con và lan can đã hiện lên trước mặt tiền chính điện. Trước chính điện là một sân cảnh với nhiều chậu cây xây vuông vắn.

Trong chính điện, trên bàn thờ có nhiều tượng Phật như A Di Đà, Thích Ca, Di Lặc và các Bồ Tát. Các bao lam được chạm trổ rất đẹp.

Mặt trước chùa (1991)

Hai bên bàn thờ có tượng chân dung của hòa thượng Quảng Ân, pháp danh là Chánh Hậu, người đã trùng tu chùa, và tượng chân dung của hòa thượng Minh Đằng, pháp danh là Tâm Liễu, người kế pháp của Quảng Ân. Cũng như hòa thượng Huệ Đăng, các vị này đều thuộc phái Thiền Lâm Tế. Hai bên tường chính điện, có ban thờ 10 vị Diêm Vương và 18 vị La Hán.

Các pho tượng La Hán ở đây cũng là những tác phẩm nghệ thuật đáng chú ý.

Qua một sân cây cảnh sau chính điện, đến nhà tổ. Ở đây, trước bàn thờ, cũng có bao lam chạm trổ tinh tế nhưng để mộc không sơn thếp. Sau nhà tổ, qua một sân cảnh nữa, mới đến nhà trai và các ngôi nhà phụ.

Trong sân chùa, còn có một số tháp mộ các tu sĩ từng trụ trì ở đây.

Chùa Vĩnh Tràng đã có bề dày lịch sử đến 150 năm, và đặc biệt, đây là một ngôi chùa có quy mô lớn nhất ở miền Nam.

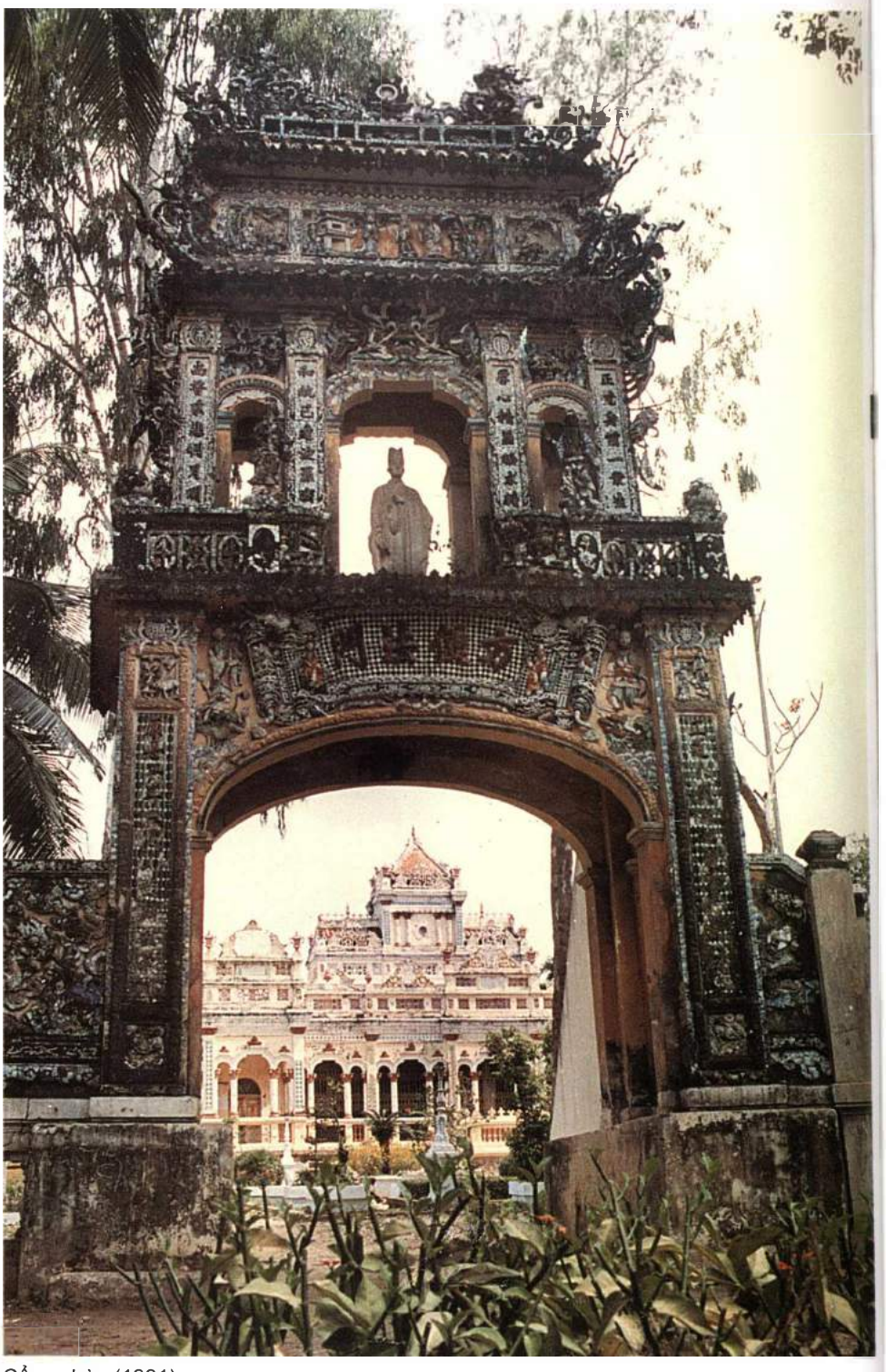

Cổng chùa (1991)

Chính điện (1991)

Tượng Ngọc Hoàng (1991)

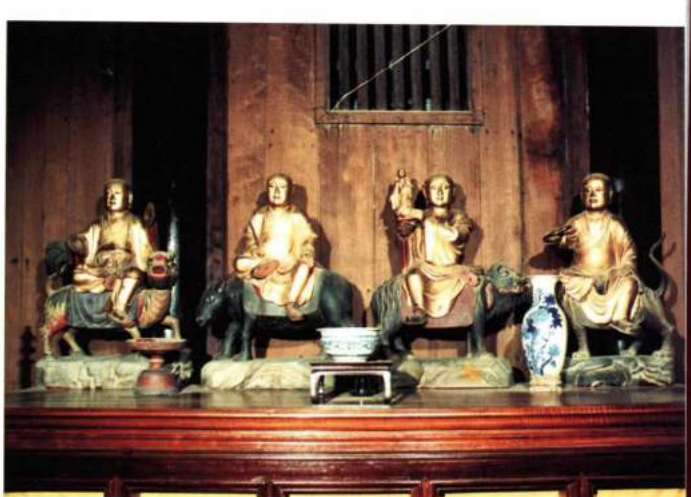

Tượng La Hán (1991)

108. CHÙA BỬU LÂM

寶林寺

Tỉnh Tiền Giang

Chùa Bửu Lâm ở phường 3, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Chùa do bà Nguyễn Thị Đạt đứng ra xây dựng năm Gia Long thứ 2 (1803). Vị thầy đầu tiên trụ trì ở đây là Hòa Thượng Từ Lâm, thuộc phái Lâm Tế, dòng Bổn Nguyên. Ông đã được triều đình Huế cấp độ điệp vào đời vua Thiệu Trị.

Cơn bão lớn năm Giáp Thìn (1904) làm chùa hư hại nhiều. Chùa được trùng tu năm 1905.

Chùa xây theo kiểu chữ Tam (三). Các bàn thờ ở chính điện có các tượng đẹp và các bao lam chạm rồng, chim và hoa rất đẹp và tinh tế.

Chùa còn giữ được những ván in khắc những bài kệ phái Lâm Tế, và đặc biệt còn giữ được nhiều ấn của các tổ phái này. Những ấn này được khắc rất đẹp, đó là tài liệu quý để nghiên cứu lịch sử truyền thừa của phái Lâm Tế ở đây.

Chính điện (1991)

Cổng chùa (1991)

Ban thờ Địa Tạng Vương Bồ Tát (1991)

Ban thờ (1991)

Mặt trước chùa (2010)

Ấn tổ chùa Bửu Lâm (1991)

Một hình minh họa ván gỗ tranh cúng cầu siêu (1991)

109. CHÙA LONG QUANG

龍光寺

Thành phố Cần Thơ

Chùa Long Quang tọa lạc tại khu vực Bình Hoà B, phường Long Hoà, quận Bình Thuỷ, thành phố Cần Thơ.

Chùa được xây dựng trên khoảng đất rộng, hướng mặt về phía tây. Trước chùa là con rạch nhỏ (Rạch Chùa), một nhánh của sông Bình Thủy, cảnh quan thanh tịnh, thoáng mát quanh năm.

Chùa Long Quang do hoà thượng Liễu Huệ khai sơn vào năm Minh Mạng thứ 5 (1824). Ban đầu chùa là ngôi am tranh. Năm 1835, hòa thượng cho xây thành chùa và đặt tên là Long Trường. Năm 1875, hòa thượng Thích Quảng Hiền cho trùng tu lại chùa và đổi tên là Long Quang.

Năm 1893, hòa thượng Thích Từ Quang trụ trì. Năm 1922, Hòa thượng đã cho tạc bộ tượng thờ gồm khoảng 50 tượng bằng gỗ Giáng hương. Đặc biệt là bộ tượng 18 vị La Hán có giá trị nghệ thuật cao.

Tam quan chùa (2010)

Chùa được trùng tu vào các năm 1924, 1930, 1963. Năm 1994, thượng toạ Thích Bình Tâm trụ trì chùa đã tổ chức trùng tu mở rộng thêm giảng đường. Sinh hoạt giáo lý trong chùa được mở rộng cho thanh thiếu niên hàng tuần và lễ thọ bát quan trai cho phật tử.

Bộ tượng 18 vị La Hán chùa Long Quang (điêu khắc gỗ)

Chính điện (2010)

Chùa Long Quang (2010)

Tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát (2010)

Ban thờ (2010)

Tượng Hộ Pháp (2010)

Tượng Hộ Pháp (2010)

Tháp Hòa thượng Từ Quang (2010)

Chính điện (2010)

Thuyết pháp tại chùa (2010)

Chùa Hội Linh (2010)

110. CHÙA HỘI LINH

會靈古寺

Thành phố Cần Thơ

Chùa Hội Linh tọa lạc tại số 314/36 đường Cách mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Chùa lúc đầu có tên là Xẻo Cạn, Hội Long, được khởi dựng vào tháng hai năm Đinh Mùi - 1907 do ông Phạm Văn Bường (1850 - 1908) và bà Nguyễn Thị Tám (1850 - 1908) cúng dường đất cho hòa thượng Thích Khánh Hưng là vị sư trụ trì đầu tiên của chùa, đứng ra xây cất.

Ban đầu chùa được xây cất đơn sơ, chỉ là một am lợp tranh. Đến năm 1914, hòa thượng Thích Hoằng Đạo (1914 - 1922) kế thừa trụ trì, đã làm lại bằng vật liệu kiên cố, tường gạch mái lợp ngói, đổi tên chùa thành Hội Linh cổ tự.

Các đời trụ trì tiếp theo là: hòa thượng Thích Trí Đăng (1922 - 1944), hòa thượng Thích Pháp Thân (1944 - 1970), hòa thượng Thích Pháp Hiện (1970 - 1972), hòa thượng Thích Chơn Đức (1972 - 2005). Từ cuối 2005 đến nay thượng tọa Thích

Thượng điện (2010)

Thiện Pháp giúp hòa thượng Chơn Đức trông nom chùa.

Chùa nằm trong khuôn viên có diện tích khoảng 6.500m^2, với đầy đủ các hạng mục như: cổng tam quan, sân chùa với miếu ngũ hành và miếu thổ thần, chính điện, giảng đường.

Chùa Hội Linh có hơn 100 pho tượng lớn nhỏ, bằng các chất liệu khác nhau: đồng, gỗ, xi măng, thạch cao... trong đó có 17 pho tượng gỗ... Đặc biệt là pho tượng Chuẩn Đề cưỡi khổng tước, tượng Địa Tạng cưỡi lân và tượng Di Lặc.

Qua trên 100 năm hình thành và tồn tại, chùa Hội Linh gắn liền các hoạt động tôn giáo với hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ xâm lược, được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, và được xếp hạng là di tích lịch sử-văn hóa cấp quốc gia. Ngày nay chùa là một cơ sở tôn giáo được đông đảo bà con, khách tu đến tu học và lễ bái... Chùa đang xây dựng thêm ngôi tháp cộng đồng 7 tầng giành tôn trí hài cốt của tu sĩ thuộc nhiều dòng phái khác nhau trong vùng.

Chính điện (2010)

Tượng Phật Bà (2010)

Ban thờ (2010)

Ban thờ (2010)

Ban thờ (2010)

Tháp tổ Ngộ Ý - Hoằng Đạo, Lâm Tế chính tông đời thứ 39 trụ trì 1914-1922 (2010)

Tượng Phật Di Lặc (2010)

111. CHÙA BẢO TỊNH

寶淨寺

Tỉnh Hậu Giang

Chùa Bảo Tịnh tọa lạc ở số 869/48 đường Trần Hưng Đạo, phường 7, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Chùa do hoà thượng Thích Thiện Thành đứng ra xây dựng vào năm 1931. Hiện ngôi tháp vong còn đặt trong vườn chùa. Tiếp nối hiện nay là hoà thượng Thích Huệ Đức, Trưởng ban trị sự Phật giáo tỉnh Hậu Giang trụ trì đã phát triển, tu bổ nhiều hạng mục trong vườn chùa như: Quán Âm các, Đại Thế Chí các, xây dựng tượng đài Quan Thế Âm, Thích Ca Mâu Ni Phật. Bài trí đặc biệt trong chính điện là bộ Tam thế Phật bằng đá trắng có kích thước lớn, cao gần 1m. Chùa là trung tâm Phật giáo của tỉnh Hậu Giang. Vào các ngày lễ lớn của Phật giáo trong năm, chùa thu hút hàng nghìn Phật tử đến dự. Hoạt động của tăng sĩ cũng được đẩy mạnh qua Đại giới đàn Nhật Tiên, tổ chức truyền giới cho tăng sĩ trong vùng.

Chùa Bảo Tịnh (2010)

Chính điện (2010)

Chùa Bảo Tịnh (2010)

Hộ pháp(2010)

112. CHÙA VIÊN MINH

圓明寺

Tỉnh Bến Tre

Chùa tọa lạc tại số 156 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Vốn là một ngôi miếu do nhân dân tạo dựng vào năm 1874, với diện tích khoảng 3.358 mét vuông, xây dựng đơn sơ nhỏ hẹp, bên trong thờ Phật và tượng Quan Thánh Đế Quân cho phù hợp với sự tín ngưỡng của người Việt và người Hoa. Từ năm 1949 mới thành nơi chuyên thờ Phật.

Trải qua hơn 100 năm tồn tại chùa đã được tu bổ nhiều lần. Đợt trùng tu lớn nhất là vào năm 1967. Cấu trúc ngôi chùa được xây dựng bằng bê tông cốt thép, cổng chùa quay về hướng đông nam. Trước sân chùa có tượng Bồ Tát Quan Thế Âm đứng trên đài sen cao 3m, có hạc chầu hai bên và Phật đài Thích Ca cao 7m. Chính điện thờ Phật. Các pho tượng Phật đều được đúc bằng xi măng có một pho tượng Thích Ca bằng đồng. Đặc biệt có hai pho tượng Phật Di Đà và Thích Ca, mỗi pho tượng cao khoảng 1m cốt bằng nan tre.

Chùa Viên Minh đã qua nhiều vị sư trụ trì, hiện nay Ban Quản trị do hòa thượng Thích Giác Đức làm trưởng ban.

Chùa Viên Minh (2010)

Nội thất chùa (2010)

圓明寺
大雄寶
日增輝
南無本師釋迦牟尼佛

Tượng Thích Ca bằng đồng (2010)

Tượng Dược Sư (2010)

Ban thờ Tổ (2010)

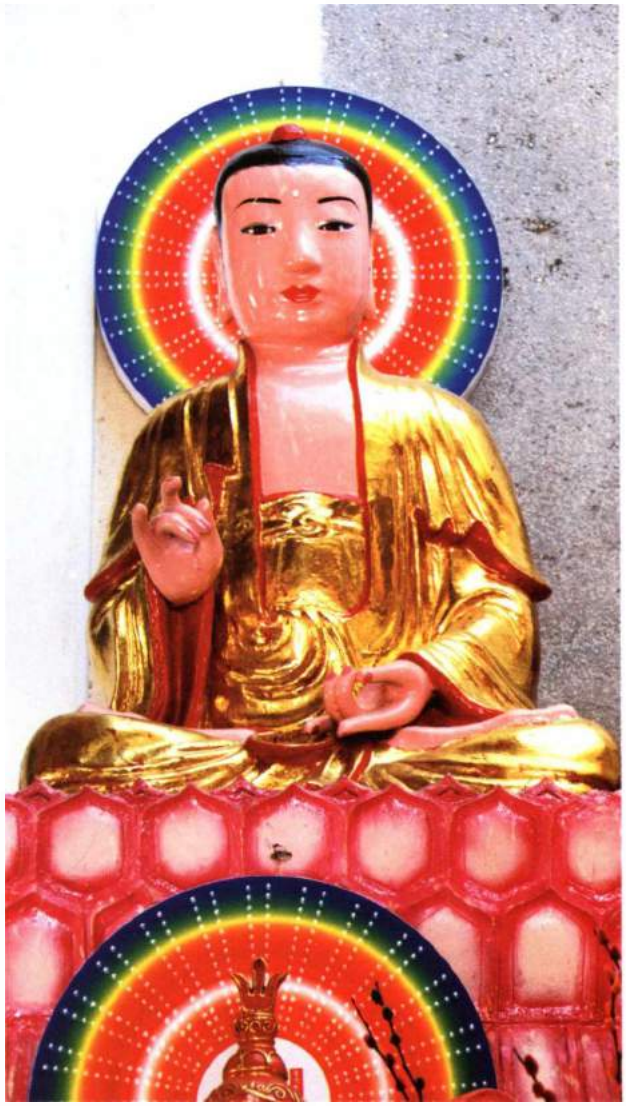

Tượng Di Đà bằng giấy bồi, cốt nan tre (2010)

Tượng Thích Ca bằng giấy bồi, cốt nan tre (2010)

Ban thờ (2010)

Trống chùa (2010)

113. CHÙA TAM BẢO

三寶寺

Tỉnh Kiên Giang

Chùa Tam Bảo tọa lạc tại số 75 đường Phương Thanh (thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang). Chùa do thống binh Mạc Cửu cho dựng vào năm 1730 và đã được triều đình nhà Nguyễn ban biểu sắc phong nên còn được gọi là Sắc tứ Tam Bảo. Chùa xưa đã hỏng, ngôi chùa hiện nay do hòa thượng Phước Ân, dòng Lâm Tế cho xây dựng lại vào năm 1930.

Trên chính điện có pho tượng Đức Phật A Di Đà bằng đồng cao 1,40m, do ông Mạc Cửu cúng.

Chùa Tam Bảo là một ngôi chùa cổ và là một trong mười cảnh đẹp của tỉnh Kiên Giang.

Chính điện (2007)

Mặt trước chùa (2007)

Tượng Phật nằm (2007)

Cây dược sư (2007)

Vườn chùa (2007)

114. CHÙA SÙNG HƯNG

崇興寺

Tỉnh Kiên Giang

Chùa Sùng Hưng tọa lạc dưới chân núi sát trung tâm thị trấn, ở khu phố 1, đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Dương Đông, huyện đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Chùa được xây vào khoảng đầu thế kỷ XIX. Chỗ đất này, trước đây là nghĩa trang, có hai ngôi chùa Sùng Nghĩa và Hưng Nhân. Sau hợp nhất, lấy tên là Sùng Hưng.

Các vị hòa thượng Thích Đạt Vĩnh và Thích Minh Khiêm thuộc dòng Lâm Tế Chánh tông thuộc đời thứ 39, là đời trụ trì thứ 5, thứ 6 ở chùa. Năm 1910, hòa thượng Thích Minh Khiêm viên tịch, hòa thượng Thích Tịnh Nghĩa kế thế trụ trì đến năm 1922, sau đó là hòa thượng Thích Huệ Chánh, ông bắt đầu cho trùng tu các công trình Phật sự trong chùa với mái lợp ngói âm dương và xây tường gạch từ năm 1924. Kế thế trụ trì chùa từ năm 2002 đến nay là thượng tọa Thích Huệ Thông.

Bên ngoài là cổng tam quan. Trong sân chùa có tượng Quan Âm Nam Hải, kế sau là cột cờ. Bên trái nền và miếu cũ, có miếu thờ bà Chúa Xứ (Chúa Xứ nương nương), bên phải thờ anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực. Hai bên chính điện có thờ Thập Điện Diêm Vương và Ngũ Điện Diêm Vương. Còn các tượng khác trên bàn thờ chính. Sau chính điện là khu hậu tổ và hậu liêu. Bên hông chùa có đường lên viếng đại Phật Tổ A Di Đà. Phía sau là đại Thích Ca Niết Bàn được xây dựng vào năm 1960, và các ngôi miếu khác.

Một góc đảo Phú Quốc

Toàn cảnh chùa

Đặc biệt tại chùa Sùng Hưng là từ sau ngày Bác Hồ mất đến nay các thầy trụ trì chùa đều dâng cơm cúng Bác mỗi ngày vào đúng giờ Ngọ. Ngoài việc được biết đến như một ngôi chùa cổ xưa mà còn là một điểm du lịch nổi tiếng của huyện đảo Phủ Quốc.

Những ngày lễ của chùa: ngày 19 tháng giêng: lễ Vía Bà. Ngày 8 đến 15 tháng 4: lễ Phật đản. Ngày 24 đến 25 tháng 4: lễ Vía Bà chúa Xứ. Ngày 30 tháng 7: lễ Địa Tạng. Ngày 26 đến 28 tháng 8: lễ giỗ ông Nguyên. Ngày 17 tháng 11: lễ Vía Bà.

Trụ trì chùa hiện nay là đại đức Thích Huệ Thông.

Chính điện

Tam quan

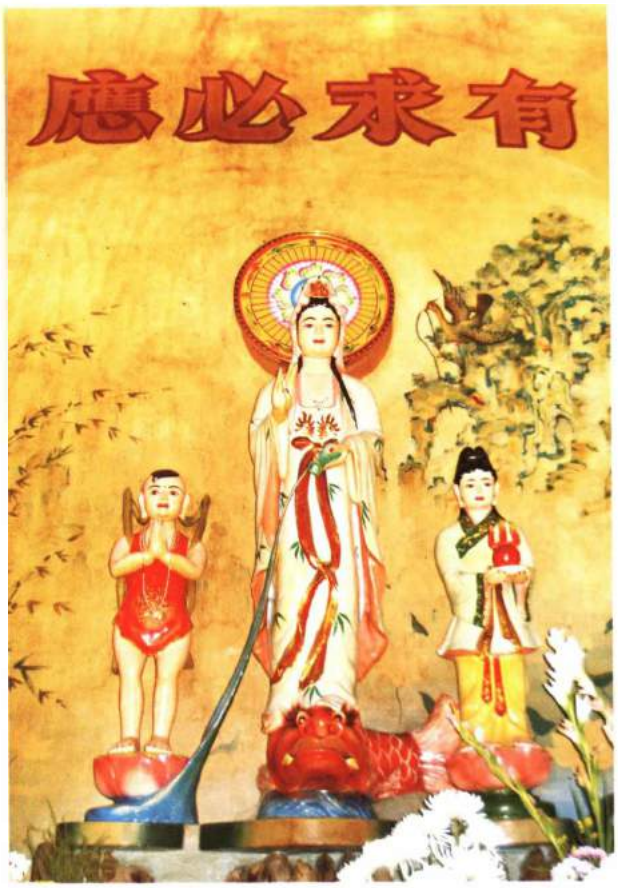

Ban thờ Quan Thế Âm Bồ Tát

Ban thờ Phật A Di Đà

Ban thờ Bà Chúa Xứ

Vạn Niên Bửu tháp

Ban thờ Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực

115. CHÙA TIÊN CHÂU

僊洲寺

Tỉnh Vĩnh Long

Chùa tọa lạc trên một cù lao nhỏ ở ấp Bình Dương, xã An Bình, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Theo sách *Đại Nam nhất thống chí:* thì "Chùa Di Đà ở huyện Vĩnh Bình, do hòa thượng Huỳnh Đức Hội dựng ở trước bãi Bích Trân; có thủy đạo bao quanh, âm viện thanh u, tục danh chùa Tiên Châu, lại có tên nữa là Tô Châu, vì lấy tên thắng tích vậy".

Chùa xưa là một am nhỏ ở bãi Bích Trân, hình thành khoảng năm 1740 - 1750 với tên gọi là chùa Di Đà, hay Tô Châu (Tiên Châu Di Đà tự), thờ Phật Di Đà.

Tương truyền thỉnh thoảng có tiên xuống tắm nên bãi sông này được gọi là bãi Tiên Châu, hay bãi Bích Vân. Chùa Tiên Châu đã qua nhiều lần trùng tu, kiến trúc chùa ngày nay còn giữ được quy mô năm Kỷ Hợi (1899) gồm: tiền đường, chính điện, trung đường và hậu tổ. Ban thờ chính điện có tượng Phật A Di Đà bằng đất sét khổng lồ. Dưới tượng Di Đà là bộ tượng Tam thế, tượng Thích Ca tọa thiền, Thích Ca sơ sinh. Phía sau lưng chính điện là ban thờ Di Lặc. Hai bên vách hông là khánh thờ Già Lam, khánh thờ tổ sư Bồ Đề Đạt Ma, Thập điện Minh Vương, Ngọc Hoàng Thượng Đế, Nam Tào, Bắc Đẩu, Địa Tạng, Chuẩn Đề, Hộ Pháp, Tiêu Diện Đại Sĩ.

Mặt tiền chính điện được làm lại vào năm 1960, dùng nguyên vật liệu và kết cấu hiện đại.

Cảnh trí chùa Tiên Châu nổi tiếng đẹp đẽ. Vì thế, là nơi nhiều người đến lễ phật và ngâm vịnh thơ ca.

Từ năm 1994, chùa đã được Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch công nhận (xếp hạng) là di tích kiến trúc nghệ thuật.

Chùa Tiên Châu (2010)

Tượng Đức Phật Thích Ca (2010)

Tượng Nam Tào Bắc Đẩu (2010)

Chùa Tiên Châu (2010)

Chính điện (2010)

Tượng Di Lặc (2010)

116. CHÙA KH'LEANG

Tỉnh Sóc Trăng

Đây là ngôi chùa cổ của đồng bào Khmer ở số 71 đường Lương Định Của, thị xã Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Chùa được xây dựng từ năm 1533. Tương truyền vị sư đầu tiên ở đây là đại đức Thạch Sóc. Người ta cho biết rằng ngôi chùa hiện nay là kết quả lần trùng tu cách đây khoảng 80 năm. Tuy nhiên, ngôi chùa hiện nay vẫn còn giữ được nhiều yếu tố của chùa Khmer vào giai đoạn chịu ảnh hưởng của Phật giáo Theravada từ Thái Lan du nhập vào.

Khuôn viên chùa rộng trên 3 hécta, có nhiều cây cối xanh tốt.

Sân chùa có đến ba cấp, mỗi cấp đều có hàng rào xây gạch với những hình con tiện đều đặn. Ở mỗi hướng đông, tây, nam, bắc, đều có một cửa ra vào.

Chính điện được dựng ở trung tâm.

Chùa có 3 cấp mái, cấp mái ở trên dốc đến 60^0, cấp mái giữa và dưới thoải hơn. Mỗi cấp lại chia làm 3 nếp, nếp ở giữa rộng và được nâng cao hơn hai nếp hai bên. Ở các góc mái, đắp hình một đoạn đuôi rắn cong lên. Kiểu mái như vậy gợi chúng ta nhớ đến các chùa Thái Lan.

Nhiều cột hiên chạy quanh chính điện, đỡ lấy bờ mái. Phía trên các cột, tiếp với mái, là hình chim thần Garuda, mà người Khmer gọi là Krud. Krud ở các chùa Khmer Nam Bộ có cơ thể người cân đối, mỏ ngậm viên ngọc, đầu đội mũ, mặt như mặt cú, hai tay nâng bệ, hai cánh nhỏ mọc ra từ hai bên bụng, mặc quần cụt, chân có móng quặp xuống.

Chùa Kh'leang (1991)

Chính điện có chiều dài hơn 20m, chiều rộng hơn 9m. Bên trong có 12 cột lớn cao vút, phủ sơn đen bóng, có vẽ những hình rồng vàng.

Trên bàn thờ, có nhiều tượng Phật, nhưng ở vị trí cao nhất chính giữa là pho tượng Thích Ca cao 2,2m, ngồi trên tòa sen cao 2,5m và bệ cao 1,3m. Phật Thích Ca ngồi với kiểu ấn "Xúc địa" (bhùmiśparsa mudrà) hay "Hàng ma", tay phải đặt lên chân, các ngón tay chỉ xuống phía dưới. Tượng gợi một ảnh hưởng của phong cách Sukhothai.

Một tấm bao lam trước bàn thờ cao vút tận mái, chạm trổ rất công phu. Các cửa chính điện cũng được chạm trổ tinh mỹ. Có hình Reahu với Mặt trăng. Theo truyền thuyết của người Khmer thì Reahu muốn nuốt Mặt trăng nhưng không nuốt trôi, nếu khạc ra ở miệng thì sẽ được mùa lớn, nếu trăng ra ở nách thì đói. Người Khmer Nam Bộ thường chạm hình Reahu với Mặt trăng ở miệng để cầu được mùa. Trên các cánh cửa cũng chạm hình tiên nữ đội mũ nhọn giao đấu với chằn, tức quỷ Aaksa mà người Khmer gọi là Yeak. Yeak có bộ mặt hung dữ, tiêu biểu cho cái ác, còn tiên nữ tiêu biểu cho cái thiện.

Bên chính điện còn có dãy nhà sàn gọi là Sala, tức nơi hội họp của sư sãi và Phật tử. Mặt sàn cao hơn mặt đất khoảng một mét.

Cổng chùa Kh'leang (2010)

Chính điện (2010)

Chùa Kh'leang (2010)

Chùa Kh'leang (2010)

Trang trí trên cột trong chùa (2010)

Bộ cửa chùa Kh'leang (2010)

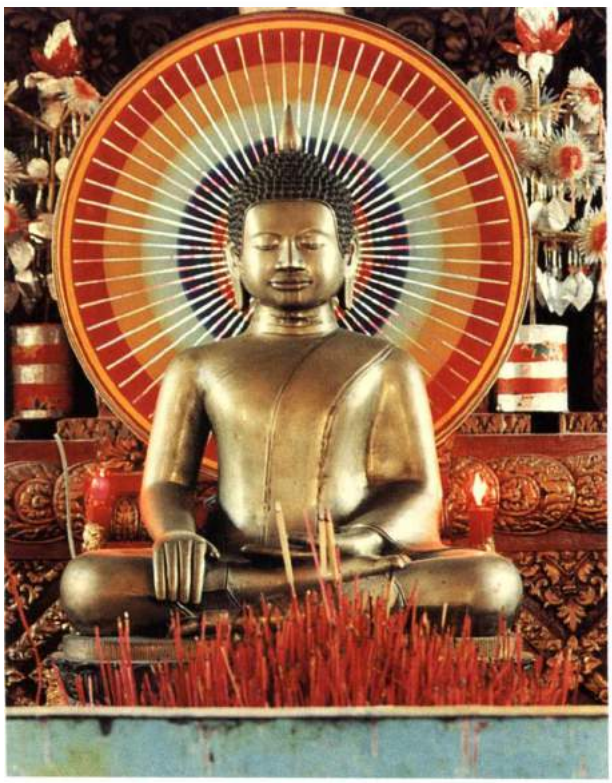

Tượng Phật (1991)

Tượng Tuyết Sơn (1991)

Tượng Thích Ca nhập Niết Bàn (1991)

Chim thần Garuda ở trên các cột phía ngoài chính điện (1991)

Chùa Kh'leang (2008)

Các nhà sư chùa Kh'leang đi học (1991)

Bậc lên xuống chùa (1991)

Nhà sàn (1991)

117. CHÙA MAHATUP

Tỉnh Sóc Trăng

Chùa còn gọi là chùa Dơi, chùa Mã tộc, tọa lạc ở số 73b đường Lê Hồng Phong, thị xã Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Sở dĩ chùa được gọi là chùa Dơi vì trên các cây trong vườn chùa thường có những đàn dơi rất đông đến sinh sống.

Chùa Mahatup là một ngôi chùa cổ của người Khmer Nam Bộ, có cách nay khoảng 400 năm.

Giống với các chùa Khmer Nam Bộ khác, bộ mái chính điện của chùa Dơi có nhiều bậc với các góc mái gắn hình đuôi rắn. Hành lang xung quanh có nhiều cột, bên trên cột có hình chim thần Krud (Garuda) đỡ diềm mái.

Đáng chú ý là trong chùa còn cất giữ hàng trăm bộ kinh luận viết trên lá cây thốt nốt. Đó là một kho tài liệu quý giá.

Trong chùa có chiếc thuyền dài gọi là "ghe ngo", có vẽ hình dơi và các hoa văn trang trí đẹp, dùng trong các dịp lễ hội.

Chùa Dơi (1991)

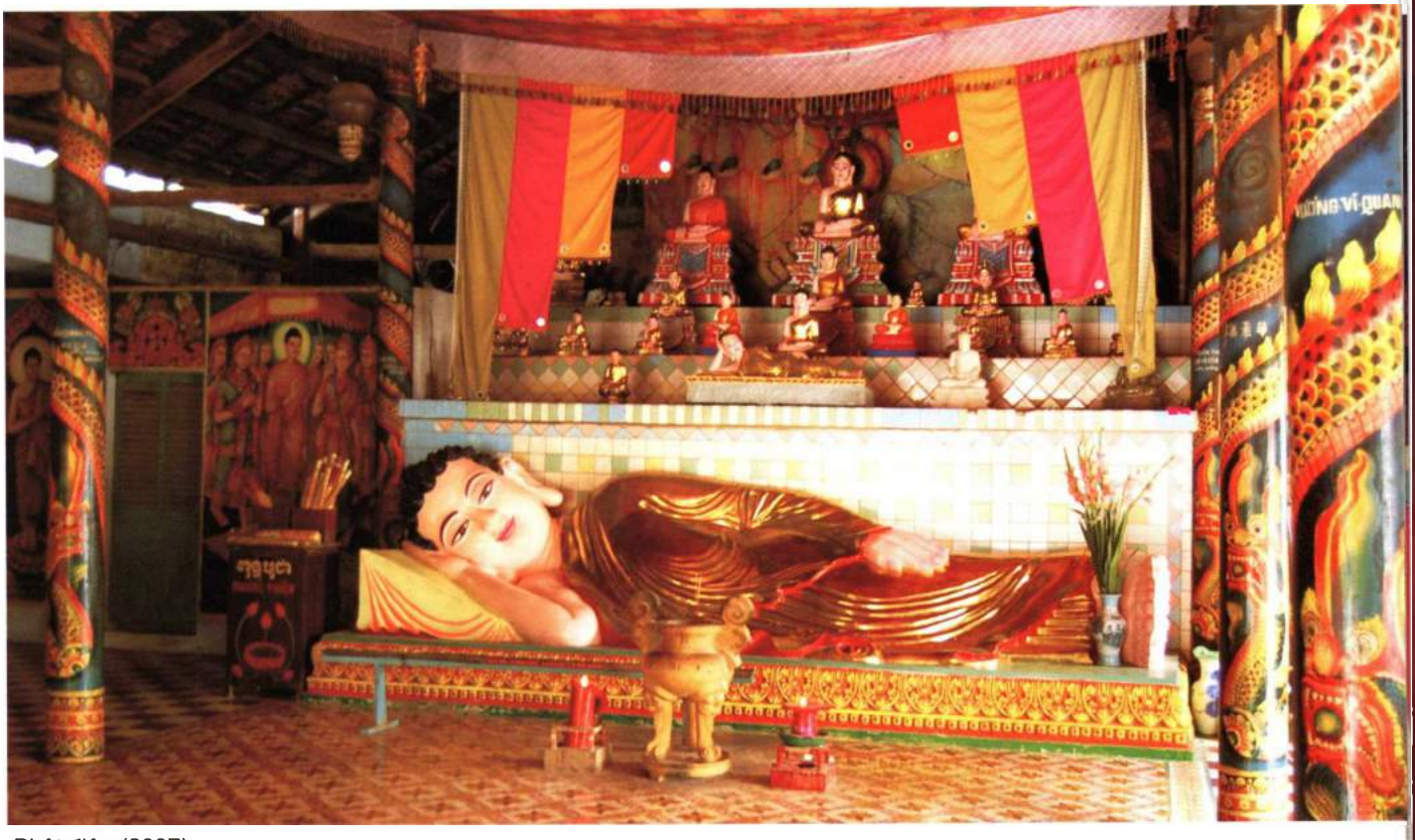

Phật điện (2007)

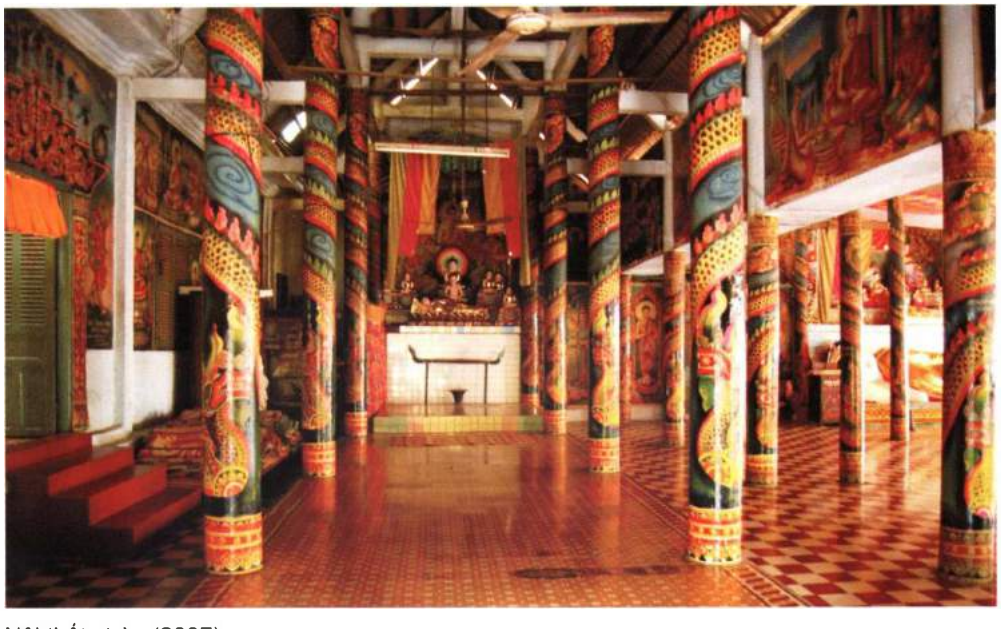

Nội thất chùa (2007)

Hồi chùa (2007)

Dơi bay trong vườn chùa (1991)

Ghe ngo (1991)

Kinh Phật viết trên lá thốt nốt (1991)

Chùa Dơi (2007)

Nhà sa la (2007)

Nội thất chùa (2007)

Cổng chùa Bửu Sơn (2007)

118. CHÙA BỬU SƠN

寶山寺

Tỉnh Sóc Trăng

Còn được gọi là Chùa Đất Sét, tọa lạc ở số 286 đường Tôn Đức Thắng, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Chùa Bửu Sơn là một ngôi chùa thờ Phật tại gia, do ông Ngô Kim Đính và bà Đỗ Thị Ngọc xây dựng vào đầu thế kỷ XX, các tượng thờ đều được làm bằng gỗ. Đến năm 1929, ông Ngô Kim Tòng là con của ông Ngô Kim Đính tiến hành thay đổi tất cả các bộ tượng thờ, đỉnh, tháp... đều được tạo bằng đất sét, rồi phủ ngoài bằng nước sơn, kim nhũ và dầu bóng giống như các chất liệu gỗ, chất liệu đồng... Công việc kéo dài liên tục 42 năm thì hoàn thành, với 1991 tượng Phật lớn nhỏ, 2 ngôi tháp, 1 tòa sen, 4 hình thú lớn... đều làm bằng đất sét rất công phu. Chùa gồm có gian chính điện. Chính điện có bảo tòa thỉnh Phật trụ thế chuyển pháp luân, có tòa sen 1.000 cánh 1.000 vị Phật ngự trên cánh sen. Dưới tòa sen là quả càn khôn bao trùm 8 cung: càn, khôn, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài.

Phật điện (2007)

Mặt trước chùa (2008)

Ban thờ Diêu Trì Kim Mẫu (2008)

Phật Mẫu Diêu Trì (2007)

Trì Quốc Thiên Vương (2007)

Tam tòa công đồng (2007)

Phần dưới càn khôn là 4 phương đông, tây, nam, bắc do Tứ Đại Thiên Vương trấn giữ.

Gian thờ Mẫu, gian thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế, gian thờ Phật Di Lạc, Phật niết bàn... Các vật thờ độc đáo ở đây là: 4 cặp nến (cao 2,6m; cây lớn nặng 200kg, cây nhỏ nặng 100kg, cháy liên tục hơn 30 năm nay mà vẫn chưa hết) cùng 3 cây nhang (cao 1,5m, mỗi cây nặng 50kg).

Chùa Bửu Sơn là ngôi chùa độc đáo của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, một hệ phái tôn giáo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Ban thờ (2008)

Đỉnh hương (2007)

Bộ bát bửu (2007)

Long mã (2007)

Voi sáu ngà (2007)

Sư tử (2007)

119. CHÙA VĨNH HÒA

永和寺

Tỉnh Bạc Liêu

Chùa toạ lạc ở số 17 đường Cách Mạng, phường 1, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Chùa được xây dựng vào năm 1876, lúc ấy chỉ là một am tranh. Qua đợt trùng tu năm 1882, chùa được làm vách gỗ. Đến năm 1911, lần trùng tu này xây vách bằng vôi và ô dước. Vào năm 1933, hậu tổ chùa Vĩnh Hòa mới được xây dựng. Năm 1961, hòa thượng Thích Trí Đức về trụ trì, xây dựng ngôi chùa, lập trường Trung học Bồ Đề, tỉnh Bạc Liêu và năm 1990, đợt trùng tu lớn cho toàn bộ ngôi chùa. Hiện chưa rõ vị tổ đã khai sơn ngôi chùa, nhưng tiếp nối là Đại lão hoà thượng Thích Tánh Trừng, vị tổ đã sống thọ đến 108 tuổi (mất vào năm 1966). Chùa bài trí tượng theo phong cách cổ, có nhiều pho tượng quý của thế kỷ XIX.

Hiện chùa được sự tu bổ và quản lý của một ban trụ trì gồm các vị hoà thượng Nhật Quang, thượng tọa Hoằng Quang, Đại đức Thiện Quang và cư sĩ Nhật Huy.

Tam quan (2010)

Chính điện (2010)

大雄寶殿
THÁI TỬ CẮT TÓC XUẤT GIA

Ban thờ Đại Tạng Vương Bồ Tát-
thập Điện Minh Vương Bồ Tát (2010)

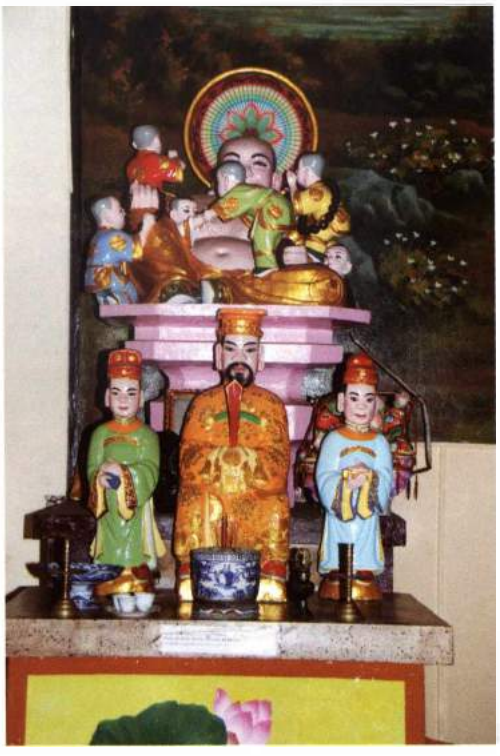

Ban thờ (2010)

Chính điện (2010)

Chính điện (2010)

Tượng Chuẩn Đề cười khổng tước (2010)

Phật Bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay (2010)

Tượng Quan Âm (2010)

Tam quan (2007)

120. CHÙA KOMPONG CHRÂY

洞穴寺

Tỉnh Trà Vinh

Chùa thường được gọi là chùa Mông Rầy (cây đa). Người dân ở đây quen gọi là chùa Hang, vì kiến trúc cổng chùa có hình vòm cong.

Được coi là ngôi chùa đẹp nhất tỉnh Trà Vinh, chùa tọa lạc ở khóm 4, thị trấn Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, cách thị xã Trà Vinh 6km về hướng nam. Khuôn viên chùa rộng khoảng 12 mẫu. Một nửa diện tích này là rừng tự nhiên.

Tương truyền, chùa được xây dựng từ năm 1637. Tết năm Mậu Thân (1968), bị địch ném bom, chùa Hang bị phá hủy nặng và được trùng tu, tôn tạo, vào các năm 1968, 2000.

Chùa Hang là một ngôi chùa Khmer cổ, thuộc hệ phái Nam Tông. Trong khu vườn chùa có nhiều cây cổ thu và là nơi trú ngụ của nhiều loại chim.

Chùa Hang (2007)

Chim thần Garuda ở trên các cột phía ngoài chính điện (2007)

Tượng chằn (Yeak) đặt trước chính điện

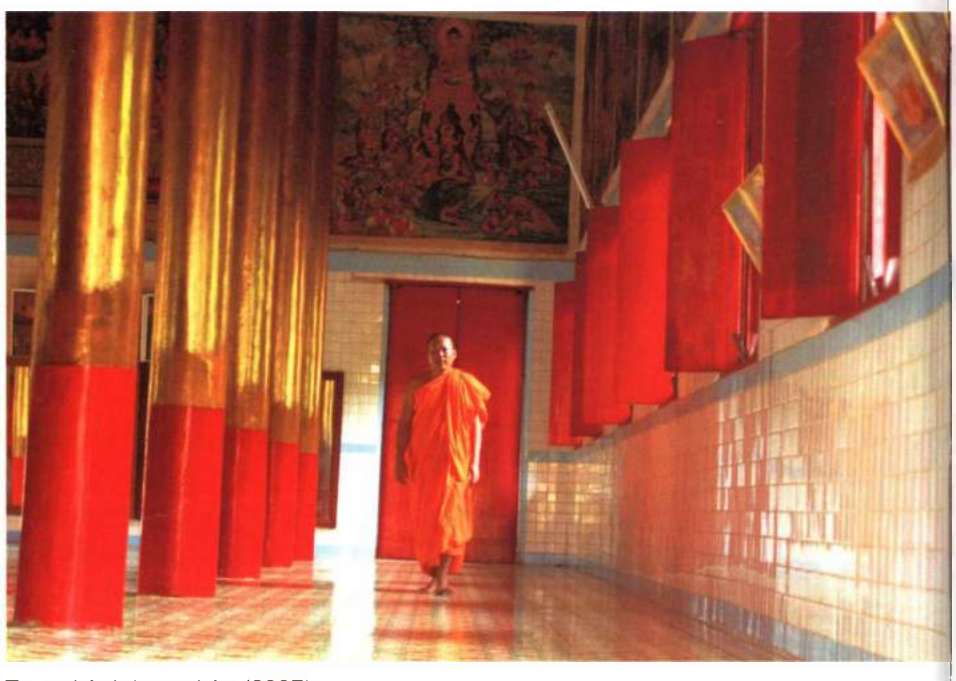

Trong hành lang chùa (2007)

Chính điện (2007)

Tháp mộ (2007)

Hành lang bên ngoài chùa (2007)

121. SẮC TỨ QUAN ÂM

敕賜觀音寺

Tỉnh Cà Mau

Chùa tọa lạc ở số 84/14 đường Rạch Chùa, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Chùa xưa vốn là một thảo am giữa miền cây cỏ hoang vu, do cư sĩ Tô Quang Xuân người miền Trung vào xây dựng hồi đầu thế kỉ XIX. Đến đời Thiệu Trị, năm 1842 nhà vua đã ban sắc phong hòa thượng cho ông, và sắc tứ cho chùa gọi tên là Sắc tứ Quan Âm tự. Còn trong dân gian, do sự tích ly kỳ của hòa thượng nên quen gọi là chùa Phật Tổ.

Chùa như hiện nay là do các hòa thượng Thích Thiện Tường và Thích Thiện Đức tôn tạo vào năm 1963.

Ban thờ chính điện được bài trí trang nghiêm, các pho tượng Phật đều được tạc bằng gỗ, hoặc được đắp bằng ô dước trộn vôi. Tiếp sau chánh điện là trung đường và nhà hậu tổ. Mé sau chùa có khu mộ tháp gồm hai ngôi của các sư tổ đời thứ 37 và 45, Thiền phái Lâm Tế, và ngôi mộ của "Ông Cọp" có tấm bia ghi tên là "Sư Cậu Pháp" do sự tích một con hổ có nghĩa, xưa đến sống với thầy Tô Quang Xuân ở đây.

Ban trị sự Phật giáo tỉnh Cà Mau nay đặt hội sở tại chùa.

Chùa Sắc Tứ Quan Âm (1996)

Mặt trước chùa (1996)

Phật điện (1996)

Chính điện (1996)

122. CHÙA MUNIVONGSA

Tỉnh Cà Mau

Chùa Munivongsa (viết đầy đủ là Munivongsabopharam) tọa lạc ở số 132, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, được xây dựng năm 1964 và mới được xây dựng lại. Đây là ngôi chùa Khmer duy nhất ở thành phố Cà Mau mang đậm nét văn hóa của người Khmer Nam Bộ.

Khuôn viên chùa rộng rãi, chùa xây dựng trên diện tích 230m. Chính điện có ban thờ Phật đặt ở giữa, ở hai bên có bàn thờ Địa Tạng và Ngọc Hoàng. Trên vách, trên trần được trang trí công phu với nhiều phù điêu, bích họa, màu sắc lộng lẫy kể lại cuộc đời Đức Phật và chuyện trường ca Ra-ma-ya-na. Sau chính điện là nhà tổ và phòng khách.

Chùa Munivongsa là nơi sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của người Khmer và là trung tâm đoàn kết dân tộc với các tín đồ Phật tử người Việt, người Hoa anh em .

Mặt trước chùa (2007)

Cổng chùa (2007)

Tháp thờ hài cốt (2007)

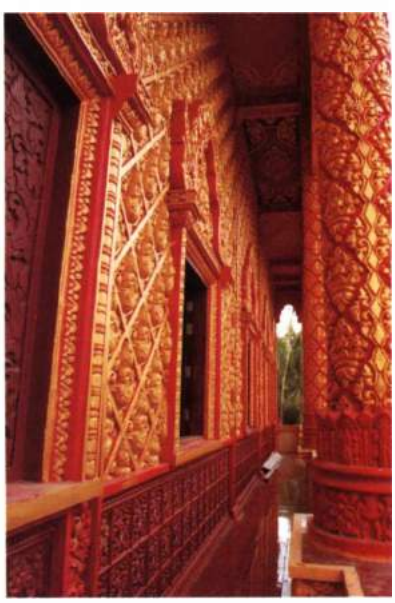

Trang trí tường chùa (2007)

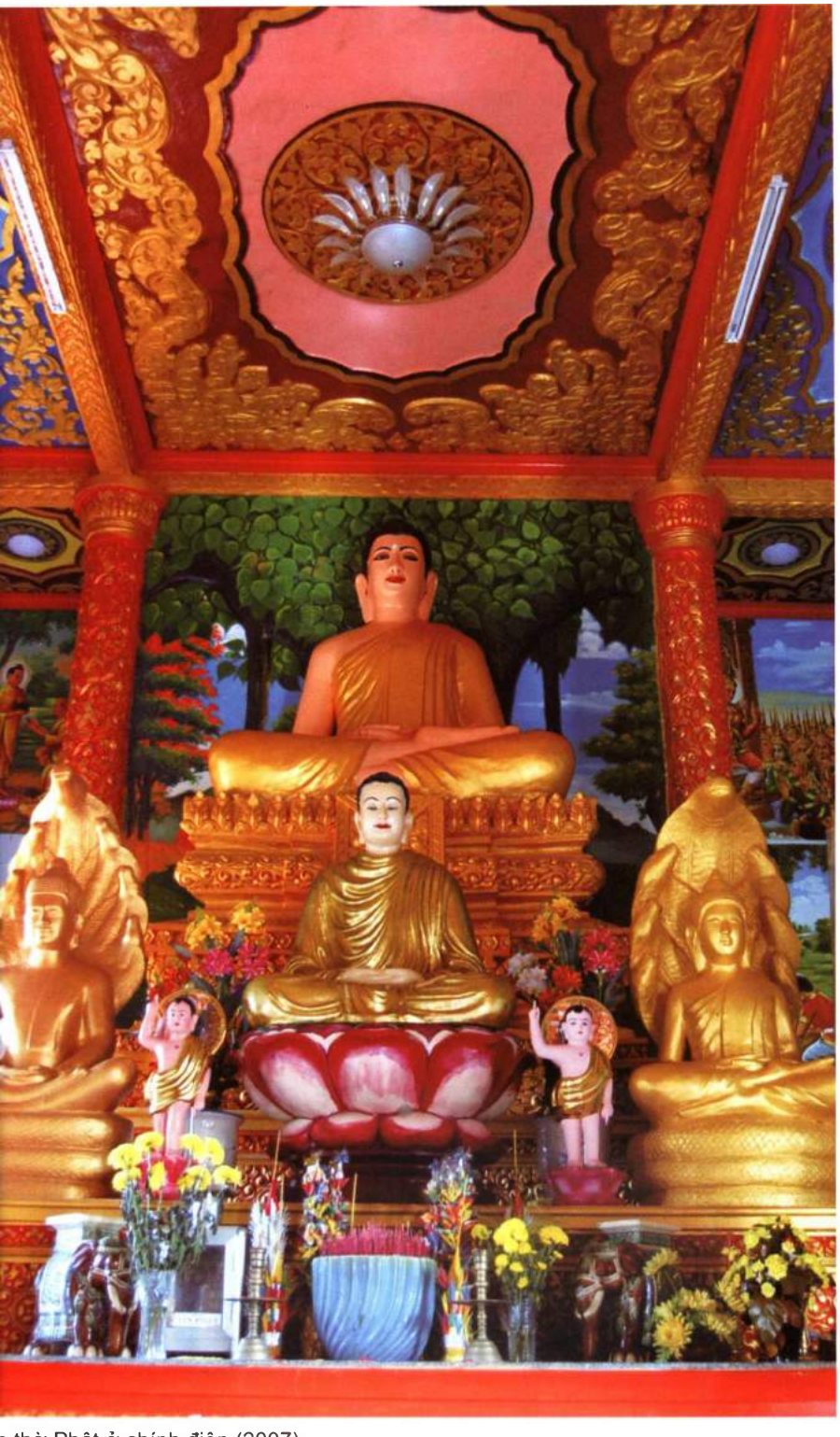

h thờ Phật ở chính điện (2007)

Nhà sala (2007)

Ngôi cốc của thầy trụ trì (2007)

SƠ ĐỒ KIẾN TRÚC CƠ BẢN CỦA MỘT NGÔI CHÙA CỔ Ở BẮC BỘ - VIỆT NAM

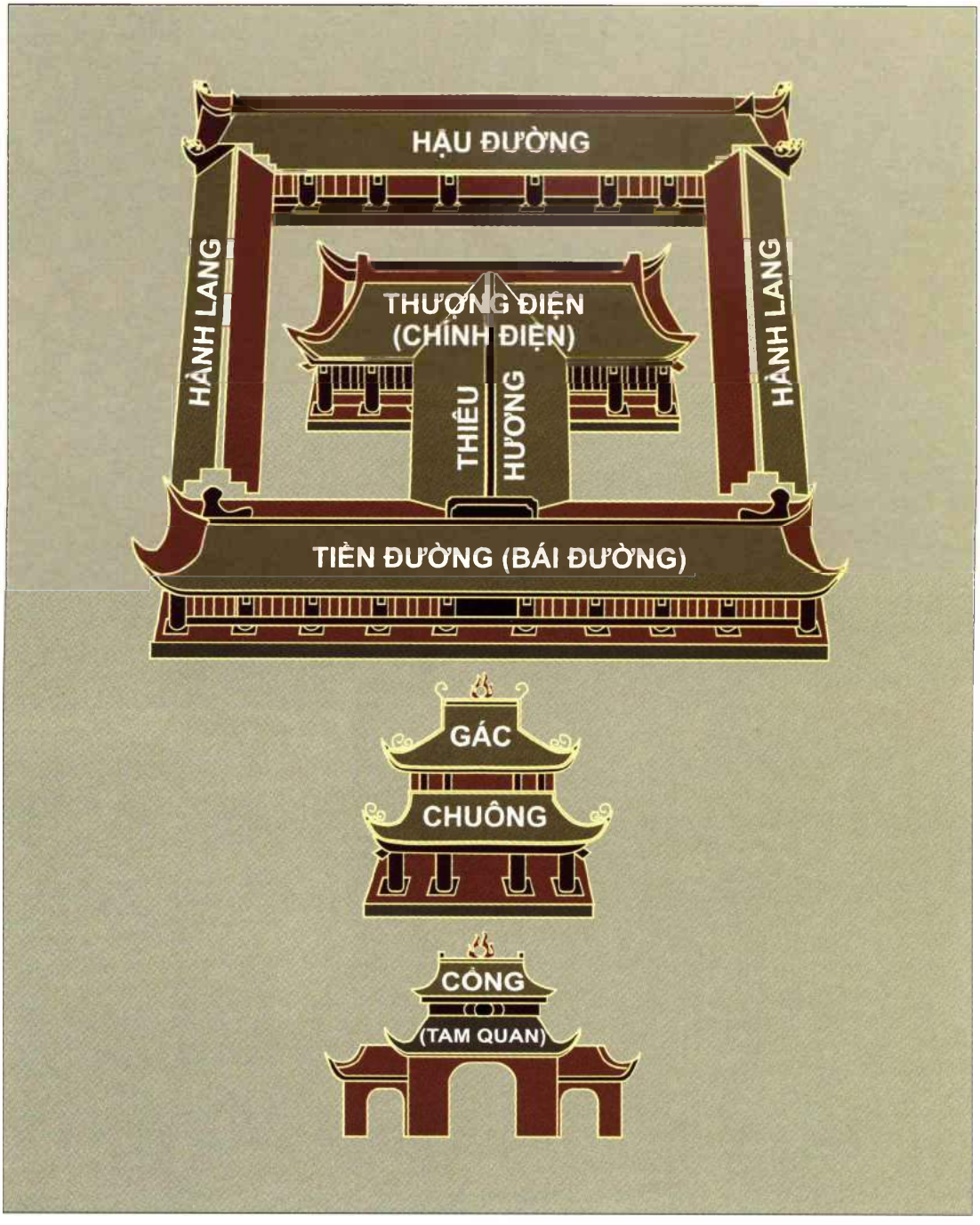

Nguồn: Tượng Phật sự tích và cách bài trí trong chùa cổ ở Bắc Bộ Việt Nam - Nxb Thế giới - 2008

VỊ TRÍ CƠ BẢN CỦA TƯỢNG PHẬT TRONG CHÙA CỔ Ở BẮC BỘ VIỆT NAM

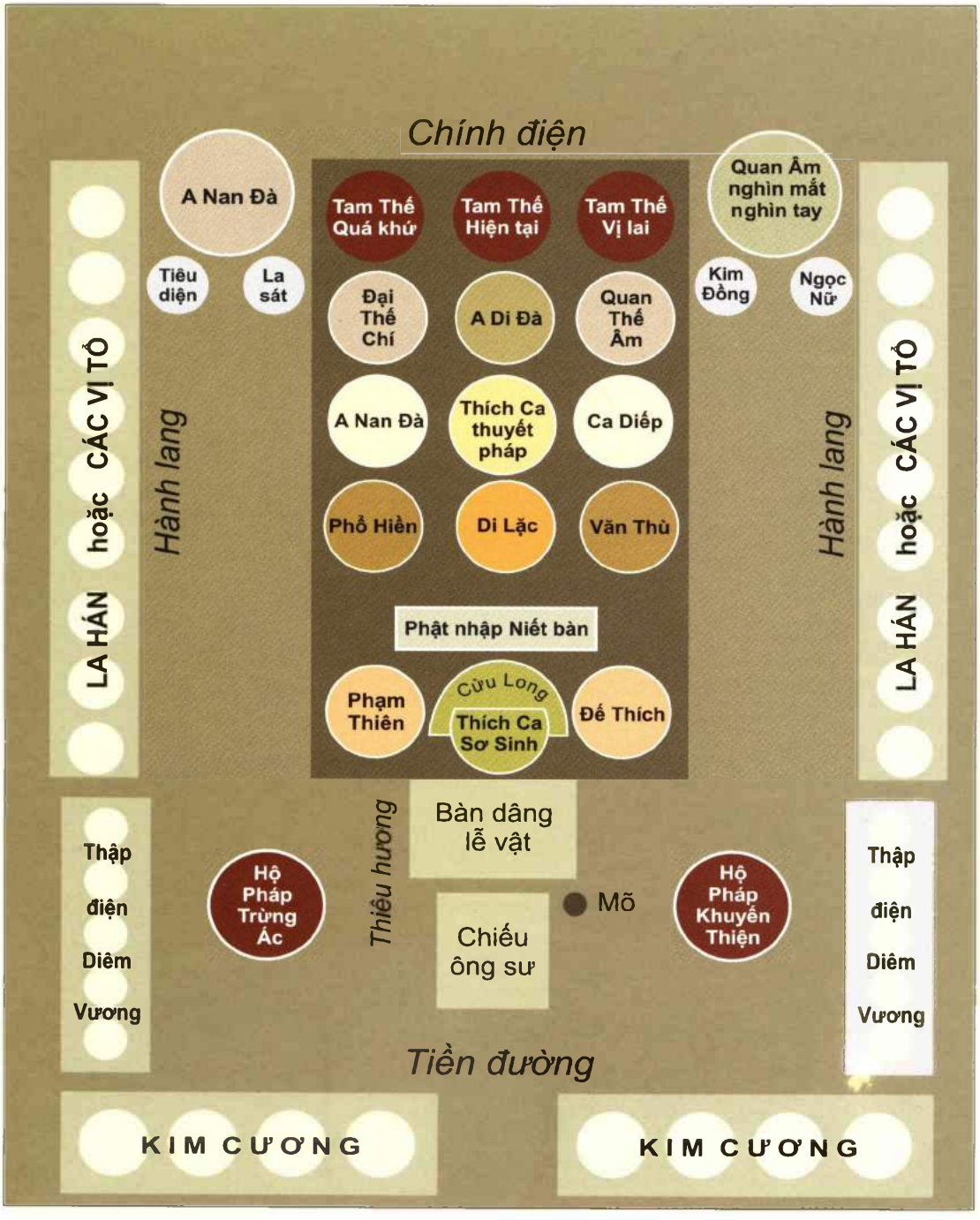

Nguồn: Tượng Phật sự tích và cách bài trí trong chùa cổ ở Bắc Bộ Việt Nam - Nxb Thế Giới 2008

SƠ ĐỒ BÀI TRÍ TƯỢNG THỜ TẠI CHÍNH ĐIỆN CHÙA THIÊN MỤ - THÀNH PHỐ HUẾ

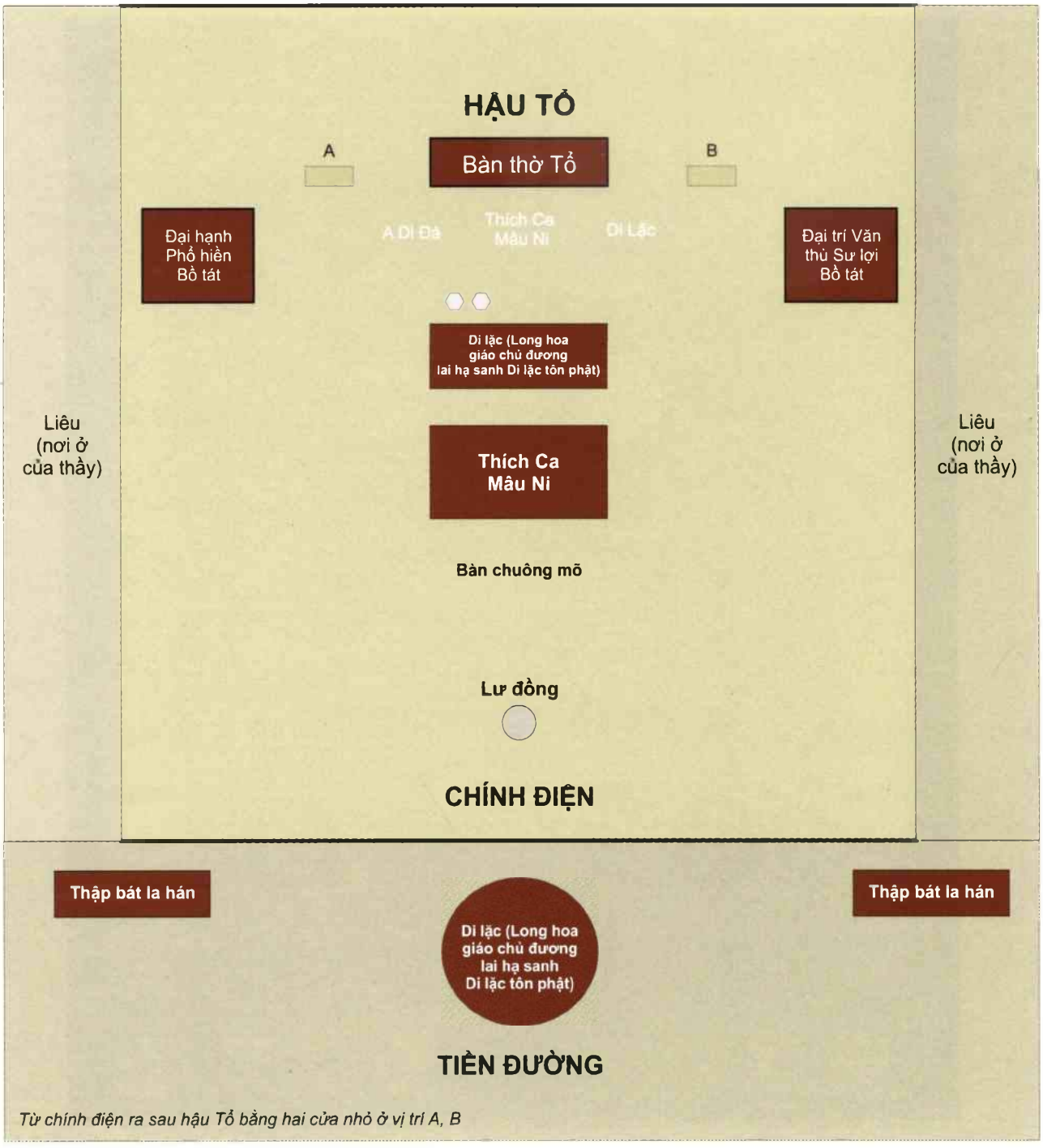

Bản vẽ: Nguyễn Phước Bảo Đàn (tháng 5 -2010)

SƠ ĐỒ BÀI TRÍ TƯỢNG THỜ TẠI CHÍNH ĐIỆN CHÙA GIÁC LÂM - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ghi chú:

23.	La Hán	45.	Sở Giang vương
24.	Quan Thánh (Già Lam thánh chúng)	46.	Tần Quảng vương
25-30.	La Hán	47 - 52.	La Hán
31.	Đô Thị vương	53.	Bồ Đề Đạt Ma
32.	Bình Đẳng vương	54 - 61.	La Hán
33.	Chuyển Luân vương	62 - 63.	Người hầu thập điện
34.	Thái Sơn vương	64 - 67.	La Hán
35.	Biên Thành vương	68 - 69.	Người hầu thập điện
36.	La Hán	70 - 76.	La Hán
37.	Địa Tạng	77.	Quan Thánh
38 - 39.	La Hán	78.	Quan Bình
40.	Long vương	79.	Quan Thánh
41.	La Hán	80.	Châu Xương
42.	Ngũ Quang vương	81.	Quan Thánh
43.	Tống Đế vương	82.	Mã Quan
44.	Diêm La vương	83 - 84.	Hai người chầu hầu

Nguồn: Trần Hồng Liên. Chùa Giác Lâm, di tích lịch sử - Văn Hóa. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội 1999.
(Sơ đồ do TS. Trần Hồng Liên lập năm1991)

Tiên nữ đầu người mình chim, phù điêu gỗ chùa Thái Lạc tỉnh Hưng Yên (1991)

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NGÔI CHÙA XẾP THEO TỈNH, THÀNH PHỐ

1. TỈNH AN GIANG
1. Chùa Linh Sơn 446
2. Chùa Tây An 448

2. TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
1. Thích Ca Phật Đài 425

3. TỈNH BẠC LIÊU:
1. Chùa Vĩnh Hoà 498

4 TỈNH BẮC GIANG
1. Chùa Vĩnh Nghiêm 162

5. TỈNH BẮC KẠN:
1. Chùa Thạch Long 294

6. TỈNH BẮC NINH:
1. Chùa Bút Tháp 218
2. Chùa Dạm 96
3. Chùa Dâu 60
4. Chùa Phật Tích 88
5. Chùa Tiêu Sơn 74

7. TỈNH BẾN TRE:
1. Chùa Viên Minh 468

8. TỈNH BÌNH DƯƠNG:
1. Chùa Hội Khánh 434

9. TỈNH BÌNH ĐỊNH:
1. Chùa Thập Tháp 362

10. TỈNH BÌNH PHƯỚC:
1. Chùa Thanh Long 428

11. TỈNH BÌNH THUẬN:
1. Chùa Bà Đức Sanh 400

12. TỈNH CAO BẰNG:
1. Chùa Sùng Phúc 292

13. TỈNH CÀ MAU:
1. Chùa Munivôngsa 508
2. Chùa Sắc Tứ Quan Âm 506

14. THÀNH PHỐ CẦN THƠ:
1. Chùa Hội Linh 462
2. Chùa Long Quang 458

15. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG:
1. Chùa Long Thủ 350

16. TỈNH ĐĂK LĂK:
1. Chùa Khải Đoan 388

17. TỈNH ĐẮK NÔNG:
1. Chùa Pháp Hoa 390

18. TỈNH ĐỒNG NAI:
1. Chùa Đại Giác 438

19. TỈNH ĐỒNG THÁP:
1. Chùa Tháp Linh 444

20. TỈNH GIA LAI:
1. Chùa Bửu Nghiêm 386

21. TỈNH HÀ GIANG:
1. Chùa Sùng Khánh 202

22. TỈNH HÀ NAM:
1. Chùa Bà Đanh 194
2. Chùa Long Đọi Sơn 107

23. THÀNH PHÔ HÀ NỘI
1. Chùa Bà Đá 170
2. Chùa Bối Khê 166

3. Chùa Đậu 228
4. Chùa Hoằng Ân 178
5. Chùa Hương Tích 248
6. Chùa Kim Liên, quân Tây Hồ 98
7. Chùa Kiến Sơ 76
8. Chùa Láng 128
9. Chùa Liên Phái 182
10. Chùa Lý Quốc Sư 102
11. Chùa Mía 240
12. Chùa Một cột 84
13. Chùa Non 116
14. Chùa Phúc Khánh 214
15. Chùa Quán Sứ 306
16. Chùa Tào Sách 180
17. Chùa Tây Phương 254
18. Chùa Trấn Quốc 68
19. Chùa Trăm Gian 210
20. Chùa Triều Khúc 49
21. Chùa Thầy 122
22. Chùa Vua 112
23. Chùa Kim Liên, quận Đống Đa 33

24. TỈNH HÀ TĨNH:
1. Chùa Yên Lạc 328

25. TỈNH HẢI DƯƠNG:
1.Chùa Côn Sơn 190

26. TỈNH HẢI PHÒNG:
1. Chùa Dư Hàng 266
2. Chùa Hàng Kênh 268
3. Chùa Tường Long 132

27. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH:
1. Chùa Bửu Long 412
2. Chùa Giác Lâm 402
3. Chùa Giác Viên 408
4. Chùa Thảo Đường 416
5. Tịnh Xá Trung Tâm 422
6. Chùa Vĩnh Nghiêm 418

28. TỈNH HÒA BÌNH:
1. Chùa Khánh 300
2. Chùa Thông 208
3. Chùa Hang 57

29. TỈNH HẬU GIANG:
1. Chùa Bảo Tịnh 466

30. TỈNH HƯNG YÊN:
1. Chùa Chuông 186
2. Chùa Hiến 184
3. Chùa Lạng 120
4. Chùa Thái Lạc 172

31. TỈNH KHÁNH HOÀ:
1. Chùa Long Sơn 370
2. Chùa Song Tử Tây 374
3. Chùa Sinh Tồn 374
4. Chùa Trường Sa Lớn 374

32. TỈNH KIÊN GIANG:
1. Chùa Sùng Hưng 474
2. Chùa Tam Bảo 472

33. TỈNH KON TUM:
1. Chùa Bác Ái 382

34. TỈNH LẠNG SƠN:
1. Chùa Diên Khánh 278
2. Chùa Tam Thanh 282

35. TỈNH LÂM ĐỒNG:
1. Chùa Linh Phong 396
2. Chùa Linh Quang 392
3. Chùa Linh Sơn 42
4. Thiền viện Trúc lâm Đà Lạt 539

36. TỈNH LÀO CAI:
1. Chùa Tân Bảo 304

37. TỈNH LONG AN:
1. Chùa Tôn Thạnh 440

38. TỈNH NAM ĐỊNH:
1. Chùa Cổ Lễ 272
2. Chùa Phổ Minh 140

39. TỈNH NGHỆ AN:
1. Chùa Linh Vân (chùa Sư Nữ) 324

40. TỈNH NINH BÌNH:
1. Chùa Bái Đính 310
2. Chùa và các cột kinh ở Hoa Lư, Ninh Bình 81

41. TỈNH NINH THUẬN:
1. Chùa Diệu Ấn 380

42. TỈNH PHÚ THỌ:
1. Chùa Thiên Quang 200
2. Chùa Xuân Lũng 196

43. TỈNH PHÚ YÊN:
1. Chùa Hồ Sơn 368

44. TỈNH QUẢNG BÌNH:
1. Chùa An Xá 330

45. TỈNH QUẢNG NAM:
1. Chùa Cầu 352

46. TỈNH QUẢNG NGÃI:
1. Chùa Hang 358
2. Chùa Thiên Ấn 354

47. TỈNH QUẢNG NINH:
1. Chùa Lân - Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử 156
2. Chùa Long Tiên 270
3. Chùa Quỳnh Lâm 158
4. Chùa Tháp ở Yên Tử 146

48. TỈNH QUẢNG TRỊ:
1. Chùa Châu Quang 332

49. TỈNH SÓC TRĂNG:
1. Chùa Bửu Sơn 494
2. Chùa Khleang 482
3. Chùa Mahatúp 490

50. TỈNH SƠN LA:
1. Chùa Chiền Viện 302

51. TỈNH TÂY NINH:
1. Chùa Linh Sơn 430

52. TỈNH THÁI BÌNH:
1. Chùa Keo 232

53. TỈNH THÁI NGUYÊN:
1. Chùa Hang 284
2. Chùa Phù Liễn 288

54. TỈNH THANH HOÁ:
1. Chùa Đót Tiên 316
2. Chùa Hương Quang 320

55. TỈNH THỪA THIÊN HUẾ:
1. Chùa Báo Quốc 346
2. Chùa Quốc Ân 340
3. Chùa Thiên Mụ 334
4. Chùa Từ Đàm 344

56. TỈNH TIỀN GIANG:
1. Chùa Bửu Lâm 456
2. Chùa Vĩnh Tràng 452

57. TỈNH TRÀ VINH:
1. Chùa Kômpng Chrây 502

58. TỈNH TUYÊN QUANG:
1. Chùa An Vinh 298
2. Chùa Hương Nghiêm 296

59. TỈNH VĨNH LONG:
1. Chùa Hội Đức 44
2. Chùa Tiên Châu 478

60. TỈNH VĨNH PHÚC:
2. Chùa Vĩnh Khánh (Chùa Then) 138

61. TỈNH YÊN BÁI:
1. Chùa Tháp ở Hắc Y 205

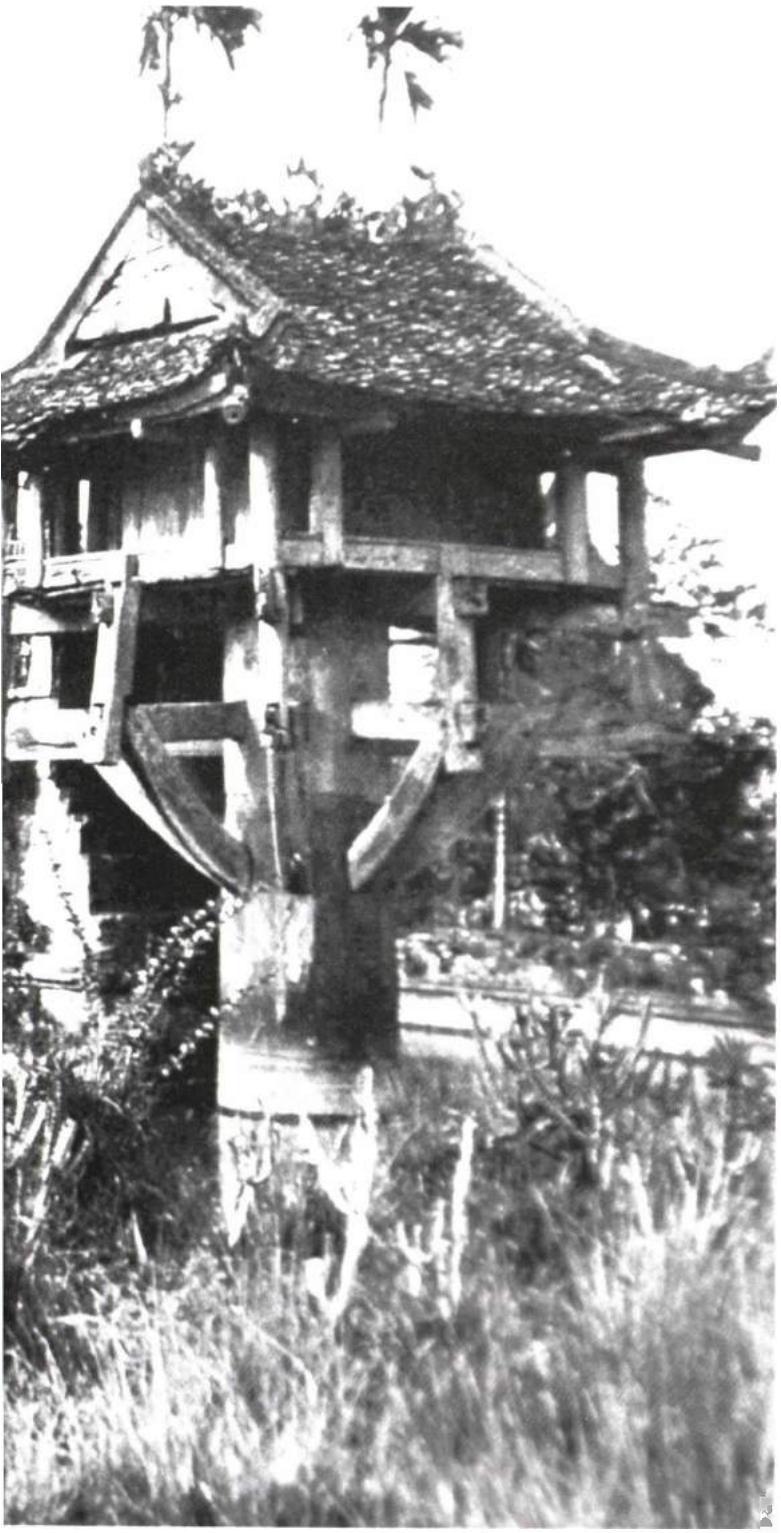

Chùa Một Cột, Hà Nội (1886)
Ảnh tư liệu

PHẦN III

DANH SÁCH CÁC NGÔI CHÙA ĐƯỢC BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH QUYẾT ĐỊNH XẾP HẠNG DI TÍCH QUỐC GIA

(TÍNH ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012)

DANH SÁCH CÁC NGÔI CHÙA ĐƯỢC BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH QUYẾT ĐỊNH XẾP HẠNG DI TÍCH QUỐC GIA
(Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012)

1. TỈNH AN GIANG

Năm 1980

1. Chùa Tây An (trong thắng cảnh của núi Sạm), Thị xã Châu Đốc
2. Chùa Tam Bửu (di tích Ba Chúc), Xã Ba Chúc, Huyện Tri Tôn
3. Chùa Phi Lai (di tích Ba Chúc), Xã Ba Chúc, Huyện Tri Tôn

Năm 1986

4. Chùa Giồng Thành (Long Hưng Tự), Xã Long Sơn, Huyện Phú Tân
5. Chùa Bà Lê (Phước Hội Tự), Xã Hội An, Huyện Chợ Mới
6. Chùa Xà Tón (Xvay Ton), Thị trấn Tri Tôn, Huyện Tri Tôn
7. Chùa Chăm (Thánh đường Hồi Giáo), Xã Phú Hiệp, Huyện Phú Tân

Năm 1987

8. Chùa Ông Bắc, Phường Mỹ Long, Thị xã Long Xuyên
9. Chùa Linh Sơn (Linh Sơn Tự), Xã Vọng Khê, Huyện Thoại Sơn

Năm 1992

10. Chùa Hòa Thành (Hòa Thành Cổ Tự), Xã Nhơn Hưng, Huyện Tịnh Biên

2. TỈNH BÀ RỊA, VŨNG TÀU

Năm 1986

1. Chùa Niết Bàn Tịnh Xá, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu
2. Chùa Long Bàn (Long Bàn Cổ Tự), Thị trấn Long Điền, Huyện Long Đất
3. Thích Ca Phật Đài - Phường 5 – Thành phố Vũng Tầu

Năm 1991

4. Chùa Linh Sơn (Linh Sơn Cổ Tự), 61 Hoàng Hoa Thám, Thành phố Vũng Tàu
5. Chùa Phước Lâm (Phước Lâm Tự), Đường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu

3. TỈNH BẠC LIÊU

Năm 2006

1. Chùa Kpopum Meanche (chùa Cơ Thum), Xã Ninh Thanh Lợi, Huyện Hồng Dân

4. TỈNH BẮC GIANG

1. Chùa Đức La (Vĩnh Nghiêm Tự), Xã Trí Yên, Huyện Yên Dũng
2. Chùa Lèo (+) (Trong cụm di tích khởi nghĩa Yên Thế), Xã Phồn Xương, Huyện Yên Thế
3. Chùa Quang Phúc (+) (Tiên Phúc Tự), Xã Tiên Lục, Huyện Lạng Giang
4. Chùa Vân Cốc (+) (Sùng Nghiêm Tự), Xã Vân Trung, Huyện Việt Yên

Năm 1990

5. Chùa Vân (Diên Phúc Tự), Xã Vân Hà, Huyện Việt Yên

Năm 1991

6. Chùa Kim Tràng (Chân Linh Ứng Tự), Xã Việt Lập, Huyện Tân Yên
7. Chùa Chu Nguyên (+) (Vĩnh An Tự), Thị trấn Vôi, Huyện Lạng Giang
8. Chùa Bố Hạ (Bố Quang Tự), Thị trấn Bố Hạ, Huyện Yên Thế

Năm 1992

9. Chùa Tứ Giáp (Đại Phúc Tự), Xã Nhã Nam, Huyện Tân Yên
10. Chùa Thượng Lâm (+) (Long Cốt Tự), Xã Thanh Lâm, Huyện Lục Nam
11. Chùa Bô Đà (+) (Tử Ân Tự), Xã Tiên Sơn, Huyện Việt Yên

Năm 1993

12. Chùa Minh Linh (Minh Linh Tự), Xã Hoàng Linh, Huyện Việt Yên

Năm 1994

13. Chùa Làng Thành, Xã Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang
14. Chùa Đoan Minh, Xã Vân Hà, Huyện Việt Yên
15. Chùa An Hà, Xã An Hà, Huyện Lạng Giang
16. Chùa Hương Vĩ, Xã Hương Vĩ, Huyện Yên Thế
17. Chùa Hà, Xã Tân Trung, Huyện Tân Yên

Năm 1995

18. Chùa Phương Lan, Xã Phương Sơn, Huyện Lục Nam

Năm 2001

19. Chùa Bắc An, Xã Cương Sơn, Huyện Lục Nam
20. Chùa Quang Minh, Xã Nghĩa Hoà, Huyện Lạng Giang

Năm 2011

21. Chùa Phúc Tằng, Xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên

Năm 2012

22. Chùa Kem, Xã Nham Sơn, Yên Dũng
23. Chùa Cầu Vồng, Xã Song Vân, huyện Tân Yên

5. TỈNH BẮC NINH

1. Chùa Phật Tích (Vạn Phúc Tự), Xã Phật Tích, Huyện Tiên Du
2. Chùa Dâu (Pháp Vân Tự), Làng Khương Tự, Huyện Thuận Thành
3. Chùa Bút Tháp (Ninh Phúc Tự), Xã Đình Tổ, Huyện Thuận Thành
4. Chùa Đại Lãm (Chùa Giạm), Cảnh Long Đồng Khánh Tự, Xã Nam Sơn, Huyện Quế Võ
5. Chùa Đồng Kỵ, Xã Đồng Quang, Huyện Tiên Sơn
6. Chùa Ngọc Khám (Linh Ứng Tự), Xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành
7. Chùa Bồ Vàng, Xã Tam Giang, Huyện Yên Phong
8. Chùa Phấn Động (+) (Trong cụm di tích phòng tuyến Như Nguyệt), Xã Tam Đa, Huyện Yên Phong
9. Chùa Hàm Long (Hàm Long Tự), Xã Nam Sơn, Huyện Quế Võ
10. Chùa Cổ Mễ (+) (Tùng Sơn Tự), Xã Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh
11. Chùa Đại Lâm (+) (Thiên Phúc Tự), Xã Tam Đa, Huyện Yên Phong
12. Chùa Phả Lại (Cổ Am Tự), Xã Đức Long, Huyện Quế Võ
13. Chùa Ngô Xá (+), Xã Long Châu, Huyện Yên Phong
14. Chùa Thôn Xuân Ô (Hồng Phúc Tự), Xã Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh
15. Chùa Lái, Xã Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh
16. Chùa Diên Phúc (+) (Diên Phúc Tự), Xã Đại Bái, Huyện Gia Lương

Năm 1990

17. Chùa Tháp Linh (+) (Tháp Linh Tự), Xã Tam Đa, Huyện Yên Phong
18. Chùa Thiệu Khánh (Thiệu Khánh Tự), Xã Dũng Liệt, Huyện Yên Phong
19. Chùa Kim Sơn (Kim Sơn Tự), Xã Hòa Phong, Huyện Yên Phong
20. Chùa Đại Bi (Đại Bi Tự), Xã Thái Bảo, Huyện Gia Lương
21. Chùa Điều Sơn (+), Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh
22. Chùa Yên Mẫn (+) (Di Dà Tự), Xã Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh

Năm 1991

23. Chùa Tiêu Sơn (Thiên Tâm Tự), Xã Tương Giang, Huyện Tiên Sơn
24. Chùa Phù Lưu (+) (Pháp Quang Tự), Xã Tân Hồng, Huyện Tiên Sơn
25. Chùa Đọ Xá (+) (Quang Minh Tự), Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh
26. Chùa Vĩnh Kiều (+) (Thiên Ứng Tự), Xã Đông Nguyên, Huyện Tiên Sơn
27. Chùa Cảm Ứng (Cảm Ứng Tự), Xã Tam Sơn, Huyện Tiên Sơn
28. Chùa Xuân Quan (Huệ Trạch Tự), Xã Trí Quả, Huyện Thuận Thành

Năm 1993

29. Chùa Cổ Lũng (Cổ Lũng Tự), Xã Nội Duệ, Huyện Tiên Sơn
30. Chùa Nguyên Thụ (+) (Diên Phúc Tự), Xã Đồng Nguyên, Huyện Tiên Sơn
31. Chùa Cha Lư (tên cũ: Minh Châu Tự), Xã Tân Hồng, Huyện Tiên Sơn
32. Chùa Tam Bảo (Phúc Lâm Tự), Xã Tân Hồng, Huyện Tiên Sơn

(+) Dấu chỉ chùa trong một cụm di tích

Năm 1994

33. Chùa Trà Xuyên, Xã Khúc Xuyên, Huyện Yên Phong
34. Chùa Phú Mẫn, Xã Hàm Sơn, Huyện Yên Phong
35. Xã Hồng Lô, Xã Hạp Lĩnh, Huyện Tiên Sơn
36. Chùa Hương Thủy, Xã Đình Tổ, Huyện Thuận Thành
37. Chùa Lẫm, Xã Vạn An, Huyện Yên Phong
38. Chùa Nghiêm Xá, Xã Việt Hùng, Huyện Quế Võ
39. Chùa Diên Phúc, Xã Trung Kênh, Huyện Gia Lương
40. Chùa Phúc Linh, Xã Đại Lai, Huyện Gia Lương

Năm 1995

41. Chùa Bảo Uyên, Phường Đáp Cầu, Thành phố Bắc Ninh
42. Chùa Bảo Sinh, Xã Việt Hùng, Huyện Quế Võ

Năm 1996

43. Chùa Đồng Hương, Xã Hương Mạc, Huyện Tiên Sơn

Năm 2001

44. Chùa Phúc Nghiêm (chùa Tổ), Xã Hoà Mãn, Huyện Thuận Thành

Năm 2002

45. Chùa Xuân Đồng, Xã Hoà Long, Huyện Yên Phong

Năm 2004

46. Chùa Yên Lã, Xã Tân Hồng, Từ Sơn

6. TỈNH BẾN TRE

Năm 1994

1. Chùa Tuyên Linh, Xã Minh Đức, Huyện Mỏ Cày

7. TỈNH BÌNH DƯƠNG

Năm 1993

1. Chùa Hội Khánh, Phường Phú Cường, Thị xã Thủ Dầu Một
2. Chùa núi Châu Thới – xã Bình An – huyện Thuận An

8. TỈNH BÌNH ĐỊNH

Năm 1990

1. Chùa Thập Tháp (Thập Tháp Di Đà Tự), Xã Nhơn Thành, Huyện An Nhơn

Năm 2001

2. Chùa Nhạn Sơn (Chùa Ông Đá), Xã Nhơn Hậu, Huyện An Nhơn

9. TỈNH BÌNH THUẬN

Năm 1993

1. Chùa Núi (Linh Sơn Trường Thọ Tự), Xã Tân Lập, Huyện Hàm Thuận Nam
2. Chùa Cổ Thạch Tự (Chùa Hang), Xã Bình Thạch, Huyện Tuy Phong

10. TỈNH CAO BẰNG

1. Chùa Sùng Phúc (Sùng Phúc Tự), Xã Thanh Nhật, Huyện Hạ Lang

Năm 1995

2. Chuông Chùa Đà Quận, Xã Hưng Đạo, Huyện Hòa An

11. TỈNH CÀ MAU

Năm 2000

1. Chùa Phật Tổ (Quan Âm Cổ Tự), Phường 4, Thành phố Cà Mau

12. THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Năm 1991

1. Chùa Nam Nhã, Phường An Thới, Thành phố Cần Thơ

Năm 1993

2. Chùa Ông (Quảng Triệu Hội Quán), Phường Tân An, Thành phố Cần Thơ
3. Chùa Long Quang, Xã Long Hòa, Thành phố Cần Thơ
4. Chùa Hội Linh, Phường An Thới, Thành phố Cần Thơ.

13. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Năm 1992

1. Bia chùa Long Thủ (An Long Tự), Phường Bình Hiên, Thành phố Đà Nẵng

14. TỈNH ĐỒNG NAI

Năm 1990

1. Chùa Đại Giác (Đại Giác Cổ Tự), Xã Hiệp Hòa, Thành phố Biên Hòa
2. Chùa Long Thiền (Long Thiền Tự), Phường Bửu Hòa, Thành phố Biên Hòa
3. Chùa Long Bàn, Thị trấn Long Điền, Huyện Long Đất

Năm 2001

4. Chùa Ông, Xã Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà

15. TỈNH ĐỒNG THÁP

Năm 1990

1. Chùa Kiến An Cung (Kiến An Cung Tự), Phường 2, Thị xã Sa Đéc

Năm 2007

2. Chùa Bửu Hưng, xã Hòa Long, huyện Lai Vung

16. TỈNH HÀ NAM

Năm 1992

1. Chùa Đọi Sơn (Long Đọi Sơn Tự), Xã Đọi Sơn, Huyện Duy Tiên
2. Chùa Bạch Liên (Bạch Liên Tự), Xã Trai Văn, Huyện Duy Tiên

Năm 1993

3. Chùa Khánh Long (Khánh Long Tự) (Chùa Cả - Chùa Bút Thượng), Xã Châu Giang, Huyện Duy Tiên

Năm 1994

4. Chùa Cổ Viễn, Xã Hưng Công, Huyện Bình Lục
5. Chùa Châu, Thị trấn Kiện Khê, Huyện Thanh Liêm
6. Chùa Bà Đanh, Xã Ngọc Sơn, Huyện Kim Bảng

Năm 1996

7. Chùa Quế Lâm, Thị trấn Quế, Huyện Kim Bảng
8. Chùa Cao Đà, Xã Nhân Mỹ, Huyện Lý Nhân
9. Chùa Tế Xuyên, Xã Đức Lý, Huyện Lý Nhân

Năm 2006

10. Chùa Ngọc Lũ, Xã Ngọc Lũ, Huyện Bình Lục

Năm 2012

11. Chùa Nội Rối, Xã Bắc Lý, Lý Nhân

17. THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Năm 1960 – 1989

1. Chùa Một Cột (Diên Hựu Tự), Phố Chùa Một Cột, Quận Ba Đình
2. Chùa Láng (Chiêu Thiên Tự), Láng Thượng, Quận Đống Đa
3. Chùa Trấn Quốc (Trấn Bắc Tự), Đường Thanh Niên, Quận Ba Đình
4. Chùa Liên Phái (Liên Tôn Tự), Phố Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng
5. Chùa Kim Liên (Đại Bi Tự), Xã Quảng An, Quận Tây Hồ
6. Chùa Bộc (Sùng Phúc Tự), Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa
7. Chùa Kiến Sơ (trong di tích Phù Đổng), Xã Phù Đổng, Huyện Gia Lâm
8. Chùa Kim Sơn (tên xưa: Am Vạn Linh), Phố Kim Mã, Quận Ba Đình
9. Chùa Vũ Thạch, Phố Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm
10. Chùa Hòa Mã (Thiên Quang Tự), Phố Phùng Khắc Khoan, Quận Hai Bà Trưng
11. Chùa Bà Nành (Tiên Phúc Tự) (trong cụm di tích Văn Miếu) (+), Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa
12. Chùa Yên Phú (Thanh Vân Cô Tự), Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì
13. Chùa Tự Khoát (Hưng Phúc Tự), Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì
14. Chùa Sở (Phúc Khánh Tự), Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa
15. Chùa Phụng Thánh (Phụng Thánh Tự), Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa
16. Chùa Thiên Phúc (Thiên Phúc Tự), Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm
17. Chùa Thanh Nhàn (Thanh Nhàn Tự), Đường La Thành, Quận Đống Đa
18. Chùa Nành (Pháp Vân Cổ Tự), Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm
19. Chùa Phú Thứ Thị (+) (Đại Dương – Sùng Phúc Tự), Xã Phú Thị, Huyện Gia Lâm
20. Chùa Đại Lan (+), Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì
21. Chùa Bắc Biên (Phúc Xá Tự), Xã Ngọc Thụy, Huyện Gia Lâm
22. Chùa Thanh Ninh (Thanh Ninh Tự), Phố Lê Trực, Quận Ba Đình
23. Chùa Vân Hồ (Sách Tào Tự), Phố Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng

24. Chùa Mật Dụng (Mật Dụng Tự), Phường Bưởi, Quận Ba Đình
25. Chùa Kim Giang (+) (Diên Phúc Tự), Xã Đại Kim, Huyện Thanh Trì
26. Chùa Thanh Lâm (Thanh Lâm Tự), Xã Phú Minh, Huyện Từ Liêm
27. Chùa Thánh Chúa, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
28. Chùa Hòe Nhai (Hồng Phúc Tự), 19 Hàng Than, Quận Ba Đình
29. Chùa Huỳnh Cung (Sùng Phúc Tự), Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì
30. Chùa Bát Tháp (Bát Tháp Tự), Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình
31. Chùa Duệ (Quảng Khai Tự), Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy
32. Chùa Lai Đà (+) (Cảnh Phúc Tự), Xã Đông Hội, Huyện Đông Anh
33. Chùa Cầu Đông (+) (Đông Kiều Tự), Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm
34. Chùa Quỳnh Đô (+) (Bạch Minh Tự), Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì
35. Chùa Thiền Quang (Thiền Quang Tự), Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng
36. Chùa Quang Hoa (Quang Hoa Tự), Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng
37. Chùa Pháp Hoa (Pháp Hoa Tự), Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng

Năm 1990

38. Chùa Ích Vịnh (Phúc Long Tự), Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì
39. Chùa Xã Đàn (Chùa Kim Yên Tự), Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa
40. Chùa Đào Xuyên (Thánh An Tự), Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm
41. Chùa Mỹ Quang (Linh Quang Tự), Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa
42. Chùa Đông Phù (Minh Long Tự), Xã Đông Mỹ, Huyện Thanh Trì
43. Chùa Lạc Thị (Linh Quang Tự), Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì
44. Chùa Hộ Quốc (An Khánh Tự), Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng
45. Chùa Hòe Thị (+) (Hương Đỗ Tự), Xã Xuân Phương, Huyện Từ Liêm
46. Chùa Kim Liên (+) (Kim Liên Tự), Phường Phương Liên, Quận Đống Đa
47. Chùa Ngọc Hồi (Ngọc Hồi Tự), Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì
48. Chùa Thanh Am (+) (Đông Linh Tự), Xã Thượng Thanh, Huyện Gia Lâm
49. Chùa Thôn Đông Thiên (+) (Phúc Khánh Tự), Xã Vĩnh Tuy, Huyện Thanh Trì
50. Chùa Thái Cam (+) (Tân Khai Linh Tự), 44 Hàng Vải, Quận Hoàn Kiếm
51. Chùa Linh Ứng (Linh Ứng Tự), Xã Xuân Phương, Huyện Từ Liêm
52. Chùa Chân Tiên (Phúc Lâm Tự), 151 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng
53. Chùa Vĩnh Phúc (+) (Vĩnh Khánh Tự), Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình
54. Chùa Vạn Ngọc (Linh Am Tự), Xã Tứ Liên, Quận Tây Hồ
55. Chùa Thôn Nha (+) (Cổ Linh Tự), Xã Long Biên, Huyện Gia Lâm
56. Chùa Bồ Đề (+), Nhân Chính, Quận Thanh Xuân
57. Chùa Bảo Tháp (Thượng Phúc Tự), Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì
58. Chùa Yên Xá (+) (Thanh An Thiên Tự), Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì
59. Chùa Đồng Quang (Đồng Quang Tự), Phường Quang Trung, Quận Đống Đa

Năm 1991

60. Chùa Nam Dư Hạ (+) (Thiên Phúc Tự), Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai
61. Chùa Đại Áng (+) (Thiên Phúc Tự), Xã Đại Áng, Huyện Thanh Trì
62. Chùa Phùng Khoang (Thanh Xuân Tự), Xã Trung Văn, Huyện Từ Liêm
63. Chùa Sùng Phúc (+) (Sùng Khánh Tự), Xã Long Biên, Huyện Gia Lâm
64. Chùa Phổ Giác (Phổ Giác Tự), Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa
65. Chùa Quảng Bá (Hoàng Ân Tự), Xã Quảng An, Quận Tây Hồ
66. Chùa Phú Xá Đoài (+) (Phúc Lâm Tự), Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn

Năm 1992

67. Chùa Mai Phúc (+) (Minh Thông Tự), Xã Gia Thụy, Huyện Gia Lâm
68. Chùa Vua (Hưng Khánh Tự), Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng
69. Chùa Trường Lâm (+), Xã Việt Hưng, Huyện Gia Lâm
70. Chùa Ngọc Trục (Đại Phúc Tự), Xã Đại Mỗ, Huyện Từ Liêm
71. Chùa Nam Dư Thượng (Nghiêm Thắng Tự), Xã Lĩnh Nam, Huyện Thanh Trì
72. Chùa Diên Phúc (+) (Diên Phúc Tự), Xã Mai Lâm, Huyện Đông Anh
73. Chùa Sùng Phúc (Sùng Phúc Tự), Xã Cự Khối, Huyện Gia Lâm
74. Chùa Thiên Niên (Chùa Trích Sài), Phường Bưởi, Quận Ba Đình
75. Chùa Giáp Nhất (+) (Phúc Lâm Tự), Xã Nhân Chính, Quận Thanh Xuân
76. Chùa Quán La (Khai Nguyên Tự), Xã Xuân La, Huyện Từ Liêm
77. Chùa Đại Cát (+) (Sùng Khang Tự), Xã Liên Mạc, Huyện Từ Liêm
78. Chùa Tam Xá (+) (Linh Ứng Tự), Xã Tàm Xá, Huyện Đông Anh
79. Chùa Triệu Khánh (Triệu Khánh Tự), Xã Thanh Trì, Huyện Thanh Trì
80. Chùa Phúc Lâm (+) (Phúc Lâm Tự), Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì
81. Chùa Sùng Ân (+) (Sùng Ân Tự), Xã Thượng Cát, Huyện Từ Liêm
82. Chùa Kỳ Vũ (Kỳ Vũ Tự), Xã Thượng Cát, Huyện Từ Liêm
83. Chùa Yên Nội (Khánh Quang Tự), Xã Liên Mạc, Huyện Từ Liêm
84. Chùa Sen Hồ (+) (Vạn Xuân Tự), Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm
85. Chùa Vạn Phúc (Chung Linh Tự), Xã Vạn Phúc, Huyện Thanh Trì
86. Chùa Tiên Linh (Tiên Linh Tự), Xã Vạn Phúc, Huyện Thanh Trì
87. Chùa Nhổn (Càn Phúc Tự), Xã Xuân Phương, Huyện Từ Liêm
88. Chùa Mễ Trì Thượng (Thiên Trúc Tự), Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm
89. Chùa Nam Đồng (Càn An Tự), Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa
90. Chùa Linh Quang (+) (Linh Quang Tự), Xã Đình Xuyên, Huyện Gia Lâm
91. Chùa Văn Trì (Bồ Đề Tự), Xã Minh Khai, Huyện Từ Liêm
92. Chùa Nền (Đàn Cơ Tự), Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa
93. Chùa Hưng Ký (Võ Hưng Thiền Am), Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng
94. Chùa Kim Quan (+) (Ân Quang Tự), Xã Việt Hưng, Huyện Gia Lâm
95. Chùa Trung Tự (+) (Phú Long Tự), Phường Phương Liên, Quận Đống Đa
96. Chùa Linh Quang Phòng (+) (Linh Quang Phòng Tự), Xã Đình Xuyên, Huyện Gia Lâm

Năm 1993

97. Chùa Thúy Lĩnh (Diên Khánh Tự), Xã Lĩnh Nam, Huyện Thanh Trì
98. Chùa Phương Liệt (+) (Linh Quan Tự), Phường Phương Liệt, Quận Đống Đa
99. Chùa Thượng Đồng (Hiển Ứng Tự), Xã Hội Xá, Huyện Gia Lâm
100. Chùa Hương Trầm (Viên Thành Tự), Xã Thụy Lâm, Huyện Đông Anh
101. Chùa Khương Hạ (Phùng Lộc Tự), Xã Khương Đình, Huyện Thanh Trì
102. Chùa Bà Ngô (Ngọc Hồ Tự), Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa
103. Chùa Triều Khúc (Hương Vân Tự), Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì
104. Chùa Chèm (Hàm Long Tự), Xã Thụy Phương, Huyện Từ Liêm
105. Chùa Ứng Linh (+) (Linh Ứng Tự), Xã Đại Áng, Huyện Thanh Trì
106. Chùa Ngũ Xã (Thần Quang Tự), Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình
107. Chùa Tình Quang (+) (Tình Quang Tự), Xã Giang Biên, Huyện Gia Lâm
108. Chùa Hiển Quang (Hiển Quang Tự), Xã Dương Hà, Huyện Gia Lâm
109. Chùa Quang Minh (Quang Minh Tự), Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa
110. Chùa Keo (Báo Ân Trùng Nghiêm Tự), Xã Kim Sơn, Huyện Gia Lâm
111. Chùa Anh Linh (+) (Anh Linh Tự), Xã Cổ Nhuế, Huyện Từ Liêm
112. Chùa Sùng Quang (Sùng Quang Tự), Xã Cổ Nhuế, Huyện Từ Liêm
113. Chùa Phúc Lý (+) (Liên Phúc Tự), Xã Minh Khai, Huyện Từ Liêm
114. Chùa Linh Ứng (Linh Ứng Tự), Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa
115. Chùa Cổ Loa (Bảo Sơn Tự), Xã Cổ Loa, Huyện Đông Anh
116. Chùa Tào Sách (Tào Sách Tự), Xã Nhật Tân, Huyện Từ Liêm
117. Chùa Trùng Quang, Xã Đại Mỗ, Huyện Từ Liêm
118. Chùa Khương Trung, Phường Nguyễn Trãi, Quận Đống Đa
119. Chùa Tư Khánh, Xã Đông Ngạc, Huyện Từ Liêm

Năm 1994

120. Chùa Long Quang (Long Quang Tự), Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì
121. Chùa Vĩnh Trù, Phương Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm
122. Chùa Nga My, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hai Bà Trưng
123. Chùa Linh Ứng (Linh Ứng Tự), Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì
124. Chùa Châu Long (Phúc Lâm Tự), Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình
125. Chùa Phúc Hậu (Phúc Thắng Tự), Xã Dục Tú, Huyện Đông Anh
126. Chùa Xuân Đỗ Hạ (Sùng Phúc Tự), Xã Cự Khối, Huyện Gia Lâm
127. Chùa Cổ Linh (Cổ Linh Tự), Xã Lĩnh Nam, Huyện Thanh Trì
128. Chùa Ngọc Quán, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy
129. Chùa Báo Ân, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy
130. Chùa Diên Phúc (Diên Phúc Tự), Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm
131. Chùa Thiên Phúc, Xã Định Công, Huyện Thanh Trì
132. Chùa Đức Hậu (Linh Sơn Tự), Xã Đức Hòa, Huyện Sóc Sơn

Năm 1995

133. Chùa Quang An, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì
134. Chùa Dục Tú, Xã Dục Tú, Huyện Đông Anh
135. Chùa Đại An, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm
136. Chùa Tứ Kỳ, Xã Hoàng Liệt, Huyện Thanh Trì
137. Chùa Lý Triều Quốc Sư, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm
138. Chùa Liên Đàn, Xã Hoàng Liệt, Huyện Thanh Trì
139. Chùa Đào Thục, Xã Thụy Lâm, Huyện Đông Anh
140. Chùa Nhị Châu, Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì
141. Chùa Linh Tiên, Xã Hội Xá, Huyện Gia Lâm
142. Chùa Đông Trù, Xã Đông Hội, Huyện Đông Anh
143. Chùa Gióng Mốt, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm
144. Chùa Thôn Vàng, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm
145. Chùa Linh Ứng, Xã Thạch Bàn, Huyện Gia Lâm
146. Chùa Nguyệt Áng, Xã Đại Áng, Huyện Thanh Trì
147. Chùa Quỳnh Lôi, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng
148. Chùa Nhật Tảo (Phúc Khánh), Xã Đông Ngạc, Huyện Từ Liêm
149. Chùa Yên Mỹ, Xã Yên Mỹ, Huyện Thanh Trì
150. Chùa Hưng Long, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì
151. Chùa Nông Vu Đông, Xã Hội Xá, Huyện Gia Lâm
152. Chùa Diên Khánh, Thị Trấn Mai Dịch, Quận Cầu Giấy
153. Chùa Thiên Phúc, Xã Tây Mỗ, Huyện Từ Liêm
154. Chùa Đức Diễn, Xã Phú Diễn, Huyện Từ Liêm
155. Chùa Lý Nhân, Xã Dục Tú, Huyện Đông Anh

Năm 1996

156. Chùa Đình Quán, Xã Phú Diễn, Huyện Từ Liêm
157. Chùa Hương Tuyết, Phố Bạch Mai, Phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng
158. Chùa Kiêu Kỵ, Xã Kiêu Kỵ, Huyện Gia Lâm
159. Chùa Cự Đà, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm
160. Chùa Văn Điển, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì
161. Chùa Linh Quy, Xã Kim Sơn, Huyện Gia Lâm
162. Chùa Cổ Miễu, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa
163. Chùa Trung Quan, Xã Văn Đức, Huyện Gia Lâm
164. Chùa Vạn Niên, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ
165. Chùa Hà, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy
166. Chùa Hội Phụ, Xã Đông Hội, Quận Cầu Giấy
167. Chùa Khuyến Lương (Diên Phúc Tự), Xã Trần Phú, Huyện Thanh Trì
168. Chùa Bà Tấm, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm
169. Chùa Lễ Pháp, Xã Tiên Dương, Huyện Đông Anh
170. Chùa Tương Mai (Linh Ứng Tự), Phường Tương Mai, Quận Hai Bà Trưng
171. Chùa Thôn Cam, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm
172. Chùa Bồ Đề, Xã Minh Khai, Huyện Từ Liêm
173. Chùa Chài, Xã Võng La, Huyện Đông Anh
174. Chùa Bà Già, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ
175. Chùa Tam Huyền, Xã Khương Đình, Huyện Thanh Trì
176. Chùa Định Công Hạ, Xã Định Công
Huyện Thanh Trì
177. Chùa Kim Cổ, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm
178. Chùa Hương Hải, Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm
179. Chùa Linh Ứng, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm
180. Chùa Huy Văn, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa
181. Chùa Thanh Lâu, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ
182. Chùa Thiết Ứng, Xã Vân Hà, Huyện Đông Anh

Năm 1997

183. Chùa Mạch Tràng, Xã Cổ Loa, Huyện Đông Anh
184. Chùa Đại Bi, Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm
185. Chùa Ngọc Mạch, Xã Xuân Phương, Huyện Từ Liêm

Năm 1998

186. Chùa Nhạn Tái, Xã Xuân Nộn, Huyện Đông Anh
187. Chùa Sở Thượng, Xã Yên Sở, Huyện Thanh Trì

Năm 2004

188. Chùa Dâu, Xã Thanh Oai, Huyện Thanh Trì

Năm 2007

189. Chùa Huyền Thiên, 54 phố Hàng Khoai, quận Hoàn Kiếm

Năm 2009

190. Chùa Dương đình,xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

THÀNH PHỐ HÀ NỘI (Tỉnh Hà Tây cũ)

Năm 1960 – 1989

191.Chùa Thầy (Thiên Phúc Tự), Xã Phượng Cách, Huyện Quốc Oai
192.Chùa Tây Phương (Sùng Phúc Tự), Xã Thạch Xá, Huyện Thạch Thất
193.Chùa Trầm (+) (Long Châu Tự), Xã Phụng Châu, Huyện Chương Mỹ
194.Chùa Trăm Gian (Quảng Nghiêm Tự), Xã Tiên Phương, Huyện Hoài Đức
195.Chùa Hương Tích (Hương Tích Sơn), Xã Hương Sơn, Huyện Mỹ Đức
196.Chùa Đậu (Thành Đạo Tự), Xã Nguyễn Trãi, Huyện Thường Tín
197.Chùa Hương Trai (Hương Trai Tự), Xã Chiến Thắng, Huyện Hoài Đức
198.Chùa Mía (Sùng Nghiêm Tự), Xã Đường Lâm, Thị xã Sơn Tây
199.Chùa Bối Khê (Đại Bi Tự), Xã Tam Hưng, Huyện Thanh Oai
200.Chùa Khê Tang (+), Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai
201.Chùa Xâm Động (+) (Phúc Quang Tự), Xã Vân Tảo, Huyện Thường Tín
202.Chùa Diên Phúc (Diên Phúc Tự), Xã Sơn Đồng, Huyện Hoài Đức
203.Chùa Kỳ Đà, Xã Sơn Đồng, Huyện Hoài Đức
204.Chùa Sổ, Xã Tân Ước, Huyện Thanh Oai
205.Chùa Sùng Phúc – Chùa Trúc Thánh – Chùa Phùng Nghiêm, Xã Phú Lương, Huyện Quốc Oai (chưa xếp hạng)
206.Chùa Từ Châu (+), Xã Liên Châu, Huyện Thanh Oai

207.Chùa Quảng Nguyên, Xã Quảng Phú Cầu, Huyện Ứng Hòa
208.Chùa Trần Đăng (+), Xã Hoa Sơn, Huyện Ứng Hòa
209.Chùa Văn Phú, Xã Văn Khê, Thành phố Hà Đông
210.Chùa La Phù (+) (Thiên Hương Tự), Xã La Phù, Huyện Hoài Đức
211.Chùa Đại Bi, Xã Kiến Hưng, Thành phố Hà Đông
212.Chùa Lâm Dương Quán, Xã Kiến Hưng, Thành phố Hà Đông
213.Chùa Phúc Khê, Xã Văn Khê, Thành phố Hà Đông
214.Chùa Diên Khánh, Xã Văn Khê, Thành phố Hà Đông
215.Chùa Thanh Lãm (Lịch Sùng Tự), Xã Phú Lãm, Huyện Thanh Oai
216.Chùa Trường Xuân (Thọ Quang Tự), Xã Xuân Dương, Huyện Thanh Oai
217.Chùa Ngọc Đình (Thắng Phúc Tự), Xã Hồng Dương, Huyện Thanh Oai
218.Chùa Hữu Bằng (Vĩnh Phúc Tự), Xã Hữu Bằng, Huyện Thạch Thất
219.Chùa Thiệu Long (Thiệu Long Tự), Xã Tam Hiệp, Huyện Phúc Thọ
220.Chùa Ngãi Cầu, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức
221.Chùa Kim Hoa (Kim Hoa Tự), Xã Tam Điệp, Huyện Phúc Thọ
222.Chùa Thôn Trung – xã Song Phượng, Huyện Đan Phượng
223.Chùa Thiên Phúc – xã Tân Phú - huyện Hoài Đức
224.Chùa Tiên Phúc – xã Đan Phượng - huyện Hoài Đức
225.Chùa Giáo Hạ - xã Ngọc Tảo - huyện Phúc Thọ
226.Chùa Đinh Xuyên – xã Hoài Nam - huyện Ứng Hòa

Năm 1990

227.Chùa Lai Xá (+) (Bảo Tháp Tự), Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức
228.Chùa Ngọc Tảo (+) (Mã Vàng Tự), Xã Ngọc Tảo, Huyện Phúc Thọ
229.Chùa Thôn Hạ (+) (Vĩnh Hưng Tự), Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng
230.Chùa La Dương (+) (Diên Khánh Tự), Xã Dương Nội, Huyện Hoài Đức
231.Chùa Phú Xuyên (Sùng Chân Tự), Xã Phú Châu, Huyện Ba Vì
232.Chùa Bà Tề (Đại Bi Tự), Xã Hiệp Thuận, Huyện Phúc Thọ
233.Chùa Đôi Hồi (Đôi Hồi Tự), Xã Song Phượng, Huyện Đan Phượng
234.Chùa Thanh Thần (+) (Phà La Tự), Xã Thanh Cao, Huyện Thanh Oai
235.Chùa Yên Nội (+) (Báo Ân Tự), Xã Đồng Quang, Huyện Quốc Oai
236.Chùa Tràng Cát (Hưng Khánh Tự), Xã Kim An, Huyện Thanh Oai
237.Chùa Ngự Câu (Vương Lễ Tự), Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức
238.Chùa An Trai (+) (Ngọc Quang Tự), Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức
239.Chùa Thôn Bến (+) (Nghiêm Phúc Tự), Xã Di Nậu, Huyện Thạch Thất
240.Chùa Di Nậu (+) (Bảo Quang Tự), Xã Dị Nậu, Huyện Thạch Thất
241.Chùa Quang Húc (+) (Quang Húc Tự), Xã Đồng Quang, Huyện Ba Vì
242.Chùa Liên Hoa (Liên Hoa Tự), Xã Trung Hưng, Thị xã Sơn Tây
243.Chùa Linh Khối (Linh Khối Tự), Xã Ngọc Tảo, Huyện Phúc Thọ
244.Chùa Đại Tự (+) (Tam Giác Tự), Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức
245.Chùa Cổ Ngõa (Sùng Quang Tự), Xã Phương Đình, Huyện Đan Phượng

Năm 1991

246.Chùa Khúc Thủy (+) (Phúc Đông Tự), Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai
247.Chùa Dư Dụ (Phúc Linh Tự), Xã Thanh Thủy, Huyện Thanh Oai
248.Chùa Từ Am (Thanh Am Tự), Xã Thanh Thủy, Huyện Thanh Oai
249.Chùa Phúc Khê (Sùng Phúc Tự), Xã Bột Xuyên, Huyện Mỹ Đức
250.Chùa Tứ Xã (Thủy Vân Tự), Xã Bột Xuyên, Huyện Mỹ Đức
251.Chùa Kim Bôi (Đại Bi Tự), Xã Vạn Kim, Huyện Mỹ Đức
252.Chùa Pháp Vân (Chùa Hai Bà (Bồ Đà Tự), Xã Văn Bình, Huyện Thường Tín
253.Chùa Hưng Khánh (Khánh Hưng Tự), Xã Trung Châu, Huyện Đan Phượng
254.Chùa Châu Long (Chân Long Tự), Xã Chàng Sơn, Huyện Thạch Thất
255.Chùa Hạ Hội (+) (Hương Lâm Tự), Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng
256.Chùa Hạ Hòa (+) (Phúc Linh Tự), Xã Tân Phú, Huyện Hoài Đức
257.Chùa Thiên Phú (Thiên Phúc Tự), Xã Tân Phú, Huyện Hoài Đức
258.Chùa Lưu Xá (+) (Quán Lão Quân), Xã Đức Giang, Huyện Hoài Đức
259.Chùa Hải Giác (Hải Giác Tự), Xã Hạ Mỗ, Huyện Đan Phượng
260.Chùa Phúc Lâm (Phúc Lâm Tự), Xã Đông Quang, Huyện Ba Vì
261.Chùa Diên Phúc (Diên Phúc Tự), Xã Đức Thượng, Huyện Hoài Đức
262.Chùa Hoa Nghiêm (Hoa Nghiêm Tự), Xã Tản Hồng, Huyện Ba Vì
263.Chùa Nhạn Tháp (Hoa Nghiêm Tự), Xã Song Phương, Huyện Đan Phượng
264.Chùa Lũng Kinh (Hưng Phúc Tự), Xã Đức Giang, Huyện Hoài Đức
265.Chùa Tăng Hoa (Tăng Hoa Tự), Xã Xuân Phú, Huyện Phúc Thọ
266.Chùa Chân Linh (Chân Linh Tự), Xã Thanh Đa, Huyện Phúc Thọ
267.Chùa Kim Quan, Xã Kim Quan, Huyện Thạch Thất
268.Chùa Cổ Linh (Cổ Linh Tự), Xã Sen Chiểu, Huyện Phúc Thọ
269.Chùa Phúc Tâm (Phúc Tâm Tự), Xã Sen Chiểu, Huyện Phúc Thọ
270.Chùa Khánh Hưng (Hưng Khánh Tự), Xã Hồng Hà, Huyện Đan Phượng
271.Chùa Thương Hiệp (Ba Gia Tự), Xã Tam Hiệp, Huyện Phúc Thọ
272.Chùa Tứ Dương (Long Khánh Tự), Xã Cao Thành, Huyện Ứng Hòa
273.Chùa Huyền Kỳ (Hiển Minh Tự), Xã Phú Lãm, Huyện Thanh Oai
274.Chùa Kim Liên (Kim Liên Tự), Xã Phùng Xá, Huyện Thạch Thất
275.Chùa Phổ Am (+) (Phổ Am Tự), Xã Thụy Phú, Huyện Phú Xuyên
276.Chùa Triệu Xuyên, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ
277.Chùa Tường Phiêu (+), Xã Tích Giang, Huyện Phúc Thọ
278.Chùa Cung Sơn (+), Xã Tích Giang, Huyện Phúc Thọ
279.Chùa Ninh Xá (+) (Phổ Quang Tự), Xã Ninh Sở, Huyện Thường Tín
280.Chùa Miệng Hạ (Đại Bi Tự), Xã Hoa Sơn, Huyện Ứng Hòa
281.Chùa Bầu Bói, Xã Quảng Phú Cầu, Huyện Ứng Hòa
282.Chùa Bảo Phúc (Bảo Phúc Tự), Xã Đức Giang, Huyện Hoài Đức
283.Chùa Hà Trì (Đức Mục Tự), Xã Hà Cầu, Thành phố Hà Đông
284.Chùa Phương Trung, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai
285.Chùa Bột Xuyên (Linh Quang Tự), Xã Bột Xuyên, Huyện Mỹ Đức
286.Chùa Canh Nậu (Linh Chung Tự), Xã Canh Nậu, Huyện Thạch Thất
287.Chùa Văn Hội, Xã Văn Bình, Huyện Thường Tín
288.Chùa Văn Quán, Xã Văn Yên, Thành phố Hà Đông

Năm 1994

289.Chùa Mậu Hòa, Xã Minh Khai, Huyện Hoài Đức
300. Chùa Thanh Xuyên, Xã Hoàng Long, Huyện Phú Xuyên
301. Chùa Quang Lãm, Xã Phú Lâm, Huyện Thanh Oai
302. Chùa Phú Hữu, Xã Phú Sơn, Huyện Ba Vì
303. Chùa Đan Hội, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng

Năm 1995

304. Chùa Hướng Dương, Xã Thắng Lợi, Huyện Thường Tín
305. Chùa Phù Lưu, Xã Phù Lưu, Huyện Ứng Hòa
306. Chùa Đông Dương, Xã Tảo Dương Văn, Huyện Ứng Hòa
307. Chùa Đông Chanh, Xã Minh Cường, Huyện Thường Tín
308. Chùa An Hạ, Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức
309. Chùa Khoái Châu, Xã Thắng Lợi, Huyện Thường Tín
310. Chùa Cấn Xá Thượng, Xã Cấn Hữu, Huyện Quốc Oai
311. Chùa Đa Chất, Xã Đại Xuyên, Huyện Phú Xuyên

Năm 1996

312. Chùa Đại Bi, Xã Đông La, Huyện Hoài Đức

313. Chùa Đồng Bụt, Xã Ngọc Liệp, Huyện Quốc Oai
314. Chùa Thích Ca, Xã Song Phượng, Huyện Hoài Đức
315. Chùa Cả, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức
316. Chùa Mộ Lao, Xã Văn Mỗ, Thành phố Hà Đông

Năm 1997

317. Chùa Thần Quy, Xã Minh Tân, Huyện Phú Xuyên
318. Chùa Phú Đôi, Xã Đại Thắng, Huyện Phú Xuyên
319. Chùa Vĩnh Phúc, Xã Cát Quế, Huyện Hoài Đức
320. Chùa Viên Đình, Xã Đông Lỗ, Huyện Ứng Hòa
321. Chùa Phương Bằng (Hưng Long Tự), Xã Song Phương, Huyện Hoài Đức
322. Chùa Đại Bi, Xã Cát Quế, Huyện Hoài Đức
323. Chùa Lại Yên, Xã Lại Yên, Huyện Hoài Đức
324. Chùa Ngọc Phúc, Xã Ngọc Liệp, Huyện Quốc Oai

Năm 1998

325. Chùa Dương Khê, Xã Phương Tú, Huyện Ứng Hòa
121. Chùa Thạch Thôn, Xã Thạch Xá, Huyện Thạch Thất

Năm 1999

326. Chùa Mui, Xã Tô Hiệu, Huyện Thường Tín
327. Chùa Mai Trang, Xã Minh Tân, Huyện Phú Xuyên
328. Chùa Đan Thầm, Xã Mỹ Hưng, Huyện Thanh Oai

Năm 2000

329. Chùa Bà Chè, Xã Liên Bạt, Huyện Ứng Hòa
330. Chùa Cự Đà, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai
331. Chùa Đào Xá, Xã Thắng Lợi, Huyện Thường Tín
332. Chùa La Cả, Xã Dương Nội, Huyện Hoài Đức
333. Chùa Khê Hồi, Xã Hà Hồi, Huyện Thường Tín

Năm 2001

334. Chùa Tri Chữ, Xã Tri Trung, Huyện Phú Xuyên
335. Chùa Xảo Thượng, Xã Quang Lãng, Huyện Phú Xuyên

Năm 2002

336. Chùa Cẩm Bào, Xã Cẩm Yên, Huyện Thạch Thất
337. Chùa Đặng, Xã Bình Phú, Huyện Thạch Thất
338. Chùa Phú Mỹ, Xã Ngọc Mỹ, Huyện Quốc Oai
339. Chùa Yên Nhân, Xã Hoà Chinh, Huyện Chương Mỹ

Năm 2003

340. Chùa Chương Dương, Xã Chương Dương, Huyện Thường Tín

Năm 2006

341. Chùa Sùng Cả (Sùng Ân Tự), Xã Đồng Trúc, Huyện Thạch Thất

Năm 2008

342. Chùa Xuyên Dương, xã Xuân Dương, huyện Thanh Oai
343. Chùa Bạch Nao, xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai
344. Chùa Hoàng Trung, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai
345. Chùa Đông Khê, xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng
346. Chùa Ngọc Kiên, xã Cổ Đông, thành phố Sơn Tây

Năm 2012

347. Chùa Chu Quyến, Xã Chu Minh, huyện Ba Vì

18. TỈNH HÀ GIANG

Năm 1993

1. Chùa Sùng Khánh, Xã Đạo Đức, Huyện Vị Xuyên

Năm 2005

2. Chùa Bình Lâm, Xã Phú Linh, Thị xã Hà Giang

Năm 2009

3. Chùa Nậm Dầu, xã Ngọc Linh, huyện Vị Xuyên

19. TỈNH HÀ TĨNH

1. Chùa Hương Tích (Hương Tích Tự), (khu danh thắng Hương Tích), Xã Thiên Lộc, Huyện Can Lộc

Năm 1992

2. Chùa Chân Tiên (Chân Tiên Tự), Xã Thịnh Lộc, Huyện Can Lộc

Năm 1994

3. Chùa Tương Sơn, Xã Sơn Giang, Huyện Hương Sơn
4. Chùa Yên Lạc, Xã Cẩm Nhượng, Huyện Cẩm Xuyên

Năm 1995

5. Chùa Am, Xã Đức Hòa, Huyện Đức Thọ

Năm 2008

6. Chùa Tịnh Xá, xã Sơn Thành, huyện Hương Sơn

20. TỈNH HẢI DƯƠNG

1. Chùa Côn Sơn (Chùa Hun) (Tư Phúc Tự), Xã Cộng Hòa, Huyện Chí Linh
2. Chùa Đông Cao (Sùng Vân Tự), Xã Đông Xuyên, Huyện Ninh Giang
3. Chùa Cập Nhất (Linh Ứng Đồng Ngọ Tự), Xã Tiên Tiến, Huyện Thanh Hà
4. Chùa Huê Trì, Xã An Phụ, Huyện Kim Môn
5. Chùa Giám (Nghiêm Quang Tự), Xã Cẩm Sơn, Huyện Cẩm Bình

Năm 1990

6. Chùa Hương (Minh Khánh Tự), Xã Thanh Bình, Huyện Nam Thanh
7. Chùa Trăm Gian (An Ninh – Vĩnh Khánh Tự), Xã An Bình, Huyện Nam Thanh

Năm 1991

8. Chùa Châu Khê (+) (Liên Hoa Tự), Xã Thúc Kháng, Huyện Cẩm Bình
9. Chùa Thôn Đồng Bào (+) (Phúc Chung Tự), Xã Gia Xuyên, Huyện Tứ Lộc

Năm 1992

10. Chùa Thanh Mai (Thanh Mai Thiền Tự), Xã Hoàng Hoa Thám, Huyện Chí Linh
11. Chùa Dâu (Sùng Thiên Tự), Xã Nhật Tân, Huyện Tứ Lộc
12. Chùa Muống (Quang Khánh Tự), Xã Ngũ Phúc, Huyện Kim Môn

Năm 1993

13. Chùa Bảo Sài (+) (Thanh Lương Động Tự), Xã Bình Hàn, Thành phố Hải Dương
14. Chùa Hào Xá (Bạch Hào Tự), Xã Thanh Xá, Huyện Nam Thanh
15. Chùa Gia Cốc (+), Xã Tứ Cường, Huyện Ninh Thanh

Năm 1994

16. Chùa Kim Quan, Xã Kim Quan, Huyện Cẩm Giàng
17. Chùa Cả, Xã Tân An, Huyện Thanh Hà
18. Chùa An Thủy, Xã Hiến Thành, Huyện Kim Môn
19. Chùa Lâm, Xã Minh Đức, Huyện Tứ Lộc
20. Chùa Văn Thai (Sùng Huyền Tự), Xã Cẩm Văn, Huyện Cẩm Giàng
21. Chùa Khuê Bích, Xã Thượng Quận, Huyện Kim Môn
22. Chùa Cậy, Xã Long Xuyên, Huyện Bình Giang

Năm 1995

23. Chùa Mộ, Xã Tân Dân, Huyện Kim Môn
24. Chùa Cao Xá, Xã Cao An, Huyện Cẩm Bình
25. Chùa Dương Thái, Xã Phúc Thành A, Huyện Kim Môn

Năm 1996

26. Chùa Vũ Thượng, Xã Ái Quốc, Huyện Thanh Hà

Năm 1995

27. Chùa Phú Khê, Xã Thái Học, Huyện Bình Giang
28. Chùa Đông Neo, Xã Tiên Tiến, Huyện Thanh Hà
29. Chùa Nhị Khê, Xã Tân Kỳ, Huyện Tứ Kỳ

Năm 2001

30. Chùa Văn Xá, Xã Ái Quốc, Huyện Nam Sách
31. Chùa Phú Lộc, Xã Cẩm Vũ, Huyện Cẩm Giàng
32. Chùa Nhữ Xá, Xã Hồng Quang, Huyện Thanh Miện
33. Chùa Ngọc Lộ, Xã Tân Việt, Huyện Thanh Hà

Năm 2002

34. Chùa Trông, Xã Hưng Long, Huyện Ninh Giang
35. Chùa Phú Quân, Xã Cẩm Định, Huyện Cẩm Giàng

Năm 2003

36. Chùa Nhẩm Dương, Xã Duy Tân, Huyện Kinh Môn
37. Chùa Đan Tràng, Xã Đức Chính, Huyện Cẩm Giàng

21. THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

1. Chùa Dư Hàng (Phúc Lâm Tự), Phố Hồ Nam, Quận Lê Chân

Năm 1991

2. Chùa Bảo Hà (+) (Linh Miếu Tự), Xã Đồng Minh, Huyện Vĩnh Bảo

Năm 1992

3. Chùa Hạ Đoạn (+) (Hưng Phúc Tự), Xã Đông Hải, Huyện An Hải
4. Chùa Trịnh Xá (+) (Hoàng Mai Tự), Xã Thiên Hương, Huyện Thủy Nguyên
5. Chùa Đông Quan (Bảo Quang Tự), Xã Dũng Tiến, Huyện Vĩnh Bảo
6. Chùa Hoàng Pha (An Lạc Tự), Xã Hoàng Đông, Huyện Thủy Nguyên
7. Chùa Nhân Lý (+) (Linh Phúc Tự), Xã Cao Nhân, Huyện Thủy Nguyên

Năm 1993

8. Chùa Câu Tử Nội (Cảnh Linh Tự), Xã Hợp Thành, Huyện Thủy Nguyên
9. Chùa Câu Tử Ngoại (Bảo Phúc Tự), Xã Hợp Thành, Huyện Thủy Nguyên
10. Chùa Trung Hành (+) (Hưng Khánh Tự), Xã Đằng Lâm, Huyện An Hải
11. Chùa Hòa Liễu (Thiên Phúc Tự), Xã Thuận Thiên, Huyện Kiến Thụy
12. Chùa Diễm Niêm (Phúc Long Tự), Xã Tân Hưng, Huyện Vĩnh Bảo
13. Chùa Lạng Côn (Sùng Khánh Tự), Xã Đông Phương, Huyện Kiến Thụy
14. Chùa Đại Trà (Đại Linh Tự), Xã Đông Phương, Huyện Kiến Thụy

Năm 1994

15. Chùa Vẽ, Xã Đông Hải, Huyện An Hải
16. Chùa Văn Tra, Xã An Đông, Huyện An Hải
17. Chùa Phụng Pháp, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền
18. Chùa Bách Phương, Xã An Thắng, Huyện An Lão
19. Chùa Nhân Mục, Xã Nhân Hòa, Huyện Vĩnh Bảo
20. Chùa Cựu Điện, Xã Nhân Hòa, Huyện Vĩnh Bảo
21. Chùa Thái (Thái Bình Tự), Xã Trấn Dương, Huyện Vĩnh Bảo

Năm 1996

22. Chùa Xâm Bồ, Xã Nam Hải, Huyện An Hải
23. Chùa Thiềm Khê và Mai Động, Xã Liên Khê, Huyện Thủy Nguyên
24. Chùa Lôi Động, Xã Hoàng Động, Huyện Thủy Nguyên
25. Chùa Đăng Trung, Xã Minh Tân, Huyện Thủy Nguyên
26. Chùa Tây, Xã Minh Tân, Huyện Thủy Nguyên
27. Chùa Văn Hòa, Xã Hữu Bằng, Huyện Kiến Thụy

Năm 1997

28. Chùa Đông Khê, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền

Năm 1998

29. Chùa Mét, Xã Cổ An, Huyện Vĩnh Bảo

Năm 2007

30. Chùa Đỗ Nha, TP. Hải Phòng
31. Chùa Trà Phương, TP. Hải Phòng

22. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Năm 1988

1. Chùa Phụng Sơn, số 1408, đường Ba Tháng Hai, Quận 11
2. Chùa Giác Lâm, số 118 đường Lạc Long Quân, Quận Tân Bình

Năm 1993

3. Chùa Giác Viên, số 161/35/20, đường Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11
4. Chùa Hội Sơn số 1A1 đường Nguyễn Xiển, quận 9
5. Chùa Phước Tường, số 13/32đường Lã Xuân Oai, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9
6. Chùa Ông, 676 đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Q.5
7. Chùa Bà (Tuệ Thành Hội Quán), số 710 đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Q. 5

Năm 1998

8. Chùa Ông Bổn (miếu Nhị Phủ), đường Hải Thượng Lãn Ông, phường 16

Năm 2000

9. Chùa Sắc Tứ Trường Thọ, số 5A/524 đường Phan Văn Trị, quận Gò Vấp

23. TỈNH HÒA BÌNH

1. Động – Chùa Tiên (Tiên Sơn Tự), (Động Phú Lão), Xã Phú Lão, Huyện Lạc Thủy

Năm 1996

2. Chùa Khánh, Xã Yên Thượng, Huyện Kỳ Sơn (Tân Phong)

Năm 2011

3. Khu vực chùa Tiên, Xã Phú Lão, huyện Lạc Thủy

24. TỈNH HƯNG YÊN

1. Chùa Thái Lạc (Pháp Vân Tự), Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm
2. Chùa Hương Lãng (Viên Giác Tự), Xã Minh Hải, Huyện Văn Lâm
3. Chùa Mễ Sở (Trung Gian Tự), Xã Mễ Sở, Huyện Châu Giang
4. Chùa Lạc Thủy (Pháp Hưng Tự), Xã Đông Kết, Huyện Châu Giang
5. Chùa Phú Thị, Xã Mễ Sở, Huyện Châu Giang

Năm 1990

6. Chùa Cót (+) (Vĩnh An Tự), Xã Chí Tân, Huyện Châu Giang

Năm 1992

7. Chùa Hiến (+) (Thiên Phúc Tự), Xã Hồng Châu, Thị Xã Hưng Yên
8. Chùa Thuần Lễ, Xã Thuần Hưng, Huyện Châu Giang
9. Chùa Chuông (Kim Chung Tự), Xã Hiến Nam, Thị Xã Hưng Yên
10. Chùa Trà Dương (Long Khánh Tự), Xã Tổng Trân, Huyện Phù Tiên
11. Chùa Phố (Bắc Hòa Nhân Dân Tự), Phường Lê Lợi, Thị Xã Hưng Yên
12. Chùa Nễ Châu (Thụy Ứng Tự), Xã Hồng Nam, Huyện Phù Tiên

Năm 1993

13. Chùa Khúc Lộng (+) (Hồng Ân Tự), Xã Vĩnh Khúc, Huyện Mỹ Văn
14. Chùa Phạm Xá (+) (Ân Khánh Tự), Xã Đồng Than, Huyện Mỹ Văn
15. Chùa Thứa (Đại Bi Tự), Xã Dị Sử, Huyện Mỹ Văn
16. Chùa Phương Toòng (Tam Cương Tự), Xã Hùng An, Huyện Kim Thi
17. Chùa Ngô Xá (+) (Ninh Khánh Tự), Xã Vĩnh Xá, Huyện Kim Thi
18. Chùa Xá (+) (Thiên Đệ Tự), Xã Cẩm Ninh, Huyện Kim Thi

Năm 1994

19. Chùa Hải Yến, Xã Hải Triều, Huyện Tiên Lữ
20. Chùa Nguyên Xá, Xã Nhật Hòa, Huyện Mỹ Văn
21. Chùa Xuân Nhân, Xã Xuân Dục, Huyện Mỹ Văn
22. Chùa Đào Đặng, Xã Trung Nghĩa, Huyện Tiêu Lữ
23. Chùa Đại Đồng (Chùa Nôm), Xã Đại Đồng, Huyện Mỹ Văn
24. Chùa Dương Phú, Xã Chính Nghĩa, Huyện Kim Động
25. Chùa An Xá, Xã Toàn Thắng, Huyện Kim Động

Năm 1995

26. Chùa Hành Lạc, Xã Như Quỳnh, Huyện Mỹ Văn
27. Chùa Cầu Báu, Xã Vĩnh Khúc, Huyện Mỹ Văn
28. Chùa Bình Tân, Thị trấn Yên Nhân, Huyện Mỹ Văn
29. Chùa Thượng Bùi, Xã Trung Hòa, Huyện Mỹ Văn
30. Chùa Từ Hồ, Xã Yên Phú, Huyện Châu Giang

Năm 1997

31. Chùa Nhạn Tháp, Xã Mễ Sở, Huyện Châu Giang

Năm 1999

32. Chùa Bối Khê, Xã Liên Khê, Huyện Châu Giang
33. Chùa Thọ Quang, Xã Thọ Vinh, Huyện Kim Động
34. Chùa Vĩnh Thái, Xã Trưng Chắc, Huyện Mỹ Văn

Năm 2002

35. Chùa Đống Long, Xã Hùng An, Huyện Kim Động
36. Chùa Nghĩa Lộ, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ
37. Chùa Ông, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm
38. Chùa Trà Lâm, Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động
39. Chùa Pháp Vân, Xã Lạc Đạo, Huyện Văn Lâm

25. TỈNH KHÁNH HÒA

Năm 1990

1. Chùa Linh Sơn, Xã Suối Cát, Diên Khánh

26. TỈNH KIÊN GIANG

Năm 1960-1989

1. Chùa Sắc Tứ Tam Bảo, (Sắc Tứ Tam Bảo Tự), Phường Vĩnh Lạc, Thị xã Rạch Giá
2. Chùa Quan Đế (Giả Đà Cổ Tự), Phường Vĩnh Thanh Vân, Thị xã Rạch Giá
3. Chùa Sóc Xoài, Xã Sóc Sơn, Huyện Hòn Đất

Năm 1994

4. Chùa Láng Cát (Ratanaransi), Phường Vĩnh Lạc, Thị xã Rạch Giá

Năm 2002

5. Chùa Phật Lớn, Phường Vĩnh Thanh, Thị xã Rạch Giá

27. TỈNH LẠNG SƠN

1. Động – Chùa Tam Thanh, Thành phố Lạng Sơn

Năm 1992

2. Động – Chùa Tiên, Thành phố Lạng Sơn

Năm 1993

3. Chùa Thành (Hương Lâm Tự), Thành phố Lạng Sơn

28. TỈNH LONG AN

Năm 1997

1. Chùa Tôn Thạch, Xã Mỹ Lộc, Huyện Cần Giuộc

Năm 2002

2. Chùa Phước Lâm, Xã Tân An, Huyện Cần Đước

29. TỈNH NAM ĐỊNH

1. Chùa Tháp (Phổ Minh Tự), Xã Lộc Vượng, Ngoại thành Nam Định
2. Chùa Keo (Chùa Hành Thiên) (Thần Quang Tự), Xã Xuân Hồng, Huyện Xuân Trường
3. Chùa Đại Bi (Đại Bi Tự), Xã Nam Giang, Huyện Nam Ninh
4. Chùa Cổ Lễ (Thần Quang Tự), Thị trấn Cổ Lễ, Huyện Nam Ninh
5. Chùa Đệ Tứ (Phế Tích Kiến Trúc), Xã Lộc Hạ, Thành phố Nam Định

Năm 1990

6. Chùa Cự Trữ (Thanh Quang Tự), Xã Phương Định, Huyện Nam Ninh
7. Chùa Xuân Trung, Xã Xuân Trung, Huyện Xuân Thủy
8. Chùa Lương (+), Xã An Hải, Huyện Hải Hậu
9. Chùa Phúc Chỉ (Phúc Long Tự), Xã Yên Thắng, Huyện Ý Yên

Năm 1991

10. Chùa Nghĩa Xá (Viên Quang Tự), Xã Xuân Ninh, Huyện Xuân Thủy

Năm 1992

11. Chùa Cổ Chất (Phổ Quang Tự), Xã Phương Đình, Huyện Nam Ninh

Năm 1993

12. Chùa Phúc Hải, Xã Hải Ninh, Hải Hậu

Năm 1994

13. Chùa Hưng Thịnh, Xã Hoàng Nam, Huyện Nghĩa Hưng

Năm 1995

14. Chùa Thọ Vực (Thiên Thọ Tự), Xã Xuân Phong, Huyện Xuân Thủy
15. Chùa Diêm Diền, Xã Bình Hòa, Huyện Xuân Thủy
16. Chùa Ninh Cường (Phúc Ninh Tự), Xã Trực Cương, Huyện Hải Hậu
17. Chùa Kiên Lao, Xã Xuân Kiên, Huyện Xuân Thủy
18. Chùa Xá Hạ, Xã Hải Bắc, Huyện Hải Hậu
19. Chùa Kỳ Hạ, Xã Nghĩa Thịnh, Huyện Nghĩa Hưng

Năm 1996

20. Chùa Vĩnh Lại, Xã Vĩnh Hải, Huyện Vụ Bản
21. Chùa Phúc Sơn, Xã Hải Trung, Huyện Hải Hậu

Năm 1997

22. Chùa Cồn, Thị trấn Cồn, Huyện Hải Hậu

Năm 1998

23. Chùa Đô Quan, Xã Yên Khang, Huyện Ý Yên

Năm 2002

24. Chùa Thọ Trung, Xã Nam Hùng, Huyện Nam Trực
25. Chùa Hạ Lạn, Xã Hải Phúc, Huyện Hải Hậu
26. Chùa Phạm Xá, Xã Yên Nhân, Huyện Ý Yên

Năm 2012

27. Chùa Ngô Xá, Xã Yên Lợi, Ý Yên
28. Chùa Nè Xã Yên Lợi, huyện Ý Yên

30. TỈNH NGHỆ AN

Năm 1992

1. Chùa Cần Linh (Chùa Sư Nữ), Phường Cửa Nam, Thành phố Vinh
2. Chùa Làng Trung Kiên (Phổ Nghiêm Tự), Xã Nghi Thiết, Huyện Nghi Lộc

Năm 2002

3. Chùa Đức Sơn, Xã Vân Điền, Nam Đàn

Năm 2012

4.Chùa Bảo Lâm, Xã Hoa Thành, Yên Thành

31. TỈNH NINH BÌNH

Năm 1990

1. Chùa Non Nước (Sơn Thủy Tự), (Trong di tích núi Dục Thúy), Thành phố Ninh Bình
2. Chùa Địch Lộng (Cổ Am Tự), Xã Gia Thanh, Huyện Gia Viễn
3. Chùa Trung Trữ (Anh Linh Sơn Động), Xã Ninh Giang, Huyện Hoa Lư

Năm 1993

4. Chùa Dầu (Ninh Gia Tự), Xã Khánh Hòa, Huyện Tam Điệp
5. Chùa Lôi Sơn, Xã Gia Phong, Huyện Gia Viễn

Năm 1994

6. Chùa Đầu Long, Xã Ninh Thành, Thành phố Ninh Bình
7. Chùa Tháp, Xã Khánh Thịnh, Huyện Yên Mô
8. Chùa Phúc Long, Xã Khánh Phú, Huyện Yên Khánh
9. Chùa Bích Động, Xã Ninh Hải, Huyện Hoa Lư
10. Chùa Bàn Long, Xã Ninh Xuân, Huyện Hoa Lư

Năm 1996

11. Chùa Thôn Năm, Xã Khánh Tiên, Huyện Yên Khánh

Năm 1997

12. Chùa Khương Dụ, Xã Yên Phong, Huyện Yên Mô
13. Chùa Phong Phú, Xã Ninh Giang, Huyện Hoa Lư
14. Chùa Kim Rong, Xã Khánh Lợi, Huyện Yên Khánh
15. Chùa Bái Đính, Xã Gia Sinh, Huyện Gia Viễn

Năm 1998

16. Chùa Nhất Trụ, Xã Trường Yên, Huyện Hoa Lư
17. Chùa Am Tiên, Xã Trường Yên, Huyện Hoa Lư
18. Chùa Hoa Sơn, Xã Ninh Hoa, Huyện Hoa Lư
19. Chùa Yên Lữ, Xã An Khánh, An Khánh

Năm 2001

20. Chùa Ngần, Xã Trường Yên, Hoa Lư

32. TỈNH NINH THUẬN

Năm 2011

1. Chùa Ông, Phường Kinh Dinh, Tp. Phan Rang –Tháp Chàm

33. TỈNH PHÚ THỌ

1. Chùa Xuân Lũng (Phổ Quang Tự), Xã Xuân Lũng, Huyện Lâm Thao

Năm 1991

2. Chùa Phúc Thánh (Phúc Thánh Tự), Xã Hương Nộn, Huyện Tam Thanh

Năm 1994

3. Chùa Bồng Lai, Xã Hà Thạch, Huyện Phong Châu
4. Chùa Hiền Quan (Phúc Khánh Tự), Xã Hiền Quan, Huyện Tam Thanh

Năm 1997

5. Chùa Viên Sơn, Xã Vĩnh Phú, Huyện Phong Châu

Năm 1998

6. Chùa Phúc Ân, Xã Sơn Vi, Huyện Phong Châu

Năm 2000

7. Chùa Vĩnh Ninh, Thị trấn Lâm Thao, Huyện Phong Châu

Năm 2001

8. Chùa Thượng Lâm, Xã Thuỵ Vân, thành phố Việt Trì
9. Chùa Khánh Long, Xã Phú Xá, Huyện Sông Thao
10. Chùa Nam Cường, Xã Thanh Uyên, Huyện Tam Nông
11. Chùa Hoàng Long, Xã An Đạo, Huyện Phù Ninh
12. Chùa Khánh Long, Xã Hoà Lộc, Thị xã Phú Thọ

Năm 2007

13. Chùa Lôi Sơn, xã Cao Xá,Lâm Thao

Năm 2009

14. Chùa An Phúc, xã Sơn Dương, huyện Lâm Thao

Năm 2010

15. Chùa Đại Bi, Phường Bạch Hạc, TP. Việt Trì

34. TỈNH PHÚ YÊN

Năm 1997

1. Chùa Từ Quang (Chùa Đà Trắng), Xã An Dân, Huyện Tuy An

35. TỈNH QUẢNG BÌNH

Năm 1992

1. Chùa An Xá (An Xá Tự), Xã Lộc Thủy, Huyện Lệ Thủy

36. TỈNH QUẢNG NAM

Năm 1985

1. Chùa Quan Âm, số 07 đường Nguyễn Huệ (Bảo tàng LS-VH)
2. Đình Cẩm Phô, số 52 đường Nguyễn Thị Minh Khai
3. Đình Sơn Phong, số 78 đường Nguyễn Duy Hiệu
4. Đình Đế Võng, phường Cẩm Châu
5. Chùa Chúc Thánh, phường Tân An
6. Chùa Phúc Lâm, xã Cẩm Hà
7. Chùa Vạn Đức (chùa Cây Cau), xã Cẩm Hà
8. Chùa Viên Giác (Cẩm Lý Tự), phường Cẩm Phô
9. Minh Hương Tụy Tiên Đường, số 14 đường Trần Phú
10. Đình Xuân Mỹ, phường Thanh Hà

Năm 2002

11. Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Chiên Đàn, xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh

Năm 2005

12. Di tích lịch sử Ngũ Xã Trà Kiệu, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên

Năm 2006

13.Chùa Hải Tạng, xã Tân Hiệp

37. TỈNH QUẢNG NGÃI

1. Chùa Ông (Quan Thánh Tự), Xã Nghĩa Hòa, Huyện Tư Nghĩa

Năm 1994

2. Chùa Hang, Xã Lý Hải, Huyện Lý Sơn
3. Chùa Diệu Giác, Xã Bình Trung, Huyện Bình Sơn

Năm 2000

4. Chùa Diệu Giác, Xã Bình Trung, Huyện Lý Sơn

38. TỈNH QUẢNG TRỊ

Năm 1991

1. Chùa Sắc Tứ (Tịnh Quang Tự), Xã Triệu Ái, Huyện Triệu Phong
2. Chùa Bảo Đông, Xã Gio Châu, Huyện Gio Linh

39. TỈNH QUẢNG NINH

1. Chùa Yên Tử (Hoa Yên Tự), Xã Thượng Yên Công, Thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Năm 1990

2. Chùa Quan Lạn (+) (Vân Quang Tự và Linh Quang Tự), Xã Quan Lạn, Huyện Cẩm Phả

Năm 1991

3. Chùa Quỳnh Lâm (Quỳnh Lâm Tự), Xã Tràng An, Huyện Đông Triều

Năm 1992

4. Chùa Long Tiên (+) (Long Tiên Tự), Thị xã Hòn Gai

Năm 1999

5. Chùa Xuân Lan, Xã Hải Xuân, Huyện Hải Ninh
6. Chùa Nam Thọ, Xã Trà Cổ, Huyện Hải Ninh

Năm 2000

7. Chùa Mỹ Cụ, Xã Hưng Đạo, Huyện Đông Triều
8. Chùa Yên Đông, Xã Yên Hải, Huyện Yên Hưng

Năm 2001

9. Chùa Hồ Lao-Nơi thành lập Đệ Tứ chiến khu Đông Triều, Xã Tân Việt, Huyện Đông Triều

Năm 2006

10. Chùa Hồ Thiên, Xã Bình Khê, Huyện Đông Triều
11. Chùa Ngoạ Vân, Xã Bình Khê, Huyện Đông Triều

40. TỈNH SÓC TRĂNG

Năm 1990

1. Chùa KH'LEANG, Phường 6, Thị xã Sóc Trăng

41. TỈNH TÂY NINH

1. Chùa Núi Bà Đen - Cầu Định - Tây Ninh

42. TỈNH THANH HÓA

Năm 1960-1989

1. Chùa Mật Đa, Phường Nam Ngạn, Thành phố Thanh Hóa

Năm 1990

2. Chùa Sùng Nghiêm (Sùng Nghiêm Diên Thánh Tự), Xã Văn Lộc, Huyện Hậu Lộc
3. Chùa Dót Tiên (+) (Lạng Bạng) (Dót Tiên Tự), Xã Hải Thanh, Huyện Tĩnh Gia

Năm 1993

4. Chùa Tạu (Hồi Long Tự), Xã Xuân Phú, Huyện Thọ Xuân

Năm 1994

5. Chùa Thạch Tuyền, Xã Nga Thạch, Huyện Nga Sơn

Năm 1995

6. Chùa Kênh (Hưng Phúc Tự), Xã Quảng Hùng, Huyện Quảng Xương

Năm 2004

7. Chùa Hoa Long, Xã Vĩnh Thịnh, Huyện Vĩnh Lộc

Năm 2008

8. Chùa Vích, xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc

Năm 2011

9. Chùa Cách, xã Tuy Lộc, huyện Hậu Lộc

43. TỈNH THÁI BÌNH

1. Chùa Keo (Thần Quang Tự), Xã Duy Nhất, Huyện Vũ Thư
2. Chùa Hội (+) (Phúc Thắng Tự), Xã Song Lãng, Huyện Vũ Thư
3. Chùa La Vân (La Miêu Linh Tự), Xã Quỳnh Hồng, Huyện Quỳnh Phụ
4. Chùa Cổng (Chiêu Long Tự), Xã Quỳnh Hồng, Huyện Quỳnh Phụ
5. Chùa Đọ (Kim Quy Tự), Xã Đông Sơn, Huyện Đông Hưng
6. Chùa Ký Con (Thiên Quý Tự), Xã Đông Xuân, Huyện Đông Hưng
7. Chùa Thượng Liệt (+) (Thiên Đức Tự), Xã Đông Tân, Huyện Đông Hưng
8. Chùa Chỉ Bồ (+), Xã Thụy Trường, Huyện Thái Thụy
9. Chùa Đoan Túc (Hoàng Kim Tự), Xã Tiền Phong, Thị xã Thái Bình

Năm 1990

10. Chùa Thư Điền (+), Xã Tây Giang, Huyện Tiền Hải
11. Chùa Bách Tính (+), Xá Bách Thuận, Huyện Vũ Thư
12. Chùa Bảo Quốc (+) (Càn Ni – Hương Nghiêm Tự), Xã Canh Tân, Huyện Hưng Hà
13. Chùa Hưng Quốc (+) (Hưng Quốc Tự), Xã Thụy Hải, Huyện Thái Thụy

Năm 1993

14. Chùa Thôn Diệc, Xã Tân Hòa, Huyện Hưng Hà
15. Chùa Hoành Sơn, Xã Thụy Văn, Huyện Thái Thụy

16. Chùa Lãng Đông, Xã Trà Giang, Huyện Kiến Xương
17. Chùa Bình Cách, Xã Đông Xá, Huyện Đông Hưng
18. Chùa Trung, Xã Vũ Lăng, Tiền Hải

Năm 2011

19. Chùa Cần Tu,Xã Đông Dương, huyện Đông Hưng

Năm 2012

20. Chùa Keo,huyện Vũ Thư

44. TỈNH THÁI NGUYÊN

Năm 1997

1. Chùa Mai Sơn, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình
2. Chùa Làng Ca, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình

Năm 1999

3. Chùa Hang, thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ

Năm 2004

4. Chùa Úc Kỳ, xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình
5. Chùa Ha, xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình

45. THỪA THIÊN HUẾ

Năm 1992

1 Chùa Giác Lương (Giác Lương Tự), Xã Phong Hiền, Huyện Phong Điền

Năm 1996

2 Chùa Thiên Mụ - Xã Hương Long thành phố Huế
3 Chùa Thánh Duyên, Xã Vinh Hiền, Huyện Phú Lộc

46. TỈNH TRÀ VINH

Năm 1994

1. Chùa Âng, Xã Lương Hòa, Huyện Châu Thành
2. Chùa Bà Om, Xã Lương Hòa, Huyện Châu Thành

Năm 1998

3. Chùa Giác Linh (Chùa Dơi), Xã Mỹ Long, Huyện Cầu Ngang

Năm 2005

4. Chùa Ông (Phước Minh Cung), Phường 2, Thị xã Trà Vinh

Năm 2009

5. Chùa Bodhicu làmani, xã Huyền Hội, huyện Càng Long
6. Chùa Bodhisalavaja, Ấp Mẹt

Năm 2012

7. Chùa Ba si (Py-sey va-ra-ram), Xã Phương Thạnh, huyện Càng Long

47. TỈNH TIỀN GIANG

Năm 1960-1989

1. Chùa Vĩnh Trường, Xã Mỹ Phong, Thành phố Mỹ Tho

48. TỈNH VĨNH PHÚC

Năm 1992

1. Chùa Thượng Trưng (Bảo Quang Tự), Xã Thượng Trưng, Huyện Vĩnh Lạc
2. Chùa Đông Lai (Niết Bàn Tự), Xã Bàn Giản, Huyện Lập Thạch
3. Chùa Tùng Vân (Tùng Vân Tự), Xã Thổ Tang, Huyện Vĩnh Lạc
4. Chùa Tích Sơn (Ngũ Phúc Tự), Phường Tích Sơn, Thị xã Vĩnh Yên

Năm 1993

5. Chùa Can Bi (Linh Bảo Tự), Xã Phú Xuân, Huyện Tam Đảo
6. Chùa Then (Bình Sơn Tự), Xã Tam Sơn, Huyện Lập Thạch
7. Chùa Chi Đông, Xã Quảng Minh, Huyện Mê Linh

Năm 1994

8. Chùa Quảng Hựu, Xã Thanh Lãng, Huyện Tam Đảo
9. Chùa Bảo Sơn, Xã Nam Viên, Huyện Mê Linh
10. Chùa Tiên Môn, Xã Đồng Văn, Huyện Vĩnh Lạc
11. Chùa Hoa Dương, Xã Tuân Chính, Huyện Vĩnh Lạc

Năm 1996

12. Chùa Long Diêm, Xã Liên Mạc, Huyện Mê Linh
13. Chùa Bảo Lâm, Xã Tiến Thịnh, Huyện Mê Linh
14. Chùa Biện Sơn, Xã Minh Tân, Huyện Yên Lạc
15. Chùa Đồng Hương, Xã Hương Mạc, Huyện Tiên Sơn

Năm 1997

16. Chùa Diên Phúc, Xã Vân Khê, Huyện Mê Linh

Năm 2000

17. Chùa Linh Quy, Xã Tiến Thắng, Huyện Mê Linh
18. Chùa Đại An, Xã Đồng Văn, Huyện Yên Lạc
19. Chùa Kính Phúc, Thị trấn Hương Canh, Huyện Bình Xuyên
20. Chùa Yên Mạc, Xã Liên Mạc, Huyện Mê Linh
21. Chùa Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Xương, Huyện Vĩnh Tường

Năm 2009

22. Chùa An Phúc

49. TỈNH VĨNH LONG

Năm 1994

1. Chùa Phước Hậu, Xã Ngãi Tứ, Huyện Tam Bình
2. Chùa Ông (Thất Phủ Miếu), Phường 5, Thị xã Vĩnh Long
3. Chùa Tiên Châu, Xã An Bình, Huyện Long Hồ

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã có 773 ngôi chùa được
BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH QUYẾT ĐỊNH XẾP HẠNG DI TÍCH QUỐC GIA
(Nguồn: Cục Di sản Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Rồng thời Lý trên cột dá chùa Dạm, tỉnh Bắc Ninh (2008)

CÁC TÁC GIẢ ẢNH

Trương Văn Ấn, *Ban Quản lý Di tích - thắng cảnh, tỉnh Ninh Thuận*
Chùa Diệu Ấn, tỉnh Ninh Thuận.

Trịnh Dương, *Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*
Chùa Long Sơn, tỉnh Khánh Hòa.

Lê Đình Đáp, *huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa*
Chùa Đót Tiên, tỉnhThanh Hóa.

Nguyễn Tiến Đông, *Viện Khảo cổ học*
Chùa Hang, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyễn Thanh Hà, *Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*
Chùa Tiêu Sơn, Chùa Phật Tích, Chùa Dạm, tỉnh Bắc Ninh,
Chùa Quỳnh Lâm, tỉnh Quảng Ninh,
Chùa Chuông, tỉnh Hưng Yên, Chùa Bà Đanh, tỉnh Hà Nam, Chùa Xuân Lũng,
Chùa Thiên Quang, tỉnh Phú Thọ, Chùa Đót Tiên, tỉnhThanh Hóa.

Nguyễn Danh Hạnh, *Bảo tàng tỉnh Phú Yên*
Chùa Hồ Sơn, tỉnh Phú Yên.

Đại đức Thích Minh Hiền, *trụ trì chùa Hương Tích, Hà Nội*
Chùa Hương Tích, Hà Nội.

Nguyễn Văn Huy, *Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*
Chùa Pháp Hoa, tỉnh Đắk Nông.

Huỳnh Phước Huệ, *Bảo tàng cội nguồn Phú Quốc tỉnh Kiên Giang*
Chùa Sùng Hưng, tỉnh Kiên Giang.

Nguyễn Mai Lâm, thành phố Hồ Chí Minh
Chùa Chiền Viện, tỉnh Sơn La.

Nguyễn Thanh Liêm, *Viện Dân số, Sức khỏe và Phát triển*
Chùa Tam Thanh, Chùa Diên Khánh, tỉnh Lạng Sơn, chùa Khánh, tỉnh Hòa Bình.

Đào Minh Ngọc, phóng viên thường trú *Báo Ảnh Việt Nam* tại Nha Trang
Chùa Song Tử Tây (2012), chùa Sinh Tồn (2012), chùa Trường Sa Lớn (2012), Quần đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa.

Nguyễn Bá Ngọc, *Nhà xuất bản Thế Giới*
Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh, Chùa Hiến, Chùa Chuông, tỉnh Hưng Yên, Chùa Phúc Khánh, Hà Nội, Chùa Sùng Phúc, tỉnh Cao Bằng, Chùa Long Sơn, tỉnh Khánh Hòa, Chùa Tháp Linh, tỉnh Đồng Tháp, Chùa Thanh Long, tỉnh Bình Phước, Chùa Kompong Chrây, tỉnh Trà Vinh, Chùa Tam Bảo, tỉnh Kiên Giang, Chùa Mahatup, Chùa Bửu Sơn, tỉnh Sóc Trăng,Chùa Munivongsa, tỉnh Cà Mau, chùa Song Tử Tây (2013), chùa Sinh Tồn (2013), chùa Trường Sa Lớn (2013), Quần đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa.

Trần Phong, *Hội Nhà báo tỉnh Gia Lai.* Chùa Bửu Nghiêm, tỉnh Gia Lai.

Dương Trung Quốc, *Hội Sử học Việt Nam.*
Chùa Trường Sa Lớn (2010), Quần đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa.

Đào Huy Quyền, *Viện Phát triển bền vững vùng Nam bộ,*
Chùa Đại Giác, tỉnh Đồng Nai.

Nguyễn Văn Quang, *Bảo tàng tỉnh Yên Bái.*
Chùa Tháp ở khu di tích Hắc Y, tỉnh Yên Bái.

Lương Thanh Sơn, *Bảo tàng tỉnh Đắc Lắc.* Chùa Khải Đoan, tỉnh Đắc Lắc.

Lê Văn Thao, *Nhà xuất bản Thế Giới.* Chùa Chiền Viện, tỉnh Sơn La
Chùa Song Tử Tây (2013), chùa Sinh Tồn (2013), chùa Trường Sa Lớn (2013), Quần đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa.

Ngô Đức Thịnh, *Viện nghiên cứu Văn hóa.* Chùa Hang, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyễn Hữu Thiết, *Viện Khảo cổ học.* Chùa Vĩnh Khánh, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đỗ Anh Tuấn, *Hà Nội.* Chùa Tường Long, thành phố Hải Phòng.

Nguyễn Việt, *Trung tâm Tiền sử Đông Nam Á.* Chùa Thông, tỉnh Hòa Bình.

Nguyễn Văn Kự - Phạm Ngọc Long, *Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*

Ảnh phần I cuốn chùa Việt Nam và:

Chùa Dâu, Chùa Phật Tích, Chùa Bút Tháp, tỉnh Bắc Ninh, Chùa Trấn Quốc, Chùa Kiến Sơ, Chùa Một Cột, Chùa Thầy, Chùa Láng, Chùa Bối Khê, Chùa Trăm Gian, Chùa Đậu, Chùa Mía, Chùa Hương Tích, Chùa Tây Phương, Chùa Quán Sứ, thành phố Hà Nội, Chùa và các cột kinh Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, Chùa Lạng, Chùa Thái Lạc, tỉnh Hưng Yên, Chùa Phổ Minh, Chùa Cổ Lễ, tỉnh Nam Định, Chùa Tháp ở Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh, Chùa Keo, tỉnh Thái Bình, Chùa Dư Hàng, Chùa Hàng Kênh, thành phố Hải Phòng, Chùa Cần Linh, tỉnh Nghệ An, Chùa Thiên Mụ, Chùa Quốc Ân, Chùa Từ Đàm, Chùa Báo Quốc thành phố Huế, Chùa Cầu, tỉnh Quảng Nam, Chùa Linh Sơn, tỉnh Lâm Đồng, Chùa Giác Lâm, Chùa Giác Viên, Chùa Thảo Đường, Chùa Vĩnh Nghiêm, Tịnh xá Trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh, Thích Ca Phật Đài, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Chùa Vĩnh Tràng, Chùa Bửu Lâm, tỉnh Tiền Giang, Chùa Kh'leang, Chùa Mahatup, tỉnh Sóc Trăng, Chùa Tây An, tỉnh An Giang.

Nguyễn Văn Kự, *Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam*

Chùa Kim Liên, Chùa Lý Quốc Sư, Chùa Vua, Chùa Non, Chùa Phúc Khánh, chùa Bà Đá, chùa Hoàng Ân, chùa Tào Sách, chùa Liên Phái, thành phố Hà Nội, Chùa Long Đọi Sơn, tỉnh Hà Nam, Chùa Vĩnh Nghiêm, tỉnh Bắc Giang, Chùa Côn Sơn, tỉnh Hải Dương, Chùa Sùng Khánh, tỉnh Hà Giang, Chùa Vĩnh Khánh, tỉnh Vĩnh Phúc, Chùa Tường Long, thành phố Hải Phòng, Chùa Long Tiên, chùa Lân-Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh, chùa Sùng Phúc, tỉnh Cao Bằng, Chùa Thạch Long, tỉnh Bắc Kạn, Chùa Hương Nghiêm, Chùa An Vinh, tỉnh Tuyên Quang, Chùa Tân Bảo, tỉnh Lào Cai, Chùa Phù Liễn, tỉnh Thái Nguyên, Chùa Chiền Viện, tỉnh Sơn La, Chùa Khánh, tỉnh Hòa Bình, Chùa Bái Đính, tỉnh Ninh Bình, Chùa Đót Tiên, Chùa Hương Quang, tỉnh Thanh Hóa, Chùa Linh Vân, tỉnh Nghệ An, Chùa Yên Lạc, tỉnh Hà Tĩnh, Chùa An Xá, tỉnh Quảng Bình, Chùa Châu Quang, tỉnh Quảng Trị, Chùa Thiên Ấn, tỉnh Quảng Ngãi, Chùa Thập Tháp, tỉnh Bình Định, Chùa Bác Ái, tỉnh Kom Tum, Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt, Chùa Linh Quang, Chùa Linh Phong, tỉnh Lâm Đồng, Chùa Bà Đức Sanh, tỉnh Bình Thuận, Chùa Bửu Long Thành phố Hồ Chí Minh, Chùa Tôn Thạnh, tỉnh Long An, Chùa Long Quang, Chùa Hội Linh thành phố Cần Thơ, Chùa Bửu Sơn, tỉnh Sóc Trăng, Chùa Bảo Tịnh, tỉnh Hậu giang, Chùa Vĩnh Hòa, tỉnh Bạc Liêu, Chùa Linh Sơn, tỉnh Tây Ninh, Chùa Hội Khánh, tỉnh Bình Dương, Chùa Linh Sơn, tỉnh An Giang, Chùa Sắc Tứ Quan Âm, tỉnh Cà Mau.

LỜI CẢM TẠ

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ các Chư vị trụ trì các Chùa, các Phật tử đã đóng góp công quả cho ấn phẩm *Chùa Việt Nam.*

* Cố Hòa thượng Thích Thanh Tứ
  Nguyên Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam\
* Hòa thượng Thích Thanh Từ
  Trụ trì Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt.
* Hòa thượng Thích Viên Minh
  Trụ trì chùa Bửu Long, Tp. Hồ Chí Minh
* Hòa thượng Thích Thanh Quyết
  Phó Viện trưởng Học viện Phật Giáo Việt Nam.
* Hòa thượng Thích Quảng Tùng
  Trụ trì chùa Dư Hàng, Thành phố Hải Phòng
* Hòa thượng Thích Thanh Tân
  Trụ trì chùa Linh Quang, thành phố Đà Lạt
* Hòa thượng Thích Đạt Đồng
  Trụ trì chùa Tôn Thạnh, tỉnh Long An
* Thượng tọa Thích Huệ Thông
  Trụ trì chùa Hội Khánh, tỉnh Bình Dương.
* Thượng tọa Thích Minh Hiền
  Trụ trì chùa Hương Tích, thành phố Hà Nội.
* Đại đức Thích Quảng Hiền
  Trụ trì chùa Pháp Hoa, tỉnh Đắk Nông.
* Ni sư Thích Nữ Đàm Nhung
  Trụ trì chùa Hương Quang, tỉnh Thanh Hóa
* Ni sư Thích Nữ Diệu Nhẫn
  Trụ trì chùa Linh Vân, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An.
* Đại đức Thích Nguyên Thành
  Trụ trì chùa Phù Liễn, tỉnh Thái Nguyên
* Đại đức Thích Nguyên Thanh
  Trụ trì chùa Hang, tỉnh Thái Nguyên
* Thượng tọa Thích Đức Thiện
  Trụ trì chùa Phật Tích, tỉnh Bắc Ninh.
* Đại đức Thích Quảng Truyền
  Trụ trì chùa Diên Khánh, Tp. Lạng Sơn.
* Ông Nguyễn Duy Chiếm
  Nhà xuất bản Khoa học xã hội Việt Nam
* Ông Nguyễn Lê Dũng
  Giám đốc công ty TNHH An Phát, Hà Nội.
* Ông Trần Song Hải
  Tổng giám đốc công ty DP.Consulting
* Ông Huỳnh Phước Huệ
  Giám đốc Bảo tàng Cội nguồn Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
* PGS - TS Nguyễn Văn Huy
  Nguyên Giám đốc Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam
* Nhà sử học Lê Văn Lan
* PGS - TS Trần Hồng Liên
  Viện Phát triển bền vững vủng Nam Bộ
* GS - TS Đỗ Hoài Nam
  Nguyên Chủ tịch Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
* PGS Cao Xuân Phổ
  Viện nghiên cứu Đông Nam Á
* Bà Lê Minh Phượng
  Giám đốc Cty CD truyền thông Hoa & Lê.
* Ông Dương Trung Quốc
  Tổng thư ký Hội Sử học Việt Nam
* PGS. TS Trần Thị Băng Thanh
  Nhà nghiên cứu văn học
* Tiến sĩ Nguyễn Quốc Tuấn
  Viện trưởng Viện Nghiên cứu tôn giáo
* Bà Nguyễn Bích Tuyền
  Chủ tịch HĐQT Cty Cổ phần tư vấn dịch vụ Công nghệ Tài nguyên môi trường.
* Ông Nguyễn Văn Trường
  Giám đốc Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình.

.... Và còn rất nhiều Chư vị Tăng ni, Phật tử trong cả nước, đã giúp đỡ mà chúng tôi không thể kể ra hết được. Chúng tôi xin thành thật cáo lỗi và đa tạ quý vị.

Các tác giả

Các tác giả và đoàn công tác tại chùa Mía (Hà Tây cũ), năm 1991.
Từ phải sang trái: Phạm Ngọc Long, Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, Hà Văn Cẩn, Nguyễn Thanh Hà

Hà Văn Tấn

Sinh năm 1937, quê tại xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Giáo sư, nguyên Chủ nhiệm môn Phương pháp luận sử học, Đại học quốc gia Hà Nội; Viện trưởng Viện Khảo cổ học Việt Nam. Tổng biên tập Tạp chí Khảo cổ học, Viện phó Viện Nghiên cứu Phật học Hà Nội; Phó Tổng Biên tập tạp chí Nghiên cứu Phật học; Phó Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam; Nhà giáo nhân dân. Năm 2000 được giải thưởng Hồ Chí Minh. Đã công bố hơn 240 bài nghiên cứu trong và ngoài nước, tác giả và đồng tác giả hơn 20 quyển sách. Tác phẩm gần đây nhất là quyển *Theo Dấu Các Văn Hóa Cổ* (Nxb khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, 850 trang); *Một số vấn đề lý luận sử học.* (Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội 2007, 392 trang). Đã cộng tác với Nguyễn Văn Kự và Phạm Ngọc Long công bố quyển *Chùa Việt Nam* (Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, Nxb Thế giới -2008, 2009, 2010,2013); *Đình Việt Nam* (với Nguyễn Văn Kự).

Nguyễn Văn Kự

Nguyễn Văn Kự sinh năm 1940, quê tại xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã học Khoa Lịch sử Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội; nguyên cán bộ Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hội viên Hội Khảo cổ học Việt Nam, Hội Sử học Việt Nam, Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam, thành viên Liên đoàn Nhiếp ảnh Nghệ thuật Quốc tế (FIAP). Tác giả cuốn sách: *Di sản Văn hóa Chăm* (Nxb Thế Giới, Hà Nội 2007, 2008, 2012), Đã công tác với Phạm Huy Thông, Cao Xuân Phổ, Phạm Ngọc Long công bố quyển *Điêu khắc Chăm* (Nxb Khoa học xã hội Hà Nội 1987); Với Ngô Văn Doanh và Andew Hardy *Du khảo văn hóa Chăm* (Nxb Khoa học xã hội Hà Nội 2005); với Hà Văn Tấn và Phạm Ngọc Long*Chùa Việt Nam* (Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1993 ; Nhà xuất bản thế giới 2008, 2009, 2010 và 2013);với Hà Văn Tấn *Đình Việt Nam* (Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1998); *Le Đình Việt Nam* (Nxb Thế Giới 2002); với Lưu Hùng *Nhà mồ Tây Nguyên* (Nxb Thế Giới, Hà Nội 2003); với Lưu Hùng *Nhà Rông Tây Nguyên* (Nxb Thế Giới 2006); *Người Xơ Đăng ở Việt Nam* (nhiều tác giả, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia - UNESCO, 1998). Email: nguyenvanku@gmail.com. ĐT: 0903.265.331.

Phạm Ngọc Long

Sinh năm 1937, tại tỉnh Kong Plong Cham, Cămpuchia, quê ở huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, chuyên viên nhiếp ảnh Viện Khảo cổ học thuộc Viện Khoa hoc xã hội Việt Nam. Đồng tác giả các cuốn: *Điêu khắc Chăm* (với Phạm Huy Thông, Cao Xuân Phổ, Nguyễn Văn Kự, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1987); *Chùa Việt Nam* (với Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993); *Buddhist Temples in Việt Nam* (với Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, Nxb Thế Giới 2008). Chùa Việt Nam (in lần thứ ba, Nxb Thế giới - 2009).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Số 46 Trần Hưng Đạo, Hà Nội , Việt Nam
Tel: 0084-04.38523841 - Fax: 0084-043.8269578
Chi nhánh:
Số 7 Nguyễn Thị Minh Khai,Q1, TP.HCM
Tel: 0084-08.38220102 Email: thegioi@hn.vnn.vn
Website: http://www.thegioipublishers.com.vn

CHÙA VIỆT NAM

in lần thứ 5

© Hà Văn Tấn

Nguyễn Văn Kự - Phạm Ngọc Long

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Trần Đoàn Lâm

Kỹ thuật: Nguyễn Chí Hiếu

Vi tính: Phạm Bích Thủy - Vũ Minh Hằng

Sửa bản in: Bùi Trần Quy

Sách phát hành tại Trung tâm sách Nguyễn Huệ,
số 55 đường Trần Đình Xu quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
ĐT: (08) 39209318 - 0903841541 - email: nguyetfahasa@yahoo.com.vn

In 1.500 bản, khổ 21 x 26 cm tại xí nghiệp in FAHASA, thành phố Hồ Chí Minh
Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 388-2013/CXB/15-16/ThG cấp ngày 27 tháng 03 năm 2013.
Quyết định xuất bản số:34/QĐ-ThG, cấp ngày 11 tháng 04 năm 2013.
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2013.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO
THIỀN VIỆN TRÚ
PL-2538
NÚI PHỤNG HOÀNG
竹林十載已將十善化人間

Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt (2008)